

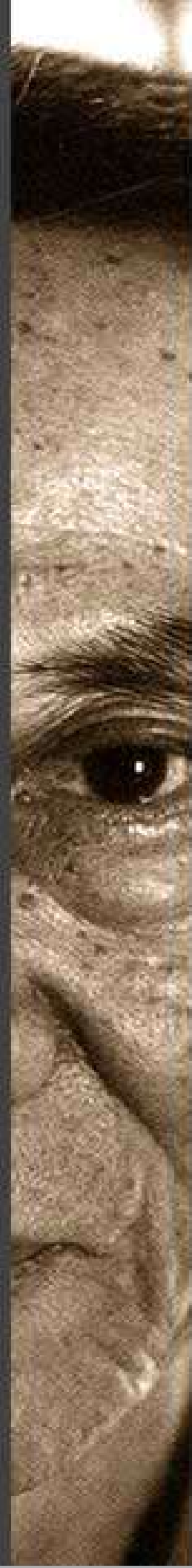
THE
SPY
WHO
LOVED
US



THE VIETNAM
WAR AND
PHAM XUAN AN'S
DANGEROUS
GAME



THOMAS A.
BASS



THOMAS A. BASS
ĐIỆP VIÊN YÊU CHÚNG TA. CHIẾN TRANH VIỆT NAM VÀ TRÒ
CHƠI NGUY HIỂM CỦA PHẠM XUÂN ẨN
ĐỖ TUẤN KIỆT dịch
BÙI XUÂN BÁCH bổ sung và hiệu đính

“Đây là câu chuyện xuất sắc về một con người và thời đại của ông. Nó càng củng cố thêm cho cảm giác của tôi khi gặp ông trong giai đoạn cuối đời của ông rằng Phạm Xuân Ẩn là một trong những người ẩn tượng nhất mà tôi từng gặp. Ông là con người của trí tuệ, lòng can đảm và tình yêu đất nước nồng nàn. Ông cũng là - mặc dù có vẻ thật trêu khi nói ra điều này trong hoàn cảnh hiện nay - một con người của sự chính trực phi thường. Ông yêu chúng ta ở khía cạnh tốt đẹp nhất trong khi lại đối đầu với chúng ta ở khía cạnh tồi tệ nhất.”

- Daniel Ellsberg, tác giả của *Secrets: A Memoir of Vietnam and the Pentagon Papers* (Những bí mật: hồi ức về Việt Nam và tài liệu mật của Lầu Năm Góc)

“Thomas Bass kể một **câu chuyện tuyệt vời về mưu mô**^[1], nghề gián điệp và tình bạn. Cuốn sách của ông được viết như thể nó đến từ những bến bờ xa xôi nhất của sự hư cấu, và hẳn tôi sẽ không bao giờ tin nổi lấy một từ nào nếu như chính tôi không gặp rất nhiều nhân vật trong đó và không biết câu chuyện để tin rằng nó có thực **và không biết câu chuyện đó có thực hay không.**”

- H. D. S. Greenway, biên tập viên, *The Boston Globe*, và là phóng viên chiến tranh Việt Nam cho tạp chí Time và báo *Washington Post*

“Mỗi cựu binh, mỗi học giả, mỗi sinh viên, bất kỳ ai từng sống qua cuộc chiến tranh Việt Nam đều được khuyên đọc cuốn sách này và suy ngẫm về thông điệp của nó. Trong cuốn tiểu sử rất sâu sắc và kích thích này về một trong những điệp viên thành công nhất trong lịch sử, Thomas Bass thách thức một vài giả định cơ bản nhất của chúng ta về những gì đã thực sự xảy ra ở Việt Nam và về ý nghĩa của nó đối với chúng ta trong hiện tại.”

- John Laurence, phóng viên chiến tranh Việt Nam cho CBS News và là tác giả cuốn *The Cat from Huế: A Vietnam War Story* (Con mèo Huế: một câu chuyện chiến tranh Việt Nam).

*

Gã cảm thấy mình đang vĩnh viễn quay lưng lại với sự thanh thản. Mắt mở to, ý thức rõ hậu quả, gã đi vào lãnh địa của sự dối trá không mang theo tấm hộ chiếu cho ngày quay trở lại.

GRAHAM GREENE

Cốt lõi của vấn đề (*The Heart of Matter*)

Mục lục

[Lời nói đầu](#)

[Đôi lời cảnh báo về điệp viên Z.21](#)

[Cuộc thử lửa đầu tiên](#)

[Công việc của bầy chó săn](#)

[Ghép nã](#)

[Những chuyến đi ở nước Mỹ](#)

[Trò lợi dụng lòng tin](#)

[Những nguồn tin đáng tin cậy](#)

[Tết](#)

[Một đất nước do Salvador Dali tạo ra](#)

[Một thế giới tươi sáng hơn](#)

[Ghi nhận](#)

[Chú thích](#)

[Chú thích](#)

Lời nói đầu

“Nước Mỹ chỉ giỏi tiến hành những cuộc thập tự chinh,” tướng David Petraeus viết trong luận án tiến sĩ của mình về đề tài “Quân đội Mỹ và những bài học từ chiến tranh Việt Nam”. Được đưa ra bảo vệ tại Đại học Princeton năm 1987, luận án của Petraeus công kích những gì đã trở thành quan niệm được giới nhà binh chấp nhận một cách rộng rãi về những bài học từ Việt Nam. Ông coi đây là một “lối suy nghĩ kiểu được ăn cả ngã về không”, mà chung quy là xuất phát từ học thuyết cho rằng nước Mỹ chỉ nên tiến hành những cuộc chiến tranh thông thường với sự ủng hộ áp đảo của một công chúng mang tinh thần thập tự chinh. Petraeus bác bỏ quan điểm “làm ăn như lối suy nghĩ bình thường” này. Thay vào đó, ông lập luận rằng nước Mỹ có nhiều khả năng là thấy mình sa vào những cuộc chiến tranh phi chính quy khác, đôi khi phải chống trả hai, ba, hay nhiều trận chiến kiểu Việt Nam. Sau này Petraeus tiếp tục biên soạn cẩm nang tác chiến cho lục quân về chống nổi dậy được ban hành **ấn hành** năm 2006. Năm sau, được trao cơ hội tiến hành công tác thực địa về chuyên ngành học thuật của mình, ông được bổ nhiệm vào vị trí tư lệnh lục lượng Mỹ tại Iraq.

Chiến tranh không chỉ là những cuộc thập tự chinh; chúng còn là những cuộc dan díu của con tim. Chiến tranh được phát động vì tình yêu, điều này thì chúng ta đã biết từ thời nàng Helen của thành Troy^[2] khiến cho cả nghìn chiến thuyền chở đầy những chàng trai mê mẩn sẵn sàng chết vì nàng xung trận. Nhà văn hài hước người Mỹ P. J. O'Rourke đã nhận ra chân lý này trong một bài tiểu luận ông viết về Việt Nam năm 1992. “Ở Huế, cứ chiều đến, những nữ sinh trung học trở về nhà sau khi tan học, từng đoàn nữ sinh đạp xe trên con phố, tất cả đều tha thướt trong những tà áo dài trắng tinh, một kiểu trang phục gồm áo dài may ôm sát người mặc trùm lên quần rộng. Không phải vô cớ mà những nhà thờ Công giáo còn lại

giống lên hồi chuông cầu kinh Đức Bà vào thời điểm này trong ngày. Tôi không hiểu ở một nơi mà cái đẹp đã trở nên quá đổi bình dị như thế có thể thay đổi được bản chất của một xã hội hay không.”

Sau khi trầm trồ trước “tỷ lệ khổng lồ những mỹ nhân ngư và giai nhân tuyệt sắc” ở cái đất nước Địa đàng này, O'Rourke viết: “Giờ thì tôi hiểu tại sao chúng ta lại can dự vào Việt Nam. Chúng ta đã phải lòng... [Chúng ta] đã ngây ngất bởi nơi này. Tất cả mọi người, từ những cố vấn đầu tiên mà Ike³ gửi tới đây năm 1955 cho đến Henry Kissinger ở bàn đàm phán hòa bình Paris, thấy đều mê mết đến phát cuồng vì Việt Nam. Nó làm tan vỡ trái tim họ. Họ cứ tiếp tục đến thăm và gửi hoa mãi không thôi. Họ không thể tin nổi rằng đây là lần chia tay cuối cùng.”

Trước khi bắt đầu câu chuyện của mình về Việt Nam và nước Mỹ (với đôi nét điểm qua về nước Pháp và những khu vực khác trên thế giới), tôi xin phép được nói rằng cuốn sách này nói về chiến tranh và tình yêu, về những bài học Việt Nam, tác chiến chống nổi dậy và những cuộc xung đột khác bị gọi là phi chính quy. Nó cũng nói về những điệp viên và phóng viên cùng sự lẫn lộn giữa hai nghề này. Một số người sẽ cho rằng các phóng viên góp phần làm cuộc chiến (của chúng ta) tại Việt Nam thất bại. Trong trường hợp này, tôi xin khẳng định rằng có một phóng viên đã góp phần mang đến chiến thắng trong cuộc chiến - cho phía người Việt. Cuốn sách phiên muộn này nói về **thông tin và hỏa mù** cùng sự mơ hồ không thể tránh khỏi trong việc xác định ranh giới nơi hai yếu tố này hòa nhập vào nhau. Cuốn sách không đưa ra thêm chân lý nào có thể được đúc rút thành những bài học mới về chiến tranh Việt Nam. Nó nói về cuộc sống đơn giản của một con người phức tạp. Sự thật nằm trong các chi tiết. Chúng ta hãy bắt đầu.

Đôi lời cảnh báo về điệp viên Z.21

“Đây, Phạm Xuân Ẩn đây,” người phóng viên cuối cùng của tờ *Time* (Thời đại) tại Việt Nam đánh điện về tòa soạn tạp chí ở New York ngày 30 tháng 4 năm 1975. “Tất cả các phóng viên người Mỹ đều đã di tản do tình hình khẩn cấp. Văn phòng của *Time* giờ do mình tôi, Phạm Xuân Ẩn điều hành.” Phạm Xuân Ẩn gửi đi thêm ba bản báo cáo khác nữa từ Sài Gòn trong khi quân đội Bắc Việt Nam đang tiến sát đến thành phố. Rồi đường dây bị đứt hẳn. Trong một năm sau đó, với Phạm Xuân Ẩn đóng vai trò là phóng viên duy nhất của tờ *Time* tại Việt Nam thời hậu chiến, tạp chí này đăng những bài viết về “Lời vĩnh biệt tàn nhẫn”, “Phe thắng: Những người làm nên chiến thắng”, và “Một tuần thanh bình dưới chế độ cộng sản”. Phạm Xuân Ẩn là một trong số 39 phóng viên người nước ngoài làm việc cho tờ *Time* khi văn phòng tại Sài Gòn đóng cửa và tên ông biến mất khỏi mảng sét báo này ngày 10 tháng 5 năm 1976.

Được biết đến như là một nhà phân tích chính trị sắc sảo, khởi đầu làm việc cho hãng Reuters trong những năm 1960 và sau đó là cho tờ *New York Herald Tribune* (Diễn đàn thông tin New York) và *Christian Science Monitor* (Người theo dõi khoa học Kitô giáo), rồi, cuối cùng, là một phóng viên của tờ *Time* trong 11

năm, dường như công việc xuất sắc nhất của Phạm Xuân Ẩn là trao đổi chuyện trò với những đồng nghiệp ở Givral, một tiệm cà phê trên đường Catinat cũ. Chiều nào ông cũng chủ trì tin vĩa hè tại đây như là nguồn tin tốt nhất ở Sài Gòn. Ông được gọi là “trưởng đoàn báo chí Việt Nam” và “tiếng nói của đài Catinat” - lò tin đồn. Với khiếu hài hước tự trào sẵn có, ông thích gọi mình bằng những tên khác, ví dụ như “*docteur de sexologie*” (tiến sĩ tình dục học), “*professeur coup d'état*” (giáo sư đảo chính), “tư lệnh huấn luyện quân khuyến” (ngụ ý đến con chó béc giê Đức lúc nào cũng kè kè bên

ông), “tiến sĩ **chuyên về** cách mạng”, hoặc đơn giản chỉ là ông tướng Givral.

Giờ đây chúng ta biết đó mới chỉ là một nửa công việc Phạm Xuân Ẩn đã làm trên cương vị một nhà báo, mà lại không phải là nửa chính. Phạm Xuân Ẩn đều đặn gửi cho chính phủ cộng sản ở Hà Nội những tài liệu quân sự mật và những bức điện viết bằng mực vô hình, nhưng, không còn nghi ngờ gì nữa, chính những báo cáo được đánh máy của ông, hiện đang được khóa kỹ trong kho lưu trữ của tình báo Việt Nam tại Hà Nội, mới được coi là *chef d'oeuvre* (kiệt tác) của ông. Phạm Xuân Ẩn đã viết 498 báo cáo tin tình báo (con số chính thức được chính phủ Việt Nam công bố năm 2007), trung bình mỗi tháng một báo cáo, trong suốt sự nghiệp 55 năm của ông trên cương vị một điệp viên tình báo.

Sử dụng một chiếc máy đánh chữ Hermes được cơ quan tình báo Bắc Việt Nam mua riêng cho mình, Phạm Xuân Ẩn viết những báo cáo tin tình báo, có bản dài cả trăm trang, vào ban đêm. Được chụp lại và chuyển đi dưới dạng những cuộn phim chưa rửa, thông tin của Phạm Xuân Ẩn được liên lạc viên đưa ra mạng lưới địa đạo Củ Chi, nơi được dùng làm cơ quan đầu não bí mật của những người cộng sản. Cứ vài tuần một lần, bắt đầu từ năm 1952, Phạm Xuân Ẩn lại rời khỏi văn phòng của mình ở Sài Gòn, đi khoảng 20 dặm theo hướng Tây Bắc về phía rừng Hồ Bò, rồi chui xuống địa đạo để hoạch định chiến lược cộng sản. Từ Củ Chi, những báo cáo của Phạm Xuân Ẩn được khẩn trương chuyển đi dưới sự bảo vệ đặc biệt tới núi Bà Đen, sát tận biên giới Campuchia, rồi được đưa bằng xe hơi đến Phnom Penh, bằng máy bay tới Quảng Châu ở miền Nam Trung Quốc, và rồi được trình ngay cho Bộ Chính trị tại Hà Nội. Tin tức của Phạm Xuân Ẩn **sống động** và chi tiết đến nỗi người ta kể rằng **Tướng Giáp và Hồ Chí Minh** đã phải xoa tay sung sướng khi nhận được những báo cáo này từ Trần Văn Trung - bí danh của Phạm Xuân Ẩn. “Chúng ta đang ở trong phòng tác chiến của Hoa

Kỳ!" họ thốt lên, theo lời vài thành viên trong Bộ Chính trị Việt Nam.

Khi Sài Gòn rơi vào tay những người cộng sản, Phạm Xuân Ẩn hy vọng sẽ được di tản sang Mỹ. Không phải vì ông lo sợ sự trả thù của cộng sản, như mọi người vẫn tưởng, mà bởi vì tình báo Việt Nam có kế hoạch để ông tiếp tục hoạt động tại Mỹ. Họ biết sẽ có một cuộc chiến hậu chiến, một giai đoạn ác liệt của những thủ đoạn chính trị, trong đó Mỹ có thể sẽ tiến hành những hoạt động quân sự ngầm ngầm và áp đặt lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam. Còn ai có thể báo cáo về những ý đồ của Mỹ tốt hơn Phạm Xuân Ẩn? Trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến, vợ ông cùng bốn đứa con của họ được đưa bằng máy bay ra khỏi Việt Nam và bố trí ở tại Washington, D.C. Ông Ẩn đang nóng lòng chờ đợi chỉ thị đi theo họ thì nhận được lệnh từ Bộ Chính trị miền Bắc là ông sẽ không được phép rời khỏi đất nước.

Phạm Xuân Ẩn được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, được thưởng hơn chục huân huy chương quân sự, và được thăng lên quân hàm thiếu tướng. Ông cũng được gửi đến nơi mà thỉnh thoảng ông gọi đùa là một “trại cải tạo”^[3] và bị cấm tiếp xúc với khách phương Tây. Vợ và các con ông được đưa trở lại Việt Nam một năm sau ngày họ ra đi. Vấn đề đối với Phạm Xuân Ẩn, theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, là ở chỗ ông yêu nước Mỹ và người Mỹ, những giá trị dân chủ, và tính khách quan trong nghề báo. Ông coi nước Mỹ là một kẻ thù ngẫu nhiên, những người Mỹ sẽ quay trở lại thành bạn bè một khi dân tộc của ông giành được độc lập. Phạm Xuân Ẩn là Người Việt Nam trầm lặng, người đứng giữa, nhân vật đại diện, vừa suốt đời là một chiến sĩ cách mạng vừa là một người nhiệt thành ngưỡng mộ nước Mỹ. Ông khẳng định rằng chưa bao giờ nói dối bất kỳ ai, rằng những phân tích chính trị mà ông gửi cho tờ *Time* cũng giống hệt những gì ông gửi cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông là một con người bị phân

thân bởi tính chính trực tối cao, một con người sống trong dối trá nhưng luôn nói sự thật.

“Câu chuyện của Phạm Xuân Ẩn làm tôi nghĩ ngay đến những gì được lấy ra từ Graham Greene,” David Halberstam, người từng kết bạn với Phạm Xuân Ẩn khi còn làm phóng viên của *New York Times* (Thời báo New York) ở Việt Nam, nói. “Nó liên hệ đến tất cả những câu hỏi cơ bản nhất. Trung thành là gì? Yêu nước là gì? Sự thật là gì? Anh là ai khi anh nói ra những sự thật đó? Ở Phạm Xuân Ẩn có một sự lưỡng phân tình cảm mà chúng ta **gần như** không thể hình dung nổi. Khi nhìn lại, tôi nhận ra ông là một con người bị xẻ làm đôi ở chính giữa.”

Trong cuốn sách năm 1965 viết về Việt Nam, *The Making of a Quagmire* (Sa lầy), tác giả Halberstam, với sự châm biếm hoàn toàn không có chủ ý, miêu tả Phạm Xuân Ẩn là cái đỉnh chót của một “mạng lưới tình báo nhỏ nhưng hạng nhất” gồm các nhà báo và nhà văn. Phạm Xuân Ẩn, ông viết, “có những mối quan hệ **với giới quân sự tốt nhất trong nước**”. Sau khi Halberstam đã biết về câu chuyện của Phạm Xuân Ẩn, ông có cảm thấy chút thù hận nào không? “Không,” ông nói với tôi, khi tôi gọi cho ông để trao đổi về cuộc sống hai mặt của Phạm Xuân Ẩn trong chiến tranh. “Đó là một câu chuyện đầy rẫy những mưu mẹo, khói mờ và những tấm gương, nhưng tôi vẫn nghĩ về Phạm Xuân Ẩn một cách thiện cảm. Khi ông nhắc đến tên ông ấy, một nụ cười đã hiện lên trên mặt tôi. Tôi chưa bao giờ cảm thấy bị Phạm Xuân Ẩn phản bội. Ông ấy buộc phải thích ứng với việc là một người Việt Nam ở giai đoạn đau thương đó trong lịch sử của dân tộc mình, **khi lan tràn khắp nơi chẳng có gì khác ngoài sự phản bội**.”

Năm 2005, tôi cho đăng một bài viết về Phạm Xuân Ẩn trên tờ *The New Yorker*. Ngay sau khi bài báo được đăng, tôi ký hợp đồng phát triển bài viết này thành một cuốn sách. Cái mà tôi tưởng sẽ là một công việc dễ dàng cuối cùng lại trở nên khó khăn khi tôi bị sa thêm vào nhiều mưu mẹo, khói mờ và những tấm gương. Tôi bắt đầu ngờ

rằng chính mình đã rơi vào đúng chiếc bẫy giống như những đồng nghiệp cũ của Phạm Xuân Ẩn trước kia. Họ đã đánh đổi sự mù tịt lấy sự mù tịt có chủ tâm và cuối cùng vẫn bị hút hồn bởi khuôn mặt mỉm cười của Phạm Xuân Ẩn. Liệu ông có phải là một “con người bị phân thân” như Halberstam khẳng định, hay ông là một “con người cách mạng”, như người Việt Nam thường nói, với tất cả những cái khác chỉ là vỏ bọc? Ông có phải là một người ngẫu nhiên thành công sản hay là một **đơn giản là một người cộng sản**, người làm công việc của mình đến tận ngày qua đời?

Khi đào xới sâu hơn vào công việc này, tôi nhận thấy rằng Phạm Xuân Ẩn, dù tự cho mình là một nhà phân tích chiến lược, người chỉ quan sát cuộc chiến từ bên lề, thực sự là một nhà chiến thuật bậc thầy liên quan đến nhiều trận đánh chủ chốt của cuộc chiến. Ông là một người lính được tặng thưởng nhiều huân chương, nhân vật trung tâm trong một chuỗi dài những diễn biến quân sự làm nên chiến thắng của những người cộng sản và thất bại của nước Mỹ. Phạm Xuân Ẩn không chỉ được tặng thưởng 4 huân huy chương - như tôi đã viết trên tờ *The New Yorker* - mà là tới 16 . Mà đó không phải là những phần thưởng mang tính **lễ nghi** . Trừ hai cái, còn lại tất cả đều là huân chương **Quân công và Chiến công**, được tặng thưởng vì chiến đấu anh dũng trong hai cuộc chiến tranh của Việt Nam chống Pháp và chống Mỹ.

Ngay từ cuộc gặp đầu tiên của chúng tôi năm 1992, Phạm Xuân Ẩn đã đánh lạc hướng tôi khỏi con đường nhằm tìm ra sự thật rằng ông đã làm gì trong cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất và thứ hai, và những gì ông tiếp tục làm trên cương vị “cố vấn” cho ngành tình báo Việt Nam cho đến khi qua đời ngày 20 tháng 9 năm 2006. Ông che giấu những sự thật này đối với người ngoài, bằng cử chỉ khoa tay khéo léo và khiếu hài hước quyến rũ đã làm ông trở nên nổi tiếng. Khi những câu hỏi của tôi trở nên quá thẳng thừng, ông chuyên từ giúp đỡ công trình viết sách của tôi sang ngăn chặn nó. Cấp trên của ông trong ngành tình báo quốc phòng đã cho phép

ông nói chuyện với tôi trong khuôn khổ một bài tạp chí. Ông vốn có cảm tình với tờ *The New Yorker* kể từ những ngày ông còn là phụ tá cho Robert Shaplen, phóng viên thường trú khu vực Viễn Đông của tạp chí này. Chắc hẳn Phạm Xuân Ẩn đã nói với cấp trên của ông rằng: “Chỉ là một bài tạp chí thôi mà. Tôi sẽ lèo lái câu chuyện, có thể là đi xa hơn một chút so với mọi khi, nhưng sẽ không để lộ bất kỳ điều gì chúng ta không muốn tiết lộ.” Họ đã cho phép ông thực hiện nhiệm vụ này, vốn được cho là có quy mô hạn chế, nhưng dứt khoát họ không cho phép ông làm việc với tôi trong khuôn khổ một cuốn sách. Ngay sau khi bài viết được đăng, Phạm Xuân Ẩn chấm dứt những cuộc gặp của chúng tôi và vội vã sắp xếp cho một cuốn tiểu sử “chính thức” khác sẽ được viết, một quyển tiểu sử có mục đích giữ an toàn cho vỏ bọc của ông.

Phạm Xuân Ẩn là một người có tài nói chuyện đặc biệt cuốn hút. Phương pháp xuyên suốt cuộc đời ông là nguy trang những hoạt động của mình thông qua nói chuyện. Làm sao một người mồm mép và cởi mở như vậy về cuộc sống của mình lại có thể là điệp viên? Làm sao một người hài hước và chua cay đến thế trong những nhận xét của mình về sự ngu ngốc của con người lại có thể là một người cộng sản? Phương pháp này phát huy hiệu quả đến nỗi nó thấm sâu vào trong tính cách của ông. Không có cách nào để bắt ông ngừng nói. Phạm Xuân Ẩn cứ nói mãi nói mãi không thôi, rồi cuối cùng, chỉ cho một bài báo đăng tạp chí, mà chúng tôi đã ghi âm đến 60 giờ băng phỏng vấn. Ngoài ra còn rất nhiều giờ trò chuyện nữa được ghi lại bằng văn bản về những cuộc gặp của chúng tôi. Khi nghe lại những cuốn băng và đọc lại những ghi chép của mình, những biến tấu khác nhau trong câu chuyện của Phạm Xuân Ẩn bắt đầu khiến tôi thấy tò mò. Ví dụ, chỉ có đúng một lần trong số hơn chục lần kể về “khóa học cấp tốc” mà ông được huấn luyện làm một chiến sĩ Việt Minh, Phạm Xuân Ẩn mới tiết lộ rằng sau này ông có chỉ huy một trung đội, đơn vị này ít nhất có một lần đã nổ súng vào

lính Pháp. Đây không phải là công việc của một nhà phân tích chiến lược mà là hành động của một chỉ huy du kích.

Tôi rất tiếc khi phải thông báo rằng cuốn sách này cũng được hưởng lợi từ sự qua đời của Phạm Xuân Ẩn. Sự kiểm soát mà ông thực hiện đối với câu chuyện về cuộc đời mình kết thúc vào mùa thu năm 2006. Những nguồn tin tình báo, cả ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam, bắt đầu tiết lộ những thông tin được giấu kín trước đó. Những thông tin này gồm cả các chi tiết về sự liên quan của Phạm Xuân Ẩn vào một số trận đánh và chiến dịch then chốt trong cuộc chiến. Ví dụ, chúng ta được biết rằng, ông được tặng thưởng một Huân chương Chiến công hạng nhất vì đã cung cấp thông tin cảnh báo sớm về kế hoạch Mỹ xâm lược Campuchia tháng 4 năm 1970. Thông tin sớm này cho phép lực lượng cộng sản, đặc biệt là bộ máy chỉ huy quân sự, rút lui kịp thời về phía Tây. Một Huân chương Chiến công hạng nhất khác được tặng thưởng cho ông vì đã phát hiện kế hoạch xâm lược Nam Lào tháng 2 năm 1971 của quân đội Nam Việt Nam^[4]. Ở đây, chính sự tham gia về mặt chiến thuật của Phạm Xuân Ẩn đã dẫn đến thất bại quân sự thê thảm của Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Những thông tin được tiết lộ sau khi Phạm Xuân Ẩn qua đời khẳng định rằng ông tham gia vào các hoạt động tình báo quân sự với quy mô đáng ngạc nhiên. Một số thông tin mới được công bố một cách ngẫu nhiên, một số là có chủ ý. Dù thế nào đi nữa, tôi bắt đầu nhận được đều đặn cơ man nào là những báo cáo, ghi chép, hình ảnh và các loại tài liệu khác về một con người mà 17 năm sau lần đầu tiên tôi gặp ông, vẫn tiếp tục gây bất ngờ. Vỏ bọc của Phạm Xuân Ẩn sẽ chỉ bộc lộ hoàn toàn khi người ta có cơ hội đọc được toàn bộ *oeuvre* (tác phẩm) của ông - những báo cáo tin tình báo mà ông gửi cho **Hồ Chí Minh và Tướng Giáp** khiến họ phải vỗ tay sung sướng và trầm trồ thán phục trước sự sinh động và ngòi bút kể chuyện hấp dẫn của một Tolstoy trong hàng ngũ của mình, mà họ biết đến qua bí số Z.21.

Trong những cuộc gặp của chúng tôi suốt nhiều năm, Phạm Xuân Ẩn biết là ông đang nói chuyện với tôi vượt quá xa những gì cần thiết cho một bài tạp chí, ngay cả với một **câu chuyện phóng sự** được viết một cách **thoải mái** từng có lần được dành cho Robert Shaplen. Nhưng Phạm Xuân Ẩn có vỏ bọc của mình, và tôi có vỏ bọc của tôi, ít nhất thì cho đến khi bài báo trên *The New Yorker* được đăng. Sau đó thì không ai trong chúng tôi có thể giả vờ rằng chúng tôi đang nói chuyện với nhau vì một thứ gì đó khác chứ không phải là một cuốn sách, công việc mà Phạm Xuân Ẩn không được phép làm. Khi tôi đến thăm ông lần cuối, vào tháng 1 năm 2006, chúng tôi đang chuẩn bị cho cái mà tôi nghĩ sẽ là một đêm trò chuyện dài, sự pha trộn thông thường giữa những câu chuyện và những lời đùa cợt, thì ông cho tôi biết đây sẽ là lần gặp nhau cuối cùng của chúng tôi. Không thể có chuyện đảo ngược lại quyết định này của ông. Chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa.

Đến thời điểm này thì tôi biết là Phạm Xuân Ẩn đang làm việc với một nhà viết tiểu sử “chính thức” khác. “Có gì khác nhau giữa cuốn sách của tôi với cuốn sách kia?” tôi hỏi. “Cuốn sách của ông đang được viết từ bên trong Việt Nam,” ông nói, ám chỉ rằng tôi **đã** tiếp cận với những thông tin nhạy cảm lẽ ra không được tiết lộ. Tôi coi đây là một lời khen ngợi đối với những trợ lý nghiên cứu người Việt Nam của mình, công việc đi lại và sự bền bỉ của họ nhiều lúc cũng xuất sắc không kém gì Phạm Xuân Ẩn trong những ngày ông còn là phóng viên làm việc chăm chỉ nhất tại Việt Nam.

Tôi thấy bị tổn thương trước quyết định của Phạm Xuân Ẩn về việc không gặp tôi nữa, và tôi rất tự ái với thông tin này, cho đến khi tôi biết rằng ông đang hành động theo lệnh của cấp trên. Câu chuyện của ông phải được thêu dệt như Halberstam đã kể. Trong phiên bản này về cuộc đời của Phạm Xuân Ẩn, được tạo ra cho độc giả phương Tây, ông là một người dân tộc chủ nghĩa, ngẫu nhiên bị kẹt vào lịch sử của đất nước mình, một nhà phân tích chiến lược, người đã nhìn xuống cuộc chiến tranh từ đỉnh cao Olympus của tò

Time. Còn trong cuốn sách này lại là một chân dung hoàn toàn khác, một nhà chiến thuật bậc thầy và là một chiến sĩ trung kiên vì lý tưởng cộng sản. Tôi đã viết cuốn tiểu sử *không được phép* về một điệp viên. Mặc dù Phạm Xuân Ẩn ngừng hỗ trợ công trình này - cùng với một số người bạn Mỹ, những người cho rằng họ làm như thế là vì lợi ích của ông - tôi vẫn kiên trì nghĩ rằng nếu như cuốn sách này có nói điều gì đó chính xác về Việt Nam và những cuộc chiến tranh dai dẳng của đất nước này hoặc bản chất của chiến tranh nói chung, chắc hẳn Phạm Xuân Ẩn sẽ ngậm cười về điều đó.

Đã một số lần tôi gần như từ bỏ công trình này, và ngay cả khi cuốn sách được đưa đi xuất bản, những câu hỏi cơ bản vẫn còn nguyên ở đó - những câu hỏi. Nếu như tôi đang nói chuyện với Phạm Xuân Ẩn về thế tiến thoái lưỡng nan này, như tôi vẫn thường làm, có thể ông đã bật ra một câu chuyện đùa hoặc lại say sưa nói về một giai thoại trong lịch sử Việt Nam, hoặc gợi ý tôi đọc một cuốn sách, ví dụ như cuốn tiểu thuyết của nhà văn Nguyễn Khải viết năm 1983 về cuộc đời Phạm Xuân Ẩn, *Thời gian của người*. Ở Việt Nam, những cuộc trò chuyện cứ tiếp diễn như vậy. Lòng vòng và miên man, trước khi chuyển, hầu như không thể nhận ra, thành những câu chuyện ngụ ngôn vừa giải trí vừa giáo huấn.

Tôi đã kể câu chuyện này theo phong cách Việt Nam, lập lờ về quan điểm và về thời gian tính. Phạm Xuân Ẩn đã qua đời. Ông bị gắn chặt vào một chiếc máy thở suốt nhiều tuần liền trước khi hai lá phổi của ông ngừng hoạt động mãi mãi vào mùa thu năm 2006, kết thúc tất cả ngàn ấy năm trò chuyện. David Halberstam cũng đã qua đời. Ông dành cả cuộc đời viết về những cuộc chiến tranh ở châu Phi và châu Á trước khi chết trên ghế hành khách của chiếc xe hơi gặp tai nạn ở một giao lộ tại Menlo Park, bang California, năm 2007. Chừng nào tôi còn nghe thấy họ, tôi vẫn sẽ giữ giọng nói của họ ở thì hiện tại. Mặc dù vậy, cũng cần cảnh báo cho người đọc. Không có câu chuyện đích thực duy nhất về cuộc đời của Phạm Xuân Ẩn, vì cuộc đời ông chứa đựng những sự thật đa tầng. Thậm chí cả cái

tên của ông cũng là một lời cảnh báo. *Ẩn* trong tiếng Việt có nghĩa là “che giấu” hoặc “bí ẩn”.

Trong suốt 20 năm chiến tranh với người Việt Nam, nước Mỹ chưa bao giờ hiểu được con người hay văn hóa của đất nước này. Nam Việt Nam được làm lại theo hình ảnh của nước Mỹ. *Terra incognita* đi trước *terra nova*^[5]. Nước Mỹ đã phải trả giá đắt cho sự xem thường đối thủ của mình. Chúng ta đã thua trận, với 58.000 binh sĩ thiệt mạng, và hàng trăm nghìn người bị thương, và mất luôn cả sự ngây thơ về sức mạnh quân sự vô địch của mình.

Kẻ thù của nước Mỹ không mắc phải những sai lầm như vậy. Người Việt Nam nghiên cứu kỹ đối thủ của mình. Họ xây dựng một điệp viên có thể suy nghĩ như một người Mỹ, người có thể thâm nhập vào lối tư duy kiểu Mỹ để học những giá trị và niềm tin của đất nước này. Người Việt Nam cần một điệp viên trong doanh trại của kẻ thù, nhưng không phải là một điệp viên bình thường, kiểu tên trộm chui cửa sổ tầng thượng ém mình trong nhà. Họ cần một điệp viên chiến lược, một điệp viên thi sĩ, một điệp viên yêu quý người Mỹ và cũng được họ yêu quý đáp lại. Sau khi giành được niềm tin của họ, người điệp viên đó sẽ cạy chiếc khóa quý giá nhất trong chiến lược quân sự - chiếc khóa dẫn đến giấc mơ và tham vọng của họ, **những huyền thoại** của họ về bản thân, và vai trò của họ trên thế giới.

Để thực hiện sứ mệnh này, người Việt Nam đặt niềm tin vào một người, người đó sẽ trở thành điệp viên quan trọng nhất và cũng là một trong những vũ khí quân sự hiệu quả nhất của họ. Như một bài học về chiến tranh và như một cách để hiểu người Việt Nam, không có lăng kính nào tốt hơn cuộc đời của Phạm Xuân Ẩn. Thay vì được gọi là “người điệp viên **yêu chúng ta**”, ông hoàn toàn có thể được gọi - như một trong những biên tập viên của tôi đã gợi ý - là “người đàn ông nguy hiểm nhất ở Việt Nam”. Khi đọc cuốn sách này, tôi khuyên người đọc sử dụng cả hai lăng kính hoặc, tốt hơn cả, gắn mỗi chiếc vào một mắt.

Cuộc thử lửa đầu tiên

Thành phố Hồ Chí Minh - hay Sài Gòn, như cách gọi vẫn còn phổ biến hiện nay - là một nơi người ta chuyên tâm làm ăn buôn bán. Đông chật những xe đẩy và gánh hàng rong bán đủ mọi thứ từ phở hay bún riêu đến đĩa CD, đường phố là những dòng sông sôi sục các loại xe máy hai thì. Khói xả ra đặc quánh đến nỗi những người phụ nữ xinh đẹp nổi tiếng của Sài Gòn đã bắt đầu phải lấy khăn che mặt. “Giờ thì tất cả chúng tôi là người Hôi giáo hết,” Việt, người lái xe ôm nói. Anh là người đưa tôi đi khắp thành phố trên chiếc xe gắn máy của mình.

Đến nhà Phạm Xuân Ân - một căn biệt thự ở quận 3, trong khu dân cư đông đúc gần nhà ga xe lửa - chúng tôi đi qua một ngã tư đây những cửa hàng sửa chữa xe máy và đến một con phố chuyên bán các loại cá nhiệt đới, gồm cả giống cá chọi Xiêm mà Phạm Xuân Ân rất mê. Tôi giật chiếc chuông treo lủng lẳng trên cánh cổng sơn màu xanh nhà ông. Trong khi lũ chó bắt đầu sủa nhặng lên, tôi nhòm qua tấm lưới sắt thấy Phạm Xuân Ân đang loẹt xoẹt bước ra trên lối đi vào cái ngày nắng ấm đó của tháng Giêng năm 2004. Dáng người gầy guộc, ông mặc một chiếc áo sơ mi trắng ngắn tay cài dây nút bi nơi túi ngực, chiếc quần màu xám bay phần phật quanh hai chân, và đi đôi dép cao su. Ra đến nơi ông thở hổn hển không ra hơi nhưng vẫn mỉm cười và chào tôi với một cái bắt tay bằng những đầu ngón tay của mình. Vừa mới phải nhập viện vì suy phổi, hậu quả của việc cả đời hút thuốc Lucky Strike, vị tướng quân Givral 77 tuổi, với nụ cười khoe trọn cả hàm răng, trông vẫn hóm hỉnh như mọi khi.

Trước đó tôi đã gặp Phạm Xuân Ân lần đầu tiên hồi đầu những năm 1990, khi tôi đến Việt Nam để nghiên cứu viết một cuốn sách về những người Mỹ lai - con của những binh lính Mỹ và người tình Việt Nam của họ. Khi cuốn sách được xuất bản, tôi đã gửi cho ông

một bản, và tôi cũng gửi cho ông một số cuốn sách khác mỗi khi những người bạn chung của chúng tôi đến Việt Nam. Phạm Xuân Ẩn biết là tôi rất muốn được nghe câu chuyện của ông. Ông là một vị chủ nhà rất hòa nhã với những vị khách được phép tới thăm mình sau khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới, phiên bản *perestroika*^[6] riêng của nước này, hồi cuối những năm 1980. Ông thường dành nhiều giờ giải thích về lịch sử và văn hóa Việt Nam, nhưng lại im lặng như một con nhân sư về một chủ đề: cuộc đời mình với tư cách là một điệp viên. Cuối năm 2003, tôi nhận được một bức thư cho biết cuối cùng thì có thể ông cũng đồng ý nói chuyện, không chính thức mà là những cuộc trò chuyện thân tình. Những cuộc trò chuyện này bắt đầu vào dịp Tết, năm mới theo âm lịch, và được nối lại trong khoảng hai tuần vào đầu mùa mưa tháng 5 năm 2004. Tôi gặp lại Phạm Xuân Ẩn vào tháng 3 năm 2005 và sau đó là cả năm sau trước dịp Tết.

Phạm Xuân Ẩn dẫn tôi qua khu vườn nhà ông, một khoảnh không gian nhiệt đới sum suê với những cây khế và quýt. Khu vườn thoáng thoáng mùi hoa sứ, điểm xuyết màu sắc của những chậu mai và lan đang trở bông. Một con diều hâu và ba con gà chọi chăm chú nhìn chúng tôi từ trong những chiếc lồng đặt dưới gốc cây. Chúng tôi dừng bước giữa vườn chiêm ngưỡng bức tượng bằng sứ của một trong những con chó béc giê Đức, cục cưng của Phạm Xuân Ẩn. Ông coi Edward Lansdale, điệp viên tình báo quân sự và được cho là nguyên mẫu cho nhân vật người Mỹ “trầm lặng” của Graham Greene, là người dạy ông cách sử dụng chó trong công việc của mình. “Tôi huấn luyện chó của mình sao cho nó có thể đánh động cho tôi khi cảnh sát đang lục soát nhà dân, dù cách đó cả cây số,” ông nói. “Nó mới là một điệp viên cừ.” Phạm Xuân Ẩn, với kiểu hài hước rất tinh quái của mình, cũng cho biết là con chó siêu thông minh của Lansdale trong vườn nhà ông có đến ba tinh hoàn.

Vợ ông, bà Thu Nhận, đang quét dọn hiên trước với một cây chổi cán ngắn. Bà là một phụ nữ vui tính, khuôn mặt tròn trịa phúc hậu

với mái tóc buộc túm ra sau thành một búi. Kém chông mười tuổi, bà đang bận dọn dẹp trước khi đón tiếp rất nhiều khách khứa sẽ đến trong dịp Tết, gồm cả người con gái của ông bà đang sống ở California. Treo dưới mái hiên và những chiếc cột dựng trên lối đi là những chiếc lồng ông Ân nuôi lũ chim khướu, chim xanh trán vàng, giẻ cùi, hoàng yến và các loại chim biết hát khác. Một con sáo xanh mỏ vàng thông báo bằng tiếng Việt: “Nội ơi, có điện thoại!” Con chim đang nhại tiếng cháu nội ông Ân, đứa cháu này đang sống cùng ông và ba người con trai đã trưởng thành của ông.

Chúng tôi cởi giày bước vào căn phòng rộng rãi đã từng được dùng làm văn phòng và thư viện của Phạm Xuân Ân, cũng như phòng ăn và phòng tiếp khách của ông. Kê dọc bức tường cuối phòng là những chiếc giá mặt kính nơi chứa sách vở của ông. Một bức tranh thủy mặc Trung Hoa treo phía trên bộ xô pha bọc nỉ xanh. Phía dưới cánh cửa sổ để mở là một cái bể cá lưu giữ thành phần thứ ba trong bày động vật cảnh của Phạm Xuân Ân. “Chó luôn trung thành,” ông nói. “Chim thì nhảy hoài trong lồng, lúc nào cũng bận rộn. Cá dạy anh biết ngậm miệng. Tiếc là dạo tôi nằm viện, lũ cá chết gần hết.”

Căn phòng đã thay đổi nhiều so với lần tôi đến thăm trước đó. Trong hốc tường gần cửa chính, thay cho bàn làm việc của ông và những ngăn kéo đựng giấy tờ cùng hàng chông tạp chí và báo trước kia chất cao đến trần nhà, là cây đàn piano của con trai ông. Sau đó tôi phát hiện ra chuyện gì đã xảy ra với phòng làm việc của ông khi tôi đi qua bàn thờ gia tiên và thông qua phòng bếp đi ra lối đi phía sau nhà. “Vợ tôi vứt hết giấy tờ của tôi ra đây,” ông nói, và chỉ vào hai tủ giấy tờ cùng một chiếc bàn chất đầy những tài liệu ngả vàng. Tất cả những gì bảo vệ chúng khỏi nắng gió là một chiếc mái hẹp bằng nhựa.

Trong khi chúng tôi ngỡ ngàng nhìn chỗ giấy tờ chất đống trên lối đi, Phạm Xuân Ân bật cười. “Vợ tôi bảo đã đến lúc nhường chỗ cho thế hệ trẻ, nhưng tôi chưa chết được. Chẳng có chỗ nào cho tôi ra đi

cả. Tôi không được lên thiên đường vì tôi nói xạo nhiều quá; địa ngục thì dành riêng cho những kẻ lừa đảo, nhưng ở Việt Nam loại đó quá nhiều, nên địa ngục cũng chật cả rồi.”

Phạm Xuân Ân có đôi tai to rủ xuống, vầng trán cao vuông vắn, mái tóc màu đen húi ngắn, và đôi mắt màu nâu sinh động. Mắt trái của ông to hơn mắt phải một chút, như thể cùng một lúc ông đang quan sát cả cận cảnh lẫn viễn cảnh những vấn đề của thế giới. Những bức ảnh của ông hồi những năm 1950 cho thấy ông mặc những bộ com lê may sát người, áo sơ mi trắng và quần đen. Dạo đó nhìn Phạm Xuân Ân giống như một trong những thanh niên bảnh trai, sáng sủa tham gia vào các hội đoàn và thành thạo những trò bù khú thời thượng. Ông cao hơn tầm vóc trung bình của người Việt, kiểu một võ sĩ quyền Anh hay tay đua bơi lội hạng bét nhưng đã có thời, sau khi trượt hai năm liên tiếp, nghĩ rằng mình có thể sẽ trở thành một tay anh chị Việt Nam.

“Tôi không muốn nói về mình,” Phạm Xuân Ân thường nói. “Có quá nhiều điều phải nhớ.” Và rồi ông không bỏ lỡ một cơ hội nào để nhớ lại từng chi tiết nhỏ nhất nhất từ 50 năm trước. Ông cúi người về phía trước trên chiếc ghế của mình. Ông khoa chân múa tay với những ngón tay dài xương xẩu và gầy như trong mờ vì tuổi tác. Ông nhào nặn không gian trước mặt như thể nó là một khối bột nhào, thỉnh thoảng lại giáng cho nó một cú đấm. Ông chia những nhận xét của mình thành các khái niệm tam cương ngũ thường Nho giáo trong khi vẫy những ngón tay thành một hình vòng cung tượng trưng cho một trong những *déeses*, những nữ thần hộ mệnh mà ông tin là mang đến thành công cho mình trong cuộc sống. Phạm Xuân Ân cũng có thể nói chuyện hàng giờ liền về các sự kiện trên thế giới, vạch ra những nét tương đồng giữa chiến tranh Việt Nam và chiến tranh tại Iraq (“những phương pháp được phát triển đầu tiên ở châu Á đã được đưa đến sa mạc”) hoặc đánh giá các cơ quan tình báo trên thế giới (“Người Mỹ là bậc thầy về thu thập thông tin tình báo, nhưng họ không biết phải làm gì với chúng”).

Theo lịch của người Việt Nam, Phạm Xuân Ẩn sinh năm Đinh Mão, giờ Sửu, tức ngày 12 tháng 9 năm 1927, cách Sài Gòn khoảng 20 dặm về phía Đông Bắc, tại nhà thương điên Biên Hòa, nơi vào thời điểm đó là cơ sở y tế duy nhất của người Âu tại Nam Kỳ tiếp nhận người Việt Nam. Là con trai đầu của một *cadre supérieur*, một viên chức có học của chính quyền thuộc địa, ông được nhận giấy khai sinh của Pháp, một đặc quyền hiếm thấy. “Họ có một bác sĩ chuyên chăm lo cho những người điên bị dính bầu,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Do tôi được sinh ra trong một nhà thương điên nên nhiều người nói rằng **máu tôi bị nhiễm virus cộng sản: Ẩn được sinh ra trong một nhà thương điên hả? Thảo nào **chả theo cộng sản...** **Chả điên mà!**”**

Phạm Xuân Ẩn là một nhà kể chuyện ngụ ngôn đại tài. Ông sử dụng những câu chuyện ngụ ngôn và tục ngữ để chế giễu thói tham sân si của người đời. Sự hóm hỉnh của ông công nhận những điều vô lý của cuộc sống và xoay quanh những mâu thuẫn của nó, nhưng nhiều lúc tôi tự hỏi liệu đó có phải chỉ là một tấm lá chắn, một dạng mai bảo vệ để đánh lạc hướng người đối thoại. Tại sao Phạm Xuân Ẩn lại trở thành một người cộng sản? Lẽ nào ông đùa giỡn về chuyện đó vì vấn đề quá nghiêm túc nên không thể được giải quyết bằng cách nào khác được?

Có gốc gác ở Hà Đông, nằm ngay trung tâm của miền Bắc Việt Nam trong vùng châu thổ sông Hồng đất chật người đông, nằm giữa Hà Nội và vùng ven biển, cụ nội của Phạm Xuân Ẩn là Phạm Xuân Hùng, một người thợ kim hoàn, được nhà Nguyễn mộ vào chế tác đồ vàng bạc cho triều đình ở Huế, miền Trung Việt Nam. Ông nội Phạm Xuân Ẩn là Phạm Xuân Dương, thăng tiến qua ngạch quan lại của Việt Nam, trở thành thầy giáo và cuối cùng là hiệu trưởng một trường tiểu học nữ sinh ở Huế. Trong bức ảnh đặt giữa bàn thờ gia tiên nhà Phạm Xuân Ẩn, ông Phạm Xuân Dương đeo một chiếc huân chương bằng vàng trên ngực. Được chính hoàng đế ban tặng, chiếc huân chương lớn bằng cánh hoa tulip, còn được gọi

là *kim khánh*, cho thấy ông nội của Phạm Xuân Ẩn có phẩm hàm ngang với một vị “thư ký” trong triều. Phạm Xuân Ẩn cho tôi xem bức ảnh của chính ông hồi còn nhỏ với tấm kim khánh đeo quanh cổ. Tôi hỏi xem ông còn giữ tấm kim khánh của ông nội mình hay không. “Nó đã được gửi tới chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh [Hồ Chí Minh] trong dịp Tuần lễ vàng”, ông nói, **nhắc tới món tiền hối lộ khổng lồ mà Hồ trả cho quân đội Trung Hoa năm 1946 để thuyết phục họ rút ra khỏi Việt Nam sau Thế chiến thứ hai.**

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Đông Dương ở Hà Nội, Phạm Xuân Viễn, cha của Phạm Xuân Ẩn, làm **tham tá trắc địa** chuyên vẽ địa bạ ranh giới và sổ thuế đất ở vùng biên cương miền Nam Việt Nam. Ông Viễn cũng quy hoạch đường sá ở Sài Gòn và hệ thống kênh rạch trong rừng U Minh, dọc bên bờ vịnh Xiêm La (vịnh Thái Lan). Trong khi đo đạc ở Campuchia, ông gặp mẹ của Phạm Xuân Ẩn, một phụ nữ người Bắc di cư tân tảo học hết lớp hai biết đọc biết viết. Công việc của một ông tham trắc địa dưới thời thuộc địa ở miền Nam Việt Nam bao gồm cả việc huy động những người nông dân đi kéo xích đo đạc qua những đồng lầy của sông Mê Công và xây chòi trong rừng rậm để làm đường ngắm chuẩn. “Khi đi làm công việc trắc địa, đào kênh hay làm đường, anh sẽ thấy dân Việt Nam nghèo khổ phải đi làm thêm để kiếm sống,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Anh sẽ thấy hệ thống lao động cưỡng bức, đánh đập và những hình thức **ngược đãi** khác của người Pháp. Cách duy nhất để chống lại những hình thức **ngược đãi** này là đấu tranh giành độc lập. Người Mỹ cũng đã làm như vậy năm 1776. Khi ba tôi nhận ra người Pháp đối xử tàn tệ như thế nào đối với những người nông dân, lẽ tự nhiên là ông sẽ đấu tranh cho độc lập của Việt Nam. Ba tôi trở thành một người yêu nước. Gia đình tôi lúc nào cũng có tinh thần yêu nước với khát vọng đánh đuổi người Pháp ra khỏi Việt Nam.”

Là một *cadre supérieur*, cha của Phạm Xuân Ẩn nắm giữ một trong những vị trí cao dành cho người Việt trong chính quyền thực dân. Hồi đó, ở Đông Dương không có trường kỹ thuật (để theo đuổi

ngành học cao cấp này người ta phải sang Pháp học): vì thế Phạm Xuân Viễn được đào tạo như một *agent technique*, về chức năng cũng tương đương như một kỹ sư công chánh. Sinh tại Huế, miền Trung Việt Nam và được đào tạo ở miền Bắc, Phạm Xuân Viễn đã dành cả sự nghiệp của mình ở miền Nam, xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc địa của nước Pháp. Ở thời điểm đó, miền Nam là miền biên viễn của Việt Nam, phần lớn vùng đất này vẫn còn bị rừng rậm bao phủ. Những khu vực khác chỉ có thể được tiếp cận bằng xuồng. Làm việc qua những cánh đồng ngập nước theo mùa mưa, những rừng đước, và những đồng lúa bị gió mùa vùi dập mỗi năm hai bận, Phạm Xuân Viễn phục vụ trong đoàn quân tiên phong của công cuộc mà người Việt Nam gọi là **Nam tiến – tiến xuống miền Nam** .

Người Kinh, một trong 54 dân tộc của Việt Nam (hiện là dân tộc chiếm đa số), đã mở rộng về phía Nam từ quê hương của mình ở đồng bằng sông Hồng gần Hà Nội suốt năm nghìn năm qua. Nhưng chỉ sau khi những vùng đất hoang vu thuộc châu thổ sông Mê Công ở miền Nam đã phủ kín những con đường và đồn điền thì người Việt mới hoàn thành cuộc trường chinh của mình. Phạm Xuân Ẩn, giống như cha mình, đã phục vụ công cuộc **Nam tiến** . Thực ra, có thể nói rằng **chính ông đã đưa nó** đến chỗ kết thúc. Một nước Việt Nam thống nhất trải dài từ biên giới Trung Quốc đến vịnh Thái Lan chỉ có thể tồn tại sau khi tất cả những kẻ xâm lược Việt Nam – **Trung Quốc, Pháp, Nhật, Mỹ và Campuchia** - đã bị đánh đuổi và Việt Nam **đã giải quyết xong cuộc chiến tranh Đông Dương cuối cùng của mình** . Chỉ khi đó công cuộc **Nam tiến** mới thực sự hoàn tất.

Cũng như nhiều người Việt, tổ tiên của Phạm Xuân Ẩn có gốc gác từ khu vực miền Nam Trung Hoa. “Đó là nơi chúng tôi sống trước khi bị xua đi,” ông nói. “Chúng tôi di cư **từ Hà Nội** tới miền Trung Việt Nam, khu vực của người Chăm và người Khmer, trước khi chúng tôi đi xa hơn về phía Nam tới vùng Nam Kỳ. Tổ tiên tôi cũng đi theo lịch sử chung của cả đất nước, dịch chuyển từ đồng bằng châu thổ sông Hồng về phía Nam tới những vùng đất thấp.”

Ngay sau khi tới ở Huế, gia đình Phạm Xuân Ân bắt đầu thăng tiến từ **những người lao động chân tay** lên hàng viên chức thuộc địa. Trong khi Phạm Xuân Hùng, trưởng tộc, là một nghệ nhân kim hoàn, chuyên chế tác vàng bạc thành những hình cây cối và chim thú tinh tế đến nỗi chúng sống động như thật, thì các con ông lại sử dụng vị trí của mình tại triều đình để đảm bảo cho những công việc như làm giáo viên hay làm quan lại. Trường học nằm dưới sự điều hành của ông nội Phạm Xuân Ân, ông Phạm Xuân Dương, là một trong những trường đầu tiên trên cả nước dạy chữ quốc ngữ, thứ chữ viết hiện đại của người Việt Nam - một kiểu chữ dựa vào bộ chữ cái Latin do giáo sĩ người Pháp Alexandre de Rhodes phát triển vào thế kỷ 17. Hệ thống chữ viết ban đầu của người Việt Nam, chữ Nôm, dựa trên các chữ Hán truyền thống, bị người Pháp cấm sử dụng năm 1920. Trường của ông Dương là một phần của chiến lược khởi động lại lịch sử của Việt Nam từ năm số không. Với chữ viết và một nền văn học mới, Việt Nam trở thành một trong số ít quốc gia châu Á sử dụng bộ chữ cái Latin. Để giúp nhào nặn lại ý thức của các thần dân châu Á của mình, Pháp đưa máy chém vào Việt Nam và bắt đầu **sử dụng nó với một sự hăng hái cách mạng**. Cuối cùng thì người Pháp thất bại trong việc áp đặt ý chí chính trị của họ vào Việt Nam, nhưng cuộc cách mạng về ngôn ngữ của họ lại là một thành công. Một đất nước trước kia hầu hết là mù chữ, xuất phát từ khó khăn trong việc nắm vững nghệ thuật viết chữ Hán, bây giờ hầu như cơ bản đều đã biết chữ.

Người chú của Phạm Xuân Ân cũng là hiệu trưởng một trường tiểu học. Một người chú khác trở thành viên chức làm việc cho sở dây thép, trong khi cô của ông kết hôn với một *agent technique* khác, người, cũng giống như cha của Phạm Xuân Ân, đã tốt nghiệp Đại học Đông Dương ở Hà Nội. Hẳn nhiều người nghĩ gia đình thành đạt và đầy triển vọng thăng tiến của Phạm Xuân Ân sẽ cảm thấy chịu ơn những thế lực đã đào tạo và thuê họ làm việc, nhưng gia đình ông đã chống lại chứ không ủng hộ người Pháp. Họ điều hành

các trường học, xây dựng đường sá, và chuyển phát thư từ, nhưng đồng thời họ cũng là những người yêu nước chống lại ách cai trị thuộc địa của Pháp tại Việt Nam. Họ là những nhà cách mạng lặng lẽ, chứ không phải là những người vào tù hoặc đấu tranh trong phong trào kháng chiến của Việt Minh, nhưng tinh thần hăng say của họ thì rất sâu sắc và kiên định, và tinh thần đó sau này sẽ đơm hoa kết trái - với tác động ghê gớm - thành sự nghiệp cách mạng của Phạm Xuân Ẩn.

Người Việt là một tộc người mãnh liệt có lịch sử chủ yếu là những trận đánh chống lại kẻ thù từ phương Bắc (**Thành Cát Tư Hãn, cùng Trung Quốc và Nhật Bản**), phương Đông (**Bồ Đào Nha, Pháp và Mỹ**) và từ phương Tây (**Lào, Khmer, Ấn Độ và Thái**) . Danh sách những chiến binh của Việt Nam, gồm cả những chiến sĩ nữ, rất dài, và khoảng thời gian diễn ra những cuộc đấu tranh của họ cũng thế. Người Việt Nam phải đấu tranh cả nghìn năm để chống lại sự đô hộ của **Trung Quốc** .

Chủ nghĩa yêu nước tại nước Việt Nam thuộc địa vô hình trung lại do chính người Pháp nuôi dưỡng. **Họ đã dạy cho người Việt về chủ nghĩa dân tộc**, gồm cả ý tưởng về quốc gia-dân tộc và những khát vọng thể hiện tinh thần của một dân tộc thống nhất. Chương trình giảng dạy tại các trường học của Pháp chủ yếu được dành để học về Cách mạng Pháp kết thúc hạnh phúc bằng một thể chế cộng hòa theo đuổi lý tưởng *tự do, bình đẳng và bác ái* . Người Pháp không hề có ý định để cho người Việt Nam tiếp thu những lý tưởng đó thành của mình. Họ đang nói về nước Pháp chứ đâu phải về Việt Nam. Nhưng một khi lý tưởng dân tộc chủ nghĩa đã bắt đầu thấm thấu vào các nước thuộc địa, thì đến mấy chém cũng không ngăn chặn nổi.

“Để kiếm sống, anh phải làm cho chế độ Pháp, nhưng không một người Việt Nam nào muốn tổ quốc của mình bị những người nước ngoài đô hộ,” Phạm Xuân

Ẩn nói. “Lịch sử của chúng tôi có vô số những trận đánh chống giặc ngoại xâm. Chúng tôi mượn ngôn ngữ để tiến hành cuộc đấu tranh này từ người Pháp, nhưng nó lại bắt nguồn từ chính tình yêu của chúng tôi đối với dân tộc mình - đó cũng chính là động lực đã thúc đẩy bất kỳ quốc gia nào đứng lên giành độc lập.”

Người Pháp đã chia Việt Nam, cũng như xứ Gaul, thành ba phần. Bắc Kỳ (Tonkin) là khu vực phía Bắc gồm cả Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng. Trung Kỳ (Annam) là khu vực ở miền Trung, cũng là nơi sinh ra những nhà cách mạng như anh em nhà Tây Sơn và Hồ Chí Minh, và cũng là nơi đặt triều đình bù nhìn ở Huế. Nam Kỳ (Cochin China) ở phía Nam gồm Sài Gòn, đồn điền Michelin và những đồn điền cao su khác ở Dầu Tiếng, cùng những vùng trồng lúa rộng mênh mông ở châu thổ sông Mê Công. Trước đó, một nước Việt Nam thống nhất trải dài từ biên giới với Trung Quốc xuống đến vịnh Thái Lan chưa bao giờ tồn tại và người Pháp cũng *không* muốn nó tồn tại. Họ đặt cái từ *Việt Nam* vào vòng “húy kỵ” - vì nó nhắc đến ý tưởng về một quốc gia thống nhất **và bắt giam bất kỳ ai sử dụng nó.**

“Bản đồ Việt Nam do người Pháp lập ra”, Phạm Xuân Ẩn nói. “Trước khi họ đến chúng tôi chưa có quốc gia. Những vùng cao nguyên thuộc về các dân tộc người Thượng. Những khu vực còn lại thuộc về người Chăm hoặc người Khmer.”

Một hôm tôi đang nói chuyện với Phạm Xuân Ẩn thì ông bước tới chiếc tủ kê gần bàn phòng ăn, mở ngăn kéo trên cùng và lần giở qua một bộ sưu tập những bức ảnh và thư từ cũ. “Đây rồi,” ông vừa nói, vừa chìa ra tấm thẻ căn cước của mình do cảnh sát cấp từ thời thuộc địa. Vì gia đình của cha ông đến từ miền Trung, mà người Pháp gọi là Annam, Sureté (Sở Mật thám Pháp) đã gọi Phạm Xuân Ẩn là một người Annamite.

“Tất cả người Việt Nam đều chống lại sự đô hộ của Pháp,” Phạm Xuân Ẩn nói với tôi. “Những cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra ở hết nơi này đến nơi khác.” Ông say sưa kể một câu chuyện về tinh thần

sôi sục chống Pháp tại nước Việt Nam thuộc địa. Giống như nhiều câu chuyện khác của ông, câu chuyện này, kéo dài từ nhiều thế hệ tiếp nối nhau, liên quan đến một mớ rối rắm những mối quan hệ gia đình và xã hội đan xen vào nhau chặt chẽ đến nỗi tôi hầu như không thể nào bóc gỡ nổi. Nhằm giúp tôi, ông Ân đưa ra một cái tay vịn để theo dõi nội dung câu chuyện khi lần ngược lại quá khứ lịch sử của Việt Nam.

Nhân vật trung tâm của câu chuyện hôm đó là bà Nguyễn Thị Bình, tên của bà thường xuyên được nhắc đến trong những câu chuyện của ông Ân. Bà Bình và ông Ân đều sinh năm 1927, là những người bạn từ thời thơ ấu. Cha của hai người là bạn học ở Đại học Đông Dương và cùng làm kỹ sư công chánh với nhau ở Nam Kỳ. Lẽ ra bà Bình và ông Ân đã có thể lấy nhau nếu như con đường đi của họ không rẽ tách trong thời gian diễn ra những cuộc chiến tranh liên miên của Việt Nam. Bị thực dân Pháp giam cầm hai năm, bà Bình về sau trở thành bộ trưởng Ngoại giao của **Mặt trận Dân tộc Giải phóng (liên minh của những người cách mạng miền Nam với lực lượng vũ trang được gọi tắt là Việt Cộng)** và là trưởng phái đoàn của **Mặt trận Dân tộc Giải phóng** tại các cuộc đàm phán ở Paris. Năm 1992, sau khi đảm nhiệm cương vị bộ trưởng Giáo dục, bà Nguyễn Thị Bình được bầu làm phó chủ tịch nước Việt Nam. Trong giai đoạn hỗn loạn ngay sau khi chiến tranh tại Việt Nam kết thúc, chính bà đã giúp ông Ân đoàn tụ với gia đình tại Sài Gòn, nhưng câu chuyện hôm nay thậm chí còn đi ngược lại xa hơn nữa về mặt thời gian.

Ông của bà Nguyễn Thị Bình là nhà chí sĩ Phan Chu Trinh, người tổ chức các phong trào chống thực dân tin rằng nước Pháp nên tôn trọng những nguyên tắc dân chủ của mình bằng cách thay thế hệ thống cai trị bằng quan lại của Việt Nam - mà ông cũng là một thành viên - bằng luật pháp và những định chế hiện đại. Sau khi những cuộc nổi dậy chống sưu thuế nổ ra năm 1908, Phan Chu Trinh bị kết án tử hình, nhưng được chuyển thành án tù và bị đày ra nhà tù Côn

Đảo (Poulo Condore), Đảo Quý của Đông Dương^[Z]. Nhà thám hiểm Marco Polo ở thế kỷ 13 là người phương Tây đầu tiên phát hiện ra quần đảo gồm 16 hòn đảo toàn đồi núi này trên **Biển Nam Trung Hoa – hay Biển Đông như cách mà người Việt Nam luôn gọi**. Với những bãi biển lộng gió chuyên là nơi làm tổ của các loài rùa biển và cá cúi, những hòn đảo này có một vẻ đẹp ma quái quyến rũ được tăng thêm nét liêu trai vì được sử dụng làm nơi giam cầm và tra tấn suốt nhiều năm. Chính tại đây mà khái niệm “chuồng cọp” khét tiếng, đầu tiên do người Pháp xây dựng và về sau được người Mỹ kế thừa, đã trở thành biểu tượng cho sự hiện diện tàn bạo của Mỹ tại Việt Nam.

Sau ba năm ở Côn Đảo, Phan Chu Trinh “tốt nghiệp” và lưu vong sang Pháp, nơi ông làm thợ sửa ảnh và là đồng tác giả những bài báo được ký tên “Nguyễn Ái Quốc”, tức Nguyễn Yêu Nước, một cái biệt hiệu vào thời điểm đó của Nguyễn Sinh Cung, về sau được gọi là Hồ Chí Minh. Khi Phan Chu Trinh qua đời năm 1926, hàng nghìn người đổ kín ra các đường phố ở Sài Gòn và Hà Nội, đòi chấm dứt ách đô hộ thực dân của Pháp. Cha của Phạm Xuân Ẩn cũng giúp tổ chức những cuộc biểu tình này, và đến những năm 1950 Phạm Xuân Ẩn theo gương cha, khi ông lợi dụng đám tang của một người Việt Nam yêu nước để phát động một loạt những cuộc biểu tình và bãi công trên đường phố.

Khi chúng tôi gặp nhau, Phạm Xuân Ẩn và tôi thường ngồi trong phòng khách của ông. Thỉnh thoảng chúng tôi bước tới bên những giá sách kê dọc theo phía trong căn phòng. Một hôm, ông Ẩn dẫn tôi ra phía sau những giá sách vào trong một hành lang hẹp nơi đặt bàn thờ gia tiên. Nơi đây đặt những bát hương và đĩa hoa quả như bình thường cùng tập hợp lộn xộn các tấm ảnh để tưởng nhớ người đã khuất. Việt Nam là đất nước kỷ niệm ngày mất thay cho ngày sinh. “Người Việt Nam không phải là những người theo đạo Phật,” ông Ẩn nói. “Chúng tôi là những người theo thuyết phiếm thần. Tín ngưỡng mà chúng tôi thực hành là thờ cúng tổ tiên. Đó là lý do tại

sao ngày Tết lại quan trọng đến thế đối với người Việt Nam. Nó là dịp anh mời linh hồn của những người đã khuất về thăm những người đang còn sống.”

“Chúng tôi tin rằng con người ta có ba cái hồn,” ông Ân nói, “hồn tinh thần, hồn tình cảm và hồn vật chất. Hồn tinh thần là yếu tố phân biệt con người với con vật. Hồn tình cảm xuất phát từ trái tim. Còn hồn vật chất xuất phát từ bụng. Nó giải thích tại sao con người lại xấu xa, tại sao chúng ta lại giết lẫn nhau và bị tha hóa.

“Khi chết đi, con người ta sẽ phải trình diện trước Diêm vương. Nếu anh đã phạm phải quá nhiều tội lỗi, anh sẽ buộc phải ở lại đó. Dù thế nào đi nữa, anh cũng sẽ phải ở lại địa ngục ba ngày sau khi được mai táng. Sau đó gia đình người chết sẽ đến thăm mộ với một con gà đen. Nếu con gà kêu lên, nó sẽ được thả ra khỏi lồng và được **phóng sinh**. Được gọi là ‘lễ mở cửa má’, nghi lễ này giải phóng linh hồn tình cảm. Người ta có thể sử dụng một con chó mực cho lễ này, nhưng như thế sẽ tốn tiền hơn. Nếu con chó quay về nhà, nó sẽ mang theo linh hồn tình cảm của người chết cùng với nó. Chúng tôi đón mừng sự kiện này bằng cách đặt một tấm ảnh của người đã khuất lên bàn thờ gia tiên.”

Đặt ở giữa bàn thờ là bức ảnh ông nội của Phạm Xuân Ân, chụp ông mặc áo dài khăn đóng may sát và cổ đeo tấm bội tinh của hoàng đế. Cạnh đó là ảnh của những bậc tổ tiên khác trong dòng họ, và ông Ân bèn kể những câu chuyện về họ. Ông nội ông có ba vợ. Người vợ cả sinh bốn người con, trong đó có cha của Phạm Xuân Ân, là con trai thứ hai trong ba người con trai. Bà vợ ba sinh ba người con. Bà vợ hai, không có con, bỏ ông nội của Phạm Xuân Ân rồi sau đó lấy chồng vào một gia đình quyền quý ở miền Bắc và sinh ra **Tố Hữu**, người về sau trở thành một trong những nhà thơ và nhà chính trị lớn **nhất** của Bắc Việt Nam.

“Vào thời đó, người Pháp cho phép đàn ông cưới ba vợ,” Phạm Xuân Ân nói. “Đạo xưa, anh có thể có đến năm thê bảy thiếp. Đó là lý do tại sao tôi muốn được sống ở thời xưa,” ông nói đùa.

Cha của Phạm Xuân Ẩn, ông Phạm Xuân Viễn, cũng có hai vợ, thực ra là một vợ và một thiếp. Trước khi gặp mẹ của Phạm Xuân Ẩn, ông Viễn đã có một con gái với một cô gái nông dân ở Rạch Giá, một thị xã Nam Bộ nằm ở bìa rừng U Minh. Trong một thời gian ngắn năm 1941, cô gái đó đến sống cùng gia đình Phạm Xuân Ẩn, nhưng lại nhanh chóng thấy nhớ nhà và bỏ về. Phạm Xuân Ẩn không bao giờ gặp lại người ấy nữa.

Giống như cha ông, mẹ của Phạm Xuân Ẩn là một phần của công cuộc *Nam tiến* của Việt Nam. Bà đến từ khu vực khai thác than gần Hải Phòng, và gia đình bà có gốc gác từ Trung Quốc, nơi ông của bà, cũng giống Phạm Xuân Ẩn, là một người thích chơi chim. Khi còn là một cô bé, bà đã chăm sóc lũ chim sơn ca của ông - những con chim Trung Quốc được nuôi nấng rất kỳ công để tạo ra những ca sĩ và vũ công xuất sắc nhất.

“Ảnh của cha ông đâu?” tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn, khi chúng tôi đứng trước bàn thờ gia tiên.

“Nó được đặt ở đây,” ông nói, và với tay về phía một bức ảnh ở phía trong. Bức ảnh chụp một người đàn ông nghiêm nghị đeo mực kính màu đen, mặc một bộ đồ Tây sẫm màu và mang cà vạt.

“Tôi không đứng lâu được, nhất là khi trời nóng,” Phạm Xuân Ẩn nói, và đặt bức ảnh vào vị trí cũ. Tôi tự hỏi hay là ánh mắt trách móc của người cha cũng làm cho ông thấy ngọt ngọt khó thở.

Sinh năm 1900, cha ông được đi học tại trường nữ sinh do ông nội ông làm hiệu trưởng. Một ngoại lệ hiếm hoi đối với những quy định thuộc địa ngặt nghèo liên quan đến việc đào tạo nam nữ riêng biệt. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông Viễn *ra Bắc, đến Hà Nội* để học làm một *agent technique*, một nhân viên công chánh. Các kỹ sư chia công việc của mình thành nhiều chuyên ngành khác nhau: lập bản đồ, trắc đạc, nạo vét kênh, xây cầu đường. Cha của Phạm Xuân Ẩn rất giỏi về lập bản đồ. Ông dành phần lớn thời gian của mình cho công việc trong rừng rậm và những khu vực hoang dã của Nam Kỳ,

quan sát để lên kế hoạch khởi công cho những đồng nghiệp của mình, những người đến sau và xây dựng hệ thống công trình công cộng của miền Nam. Bản thân Phạm Xuân Ẩn cũng nắm vững những kỹ năng này khi ông bắt đầu vẽ bản đồ các chiến trường trong chiến tranh Việt Nam. Một trong những công việc quan trọng nhất của ông tại tòa báo *Time* là nộp bảng tọa độ hàng tuần về tất cả bố trí lực lượng quân sự và chiến sự của cuộc chiến tranh đang diễn ra.

Bất chấp vị thế đặc quyền của mình là những viên chức, các thành viên trong gia đình Phạm Xuân Ẩn không hề làm ngo trước cảnh lầm than xung quanh họ. Lao động cưỡng bức và lực lượng nông dân bị bần cùng hóa tạo thành nền tảng cho nền kinh tế thuộc địa. Ngô Vĩnh Long, trong cuốn sách *Trước cách mạng: Nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc* đã miêu tả những đồn điền cao su của Việt Nam hoạt động như những trại lao động nô lệ như thế nào, với tỷ lệ tử vong hàng năm cao hơn 20%. Suu thuế hà khắc đối với nông dân, lao dịch, một hệ thống kiểm soát bằng cảnh sát và nhà tù tinh vi, nạn đói xảy ra liên tục ở vùng nông thôn kéo theo những cuộc nổi dậy của nông dân và những vụ đàn áp chóng vánh - đó là nền tảng kinh tế chính trị học đã đẩy đại đa số người dân Việt Nam vào cảnh khốn cùng. Đồng thời, người Pháp cũng xây dựng đường sá và trường học ở nhiều nơi trên cả nước, và thư từ được chuyển đi một cách mau lẹ đáng kể. Hệ thống kinh tế này vận hành như một cỗ máy khổng lồ trong việc biến rừng rậm thành những đồn điền lúa gạo và cao su, và nó cũng mang đến sự nhàn tản cho những người Pháp ở thuộc địa để có thể dành các buổi chiều nhấm nháp rượu Pernod trên sân thượng của khách sạn Continental Palace.

Sự phản kháng của người Việt Nam đối với ách thống trị thuộc địa của người Pháp diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Một số người Việt Nam muốn khắc phục sự tàn bạo trong hệ thống cai trị của người Pháp trong khi vẫn duy trì một liên minh Pháp-Việt để phòng ngừa người Trung Quốc. Những người khác lại kêu gọi lật

đồ ách thống trị của thực dân Pháp. Gia đình ruột thịt của ông Ân muốn chấm dứt thời kỳ thực dân. “Nếu là một giáo viên, hàng ngày khi đối diện với các học sinh của mình, anh có thể thấy là gia đình họ rất nghèo, và anh biết tại sao họ lại nghèo như thế,” ông Ân nói. “Ông nội tôi thấy hậu quả do sự đô hộ của thực dân Pháp gây nên, và ông không có cách nào khác hơn là chống lại nó.”

Cha của Phạm Xuân Ân cũng nhận ra những hậu quả đó. “Ba tôi vẽ bản đồ trong rừng bằng cách kéo thước dây cuộn, đây là công việc rất khó nhọc trong rừng rậm,” Phạm Xuân Ân nói. “Ông phải dựng những cái chòi rất cao để lấy đường ngắm và phải dựa vào những *chaineurs* (những người đo đạc bằng thước dây), bao gồm tù khổ sai và các nông dân quá nghèo đến mức không có tiền đóng thuế.” Sau khi lập bản đồ khu vực xung quanh Biên Hòa, ông Phạm Xuân Viễn được điều chuyển về Rạch Giá. **Khu vực rộng mênh mông gồm những đầm lầy và rừng đước nằm sát Vịnh Thái Lan này đánh dấu sự kết thúc công cuộc Nam tiến của Việt Nam.** Xa lánh hoàn toàn khỏi thế giới văn minh, khu vực này rất thưa thớt dân cư, là nơi định cư của những người Hoa và Campuchia lánh nạn, và của những tên cướp biển hoành hành ngoài khơi vùng vịnh. Bao quanh Rạch Giá là rừng U Minh, một vùng đất ngập nước phủ kín các loài cây tràm *Melaleuca* và những rừng tràm. Hàng nghìn những chiếc đò bắt cá, những chiếc lồng hình tam giác được đan từ nan tre, nổi trên mặt nước. Những thân tràm trắng và mảnh mọc chen chúc trong đầm lầy, cùng với vô số loài côn trùng, trong đó có cả loài ong mật có tổ bị săn tìm rất ráo riết. Người Pháp cố rút nước khỏi những đầm lầy này và khơi kênh rạch để biến chúng thành những đồn điền trồng lúa, nhưng họ không bao giờ thuần hóa được hoàn toàn những vùng đất hoang dã của rừng U Minh. Khu rừng là nơi tập hợp lực lượng Việt Minh. Nó cũng đóng một vai trò tương tự đối với Việt Cộng, và đây chính là nơi Phạm Xuân Ân được huấn luyện để trở thành một chiến sĩ cách mạng.

Khi còn nhỏ, Phạm Xuân Ẩn đi khắp nơi qua những vùng sông nước rộng mênh mông của rừng U Minh trên con xuồng tam bản của gia đình luôn chất đầy những thiết bị trắc địa và bản đồ của cha ông. Đến đêm gia đình neo xuồng vào những xóm làng ven kênh, nơi chính quyền địa phương cho họ mượn những túp lều để nấu nướng và ngủ lại. Một buổi tối trước khi Phạm Xuân Ẩn tròn hai tuổi, cả gia đình đang băng qua cửa một con sông lớn đổ thẳng ra đại dương thì hai chiếc vôi của một con lốc biển bắt đầu ập tới. “Trông nó giống như những chiếc cô đen sì của hai con ngỗng quăn chặt vào nhau vậy,” ông Ẩn kể. Con xuồng qua được con lốc xoáy, nhưng mẹ ông, khi đó đang mang thai em gái ông, nhận ra rằng cuộc sống trên sông nước là quá nguy hiểm đối với cậu con trai đầu lòng của bà, và Phạm Xuân Ẩn được mẹ đưa về sống cùng ông bà nội ở Huế.

Họ sống trong một ngôi nhà gạch, do cha của ông xây dựng, nơi trú ngụ của ông nội cùng bà vợ cả và bà vợ hai, cùng với người chú con bà trẻ và người cô của ông Ẩn. Sau khi sinh hạ người con thứ hai ở Huế, mẹ ông lại quay vào với chồng ở miền Nam. “Tôi bị bỏ lại đó sống cùng với ông nội khi mới lên hai tuổi,” ông Ẩn nói. Ông không hề dùng cái từ *bỏ lại* một cách vô tình. Giai đoạn xa cách khỏi bố mẹ này của ông chỉ vài năm sau lại được tiếp diễn với một giai đoạn xa cách khác, mà ông Ẩn gọi là thời gian lưu đày của mình.

Phải hai năm sau Phạm Xuân Ẩn mới gặp lại cha mẹ. Họ về Huế khi bà nội ông qua đời, và sau đám tang, họ đưa Phạm Xuân Ẩn quay trở lại Nam Kỳ. Không còn sống trên một con xuồng nữa, cả gia đình trú ngụ trong một ngôi nhà ở tỉnh Gia Định bên ngoài Sài Gòn, nơi vào thời điểm đó còn là một tỉnh lỵ với vài trăm ngàn dân, bao quanh là những cánh đồng lúa, đồn điền cao su, và rừng rậm. Mới chỉ có vài con đường cắt qua vùng nông thôn (cha của Phạm Xuân Ẩn được phân công quy hoạch nơi chúng sẽ chạy qua), nên người dân đi qua khu vực này bằng những đường mòn xuyên rừng,

chủ yếu là đi bộ và thỉnh thoảng là bằng xe thổ mộ, một loại xe nhỏ hai bánh do ngựa kéo.

Và thế là bắt đầu chuyện tình trọn đời của Phạm Xuân Ẩn với Sài Gòn. Ông dành hàng giờ dọc bờ sông Sài Gòn, đu những cành đa và nhảy ùm xuống nước. Ông đánh bạn với những người công nhân ở nhà máy đóng tàu Ba Son, họ đúc cho ông những đồng xu có hình thù kỳ dị để chơi đánh đáo. Ông nhảy xe điện đến Chợ Lớn, khu của người Hoa, rồi lại quay về rạp xi nê gần cầu Đa Kao, để xem những bộ phim có diễn viên Johnny Weissmuller thủ vai Tarzan. “Đó là một giấc mơ tuyệt đẹp về tự do trong rừng rậm,” Phạm Xuân Ẩn nhận xét về những bộ phim này. “Tôi đã nghĩ rằng dưới chế độ cộng sản tôi sẽ sống như Tarzan. Tôi đem giấc mơ này vào cuộc cách mạng.”

“Hãy nhìn Tarzan mà xem,” ông Ẩn thốt lên. “Anh ta có gì chứ? Chỉ có một chiếc khố. Khi anh là một người cộng sản, anh cũng trở thành Tarzan, vua của rừng rậm.” Đây là chủ nghĩa cộng sản kiểu trượng thái tự nhiên thuần khiết, một mô hình mơ mộng kiểu Rousseau. Nó là phiên bản triết lý trung học về chủ nghĩa cộng sản, mà Phạm Xuân Ẩn tiếp thu từ những cuốn sách do Đảng Xã hội Pháp gửi cho các học sinh sinh viên ở những thuộc địa. “Vâng, tôi là một người cộng sản,” ông nói. “Chủ nghĩa cộng sản là một học thuyết rất đẹp, học thuyết nhân văn nhất. Những lời răn dạy của Chúa trời, đấng Sáng tạo, cũng như vậy. Chủ nghĩa cộng sản dạy chúng ta phải yêu thương, thay vì giết hại lẫn nhau. Cách duy nhất để làm được điều đó là tất cả mọi người phải trở thành anh em, khéo phải mất cả triệu năm. **Không tưởng**, nhưng rất đẹp.”

Là một nhà phân tích chính trị, Phạm Xuân Ẩn hiểu những hạn chế của chế độ cộng sản mà ông sống **biết rằng chủ nghĩa cộng sản là một “vị thần đã thất bại”, chịu trách nhiệm về cái chết của nhiều triệu người, ông biết quá rõ những hạn chế của chế độ cộng sản mà ông đã sống.** Nhưng chàng thanh niên Phạm Xuân Ẩn yêu nước đã quyết định chọn con đường đấu tranh vì một nước Việt Nam độc

lập. Lực lượng **hiệu quả nhất** cho vai trò lãnh đạo cuộc đấu tranh này chống lại người Nhật, người Pháp, người Mỹ, **người Trung Quốc, người Campuchia** cùng những thế lực ngoại xâm khác trên đất nước bị chia cắt của ông chính là những người cộng sản. “Tại Việt Nam này, anh phải tham gia vào tổ chức nào để thực hiện cuộc đấu tranh cho tổ quốc của mình?” ông hỏi. “Anh không có sự lựa chọn nào khác ngoài Đảng Cộng sản.”

Phạm Xuân Ân rất sung sướng khi được đoàn tụ với cha mẹ mình tại Sài Gòn, nhưng trường học lại là chuyện khác. Đăng ký vào trường tiểu học của Pháp, ông phải trải qua một kỳ thi quan trọng vào cuối năm thứ ba. Nếu thi trượt, ông sẽ phải học lại cả năm đó. Nếu trượt lần nữa, ông sẽ bị đuổi học. Kỳ thi này quan trọng đến nỗi, vào ngày tổ chức thi, cảnh sát vây kín quanh lớp học của Phạm Xuân Ân và khóa chặt cửa ngăn cản những bậc cha mẹ cố tìm cách hối lộ giám thị.

“Tôi thi trượt,” Phạm Xuân Ân nói. Ông cười khi nhớ lại bước thụt lùi về con đường học vấn này, một tiếng cười khùng khục, sáng khoái. “Trường học nơi tôi học giỏi nhất và trải qua những ngày sung sướng nhất là *l'école buissonnière*,” ông nói, sử dụng từ ngữ tiếng Pháp có nghĩa là trốn học.

Cha của một bạn cùng lớp với Phạm Xuân Ân là thợ đóng quan tài. Đêm đến, Phạm Xuân Ân lên ra khỏi nhà đến ngủ với bạn trong những chiếc quan tài trống không. (Khi công việc làm ăn ế ẩm, người đóng quan tài tin rằng sẽ là may mắn nếu chỗ hàng thừa của mình được trưng dụng tạm thời.) “Bên trong những chiếc quan tài rất ấm áp, nên tôi ngủ ngon lành,” Phạm Xuân Ân kể. “Ông già tôi đi ra ngoài tìm tôi. Khi phát hiện ra tôi đã ngủ trong những chiếc quan tài ở nhà bạn là ổng lại cho tôi ăn đòn.”

“Những đêm khác, tôi cùng đám bạn ra ngoài săn ma. Tụi tôi trốn gần bãi tha ma, bên cạnh một rặng tre. Người ta bảo là vào ban đêm, khi ma hiện lên, chúng phát ra một tiếng động, và nếu nhìn vào một ngôi mộ, anh có thể thấy linh hồn đang bay lên khỏi xác.

Thực ra đây là lớp sương ẩm bốc lên khi trời bắt đầu đổ mưa, nhưng tụi tôi cứ tưởng những đợt sương đầu tiên bốc lên là linh hồn của người chết đang bay lên khỏi mộ. Và thế là chúng tôi nằm chờ đợi, rồi đêm xuống, khi gió thổi qua, những thân tre sẽ cọ vào nhau tạo thành tiếng kẽo kẹt, giống tiếng xương người lạch cạch trong quan tài. Đó là tiếng động mách bảo chúng tôi hãy sẵn sàng, sắp có ma hiện hình.”

Khi Phạm Xuân Ân kể cho tôi nghe câu chuyện này, ông khiến tôi nhớ đến nhân vật Tom Sawyer, mãi mê gọi hồn người chết và giờ đủ những trò phá phách, trong khi đó ở nhà thì cha của ông, đóng vai dì Becky, đang chuẩn bị cho ông ăn một trận đòn như tử.

Cách 5 kilômét bên ngoài thành phố Sài Gòn thuộc địa, khu vực rừng rú nơi gia đình Phạm Xuân Ân sống trở nên tối thui và tĩnh lặng khi đêm xuống, trừ tiếng rao buồn thảm của người bán đậu phộng, khi anh ta đi từ nhà này sang nhà khác, bán những gói đậu phộng rang hình nón với giá vài xu. Thỉnh thoảng Ân ta cũng được phép mua một gói đậu phộng rang như một món quà hậu hĩnh. Một buổi tối, với những cơn mưa theo gió mùa tây nam đang trút xuống mái nhà, ông nghe thấy tiếng rao xa xa của người bán đậu phộng. Phạm Xuân Ân nhớ lại giọng rao ai oán từ thời thơ ấu: *Ai đậu phộng rang nào, ai đậu phộng rang không.*

Khi mở cửa, Phạm Xuân Ân phát hiện ra rằng người bán đậu phộng cũng chỉ là một cậu bé trạc tuổi mình. Thứ duy nhất giúp cậu ta chống chọi với cơn mưa xối xả là chiếc nón lá và tấm áo toại đan bằng lá dừa nước.

Phạm Xuân Ân đã quay lại với bài tập về nhà của mình và tốp tốp nhai đậu phộng rang. Khi cha cậu hỏi cậu nghĩ gì về cậu bé bán đậu phộng dạo, Ân trả lời: “Nó cũng là một thằng bé như bất kỳ thằng bé nào khác chứ có gì đâu.”

“Con nghĩ vậy sao? Nếu thế tại sao con lại đang ngồi đây, trong căn phòng tiện nghi này? Tại sao con lại được đọc sách dưới ánh

điện trong khi nó thì phải ở ngoài đêm tối, chẳng có gì mà mặc ngoài một chiếc áo tôi làm bằng lá dừa nước? Nó đang đi kiếm tiền nuôi sống gia đình. Ba má nó rất nghèo. Tại sao con không biết tận dụng hoàn cảnh may mắn của mình? Tại sao lúc nào con cũng chạy lông bông, hết ngày đến đêm, hết đêm lại ngày? Ba đánh con là để con phải học, là vì tương lai của con thôi.”

Cả đòan roi lẫn la mắng đều không làm cậu thiếu niên bướng bỉnh biến chuyển. “Ông cho tôi ăn roi. Thế là tôi không học nữa,” Phạm Xuân Ân nói. “Cha tôi sợ tôi sẽ trở thành một dạng du côn Sài Gòn. Đó là lý do tại sao ông đày tôi về Truồi. Một khi đã học đến lớp ba tức là anh phải biết đọc và biết viết tiếng Pháp. Thậm chí cả môn toán cũng học bằng tiếng Pháp. Lịch sử được dạy bằng tiếng Pháp, và chủ yếu là lịch sử Pháp. Tôi học toán rất khá, nhưng tôi thi trượt môn chính tả tiếng Pháp, mà đó lại là môn được coi trọng nhất.”

“Ba tôi gửi tôi về Huế, rồi ông nội tôi tống tôi về Truồi,” Phạm Xuân Ân miêu tả về quãng thời gian mà ông gọi là đi đày. “Truồi là một vùng quê rất nghèo khổ, nhiều làng chỉ có chung một trường tiểu học. Hiệu trưởng trường đó là con nuôi của ông nội tôi. Vợ ông cũng là giáo viên trong trường. Tôi ở với họ một năm trời. Tôi tham gia kỳ thi và lại trượt. Ba tôi giận phát điên! Tôi đã dành cả năm trời ra để vui thú, chẳng học hành gì cả.”

Tưởng sống giữa những người nghèo khổ đến nỗi phải ăn ve sầu rang thay thịt và thấp sáng nhà cửa bằng mỡ chuột thì Ân sẽ học hành chăm chỉ hơn. Thế nhưng, cậu lại sung sướng được chơi trò trốn học và nhón nhơ rong chơi khắp vùng quê. Sau khi thi trượt lần nữa, cậu bị cha nện cho một trận nên thân và đưa trở lại Sài Gòn để áp dụng chế độ ngặt nghèo hơn.

Một buổi sáng, sau khi tôi kéo chuông cổng và Phạm Xuân Ân đi qua khu vườn ra đón tôi, tôi nhận thấy ông có vẻ mệt mỏi và ủ rũ. “Một người bạn vừa mất đêm qua,” ông nói. “Giờ thì chuyện đó xảy ra như cơm bữa.”

“Người già thì rụng răng,” ông nói. “Thứ lẽ ra nên rụng thay cho răng, vì chẳng còn tác dụng gì nữa, là ‘hòn bi’ của họ.”

“Tôi thực muốn lớn lên được giống như Tarzan. Được có một cô bạn gái và sống tự do trong rừng rậm. Thế mà giờ thì họ bắt tôi sống trong một ngôi nhà. Tôi phải mang cà vạt vào khi đi họp rồi dự đám cưới và đám ma. Tarzan có bao giờ phải mang cà vạt đâu cơ chứ.”

“Tôi cứ tưởng ông muốn lớn lên trở thành một tên gangster Việt Nam.”

“Khi anh là một tay gangster tốt, người ta sẽ kính nể anh. Anh có thể giúp đỡ họ. Anh chiến đấu vì những người yếu đuối chống lại những kẻ ức hiếp họ.”

“Điều gì đã xảy ra với kế hoạch của ông?”

“Ông nội tôi nói không. Ba tôi cũng nói không. Đó là lý do tại sao ông tống tôi về Truồi, khi ông nhận ra tôi đang cố trở thành một tay anh chị Sài Gòn. Ông hy vọng khi chúng kiến cuộc sống cơ cực của người nông dân, tôi sẽ biết đường hồi tâm chuyển tánh, nhưng tôi lại thấy thích. Ông có biết tại sao không? Bởi vì ba tôi đâu có ở đó. Tôi không còn bị ông cho ăn đòn với cái roi mây của ông.”

Phạm Xuân Ân được đưa trở về Sài Gòn để thử sức lần cuối cùng với kỳ thi của mình. Cậu quay lại với trò tắm sông và lông bông khắp thành phố, nhưng mọi việc đã thay đổi. Chiến tranh đang lù lù hiện ra tại châu Á. Thế giới đang dịch chuyển quanh cậu.

“Tôi có một người bạn, một cậu bé Việt Nam, đồng thời cũng là một công dân Pháp. Anh trai cậu ta bị người Pháp bắt đi quân dịch năm 1938 để phục vụ trong quân đội Pháp. Trước khi lên tàu sang châu Âu để đánh nhau với người Đức, anh bị nhốt trong doanh trại quân đội gần sở thú. Cứ đến cuối tuần là cậu bạn và tôi lại đi bộ từ Gia Định đến doanh trại, mang theo những nải chuối to bự. Mẹ anh muốn con trai mình được ăn chuối. Đó có thể là thức ăn cuối cùng của quê hương mà anh được ăn trước khi lên đường đi bỏ mạng ở châu Âu.”

Phạm Xuân Ân rất ít khi kể về mẹ mình, nhưng có câu chuyện về một cuộc tranh cãi trong gia đình xảy ra khi ông lên mười hay mười một tuổi gì đó. “Phụ nữ đẹp nhất trên thế giới là phụ nữ Pháp,” cha ông nói. “Không,” mẹ ông nói. “Gái Mỹ mới gọi là xinh nhất.”

Cha của Phạm Xuân Ân rất bất ngờ khi thấy ý kiến của mình bị phản bác, vì ông là một chuyên gia trong lĩnh vực này. Là một thành viên đáng kính trọng của giới viên chức dân sự Pháp, thỉnh thoảng ông được mời làm giám khảo những cuộc thi sắc đẹp địa phương tại các hội chợ hàng tỉnh, và theo ông thì những cô gái Pháp - chứ không phải gái Việt Nam hoặc *métisses* (gái lai) - mới là những phụ nữ xinh đẹp nhất.

“Tôi hỏi mẹ, ‘Làm sao má biết gái Mỹ đẹp nhất?’ ‘Thì cứ xem những bộ phim sản xuất ở Hollywood coi,’ bà nói. ‘Trong điệu bộ, lời nói, cử chỉ của mình, gái Mỹ đẹp hơn hẳn so với gái Pháp. Nên khi nào con lớn lên, con nên tới Mỹ và cưới một phụ nữ như vậy. Con sẽ được hạnh phúc. Đừng có cưới một đứa con gái Pháp. Chúng kênh kiệu lắm.’”

Để chứng minh quan điểm của mình, cha của Phạm Xuân Ân đưa cậu đi coi *Những người khôn khố*, một bộ phim về một gia đình Pháp bị bần cùng hóa với một cô gái Pháp xinh đẹp là nhân vật chính. Phạm Xuân Ân cảm kích với bài học này từ cha mình, nhưng những bộ phim cậu thực sự yêu thích lại là phim Mỹ với Charlie Chaplin cùng Laurel rồi Hardy và, tất nhiên, nhân vật Tarzan ưa thích của cậu.

Đến năm 1938, gia đình Phạm Xuân Ân chuyển từ Sài Gòn về Cần Thơ, thành phố thuộc địa náo nhiệt đóng vai trò là thủ đô kinh tế và văn hóa của châu thổ sông Mê Công. Cha của Phạm Xuân Ân thay thế một người Pháp đã bị động viên, ông được chính thức nâng lên ngạch kỹ sư, và Phạm Xuân Ân, mặc dù thi trượt, vẫn được nhận vào lớp bốn, nơi cuối cùng cậu cũng nắm vững cái môn *dictée* (chính tả) quý quai của tiếng Pháp. Nằm giữa nơi hợp nhất của hai dòng sông trong một mạng kênh rạch chằng chịt, Cần Thơ là trung

tâm của khu vực được biết đến với tên gọi Cửu Long, tức Chín con Rồng. Đây là cách nói ngụ ý chín nhánh của dòng sông Mê

Công chảy ngang qua vùng đồng bằng ngập nước phì nhiêu. Thành phố kín đặc những khu chợ nổi và bao quanh là những vườn cây ăn trái trồng sầu riêng, măng cụt và cam. Dừa và những vạt mía mọc khắp nơi, cả khu vực được che phủ bởi những cánh đồng lúa xanh biếc tạo thành vựa lúa gạo của cả vùng Đông Nam Á. **Trước kia Cần Thơ là nơi sinh sống của người Khmer Krom – tức người Thủy Chân Lạp – những người cai quản vùng này cho đến cuối thế kỷ mười bảy, khi các Chúa Nguyễn bắt đầu mở rộng ảnh hưởng của mình về phương Nam. Đến những năm 1860, người Pháp đã kiểm soát vùng châu thổ và bắt tay vào việc rút nước và đào kênh rạch biến vùng đầm lầy thành những đồn điền lúa gạo – một công trình được các thương nhân Ấn Độ bắt đầu từ mười tám thế kỷ trước đó .**

Phạm Xuân Ân là một học sinh vô tư lự được đến đâu hay đến đó, nhưng Chiến tranh thế giới thứ hai đang đến gần. Vì quá thiếu binh lính, người Pháp cố gắng thực hiện chế độ quân dịch với những người đàn ông khỏe mạnh của thuộc địa, thậm chí cả những người có tuổi như Phạm Xuân Viễn, cha của Ân. Năm 1938, ông Viễn bị gọi lên Sài Gòn để kiểm tra sức khỏe, nhưng bị loại. Năm 1940, người Nhật chiếm Đông Dương. Những người Pháp ở thuộc địa bị bỏ lại đành tự điều hành theo mô hình chính phủ Vichy của mình, tạo danh nghĩa Pháp cho sự cai trị thực sự của người Nhật Bản.

Phạm Xuân Ân trải qua những năm học trung học ở Collège de Cần Thơ, nơi đào tạo các học sinh nam đến hết lớp mười. Ân vẫn là một cậu học sinh xoàng, nhưng lại rất được cảm tình của những giáo viên khâm phục tính tự lập và tò mò của cậu. Họ nhận thấy ở cậu một mẫu người Việt Nam mới - nhanh nhẹn, tháo vát, và có máu phiêu lưu. Thế giới đang đảo lộn vì chiến tranh và không khí cách mạng sôi sục. Kỷ nguyên thực dân của Pháp đang sụp đổ.

Người Việt Nam hiểu rằng làm chủ môn *dictée* tiếng Pháp sẽ là không đủ để bảo đảm thành công trong thế giới mới này. Một số giáo viên của Phạm Xuân Ẩn, đặt trọn kỳ vọng của họ vào cậu bé tinh quái này, đã cố đẩy cậu về phía trước.

Phạm Xuân Ẩn cảm thấy rằng thế giới của người Pháp ở châu Á đã chết, mặc dù cũng phải mất thêm 15 năm nữa thì cuối cùng cái xác này mới bị mang ra khỏi sân khấu. Cậu bắt đầu có những buổi học tiếng Anh riêng từ một mục sư Tin Lành người Việt Nam từng được đào tạo ở Singapore, thế là cậu trở thành một người say mê nghiên cứu văn hóa Mỹ, và đặc biệt thấy ấn tượng với lịch sử cách mạng, những bộ phim và những tay gangster Chicago huyền thoại của đất nước này.

Năm 1941, cha của Phạm Xuân Ẩn được chuyển về địa hạt cũ của mình gần rừng U Minh. Gia đình của cậu, lúc này đã gồm cả em gái và hai em trai cậu, chuyển về Rạch Giá, trong khi Ẩn ở lại Cần Thơ. Giáo viên môn tiếng Pháp của cậu là Trương Vĩnh Khánh đảm nhiệm thay vai trò người cha vắng mặt của Ẩn. Ông Khánh là một đối trọng đầy yêu thương và ân cần so với ông Viễn nghiêm khắc. Không chỉ am tường sâu sắc về văn học Việt Nam và văn học Pháp, thầy Khánh còn là một người yêu thể thao và, giống Phạm Xuân Ẩn, thầy cũng rất hài hước. Là một công dân Pháp xuất thân từ gia đình địa chủ giàu có, ông Khánh có hiểu biết sâu sắc về nước Mỹ, đất nước mà ông cảm thấy sẽ là thế lực lớn tiếp theo ảnh hưởng đến Việt Nam.

Ông Khánh có sự bao dung từng trải cần thiết để hiểu rõ giá trị của một học sinh như Phạm Xuân Ẩn, người không bao giờ học hành đủ chăm chỉ để đạt điểm cao hơn mức trung bình nhưng lại sở hữu cơ man nào những trò hài hước và tinh thần hoang dã. Ngày nào hai thầy trò cũng tập luyện với cái bao cát và đấu với nhau trong phòng tập quyền Anh của thầy. “Tôi rất yêu quý ông. Ông dạy tôi đủ mọi thứ trên đời,” Phạm Xuân Ẩn nói.

Những người bạn Mỹ của Phạm Xuân Ẩn coi ông như là một người trong số họ, nhưng nền giáo dục đầu đời của ông lại mang ảnh hưởng sâu sắc của Pháp. Mỗi khi gặp khó khăn trong việc tìm một từ bằng tiếng Anh, thì hiện ra trong đầu ông luôn luôn là một từ tiếng Pháp. Ý thức của ông về chủ nghĩa dân tộc Việt Nam và giác ngộ ban đầu về học thuyết của Marx cùng chủ nghĩa cộng sản đều được vay mượn từ nước Pháp. “Khi là học sinh chúng tôi đã biết về tinh thần ái quốc và chủ nghĩa dân tộc, mà làm thế nào chúng tôi lại biết những thứ đó?” Phạm Xuân Ẩn hỏi.

“Bởi vì chúng tôi được người Pháp dạy.”

“Trong năm đầu tiên học trung học chúng tôi chỉ được phép học mỗi tuần một giờ tiếng Việt. Toàn bộ phần còn lại của chương trình là bằng tiếng Pháp. Họ dạy chúng tôi về Cách mạng Pháp, về gốc gác của nước Pháp, sự đoàn kết của nước Pháp, những cuộc chiến tranh của Pháp, lịch sử Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và những cuộc chiến tranh khác của nước Pháp với nước Đức, tôn giáo Pháp, Công giáo, triều đình và giới quý tộc, luật pháp của Pháp. Giáo dục công dân được chú trọng đặc biệt,” Phạm Xuân Ẩn nói, ám chỉ đến ý tưởng về một dân tộc thống nhất, với những quyền lợi được cụ thể hóa trong một nhà nước có hiến pháp.

Thầy Khánh bổ sung vào vốn kiến thức của Phạm Xuân Ẩn về văn học Pháp những câu chuyện ngụ ngôn của Jean de La Bruyère và Jean de La Fontaine. Phạm Xuân Ẩn yêu thích những câu chuyện này về con người và các con vật, chúng cho thấy sự khác biệt duy nhất giữa hai giới là thói kiêu ngạo và tham vọng của con người, điều này có thể coi là hạn chế của chúng ta khi so với sự đơn giản cao quý của các loài động vật khác. “Cứ lúc nào thấy buồn là tôi lại đọc truyện ngụ ngôn của La Fontaine, bởi vì ông ấy là một *professeur universel* (thầy giáo phổ cập),” Phạm Xuân Ẩn nói. “Một tác giả yêu thích khác của tôi là Jean de La Bruyère. Ông ấy là một nhà văn rất lạc quan. Ông dạy anh cách mỉm cười, để sống vui vẻ. Thầy Khánh

giới thiệu cho tôi những nhà văn này. Đó là lý do tại sao tôi nợ ông rất nhiều.”

“Ông cho rằng tôi nên sang Pháp học. ‘Ở Pháp không có rừng rậm,’ ông nói. ‘Trò sẽ không bị bạn bè nào rủ ra ngoài đi chơi cả. Sẽ không còn trò tắm sông, đấu quyền Anh, tập luyện hàng ngày. Trò sẽ buộc phải trở nên nghiêm túc, như người Pháp.’”

Thầy Khánh nảy ra một ý tưởng khác. “Vì môn học duy nhất mà tôi giỏi là *l'école buissonnière* - trốn học - nên ông nghĩ tôi sẽ trở thành một tay gangster. ‘Trò sẽ không bao giờ trở thành một học sinh tử tế,’ ông bảo tôi. ‘Để nói tiếng Pháp, tất cả những gì trò cần là học ba từ. Để nói tiếng Anh, học thêm ba từ nữa. Còn lại, trò nên học cách đánh nhau. Trò nên trở thành trùm gangster toàn Nam Kỳ này. Như thế trò sẽ được gia đình kính trọng và bạn bè kính nể.’”

“‘Những tay gangster khét tiếng nhất là ở Chicago,’ ông nói. ‘Trò nên trở thành một tay gangster Việt Nam, nhưng học cách làm từ những tay gangster Chicago.’ Ông khuyên tôi nên tới Mỹ và học về công nghệ, cách thức hiện đại để làm mọi việc. Ông kể rằng, những tay gangster Chicago, mỗi khi đánh nhau, bao giờ cũng dùng *poing américain*, nắm đấm bằng đồng. Ông dạy tôi cách tạo chúng. Anh đổ chì nóng vào một chiếc khuôn rồi làm mát bằng nước. Anh có thể đấm vỡ sọ đối phương một cách dễ dàng.”

Ông Khánh và cậu học trò của mình dành hàng giờ trao đổi những câu chuyện đùa cợt và tếu táo về việc huấn luyện trong tương lai để Phạm Xuân Ẩn trở thành một tay gangster Mỹ. Một trong những câu chuyện của ông Khánh liên quan đến những lò mổ của Chicago. Với một nụ cười lệch trên khóe môi, Phạm Xuân Ẩn kể cho tôi nghe về chiếc máy kỳ diệu ở Chicago dùng để giết lợn, mà ông Khánh xem là đỉnh cao của công nghệ Mỹ. “Ở Việt Nam, chúng tôi trói con lợn xuống và lấy dao chọc tiết nó. Chúng tôi lấy tiết. Chúng tôi mở phanh bụng con lợn và moi hết bộ đồ lòng ra. Ở Mỹ, các ông không bao giờ động đến con lợn. Nó vừa bắn thủ, vừa đã man. Dân Mỹ là những người rất sạch sẽ. Họ có những con lợn

giống Yorkshire và Berkshire tuyệt đẹp, to lớn hơn nhiều so với lợn của Việt Nam. Mỗi con nặng hơn một tạ.”

Vừa kể cho tôi nghe câu chuyện này, Phạm Xuân Ân bắt đầu nhại tiếng ụt ịt của một con lợn Yorkshire đang trên đường lên bàn mổ. Ông bắt chước rất tài tình. Tôi đang nghe tiếng ụt ịt hoàn hảo của một con lợn Yorkshire ngay giữa Sài Gòn. Tại các lò mổ, nơi những con lợn bị giết, một người Mỹ đi giày bóng lợn và đeo cà vạt mở chiếc cổng dẫn đến một cỗ máy kim loại khổng lồ. Ông ta ấn một chiếc nút. Con lợn rơi xuống. Cỗ máy kết liễu đời nó. Con lợn bắn thủ đi vào đầu bên này của chiếc máy và đi ra ở đầu kia, được nấu chín hoàn toàn và bày biện ngon lành trên một chiếc đĩa. Xúc xích, giăm bông, salami - tất cả đều được chế biến trong chiếc máy kỳ diệu đó.

“Ở đầu phía bên kia chiếc máy có một người đàn ông lịch lãm mặc bộ vét tuxedo và đeo cà vạt nơ đang ngồi. Trước mặt ông ta là một chiếc bàn phủ khăn trắng tinh, bộ đồ ăn bằng pha lê và bạc rất tinh xảo, cùng một chai rượu vang hảo hạng. Thức ăn đi ra khỏi chiếc máy và được đặt lên đĩa. Ông ta ném thử một miếng. Ông ta nhấp một ngụm rượu vang. Ông ta rít một hơi xì gà. Ông ta dừng lại và gật đầu một cái - nhưng chỉ khi nó đáp ứng được tiêu chuẩn cao nhất của ông ta - thế là thức ăn được chuyển đi để phân phối khắp cả nước tới tất cả các siêu thị trên nước Mỹ.

“Nếu ông ta không vừa lòng, ông ta lắc đầu và có người lại ấn một chiếc nút khác. Thức ăn được mang đi khỏi đĩa của ông ta, quay trở lại chiếc máy. Ông có biết sau đó chuyện gì xảy ra không? Chui ra ở đầu kia của chiếc máy là con lợn Berkshire!

“Tôi đến Chicago và cố công đi tìm chiếc máy này,” Phạm Xuân Ân kể, nhắc lại những chuyến đi khắp nước Mỹ của mình trong những năm 1950. “Hồi đó thầy giáo của tôi đã mất rồi, nếu không tôi đã viết thư để nói với ông rằng tôi không tìm thấy chiếc máy kỳ diệu đó ở bất kỳ nơi đâu trên nước Mỹ.”

Trong hoàn cảnh của nước Việt Nam thời chiến, gợi ý của ông Khánh về việc Phạm Xuân Ẩn trở thành một tay gangster cũng không có gì là viển vông. Việt Nam có truyền thống lâu đời về những băng đảng tội phạm. Người Pháp sử dụng những công ty tội phạm để tài trợ cho công cuộc cai trị thuộc địa của mình, và họ cất đặt những tên gangster điều hành đất nước. Tại nước Việt Nam thuộc địa, trở thành một trùm gangster thực sự có thể làm con người ta “được gia đình và bạn bè kính nể”.

Khét tiếng trong những tay anh chị Việt Nam hiện đại là Lê Văn “Bảy” Viễn. Xuất thân từ một tay đâm thuê chém mướn mù chữ, đầu bò đầu bấu, cực giỏi võ Tàu, Bảy Viễn là đại ca của những tên cướp vùng kênh rạch Bình Xuyên kiểm soát hoạt động buôn bán thuốc phiện cùng tất cả các sòng bạc và nhà thổ tại Sài Gòn. Là một kẻ từng tốt nghiệp nhà tù Côn Đảo, về sau y ngoi lên trở thành thị trưởng không chính thức của Sài Gòn, kẻ giàu nhất thành phố, trùm cảnh sát trong thực tế, và cũng là một viên tướng.

Xét theo một khía cạnh, toàn bộ lịch sử Việt Nam – tất cả năm mươi thế kỷ đó – có thể được xem như sự tiếp nối dài dằng dặc của cuộc tranh giành giữa những băng đảng. Việt Nam là một giao lộ khổng lồ, một cái nôi hàm đúng nghĩa đối với tất cả các nền văn hóa, dường như tất cả đều đến cắm cọc ở vùng đất này, vì nó là nơi xa quê hương nhất mà người ta tới được. Việt Nam là nơi người ta tìm đến sau một cuộc cách mạng thất bại ở Trung Quốc, Ấn Độ, Campuchia, hoặc Pháp. Nó là vùng đất của những tên cướp biển, những kẻ lưu đày, thủ lĩnh, và các băng đảng tội phạm, tất cả đều hỗn chiến với nhau trong bóng tối của những khu rừng rậm và đồng bằng nhiệt đới luôn có lũ lụt trên đất nước này.

Việt Nam là tên gọi xuất phát từ Nam Việt, nghĩa là những người Việt ở “phương Nam”, những người bị buộc phải di cư từ vùng đầu nguồn sông Mê Công ở Tây Tạng xuống vùng châu thổ sông Hồng và sông Đà. Khi người Việt tiếp tục đi xuống phía Nam, họ tiếp xúc với những nhóm người đến từ Ấn Độ,

Campuchia và Mã Lai đã định cư ở các khu vực màu mỡ trồng lúa của vùng châu thổ sông Mê Công. Lịch sử tranh chấp của vùng châu thổ bắt đầu nổi lên từ thế kỷ đầu tiên của Công lịch, khi nền văn minh chịu ảnh hưởng của Ấn Độ là Phù Nam được thiết lập. Phù Nam có những thành quách kiên cố với đầy đủ các thư viện và thợ bạc cùng một hạm đội mạnh, cho phép nó kiểm soát được những vùng ven biển của Việt Nam. Ở phía Bắc vương quốc Phù Nam, một nền văn hóa khác chịu ảnh hưởng của Ấn Độ bắt rễ ở đây, tức là nước Chăm Pa .

Như William Cassidy, người đã viết một tác phẩm rất sống động có tên gọi *Truyền thống tội phạm ở miền Nam Việt Nam* (1991), đã miêu tả, “Cái mà ngày nay chúng ta gọi là Sài Gòn bắt nguồn từ một tập hợp những ngôi làng nằm sâu trong nội địa, cách bờ biển khoảng 80 cây số, trước kia được gọi là Prey Kor, tức là ‘Vùng đất rừng’, nơi trốn tránh và ẩn náu đi về cho những tên cướp biển quấy nhiễu tàu bè trên biển đi về phía Nam và tàu bè trên sông đi về phía Tây. Khu vực này chứng kiến một cơn lốc xoáy của nạn cướp biển và cướp bóc. Hạm đội cướp biển Mã Lai hoạt động ở sâu trong đất liền từ Côn Đảo. Những hạm đội cướp biển Chăm Pa hoạt động ở phía Nam từ mạn Huế trở vào. Những băng cướp Phù Nam và Chăm độc quyền các tuyến đường trên bộ.”

Đến năm 1859, **một băng cướp biển mới - người Pháp** - đã chiếm Sài Gòn, và đến năm 1862 vua Tự Đức đã phải nhượng phần lớn Nam Kỳ cho những vị chúa tể người Âu mới của mình. **Campuchia sụp đổ năm 1863** và đến năm 1884, **toàn bộ khu vực này** nằm dưới sự cai trị của người Pháp. Người Pháp trấn áp nạn cướp bóc dọc bờ biển, thích tự mình kiểm soát hoạt động trên biển và thu thuế. Điều này khiến dân anh chị Việt Nam phải chuyển vào trong đất liền, nơi họ trở thành những tên cướp sông, ẩn náu trong những khu vực đầm lầy phía Đông Nam Chợ Lớn - khu người Hoa của Sài Gòn. Ở ngay Chợ Lớn thì những tên cướp sông cũng điều hành các nhà chứa, tiệm hút thuốc phiện và sòng bạc. Khu vực tập trung cho

những hoạt động tội phạm của họ là một nơi được gọi là Rừng Sát, nghĩa là “Khu rừng của những sát thủ”. Tại đây, ở ấp Bình Xuyên, hình thành một khối hỗn tạp bất hảo những băng cướp đâm lầy, những tên côn đồ đường phố ở Chợ Lớn, công nhân hợp đồng bỏ trốn khỏi đồn điền cao su Michelin, cùng thành viên của đủ các băng đảng tội phạm có liên quan đến Hội Tam hoàng của người Trung Quốc và các hội kín của người Việt Nam.

Đến đầu những năm 1930, những tên cướp ở Bình Xuyên chào đón vào hàng ngũ của mình một tay lưu manh đường phố trẻ tuổi có tên là Bảy Viễn. Y bị người Pháp bắt giữ và tống giam ở Côn Đảo, nhưng may mắn thoát được khi người Nhật giành quyền cai trị Việt Nam năm 1941. Người Nhật thả những dân anh chị Bình Xuyên ra khỏi Đảo Quỷ và bắt đầu sử dụng chúng làm công cụ hữu ích trong việc cai trị đất nước. Sau vụ Nhật đảo chính ngày 9 tháng 3 năm 1945, khi những công dân Pháp tại Việt Nam bị vây bắt và tống giam, Bảy Viễn xuất hiện như một quan chức cảnh sát của chính phủ.

Sự cai trị của Nhật Bản tại Việt Nam phủ bóng đen lên những năm tháng niên thiếu của Phạm Xuân Ẩn. Ông coi người Nhật Bản như một sự bổ sung chậm chạp vào hàng dài những kẻ ngoại xâm tìm cách đô hộ tổ quốc mình. Có chăng chỉ khác là người Nhật Bản thậm chí còn tàn tệ hơn cả người Pháp. Những người Việt Nam khác liên kết với thế lực chính trị mới này, háo hức trước viễn cảnh người châu Á cai trị châu Á - một chiêu bài phân biệt sắc tộc mà người Nhật Bản đã khai thác rất hiệu quả.

“Người Nhật Bản nói về thuyết ‘Đại Đông Á’ và ‘Châu Á cho người Đông Á,’” Phạm Xuân Ẩn nói. “Họ muốn tống cổ tất cả những người da trắng ra khỏi châu Á. Cuối cùng thì chỉ còn Hàn Quốc và Hồng Kông là những nơi mà người da trắng còn bám trụ được. Người Nhật Bản coi đây là thành công vĩ đại của mình.”

Các đảng phái chính trị của Việt Nam và thậm chí cả các giáo phái tôn giáo của nước này bắt đầu ngã theo đường lối Nhật Bản.

“Người Nhật rất khôn ngoan,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Họ tạo ra tôn giáo Hòa Hảo. Họ chiêu nạp tôn giáo Cao Đài. Họ lập ra đảng chính trị Đại Việt và tuyển mộ sinh viên vào Việt Nam Quốc Dân đảng, chịu ảnh hưởng của Tôn Dật Tiên. Họ cũng rất khôn ngoan trong việc sử dụng người Pháp chống lại cộng sản. Họ biết những người cộng sản Việt Nam chống lại mình, nên để duy trì trật tự và huy động nền kinh tế phục vụ cho các lực lượng Nhật Bản, họ giữ người Pháp lại để có thể sai khiến.”

Một phần của chính sách động viên này bao gồm cả việc hoán đổi ruộng lúa của Việt Nam thành những ruộng trồng đay phục vụ cho bộ máy chiến tranh của Nhật Bản, hậu quả là hai triệu người Việt Nam chết đói. Sự đô hộ của người Pháp ở Việt Nam kết thúc năm 1945 với cuộc đảo chính của người Nhật. Khi Phạm Xuân Ẩn chứng kiến những công dân Pháp ở Cần Thơ bị đánh đập và bắt phải ngồi trên quảng trường thành phố cả ngày không được uống nước trước khi bị tống vào ngục, khung cảnh đó để lại cho anh sự ác cảm sâu sắc đối với người Nhật và di sản thuộc địa của họ tại châu Á.

Mặc kẹt giữa làn sóng yêu nước sôi sục lan khắp Việt Nam cuối Chiến tranh thế giới thứ hai, khi cả nước dường như đã sẵn sàng tự giải phóng cho mình khỏi người Pháp thua trận và người Nhật đang rút chạy, Phạm Xuân Ẩn bỏ học vào mùa xuân năm 1945 và tham gia hàng ngũ những người cộng sản. “Kẻ thù đầu tiên của chúng tôi là Nhật Bản, những kẻ đang xâm chiếm đất nước,” ông nói. “Các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản đặc biệt quan tâm đến việc tuyển các học sinh sinh viên, những

người biết đọc biết viết. Chúng tôi đều còn trẻ và yêu nước.”

“Vào thời điểm đó, chúng tôi biết chắc rằng những người lãnh đạo Đảng Cộng sản sẽ sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình vì đất nước. Đa số họ đều được học hành, như Chủ tịch Hồ Chí Minh và bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, người lấy vợ Pháp. Ngay các giáo viên tiểu học của tôi cũng tham gia hàng ngũ của những người cộng sản. Đó là tổ chức tốt nhất. Tất cả những lực lượng khác đều tuyên bố là họ

đang chống Pháp, nhưng khi người Pháp quay lại, họ liền thôi đấu tranh, như đảng Đại Việt, do người Nhật dựng lên để phục vụ cho mình. Sau chiến tranh, đảng Đại Việt đi với người Pháp hoặc người Mỹ và bí mật làm việc cho CIA. Một số người trong đó cố gắng tham gia cùng những người cộng sản nhưng bị tẩy chay, điều này thì tôi thấy là không đúng. Thật không hay chút nào nếu anh trở nên nghi kỵ tất cả mọi người. Trong trường hợp đó, anh đã tự đầu độc chính mình.”

“Những người cộng sản đã phạm nhiều sai lầm,” Phạm Xuân Ẩn thừa nhận. “Tôi không thích kiểu chủ nghĩa cộng sản của Stalin và Mao. Họ tự tạo ra mô hình chủ nghĩa cộng sản của riêng mình. Họ truyền bá những học thuyết của mình vì lợi ích riêng.

“Ông có nhớ điều gì đã xảy ra với con trai của Đặng Tiểu Bình, bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc không?” Phạm Xuân Ẩn hỏi. “Hồng vệ binh đã ném anh ta ra khỏi cửa sổ làm xương anh ta gãy hết. Bây giờ anh ta bị liệt từ thắt lưng trở xuống. Marx đâu có dạy họ phải làm như thế. Tôi cũng không nghĩ vậy.”

Mỗi khi Phạm Xuân Ẩn và tôi nói về lòng trung thành của ông với Đảng, **ấy là những bậc thánh nhân từ của chủ nghĩa cộng sản mà ông đã chọn để sùng bái**. “Chủ nghĩa cộng sản dạy chúng ta phải thương yêu nhau, giống như Jesus Christ dạy những con chiên của mình. Tôi cho rằng ông ấy cũng là một dạng như Karl Marx.”

“Chúng tôi chiến đấu không phải vì Chủ nghĩa cộng sản, mà vì độc lập và thống nhất của Việt Nam,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Đó là những gì mà đa số người Việt Nam mong muốn.” **Điều đó khác với đấu tranh vì Chủ nghĩa cộng sản.**

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc vào mùa thu năm 1945, Việt Nam chìm đắm trong tâm trạng ngây ngất ngần ngại của sự kiện **được gọi là** Cách mạng tháng Tám. Tại Hà Nội, **Hồ Chí Minh** tuyên bố nền độc lập và thống nhất của Việt Nam, có trích dẫn Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ, trước sự cổ vũ đông đảo của một triệu

người dân. Hồ Chí Minh lãnh đạo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đó được ít ngày thì **quân Trung Quốc** tràn vào từ phía Bắc và người Anh đổ quân ở miền Nam. Anh tái vũ trang cho Pháp, để lực lượng này tấn công những trụ sở chính phủ ở Sài Gòn và nhanh tay hơn trong việc tách Nam Kỳ khỏi phần còn lại của Việt Nam. Tháng 11 năm 1946, hải quân Pháp bắn phá Hải Phòng, giết hại 6.000 dân thường Việt Nam. Người Pháp giành lại quyền kiểm soát Hà Nội và buộc chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải rút về vùng nông thôn. Phải mất cả một thập kỷ nữa trước khi ông quay lại nắm quyền ở miền Bắc và thêm 30 năm nữa những lực lượng cách mạng của Hồ Chí Minh mới giành lại quyền kiểm soát miền Nam.

“Chúng tôi vô cùng thất vọng với người Anh,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Chúng tôi thậm chí còn thất vọng hơn khi người Pháp quay lại nắm quyền. Sau Cách mạng tháng Tám, hầu như tất cả các học sinh trung học và sinh viên đại học đều tham gia đấu tranh. Ngay cả con cái của các địa chủ và *métis* (người lai) Pháp cũng tham gia, giống như người bạn tôi có bố là một thầy giáo vật lý. Ông ấy là một người Việt Nam đã tốt nghiệp đại học tại Pháp. Vợ ông là người Pháp. Con trai họ, người mang một nửa dòng máu Việt Nam, nửa dòng máu Pháp, cũng tham gia cách mạng.”

Phạm Xuân Ẩn kể cho tôi nghe câu chuyện khác về một *métis* tham gia cuộc đấu tranh chống Pháp. Cha người này là thiếu tá trong quân đội viễn chinh Pháp. Mẹ anh ta là người Việt Nam. Anh ta, trông giống người Pháp hơn là người Việt Nam, cố tìm cách đánh lừa kẻ thù bằng cách mặc bộ quân phục Pháp và chỉ huy một cuộc tấn công vào thành phố Mỹ Tho ở miền Nam. Anh ta bị bắt và đối mặt với án tử hình.

“Tôi vừa bắt được con trai em,” viên thiếu tá Pháp nói với người vợ Việt Nam của mình. “Em muốn tôi thả nó hay đưa nó ra tòa án binh?” “Em muốn anh cứu mạng nó,” bà nói.

“Tôi sẽ mất việc. Tôi sẽ bị đuổi khỏi quân đội.”

“Vâng, nhưng em rất yêu nó, và nó yêu tổ quốc của mình. Nó là một người yêu nước.”

Ngay sau đó, Phạm Xuân Ẩn bắt đầu viết lại đoạn đối thoại.

“Nó yêu *hai* tổ quốc. Tổ quốc của mẹ nó, và tổ quốc của cha nó.”

Cuối cùng, viên thiếu tá thả con trai mình ra, Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ta mất chức và quay trở về Pháp. Con trai ông ta được tập kết ra miền Bắc và ở đó cho đến năm 1975 mới quay trở lại miền Nam. **Đến lúc này thì ông ta đã mất tất cả mọi thứ, toàn bộ tài sản và của cải của cha mình. Hiện giờ ông ta đang sống ở Sài Gòn, một người đàn ông nghèo khổ. Chuyện này xảy ra với rất nhiều con cái những người điền chủ. Cha mẹ họ bị cộng sản giết trong cuộc cách mạng, nhưng họ vẫn tiếp tục phục vụ tổ quốc của mình .”**

Tháng 9 năm 1945, Phạm Xuân Ẩn tham gia một “khóa học cấp tốc” về quân sự do những người cộng sản huấn luyện gần Rạch Giá. Cho một trăm tân binh mà chỉ có năm mươi khẩu súng, kể cả những khẩu súng hỏa mai còn sót lại từ thời Chiến tranh thế giới thứ nhất. Các học viên phải nhặt lại vỏ đạn cũ để làm đạn mới. Mặc dù có dính dáng đến chiến đấu đầu tiên chống Nhật và sau đó là chống Pháp, nhưng Phạm Xuân Ẩn coi trải nghiệm này chẳng qua cũng chỉ là trò chạy việc vặt. Nhưng một website của chính phủ, khi liệt kê lại những hoạt động của ông trên cương vị một Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đã miêu tả Phạm Xuân Ẩn như là một “chiến sĩ bảo vệ tổ quốc đã tham gia tất cả các trận đánh ở khu vực miền Tây của miền Nam”, và phải mãi đến tháng Ba năm sau - tức là sáu tháng sau khi tham gia khóa huấn luyện cấp tốc đó - Phạm Xuân Ẩn mới trải qua cái mà ông gọi là *baptême de feu* (thử lửa lần đầu) của mình.

“Khóa huấn luyện này dành riêng cho giai cấp nông dân và con cái của những công nhân,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi được coi là một trí thức. Ba tôi là một *fonctionnaire*, một *cadre supérieur*, như thế bị coi là một phần tử thân Pháp.”

Những người cộng sản cũng nghi ngờ về việc Phạm Xuân Ẩn sở hữu đất. Do không tin con trai mình sẽ tiến xa trong con đường học hành, cha của Phạm Xuân Ẩn đã mua cho ông một vùng đất gần rừng U Minh. Thỉnh thoảng Phạm Xuân Ẩn lại về thăm đất của mình, nơi ông được chứng kiến tận mắt những khổ cực của người nông dân vùng nông thôn. Những chuyến đi đó tạo cho Phạm Xuân Ẩn một cái có rất tốt để đi tới những vùng heo hút và cũng mang lại cho ông một nguồn thu nhập - điều trớ trêu là hầu hết trong số này lại đến từ người Mỹ.

“Ba tôi nói rằng cách duy nhất để giúp tôi là biến tôi trở thành một **điền chủ**. Vì thế năm 1941 hay 1942 gì đó, ông mua cho tôi 70 héc ta đất ở Rạch Giá, cộng thêm 30 héc ta đất nhượng địa. Đây là vùng đất chuyên trồng lúa, những cánh đồng lúa rất phì nhiêu. Đáng tiếc là chúng tôi không có cơ hội khai thác mảnh đất vì cách mạng nổ ra năm 1945.”

Đất của Phạm Xuân Ẩn gần rừng U Minh về sau trở thành một khu vực đổ bộ của quân đội Mỹ, mỗi khi họ cần đổ quân vào khu vực này bằng máy bay trực thăng. Khi ông trở thành phóng viên đi cùng các binh lính trong những cuộc càn quét vào trong rừng, Phạm Xuân Ẩn cũng đã hạ cánh xuống đây vài lần.

“Cuối cùng, ông biết ai thanh toán tiền đất cho tôi không?” ông hỏi. “Chính chú Sam. Năm 1970, chính phủ Việt Nam Cộng hòa bắt đầu cải cách đất đai. Họ muốn xóa bỏ tầng lớp địa chủ. Họ muốn chứng tỏ cho mọi người thấy rằng họ có thể làm tốt hơn những người cộng sản. Người Mỹ thanh toán tiền cho chương trình này. Họ trả cho tôi một khoản thanh toán một cục cho 40% giá trị mảnh đất, và mỗi năm sau đó họ lại trả tôi thêm một khoản. Lẽ ra tôi sẽ nhận khoản thanh toán cuối cùng vào năm 1975, nhưng tôi không có cơ hội nhận nó vì những người cộng sản lên nắm quyền.”

Những người huấn luyện cho Phạm Xuân Ẩn ở Rạch Giá là các chiến sĩ du kích từ miền Bắc Việt Nam đã từng bị Pháp giam cầm ở Côn Đảo. “Hệ thống của người Pháp để cai trị Việt Nam rất đơn

giản,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Họ xây một cái dinh lớn cho viên thống sứ tỉnh và bên cạnh đó họ xây một nhà tù, rồi bên cạnh đó là một tòa án. Họ bắt anh, đưa anh ra tòa, cho anh một bản án, rồi tống anh vào ngục, nơi viên thống sứ và tay chân có thể canh chừng anh. Tất cả đều rất logic.”

“Ngoài nhà tù chính ở mỗi tỉnh, còn có rất nhiều trại tập trung và nhà tù rải rác khắp Đông Dương. Để trở thành lãnh đạo, anh nên trải qua một quãng thời gian trong những nhà tù đó. Những người này đều bị bắt giam vì họ là người yêu nước.” Khi Phạm Xuân Ẩn sử dụng từ *captured* (bắt giam), đó là một trong những trường hợp hiếm hoi ông sử dụng một từ ngữ cách mạng cho cái từ tương đương ở phương Tây, trong trường hợp này, là *arrested* (bắt giữ). Người phóng viên ngày nào của *Time* vẫn luôn thận trọng trong việc lựa chọn những từ ngữ mang hàm ý chính trị.

“Những người cộng sản tiến hành công tác tuyên truyền trong tù đều được huấn luyện kỹ càng. Họ biết cách làm thế nào để tuyển mộ thành viên từ các đảng phái theo đường lối dân tộc khác, như Việt Nam Quốc dân đảng, Hòa Hảo, Cao Đài. Những người này cũng đều là người yêu nước, nhưng họ rất mơ hồ về nhận thức. Họ không hề có hệ tư tưởng. Những người cộng sản là những nhà lý luận. Điều này vô cùng quan trọng. Họ có cả hệ thống để huy động tối đa những tình cảm dân tộc chủ nghĩa của mình, một kế hoạch hành động. Khi anh đã ‘tốt nghiệp’ khỏi nhà tù, đó là bước đầu tiên để thăng tiến.”

Trước đó tôi đã đề nghị ông kể cho tôi nghe câu chuyện này, nhưng chỉ có đúng một lần Phạm Xuân Ẩn để lộ ra rằng ông đã trực tiếp tham gia ít nhất một trận đánh trên cương vị một trung đội trưởng Việt Minh. “Một hôm tôi được phân công nhiệm vụ tấn công quân Pháp. Tôi dẫn trung đội của mình ra cánh đồng. Chúng tôi tiến hành mai phục dọc bên đường. Hồi đó đang là mùa khô, tháng 4 năm 1946. Quân Pháp đã ký thỏa thuận không di chuyển qua khu

vực đó, do lực lượng của chúng tôi kiểm soát. Họ đang phá vỡ thỏa thuận.

“Trung đội của tôi có 30 người. Chúng tôi được trang bị súng trường, lựu đạn và súng ngắn. Chúng tôi có cả những khẩu súng bắn đạn ghém của Pháp, mà họ gọi là ‘Flaubert’, vốn là súng trường bắn chim dành cho trẻ em bắn bồ câu, và một số khẩu súng săn hai nòng. Quân Pháp hành quân dọc theo hai con đường chạy dài bên kênh. Có hai thê đội lính di chuyển về phía chúng tôi, ở giữa chúng là một chiếc xuồng, với những khẩu súng máy sẵn sàng quét qua hai bên dòng kênh.

“Chúng tôi đã vào vị trí trên một cây cầu bắc qua kênh. Tôi ra lệnh cho trung đội của mình nổ súng vào quân Pháp, nhưng chúng tôi ở cách quá xa không thể bắn trúng bất kỳ ai hoặc để biết xem có ai bị trúng đạn không nữa. Quân Pháp kêu gọi không quân yểm trợ. Khi máy bay đến, tôi ra lệnh cho trung đội rút lui. Đó là *baptême de feu* của tôi,” Phạm Xuân Ẩn nói, ông dùng cụm từ tiếng Pháp để diễn tả cuộc thử lửa đầu tiên của mình^[8]. “Tôi không bao giờ bắn thêm một phát súng nào trong suốt cả cuộc chiến tranh.”

Lần *baptême de feu* thực sự của Phạm Xuân Ẩn diễn ra năm 1947, khi ông nhận ra rằng ngay cả những người mà mình yêu quý cũng hy sinh cho cuộc cách mạng. Đến giữa năm 1946, ông đã rời khỏi vùng nông thôn và quay lại Cần Thơ. Một hôm ông đang đi bộ trên phố thì tình cờ gặp lại người thầy giáo tiếng Pháp yêu quý của mình, Trương Vĩnh Khánh, người đã được quân Nhật bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường Lycée de Cần Thơ và vừa trở thành bộ trưởng giáo dục của chính phủ Nam Kỳ mới được tạo ra. Bất ngờ và sung sướng khi gặp lại cậu học trò cũ của mình, ông Khánh hỏi Phạm Xuân Ẩn đang làm gì.

“Em vừa mới ở dưới quê lên, từ khoảnh đất của em,” Phạm Xuân Ẩn kể cho thầy giáo của mình. “Quân Pháp đã quay lại, và hầu hết những người cách mạng đều đã lánh đi. Nên em đang tìm kiếm một

công việc. Có thể em sẽ lên Sài Gòn hoặc vào trường quân sự ở Vũng Tàu.”

Khi Phạm Xuân Ẩn kể cho tôi nghe về lần gặp gỡ này, tôi nhận ra rằng khi ấy ông đang khoác tấm áo ngụy trang của một điệp viên. Ông đang giả vờ làm một **điền chủ** lo lắng đến việc bảo vệ tài sản của mình khỏi tay Việt Minh. Sau đó ông lấp lửng đề cập đến ý tưởng đăng ký vào học tại trường huấn luyện sĩ quan mới thành lập của quân đội thuộc địa Việt-Pháp.

“Ẩn, đừng có khùng như thế,” ông Khánh bảo Ẩn. “Làm lính dễ chết lắm. Hãy ở lại Cần Thơ này, và lần sau quay lại, tôi sẽ đưa trò về Sài Gòn rồi cho trò học bổng đi Pháp học nốt trung học. Khi lớn lên trò sẽ có thể học hành tử tế. Bây giờ trò còn điên rồ quá.”

Phạm Xuân Ẩn cười khoái trá, khi nhớ lại người thầy giáo cũ và sự điên rồ trước kia của mình. Học bổng đi Pháp không bao giờ trở thành hiện thực. Cơ hội đó biến mất khi Trương Vĩnh Khánh bị **Cộng sản phục kích và bắn chết trong một cuộc tấn công bên đường. Họ đang nhắm vào viên thủ tướng, một bác sĩ nhãn khoa theo đạo Cao Đài tên là Lê Văn Hoạch, nhưng thế nào họ lại bắn đúng vào ông Khánh.**

“Năm 1947, ngay giữa ban ngày, bên ngoài Mỹ Tho, một đoàn xe của các quan chức chính phủ đã bị **Cộng sản phục kích,**” Phạm Xuân Ẩn nói. Hành động táo bạo này là cuộc tấn công chủ chốt đầu tiên dưới sự tổ chức của Trần Văn Trà, người chỉ huy quân sự trẻ tuổi sau này lãnh đạo cuộc tấn công vào Sài Gòn trong Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968. Đến năm 1975, Trần Văn Trà trở thành phó tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, trận đánh cuối cùng trong chiến tranh Việt Nam.

Thật khó có thể hình dung nỗi nỗi đau mà Phạm Xuân Ẩn đã phải trải qua khi ông biết tin những người cộng sản đã **sát hại** người thầy giáo dạy tiếng Pháp của mình. Khoảnh khắc đó bộc lộ một cách trần trụi đến phũ phàng bi kịch của chiến tranh [bi kịch của nước

Việt Nam hiện đại]. Phạm Xuân Ẩn bị mắc kẹt giữa một cuộc chiến, một diễn viên đã lựa chọn phe của mình. Ông biết rằng nhiều người, gồm cả bạn bè và người thân trong gia đình, sẽ chết trong cuộc xung đột này. Ông không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục. “Đây không phải là vấn đề lẽ phải hay công lý,” một sĩ quan Pháp đã nói với tay nhà báo người Anh là nhân vật chính trong *Người Mỹ trầm lặng*. “Tất cả chúng ta đều bị cuốn vào một khoảnh khắc của cảm xúc và rồi chúng ta không thể thoát ra được nữa.”

Công việc của **bầy chó săn**

Khi Pháp giành lại quyền kiểm soát Việt Nam năm 1945, cha của Phạm Xuân Ẩn, ông Phạm Xuân Viễn, sợ không dám quay lại vị trí của mình ở Rạch Giá. Ông lánh nạn ở Cần Thơ trong một năm, cho đến khi ông nghĩ đã an toàn để có thể khôi phục chức vụ cũ của mình. Ông đã khuyến khích các kỹ sư trắc địa và toàn bộ nhân viên của mình tham gia Việt Minh, họ đã chiến đấu chống Nhật, Anh, và giờ là Pháp. Chính quyền thuộc địa nghi ngờ lòng trung thành của Phạm Xuân Viễn, vì ông đã từ chối đề nghị được trao quốc tịch Pháp năm 1942. Đến năm 1947 họ bắt đầu sử dụng những biện pháp nặng tay hơn.

“Ba tôi gặp rất nhiều rắc rối với bên an ninh Pháp ở Rạch Giá,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Chúng kêu ông lên thăm vấn, ngày này qua ngày khác, đêm này qua đêm khác. Tất cả những người làm việc cho ông đều đã rời bỏ khu vực của người Pháp và tham gia cách mạng. Chúng quy lỗi cho ông. Ông bị người Pháp đe dọa. Ông cảm thấy sợ hãi. Ông mất cả ngủ. Đó là lý do tại sao ông bị lao phổi.” Đến năm 1947, sức khỏe của ông Viễn đã trở nên nguy kịch đến nỗi ông phải vào khoa lao phổi bệnh viện Chợ Rẫy ở Sài Gòn.

“Đó là năm lẽ ra tôi phải quay vô bụng để tham gia cách mạng,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi về nhà thăm ba tôi trước khi lên đường nhận nhiệm vụ. Má tôi cho tôi biết ông đã bị bên an ninh đánh đập. ‘Ông đang ốm lắm. Con nên vô thăm ông, trước khi con vô bụng,’ má tôi nói.”

Khi Phạm Xuân Ẩn tới Sài Gòn, cha ông yêu cầu ông ở lại chăm sóc mình. Phạm Xuân Ẩn ngoan ngoãn nghe lời. Ông Viễn bị cắt một lá phổi phải nằm ở bệnh viện Chợ Rẫy suốt hai năm trời. Có lẽ chính trong thời gian ở khoa lao phổi mà những mô tế bào phổi của Phạm Xuân Ẩn bị tổn thương vì chính ông cũng mắc phải căn bệnh này. “Tôi bị lây một chút *grisaille* (xám đen) từ ba tôi, vì bị vi trùng

lao xâm nhập. Đó là lý do tại sao tôi được hoãn đi quân dịch, cho đến khi họ chắc chắn là tôi đã khỏi bệnh.”

Phạm Xuân Ân sử dụng quãng thời gian của mình ở Sài Gòn để đọc sách và học tiếng Anh. Khi Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ mở một văn phòng ở đại lộ Catinat gần Grand Hotel, Phạm Xuân Ân đăng ký khóa học tiếng Anh đầu tiên. Năm 1949, ông cố một lần nữa để học nốt trung học. Nhờ sự can thiệp của thầy giáo dạy toán cũ của mình, người được bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường Collège de Mỹ Tho, Phạm Xuân Ân được phép quay trở lại trường. Nằm tại một thành phố buôn bán hiền hòa cách Sài Gòn 70 kilômét về phía Tây Nam, Mỹ Tho là trường *lycée* thứ hai của vùng châu thổ dành cho các học sinh chuẩn bị thi tú tài.

Thay vì học nốt trung học, Phạm Xuân Ân tham gia tổ chức những cuộc biểu tình và đấu tranh của học sinh. Năm 1950, các trường học ở Nam Kỳ bị đóng cửa khi các học sinh tập trung tham gia hai cuộc biểu tình lớn, một cuộc biểu tình chống Pháp và một cuộc biểu tình chống Mỹ can thiệp. Được biết đến với tên gọi là cuộc biểu tình Trần Văn Ôn, những cuộc biểu tình này - vay mượn một trang từ thế hệ của cha Phạm Xuân Ân - được tổ chức quanh đám tang của Trần Văn Ôn, một học sinh trung học 15 tuổi ở trường *lycée* Pétrus Ký Sài Gòn bị cảnh sát Pháp giết hại. (Một câu chuyện nói rằng người thanh niên này bị bắn chết trong một cuộc biểu tình trước dinh thống sứ; một câu chuyện khác lại kể rằng anh bị đánh chết bằng dùi cui.)

Phạm Xuân Ân quay lại Sài Gòn để tham gia những cuộc biểu tình lớn, diễn ra trong tháng Giêng và tháng Ba năm 1950. Nước Mỹ đã cử hai tàu khu trục đến Việt Nam chở theo quân cụ (khí tài) chiến tranh. Những con tàu này thả neo ở sông Sài Gòn cuối đại lộ Catinat, con phố chính ở Sài Gòn, chạy từ nhà thờ Đức Bà qua khách sạn Continental và dọc theo một lối đi dạo rợp bóng cây tới bến sông. Màn biểu dương sức mạnh quân sự còn gồm cả tàu USS *Boxer*, một chiếc hàng không mẫu hạm thả neo ngoài khơi, nơi cất cánh của

cả một phi đội máy bay chiến đấu. Các phi cơ Mỹ lượn vù vù phía trên những đoàn biểu tình. Mặc dù cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất còn kéo dài bốn năm nữa, nhưng Mỹ đã chuẩn bị tư thế sẵn sàng thế chân Pháp tại Việt Nam.

“Dường như tất cả Sài Gòn đều tham gia cuộc biểu tình của các học sinh sinh viên, khi đám tang bắt đầu đi từ trường trung học Pétrus Ký tới bệnh viện Chợ Rẫy, để lấy thi hài của Trần Văn Ôn đưa ra nghĩa trang,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Đoàn người tham gia cuộc biểu tình thứ hai trong tháng Ba thậm chí còn hùng hậu hơn. Tất cả các thành phần xã hội đều tham gia, công nhân, viên chức, tiểu thương; mọi người đều đổ ra đường.

“Chúng tôi biểu tình phản đối thỏa thuận ký giữa Pháp và Mỹ năm 1950. Người Mỹ sẽ chi tiền cho quân đội viễn chinh Pháp với hai điều kiện. Người Pháp phải thành lập một lực lượng vũ trang của người Việt Nam. Phải có một quân đội Việt Nam thực sự, chứ không chỉ là những binh sĩ người Việt chiến đấu dưới sự chỉ huy của người Pháp. Người Pháp cũng phải thành lập một chính phủ Việt Nam thực sự. Không phải kiểu bù nhìn họ vẫn giật dây trước kia, mà là một chính phủ thực sự, với một số quyền lực tự trị của riêng mình.

“Chính sách của Mỹ về quyền tự quyết, với nội dung là mỗi quốc gia có chủ quyền nên có chính phủ dân chủ của riêng mình, thực ra là một chính sách kiểu Chúa cứu thế mà nước Mỹ muốn áp đặt với phần còn lại của thế giới. Đó là lý do tại sao người Mỹ cố tạo ra một quốc gia là Nam Việt Nam, được tập hợp từ những vùng thuộc địa cũ là Nam Kỳ và Trung Kỳ.” Người Mỹ, theo Phạm Xuân Ẩn, thích thống trị thế giới thông qua những chính phủ khách hàng độc lập về danh nghĩa nhưng hành động theo ý muốn của Washington. Người Pháp coi hệ thống này là công kênh và lẳng nhặng, nếu không muốn nói là nguy hiểm, vì những con rối người Việt Nam thường có xu hướng cắt dây và tự nhảy theo ý mình.

Khi Pháp cử viên tướng xuất sắc nhất của họ là Jean de Lattre de Tassigny sang để triển khai kế hoạch mới chống lại Việt Minh, Phạm Xuân Ân và các bạn học chào đón de Lattre năm 1950 bằng một loạt các cuộc biểu tình trên đường phố. “Tôi là một trong những người tổ chức. Bởi vì tôi biết cách lẩn tránh cảnh sát. Tôi không bị bắt giữ hay bị giết. Tôi đã gặp may. Nhiều người tổ chức khác không được may mắn như vậy.”

Chính trong những cuộc biểu tình Trần Văn Ôn mà Phạm Xuân Ân bắt đầu làm việc với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, một bác sĩ y khoa đào tạo tại Pháp và là một đảng viên Đảng Cộng sản, người “phụ trách công tác vận động trí thức và chính trị hóa phong trào học sinh sinh viên” ở Nam Kỳ. Là một chuyên gia về lao phổi, sau này Phạm Ngọc Thạch còn là bác sĩ riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và bộ trưởng Y tế chính phủ Bắc Việt Nam. (Nguyên nhân gây tử vong số một cho các chiến sĩ cộng sản trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ là sốt rét. Về sau bác sĩ Phạm Ngọc Thạch qua đời vì sốt rét năm 1968 khi ông đang ở trong rừng tìm cách chữa căn bệnh này.)

Phạm Xuân Ân đã được giới thiệu với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch qua một người bạn học, Đỗ Ngọc Thanh, người được biết đến chủ yếu qua bí danh là Ba. “Anh ấy là người lãnh đạo lực lượng sinh viên ở Sài Gòn, trước khi anh ấy bị an ninh Pháp bắt giữ. Chúng tra tấn anh ấy đến chết và ném xác xuống sông Sài Gòn. Tôi vô cùng đau đớn khi bạn mình bị giết.” Là một đảng viên Đảng Cộng sản từ năm 17 tuổi, Ba đã bồi dưỡng cho Phạm Xuân Ân về hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Anh cũng là một thành viên của Câu lạc bộ Marxist tại Sài Gòn, sinh hoạt tại nhà của nhà giáo người Pháp Georges Boudarel. Về sau Boudarel cũng vào bưng gia nhập cùng những người cộng sản, và làm việc cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch.

“Ba đưa cho tôi tất cả các loại sách do Editions Sociales xuất bản tại Pháp.

Cuốn sách đầu tiên tôi đọc là *L'économie* (Kinh tế học). Sau đó tôi đọc về lịch sử Đảng Bolshevik và tư tưởng của Lenin. Tôi không

phải là thành viên nhóm đọc về chủ nghĩa cộng sản của họ, nên tôi tự mình đọc tất cả những cuốn sách đó.

“Khi bạn mình bị bắt giữ, tôi nhận ra tôi đang gặp nguy hiểm. Chị của anh ấy đến báo cho tôi biết là anh ấy đã bị bắt. Tôi đốt tất cả sách vở và tài liệu cách mạng mà anh ấy đã đưa cho tôi. Tôi phải mất cả đêm mới đốt hết.”

Những trang nhật ký do Jack và Bobby Kennedy viết miêu tả chuyến đi của họ tới Đông Dương năm 1951 đưa ra một đánh giá khách quan về cách mạng Việt Nam. John F. Kennedy, khi ấy đang là một dân biểu nhiệm kỳ thứ ba của bang Massachusetts, cùng người em trai 26 tuổi của mình, Robert F. Kennedy, và em gái là Patricia thăm Việt Nam năm 1951 trong một chuyến đi tìm hiểu sự thật, nhằm mục đích làm dày dặn hơn bản lý lịch của JFK khi ông ta chuẩn bị chạy đua vào Thượng viện năm sau đó. Bay tới Sài Gòn ngày 19 tháng 10, họ được chào đón ở sân bay bởi một đội ngũ hùng hậu binh sĩ và xe tăng, một màn phô trương không phải dành cho họ mà là cho de Lattre de Tassigny, người cũng đang thăm Sài Gòn. “Mọi người có vẻ sung sĩa và hậm hực,” Bobby nhận xét trong ghi chép của mình. Vùng nông thôn nằm trong tay quân du kích, chứ không phải người Pháp. “Có thể nghe thấy tiếng súng nổ khi đêm xuống. Cơ man nào là những vụ ám sát.”

Anh em nhà Kennedy nhận thấy ngay lập tức rằng cuộc Chiến tranh Đông Dương của người Pháp lại không phải do người Pháp tiến hành. Tất nhiên là người Pháp đang ném những tỉ quan xuất sắc nhất của mình cùng hàng tỷ franc vào cuộc chiến, nhưng trong số 150.000 binh sĩ thuộc địa ở Đông Dương, chỉ có 15% đến từ nước Pháp chính quốc. Đơn cử như trong số 18.000 binh sĩ thuộc đội quân Lê dương Pháp, có đến 10.000 là các binh sĩ Đức đã tham chiến trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Để tránh bị chết đói trong những trại cải tạo được dựng lên sau khi cuộc chiến kết thúc, những người này đã tình nguyện đi đánh nhau ở châu Á. Hỗ trợ cho lực lượng này thêm 150.000 binh sĩ bản địa khác.

Đến mùa thu năm 1951, Việt Minh đã phát động ba cuộc tấn công chủ chốt vào lực lượng Pháp ở đồng bằng sông Hồng tại miền Bắc. Sau khi **mười nghìn** người thiệt mạng - nhiều người trong số họ chết trong những cuộc không kích bằng bom napalm do Mỹ cung cấp - Việt Minh từ bỏ những cuộc tổng tấn công và áp dụng chiến tranh du kích. Phải ba năm sau họ mới lại tấn công quân Pháp trong một trận đánh công khai tại Điện Biên Phủ, một pháo đài cô độc trong lòng chảo núi non cách Hà Nội 180 dặm.

Ở trang đầu tiên trong nhật ký của mình Bobby miêu tả Hồ Chí Minh như là **một nhà xách động cộng sản già** không nhận được mấy sự ủng hộ tại Việt Nam. Ngày hôm sau, sau buổi giao ban tình hình đầu tiên của mình, ông ta đã phải đổi ý: “Nếu bầu cử được tổ chức ngay hôm nay, ít nhất 70% người dân trên khắp Đông Dương sẽ bầu cho Hồ Chí Minh chỉ bởi vì ông ta chống Pháp. Tất cả người dân nơi nào chiến tranh đang diễn ra đều ủng hộ Hồ Chí Minh. Thỉnh thoảng họ cũng giúp đỡ các binh sĩ Việt Nam, nhưng họ sẽ tìm cách cung cấp cho binh sĩ Pháp những thông tin sai lệch, ấy là nếu như có cung cấp.”

Người Việt Nam duy nhất mà anh em nhà Kennedy phỏng vấn là một ký giả không rõ danh tính, người này phàn nàn rằng Việt Nam đây rẫy *colons* (thực dân) Pháp. Bobby đồng tình. “Quá nhiều đường phố mang tên Pháp, quá nhiều cờ Pháp, quá nhiều người Pháp ở những vị trí cao,” ông ta viết. **Tay ký giả cho anh em nhà Kennedy biết về lòng căm thù lâu đời của Việt Nam đối với người Trung Quốc – lý do tại sao Hồ Chí Minh sẽ không bao giờ đưa quân Trung Quốc vào cuộc chiến ở Việt Nam.** Thật không may, đến khi John F. Kennedy trở thành tổng thống Mỹ năm 1960 thì bài học này đã bị quên lãng.

Anh em nhà Kennedy được mời ăn tối, trong trang phục dạ tiệc, với Bảo Đại, viên cựu hoàng mà người Pháp đã đưa về để đứng đầu nhà nước Việt Nam. “Ăn tối với Quốc trưởng tại dinh của ông ta - các vệ sĩ trang bị súng ổ quay đứng lù lù quanh các hành lang,” JFK

viết. “Sau bữa tối một con voi nhỏ được dẫn vào [phòng ăn] và ở lại đó một lát.”

Hai đêm sau, anh em nhà Kennedy ăn tối với tướng de Lattre de Tassigny, người đặc biệt lo lắng về vùng châu thổ sông Hồng, nơi sinh sống của 7,5 triệu người dân Bắc Kỳ, “những chiến binh và công nhân giỏi giang,” de Lattre nói, “những người giỏi nhất ở Đông Nam Á.” De Lattre vạch ra một bản sơ thảo của học thuyết domino. “Nếu cộng sản giành quyền kiểm soát [vùng châu thổ sông Hồng], họ sẽ thọc vô sườn của toàn bộ vùng Đông Nam Á. Họ có thể thâm nhập vào Lào, rồi từ đó sang Miến Điện, xuống Mã Lai. Như thế có nghĩa là chủ nghĩa cộng sản lan đến Nam Kỳ trước khi binh lính đặt chân đến.”

Bay ra Hà Nội để chứng kiến một “màn biểu dương lực lượng vô cùng ấn tượng”, anh em nhà Kennedy dành cả một buổi chiều tham quan những lô cốt nhỏ trên đồi ở vùng châu thổ sông Hồng. Họ ăn trưa tại một trong những chiếc lô cốt này với một viên đại tá người Pháp, viên đại tá nói rằng ông ta “lạc quan... về kết thúc thành công của cuộc chiến, mặc dù có thể nó sẽ không xảy ra trong đời của chúng ta!” Bobby ghi lại nhận xét này với hai dấu **chấm than** .

“Chúng ta không ở đây để giúp người Pháp duy trì chế độ thực dân, mà là để ngăn chặn cộng sản,” John F. Kennedy viết trong nhật ký của mình. Em trai ông ta tỏ ra trung thực hơn trong đánh giá. “Chúng ta ở đây để giúp người Pháp duy trì các thuộc địa. Người Pháp nghi ngờ những ý đồ của người Mỹ.”

Trong khi trường học bãi khóa và chính trị xâm chiếm hết thời gian của mình, Phạm Xuân Ẩn không bao giờ quay trở lại trường trung học. Cha ông đã về nghỉ hưu sớm với mức lương cắt giảm, và không còn ai khác để nuôi sống gia đình, Phạm Xuân Ẩn đi làm. Ông bươn chải làm thêm qua đủ các loại công việc, kể cả đạp *cyclopousse* (xích lô) - một dạng xe đẩy gắn trên xe đạp - trước khi ông được thuê làm một chân giữ sổ sách kế toán ở hãng dầu Caltex.

Năm 1950, Phạm Xuân Ẩn đạt điểm cao trong một cuộc thi đầy tính cạnh tranh để tuyển viên chức. Ông rời bỏ công việc kế toán để trở thành một trong 50 người được chính quyền Đông Dương huấn luyện làm thanh tra quan thuế. “Có mười người cho miền Bắc Việt Nam, được gọi là Tonkin, mười người cho miền Trung Việt Nam, gọi là Annam, mười người cho Lào, mười người cho Campuchia, và mười người cho Nam Kỳ,” Phạm Xuân Ẩn nói. Năm 1950 ông đến nhận công việc ở sở quan thuế tại cảng Sài Gòn. Đối với một người bình thường, đây sẽ là một vị trí ngồi mát ăn bát vàng cả đời, với đích đến là một cuộc sống hưu trí êm ái lại được bồi thêm những khoản lợi quả và hồi lộ thông thường. Nhưng Phạm Xuân Ẩn quá thông minh cho cái sự nghiệp hạn chế này và cũng quá hiếu động. Ông tiếp tục học tiếng Anh và mơ được đến nước Mỹ. Ông quý mến nhiều người Pháp mà ông gặp, và thường là kết bạn với họ, nhưng ông cũng tin tưởng rằng thế lực thực dân đang đô hộ đất nước mình phải bị đánh đổ bằng mọi cách có thể. Chỉ khi đó người Việt Nam và người Mỹ mới có thể thực sự trở thành bạn bè.

Nhân dịp ăn Tết vào cuối tháng 1 năm 1952, Phạm Xuân Ẩn được những cấp trên cộng sản của mình triệu tập vào chiến khu trong rừng để báo cáo. Ông vô cùng háo hức khi nghĩ rằng cuối cùng mình cũng được gọi vào chiến khu để được chiến đấu. Ông chờ đợi được cấp một khẩu súng và bắt tay vào việc chiến đấu chống kẻ thù. “Ngay từ hồi năm 1947 tôi đã quyết định là tôi sẵn sàng vô chiến khu,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Nhưng vì ba tôi bị bệnh, tôi phải ở lại thành phố và chăm sóc ông.” Trước khi rời Sài Gòn, Phạm Xuân Ẩn được chỉ thị không được bỏ công việc tại sở thuế, kế cũng lạ, và ông được lệnh giả vờ đi ra khỏi thành phố trong dịp nghỉ Tết.

Sau khi tới Tây Ninh gần biên giới Campuchia, Phạm Xuân Ẩn nghỉ qua đêm tại một ngôi làng hẻo lánh trước khi được một giao liên^[9] đến đón. Họ đi xuyên rừng cả ngày trời. “Quân Pháp liên tục lùng sục qua khu vực này trong những chuyến đi càn. Rất khó lên

vào và thoát ra. Có khi anh phải chờ nhiều ngày liền mới có thể an toàn đi xuyên qua rừng.”

Trước đó Phạm Xuân Ẩn đã từng ở đây khi đến thăm em gái mình là Phạm Thị Cúc, người vào chiến khu từ ba năm trước đó để trở thành “Tiếng nói Nam Bộ”, một phát thanh viên cho mạng lưới đài cộng sản. Thỉnh thoảng Phạm Xuân Ẩn lại mang thực phẩm cùng thuốc men cho em gái và ở lại qua đêm tại đài phát thanh, nằm ẩn sâu dưới tán rừng. (Năm 1955, em gái của Phạm Xuân Ẩn ra Bắc để làm việc cho vùng mỏ than của nhà nước.)

“Cuộc sống trong chiến khu rất khó khăn,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Họ không có đủ lương thực. Họ ăn khoai mì và tìm kiếm đủ các loại lá ăn được. May mắn lắm họ mới tìm được gạo. Họ làm bánh từ bột khoai mì, loại này có thể ăn được khi còn nóng, còn một khi đã nguội rồi thì cực rắn, khó nhai không thể tả. Quân Pháp có những chiếc máy bay do thám Morane, bay vè vè trên rừng lùng tìm khói hoặc các dấu hiệu khác cho thấy có người ở. Nếu phát hiện được bất kỳ thứ gì, chúng sẽ ném bom ngay. Nên anh sẽ phải nướng bánh trong tổ mối và lọc khói qua những đống lá trên nền rừng.”

Theo lời Phạm Xuân Ẩn, thú giải trí duy nhất của họ là uống một thứ bia tự chế, trong đó có hai loại: bia *đứng* và bia *ngồi*. “Bia đứng được làm từ nước tiểu của đàn ông. Bia ngồi làm từ nước tiểu của đàn bà. Sau khi anh lấy nước tiểu và cho men vào đó, nó có vị giống như bất kỳ loại bia nào khác,” Phạm Xuân Ẩn bảo đảm với tôi, “nhưng thường thì cánh đàn ông thích uống bia đứng, còn mấy bà thì thích uống bia ngồi.”

Phạm Xuân Ẩn đang ở cùng với em gái mình tại trụ sở đài phát thanh của Việt

Minh thì bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đảng ủy viên Nam Bộ, đến gặp. Bác sĩ Phạm

Ngọc Thạch có trách nhiệm thành lập cái về sau được gọi là Trung ương Cục miền Nam (TWCMN). Là bộ phận tiền phương của

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo cuộc chiến tranh tại miền Nam. Khi hai người nói chuyện, Phạm Xuân Ẩn thất vọng khi biết rằng ông sẽ không được tham gia hoạt động cùng em gái mình trong chiến khu. Thay vào đó ông được giao nhiệm vụ làm điệp viên trong cơ quan tình báo quân sự mới thành lập của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. “Tôi là lừa đầu tiên,” Phạm Xuân Ẩn nói. Ông không ưa nhiệm vụ mới của mình. “Làm gián điệp là công việc của lũ chó săn, chim mồi,” ông nói với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch.

“Tôi đã từng bị cảnh sát chống bạo loạn đánh đập trong những cuộc biểu tình của học sinh sinh viên ở Sài Gòn, nên tôi không hề có mong muốn trở thành một tên cò mồi hay một tên chỉ điểm,” Phạm Xuân Ẩn nói.

“Đồng chí phải chiến đấu cho tổ quốc,” bác sĩ Thạch nói với ông. “Bất kỳ nhiệm vụ nào tổ chức muốn đồng chí thực hiện, đồng chí phải thực hiện. Đồng chí không có lựa chọn nào khác. Đồng chí đang chiến đấu cho nhân dân. Bất kỳ cương vị nào cũng là cao cả, chỉ trừ khi đồng chí làm việc cho kẻ thù.”

“Tôi được giao nhiệm vụ theo dõi sự bắt rã của người Mỹ tại Việt Nam,” Phạm

Xuân Ẩn nói. “Để đối mặt với tương lai, chúng tôi phải bắt đầu nghiên cứu về sự can thiệp của Mỹ.” Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ra lệnh cho hai giáo viên huấn luyện từ Bắc vào và giảng dạy cho Phạm Xuân Ẩn về tình báo quân sự. Một người được người Nga đào tạo, một người do Trung Quốc đào tạo, nhưng Phạm Xuân Ẩn nhận thấy là cả hai hầu như cũng chẳng giúp được gì cả. “Về cơ bản, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch bảo tôi phải tự xoay xở. Tôi nên mượn sách của người Mỹ và người Pháp nói về tình báo và áp dụng chúng ở mức tốt nhất có thể.”

Trong khi Phạm Xuân Ẩn tả lại cho tôi nghe cảnh đó, lũ chim của ông bắt đầu riu rít, như thể chúng đang cố tìm cách đưa chúng tôi

quay trở lại rừng sâu trong cái ngày định mệnh ấy. Tiếng chúng kêu như một bầy thú nhai giọng, hú hót như mấy con tinh tinh và meo meo như mèo. Chúng thậm chí còn sủa giống mấy con chó của ông Ân. Khi nghe lại băng ghi những cuộc trò chuyện của chúng tôi, tôi căng tai ra nghe giọng của Phạm Xuân Ân giữa một dàn đồng ca không ngớt tiếng chiêm chiếp, ríu rít, líu lo, giục gọi. Lũ chim lặp lại những nốt nhạc đó hết lần này đến lần khác, trong đó có một con phát ra âm thanh nghe như tiếng gọi cầu cứu khẩn cấp “Cứu tôi với, cứu tôi với, tôi đang chết đuối”. Một chiếc micro nếu giấu trong tường nhà của ông Ân sẽ chẳng ghi được gì ngoài mớ âm thanh ríu rít ngổ ngẩn của lũ chim đang hót inh ỏi, líu lo, gù gù, cãi vã.

Vấn đề đầu tiên Phạm Xuân Ân đối mặt khi bí mật trở lại Sài Gòn trên cương vị một điệp viên mới được tuyển mộ là làm thế nào để tránh bị bắt quân dịch vào lực lượng thuộc địa của Pháp. Những người cộng sản sợ rằng Phạm Xuân Ân cuối cùng sẽ chỉ là một đại tá - không đủ cao về chức vụ để có thể trở thành một nguồn tin tốt. Thế giới buồn ngủ của sở quan thuế Đông Dương cũng mang lại những tin tức ít ỏi, nên Phạm Xuân Ân bắt đầu làm thêm với tư cách là chuyên viên kiểm duyệt báo chí tại sở dây thép Sài Gòn. Tại đây ông được giao kiểm duyệt những bài viết gửi cho các tờ báo Anh và Pháp của Graham Greene, một kẻ gây rắc rối mà người Pháp nghi là đang làm việc cho tình báo Anh.

Ngồi dưới những chiếc cột thép vươn cao lừng lững và những chiếc quạt trần quay vù vù tô điểm cho tòa nhà ấn tượng do Gustave Eiffel thiết kế, Phạm Xuân Ân làm việc ở sở dây thép vào buổi chiều tối. Các ký giả gửi bài đi từ Sài Gòn đối mặt với sự chậm trễ do trực trực đường truyền và các vấn đề kỹ thuật khác, nhưng rào cản lớn nhất của họ nằm tại văn phòng kiểm duyệt. Phạm Xuân Ân, một người tự học tiếng Anh một cách bập bỡm, lố bỗ, lại được giao kiểm duyệt bài viết của Graham Greene, một trong những nhà văn châm biếm vĩ đại của thế kỷ 20.

“Người Pháp ra lệnh cho chúng tôi canh chừng Graham Greene thật cẩn thận,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ấy đã làm việc cho tình báo Anh trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Sau đó ông ấy tới Đông Dương để đưa tin về chiến tranh. Khi ông ấy ở châu Á, hút thuốc phiện và giả vờ là một ký giả, thì Phòng Nhì khẳng định với chúng tôi rằng ông ấy là điệp viên của MI6, tình báo Anh. Chúng tôi cũng được lệnh phải canh chừng cẩn thận bất kỳ ai làm việc cho CIA.

“Một hôm Graham Greene đến sở dây thép để gửi bài. Phóng sự của ông được đặt trên bàn tôi. Đó là một phóng sự dài. ‘Tôi phải làm gì với cái này?’ tôi hỏi người phụ trách của mình. ‘Cậu phải hết sức cảnh giác,’ ông ta nói. ‘Nếu có bất kỳ từ nào cậu cảm thấy không chắc chắn, cứ việc gạch đi là xong. Tiếng Anh của cậu không tốt lắm, nhưng ông ta cũng chẳng làm gì được. Ông ta không thể cãi cậu được. Vì thế cứ việc mạnh dạn gạch những từ đó đi là xong. Đánh dấu nó lại rồi đưa cho người đánh điện. Đằng nào thì người ta cũng không bao giờ cho ông ta cơ hội hoạnh hợ gì.’”

“Để gửi đi một bài viết hay, anh phải dùng đến chim bồ câu,” Phạm Xuân Ẩn nói, ám chỉ đến một người đưa tin đi máy bay chuyển tin bài ra nước ngoài rồi gửi chúng đi tại Hồng Kông hoặc Singapore. “Ngay chính Greene cũng viết một bài về việc ông ta đã chuyển những bài báo ra khỏi Việt Nam cho David Chipp, thông tin viên của hãng Reuters tại Đông Dương. Về sau tôi cũng làm việc dưới quyền của David Chipp khi ông ta trở thành trưởng văn phòng của Reuters tại Đông Nam Á. Khi tôi nói với ông ta về chuyện này, ông ta nói với tôi rằng chính ông ta mới là người chuyển những bài báo ra khỏi Việt Nam cho Graham Greene.

“Hồi Greene ở Sài Gòn, ông hút rất nhiều thuốc phiện,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông kiểm thử đó từ Mathieu Franchini ở khách sạn Continental. Hồi đó hút thuốc phiện không phải là phạm pháp. Tôi chưa bao giờ gặp Graham Greene. Tôi nhìn thấy ông ở sở dây thép hoặc dưới khách sạn Continental, đang dùng một ly khai vị trên ban công, nhưng giá kể hồi đó mà bắt chuyện với ông là thế nào tôi cũng

gặp rắc rối với an ninh quân sự Pháp, gọi tắt là OR, tên đầy đủ là Office des Renseignements. Họ cài cắm người của họ khắp mọi nơi.”

Ngoài việc kiểm duyệt những bài viết của Greene, Phạm Xuân Ẩn cũng chứng kiến sự kiện tạo thành chuyện chính trong tác phẩm *Người Mỹ trầm lặng* được xuất bản tại Anh năm 1955 và tại Mỹ một năm sau đó. “Tôi đang trên đường từ sở quan thuế về nhà,” Phạm Xuân Ẩn nói, miêu tả lại những gì ông nhìn thấy ngày 9 tháng 1 năm 1952. “Chúng tôi có giờ nghỉ ăn trưa kéo dài để tranh thủ chợp mắt, trước khi quay lại làm việc vào buổi chiều. Thỉnh thoảng khi không có nhiều việc để làm, tôi thường đi bơi ở bể bơi gần khách sạn Majestic và sau đó về nhà ăn trưa. Hôm đó, tôi nói với sếp của mình là tôi muốn về sớm để xem cuộc diễu binh chào đón một trung đoàn Pháp vừa tham chiến ở Triều Tiên về. Đơn vị này đang được luân chuyển về nhà, có ghé qua Sài Gòn và diễu binh dọc đại lộ Catinat để phô trương thanh thế. Đây là con phố quan trọng nhất ở Sài Gòn, dọc hai bên là rất nhiều cửa hàng sang trọng. Một sân khấu duyệt binh đã được dựng lên trước nhà thờ, và cả thành phố đang sửa soạn đi xem.”

Phạm Xuân Ẩn đang đạp chiếc xe của mình trên đại lộ Catinat về phía khách sạn Continental. Phía trước mặt, ông nhìn thấy một đám đông tập trung gần bồn nước ở Place Garnier. Trông ra quảng trường ở trung tâm Sài Gòn này là quán cà phê Givral, nhà hát thành phố, khách sạn Continental, và những điểm nổi bật khác của Sài Gòn. Cả Phạm Xuân Ẩn và những người hiếu kỳ đều không biết rằng cuộc diễu binh đã bị hủy bỏ. Đột nhiên Phạm Xuân Ẩn nhìn thấy những hình người bị bắn tung lên không trung và nghe thấy tiếng nổ khủng khiếp biến cả quảng trường thành một hiện trường đánh bom la liệt xác chết và những kẻ sống sót đang kêu la thảm thiết. Ông đến tận hiện trường và nhìn thấy những cánh cửa sổ vỡ tan cùng rất nhiều người gần đó bị thương đang kêu cứu.

Được đưa vào làm đỉnh điểm của tiểu thuyết *Người Mỹ trầm lặng*, vụ đánh bom là tác phẩm của tướng Thế, một thủ lĩnh Cao Đài được

người Mỹ hậu thuẫn làm “lực lượng thứ ba” nhằm mục đích dẫn dắt Việt Nam vào một tương lai không cộng sản mà cũng không có người Pháp. Trong tiểu thuyết của Greene, Alden Pyle, điệp viên CIA, người tài trợ tiền cho tướng Thế, coi hành động khủng bố đô thị này là cái giá không may mà người ta phải trả cho việc thúc đẩy sự nghiệp tự do của Việt Nam. “Phòng Nhì Pháp nhận được tin báo về việc tướng Thế đã gài một quả bom,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Nên đến phút cuối cùng họ cho hủy cuộc diễu binh. Có thể họ nhận được thông tin quá muộn. Có thể họ muốn quả bom phát nổ để làm bẽ mặt người Mỹ bằng cách để họ giết hại vô số dân thường vô tội. Dù sao thì cũng đã có rất nhiều người xếp hàng dọc trên phố, chờ đợi đám diễu binh, khi quả bom phát nổ. Nó làm vỡ nát những cánh cửa sổ ở quán cà phê Givral và hiệu thuốc bên cạnh. Tôi chứng kiến cảnh sát chạy tới giúp đỡ người bị thương.”

Trừ quân đội riêng của mình với vài nghìn binh sĩ, Cao Đài là một lựa chọn đỡ đầu kỳ quặc của người Mỹ. Tôn giáo này được thành lập năm 1926 bởi một viên chức người Việt Nam ngộ đạo trong một lần cầu cơ. Đạo Cao Đài có một Hộ Pháp và cả **Nữ Đầu sư** cai quản một Tòa thánh, cách Sài Gòn 80 kilômét về phía Tây Bắc.

Greene miêu tả Tòa thánh Cao Đài như “một hình ảnh tượng tượng phong phú kiểu Walt Disney của phương Đông, [đây] rộng và rấn sặc sỡ”. Với biểu tượng là thiên nhân (con mắt thần), nhìn thấu tất cả, tôn giáo này đưa vào danh sách các vị thánh của mình cả Jeanne d’Arc, Descartes, Shakespeare, Pasteur và Lenin.

Ngay sau khi cuốn *Người Mỹ trầm lặng* được xuất bản, Mills C. Brandes, một nhân viên CIA nằm vùng tại Sài Gòn, người nghe đầu về sau trở thành trưởng cơ sở ở Thái Lan, đã tặng Phạm Xuân Ẩn một cuốn. Brandes nghĩ cuốn sách sẽ giúp Phạm Xuân Ẩn học tiếng Anh. “Nhiều người Việt Nam tin vào câu chuyện về việc những người Mỹ tới Việt Nam và cố dựng đạo Cao Đài lên làm ‘lực lượng thứ ba’, Phạm Xuân Ẩn nói. Khi *Người Mỹ trầm lặng* được dựng thành phim, Phạm Xuân Ẩn đã có một bài bình luận về nó. Khi cuốn

sách được chuyển thành phim lần thứ hai vào năm 2001, Phạm Xuân Ẩn đóng vai trò là một cố vấn cho bộ phim và như là nguyên mẫu cho một trong những nhân vật trung tâm - người cộng sản đã thủ tiêu điệp viên CIA Alden Pyle.

Để thoát khỏi “tính khí hung-trầm cảm” của mình, Graham Greene bắt đầu đi đến châu Á năm 1950. Ông đang đưa tin về cuộc nổi dậy của những người cộng sản tại Malaysia trên cương vị thông tin viên cho tờ *Life* khi ông bay tới Hà Nội tháng

Giêng năm 1950 để thăm một người bạn cũ đang làm lãnh sự Anh tại đó. Greene phải lòng Việt Nam ngay lập tức. Sau này ông còn quay lại thêm ba lần nữa để đưa tin về chiến tranh và thu thập tư liệu cho *Người Mỹ trầm lặng*. Như Greene viết trong *Những con đường giải thoát*, cuốn thứ hai trong số hai cuốn tự truyện của ông, “Ở Đông Dương tôi nốc cạn một thứ bùa mê thuốc lú, một thứ rượu tình mà từ ngày đó tôi đã thành đồng bệnh với nhiều thực dân về hưu cùng các sĩ quan của đội quân Lê dương, ánh mắt họ vẫn sáng lên khi nghe nhắc đến Sài Gòn và Hà Nội.”

“Lời nguyện đó được gieo đầu tiên, tôi nghĩ, là bởi những cô gái thanh mảnh trang nhã mặc quần lụa trắng; bởi ánh đèn đêm nhọt nhọt trên những cánh đồng lúa bằng phẳng, nơi những con trâu ì ọp lội sâu đến tận khuỷu chân với dáng vẻ thong dong nguyên thủy; bởi những cửa hàng nước hoa Pháp trên đại lộ Catinat; những sòng bạc của người Hoa ở Chợ Lớn; và trên hết thảy là bởi cảm giác hoan hỉ mà một biện pháp đề phòng nguy hiểm mang đến cho những du khách có vé khứ hồi: những nhà hàng được chằng lưới chống lựu đạn, những tháp canh trải dọc các con đường của vùng châu thổ như một sự nhắc nhở kỳ cục về tình trạng thiếu an toàn: ‘Si vous êtes arrêtés ou attaqués en cours de route, prévenez le chef du premier poste important.’” [Nếu bạn bị bắt giữ hoặc bị tấn công trên đường, hãy báo ngay cho người phụ trách ở bất góc tiếp theo.]

Trong chuyến đi đầu tiên đến Việt Nam, Greene gặp người về sau trở thành nguyên mẫu cho một người Mỹ trầm lặng. Greene đang ở

vùng đầm lầy của tỉnh Bến Tre tại châu thổ sông Mê Công, ghé thăm “người hạnh phúc nhất trong số các đốc quân ở Nam Kỳ”, tay thực dân lai Tây Leroy, người mang đến cho các vị khách của mình một buổi dạ hội trên con tàu riêng của mình. “Đêm đó tôi ở chung phòng với một người Mỹ thuộc một phái bộ viện trợ kinh tế - thành viên của phái bộ này bị người Pháp quy kết, có lẽ chính xác, là nhân viên CIA. Người bạn đường của tôi hoàn toàn chẳng có chút gì giống Pyle, người Mỹ trầm lặng trong câu chuyện của tôi - ông ta là một người cực kỳ thông minh và ít ngây thơ hơn, nhưng ông ta giảng giải cho tôi nghe suốt cả chặng đường dài quay trở lại Sài Gòn về sự cần thiết phải tìm kiếm “một lực lượng thứ ba tại Việt Nam”. Trước đó tôi chưa bao giờ được tiếp xúc gần gũi đến thế với giấc mơ Mỹ vĩ đại có mục đích là làm rối loạn tình hình tại phương Đông cũng như sau này họ sẽ làm ở Algeria.”

Greene quay lại Việt Nam tháng 10 năm 1951, tám tháng sau chuyến thăm đầu tiên của mình. Ông vẫn làm cho tờ *Life*, lần này là để viết về cuộc chiến của người Pháp ở Đông Dương. Cũng trong tháng 10 Greene xuất hiện trên trang bìa của tờ *Time*. Cái đầu như đầu sư tử của ông trồi lên trên một đường hầm tối tăm trông giống như một âm đạo, ở phía cuối lấp lánh một cây thập giá. Phía dưới trang bìa là dòng chú thích:

Tiểu thuyết gia Graham Greene

Gian dân có thể được phong thánh

Greene rời Việt Nam trong tháng 2, hy vọng được tới Mỹ để xem quá trình chuyển thành phim cuốn tiểu thuyết *Đoạn kết cuộc tình* của mình. Nhưng đề nghị xin visa của ông đã bị từ chối với lý do ông là một người cộng sản. (Ông từng là đảng viên cộng sản trong sáu tuần vì nghịch ngợm hồi đại học). Khi Greene vô tình được cấp visa qua một nhân viên lãnh sự Mỹ tại Sài Gòn, người này đã buộc phải lúng lúng khắp thành phố và tìm thấy nhà văn trong phòng của ông tại khách sạn Continental. Sau khi gõ cửa và đề nghị kiểm tra hộ chiếu

của Greene, nhân viên này đã rút ra một hộp dấu mực và đóng dấu hủy visa.

Về sau, khi được phép tới Mỹ bằng một visa ngắn hạn, Greene đã dự lễ chào Thánh thể với Claire Booth Luce, vợ của Henry Luce, chủ tịch tập đoàn Time Inc., và ông chuyển bài viết mà tạp chí của mình yêu cầu cho các biên tập viên của Luce tại *Life*, để rồi những người này đã bỏ nó. Như Greene viết trong *Những con đường giải thoát*: “Tôi ngờ là thái độ lập lờ của tôi về cuộc chiến đã trở nên quá lộ liễu - sự khâm phục của tôi dành cho quân đội Pháp, sự khâm phục của tôi đối với kẻ thù của họ, và mối hoài nghi của tôi về bất kỳ giá trị cuối cùng nào trong cuộc chiến.”

Quay trở lại Việt Nam tháng 12 năm 1953, Greene trải qua một khoảng thời gian “hai mươi tư giờ tang tóc trĩu nặng” tại Điện Biên Phủ, cứ điểm ở vùng núi cao phía Tây Hà Nội. Năm tháng sau chuyến thăm của Greene, Việt Minh đã tràn vào cứ điểm này. Trận đánh này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong cục diện thế giới, như Greene nhận định. Greene tin rằng đó là lần đầu tiên trong lịch sử chủ nghĩa thực dân phương Tây, những người lính châu Á đã đánh bại một quân đội châu Âu trong một trận địa chiến. Trong số 15.000 binh sĩ viễn chinh Pháp bảo vệ Điện Biên Phủ, khoảng ba đến bốn nghìn bị giết trên chiến trường, còn mười nghìn người khác bị Việt Minh bắt sống. **Một nửa số người này sau đó đã chết trên chặng đường áp giải dài năm trăm dặm từ vùng núi xuống vùng ven biển**. Một ngày sau chiến thắng của cộng sản, hội nghị quốc tế được triệu tập để chấm dứt chiến tranh Đông Dương khai mạc tại Geneva.

“Điện Biên Phủ không chỉ là thảm bại của quân đội Pháp,” Greene viết trong *Những con đường giải thoát*. “Trận đánh này gần như đánh dấu sự cáo chung của bất kỳ hy vọng nào mà các cường quốc phương Tây có thể đã ấp ủ rằng họ có thể thống trị phương Đông. Người Pháp, với sự minh triết kiểu Descartes, đã chấp nhận lời phán quyết. Ở một mức độ kém hơn, cả người Anh cũng vậy:

nền độc lập của Malaysia, bất kể những người Malaysia có thích nghĩ đến như vậy hay không, cũng được giành lại cho họ khi lực lượng cộng sản của tướng Võ Nguyên Giáp, một cựu giáo sư sử học trường Thăng Long, đánh bại lực lượng của tướng Navarre, một cựu sĩ quan kỵ binh, cựu trưởng Phòng Nhì, tại Điện Biên Phủ. (Sau này thanh niên Mỹ vẫn tiếp tục phải bỏ mạng tại Việt Nam càng chỉ chứng tỏ thực tế rằng phải mất một thời gian thì tiếng dội của ngay cả một thất bại toàn diện mới lan tỏa khắp thế giới.)”

Khi được tờ *Sunday Times* đề nghị viết về trận đánh có ý nghĩa quyết định nhất trong lịch sử thế giới, Greene đã chọn Điện Biên Phủ.

Greene đến Việt Nam lần cuối cùng năm 1955. Đã lên lịch gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh để phỏng vấn nhưng cảm thấy người không được khỏe, ông lại tìm đến phương thuốc quen thuộc của mình - kéo vài điếu thuốc phiện. “Tẩu thuốc cuốn trôi đi cơn bệnh và mang đến cho tôi năng lượng để gặp Hồ Chí Minh trong bữa trà.”

“Trong số bốn mùa đông mà tôi trải qua tại Đông Dương, thuốc phiện đã để lại những ký ức hạnh phúc nhất, và cũng như nó đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống của Fowler, nhân vật của tôi trong *Người Mỹ trầm lặng*, tôi bổ sung vài ký ức từ những ghi chép của mình liên quan đến nó, vì tôi cảm thấy không đành lòng rời Đông Dương vĩnh viễn chỉ với một cuốn tiểu thuyết để nhớ về nó.” Những nhận xét của Greene trong *Những con đường giải thoát* được bổ sung 11 trang tả về thú hút thuốc phiện, thói quen bắt đầu trong chuyến thăm Việt Nam lần đầu tiên của ông năm 1951. “Sau bữa tối, một quan chức Pháp đưa tôi đến căn hộ nhỏ ở con phố vắng - tôi có thể ngửi thấy mùi thuốc phiện nồng nồng khi lên cầu thang. Nó cũng giống như lần đầu tiên nhìn thấy một phụ nữ đẹp, người mà ta cảm nhận là có thể sẽ có một mối quan hệ: một người mà ký ức về người đó sẽ không phai mờ sau một đêm ngủ dậy.”

Phạm Xuân Ẩn được chính thức kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1953 tại một buổi lễ trong rừng U Minh dưới sự chủ tọa

của ông Lê Đức Thọ. Là một người “tốt nghiệp” Côn Đảo, ông Lê Đức Thọ phụ trách kháng chiến chống Pháp ở miền Nam. Về sau ông có đến bốn năm đàm phán với Henry Kissinger trong các vòng đàm phán hòa bình Paris. Em trai ông là Mai Chí Thọ, phụ trách công tác an ninh của lực lượng cộng sản ở miền Nam, là cấp trên của Phạm Xuân Ẩn.

“Họ đề nghị tôi vào Đảng Cộng sản vì tôi làm việc trong một lĩnh vực nhạy cảm,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Nếu tôi không vào, họ sẽ không tin tưởng tôi nữa. Họ giải thích tất cả những biện pháp mà họ tiến hành vì các lý do an ninh, rồi tôi còn phải nghiên cứu các nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng. Về danh nghĩa thì Đảng Cộng sản Đông Dương đã giải tán, nhưng nó vẫn tiếp tục hoạt động bí mật. Những người cộng sản lo ngại sẽ mất đi sự ủng hộ rộng rãi nếu họ hoạt động công khai, vì vậy họ tiến hành các hoạt động của họ một cách bí mật.”

Một năm trước đó Phạm Xuân Ẩn cũng đã được kết nạp dự bị vào Đảng trong một buổi lễ ở khu rừng gần Củ Chi. “Có một giai đoạn thử thách kéo dài từ ba đến sáu tháng đối với một công nhân muốn vào Đảng,” Phạm Xuân Ẩn giải thích. “Đối với một thành viên của tầng lớp trung lưu, một sinh viên, hay một người làm việc cho chính quyền (ngụy), giai đoạn thử thách ít nhất là một năm, trước khi anh được chuyển từ đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức.”

Trong khi đọc các văn kiện của Đảng và các tác phẩm của Marx cũng như của Engels, Phạm Xuân Ẩn rút ra những bài học chính trị thực sự của mình từ Karl von

Clausewitz, viên tướng người Phổ thế kỷ 19 đã tham gia đánh bại Napoleon trong trận Waterloo và sau đó, trên cương vị hiệu trưởng trường đại học chiến tranh Phổ, đã viết kiệt tác dang dở của mình, *Về chiến tranh*. Điều Phạm Xuân Ẩn thấy thuyết phục nhất ở Clausewitz là tư tưởng chiến tranh tổng lực, trong đó bao gồm việc tấn công các công dân và tài sản của một quốc gia thù địch bằng mọi

cách có thể. Phạm Xuân Ẩn thường xuyên quay trở lại quan điểm này, giải thích đi giải thích lại tầm quan trọng của tư tưởng chiến tranh tổng lực đối với chiến lược của Việt Nam.

“Để chống lại kẻ thù mạnh đến từ nước ngoài, anh phải tiến hành một cuộc chiến trường kỳ,” ông nói. “Anh phải huy động tất cả nhân tài và vật lực của tổ quốc mình vì một mục tiêu duy nhất - đánh bại kẻ thù đó. Phải đương đầu với sự tổng động viên này, cuối cùng đối phương sẽ phải nhận ra rằng việc tiếp tục duy trì cuộc chiến là không có lợi. Nó sẽ tự quyết định rút lui. Đó là cách mà anh giành chiến thắng. Anh không đánh bại kẻ thù. Anh *không thể* đánh bại họ. Anh quá yếu, nhưng bằng cách tiến hành một cuộc chiến trường kỳ, cuối cùng anh sẽ khiến họ phải rệu rã và tự động rút lui. Người Trung Quốc gọi đó là *chiến tranh nhân dân*. Việt Minh cũng học nó từ người Trung Quốc. Họ nghĩ rằng đây là tư tưởng do Mao Trạch Đông đưa ra, nhưng thật ra đây là một bài học của Clausewitz.”

Tôi ngạc nhiên khi Phạm Xuân Ẩn nói với tôi rằng **người Việt chưa bao giờ thắng trong cuộc Chiến tranh Việt Nam**: “Không, nước Mỹ đâu có thua trận.”, **ông nói**, “Chúng tôi đã thực hiện cái mà Clausewitz gọi là chiến tranh tổng lực, trong đó sức mạnh của toàn dân tộc được huy động chống một kẻ thù ngoại xâm. Theo như Clausewitz, cuộc chiến này chỉ kết thúc khi kẻ xâm lược tính toán rằng những cái lợi của anh ta sẽ không thấm vào đâu so với những mất mát. Trên cơ sở như vậy, anh sẽ phải rút lui. Đó là cách duy nhất để một nước nhược tiểu có thể đánh lại một cường quốc. Người Trung Quốc có cải tiến một chút về tư tưởng này, nhưng Clausewitz mới là người thầy thực sự của chúng tôi.”

“Đây mới chính xác là những gì đã xảy ra,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Người Mỹ đã rút đi. Tất cả chỉ có thế. Chúng tôi chiến đấu đến khi quân Pháp phải rời đất nước. Chúng tôi chiến đấu đến khi Mỹ rút, và sau đó chúng tôi lật đổ chế độ ngụy quyền bù nhìn. Chúng tôi không hề đánh bại kẻ thù về phương diện quân sự. Ngay cả Điện Biên Phủ cũng chỉ là một trận đánh mà người Pháp đã thua trong

một cuộc chiến rộng hơn. Người Mỹ đã **không hề thua trong** cuộc chiến tranh Việt Nam; họ chỉ rút lui. Thậm chí đó cũng không phải là cuộc chiến của họ. Đó là cuộc chiến của những con bù nhìn mà họ dựng lên. Người Mỹ dựng lên đất nước này. Họ là những kẻ buôn vua, nhưng rồi nó đã sụp đổ. **Việc ngôi nhà bị đổ đầu phải do lỗi của những người xây. Lỗi là của những người sống trong ngôi nhà đó.** ”

Sau lễ kết nạp Đảng của Phạm Xuân Ẩn, ông Lê Đức Thọ mời mọi người uống trà và ăn bánh. “Ông có bài phát biểu ngắn, nói rằng tôi vẫn còn là một thanh niên và chiến tranh sẽ sớm kết thúc. Ông biết rằng các nước lớn đang nhóm họp để bàn về việc đàm xếp một hiệp định ngừng bắn tại Triều Tiên, và ông nghĩ chiến tranh tại Việt Nam cũng sẽ sớm được giải quyết. Ông biết Mỹ đang nhảy vào thế chân Pháp, nhưng ông không hề biết là cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai sẽ kéo dài đến thế.”

Sau bài phát biểu, ông Lê Đức Thọ yêu cầu các cán bộ, giới thiệu cho Phạm

Xuân Ẩn những người phụ nữ có thể kết hôn được ở trong Đảng. “Họ sẽ giới thiệu cho tôi vài cô gái, và tôi sẽ chọn trong số đó.”

“Ông ấy có tự mình giới thiệu ai cho ông không?”

Phạm Xuân Ẩn bật cười khùng khục khi nghĩ đến việc nhà cách mạng kỳ cựu của Việt Nam lại đóng vai trò một người mai mối. “Không, ông giao cho người của mình làm việc đó.”

“Họ có giới thiệu tôi với các cô gái, và tôi cũng thích một người trong đó,” ông nói. Trước khi tôi kịp hỏi tên người con gái đó, Phạm Xuân Ẩn đã bắt đầu chuyển sang câu chuyện về một mối quan hệ khác. “Người đầu tiên tôi yêu là một bạn học

11 tuổi ở Cần Thơ tên là Pauline Taget. Cô là một *métisse* dễ thương có cha làm việc cho cảnh sát. Cô cũng tham gia cách mạng. Cô bị bắt. Cha cố can thiệp để trả tự do cho con gái mình. Sau đó, cô sống với một người đàn ông trong một mối quan hệ do cách mạng

bố trí cho đến khi người này hy sinh năm 1947 hay 1948 gì đó. Tại đám tang, Pauline khẳng khẳng đòi phủ quan tài bằng lá cò cách mạng, lá cò đỏ có ngôi sao vàng lớn ở giữa.”

Tôi hỏi Phạm Xuân Ân xem ông còn giữ bức ảnh hay tài liệu nào ghi lại thời điểm ông vào Đảng không.

“Không, không ai ký vào bất kỳ thứ gì hết,” ông nói. “Đó chỉ là một buổi lễ đơn giản. Đây chính là lý do tại sao sau này rất nhiều người không có cách nào để chứng minh rằng họ là đảng viên. Họ lại phải trải qua toàn bộ quá trình đó từ đầu. Người giao thông liên lạc của tôi, bà Nguyễn Thị Ba, phải vào Đảng tới ba lần, mặc dù bà ấy đã làm việc cho những người cộng sản từ khi còn là một thiếu nữ 18 tuổi.”

Khi không mời Phạm Xuân Ân uống trà ăn bánh và giới thiệu cho những cô gái có thể cưới làm vợ, những cấp trên cộng sản của ông có thể rất nghiêm khắc. Họ đánh một dấu đen về ông. Ông là một địa chủ thu tô từ người nông dân, một kẻ tiểu tư sản chuyên bóc lột giai cấp công nhân. Khi được miêu tả bởi những tác giả Việt Nam viết tiểu sử về ông, Phạm Xuân Ân có hai cái đuôi, cả hai cái đều đã bị ông chặt đứt.

“Anh là một gã tiểu tư sản, nhưng lại có chất anh hùng kiếm hiệp trong máu, thích học đòi theo phim ảnh, như thế rất dễ làm hỏng việc,” cấp trên của Phạm Xuân Ân nói. “Con trai của một người tiểu tư sản có một cái đuôi. Cái đuôi đó là lối sống tư sản, kiểu ăn nói và cư xử kiêu căng hợm mình với mọi người, nhất là với những người nghèo mà họ quen gọi là tầng lớp dưới. Kể cả anh có đủ khôn ngoan để che giấu, không sớm thì muộn cái đuôi đó sẽ lòi ra. Anh phải tìm cách chặt nó đi.”

Sau bài giảng này, hàng ngày Phạm Xuân Ân ra cảng để ăn trưa với các công nhân bốc vác. Cố gắng xây dựng tinh thần đoàn kết công nhân này được định hướng bởi phương châm “ba cùng”: cùng ăn, cùng làm, cùng nghỉ . Phạm Xuân Ân cứ đinh ninh mình đang

tiến bộ dần, cho đến một ngày ông để lộ ra cái đuôi thứ hai cần phải cắt bỏ.

Phạm Xuân Ẩn đâm vào mũi một người Pháp. Khi tên này đang hạch sách một số công nhân, Phạm Xuân Ẩn đã túm cổ và vật hẳn xuống đất. Thay vì được khen ngợi vì đã để lộ “cái đuôi của một người yêu nước”, ông bị những người cộng sản xạc toi bời. “Một điệp viên không được phép nóng nảy và vị kỷ. Không thể chấp nhận được việc anh hành động như một người chủ bảo vệ công nhân của mình. Đã được phân công thực hiện nhiệm vụ bí mật trong lòng địch, nếu anh không chịu giao du cùng đồng nghiệp, từ chối ăn hối lộ, từ chối nhậu nhẹt hoặc đi tán gái, làm sao anh có thể hoàn thành nhiệm vụ? Chỉ có một người cộng sản mới có thể nghiêm túc và kiên định như vậy. Làm sao anh có thể đấu tranh một khi anh để lộ cái đuôi của mình ra như vậy?”

Bất chấp công việc làm thêm tại sở dây thép cho Phòng Nhì Pháp, năm 1954 Phạm

Xuân Ẩn vẫn phải đi quân dịch vào Armée Nationale Vietnamienne (Quân đội Quốc gia Việt Nam). Để tránh bị ăn đạn trong những ngày tàn của cuộc chiến thuộc địa của người Pháp tại Đông Dương, ông lợi dụng những mối quan hệ gia đình vốn là cách giải quyết công việc ở Việt Nam. Ông nhờ anh họ mình, đại úy Phạm Xuân Giai, giúp đỡ. “Ông là trưởng tộc,” Phạm Xuân Ẩn nói về ông Phạm Xuân Giai, con trưởng của bác ông. Lớn hơn Phạm Xuân Ẩn tám tuổi, Phạm Xuân Giai sinh ở Huế. Được người Pháp đào tạo thành sĩ quan quân sự, ông ta chiến đấu ở phe của Hồ Chí

Minh năm 1945 và rồi ngay năm đó lại đổi phe, quay lại làm việc cho Pháp. Đại úy Giai là một người tham vọng và tháo vát, thăng tiến vùn vụt qua các chức vụ của ngành tình báo Pháp cho đến khi trở thành người đứng đầu G5, phòng Chiến tranh tâm lý thuộc Bộ Tổng tham mưu Quân đội Quốc gia Việt Nam.

Phạm Xuân Giai giúp em họ mình làm thượng sĩ đồng hóa, cấp cao nhất của ngạch hạ sĩ quan, và bố trí ông về làm việc tại Bộ Tư lệnh quân đội trên đường Galliéni, gần Chợ Lớn. Đây chính là nơi đại tá Edward Lansdale tìm thấy Phạm Xuân Ẩn khi ông ta đến để gặp đại úy Giai và đề nghị giúp đỡ công việc và tiền bạc. Lansdale, một người từng làm việc trong ngành quảng cáo và là chuyên gia về chiến tranh tâm lý, được phái tới điều hành các hoạt động bí mật của CIA tại Việt Nam. Chính thức tới Đông Dương ngay sau thất bại của quân Pháp tại Điện Biên Phủ, Lansdale nhận thấy cả G5 và phần còn lại của cỗ máy chiến tranh thuộc địa cũ đang rệu rã. Các lực lượng miền Nam hoàn toàn mất phương hướng, không biết phải làm gì, cho đến khi Lansdale cùng cơ quan mang cái tên rất vô hại là Phái bộ Quân sự Sài Gòn của ông ta bắt đầu biến Nam Kỳ thành một quốc gia mang tên gọi Nam Việt Nam.

Nhận ra một học trò đầy triển vọng ở chàng thanh niên Phạm Xuân Ẩn, Lansdale và các đồng nghiệp của ông ta bắt đầu dạy Phạm Xuân Ẩn những ngón nghề mà về sau ông sẽ dùng đến trong suốt 50 năm sau đó trên cương vị một điệp viên cộng sản. “Tôi là một học trò của Sherman Kent,” Phạm Xuân Ẩn nói, nhắc đến người giáo sư ở Đại học Yale đã giúp thành lập ra CIA, gồm cả cái mà ngày nay được gọi là Trường Phân tích Tình báo Sherman Kent. “Tình báo chiến lược,” Kent viết trong tác phẩm kinh điển của mình *Tình báo chiến lược cho chính sách thế giới của Mỹ* (1949), là một “công việc báo cáo” trên cơ sở nghiên cứu tính cách của các nhà lãnh đạo thế giới. “Nó phải nắm được cá tính và tham vọng, quan điểm của họ, những điểm yếu của họ và những ảnh hưởng họ có thể tạo ra cũng như những ảnh hưởng có thể tác động đến họ. Nó phải biết rõ bạn bè và người thân của họ, cùng môi trường chính trị, kinh tế và xã hội mà họ hoạt động.”

Phạm Xuân Ẩn, điệp viên tình báo tâm lý, đang bắt đầu học hỏi về phương pháp báo cáo mà sau này ông sẽ phát huy một cách vô cùng xuất sắc trên cương vị **Phạm Xuân Ẩn**, thông tin viên của *Time*

. “Cuộc sống người ta một nghề, mình hai nghề, một nghề đi theo cách mạng, một nghề bám ở đây, để tụt lâu dài, nghề báo không bao giờ rảnh,” Phạm Xuân Ẩn nói với nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Hải. “Hai nghề này nó rất mâu thuẫn nhau, nhưng lại giống nhau. Một đảng lấy được tin tức gì phân tích ra, sau đó giấu đi như mèo giấu cút là tình báo. Đảng khác thì lấy được tin gì, phân tích ra sao thì đăng toạc móng heo lên báo, phát thanh lên đài! Đó là làm nghề báo chí!”

Ngoài những tác phẩm của Sherman Kent, Phạm Xuân Ẩn cũng được đưa cho đọc cuốn sách kinh điển của Paul Linebarger, *Chiến tranh tâm lý* (1948). “Sức lôi cuốn cộng sản là một sức lôi cuốn mạnh mẽ, tồi tệ,” Linebarger viết về những “nhân vật thù địch” tham gia cuộc chiến tranh tâm lý. “Chiến lược tâm lý được xây dựng trên mấp mé miệng vực của cơn ác mộng.” Là một điệp viên bốn mạng, vừa làm thêm cho Phòng Nhì của Pháp vừa làm việc cho tổ chức tình báo thuần túy Việt

Nam của anh họ mình cùng người tài trợ cho nó là CIA, và đồng thời lại báo cáo tình hình cho các cấp trên cộng sản của mình, Phạm Xuân Ẩn cũng bắt đầu sống trên miệng vực cơn ác mộng của riêng mình. “Tôi không lúc nào thanh thoi được lấy một phút,” ông nói. “Đã là điệp viên, không sớm thì muộn anh cũng bị tóm thôi. Tôi phải tự chuẩn bị cho mình khả năng bị tra tấn. Đó rất có thể sẽ là số phận của tôi.”

Điều an ủi nhỏ nhoi là hầu hết các đồng nghiệp của Phạm Xuân Ẩn tại G5 cũng đều ở trong tình cảnh tương tự. “Một tay trong phòng làm việc cho CIA đang đấu đá với anh họ tôi, người làm việc cho Phòng Nhì. Lúc nào họ cũng theo dõi hoạt động của nhau, rồi báo cáo lại cho sếp của mình những gì đã xảy ra. Nhưng họ vẫn là bạn bè tốt của nhau. Chúng tôi luôn chơi bời khắp nơi cùng nhau. Đó là cung cách ở Việt Nam, thuần túy Việt Nam. Chúng tôi bị ném vào nhau như một lũ cua từ năm đại dương của thế giới.”

“Khi nào không do thám lẫn nhau, chúng tôi lại hút thuốc phiện và ăn chơi cùng nhau như bạn bè. Đó là cách mà mọi việc diễn ra. Tôi phải chia rạch rời từng chuyện. Kể cũng khó khăn. Ban đầu anh làm thế như một kiểu phản xạ, và rồi, sau một thời gian dài, anh cũng quen với nó. Lúc nào tôi cũng phải cảnh giác. Anh họ tôi, và cũng là sếp của tôi, là người thân Pháp. Nên tôi phải giả vờ đứng về phía người Pháp, trong khi thực ra tôi là người chống Pháp. Tôi cũng chống lại những kẻ can thiệp, những người Mỹ, trong khi đồng thời tôi lại làm việc cho họ. Nhưng không thể lúc nào cũng giết chóc. Khi chiến tranh qua đi, đây là những người mà tôi sẽ phải chung sống cùng.”

Giữa mớ điệp viên hỗn độn này có hai người sau này trở thành bạn thân của Phạm Xuân Ẩn. Cao Giao là một người đàn ông đeo kính với chòm râu dê lưa thưa và làm việc cho những người cộng sản. Nguyễn Hưng Vượng, người có khuôn mặt bủng beo của dân nghiện hút, làm việc cho CIA. Phạm Xuân Ẩn và những đồng nghiệp của mình dành nhiều thời gian ở cùng nhau, lê la khắp thành phố và nhấm nháp cà phê trên đường Catinat, đến nỗi mà người ta bắt đầu gọi họ là Ba chàng ngự lâm pháo thủ. Họ mách nhau việc làm cũng như thông tin và vẫn luôn là những người bạn thân thiết trong suốt mấy cuộc chiến ở Việt Nam. Ban đầu, Phạm Xuân

Ẩn đóng vai trò như một cậu em nhỏ so với những đồng nghiệp từng trải hơn của mình, khi họ dạy cho ông những gì họ biết về nghề điệp viên.

Sinh năm 1917 trong một gia đình quan lại ở phía Nam Hà Nội, nơi cha là một quan chức trong chính quyền Pháp, Cao Giao là một người lúc nào cũng sôi sục và nổi bật. Ông có kiểu hóm hỉnh sắc sảo chẳng kiêng nể gì ai. Đổi lại, mỗi đảng phái chính trị lên nắm quyền tại Việt Nam lại tống ông vào tù và tra tấn ông. Ông không bao giờ nhượng bộ, không bao giờ bóp méo sự thật. Cho đến tận cái ngày qua đời trong cảnh lưu vong tại Bỉ năm 1986, ông vẫn thuộc về tầng lớp quý tộc trí thức, giống như một viên cận thần thời Phục hưng bị

buộc phải lần trốn từ công quốc này sang công quốc khác nhưng lần nào cũng la cà quá lâu ở quán cà phê, nấn ná với một câu chuyện cuối cùng, câu nói đùa cuối cùng, thế là hết lần này đến lần khác ông ta lọt vào tay những lực lượng ngoại xâm vốn luôn cho rằng ông đã chọn nhầm phe. “Ông ấy là kiểu người suốt ngày phải đi tù, dưới chế độ nào cũng thế, cứ đi tù đã,” Phạm Xuân Ẩn nói và bật cười với ý nghĩ ông bạn Cao Giao tội nghiệp làm phật ý tất cả mọi người.

Những người đầu tiên tống ông vào tù là người Pháp. Cao Giao đã đứng cùng hàng ngũ với người Nhật Bản khi họ xâm lược Việt Nam. Với những khẩu hiệu của họ về Đại Đông Á và Á châu dành cho người Á châu, ông nghĩ họ có thể nắm giữ chìa khóa để giải phóng tổ quốc mình. “Đó là thất bại đầu tiên trong sự nghiệp của tôi,” ông cay đắng. Sau đó Cao Giao quay sang thông tin cho những người cộng sản. Trong số những thông tin quan trọng mà ông cung cấp cho họ có việc thông báo trước về vụ Nhật đảo chính Pháp. “Ông ấy là nguồn duy nhất có thông tin đó,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ấy đóng góp rất nhiều cho cách mạng, đặc biệt là trong thời kỳ Nhật và Pháp đô hộ Việt Nam.”

Mặc dù vậy, khi những người cộng sản lên nắm quyền ở miền Bắc, lại đến lượt họ bắt giữ Cao Giao **và tra tấn ông** vì tội đã làm việc cho người Nhật. Cuối cùng ông bỏ trốn vào Nam. Tại đây Cao Giao gặp rắc rối với Ngô Đình Diệm, một cộng sự viên khác của người Nhật và về sau trở thành đồng minh của Mỹ chống cộng sản. Sau khi được thả ra khỏi phòng tra tấn của Diệm, Cao Giao vào làm cho tờ *Newsweek*. Ông là người anh em sinh đôi không bao giờ tách rời khỏi người phóng viên Việt Nam đồng nghiệp của mình làm việc cho tờ *Time*, nhưng trong khi chàng phóng viên Phạm Xuân Ẩn kín đáo không bao giờ gặp rắc rối với bất kỳ ai, thì Cao Giao lại là cái cột thu lôi hứng chịu tất cả. Đến năm 1978, ông lại bị **tra tấn** lần nữa trong nhà tù Chí Hòa ở Sài Gòn, lần này có lẽ là vì bị kết tội làm tay chân cho CIA. Sau bốn năm trong tù, trong đó có mười ba tháng biệt

giam, cuối cùng Cao Giao cũng được phép ra nước ngoài sống lưu vong.

Trong khi Cao Giao là một người kể chuyện bẩm sinh với khuôn mặt tròn trịa, da bánh mật, lúc nào cũng hồ hởi với một nụ cười, thì người đồng nghiệp ốm yếu, lưng còng của ông là Nguyễn Hưng Vương lại nói chuyện với giọng thều thào nhọt nhọt nghe như thể ông đang cố tìm cách biến mất khỏi khoảng không trước mặt bạn. Ông có mái đầu đầy những sợi tóc thẳng, ngả màu muối tiêu và làn da đùng đục mỏng như giấy của một con nghiện. Sinh năm 1923 tại Côn Minh, miền Nam Trung Quốc, trong một gia đình người Việt Nam làm việc cho chính quyền Pháp, Vương là một sinh viên xuất sắc tốt nghiệp tú tài tại Hà Nội trước khi theo học tiếp về y khoa. Tháng 8 năm 1945, sau một thời gian ngắn làm nhân viên kiểm duyệt, ông rời Việt Nam sang Hồng Kông. Sau đó ông tới Thái Lan, tại đó ông kết bạn với Phạm Xuân Giai, anh họ của Phạm Xuân Ẩn. Trong khi Giai làm việc cho Phòng Nhì, thì Vương làm việc cho CIA, đầu tiên là ở Thái Lan, Lào, và Hà Nội, rồi cuối cùng là ở Sài Gòn, nơi Giai tuyển ông vào làm cho G5.

“Vương làm việc cho CIA và đang đối đầu với anh họ tôi, người làm việc cho Phòng Nhì,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Họ luôn theo dõi các hoạt động của nhau, báo cáo lại cho cấp trên của mình về những gì đang xảy ra. Nhưng đồng thời họ cũng là những người bạn thân luôn đi chơi bời cùng nhau. Như thế chẳng có gì là sai cả. Mỗi người đều có trách nhiệm của mình. Tôi đã học được rất nhiều điều từ những người này. Không một ai từng nghi ngờ rằng tôi làm việc cho những người cộng sản. Tôi tỏ ra vô cùng ngây ngô và cởi mở. Bất kỳ điều gì không biết là tôi hỏi ngay. Vì không ai từng dạy tôi về tình báo, nên tôi phải hỏi những người biết về nghề này dạy lại cho mình.”

Từ văn phòng làm việc của mình tại G5, Phạm Xuân Ẩn dần làm quen với những kinh nghiệm toàn cầu về chiến tranh tâm lý. “Họ đã vay mượn từ người Anh và người Pháp rất nhiều tư tưởng về chiến

tranh chống du kích,” ông nói. “Từ người Anh, họ chủ yếu dựa vào những ý tưởng của Robert Thompson và kinh nghiệm của ông ta tại Mã Lai. Từ người Pháp, họ dựa vào những ý tưởng của đại tá Roger Trinquier, một chuyên gia về chiến tranh chống du kích, đầu tiên là ở Việt Nam và sau đó là ở Algeria. Ông ta từng là giáo sư tại một trường trung học ở Pháp, và sau đó trong Chiến tranh thế giới thứ hai ông ta trở thành quân nhân. Trinquier là người đầu tiên vạch ra cả một kế hoạch tiến hành chiến tranh tại Đông Dương. Ông ta là chìa khóa để hiểu được chiến lược của Pháp về chống du kích. Những quan điểm của ông ta về sau cũng được người Mỹ học hỏi. Ông nên đọc Trinquier nếu ông muốn hiểu những gì chúng tôi làm hồi đó.”

Sinh năm 1908 trong vùng núi Alps thuộc Pháp và được đào tạo làm giáo viên, Trinquier khởi đầu binh nghiệp năm 1934 trên cương vị một sĩ quan trẻ chuyên tiêu diệt những băng cướp biển Việt Nam và dân buôn lậu thuốc phiện trong vùng núi hoang dã được gọi là Thập Vạn Đại Sơn, trải dài ở vùng biên giới Việt Nam và Trung Quốc. Ông ta bị người Nhật giam cầm trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Sau chiến tranh, Trinquier dành trọn 15 năm tiếp theo trong binh nghiệp của mình để chống lại những cuộc chiến giành độc lập, đầu tiên là tại Việt Nam và sau đó là ở Algeria. Theo Trinquier, những người cách mạng thắng thế không phải bởi vì họ giành thắng lợi trong các cuộc chiến tranh, mà bởi vì các chính trị gia đã bán đứng quân đội đúng lúc họ đang giành chiến thắng. Nếu như lời phàn nàn này nghe quen quen, thì là vì nó sẽ trở thành chủ đề được nhắc đi nhắc lại đối với nhiều nhân vật của quân đội Mỹ, những người nắm lấy quan điểm này sau thất bại của chính họ tại Việt Nam.

Cuối những năm 1940, Trinquier được giao cái mà Bernard Fall gọi là “nhiệm vụ khó khăn quét sạch những phần tử Việt Minh ra khỏi vùng đầm lầy và những cánh đồng lúa xung quanh Sài Gòn”. Về sau Trinquier được phân công phụ trách việc vũ trang cho

những người Thượng Việt Nam và các nhóm người thiểu số khác mà để bí mật thả xuống phía sau hậu phương của kẻ thù. Được chu cấp bởi người Mỹ, những người vô cùng khâm phục người lính mẫn cán này và hoạt động bí mật của ông ta, thiếu tá Trinquier có đến 30.000 người dưới quyền chỉ huy của mình khi “vụ việc Điện Biên Phủ đáng tiếc”, theo cách gọi của ông ta, đặt dấu chấm hết cho cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Người Mỹ cũng chấm dứt luôn sự liên hệ với những lực lượng bí mật của Trinquier và nhiều người trong số 20.000 binh sĩ của ông ta bị cộng sản săn lùng và tiêu diệt.

Trong thời gian tham chiến ở Việt Nam, Trinquier phát triển phương pháp của mình về chiến tranh hiện đại. Theo ông ta, cuộc xung đột cách mạng tại Việt Nam là cuộc chiến tranh hiện đại đầu tiên trên thế giới bởi vì nó bao hàm cả một trận đánh tranh giành “con tim và khối óc” của người dân Việt Nam. Giành được lòng trung thành của người dân bình thường là một mục tiêu quân sự vĩ đại không kém gì việc chiến thắng những trận đánh riêng rẽ. Một lực lượng cách mạng muốn chiếm lợi thế trong chiến tranh hiện đại sẽ huy động một “hệ thống tổng thể các hành động - chính trị, kinh tế, tâm lý, quân sự - nhằm mục đích lật đổ một chính quyền đã được thiết lập tại một quốc gia và thay thế nó bằng một chế độ khác”. Xuất phát từ tính tổng lực của các phương pháp này, một quân đội đang cố đàn áp một lực lượng cách mạng phải xây dựng tập hợp các kỹ thuật chiến tranh hiện đại cho riêng mình. Nó sẽ chiến đấu bằng những nhóm biệt kích nhỏ, cơ động và các lực lượng hoạt động bí mật. Nó sẽ dùng cả đến cách tra tấn. Nó sẽ cưỡng bức dân thường phải vào ở trong những trại vũ trang đồng thời sử dụng đến biện pháp khủng bố cùng các kỹ thuật khác được phát triển trong cái lĩnh vực ngày càng hiệu quả được gọi là chiến tranh tâm lý.

Khi tới Việt Nam tiếp quản cuộc chiến tranh của người Pháp, người Mỹ, thường là vô tình, phát minh lại tất cả các phương pháp của Trinquier. Định ninh mình là những nhà phát kiến vĩ đại trong

việc đàn áp lực lượng cách mạng Việt Nam, nhưng thực ra người Mỹ cũng chỉ là những Trinquier thế hệ sau này sao chép lại tất cả những phương pháp của ông ta về cách tiến hành một cuộc chiến hiện đại - với kết quả cũng chẳng có gì sáng sủa hơn. Người Mỹ phát triển lực lượng Mũ nồi Xanh và các lực lượng đặc biệt khác hoạt động cùng những nhóm biệt kích nhỏ, cơ động. Họ sử dụng biện pháp tra tấn và khủng bố, đáng chú ý nhất là Chương trình Phượng hoàng, chuyên về đào tạo lực lượng chỉ điểm và thủ tiêu 50.000 người bị nghi là có cảm tình với cộng sản. Họ áp dụng ồ ạt chính sách dồn cưỡng bức người dân Việt Nam vào những trại vũ trang, đầu tiên gọi là *agroville* (khu trù mật) và về sau gọi là ấp chiến lược. Cuối cùng, họ thích thú vận dụng các phương pháp chiến tranh tâm lý được đề ra để chiếm lấy trái tim và khối óc của dân thường, lòng trung thành của nhóm này sẽ là thứ vũ khí tối thượng trong kiểu chiến tranh nhân dân này.

Khi được yêu cầu bình luận về thời gian đưa tin chiến tranh của mình tại Việt Nam, David Halberstam nhắc đến nhà báo người Anh Phillip Knightley: “Vấn đề là cố gắng theo dõi một sự kiện nào đó hàng ngày như thể tin tức khi mà trong thực tế chìa khóa thực sự nằm ở chỗ tất cả cũng đều phát sinh từ cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp, điều đã trở thành lịch sử. Nên thực sự thì lẽ ra anh phải cho thêm một đoạn văn thứ ba vào mỗi bài viết với nội dung ‘Tất cả những thứ này đều là rác rưởi và không hề có chút ý nghĩa gì bởi vì chúng ta đang bước theo đúng dấu chân người Pháp và chúng ta là tù nhân của kinh nghiệm mà họ có’.”

Mùa xuân năm 1971, nhà sử học Alfred McCoy phỏng vấn Trinquier cùng cấp trên của ông ta, tướng Maurice Belleux, cựu trùm tình báo Pháp tại Đông Dương. Vào thời điểm đó, McCoy đang đi vòng quanh thế giới để nghiên cứu viết tác phẩm kinh điển của mình *Nền chính trị bạch phiến tại Đông Nam Á* (xuất bản năm 1972, với một lần tái bản có sửa chữa, *Nền chính trị bạch phiến: Sự đồng lõa của CIA trong hoạt động buôn bán ma túy toàn cầu*, xuất bản

năm 1991). “Đến giai đoạn 1950-1951, các sĩ quan Pháp trẻ tuổi hơn theo trường phái cách tân đã từ bỏ những chiến thuật chiến tranh truyền thống về cơ bản hình dung Đông Dương như một bãi trống thừa thớt dân cư cho các phòng tuyến được gia cố, những trận càn quét quy mô lớn, và những cuộc tấn công thọc sườn,” McCoy viết. “Thay vào đó, Đông Dương trở thành một bàn cờ khổng lồ nơi những bộ tộc miền núi, các băng đảng và các nhóm thiểu số tôn giáo có thể được sử dụng như những con tốt nắm giữ các vùng lãnh thổ chiến lược và ngăn chặn sự xâm nhập của Việt Minh.”

Trinquier được trao cả một vùng lãnh thổ rộng lớn trải dài để thử nghiệm những ý tưởng mới mẻ này. Hoạt động dọc theo dãy Trường Sơn, dãy núi trải dài từ miền Trung Việt Nam đến biên giới Trung Quốc, Trinquier tuyển mộ và huấn luyện hơn 30.000 lính đánh thuê người thiểu số, những người luôn hăng hái tấn công các tuyến đường tiếp tế của Việt Minh và hỗ trợ nỗ lực quân sự của Pháp. Công việc này gồm cả trồng cây anh túc ở Lào và chế biến thành bạch phiện - mỗi làm ăn béo bở mà các cơ quan tình báo Pháp sử dụng để tự chu cấp cho mình. Vì không có giá trị chiến lược gì, trừ việc là một trạm trung chuyển giữa bờ biển và đế chế sâu trong đất liền của Trinquier, Điện Biên Phủ là một thành tố khác trong chiến lược của Trinquier. Người H'Mông trồng anh túc và thu hoạch được lượng thuốc phiện khá lớn trên những ngọn đồi quanh Điện Biên Phủ, và căn cứ này có nhiệm vụ ngăn không cho Lào rơi vào tay Việt Minh.

Như Belleux và Trinquier kể lại trong những cuộc phỏng vấn của McCoy với họ, Trinquier chi trả cho hoạt động của mình bằng cách để lính dù Pháp chuyển nhựa anh túc thô từ Lào tới Vũng Tàu (hồi đó được gọi là Cap Saint Jacques), từ đó nó được chuyển tiếp tới Sài Gòn. Tại đây những tên cướp sông Bình Xuyên, lực lượng kiểm soát sở cảnh sát thành phố và các lò hút thuốc phiện, sẽ biến thứ nhựa anh túc thô thành sản phẩm có thể hút được. Lợi nhuận từ hoạt

động này được chia đều giữa những tên cướp, Phòng Nhì của Pháp, và các “lực lượng tăng cường” của Trinquier trên miền núi.

Graham Greene viết rất nhiều về Điện Biên Phủ vì ông coi nó là trận đánh quyết định nhất trong lịch sử hiện đại, nhưng có một điều về trận đánh này mà ông không bao giờ hiểu. “Điều vẫn còn là một bí ẩn cho đến ngày nay,” Greene viết năm 1980, “là tại sao trận đánh lại diễn ra, tại sao 12 tiểu đoàn quân đội Pháp lại nhất quyết bảo vệ một căn cứ vũ trang được đặt trong địa hình vô vọng về mặt địa lý - vô vọng về mặt phòng thủ và vô vọng về mục tiêu thứ hai, vì đồn trại này dự định sẽ là căn cứ cho các chiến dịch tấn công. (Vì mục đích này mà một đại đội mười chiếc xe tăng được lắp ráp tại đây, các bộ phận được thả dù xuống.) Một ủy ban điều tra được thành lập tại Paris sau thất bại, nhưng không bao giờ có kết luận nào được đưa ra.”

Bí ẩn này chỉ được giải đáp khi Trinquier và Belleux tiết lộ tầm quan trọng của hoạt động buôn bạch phiến trong việc chu cấp tài chính cho quân đội Pháp tại Đông Dương, chính thực tế này quyết định vị trí của Điện Biên Phủ và ý nghĩa chiến lược của nó. Sau Việt Nam, Trinquier chỉ huy chiến dịch tra tấn của quân Pháp trong trận đánh Algiers^[10]. Ông ta tiếp tục tổ chức các đội quân đánh thuê tại Congo và sau đó về hưu để viết những tác phẩm quân sự được tìm đọc rộng rãi về chống chiến tranh du kích, trong đó đề xuất “những hành động phá hoại và khủng bố có tính toán”. Nếu như việc Trinquier sử dụng ma túy để kiếm tiền cho các hoạt động quân sự là một chiến lược về sau này được CIA áp dụng, thì cách ông ta sử dụng tra tấn như một công cụ hữu hiệu trong chống du kích cũng là một chính sách khác về sau được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam.

Cuối cùng Phạm Xuân Ẩn nhận ra mình can dự vào mọi lĩnh vực trong chương trình của Trinquier. Trong khi làm việc cho anh họ tại G5, ông trở thành một chuyên gia về chống du kích. Về sau ông tham gia các hoạt động rửa tiền buôn ma túy cho tình báo Việt Nam Cộng hòa, và suốt đời mình ông phải đối mặt với nỗi lo sợ thường

trực bị lột mặt nạ và bị tra tấn. Hoặc là ông thực hiện chương trình của Trinquier hoặc ông sẽ trở thành nạn nhân của nó.

Ghép nã

Sau thất bại của quân Pháp tại Điện Biên Phủ, nhiệm vụ biến những thực thể thuộc địa cũ gồm Annam, Nam Kỳ thành một quốc gia mới được gọi là Việt Nam Cộng hòa, hay Nam Việt Nam, như cách gọi phổ biến trong hai mươi năm tồn tại ngắn ngủi của nó, rơi vào tay thiên tài sáng tạo của Edward Lansdale. Đây là một sứ mệnh béo bở dành cho người hùng chống du kích của nước Mỹ chất phác và thích thổi kèn harmonica. **Việc tạo ra một quốc gia từ nơi trước đó không hề có quốc gia nào tồn tại chẳng khác nào Picasso đang đối mặt với tấm bố trắng**. Lansdale sẽ phải vận dụng tất cả những kỹ năng của một người bán hàng hiện đại mà ông ta học được trong giai đoạn làm công việc chào bán sản phẩm mới tại hãng quảng cáo ở San Francisco của mình.

Lansdale đã từng quản lý tài khoản cho ngân hàng Wells Fargo, các công ty Union Trust, Nescafé, hãng rượu Italian Swiss Colony Wine, và Levi Strauss (ông ta thiết kế chiến dịch toàn quốc đầu tiên của hãng này nhằm bán quần jeans ra khắp nước Mỹ) khi Nhật Bản tấn công Trân Châu Cảng ngày 07 tháng 12 năm 1941. Lansdale nhập ngũ, ở tuổi 35, với quân hàm trung úy trong Cơ quan Tình báo quân sự (MIS) của Lục quân tại San Francisco. Làm việc cho Cục Tình báo Chiến lược Mỹ (OSS) của William J. ("Bill Liều") Donovan, tiền thân của CIA, Lansdale bắt đầu nhiệm vụ kén trên cương vị một sĩ quan quân đội và một điệp viên. Một thập kỷ sau khi nhập ngũ, Lansdale đến Philippines giật dây mìn "thay đổi chế độ" đầu tiên của mình - đầu tư cho một ứng cử viên gần gũi với CIA, Ramon Magsaysay, và sắp đặt việc ông ta được bầu làm tổng thống. Vai trò điều hành của Lansdale trong chiến dịch này là một thắng lợi về PR (Public relations). Những người theo chủ nghĩa dân tộc (đại diện cho rất nhiều thành phần chính trị khác nhau) phản đối chiến lược

của Mỹ bị biến thành những phần tử nổi loạn “cộng sản” có thể bị săn lùng và trừ khử mà không sợ trừng phạt.

Ở Việt Nam, nơi Lansdale đã đến thăm có lẽ ngay từ năm 1950, ông ta được phân công tạo ra đúng phép màu mà ông ta đã mang đến Philippines. Dưới vỏ bọc, ông ta thực hiện chuyến đi điều tra khắp Đông Dương kéo dài sáu tuần trong tháng 6 và tháng 7 năm 1953. Một năm sau, ông ta chính thức đến Việt Nam với tư cách “phó tùy viên không quân”. Về danh nghĩa, đại tá Lansdale làm việc cho Đoàn Cố vấn Viện trợ Quân sự (MAAG) dưới quyền tướng John “Mike Thép” O’Daniel, người đang giúp Pháp xây dựng một quân đội Việt Nam. Không hài lòng với những người Mỹ đang đổ xô vào thành phố, người Pháp đã cấp cho O’Daniel một nhà thổ của quân đội Nhật Bản trước kia tại Chợ Lớn làm trụ sở. Một gian nhà kho ở sân trong với nền nhà bằng đất cùng những chiếc ghế gấp dưới ánh sáng của hai bóng điện trần trụ lưng lẳng trên trần tạo thành văn phòng của Lansdale. Tại đây ông ta bắt đầu tạo dựng phái bộ liên lạc và huấn luyện (TRIM), có nhiệm vụ lừa những binh sĩ trung thành đến các vùng của đất nước do Việt Minh bỏ lại. (Sau khi ký Hiệp định Geneva, Việt Nam tạm thời bị chia cắt tại vĩ tuyến 17, mỗi bên rút lui về phía Bắc và phía Nam của vĩ tuyến này, cho đến khi những cuộc tổng tuyển cử được tổ chức để thống nhất đất nước. Những cuộc tổng tuyển cử này, dự kiến là vào năm 1956, đã không bao giờ diễn ra).

“Tại TRIM có quá ít ỏi sự thân thiện dành cho tôi,” Lansdale viết trong cuốn tự truyện của mình, *Giữa những cuộc chiến tranh: Một phái bộ Mỹ tại Đông Nam Á* (1972). Viên chánh văn phòng người Pháp của TRIM, người về danh nghĩa là cấp trên của Lansdale, từ chối nói chuyện với ông ta. Viên sĩ quan này luôn đặt viên trợ lý của mình vào giữa ông ta và Lansdale, và ngay cả khi họ đang nói với nhau bằng tiếng Anh, ông ta cũng nhất định đòi phải “dịch” cuộc trò chuyện của họ. “Họ có một mối nghi ngờ bệnh hoạn đối với tất cả những gì tôi làm,” Lansdale nói về các đồng nghiệp người Pháp của

mình. Được tập hợp từ “nhiều cơ quan tình báo khác nhau”, họ dành nhiều ngày cho việc nghe trộm những cuộc nói chuyện điện thoại của ông ta và viết báo cáo về các hoạt động của ông ta. Không bao giờ sợ đóng vai anh ngốc của làng, Lansdale trả thù bằng cách giở trò trêu chọc tay chánh văn phòng người Pháp. Cứ mỗi lần gặp nhau ở chỗ đông người, Lansdale lại choàng tay qua vai viên sĩ quan kia và lè nhè bằng cái giọng mũi kiểu Mỹ the thé: “Đây là bờ ruột của tôi đấy. Các cậu liệu mà đối xử với ông ấy, các cậu nghe chưa hả?”

Bị người Pháp cấm “dính mũi” vào công việc quan trọng của Bộ Tổng tham mưu - G1, Phòng Điều hành; G2, Phòng Tình báo; G3, Phòng Tác chiến; và G4, Phòng Hậu cần - Lansdale chỉ còn có G5, phụ trách các vấn đề dân sự. Công việc này liên quan đến các hoạt động cả đen lẫn trắng, trải đều từ công tác tuyên truyền đến hoạt động bí mật, bao gồm phá hoại và ám sát. “Tại tổng hành dinh có một đội ngũ tham mưu đông đảo, ba đại đội tuyên truyền vũ trang tại địa bàn, một đội ngũ họa sĩ và nhà văn, một đơn vị phát thanh chuyên phát chương trình hàng ngày tới các binh sĩ từ đài phát thanh của chính phủ tại Sài Gòn, quyền tiếp cận những cơ sở in ấn chủ chốt, và thiết bị chiến tranh tâm lý, ví dụ như những bộ khuếch đại âm thanh cầm tay, có chất lượng vượt trội hẳn so với bất kỳ thứ gì tôi từng biết,” Lansdale viết trong cuốn tự truyện. “Về cơ bản, thứ còn thiếu là một mục đích thực sự để tất cả nguồn nhân lực đây khả năng và trang thiết bị hiện đại này có thể được nhắm tới.”

G5 “có một khiếm khuyết chính trị nặng nề”, Lansdale nói, xuất phát từ thực tế là “những người Việt Nam mặc quân phục đứng cùng hàng ngũ các binh sĩ thuộc lực lượng thuộc địa của Pháp, chiến đấu chống lại một kẻ thù cộng sản giữa một cộng đồng khát khao giành độc lập khỏi nước Pháp”. Nói cách khác, các chiến dịch chiến tranh tâm lý của Nam Việt Nam được hướng vào mục đích duy trì quyền lực thực dân của Pháp tại Đông Dương.

“Tôi bắt đầu một nỗ lực giáo dục với các sĩ quan tham mưu Pháp mà tôi gặp,” Lansdale nói. “Họ thấy các ý tưởng của tôi thật xa lạ và cười cợt gọi ý là thay vào đó tôi nên tập hút thuốc phiện đi.” Gọi ý này chỉ có một nửa là đùa giỡn. Trong chuyến đi bí mật của mình tới Đông Dương, Lansdale đã phát hiện ra rằng tướng Salan, tổng tư lệnh lực lượng viễn chinh, đang chi trả cho các chiến dịch quân sự của Pháp bằng cách bán thuốc phiện thu về từ vùng cao nguyên của Lào. “Chúng tôi không muốn anh mở cái thùng giòi này ra làm gì, vì nó sẽ trở thành một nỗi khó xử rất lớn đối với một chính phủ đồng minh. Do vậy hãy từ bỏ cuộc điều tra của anh đi,” Lansdale được chỉ thị như vậy, khi ông ta báo tin này về Washington.

“Kết thúc năm 1954, những kẻ ngoa ngôn nói rằng Việt Nam là một quốc gia độc lập,” Lansdale viết trong cuốn tự truyện của mình. “Tuy nhiên, tại đất nước này vẫn còn sự hiện diện của một lực lượng viễn chinh Pháp hùng hậu, và vẫn còn rất nhiều người Pháp tại khắp các cơ sở quân sự và dân sự của Việt Nam, mặc dù hầu hết trong số họ đang rút lui khỏi các vị trí quản lý để đảm nhiệm vai trò cố vấn. Sự hiện diện của người Pháp vẫn rất rõ ràng và nặng nề. Cùng lắm thì các quan chức Việt Nam cũng mới chỉ được hít hà, chứ không được thở sâu, không khí của tự do và độc lập.”

Lansdale, trong một đoạn văn có phần thi vị, cố gắng miêu tả một nước Việt Nam chân thực đằng sau vẻ ngoài thuộc địa. Tôi không chắc liệu đã có lần nào ông ta đến thăm ngôi nhà của người sĩ quan chiến tranh tâm lý Phạm Xuân Ẩn, nhưng đoạn miêu tả có vẻ đặc biệt giống với khu vực nơi Phạm Xuân Ẩn sống, một ngôi nhà hai phòng nằm giữa khu phố Tàu và chợ trung tâm của Sài Gòn. “Đằng sau mặt tiền của những tòa nhà hàng tinh kiểu Pháp và đời sống thuộc địa trên các đường phố chính của khu vực trung tâm Sài Gòn-Chợ Lớn là một thành phố thực sự, một tổ hợp chen chúc của các thôn xóm Việt Nam. Cũng gần giống như một trò ảo thuật. Cuối các con hẻm và ngõ ngách qua các tòa nhà trụ sở, cửa hàng, biệt thự bằng xi măng và trát vữa, là những thôn xóm nằm ẩn mình, sôi sục

với một nhịp sống hối hả của riêng mình, với hàng nghìn người chen chúc trong những túp lều gỗ dọc mấy con hẻm lầy lội. Cả thảy có đến cả triệu người sinh sống trong các khu xóm này tại Sài Gòn-Chợ Lớn, nằm ngoài tầm mắt và phạm vi hiểu biết của những người sống trên các con phố được lát cẩn thận. Rất ít người nước ngoài, trừ những nhóm cảnh sát, từng ghé thăm những xóm này. Họ tạo thành một thành phố gần như bí mật với cung cách thuần túy Việt Nam bất biến qua thời gian bên trong một thành phố đã tập nhiễm những lẽ thói ngoại lai.”

Cái nhìn thoáng qua đầu tiên của nước Mỹ về bản chất thực sự trong các hoạt động của Lansdale tại Việt Nam hiện ra khi viên phó trước kia của ông ta, Daniel Ellsberg, công bố Tài liệu Lầu Năm Góc - tài liệu tuyệt mật *Lịch sử quá trình ra quyết định của Mỹ về Việt Nam*, hoàn thành năm 1969. Ellsberg sao chép lại 43 trong số 47 tập tài liệu này và tiết lộ chúng cho tờ *New York Times* cùng những tờ báo khác năm 1971. (Lansdale có hai nhiệm kỳ chính thức tại Việt Nam, một chuyến công tác hai năm bắt đầu năm 1954, và một nhiệm kỳ hai năm khác từ năm 1965 đến 1967. Giữa những khoảng thời gian đó, ông ta là chỉ đạo nỗ lực của CIA trong việc ám sát Chủ tịch Cuba Fidel Castro. Ellsberg đảm nhiệm vai trò cấp phó cho Lansdale tại Việt Nam trong một năm rưỡi, bắt đầu từ mùa hè năm 1965. Là một thành phần điều hâu ngổ ngáo liêu chết, Ellsberg thích mang khẩu súng máy ra chiến trường và chơi trò chiến binh cuối tuần. Quá trình biến đổi của ông ta thành một nhà hoạt động chống chiến tranh diễn ra về sau này.)

Trong tập Tài liệu Lầu Năm Góc có một tài liệu nhan đề *Báo cáo của nhóm*

Lansdale về Phái bộ bí mật tại Sài Gòn các năm 1954 và 1955. Báo cáo không đề tên tác giả về phái bộ quân sự Sài Gòn (SMM) của Lansdale tự giới thiệu nó là “bản miêu tả cô đọng về một năm hoạt động của một nhóm tác chiến ‘chiến tranh lạnh’.”

“SMM có nhiệm vụ vào Việt Nam một cách lặng lẽ và hỗ trợ người Việt Nam, thay vì người Pháp, trong chiến tranh không thông thường. Trong quá trình đó, phải giữ người Pháp như những đồng minh gần gũi, hết mức có thể. Nhiệm vụ cơ bản của nhóm là tiến hành các hoạt động bán quân sự chống lại đối phương và phát động chiến tranh tâm lý-chính trị.”

Báo cáo tiếp tục miêu tả các hoạt động phá hoại và khủng bố bí mật mà Lansdale tiến hành chống miền Bắc Việt Nam trước khi các điệp viên của ông ta được di tản khỏi Hà Nội tháng 4 năm 1954. Phái bộ “dành những ngày cuối cùng ở Hà Nội vào việc làm ô nhiễm nguồn dầu cung cấp cho công ty xe buýt để động cơ xe hỏng dần dần, tiến hành các hoạt động phá hoại từ từ hệ thống đường sắt (công việc đòi hỏi sự hợp tác với một nhóm kỹ thuật đặc biệt của CIA tại Nhật Bản, những người hoàn thành phần việc của mình một cách xuất sắc), và để viết những ghi chép tỉ mỉ các mục tiêu tiềm năng cho các hoạt động bán quân sự tương lai”. Tiếc là những kế hoạch làm nổ tung các nhà máy điện, kho xăng dầu, cầu cảng này đã bị cắt bỏ, Lansdale than thở, bởi vì “Mỹ tôn trọng Hiệp định Geneva” kết thúc Chiến tranh

Đông Dương lần thứ nhất.

Cố tỏ ra nhạy bén kiểu James Bond, báo cáo Lansdale miêu tả những công trạng của Lucien “Luigi Đen” Conein và các đặc vụ SMM của ông ta tại Hà Nội, những người đã có “một thời khắc tồi tệ khi làm nhiệm vụ bán nguồn dầu” được sử dụng để chạy những chiếc xe buýt của thành phố. “Họ phải hành động rất khẩn trương vào ban đêm, trong một căn nhà kho kín như bưng. Mùi nồng nặc bốc lên từ chất gây nhiễm bẩn khiến họ hoa cả mắt. Choáng váng và bủn rủn cả đầu gối, họ lấy khăn tay bịt mặt và hoàn thành công việc.”

Đến năm 1955, Lou Conein đang huấn luyện cho những phần tử phá hoại bán quân sự tại Philippines và thả chúng xuống bờ biển Bắc Việt Nam. CIA cũng tiến hành một nỗ lực tương tự với các gián điệp được huấn luyện trên đảo Saipan. Những kẻ thâm nhập mang

theo vũ khí, máy thu phát vô tuyến, và vàng - rất nhiều vàng - với giá trị ước tính suýt soát một triệu đô la. Không kể một vài trường hợp ngoại lệ, gián điệp nào nhảy dù xuống miền Bắc đều bị tóm gọn ngay lập tức khi vừa đặt chân xuống đất. Tệ hơn thế, rất nhiều gián điệp bị bắt giữ, trong khi Lansdale hoặc CIA đều không hề biết là họ đã bị bắt giữ và đang truyền thông tin giả về miền Nam.

Những gì Lansdale đã bắt đầu như là một phần trong sứ mệnh tiến hành chiến tranh lạnh của ông ta được quân đội Mỹ tiếp quản năm 1964 và tiếp tục mở rộng. Khi chiến tranh Việt Nam kết thúc năm 1975, 500 gián điệp sa lưới bị tổng giam trong các nhà tù ở miền Bắc Việt Nam, nơi họ bị giữ thêm một thập kỷ nữa. “Chắc chắn đối phương phải có người làm tay trong để có thể hốt trọn cả mạng lưới như cách họ đã làm, tất cả cùng một mẻ,” Conein nói với một người phỏng vấn năm 1995. Ông ta nghi là đã có một con chuột chũi hoặc một điệp viên đã báo cho đối phương, trong đó ứng cử viên khả dĩ nhất chính là người “bạn thân” Phạm Xuân Ẩn của Conein.

Trong số những công trạng ít anh hùng hơn của Lansdale có việc tổ chức “một lớp học tiếng Anh nhỏ dành cho nhân tình của các vị tai to mặt lớn”. Trong số học viên của ông ta có cô “nhân tình cưng” của tham mưu trưởng lục quân. Lansdale cố phá hủy nhà máy in lớn nhất của Việt Nam đã rơi vào tay những người cộng sản miền Bắc, và ông ta tiến hành những “đòn tấn công chiến tranh tâm lý đen”, bao gồm việc in các sắc lệnh giả của chính phủ để phát tán ở miền Bắc. Ông ta đặc biệt tự hào về những công việc được thực hiện bởi các thầy tử vi Việt Nam, những người được thuê để tiên đoán thảm họa cho cộng sản và mang điềm lành cho miền Nam.

Khi công việc của ông ta trên cương vị một chuyên gia phá hoại bị cản trở bởi những hạn chế chính trị, Lansdale xoay xở một chiến dịch bí mật khác trong đó ông ta tung ra khắp miền Bắc luận điệu “Chúa đã vào Nam” và “Đức Mẹ đồng trinh Maria đã bỏ miền Bắc”. Một tờ truyền đơn miêu tả Hà Nội ở chính giữa ba đường tròn đồng tâm của một vụ nổ hạt nhân. Chiến dịch Đến với Tự do phát huy tác

dụng trong việc thuyết phục những người Công giáo rằng họ đang gặp nguy hiểm nhân tiên một cách hiệu quả đến nỗi 800.000 người tị nạn từ Bắc ò ạt đổ vào Nam Việt Nam trên các chuyến tàu và máy bay của Mỹ. Thời điểm đó miền Nam có dân số là

17.000.000 người, chủ yếu là các nông dân trồng lúa và công nhân đồn điền. Dòng người tị nạn Công giáo khổng lồ tràn vào cung cấp cho chính phủ mới thành lập của Việt Nam Cộng hòa - do một người Công giáo đứng đầu - những viên chức trung thành, họ nhanh chóng tự đặt mình vào vai trò người giám sát và chỉ điểm tại miền Nam, nơi đa số người dân theo đạo Phật. Hơn một nửa số quan chức cấp cao trong chính phủ của Diệm là người Công giáo, trong một đất nước có đến 90% người dân là Phật tử. Trung thành với những người Mỹ đã “cứu” họ khỏi cộng sản, những người tị nạn từ miền Bắc là vật liệu hoàn hảo để nhào nặn thành những công dân mới của một quốc gia mới. Cuối cùng thì Lansdale đã tìm thấy “lực lượng thứ ba” của mình, và đó không phải là đạo Cao Đài mà là Công giáo.

Những người tị nạn đồn dập rời khỏi miền Bắc cũng hữu ích trong việc **nêu bật bản chất xảo trá của cộng sản** . Hỗ trợ Lansdale trong nhiệm vụ này là sĩ quan quân y hải quân Tom Dooley, người được phân công tới một trong những chiếc tàu quân sự của Mỹ chở người tị nạn từ Vịnh Bắc Bộ vào Nam, tới Đà Nẵng. Cuốn sách của Dooley về sự di cư của người Công giáo, *Hãy giải thoát chúng tôi khỏi cái ác*

(1956) rất ăn khách. Viên bác sĩ bảnh bao cùng những kỳ công nhân đạo của ông ta

“đặt Việt Nam lên bản đồ thế giới mới cho hàng triệu người Mỹ,” theo lời James Fisher, người viết tiểu sử của Dooley. Với sự giúp sức của Lansdale, Dooley tiếp tục viết những cuốn sách ăn khách khác về cuộc sống ở Đông Dương, mở đường cho sự can dự quân sự của Mỹ tại Đông Nam Á. (Về sau, khi Dooley đang được xem xét để phong thánh, người ta mới phát hiện ra rằng ông ta là một người

đồng tính bí mật và là một kẻ bịp bợm văn chương, những cuốn sách của ông ta được CIA biên tập rất nhiều, nếu không nói là **viết thay** hoàn toàn.)

Sau thành công trong việc tạo ra dòng người Công giáo di cư, Lansdale chuyển sang củng cố quyền lực của Ngô Đình Diệm, người đàn ông độ tuổi 53 tuổi lùn tịt béo tròn từng được bổ nhiệm làm thủ tướng trong cái chính phủ thời hậu chiến của

Hoàng đế Bảo Đại. Sinh năm 1901, Jean Baptiste Ngô Đình Diệm là một viên quan theo Công giáo từng trở thành quan đầu tỉnh ở tuổi hai mươi lăm^[11]. Sau một thời gian ngắn làm thượng thư Bộ Lại trong một nội các thân Pháp của Bảo Đại, ông từ chức, với lời buộc tội hoàng đế là một “công cụ” của người Pháp. Ông hợp tác với người Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai và bị ông Hồ Chí Minh tổng giam sáu tháng trước khi sống lưu vong. Năm 1950 ông đến Mỹ và sống hai năm trong các trường dòng Maryknoll ở Lakewood, bang New Jersey, và Ossining, bang New York. Khi Diệm đang sống tại một tu viện dòng Benedict (Biển Đức) tại Bỉ, Mỹ gây áp lực buộc Bảo Đại phải cho vời ông ta về Việt Nam.

Lansdale bảo vệ Diệm khỏi hai âm mưu đảo chính trước khi tổ chức chiến dịch quân sự thành công đầu tiên của ông ta, “trận dẹp các giáo phái”, một cuộc tấn công nhằm vào quân đội riêng của Hòa Hảo, Cao Đài và Bình Xuyên. Vì những tên cướp sông Bình Xuyên đang nuôi sống chính quyền thuộc địa Pháp, gồm cả một tờ séc hàng tháng cho Bảo Đại, trận dẹp các giáo phái thực chất là một trận chiến chống lại quân Pháp. Người Pháp đã phải ký kết giao kèo với Bảy Viễn, thủ lĩnh của Bình Xuyên, do hoàn cảnh bắt buộc bởi vì không có y họ sẽ không có cả tiền lẫn người để giành lại quyền kiểm soát Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Đối với Bảy Viễn thì việc ủng hộ quân Pháp hay Việt Minh cũng thế, và y từng là một người theo **cộng sản** trước khi là một nhà tư bản, nhưng tư bản thì chia cho y phần bánh lớn hơn^[12].

Trong khi thu những khoản tiền “bảo kê” lên đến 2.600 đô la mỗi ngày từ sòng bạc Đại Thế Giới của Sài Gòn, đến năm 1947 Bình Xuyên đã có đội quân mười nghìn người được biên chế thành bảy trung đoàn đầy đủ, **trở thành lực lượng Việt Minh hùng hậu nhất ở Nam bộ. Cũng trong năm đó, Việt Minh đã tiến hành một loạt những cuộc tấn công khủng bố nhắm vào người Pháp** . Mặc dù ban đầu

Bảy Viễn ủng hộ Việt Minh, đến năm 1948 y đã lại quay sang hàng ngũ quân Pháp. Người Pháp cho phép y mở rộng lĩnh vực làm ăn béo bở của mình trong lĩnh vực buôn ma túy, cũng như các sòng bạc và nhà thổ ở Sài Gòn. Mối liên hệ giữa Bảy Viễn với Phòng Nhì không chỉ là vấn đề tài chính. Bình Xuyên cũng lão luyện trong việc thu thập thông tin tình báo qua một mạng lưới chỉ điểm truyền tai nhau đến nỗi về sau lực lượng cảnh sát mật của Diệm cũng áp dụng hệ thống này. Để loại bỏ Việt Minh ra khỏi Sài Gòn và bảo vệ thành phố khỏi những cuộc tấn công khủng bố, quân Pháp buộc phải chuyển giao lại ngày càng nhiều lãnh thổ và số lượng các cơ quan chức năng chính phủ vào tay Bình Xuyên.

Sài Gòn trở thành lãnh địa riêng của Bảy Viễn. Được Bảo Đại phong hàm tướng, y cho mở nhà thổ lớn nhất tại châu Á, với 1.200 nhân viên. Y điều hành sòng bạc Đại Thế Giới tại Chợ Lớn và sòng bạc Kim Chung béo bở không kém tại Sài Gòn. Y cũng kiểm soát hàng trăm ổ hút thuốc phiện tại Sài Gòn và Chợ Lớn, với một tỷ lệ phần trăm lợi nhuận được trả hàng năm cho Bảo Đại. Đàn em của Bảy Viễn được bổ nhiệm làm tổng giám đốc nha cảnh sát đô thành, trải rộng đến 60 dặm từ Sài Gòn ra đến khu nghỉ mát ven biển Cap Saint Jacques. Những mối quan hệ làm ăn của Bảy Viễn tại Pháp là chìa khóa cho thành công của y. “Ông trùm ngang nhiên của thế giới ngầm kiểu đảo Corse tại Sài Gòn là nhà buôn khả kính Mathieu Franchini,” nhà sử học Alfred McCoy viết. “Là chủ sở hữu của khách sạn Continental Palace sang trọng, Franchini... kiểm soát phần lớn lượng ma túy xuất khẩu tới Marseille.” Ông ta cũng quản

lý lợi nhuận từ thuốc phiện và sòng bạc của Bình Xuyên với tư cách “cố vấn đầu tư” của lực lượng này.

Bình Xuyên vẫn nắm giữ quyền lực cho đến khi Lansdale và Diệm thành công trong việc xua đuổi lực lượng này quay trở lại Rừng Sát. Từ ngày 28 tháng 4 đến ngày 3 tháng 5 năm 1955, quân đội Việt Nam Cộng hòa tấn công đẩy lùi lực lượng giang hồ này để giành quyền kiểm soát Sài Gòn. **Số lính được huy động vào trận đánh này còn lớn hơn hổi Mậu Thân 1968 và sự tàn phá cũng gần bằng**, McCoy nói. Năm trăm người thiệt mạng, hai nghìn người bị thương, và thêm hai mươi nghìn người nữa mất nhà mất cửa. “Trận đánh này là một cuộc chiến mượn tay người khác: Bình Xuyên và quân đội của Diệm chỉ là những kẻ đóng thế, những con bài, trong cuộc tranh giành quyền lực giữa Phòng Nhì Pháp và CIA của Mỹ,” McCoy viết. Một quân đội thân chủ này giao tranh với một quân đội thân chủ khác, khi Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất ngã dần sang cuộc Chiến tranh Đông Dương thứ hai.

Trong phiên bản chính thức của câu chuyện, một Ngô Đình Diệm quả cảm - người mà Dwight Eisenhower gọi là “George Washington của Việt Nam” - đã **đánh một trận quyết liệt** chống lại các giáo phái và quy phục họ trong chiến đấu. Về sau mới lộ ra là chính Lansdale đã mua chuộc các giáo phái với hơn 12 triệu đô la bằng tiền của CIA, khoản tiền này cho phép lãnh đạo của các giáo phái sung sướng nghỉ hưu tại vùng Riviera thuộc Pháp. (Lansdale, khi được hỏi về những khoản tiền này, gọi chúng là “lại quả”.) Một trong những phụ tá cũ của Lansdale, đại tá L. Fletcher Prouty, khẳng định rằng khoản tiền đó cũng **mua được** rất nhiều màn kịch chính trị, với những trận đánh do Lansdale viết kịch bản để tạo ra những cảnh chiến đấu giả tạo.

Philippe Franchini, con trai của Mathieu, cựu cố vấn đầu tư của lực lượng Bình Xuyên, còn nhớ lần gặp Bảy Viễn ở Paris vài năm sau cuộc chiến của Ngô Đình Diệm chống lại các giáo phái. Chàng thanh niên Philippe đi cùng cha mình tới nhà hàng Fouquet trên đại lộ

Champs-Élysées để nhâm nhi chút rượu khai vị chiều với Bảy Viễn, thì thấy Bảy Viễn xuất hiện tại nhà hàng này dắt theo một con hồ. “Ông ta kiêu như một anh hề,” Philippe nói. “Nhưng trong khi bật cười vì những câu nói đùa của ông ta và thích thú với những câu chuyện phóng đại mà ông ta kể, bạn vẫn biết rằng ông ta hoàn toàn có thể giết bạn nếu ông ta muốn.”

Bước đi tiếp theo của Lansdale là sắp đặt một chiến thắng trong bầu cử cho

Ngô Đình Diệm. Được dự kiến là một con rối phục vụ lợi ích của nước Mỹ, nhưng Ngô Đình Diệm không bao giờ cử động theo cách mà người Mỹ mong muốn. Trong bài học chiến tranh tâm lý quan trọng này về cách tổ chức một cuộc bầu cử gian lận, ông ta đã hơi đi quá trớn. Tháng 10 năm 1955, người dân miền Nam Việt Nam phải bầu cho Bảo Đại hoặc Diệm. Lansdale bố trí cho cuộc bầu cử được tiến hành với những lá phiếu màu - màu đỏ, tượng trưng cho vận may ở Việt Nam, dành cho Diệm, và màu xanh, tượng trưng cho vận rủi, dành cho Bảo Đại. Sau khi thêm vào một liều cực mạnh trò gian lận phiếu và hăm dọa, Diệm tuyên bố ông ta đã “thắng” cử với 98,2% số phiếu. Và thế là bắt đầu lịch sử của đất nước Nam Việt Nam dân chủ, yêu chuộng tự do, mà lợi ích của nó sẽ được Hoa Kỳ hết mình bảo vệ trong hai mươi năm tồn tại yếu mệnh sau đó.

Diệm thiết lập một triều đại độc tài theo hướng làm giàu cho gia đình mình và tưởng thưởng chức tước cho các đồng đạo Công giáo. Em trai ông ta là Ngô Đình Cẩn cai trị miền Trung Việt Nam như một lãnh chúa phong kiến. Ngô Đình Thục, một tổng giám mục Công giáo, điều hành các đồn điền gỗ và cao su của gia đình. Ngô Đình Luyện được bổ nhiệm làm đại sứ tại Anh, trong khi Ngô Đình Nhu, người em trai kế sau Diệm, kiểm soát mật vụ và đảng chính trị riêng của Diệm. Trần Lệ Xuân, vợ Nhu, đóng vai trò như đệ nhất phu nhân của Nam Việt Nam, và dưới ánh mắt theo dõi xinh đẹp nhưng khắc nghiệt của bà ta, đất nước này đặt ra ngoài vòng pháp luật chuyện ly dị và phá thai và quy định việc bắt buộc mặc áo dài,

trang phục truyền thống của Việt Nam. Hiệp định Geneva năm 1954, tạm thời chia cắt Việt Nam theo vĩ tuyến 17, kêu gọi tổ chức một cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước năm 1956. Với việc Hồ Chí Minh chắc chắn sẽ giành chiến thắng trong cuộc bầu cử này, Diệm bịa ra lý do để hủy cuộc tổng tuyển cử và tiến hành bắt giữ các đối thủ của mình. Những người cộng sản và những người theo đường lối xã hội chủ nghĩa bị vây bắt cùng với cánh ký giả, lãnh đạo công đoàn, và Phật tử, cho đến khi có đến cả một trăm nghìn người bị tống vào các trại giam.

“Không có sự hậu thuẫn của Mỹ, Diệm gần như chắc chắn không thể củng cố được quyền lực của mình tại miền Nam trong giai đoạn 1955 và 1956,” một nhà phân tích không nêu tên viết trong Tài liệu Lầu Năm Góc. “Không có mối đe dọa về sự can thiệp của Mỹ, thì Nam Việt Nam thậm chí không dám từ chối thảo luận về cuộc tổng tuyển cử dự kiến diễn ra năm 1956 theo Hiệp định Geneva mà không bị quân đội Việt Minh lật đổ ngay lập tức. Không có viện trợ của Mỹ trong những năm sau đó, chế độ của Ngô Đình Diệm, và gần như cả quốc gia Nam Việt Nam độc lập, không thể nào sống sót... Nói tóm lại, Nam Việt Nam về cơ bản là sản phẩm do nước Mỹ tạo ra.”

“Ban đầu Lansdale rất thành công, nhưng người Mỹ đã mắc sai lầm,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Họ dựng Ngô Đình Diệm lên cùng một chính phủ tập quyền. Họ giải tán tất cả những quân đội tư nhân từng do người Pháp tạo ra để hỗ trợ mình, như Hòa Hảo, Cao Đài và Bình Xuyên. Lansdale loại bỏ tất cả những lực lượng này trong một khoảng thời gian rất ngắn, từ 1955 đến 1956. Diệm tự biến mình từ thủ tướng thành tổng thống và tiếp tục xây dựng một chính phủ tượng trưng, một chính phủ được cho là dân chủ, theo kiểu chính phủ Mỹ. Đó là khi người Mỹ cho rằng công việc của Lansdale đã hoàn thành. Không may cho người Mỹ, người ta không cho phép người của Lansdale tiếp tục công việc của mình. Khi Diệm và gia

đình ông ta đi theo hướng gia đình trị thì người Mỹ đã phát hiện ra điều này quá muộn.”

Một điều khác mà người Mỹ cũng không nhận ra là cách mà Diệm hành động có lợi cho cộng sản. Đó là lý do tại sao Phạm Xuân Ẩn khuyên các đồng nghiệp của mình không nên lật đổ Diệm hoặc gây bất ổn cho chính phủ của ông ta. Sinh ra và lớn lên trong một nước Việt Nam thuộc địa, Phạm Xuân Ẩn nhận ra sự hiệu quả của chính quyền thực dân Pháp. Nó thối nát, nhưng hiệu quả. Nó rải ra một mạng lưới gián điệp tinh vi khắp Nam Việt Nam. Nó chiều theo những điểm yếu và tính vị kỷ của con người. Nó tha hóa và hoài nghi, nhưng đồng thời nó cũng phù hợp với lễ thói xã hội của xã hội Việt Nam. Bằng cách phân tán bớt quyền lực từ chính phủ trung ương cho các giáo phái, người Pháp đã tạo ra những lãnh địa mà cộng sản sẽ phải rất khó khăn mới xóa bỏ được.

Trái ngược với điều này là quan điểm của Mỹ về cách điều hành Nam Việt Nam. Nó tập trung quyền lực vào một tổng thống độc tài. Nó tạo ra một chế độ chuyên chế ngang nhiên không thèm đếm xỉa gì tới những lễ thói của xã hội Việt Nam đến nỗi nó trở thành một chương trình tuyển mộ ồ ạt cho cộng sản. Nó tạo ra hàng nghìn những người cách mạng, khi mà những nông dân Việt Nam bị xua ra khỏi làng quê chôn rau cắt rốn của mình và bị tống vào những trại lao động cưỡng bức. Nó xây dựng đường sá và thiết lập một mạng lưới hoành tráng về quản lý nhà nước tập trung, thứ mà những người Bắc Việt Nam sau này, khi có cơ hội, cũng có thể **đem nhập vào cái chế độ toàn trị của họ** .

“Những người cộng sản chưa sẵn sàng tiếp quản,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Chúng tôi cần Ngô Đình Diệm đẩy nhân dân vào cuộc cách mạng.”

Theo quan điểm này, Lansdale là một người bạn vĩ đại, cho dù là vô tình, của những người cộng sản. “Lansdale tới châu Á với tư cách là kẻ chủ mưu cho chiến lược của Mỹ về chiến tranh không thông thường,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ta là người buôn vua. Ông ta là

người đưa Diệm lên làm tổng thống của Việt Nam. Ông ta phụ trách không chỉ cuộc chiến chống du kích của Mỹ, mà là mọi thứ ở Việt Nam: các vấn đề quân sự, chính trị, tình báo - tất cả đều chịu sự điều hành của phái bộ Sài

Gòn. Ông ta có rất nhiều chuyên gia phụ tá cho mình, như Lou Conein và Rufus Phillips. Ông ta tuyển mộ các cựu chiến binh của Chiến tranh thế giới thứ hai và cả những người trẻ tuổi. Họ rất thành thạo công việc của mình. Lansdale rất xuất sắc, xuất sắc thực sự.”

Khi được đề nghị đánh giá những điệp viên thành công nhất trên thế giới, Phạm Xuân Ẩn không bao giờ đánh giá cao mình như Lansdale. Phạm Xuân Ẩn phân biệt sự khác nhau giữa các điệp viên “tấn công” và “phòng ngự”. Các điệp viên tấn công làm việc trong lãnh địa của kẻ thù. Họ tạo ra những liên minh chiến lược và định hình lại bản đồ thế giới. Điệp viên phòng ngự hoạt động trong phạm vi hẹp hơn. Ngay cả khi vượt sang ranh giới của kẻ thù, mục tiêu của họ cũng rất bảo thủ và hạn chế. Phạm Xuân Ẩn rất ngưỡng mộ sự tài giỏi của Lansdale. Ông cảm thấy như mình đang được học hỏi một bậc thầy, nhưng hai người cũng chia sẻ những lời nói đùa và những câu chuyện, đồng thời nổi tiếng là giao du thân thiết với nhau.

“Tôi gặp Lansdale khá thường xuyên,” ông Ẩn nói. “Đó là những ngày thật vui vẻ.”

Mỗi khi đi đâu đó quanh Sài Gòn, Lansdale luôn đi cùng một con chó đen lông xù rất bụi, nhưng ông ta được biết đến chính là với nòi chó béc giê (chó chăn cừu) Đức. “Lansdale giải thích cho tôi về loài chó,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Anh phải để ý phản ứng của con chó. Chúng sống bằng bản năng. Anh phải học cách quan sát những gì con chó đang nói với anh. Nó sẽ chỉ cho anh thấy anh có phải cảnh giác với vị khách của mình hay không. Con chó của anh có thể bảo vệ anh. Lansdale đã cho tôi những lời khuyên hữu ích.”

Alden Pyle, điệp viên CIA, nhân vật chính trong *Người Mỹ trầm lặng*, cũng đi khắp Sài Gòn với một con chó bên mình. Dấu chân con chó của Pyle, in trên mặt xi măng ướt trước căn hộ của tay nhà báo người Anh Thomas Fowler, ám chỉ sự liên can của tay nhà báo này trong cái chết của Pyle. Trong trường hợp này, con chó không cứu được chủ mình nhưng nó đã chỉ ra kẻ giết người.

“Ngay sau khi Lansdale rời Việt Nam, tôi ra chợ chó,” ông Ân nói. “Tôi thấy một con béc giê Đức rất đẹp được chào bán. Người bán chó nói: ‘Đây là con chó của ông Lansdale, trùm tình báo, ông ấy vừa mới về nước. Con chó này khôn lắm.’

“Tôi đi quanh qua góc chợ và thấy một con béc giê Đức khác cũng được bán. ‘Đây là chó của Lansdale,’ người chủ nói. Ngày hôm đó thì tất cả những con béc giê Đức trong chợ đều là ‘chó của Lansdale’, và như thế nghĩa là anh phải trả nhiều tiền hơn, vì nó khôn thế cơ mà. Sau cùng, chẳng còn con chó béc giê Đức nào ở Việt

Nam mà không từng thuộc về Lansdale cả.”

Từ Lansdale, Phạm Xuân Ân hình thành thói quen đi khắp Sài Gòn với một con chó đi cùng. Ông để một con béc giê Đức nằm dưới chân mình trong quán cà phê Givral hoặc lẻo đẹo theo sau trên sân thượng khách sạn Continental. Khi ông Ân lái xe khắp thành phố trên chiếc Renault nhỏ màu xanh của mình, con chó ngồi ngay trên ghế bên cạnh nhòm thẳng ra đường phố. Quan trọng hơn cả, con chó canh gác nhà ông vào ban đêm khi Phạm Xuân Ân làm việc trong phòng tối sao chép tài liệu và viết báo cáo bằng mực vô hình. “Nó sẽ gầm gừ khe khẽ khi nghe thấy tiếng cảnh sát tuần tra đi qua khu vực quanh đó. Nó rất thính trong việc cảnh báo trước cho tôi mỗi khi có nguy hiểm rình rập.”

Một hôm khi họ tình cờ gặp nhau, Lansdale cho Phạm Xuân Ân biết là ông ta sắp về California nghỉ phép và hỏi ông có muốn thứ gì đó từ nước Mỹ không. Phạm

Xuân Ân nhắc đến một món quà rất đặc biệt nhưng cũng rất khó kiếm. Nó đòi hỏi Lansdale phải bơi cùng lũ hải cẩu ngoài khơi bờ biển California.

“Ồ, thật sao?” Lansdale hỏi, và bắt đầu mỉm cười.

“Anh cắt lấy ‘bi’ của một con hải cẩu đực rồi ngâm nó vào một bình đầy whiskey,” Phạm Xuân Ân nói. “Tôi cần một loại thuốc cường dương. Khoản này tôi yếu xìu hà, trong khi đó lại là loại thuốc rất hiệu nghiệm.”

Phạm Xuân Ân cười ha hả khi nhớ lại lần trò chuyện với Lansdale về tình hoàn hải cẩu. Phạm Xuân Ân rất sành về tử vi và y học dân gian, huấn luyện chó và chọi gà, nuôi chim nuôi cá. Sự am hiểu của ông về các loại thuốc cường dương và nuôi thú cảnh cung cấp chủ đề cho những câu chuyện tiểu lâm của mình. Nó giúp ông gần gũi với tất cả mọi người. Đó là những trò tiêu khiển rất thú vị trong cuộc sống của ông, đồng thời cũng là phương pháp luận của ông. Ông đã thành thạo nghệ thuật tạo sự thoải mái cho một người như Lansdale khi nói đùa về những tật xấu của mình.

Daniel Ellsberg thường nói rằng có “ba Lansdale”, những hiện thân khác nhau mà ông ta trưng ra trước các khán giả khác nhau. “Thứ nhất là một Lansdale được cho là có khả năng nhạy cảm kỳ lạ với người nước ngoài... Điều tôi chứng kiến ông ta làm với người Việt Nam - và tôi học hỏi được từ ông ta - là lắng nghe họ thay vì rao giảng hoặc nói với họ một cách kẻ cả, như hầu hết người Mỹ vẫn làm. Ông ta đối xử với họ một cách tôn trọng, như thể họ là những người trưởng thành xứng đáng được ông ta chú tâm đến.” Lansdale tập cho các khách hàng châu Á của ông qua những lần họ phải xuất hiện trước công chúng; ông ta viết bài phát biểu và tổ chức lịch làm việc của họ. Khi Tổng thống Ngô Đình Diệm trao cho Tom Dooley phần thưởng dân sự cao nhất của Việt Nam Cộng hòa, sự kiện này được Lansdale xây dựng kịch bản, trong đó Diệm không phải làm gì ngoài việc đứng vào vị trí để chụp ảnh.

“Một Lansdale thứ hai khi làm việc với các quan chức Mỹ thường tạo cho người ta ấn tượng về một tên ngốc - một kẻ với những ý tưởng điên rồ, khờ khạo và quá đơn giản. Ông ta hoàn toàn không ngại tỏ ra là một kẻ ngớ ngẩn trong mắt bất kỳ ai mà ông ta không muốn thực sự bộc lộ bản thân, mà với một trăm người thì có đến chín mươi chín người ông ta không muốn. Với cánh nhà báo, ngoài một vài người mà ông ta gần gũi như Robert Shaplen của tờ *The New Yorker*, ông ta rất kín kẽ và thận trọng về những gì ông ta nói với họ. Để thoát thác họ, ông ta nói bằng những thuật ngữ cơ bản nhất về dân chủ và truyền thống của Việt Nam.

“Ngoài ra còn có một Lansdale thứ ba mà bạn chỉ có thể nhìn thấy nếu bạn ở trong ê kíp của ông ta hoặc làm việc gần gũi với ông ta. Sau lúc thể hiện ra trước một tay nhà báo cung cách cục mịch mọi khi của mình, ông ta lại nhập hội với chúng tôi và tâm trạng của ông ta thay đổi ngay lập tức. Ông ta sẽ đưa ra phân tích về một tình huống với những chi tiết sắc sảo, nhạy bén, thậm chí là cay độc, về việc ai đang làm gì nhắm vào ai.”

Một quan điểm ít đáng tự hào hơn về Lansdale được cung cấp bởi một cựu trợ tá khác, đại tá không quân L. Fletcher Prouty. Là người phụ trách các hoạt động đặc biệt tại Lầu Năm Góc từ năm 1955 đến năm 1964, Prouty là quan chức của Bộ Quốc phòng cung cấp sự yểm trợ quân sự cho các hoạt động bí mật của CIA trên khắp thế giới. Điều này bao gồm cả chiến tranh chống du kích mà Lansdale đang tiến hành tại Việt Nam. Khi Lansdale rời Việt Nam quay trở lại Washington, Prouty phục vụ dưới quyền ông ta. Prouty kết thúc sự nghiệp của mình với một quan điểm u ám về ác tâm của CIA, điều mà ông ta xem là có ảnh hưởng tha hóa tới đời sống Mỹ. (Prouty là cố vấn cho Oliver Stone khi ông thực hiện bộ phim sặc mùi âm mưu *JFK* của mình, và trong bộ phim này ông ta đóng một vai hư cấu được gọi là Ông X - nội gián bên quân đội biết nơi các xác chết được chôn giấu.)

Theo Prouty, chiến tranh Việt Nam là một chiến dịch bí mật do CIA tiến hành bằng nguồn ngân sách đen của cơ quan này, cho đến khi nó phình lên quá to và lính thủy đánh bộ Mỹ buộc phải đổ bộ lên bờ biển (Việt Nam) năm 1965. “Từ năm 1945 cho đến suốt những năm quyết định 1954 và 1955 rồi đến tận năm 1964, hầu như tất cả mọi việc diễn ra tại Nam Việt Nam, thậm chí cả vai trò quan trọng trong việc lựa chọn các tướng lĩnh và đại sứ, cũng đều là hành động của CIA, trong đó Bộ Quốc phòng Mỹ đóng vai trò hỗ trợ còn Bộ Ngoại giao thì hầu như mờ nhạt hoàn toàn.” Prouty miêu tả việc Lansdale gặp thủ lĩnh Cao Đài Trịnh Minh Thế như thế nào trong sào huyệt trên núi của ông này. Ông ta tranh thủ được sự ủng hộ của Thế bằng cách phong cho Thế quân hàm thiếu tướng trong quân đội Việt Nam Cộng hòa và

“công đức” cho thánh thất của Thế một khoản ketch xù là 3.600.000 đô la. Prouty kết thúc với việc miêu tả cấp trên cũ của mình là kẻ cầm đầu một “băng siêu khủng bố”.

Lansdale là nguyên mẫu cho đại tá Edwin Barnum Hillandale trong *Người Mỹ xấu xí* (1958) và cho đại tá Lionel Teryman trong cuốn *Sốt vàng da (Le Mal Jaune)* (1965) của Jean Lartéguy. Hầu hết mọi người đều nhầm tưởng Lansdale là nguyên mẫu cho một nhân vật hư cấu khác, Alden Pyle trong *Người Mỹ trầm lặng*. Graham Greene nhất quyết khẳng định rằng Pyle không được xây dựng dựa trên Lansdale, nhưng Lansdale, với sự nhạy bén của một người làm quảng cáo biết rõ rằng nổi tiếng thì chẳng bao giờ là không hay, đã thành công trong việc khẳng định nhân vật đó chính là mình. Ông ta tự viết phần về mình trong kịch bản phim *Người Mỹ trầm lặng* của đạo diễn Hollywood Joseph Mankiewicz, và ông ta giúp sản xuất ra cái mà Greene coi là một hành động lừa bịp điện ảnh.

Sau khi mua bản quyền để chuyển thành phim cuốn *Người Mỹ trầm lặng*, Mankiewicz đến Việt Nam năm 1956 để khảo sát thực tế. Ông gặp Lansdale tại Sài Gòn và xin lời khuyên của Lansdale về kịch bản. Bộ Ngoại giao Mỹ không cho phép Mankiewicz làm phim

tại Việt Nam với lý do rằng Graham Greene là một phần tử cộng sản đáng ngờ. Chỉ sau khi Lansdale can thiệp và bắt đầu chỉnh lại bộ phim theo ý đồ riêng của mình thì dự án mới được thông qua.

Trong khi kịch bản dần hoàn thiện, Mankiewicz viết thư cho Lansdale, tìm hiểu về vụ nổ trước cửa khách sạn Continental vào ngày 9 tháng 1 năm 1952. Lansdale cho biết vụ nổ được thực hiện với 20 kilôgam melenite (chất nổ dẻo) của Pháp giấu trong thùng một chiếc Citroen 15CV và được kích nổ bằng thiết bị hẹn giờ. Quả bom giết chết hơn chục người và làm bị thương gấp đôi con số đó. Lẽ ra nó còn giết hơn thế nhiều, nhưng mục tiêu dự kiến của nó, cuộc diễu binh của binh sĩ Pháp đang trên đường luân chuyển về nước, đã bị hủy bỏ.

Lansdale khẳng định rằng vụ đánh bom là tác phẩm của tướng Thế, chỉ huy quân đội Cao Đài. Thế nhận melenite từ Quân đoàn viễn chinh Pháp, lực lượng tổ chức và trang bị các quân đội tư nhân của Việt Nam, theo lời Lansdale. (Greene cho rằng Thế nhận thuốc nổ từ người Mỹ, câu chuyện này nghe có vẻ khả dĩ hơn, vì mục tiêu dự kiến của Thế là các binh sĩ Pháp.) Trong một phiên bản khác của câu chuyện, mà Lansdale kể với Mankiewicz trong phần tái bút lá thư của mình, tướng Thế đã nhặt lấy hai quả bom xịn do quân Pháp ném xuống chỗ ông ta rồi nối chúng vào bình xăng của hai chiếc xe ăn cắp.

Mặc dù tướng Thế nhận trách nhiệm về vụ đánh bom trong một chương trình phát thanh, những người cộng sản lại bị đổ lỗi về chuyện này. “Tôi không nghĩ là có quá một hoặc hai người Việt Nam còn sống biết sự thật về câu chuyện này, và chắc chắn họ sẽ không tiết lộ với bất kỳ ai, kể cả một người Mỹ ‘trầm lặng’,” Lansdale viết cho Mankiewicz. “Người Pháp và những người khác đã tổng hợp các báo cáo lại với nhau và kết luận rằng chính Thế đã làm chuyện này. Vì tướng Thế có thể được coi là một anh hùng **dân tộc** do cuộc chiến của ông ta chống lại Bình Xuyên năm 1955, và để ăn khớp với cách xử lý của ông rằng thực ra đây là một hành động do cộng sản

gây ra, tôi đề xuất là ông cứ giữ nguyên như vậy và cuối cùng tiết lộ rằng hoàn toàn là do cộng sản gây ra từ đầu đến cuối, thậm chí là làm giả cả chương trình phát thanh (mà điều này thì cũng dễ làm thôi).”

Với nhân vật chính người Mỹ của mình - do người hùng chiến tranh Audie Murphy thủ vai - được thể hiện như một người tốt chống lại sự xảo trá của cộng sản, bộ phim của Mankiewicz có một người hâm mộ nhiệt thành: Edward Lansdale. Vào cái ngày xem bộ phim, Lansdale đã gửi ngay một bức thư tới Tổng thống Diệm, để nói với ông ta rằng bộ phim mang lại “một sự thay đổi tuyệt vời so với cuốn tiểu thuyết tuyệt vọng của Greene”, một sự thay đổi sẽ “giành thêm nhiều bạn bè cho ngài và cho Việt Nam ở nhiều nơi trên thế giới, nơi bộ phim được trình chiếu”. Bất chấp những nỗ lực lằng xê của CIA, bộ phim là một thất bại về mặt doanh thu và phê bình. Mặc dù vậy, nó cũng thành công trong việc tạo ra sự liên quan giữa Lansdale với cuốn tiểu thuyết của Greene - một sự nhầm lẫn mà ông ta hăm hờ vun đắp thêm, hay *tiết lộ*, như cách nói của Lansdale.

Greene gọi bộ phim là một “trò bời bác toàn diện” và là một “mảnh khoe bất lương chính trị thực sự”. Sau này ông viết: “Người ta có thể tin rằng bộ phim được làm ra với ý đồ tấn công cuốn sách và tác giả của nó. Nhưng cuốn sách được dựa trên sự am hiểu sâu sắc hơn về chiến tranh Đông Dương so với những gì người Mỹ có và tôi đủ tự tin để nói rằng cuốn sách sẽ sống thọ hơn vài năm so với bộ phim hồ lớn của ông Mankiewicz.”

Greene và Lansdale gặp nhau đúng một lần. Như lời Lansdale kể lại trong một cuộc trò chuyện với người viết tiểu sử của ông ta là Cecil Currey, khi Greene và một nhóm sĩ quan quân đội Pháp đang tụ tập trên sân thượng khách sạn Continental, nhắm nháp những ly cocktail chiều, thì Lansdale tới và đỗ xe ngay trước cửa khách sạn. Khi Lansdale vào trong khách sạn Continental, Greene và nhóm sĩ quan Pháp ngồi quanh - Lansdale áng chừng có khoảng từ 30 đến 50

người - bắt đầu la ó chế giễu ông ta. Greene nghiêng người qua buồng một câu nhận xét với Peg Durdin, phóng viên của tờ *New York Times* đang ngồi bên cạnh. Theo lời Lansdale, “Peg thè lưỡi ra với ông ta rồi nói: ‘Nhưng chúng tôi yêu ông ấy [Lansdale].’ Sau đó cô ta quay người lại ôm choàng lấy tôi và hôn. Tôi nói: ‘Chà, tôi sắp được ca tụng ở đâu đó như một con chó bắt thú cho mà xem.’ Vì thế tôi đoán tôi làm nên cuốn tiểu thuyết của ông ta. Hồi đó tôi có một con chó xù giống Pháp và nó đi cùng tôi, ở trong xe với tôi, và họ bình phẩm về con chó.”

Greene nói con chó mà ông nghĩ đến trong đầu thuộc về René de Berval, chủ bút tờ *France-Asie* tại Sài Gòn. (Cuốn *Người Mỹ trầm lặng* được dành tặng cho Berval và Phượng, bạn gái ông ta.) Như Greene viết trong một bức thư gửi tờ *British Sunday Telegraph* năm 1966: “Nói cho thật chính xác thì phóng viên của các ngài... hoàn toàn sai lầm khi nghĩ rằng tôi lấy tướng Lansdale làm nguyên mẫu cho *Người Mỹ trầm lặng*. Pyle là một điệp viên CIA trẻ hơn, ngây thơ hơn và mơ mộng hơn. Tôi sẽ không đời nào chọn đại tá Lansdale, như cấp bậc của ông ta khi đó, làm hiện thân cho mối nguy hiểm của sự ngây thơ.”

Phạm Xuân Ẩn làm việc cho Lansdale về các vấn đề liên quan đến chiến tranh tâm lý và những chiến dịch phao tin cho cuộc di cư Công giáo từ miền Bắc, cuộc chiến của các giáo phái, và cuộc bầu cử tổng thống gian lận của Diệm. Rất nhanh chóng ông bắt đầu học hỏi các ngón nghề của bậc thầy này. Những ông thầy có tài khác tới Sài Gòn khi Lansdale bổ sung cho phái bộ quân sự Sài Gòn của mình bằng những nhân vật có máu mặt nhất trong nghề. Một vài người trong số này trở thành những “người bạn” suốt đời của Phạm Xuân Ẩn, mặc dù một tình bạn mà trong đó anh quên không đề cập đến việc anh là kẻ thù không đội trời chung của bạn mình kể ra cũng là điều thật khó mà hình dung nổi.

“Khi những người Mỹ tới văn phòng của tụi tôi với thứ tiếng Pháp dở ẹc của họ, chỉ có đúng một người mà họ có thể nói chuyện

được. Và khi anh ta đi vắng, thì tôi là người mà họ có thể nói chuyện cùng,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi nhanh chóng trở thành sĩ quan liên lạc giữa người Mỹ và những người Việt Nam. Đầu tiên là có Lansdale và sau đó là người của Lansdale, rồi đến các sĩ quan quân sự khác. Tôi đánh bạn với đủ loại người Mỹ và thậm chí cả gia đình họ.”

Năm mươi năm sau, Phạm Xuân Ẩn vẫn còn nhớ rõ từng chi tiết về những lần gặp gỡ với những người bạn Mỹ của mình và con cái họ, những người mà ông có cảm tình thực sự. “Tôi trở thành bạn của một tay thượng sĩ tên là Frank C. Long và vợ anh ta, Mary, cùng ba đứa nhỏ nhà họ, Kathy sáu tuổi, Peter bốn tuổi, và Amanda mới lên ba. Hồi đó tôi đang làm ở tổng hành dinh quân sự Mỹ. Anh ta là hạ sĩ quan phụ trách việc xây dựng chương trình huấn luyện cho quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ngày nào tôi cũng gặp anh ta ở văn phòng, và sau đó cứ đến cuối tuần là tụi tôi lại đến bể bơi. Tôi thực hành tiếng Anh với vợ anh ta, cô ấy là một thư ký luật. Cô ấy dạy tôi ghi tốc ký và văn hóa Mỹ, rồi tôi còn chơi với tụi nhỏ. Thật ra chúng là thầy tôi khi tôi đang tìm hiểu về văn hóa Mỹ.

“Tôi thấy ấn tượng với việc người Mỹ dạy dỗ con cái mình biết cách cư xử rất lễ độ. Chúng biết cách làm thế nào để kết bạn với những trẻ em Việt Nam và học chung với nhau ở trường. Tôi thấy ấn tượng với những đứa nhỏ này đến nỗi tôi đưa chúng về gặp gia đình mình. ‘Tụi nhỏ xinh thật,’ ba tôi thừa nhận. ‘Nhưng chúng ăn mặc không được chỉnh tề bằng tụi trẻ con Pháp.’ Đó là thành kiến của ông. Bao giờ ông cũng cho rằng người Pháp mới là những người đẹp nhất. Tôi không đồng ý. ‘Chúng đâu có giống tụi trẻ con Pháp,’ tôi nói. ‘Chúng rất lịch sự. Chúng cư xử rất có lễ độ.’ Tụi trẻ con Pháp thường đánh tôi khi tôi còn nhỏ. Chúng thường tới và bắt nạt tôi vô cớ. Tôi muốn đánh lại nhưng ba tôi không cho phép.”

Phạm Xuân Ẩn kết bạn với một quân nhân khác, Mills C. Brandes, một trong những sĩ quan tình báo của Lansdale, người cũng có ba đứa con. Người Mỹ không nặng nề chuyện phân biệt

chúng tộc và thói kiêu ngạo như *petits blancs colons* (mấy thằng nhóc thực dân da trắng). Họ hết mình chống cộng, và họ tổ chức thế giới theo một trục xoay chuyển từ trắng sang đen. Nhưng ở giai đoạn đầu này của cuộc chiến, họ hành xử như là những vị khách lễ độ rất vinh dự được đến thăm quê hương của các vị chủ nhà Việt Nam. “Họ dạy tôi tất cả mọi thứ, và con cái họ cũng dạy tôi,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi học được từ họ, tự chuẩn bị cho mình trước khi đi Mỹ.” Ba thành viên trong nhóm của Lansdale thân nhất với Phạm Xuân Ẩn là Lucien

“Luigi Đen” Conein, “người không thể thay thế” chỉ đạo các chiến dịch đen của Lansdale; cựu sĩ quan OSS Mills C. Brandes; và Rufus Phillips, người về sau chỉ huy các hoạt động của CIA tại Lào và sau đó chỉ đạo chương trình ấp chiến lược tại Việt Nam.

Khi tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn liệu có ai trong số này nghi ngờ ông là cộng sản hay không, ông nói: “Không, không một ai biết cả, ngay cả Lou Conein, trong khi cái gì ông ta cũng biết. Ông ta là một người bạn tốt. Khi mới tới đây ông ta là thiếu tá, làm việc cho Lansdale. Ông ta từng là lính Pháp. Ông ta chửi thề thì thôi rồi. Bất kỳ khi nào tụi tôi tụ tập cùng nhau để uống một chầu tại khách sạn Continental, Lou Conein cùng với Bob Shaplen và tôi, thì Conein lại chửi thề bằng tiếng Pháp, Shaplen chửi thề bằng tiếng Anh, còn tôi thì bằng tiếng Việt. Chẳng khác nào một góc địa ngục^[13].”

“Lou Conein luôn là người được người Việt Nam tin tưởng,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Khi họ tiến hành cuộc đảo chính năm 1963, ông ta là người ngoài duy nhất được cánh tướng lĩnh mời theo dõi diễn biến. Họ cho phép ông ta gọi điện về đại sứ quán và cập nhật cho sứ quán biết về diễn biến cuộc đảo chính.” Nhờ Giai, anh họ mình, mà Phạm Xuân Ẩn cũng biết rằng Conein đã rơi vào một cái bẫy “mỹ nhân kế” do Phòng Nhì chăng ra đối với ông ta. “Họ sử dụng rất nhiều gái đẹp để thu thập thông tin. Họ đã đánh lừa được rất nhiều người. Họ không bẫy được Lansdale và những người

khác, như Rufus Phillips, một người rất đẹp trai, nhưng người Pháp đã thành công trong việc đánh lừa Lou Conein.”

Mills Brandes, người đang hoạt động tại MAAG dưới vỏ bọc là một “kỹ sư”, trở thành một mẫu người cha thế chân của Phạm Xuân Ẩn, vì chính cha đẻ của ông cũng là một kỹ sư. “Ông ta nhanh nhẹn lắm, rất lẹ làng với cái bao cát. Ngày nào ông ta cũng tập luyện,” Phạm Xuân Ẩn nói, ông làm giả tiếng động khi một người đang dẫm vào bao cát *rattattatta*. “Ông ta rất lực lưỡng, rất khỏe, và thân thiện lắm. Ông ta giúp tôi học tiếng Anh. Khi nào ông ta bận thì bà vợ dạy tôi tại nhà. Cứ lúc nào rảnh là tôi gọi điện cho ông ta rồi qua nhà. Tôi thường viết những mẫu chuyện, và họ chữa cho tôi những gì tôi viết.” Brandes là người đã tặng cho Phạm Xuân Ẩn một cuốn *Người Mỹ trầm lặng*, có lẽ không nhận ra là người Mỹ được miêu tả tòi tệ như thế nào trong tiêu thuyết của Greene.

Một người khác trong những điệp viên đây sôi nổi của Lansdale là Rufus Phillips, một cầu thủ môn bóng đá kiểu Mỹ vạm vỡ, cao hơn mét tám, quê ở vùng nông thôn Virginia, tốt nghiệp Đại học Yale năm 1951 và gia nhập quân đội. Sau khi được điều chuyển từ Triều Tiên tới Việt Nam năm 1954, ông ta làm trong nhóm của Lansdale một năm rồi sau đó chuyển sang Lào. Ông ta quay lại Việt Nam năm 1962 với Cơ quan Phát triển Quốc tế và tiếp tục làm việc tại Việt Nam trên cương vị một cố vấn từ 1965 đến 1968.

“Chính phủ Nam Việt Nam chỉ tồn tại trên danh nghĩa, một mớ những công chức do Pháp đào tạo hoàn toàn không biết phải làm gì nếu người Pháp không ra lệnh cho họ,” Phillips nói trong một cuộc phỏng vấn với Christian Appy. “Chúng tôi không biết liệu Diệm có sống sót được không hay liệu Nam Việt Nam có sống sót được không. Tôi nghĩ hầu hết người Mỹ tại đó về cơ bản đều xóa sổ khả năng này. Họ tỏ ra cực kỳ bi quan.

“Khi ở Lào, tôi biết chính phủ của Diệm đang bắt đầu đi trệch khỏi đường ray... Thay vì kiên quyết thực hiện dân chủ khi Diệm vẫn còn chịu lắng nghe lời khuyên, nước Mỹ lại hậu thuẫn cho việc

tạo ra và phát triển một đảng chính trị bí mật dành cho giới tinh hoa có tên là Đảng Cần Lao. Đảng này nằm dưới sự kiểm soát của em trai Diệm là Ngô Đình Nhu. **Nó gần như một bản sao chép nguyên xi của Đảng Cộng sản như là một vũ khí về tổ chức.** Ý tưởng là xây dựng một lực lượng súng bái cá nhân xung quanh Diệm và có một đảng để, thành giấy trắng mực đen, buộc mọi người phải thề trung thành. Khi Lansdale phản bác lại ý tưởng này với Allen và Foster Dulles, ông ta bị cho là ngây thơ. Vậy là chúng ta đã dung dưỡng và là tông phạm cho phần tồi tệ nhất, không chỉ của Diệm mà còn của tất cả những ngòi Việt Nam hoàn toàn không có kinh nghiệm gì về chính trị dân chủ.”

Phạm Xuân Ẩn và Phillips trở thành bạn thân. Phillips tôn trọng sự am tường của Phạm Xuân Ẩn về lịch sử Việt Nam và sự nhạy bén chính trị của ông. Phạm Xuân Ẩn thì tôn trọng sự thông minh và chân thành của Phillips. “Phụ nữ Việt Nam mê mẩn ông ta, nhưng ông ta luôn tránh để không bị rơi vào bẫy mỹ nhân kế,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ta luôn tỏ ra nghiêm nghị và giữ kẽ. Ông ta học tiếng Pháp và chơi thể thao rất giỏi.”

Có một điều rất lạ lùng xảy ra khi hai người nói về nhau. Nghe họ nói không có vẻ gì là giống những kẻ thù ở hai phía đối nghịch nhau trong một cuộc chiến. Nghe họ nói giống như những người đồng đội chiến đấu cho cùng một phe. “Lẽ ra người Mỹ nên lắng nghe ông ta,” Phạm Xuân Ẩn nói về Phillips. “Ông ta muốn gây áp lực lên Diệm để sửa chữa những sai lầm của ông này [Diệm].” Nhưng Phillips đã không nhận ra rằng Phạm Xuân Ẩn còn nghĩ trước cả mười nước đi trên bàn cờ chính trị Việt Nam. Ông muốn Diệm thành công, nhưng chỉ như một ga xép cho cộng sản lên nắm quyền. Vô hình trung, Diệm trở thành tay trong của họ, tảo thanh những băng cướp và giáo phái tôn giáo điên rồ để thống nhất miền Nam Việt Nam sẵn từ trước cho cái ngày Đảng Cộng sản thay thế Đảng Cần Lao bằng mạng lưới cảnh sát riêng của mình. **Sẽ đơn giản biết bao khi chỉ cần thay thế đồ thật bằng bản sao y hệt của nó .**

Sự nghiệp tình báo của Phạm Xuân Ẩn vô tình trở nên tiến triển khi anh họ của ông, Phạm Xuân Giai, bị buộc phải bỏ trốn ra nước ngoài sau một âm mưu đảo chính bất thành. “Người Pháp chi tiền để ông thực hiện một vụ đảo chính chống lại Diệm tháng 12 năm 1954, nhưng vụ đảo chính đã bất thành. Người Mỹ phát hiện ra kế hoạch này và phá hỏng nó, nên ông phải lưu vong sang Lào.”

“Khi ông ở đó, người của CIA sử dụng ông để làm việc cho người Mỹ, còn Phòng Nhì sử dụng ông để làm việc cho người Pháp. Ông tham gia việc chuẩn bị một vụ đảo chính khác tại Indonesia. Tất cả đều vô cùng phức tạp,” Phạm Xuân Ẩn vừa nói vừa huơ huơ hai bàn tay trước mặt. “Những cha này có quá nhiều bộ não. Còn tôi là một trong những kẻ đần.”

Từ vai trò một chân loong toong trong cửa hàng của Phạm Xuân Giai chuyên sản xuất các truyền đơn chiến tranh tâm lý và chiến dịch tung tin đồn, Phạm Xuân Ẩn leo lên trở thành người chủ chốt tại TRIM phụ trách việc gửi các sĩ quan quân sự Việt Nam sang Mỹ huấn luyện. Đây là lúc ông bắt đầu tích lũy các mối giao thiệp và ân huệ giúp ông trở thành người có quan hệ rộng rãi nhất tại Việt Nam. “Tôi chọn ra những ứng viên tiềm năng, tập hợp hồ sơ lý lịch của họ, rồi sắp xếp các thủ tục rà soát an ninh với tình báo Việt Nam và Đại sứ quán Mỹ. Các sĩ quan Việt Nam được gửi sang những trường của Mỹ để học về chiến tranh chống du kích, như Nguyễn Văn Thiệu, người về sau trở thành tổng thống của Nam Việt Nam. Ông ta được cử đến Fort Leavenworth ở bang Kansas. Tôi hoàn thành hồ sơ giấy tờ cho ông ta và theo dõi các báo cáo được gửi ngược lại cho MAAG.”

Mặc dù khi đó chưa hề đặt chân tới nước Mỹ, nhưng Phạm Xuân Ẩn đã giảng cho những người Việt Nam về những điều cần chú ý khi họ đến đó. “Người Mỹ bắt tay mỗi khi chào nhau. Họ nhìn vào mắt anh khi họ nói chuyện và thường xuyên mỉm cười.” Phạm Xuân Ẩn cũng cho họ biết rằng người Mỹ là những người tuân thủ khắt khe các quy định, thậm chí cả những quy định mà nếu tuân thủ chặt

chẽ sẽ ngăn chặn bất kỳ người Việt Nam nào có thể đặt chân vào Mỹ. Ví dụ, các sĩ quan quân đội Việt Nam bao giờ cũng không vượt qua được phần kiểm tra y tế. Nhiều người trong số họ đã bị nhiễm lao hoặc mới hồi phục khỏi những lần nhiễm bệnh trước đó. “Tôi tốn rất nhiều thời gian đôi co với các bác sĩ người Mỹ về những phần kiểm tra này,” Phạm Xuân Ẩn nhớ lại. “Tôi phải giải thích với họ sự khác nhau giữa các vết sẹo do những ca nhiễm bệnh từ trước và những ca lao phổi hiện tại.” Giun sán cũng là một vấn đề động chạm khác. Ở một đất nước dùng phân người để bón ruộng, hầu như không có mấy người Việt Nam không nhiễm các loại ký sinh trùng. “Có cả giun móc rời sán xơ mít, thôi thì đủ các loại giun sán,” Phạm Xuân Ẩn nói. Lần cuối cùng Phạm Xuân Ẩn nổ súng là khi ông bắn vào một trung đội lính

Pháp đang hành quân ở vùng châu thổ sông Mê Công tháng 4 năm 1946, nhưng ông lại được trang bị vũ khí lần nữa khi ra chiến trường cùng hai quân nhân Mỹ tháng 1 năm 1956. Ông mang theo khẩu súng ngắn do ông anh họ đưa cho trước khi ông này trốn ra nước ngoài sống lưu vong. “Đó là một khẩu Walther 7,65 mm, với phần báng màu nâu và nòng súng ánh lên màu xanh biếc, bóng loáng. Đó là loại mà tụi tôi gọi là ‘súng ngắn tình ái’. Nó được thiết kế để mang theo trong túi xách hoặc túi áo và rút ra mỗi khi cần bắn vợ mình hay nhân tình của cô ta.”

“Tôi chưa bao giờ sử dụng khẩu súng đó, và tôi thậm chí còn không biết nó hoạt động như thế nào, cho đến một hôm tôi ra chiến trường với tư cách là sĩ quan liên lạc cho đại tá Glenn và đại tá Hicks, hai cố vấn Mỹ. Tụi tôi đang vào vùng châu thổ để theo dõi binh lính của Diệm chiến đấu với những lực lượng cộng sản cuối cùng đã bị rút lại. Chúng tôi lái xe jeep tới Long Hà rồi đi xuống từ đó tới Mộc Hóa, ở Đồng Tháp Mười, gần biên giới Campuchia. Khi ra chiến trường cùng với người của Lansdale, tôi buộc khẩu súng vào khuy thắt lưng của mình bằng một sợi dây, để nếu nó có bị rơi ra khỏi túi tôi cũng không mất được.”

Khi họ đòi xem thứ gì bên trong túi của Phạm Xuân Ẩn, đại tá Hicks và đại tá Glenn đã cười nhạo khẩu súng lục nhỏ bé của ông. Như tất cả các cố vấn Mỹ, họ mang theo những khẩu Colt to bự. Họ hỏi Phạm Xuân Ẩn đã bắn súng bao giờ chưa và sau đó lắc đầu không thể nào tin nổi.

“Ẩn, anh là người lính tệ nhất mà cả đời nay chúng tôi mới gặp,” họ nói. “Anh thông minh lắm, nhưng anh không có óc sáng kiến. Cái anh cần bây giờ là cấy ghép não. Anh cần một bộ não Mỹ được ghép vào bộ não Việt Nam của anh. Sau đó thì anh có thể đi ra ngoài thế giới và làm nên cơm cháo gì đó.”

Sau một khóa học cấp tốc tại chiến trường, Phạm Xuân Ẩn biết cách tháo súng ra và lau chùi nó. Ông cũng biết cách hút thuốc thế nào cho đúng. Các viên cố vấn nhận ra là Phạm Xuân Ẩn đang rít những điếu Lucky Strike mà không nuốt khói. Ông có thói quen hoang toàng của một thanh tra hải quan chuyên xì thuốc lá và những thứ hàng lậu khác miễn phí. “Họ dạy tôi cách cho khói vào trong phổi rồi thở một phần qua miệng và phần còn lại qua lỗ mũi, và sau đó họ dạy tôi cách hút xì gà. Tuyệt vời hết sảy, phê thực sự,” Phạm Xuân Ẩn nói và bật cười thoải mái. “Thế là tôi bị nghiện thôi, cách đây hơn năm chục năm, và đó là lý do tại sao bây giờ phổi tôi trực trặc. Cứ mỗi lần hút thuốc, tôi lại nghĩ đến hai ông cố vấn là đại tá Glenn và đại tá Hicks.”

Phạm Xuân Ẩn cũng thành công trong việc ghép một bộ não Mỹ vào bộ não Việt Nam của mình. Ông học những kỹ năng báo chí phương Tây - các phương pháp phân tích và vốn liếng kỹ thuật điều tra của nó - rồi áp dụng chúng để trở thành điệp viên vĩ đại nhất của Việt Nam. Phạm Xuân Ẩn có những bậc thầy tài giỏi. Ông đã khai thác họ một cách triệt để.

Trong một trong những lần trò chuyện cuối cùng của chúng tôi năm 2006, Phạm Xuân Ẩn lại nói về gia tài văn hóa đầy mâu thuẫn của mình. “Tôi trải qua nhiều năm làm việc với người Mỹ đến nỗi

khi thời gian qua đi, bộ não của tôi trở nên khó tiếp thu với **sự đào tạo và nhồi nhét của cộng sản** .”

Ông nói chữa lại “Ý tôi muốn nói là sự quán triệt học thuyết của những người cộng sản. Tiếc là một bộ não Mỹ đã được ghép vào bộ não Việt Nam của tôi rồi. Dần dần nó trở thành một loại hợp chất, rất cứng và rất khó phá vỡ. Đến mức này thì chẳng thể làm gì được nữa. Tốt nhất là cứ để nó nguyên như vậy. Đảng nào thì tôi cũng sắp chết rồi, và khi đó thì sẽ không còn ai phải bận tâm đến việc tôi nghĩ gì nữa.” Phạm Xuân Ẩn bật cười, một trong những tiếng cười dài và sáng khoái mà ông để dành cho những câu chuyện cười thú vị của cuộc sống.

Sau đó ông kể cho tôi nghe câu chuyện về một ông vua và quan cố vấn của mình. “Một hôm nhà vua được mời tối ăn tại nhà viên cố vấn. Viên quan này có một tay đầu bếp và những người hầu hạ trong nhà rất tuyệt vời, nhưng họ căm ghét viên quan vì ông ta là một tên ác nghiệt. Nên họ quyết định sẽ trả thù một vố. Trong bữa trưa họ phục vụ chủ mình món hạt mít, được chế biến một cách đặc biệt, để ông ta không nhận ra mình đang ăn món gì. Đến tối, khi hạt mít lên men trong dạ dày của ông ta, viên quan bắt đầu đánh rắm.”

Đến đây Phạm Xuân Ẩn lại giả âm thanh bụp bụp *pffft, pffft* của viên quan đang đánh rắm. “Tối lúc vua ngự đến ăn tối, viên quan đang đánh rắm hết phát này

đến phát khác, *pffft, pffft, pffft*.”

‘Tiếng gì thế?’ nhà vua gặng hỏi.

‘Muôn tâu bệ hạ, đó là tiếng một con cóc trong vườn nhà thần ạ,’ viên quan nói.

‘Nhưng nếu là tiếng cóc kêu thì tại sao mùi lại thối thế?’

‘Bẩm đó là một con cóc chết ạ.’

‘Làm sao một con cóc chết lại kêu được?’ nhà vua hỏi.

‘Bẩm có hai con cóc,’ viên quan thưa. ‘Một con sống. Một con chết. Tiếng kêu là từ con sống mà ra. Mùi thối là từ con chết mà ra.’

Nhà vua rất hài lòng. Ông vua cứ chắc mẫm mình đã biết sự thật về tình hình vì đã có lời giải thích nhất quán về những gì đang xảy ra. Nhưng thực ra thì tất cả những gì ông vua nhận được là một câu chuyện lố bịch. **Đấy là những gì chúng ta miêu tả về công việc của một cố vấn. Đó là công việc của lũ cóc.**”

Những chuyến đi ở nước Mỹ

Năm 1956, cấp trên cộng sản của Phạm Xuân Ẩn ra lệnh cho ông rời bỏ quân đội Việt Nam và bắt đầu một sự nghiệp mới. Họ muốn ông tới Mỹ và nghiên cứu về đất nước đang tiến hành chiến tranh đối với họ từ cách nửa vòng trái đất.

Phạm Xuân Ẩn là điệp viên cộng sản đầu tiên tại tổng hành dinh quân đội Việt Nam, nhưng khi có một sĩ quan khác được chuyển từ bộ tổng tham mưu sang thay, thì đã đến lúc ông có thể chuyển đi.

“Sau khi giải ngũ lẽ ra tôi quay trở lại sở quan thuế. Nhưng tôi không thích làm một *fonctionnaire*. Tôi muốn một nghề tự do. Đó là vấn đề của tôi, luôn là vấn đề của tôi. Tôi không muốn quay lại chỗ cũ. Tôi nộp một lá đơn xin thôi việc, lá đơn này phải được bộ trưởng tài chính phê chuẩn, và tôi rút hết sạch tiền ra khỏi lương hưu của mình. Ai cũng ngạc nhiên hết. ‘Anh đang có một công việc yên ổn cả đời còn gì. Tại sao anh lại bỏ chỗ này?’”

Phạm Xuân Ẩn nghĩ đến việc trở thành một bác sĩ hoặc học về kinh tế, một ngành mà ông vẫn quan tâm đến kể từ khi đọc tác phẩm *Kinh tế chính trị học*, một cuốn sách dựa trên cuốn *Tư bản luận* của Karl Marx. “Tôi tự nhủ, có lẽ mình sẽ qua Mỹ học kinh tế hoặc chính trị học. Mình sẽ đi từ bốn đến sáu năm và lấy bằng thạc

sĩ hoặc, nếu có thể, lấy luôn bằng tiến sĩ trong khi tranh thủ học về văn hóa Mỹ.”

Nhưng Phạm Xuân Ẩn phải rất khó khăn mới sang được Mỹ. “Tay tùy viên quân sự Mỹ đưa tôi tới thăm Quỹ Á châu (Asia Foundation)^[14]. Họ đề nghị cho tôi một học bổng, nhưng chính quyền Nam Việt Nam không cho phép tôi nhận vì tôi không có bằng tú tài. Chẳng qua là họ lấy cớ để trao học bổng đó cho thành viên gia đình và bà con của họ.” Kế hoạch của ông gặp một rào cản khác khi ông được thông báo rằng ông không thể học những chuyên ngành

như chính trị hoặc kinh tế là những thứ có được dạy tại Việt Nam, bất kể ai trả tiền cho ông sang Mỹ học đi nữa.

Chính ông Mai Chí Thọ, người chỉ huy lực lượng tình báo của chính quyền miền Bắc Việt Nam, và Mười Hương, cán bộ chỉ huy trực tiếp của Phạm Xuân Ẩn, là những người quyết định đưa ông sang Mỹ để được đào tạo thành một nhà báo. Mười Hương lấy ý tưởng đó từ Hồ Chí Minh, người cũng từng là một nhà báo. Đó là vỏ bọc hoàn hảo cho một điệp viên, bảo đảm cho anh ta quyền sục sạo vào những nơi hẻo lánh và gập gờ các nhân vật tai to mặt lớn. Kế hoạch này được thông qua ở cấp cao nhất của Bộ Chính trị Việt Nam, nhưng cũng phải mất vài năm mới thực hiện được. Cha của Phạm Xuân Ẩn đang hấp hối. Những nhà đương cục do Pháp đào tạo, vốn không mấy mặn mà với ý tưởng cử một người Việt Nam qua học tại Mỹ, đã chặn visa xuất cảnh của Phạm Xuân Ẩn. Đảng Cộng sản cũng gặp khó khăn về tài chính. Cuối cùng, ông Mai Chí Thọ cũng gom được tất cả 80.000 đồng, khoản tiền vào thời điểm đó tương đương với khoảng hai nghìn đô la. Ngân ấy là đủ cho Phạm Xuân Ẩn mua vé máy bay qua Mỹ và bốn bộ com lê mới - chỉ cần ông có thể tìm được đường ra khỏi Việt Nam.

“Ý tưởng trở thành một nhà báo nghe có vẻ cũng được, nhưng tôi không biết nhiều về nghề này,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Nghề báo quan trọng nhưng cũng rất nguy hiểm,” ông Mười Hương nói với tôi. ‘Ai cũng nghi kỵ nhà báo, chắc hẳn là họ đang thực hiện các hoạt động tình báo.’”

“Tôi phải yêu cầu những người cách mạng vay tiền cho mình,” Ẩn nói. “Đảng trả tiền cho tôi qua Mỹ. Tôi có sáu năm tiền lương hưu, nhưng ngân ấy cũng chẳng thấm vào đâu. Thậm chí cả va li tôi còn không có. Cũng may là Mills C. Brandes cho tôi chiếc va li Samsonite cũ từ thời Chiến tranh thế giới thứ hai của ông ta, làm bằng các tông.”

Trở ngại cuối cùng của Phạm Xuân Ẩn nằm ở khâu xin visa. Lần này ông được sự trợ giúp từ mật vụ của Diệm. Ông bắt đầu bằng

cách liên lạc với anh họ mình, cũng chính là người đã gọi ông vào làm tại phòng chiến tranh tâm lý. Chị gái của Phạm Xuân Giai lấy chồng là Lê Khắc Duyệt, giám đốc cảnh sát Trung phần và phụ trách về an ninh cho Ngô Đình Cẩn, em trai út trong gia đình đang cai trị Nam Việt Nam. Cẩn, theo sự đề đạt của Duyệt, gửi thư cho Trần Kim Tuyến, người nhỏ bé nhưng là thần gác cửa phụ trách các chuyện trong nhà của ông Ngô Đình Diệm. “Ông ấy phụ trách các vấn đề xã hội, văn hóa và chính trị tại Dinh Độc Lập,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Thực ra ông ấy là cầu nối của lực lượng mật vụ. Mọi việc đều nằm trong thẩm quyền của ông ấy.”

Với một bằng luật tại Hà Nội và được huấn luyện làm bác sĩ quân y, Tuyến là một trong những người Công giáo di cư từ miền Bắc vào miền Nam năm 1954. Ông ta gốc Phát Diệm, nơi được miêu tả trong *Người Mỹ trầm lặng* như là một thị trấn Trung cổ “dưới cái bóng và sự che chở của Đức Giám mục vương quyền (Prince Bishop)”, người có hẳn một quân đội riêng. Greene, một người cải sang Công giáo, mô tả Phát Diệm như “thị trấn sống động nhất trong cả nước”. Với chữ *sống động* (*living*) ông thực sự muốn nói là *sùng đạo* (*faithful*) hay *ngoan đạo* (*religious*). Phát Diệm, giống những vùng Công giáo khác tại Bắc Việt Nam, bị tàn phá trong một trận đánh tàn khốc giữa Việt Minh và lực lượng thuộc địa Pháp. (Greene đi thăm chiến trường và nghe lỏm thấy các binh sĩ, “phần lớn trong số họ là người Đức”, kêu lên *Gott sei dank* (Lạy Chúa) khi họ thấy nhiều người Việt Nam hơn là lính Lê dương Pháp chết nổi lên bênh trên những dòng kênh của thị trấn).

Như Phạm Xuân Ẩn mô tả về cách ông lấy được visa thì “đó là theo kiểu Việt Nam, thuần túy Việt Nam”. Anh nhờ một người anh họ hỏi người anh rể của anh ta tại miền Trung Việt Nam can thiệp với sếp của mình, đến lượt ông này gửi thư ngược vào Sài Gòn qua anh rể của anh họ anh, người này trực tiếp đến tận nơi, trong thư nói rằng anh nên được cấp visa xuất cảnh, *et voilà* (đấy rồi), dẫu thị thực mới hôm qua còn là không thể nào có được bỗng nhiên xuất

hiện trên bàn của bác sĩ Tuyền, như cách họ gọi ông ta. Tất nhiên, điều này có nghĩa là anh phải chịu ơn tất cả những thành viên gia đình đã giúp đỡ anh trong kế hoạch này, và đặc biệt là anh nợ bác sĩ Tuyền, người trực tiếp trao thị thực cho anh.

Vẫn còn một trở ngại cuối cùng trước khi Phạm Xuân Ân có thể lên đường. Ông đang túc trực từng giờ bên giường của người cha sắp qua đời. Bệnh lao đã ăn mòn một lá phổi của ông cụ và làm suy yếu trái tim cụ. Ông cụ bắt đầu thở hắt ra và suy sụp trông thấy. “Một hôm tôi phải đèo đưa cháu gái mình sang Chợ Lớn bằng xe scooter,” Phạm Xuân Ân nhớ lại. “Trong khi chúng tôi đang chờ tạnh mưa, ba tôi nói: ‘Nhanh nhanh rồi về nhà. Ba có việc quan trọng muốn nói với con.’ Ông kêu má tôi mang nước nóng lại cho ông rửa mặt. Ông thay đồ rồi nằm xuống nghỉ ngơi.

Khi ở Chợ Lớn về tôi tìm cho ông một liều thuốc nữa để trợ tim.”

“Ông bắt đầu thở rất nặng nhọc, một kiểu thở hắt ra vất vả. Ông thở khó nhọc đến nỗi tôi phải đỡ ông ngồi thẳng dậy trên tay mình. ‘Mang cho ba một tờ giấy trắng,’ ông kêu. Tôi mang giấy lại cho ông. Ông ký tên vô đó. ‘Con có thể điền ngày vào sau,’ ông nói. Ông ký thêm mười tờ giấy nữa như vậy. ‘Con có thể dùng đến những cái này khi ba qua đời,’ ông nói.” Vậy là giờ đây món thừa kế của Phạm Xuân Ân bao gồm cả chữ ký của cha ông, nếu cần đến, trên mười tờ tài liệu khổng.

“Ông đang sắp đi rồi. Tôi biết ông đang hấp hối. Con bướm đen của thần chết, *papillon nocturne* (bướm đêm), bay vào khung cửa sổ. Bình thường chúng chỉ bay vào ban đêm. Nó đậu vào cái màn căng trên giường ba tôi. Con hấp hối bắt đầu, trạng thái đau đớn trước khi con người ta qua đời. Ba tôi trút hơi thở cuối cùng. Con bướm xòe cánh ra. Tôi biết thế là hết. Trái tim của ba tôi đã ngừng đập.”

Cha ông qua đời ngày 24 tháng 9 năm 1957, và hai tuần sau Phạm Xuân Ân tới Costa Mesa, bang California, để đăng ký vào học năm

thứ nhất tại trường cao đẳng cộng đồng ở đó. Phạm Xuân Ẩn là một điệp viên cộng sản 31 tuổi, một thanh tra quan thuế về hưu sớm và chuyên gia chiến tranh tâm lý khi ông bắt đầu theo học tại

Trường cao đẳng Orange Coast (OCC), nơi một cố vấn Mỹ tại Việt Nam đã gợi ý cho ông. Có lẽ ông là người Việt Nam đầu tiên sống tại hạt Orange. (Giờ đây là nơi sinh sống của 150.000 người **tỵ nạn** Việt Nam và con cháu họ). Được các bạn trong lớp gọi là Khổng Tử, Phạm Xuân Ẩn học các môn chính trị, chính thể Mỹ, kinh tế, xã hội học, tâm lý học, tiếng Tây Ban Nha, và báo chí. Ông tháp tùng các nữ sinh viên 18 tuổi ra bãi biển và dành nhiều thời gian làm việc ở tờ *Barnacle*, tờ báo của trường. Thỉnh thoảng ông lại có bài viết cho tờ này, ví dụ như bài điểm phim *Người Mỹ trầm lặng*. Nhận thấy bộ phim mập mờ về cách hiểu, Phạm Xuân Ẩn đã đề xuất là nó “không nên được chiếu tại Việt Nam”.

Phạm Xuân Ẩn miêu tả hai năm của mình tại Mỹ, gồm cả giai đoạn thực tập tại tờ *Sacramento Bee* và Liên hợp quốc, là “quãng thời gian duy nhất trong đời tôi không phải lo âu gì”. (Những chuyến đi của ông từ đầu này đến đầu kia nước Mỹ được Quỹ Á châu thanh toán, quỹ này về sau mới lộ ra là một bình phong của CIA). Ông phải lòng với nước Mỹ và với một người Mỹ, Lee Meyer, cô gái tóc vàng yếu điệu vốn là biên tập và người hướng dẫn viết bài cho ông tại tờ *Barnacle*. “Cổ biết tôi yêu cô, nhưng tôi không bao giờ nói với cô điều đó,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Người Việt Nam chúng tôi không bao giờ nói ra cảm xúc thực của mình.”

Phạm Xuân Ẩn tới OCC vào một ngày thứ Bảy, khi ngôi trường toàn người đi đi về về này sạch bóng sinh viên và ký túc xá thì khóa kín. “Đó là giờ ăn trưa, và tôi không biết phải đi đâu,” ông nhớ lại. “Đột nhiên một trong số các sinh viên quay lại ký túc xá. Tôi nói với anh ta rằng tôi là sinh viên mới và cũng vừa mới đến Mỹ. Anh ta mời tôi ăn một chút đậu đỏ.”

“Sau đó ông Henry Ledger, người quản lý ký túc xá, xuất hiện. ‘Chúng tôi đang chờ cậu,’ ông nói. ‘Chúng tôi giữ phòng cho cậu

suốt tháng rồi, nhưng cuối cùng cũng phải bố trí người khác vào đó.' Ông còn một phòng khác dùng để làm kho trái giuồng và khăn tắm. Ông dọn những thứ đó ra và xếp tôi vào trong đó. Đó là một căn phòng xinh xắn với cửa nhìn ra rất đẹp, tôi ở đấy một mình, trong khi tất cả các phòng còn lại đều có hai người ở. Ông đi ra và kiếm cho tôi một chiếc ghế, một cái bàn và một giá sách cho tôi cất sách vở. Căn phòng không có tủ quần áo, nhưng đằng nào thì tôi cũng chẳng có nhiều quần áo. Tất cả những gì tôi có là một chiếc vali bằng các tông mượn của Brandes và một chiếc túi mới để mang sách vở đến trường."

Ban đầu ký túc xá của Phạm Xuân Ẩn là một khu doanh trại cho căn cứ không quân Santa Ana. Căn cứ huấn luyện các tân binh mới tuyển vào lực lượng không quân này cũng từng có thời gian ngắn, vào cuối Chiến tranh thế giới thứ hai, được sử dụng làm trại giam tù binh chiến tranh dành cho các binh sĩ bị bắt từ Quân đoàn châu Phi của Thống chế Rommel và cũng là trại giam giữ những người Mỹ gốc Nhật, nơi những ngoại kiều của kẻ thù bị quản thúc trước khi trục xuất về Nhật Bản. Khi căn cứ này được chuyển thành một trường cao đẳng cộng đồng năm 1948, các lớp học về những chuyên ngành bao gồm từ thám mĩ học đến công nghệ hóa dầu được dạy trong 68 nhà tôn lấp ghép và doanh trại được kế thừa từ quân đội. Nhiều giảng viên của nhà trường cũng được kế thừa từ quân đội. Người chỉ huy ban nhạc của căn cứ không quân trở thành trưởng khoa nghệ thuật tại OCC, và một tay cựa đại úy trở thành giáo sư khoa học xã hội.

"Tôi hôm tôi tới California, các sinh viên tổ chức một buổi khiêu vũ kiểu bốn cặp hoành tráng ở căng tin," Phạm Xuân Ẩn nói. "Ban nhạc của trường chơi đàn. Hai giảng viên, một cô giáo và một thầy giáo, đã được mời đến để hướng dẫn cho các sinh viên cách nhảy bốn cặp hình vuông. Một sinh viên đưa tôi tới buổi khiêu vũ để tôi không cảm thấy nhớ nhà. Tôi ngồi ngoài như một kẻ chầu rìa. Sau đó một cô gái trẻ bước tới và dẫn tôi ra sàn khiêu vũ. Mọi người đều

ăn mặc như dân miền núi và những cô gái chăn bò. Họ đang nhảy chơi chơi như mấy con gà tây. Họ lệnh cho tôi hết tiến lại lùi. Đó là lần đầu tiên trong đời mình tôi ôm một cô gái trong tay như thế. Tôi cảm thấy vừa nóng bừng vừa lạnh toát. Tôi nhận ra rằng mình sắp phạm phải rất, rất nhiều lầm lỗi.”

“Họ thường đưa tôi ra bãi biển, năm hay sáu cô gái một lần. Tôi không có tiền để đi chơi cũng không có người thân để tới thăm. Lúc nào tôi cũng ở trong phòng ký túc xá đọc sách, nhưng ngoài tôi ra chẳng có ai ở lại ký túc xá cả. Mọi người bao giờ cũng ra ngoài làm đủ mọi trò. Và thế là những cô gái thường tới rủ tôi ra bãi biển cùng với họ. Tôi chẳng bao giờ bơi cả. Nước biển quá lạnh, vậy mà những cô gái vẫn bơi. Họ đều rất khỏe mạnh và sung sức. Lúc đó tôi đã 31 tuổi. Họ mới chỉ khoảng 17, 18. Họ đưa tôi đi cùng như thể tôi là ‘cái phao’ của họ vậy.”

Đó là những năm tháng hạnh phúc của Phạm Xuân Ẩn. Ông yêu những con chim én di trú làm tổ dưới mái ký túc xá, các sinh viên California râm nắng với những buổi cuối năm và tiệc tùng trên bãi biển, những giáo sư khó tính nhưng đồng thời cũng rất thân thiện và dễ gần. Như Phạm Xuân Ẩn đã viết trên tờ *Barnacle*, ông học được cách viết “thứ ngôn ngữ Mỹ của H. L. Mencken, cách thưởng thức âm thanh hi-fi, cách nhảy rock and roll, cách làm bài tập ở nhà trong tiếng radio và âm thanh quen thuộc của lò sưởi, cách hít căng buồng phổi thứ không khí của những câu chuyện đùa hài hước từ các bạn cùng ký túc xá”.

“Tôi làm nhiều cái theo cách thức mà chúng tôi vẫn làm ở Việt Nam, khiến các bạn cùng lớp của tôi coi là ngộ nghĩnh,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ví dụ như một hôm tôi đang đi tiểu trong nhà vệ sinh nam. Tôi nhận thấy là lần nào tôi vào nhà vệ sinh, các sinh viên cũng chạy dọc hành lang xuống nhìn tôi chằm chằm. Khi tôi đi tiểu xong họ lại cười ầm lên và chạy ra ngoài. Cuối cùng, một trong các sinh viên, một người từng là thủy quân lục chiến trong chiến tranh Triều Tiên đang theo học bằng học bổng của quân đội, cho tôi biết là chuyện gì

đang xảy ra. ‘Ấn, không ai muốn làm cậu xấu hổ đâu, nhưng tội tởm nghĩ kiểu đi tè của cậu rất buồn cười. Cậu vén ống quần của mình lên. Ở nước Mỹ này, bọn tởm kéo quần xuống.’ Đây là một bài học khác mà tôi phải học, cách kéo zip quần xuống.”

Bài học quan trọng nhất của Phạm Xuân Ẩn là làm thế nào để che giấu sự thật rằng ông là một điệp viên cộng sản. Ông đã có mấy lần suýt để lộ và có lẽ quãng thời gian ở California cũng không hẳn là vô tư như ông cố tỏ ra. “Lớp học về diễn thuyết của chúng tôi do một cựu đại tá phụ trách, một sĩ quan pháo binh trong lực lượng dự bị của quân đội. Lần nào ông ta cũng cho tôi điểm C trừ^[15]. ‘Trong các bài phát biểu của mình anh dùng quá nhiều thuật ngữ cách mạng,’ ông ta bảo tôi. ‘Anh phải thay đổi kiểu đó đi mới được.’ Tôi cố giải thích rằng tôi đã học tiếng Anh từ các tạp chí được Đảng Cộng sản Pháp gửi sang Việt Nam. Cũng may, một trong những bạn học của tôi là người Canada, một phụ nữ lớn tuổi quay lại trường để hoàn thành khóa học của mình. Bà trở thành *déesse* (nữ thần) của tôi, một trong những phụ nữ bảo vệ cho tôi. Bà bắt đầu sửa những bài phát biểu của tôi, và sau đó tôi được điểm C cộng.”

“Tôi cũng gặp rắc rối với cô Fowler, cô giáo dạy tiếng Anh năm thứ nhất của tôi. Bà là cựu sĩ quan tình báo thời Chiến tranh thế giới thứ hai và là một chuyên gia, trong suốt thời McCarthy, về săn lùng các phần tử thân cộng sản^[16]. Một hôm bà hỏi tôi: ‘Anh tới đây để học hay làm việc gì khác?’

‘Để học,’ tôi cam đoan với bà. ‘Tôi đã làm việc với các quân nhân Mỹ; đó là lý do tại sao họ cử tôi sang đây.’

‘Tôi ngờ là anh sang đây để làm việc gì đó khác cơ.’

“Những gì bà nói khiến tôi phải cảnh giác hơn. Tôi tự Mỹ hóa mình. Không còn giọng điệu cách mạng nữa. Cũng không còn tiếng Pháp nữa.”

Việc Phạm Xuân Ẩn trở thành một nhà báo lớn cũng như một nhà tình báo lớn là bằng chứng rõ ràng cho phương pháp đào tạo phóng

viên của Mỹ bằng cách để cho họ thường xuyên thực tập với công việc ra báo sinh viên. Khi làm biên tập phụ và viết cho tờ *Barnacle*, Phạm Xuân Ẩn viết những bài về thức ăn trong trường, cuộc sống ở ký túc xá, và những nhu cầu đặc biệt của các sinh viên nước ngoài, bao gồm cả một đội ngũ đông đảo các sinh viên từ Trung Đông tới California để học về các giếng khoan dầu ngoài khơi của bang này. Có 16 sinh viên trong biên chế tờ *Barnacle*, tất cả đều theo học Báo chí khóa 101 và 102. Cái năm mà Phạm Xuân Ẩn được cử làm “Biên tập viên trang 2”, tờ báo này đứng thứ hai trong số tờ báo của các trường cao đẳng vùng miền Nam nước Mỹ trong một cuộc thi tại Đại học Nam California.

Những giờ miệt mài mà Phạm Xuân Ẩn trải qua tại tòa báo sinh viên có thể đã xuất phát từ việc ông phải lòng biên tập của mình là Lee Meyer, người kết hợp một nụ cười quyến rũ với cặp kính gọng đen đạo mạo. Rất nhiều người phải lòng Meyer, căn cứ vào những thông điệp đầy si mê được ghi lại trong cuốn kỷ yếu hằng năm của bà. Phạm Xuân Ẩn gọi bà là một “người bạn lý tưởng” trong những dòng lưu bút của mình và viết về hy vọng của ông rằng “tình bạn của chúng ta sẽ ngày càng gắn bó hơn bất chấp hoàn cảnh không thích hợp”. Phạm Xuân Ẩn đang nói đến thực tế là vào lúc đó Meyer đã gắn bó với một sinh viên y mà sau này bà đã kết hôn - một cuộc hôn nhân ngắn ngủi và không hạnh phúc. “Cô ấy là kiểu phụ nữ mà tôi sẽ lấy nếu tôi có cơ hội,” Phạm Xuân Ẩn nói.

Có thể nhận thấy là Phạm Xuân Ẩn và Lee có tình cảm với nhau qua những bức thư mà họ trao đổi sau này trong cuộc đời. Lee liên lạc với Phạm Xuân Ẩn sau khi đọc về ông trong một bài báo xuất bản trên tờ *Newsweek* nhân dịp kỷ niệm 25 năm kết thúc chiến tranh Việt Nam. Bà rất vui khi có thể liên lạc trở lại sau ngần ấy năm, và họ duy trì việc thư từ với nhau cho đến tận khi bà qua đời năm 2003. Phạm Xuân Ẩn “rất, rất thân thiết với Lee”, theo lời của Janet Simms, cộng sự gần gũi của Lee khi bà còn làm chuyên gia tâm lý

hành nghề ở Los Angeles. Phạm Xuân Ẩn đáp lại: “Bạn vẫn luôn ở trong trái tim và suy nghĩ của tôi”.

Sau năm đầu tiên của mình tại OCC, Phạm Xuân Ẩn tham gia khóa học mùa hè để hoàn thành thêm các tín chỉ, sau đó ông dọc theo bờ biển để thăm một người bạn Việt Nam đang dạy tại trường ngôn ngữ quân sự ở Monterey. Song kế hoạch của ông đã thay đổi và ông sẽ phải về nhà càng sớm càng tốt, nếu ông có thể quay về. Quãng thời gian một năm tươi đẹp của Phạm Xuân Ẩn tại California là thời gian đen tối nhất trong lịch sử của lực lượng Việt Minh ở miền Nam Việt Nam, gồm 60.000 người cộng sản đã ở lại dưới vĩ tuyến 17 khi Việt Nam bị chia cắt năm 1954. “Chính quyền Diệm lê máy chém đi khắp vùng nông thôn, chặt đầu những người cộng sản, và đến cuối chiến dịch năm 1958, 85% số đảng viên cộng sản đã bị quét sạch, hoặc bị giết hoặc bị tổng giam,” Phạm Xuân Ẩn nói. Ông biết được từ một bức thư được mã hóa của em trai ông, Phạm Xuân Đính, rằng Mười Hương, cán bộ chỉ đạo của ông, đã bị bắt. Ông cũng biết rằng ông đang được triệu hồi về nhà vì Việt Minh - một thời gian ngắn sau lại hồi sinh với tên gọi Việt Cộng - cuối cùng cũng bắt đầu tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang dẫn đến Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

“Em trai tôi bị bắt khi tôi đang ở Mỹ,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Chúng tra hỏi cậu ấy về Mười Hương và hỏi tại sao ông ấy lại đến nhà gặp tôi. Em trai tôi bị cảnh sát Sài Gòn bắt giam cho đến sau Tết năm 1958. Anh họ tôi đưa cậu ấy ra khỏi nhà giam - chính là người làm việc cho Ngô Đình Cẩn trên cương vị trùm mật thám và chỉ huy lực lượng cảnh sát tại miền Trung Việt Nam. Ông tới Sài Gòn gặp trưởng nha cảnh sát. Em trai tôi được trả tự do dưới sự bảo lãnh trực tiếp của ông.

“Em trai tôi viết cho tôi một bức thư với ngụ ý rằng hai cấp trên trực tiếp của tôi đã bị bắt. Cậu ấy nói bóng gió đủ cho tôi hiểu.” Khi Phạm Xuân Ẩn kể cho tôi nghe câu chuyện này, một trong những

con chim của ông bắt đầu hót inh ỏi từ đâu đó phía sau nghe như một chiếc xe tuần tra của cảnh sát bắt còi hụ hết công suất.

Nếu như em trai ông là Phạm Xuân Đính thoát tội khá dễ dàng, thì tình cảnh của Mười Hương không được như vậy. Ông bị tra tấn tại nhà tù Chín Hàm khét tiếng ở miền Trung Việt Nam suốt sáu năm trời. Ông không khai ra Phạm Xuân Ân, nhưng đó là một thời khắc hiểm nghèo cho tất cả các điệp viên trong mạng lưới của ông.

Bạn của Phạm Xuân Ân là Cao Giao cũng trải qua một thời gian tại nhà tù khét tiếng của Ngô Đình Cẩn. “Ông biết Mười Hương, biết ông này là một cán bộ cao cấp trong Đảng Cộng sản và là người chỉ huy lực lượng tình báo ở miền Nam. Hai người từng làm việc với nhau khi Cao Giao còn chuyển tin tức cho những người cộng sản, cung cấp cho họ cảnh báo sớm về vụ đảo chính của Nhật. Ông có cơ hội được trả tự do bằng cách tố cáo Mười Hương, nhưng Cao Giao không bao giờ bán đứng bất kỳ ai, kể cả khi bị tra tấn. Ông đi qua ông này với bộ mặt lạnh như tiền không để lộ bất kỳ điều gì về sự dính dáng của họ trong quá khứ. Ông là một trong những người can đảm không bao giờ mất tinh thần.”

“Bây giờ làm cách nào để bắt liên lạc với những chỉ huy đã bị bắt giữ của mình đây, tôi tự hỏi. Tôi không được phép đi tìm hay liên lạc với họ. Nhiệm vụ của họ là liên lạc với tôi, nhưng nếu tôi cứ ở Mỹ thì làm sao họ có thể tìm ra tôi được? Nếu không quay trở về Việt Nam, coi như tôi từ bỏ cuộc đấu tranh giành độc lập, nhưng nếu quay trở lại trong khi các cấp trên của mình đang ở trong tù, thì ngay cả tôi cũng có nguy cơ bị bắt và bị tống vào tù. Nếu ông Mười Hương mà khai ra, thì chắc chắn tôi như xong đời rồi. Tôi nhiều phần tin là ông sẽ khai. Ông cũng là con người mà. Tôi đã chứng kiến nhiều trường hợp như vậy. Nhưng ông không khai. Ai đó có thể khai, chứ nhất định không phải Mười Hương.”

Sau khi Phạm Xuân Ân biết rằng mình đang được gọi về Việt Nam, ông bắt đầu học tiếng Tây Ban Nha. Nếu vô bọc bị lộ, biết đâu ông có thể lén trốn qua biên giới và trở về nước qua đường Cuba,

nơi Fidel Castro đang lên nắm quyền. Trong thời gian ở thăm bạn tại trường ngoại ngữ ở Monterey, Phạm Xuân Ẩn cũng biết được rằng những người cộng sản miền Bắc, sau vài năm kiềm chế, cuối cùng cũng cho phép lực lượng cách mạng ở miền Nam tái phát động chiến tranh du kích. “Đó là lý do tại sao tôi quyết định quay về,” Phạm Xuân Ẩn nói.

Mùa xuân năm 1959 ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Orange Coast với tấm bằng cao đẳng về báo chí. Ông lái xe ven bờ biển tới Monterey và từ đó đi tiếp tới Sacramento, rồi ở lại đó hai tháng, làm việc tại tờ *Sacramento Bee* trong khóa thực tập được Eleanor McClatchy, một thành viên của gia đình sáng lập ra tờ báo bố trí cho ông. Tiền lương của Phạm Xuân Ẩn được chi trả bởi Quỹ Á châu, tổ chức này cũng sắp xếp để ông bay tới New York vào cuối mùa hè cho một khóa thực tập khác, lần này tại Liên hợp quốc.

“Bà McClatchy là một phụ nữ rất dễ mến,” Phạm Xuân Ẩn nói. Về phần mình bà cũng nghĩ Phạm Xuân Ẩn là một người rất dễ thương. Với những lời giới thiệu từ CIA và Lansdale cùng những người bạn tốt khác của Phạm Xuân Ẩn trong các cơ quan tình báo Mỹ, bà rất vui lòng được đón tiếp chàng trai Việt Nam nho nhã này tới Sacramento. Có đôi chút trục trặc khi ông bị từ chối cho thuê phòng ở vì tay chủ nhà không chấp nhận “dân da vàng”, nhưng Phạm Xuân Ẩn không để tâm lắm đến sự phân biệt chủng tộc này. “Đó là chuyện bình thường tại Mỹ,” ông nói. “Thậm chí cả Henry Kissinger cũng không được phép ở tại một số khách sạn nào đó vì ông ta là người Do Thái.”

McClatchy đưa ông tới gặp viên thống đốc, Edmund G. Brown, người đang chủ trì đón tiếp thủ tướng Liên Xô khi đó đang có một chuyến thăm tới bang này. “Tôi được phép đi theo sau, để xem người ta đưa tin như thế nào về một nhân vật chóp bu đến thăm thống đốc bang California.” Trước đó Phạm Xuân Ẩn đã gặp thống đốc và đã được chụp một tấm ảnh đứng cạnh ông này tại một hội nghị các biên tập viên báo chí sinh viên, nhưng gặp ông ấy lần nữa

cũng chẳng hại gì. Phạm Xuân Ẩn đang hình thành nên tác phong chuyên nghiệp rất có ích cho ông trên cương vị một điệp viên. Ông đang thu thập một bản sơ yếu lý lịch gồm những lời tiến cử của CIA và sự nâng đỡ của McClatchy để nói lên rằng có thể ông đang làm việc cho cơ quan tình báo này. Ngay sau khi ông tới Sacramento, tờ *Bee* cho đăng một bài về tay ký giả thực tập mùa hè của mình với nhan đề “Ký giả Việt Nam nhằm đả phá sự tuyên truyền đỏ”. Nhý Phạm Xuân Ẩn tinh quái nhận xét với một người phỏng vấn ông năm 2005: “Tôi sử dụng tất cả những gì Lansdale đã dạy tôi cho bài báo đó. Ông ta là một người thầy tuyệt vời”.

Phạm Xuân Ẩn đến thăm trụ sở của Quỹ Á châu tại San Francisco, với hy vọng thuyết phục họ cho phép ông lái xe xuyên nước Mỹ thay vì đi máy bay. “Tôi mua một chiếc Mercury đã sử dụng được mười năm của một bà già với giá 250 đô la,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Chiếc xe có động cơ tám xi lanh và ngốn xăng như uống nước. Nó có máy sưởi nhưng không có điều hòa không khí. Viên giám đốc của quỹ khuyên tôi nên ở tại các ký túc xá của Hội thanh niên Cơ Đốc giáo, chỉ với giá năm đô la một đêm, hoặc tại các nhà nghỉ rẻ tiền. ‘Đừng có cho ai đi nhờ xe. Họ nguy hiểm lắm. Họ sẽ biết là anh chỉ có một mình và lại là người nước ngoài. Họ có thể cướp tiền và giết anh.’”

Mặc dù ông sở hữu đến hai bằng lái xe của Việt Nam, một bằng quân sự và một bằng dân sự, nhưng thực ra thì Phạm Xuân Ẩn cũng chưa bao giờ lái một chiếc xe nào trước khi ông tới Mỹ. Tờ *Sacramento Bee* đã tử tế cung cấp cho các thực tập sinh của mình một khóa học lái xe, và, sau khi hứa sẽ không “lái xe như một tay đua”, Phạm Xuân Ẩn bắt đầu lên đường vào cuối tháng 8. “Đó là bởi vì ông thầy giáo tiếng Pháp đã dạy tôi về những tên gangster Chicago và các phương pháp hiện đại, nhân đạo của thành phố này dùng để giết mổ súc vật nên tôi mới lái xe đi xuyên ngang nước Mỹ.” Phạm Xuân Ẩn nhìn thấy một cơn bão mùa hè quét ngang qua sa mạc Nevada như một cơn lốc xoáy khổng lồ. Ngõ ngàng khi được chứng

kiến những cảnh to cảnh nhỏ và toàn bộ thân cây bị bốc thẳng lên trời, ông dùng xe để ghi lại cảnh tượng đó bằng chiếc máy ảnh chụp phim dương bản Ektachrome.

“Tôi lái xe rất chậm, thường dừng lại uống một lon Coca và nghỉ ngơi. Tôi đi tuyến đường giữa từ California sang bờ biển miền Đông. Cứ khi nào có phong cảnh đẹp, thì tôi lại dừng xe và chiêm ngưỡng. Tôi thường tấp lại bên đường và bước xuống xe. Tôi nằm xuống và nhìn trôn trôn lên bầu trời cho đến khi tôi sẵn sàng lái xe tiếp. Tôi gặp may. Tôi gặp nhiều người tốt bụng hơn những kẻ đều cáng. Có thể họ đều cáng khi ở với nhau, nhưng không phải với tôi, như khi tôi ở San Francisco. Một buổi tối, tôi đang thả bộ về phía bến tàu để ăn tối thì chạm trán một băng những gã tay cầm dao lăm lăm. Họ đang đuổi theo một băng khác, nhưng họ còn mãi mê tìm cách giết nhau nên không động gì đến tôi cả.”

Phạm Xuân Ân lái xe dọc khu Strip và ghé vào những sòng bạc ở Las Vegas. Bên ngoài thành phố, ông nhìn thấy một dãy dài những toa tàu hàng đang băng qua núi và biến mất vào một đường hầm. “Tôi hỏi một người đàn ông đứng cạnh mình, đang nhìn theo đoàn tàu: ‘Nó đang chở người từ Bờ Tây sang Bờ Đông à?’ ‘Không,’ ông ta nói. ‘Đây là một đoàn tàu đặc biệt. Nó không chở theo hành khách nào cả. Nó đưa các nhà khoa học vào một đường hầm trong núi, ở đó họ tiến hành nghiên cứu nguyên tử.’ Sau đó ông ta chỉ dẫn cho tôi trên một tấm bản đồ về nơi nước Mỹ chế tạo những quả bom nguyên tử của mình. ‘Đừng có đến đấy,’ ông ta nói. ‘Họ sẽ bắt anh đấy.’” Phạm Xuân Ân cười khùng khục khi nhớ lại tay người Mỹ thân thiện đã cho ông biết những bí mật quân sự đó. Giờ thì nhà tình báo cộng sản Phạm Xuân Ân đã biết quân đội Việt Nam nên tấn công vào đâu nếu có lúc nào đó họ xâm lược Hoa Kỳ.

Phạm Xuân Ân cũng đến thăm khu giáo phái Mormon ở Salt Lake City và chiêm ngưỡng cảnh các chàng cao bồi chăn lừa gia súc ở bang Wyoming. Ông chỉ lái xe vào ban ngày, còn khi mặt trời lặn ông dừng xe tại một ký túc xá của Hội Thanh niên Cơ Đốc hay một

nhà nghỉ rẻ tiền. Ngày hôm sau khi mặt trời mọc ông lại bắt đầu lái xe đi tiếp. “Nước Mỹ quả là rộng lớn và tươi đẹp, với sự đa dạng muôn màu muôn sắc. Trước đó tôi chưa bao giờ nhận ra nước Mỹ rộng lớn đến nhường nào. Đây không phải là những gì tôi tưởng tượng ra sau khi nghe miêu tả về nó.”

Sau khi băng qua dãy núi Rocky và vùng Đồng bằng Lớn, Phạm Xuân Ẩn ngỡ ngàng khi nhìn thấy những cánh đồng màu mỡ ở bang Iowa. “Tôi nhìn thấy những cánh đồng ngô trải dài hết dặm này tới dặm khác. Tôi mất gần trọn một ngày lái xe mới ra khỏi cánh đồng ngô. Tôi dừng xe lại để xem lũ gà tây mà người ta nuôi ở đó, những con gà tây to đùng màu sô cô la. Mấy cánh đồng trải ra đến tận chân trời.”

Đến khi tới được Chicago, ông lại gặp rắc rối với bộ chế hòa khí trong xe mình. Ông ngạc nhiên khi một bộ chế hòa khí mới được lắp vào rất nhanh thay vì người ta tháo ra và sửa lại bộ chế hòa khí cũ. Ông bắt đầu lái xe quanh thành phố, tìm kiếm chiếc máy kỳ diệu mà thầy giáo tiếng Pháp đã kể với ông. “Tôi lái xe tới khu lò mổ, nhưng tôi chẳng thấy chiếc máy đó ở đâu cả.” Phạm Xuân Ẩn bật cười: “Chắc tôi phải tự mình tạo ra chiếc máy đó nếu tôi muốn nó tồn tại trên đời.” Trừ việc sửa chữa xe chóng vánh, Phạm Xuân Ẩn thấy thất vọng với Chicago. “Tôi cứ đinh ninh sẽ tìm thấy thứ gì đó ở Chicago làm cho nó trở nên hiện đại hơn Việt Nam.” Nhưng thậm chí cả những tên gangster cũng kém màu mè so với Bảy Viễn và những tên cướp sông của ông ta. Phạm Xuân Ẩn lái xe đến thác Niagara, nơi ông dành cả tuần tham dự một hội thảo dành cho các sinh viên Công giáo Việt Nam được cha Emmanuel Jacques, một nhà truyền giáo dòng Tên người Bỉ, tổ chức.

Phạm Xuân Ẩn không bao giờ tỏ ra là người theo bất kỳ tôn giáo nào khác ngoài đạo Phật. Mặc dù vậy, chắc hẳn ông đã nghĩ đó cũng là một ý tưởng hay khi bổ sung cha Jacques, người từng sống ở Việt Nam và “nói tiếng Việt như một người Việt”, vào danh sách những người giới thiệu mình.

Sau đó Phạm Xuân Ẩn lái xe tới Washington, trên đường tới đó ông ở lại Arlington, bang Virginia, mười ngày với người bạn CIA của mình là Mills Brandes và gia đình ông này. “Sau khi tham quan đồi Capitol, Nhà Trắng, Lầu Năm Góc, họ đưa tôi đi tham quan FBI, nơi tôi được chứng kiến các đặc vụ bắn vào những mục tiêu trên trường bắn bằng đạn thật,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Họ bấm một chiếc nút và một xạ thủ vọt đứng lên. Mục đích là để chúng tôi phải thán phục bao nhiêu phát súng họ bắn trúng hồng tâm. Hầu như ai cũng bắn trúng hồng tâm.”

“Tôi hỏi họ: ‘Như thế này để làm gì?’ ‘Đó là lời cảnh báo đối với mọi người: *đừng phạm tội, nếu không FBI sẽ dễ dàng găm một viên đạn vào người anh.*’ Tôi tự nhủ: ‘Đây đúng là trò chiến tranh tâm lý hiệu quả, với mục đích là giảm số lượng tội phạm.’”

Phạm Xuân Ẩn lái xe về New York vừa kịp để chứng kiến lễ khai mạc phiên họp của Liên hợp quốc. Quỹ Á châu giới thiệu ông với một phóng viên Liên hợp quốc đến từ Ấn Độ, người này đưa ông đi lấy thẻ báo chí và hướng dẫn cho ông. “Đó là phiên họp mà Nikita Khrushchev sang thăm Mỹ lần đầu tiên. Đường phố chật cứng những hàng cảnh sát vũ trang, cười những con ngựa lực lưỡng và trông rất oai vệ trong ánh nắng mùa thu. Đám đông đứng chật các vỉa hè để xem Khrushchev đi qua trên một chiếc limousine màu đen, với cờ Liên Xô tung bay trên nắp xe. Tôi đứng nhìn đoàn xe của ông ấy đi qua. Sau đó tôi tới khu vực báo chí để theo dõi Khrushchev phát biểu.”

Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn là ông có phấn khích không khi được nhìn thấy

Khrushchev trên cương vị một người đồng chí cộng sản, và liệu ông có tin lời

Khrushchev khi ông ấy nói với nước Mỹ: “Chúng tôi sẽ chôn vùi các người!”

Phạm Xuân Ẩn trả lời tôi bằng một tiếng “có” mạnh mẽ, một vẻ đồng tình kéo dài, đi kèm với một cái vẫy tay tán thành, những ngón tay hướng lên trời. “Thời kỳ đó chủ trương của Liên Xô là ủng hộ các cuộc chiến tranh giải phóng. Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông cũng đang làm điều tương tự. Để đương đầu với thách thức đó, người Mỹ đang phát triển các học thuyết chống chiến tranh du kích để đàn áp các cuộc chiến tranh giải phóng. Chiến lược ở Việt Nam cũng giống hệt như ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Giải phóng các thuộc địa cũ. Làm ra vẻ đưa họ vào con đường tiến tới tự quyết, trong khi tung ra các lực lượng đặc biệt và sử dụng chiến tranh không thông thường để đàn áp lực lượng cách mạng. Thực ra chính sách này có từ hồi những năm 1950, khi nước Mỹ ký thỏa thuận hỗ trợ quân Pháp tại Đông Dương và thành lập phái bộ Sài Gòn của Lansdale.”

“Tôi không hề chống đối người Mỹ. Tôi chống đối chính sách của họ. Tôi không có lựa chọn nào khác. Họ đang tiến hành một cuộc chiến tranh. Chúng tôi phải chống lại nó. Phe cộng sản chúng tôi phải nắm rõ chiến lược này. Chúng tôi phải thu thập tất cả những thông tin có thể và phân tích những thông tin ấy. Đây không phải là điều dễ dàng, nhưng nếu không có nó, thì tức là đang tiến hành chiến tranh trong mò mẫm. Anh có thể giành chiến thắng nhờ ngẫu nhiên, nhưng nhiều khả năng anh sẽ thua vì thiếu hiểu biết.”

Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn là việc ông phải sống cuộc sống hai mặt của mình với đủ loại mưu kế và giấu giếm có khó khăn không. “Đúng là khó khăn thật,” ông nói, lặp lại câu này đến ba lần. Sau đó ông nhắc đến một tay cựu trung tá trong quân đội Mỹ, người đã kết bạn với ông hồi ông còn là sinh viên ở California. Phạm Xuân Ẩn đang quay về sau chuyến thăm bạn ở Monterey thì ông bỏ lỡ mất điểm dừng xe buýt để xuống trường Orange Coast. Ông xuống xe ở bờ biển dưới mạn Laguna Beach. Đó là đêm giao thừa, và không còn chiếc xe buýt nào nữa. Viên trung tá, đang trên đường đi đón cô con gái về thăm nhà nhân dịp nghỉ lễ, đã cho ông đi nhờ xe tới trường

và sau đó mời ông đến nhà, từ đó Phạm Xuân Ẩn trở thành một vị khách thường xuyên lui tới.

Sau khi Phạm Xuân Ẩn quay về Việt Nam và bắt đầu làm phóng viên, viên trung tá vẫn viết thư cho ông, và hỏi liệu ông có thể chăm sóc con trai ông ta, người đang được cử đến Việt Nam trên cương vị một trung úy trong không quân. “Sau khi suy nghĩ về chuyện đó, tôi từ chối liên lạc với con trai ông ấy,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi đang làm việc cho phía bên kia, trong lĩnh vực tình báo. Nếu gặp biết đâu có thể tôi sẽ lợi dụng anh ta một cách không có chủ ý. Vì tôi biết bố anh ta, nên có thể tôi sẽ moi được một số thông tin từ anh ta. Thế nếu như tôi bị tra tấn thì sao? Nhỡ chẳng may tôi không chịu nổi và khai ra người đã cung cấp thông tin cho tôi? Điều đó sẽ rất tồi tệ. Nên để tỏ lòng tôn trọng người đã giúp mình và để khỏi bị sơ suất, khỏi do cố ý, hay tự động lợi dụng con trai ông ta, tôi đã từ chối gặp anh ta.”

“Đó là lý do tại sao tôi không muốn viết hồi ký,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi sẽ phải nêu ra những cái tên, mà như thế thì không ổn. Một số người thì đã qua đời, nhưng những người khác vẫn còn đang sống. Rất nhiều người đã giúp đỡ tôi từ những mối quan hệ cá nhân. Bây giờ chẳng có lý do gì lại đi phản bội họ cả.”

Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn là ông cảm thấy như thế nào trước thực tế thông tin tình báo của ông làm những người Mỹ phải thiệt mạng. “Tôi ghét phải chứng kiến điều đó,” ông nói. “Khi tôi nhìn thấy những người lính Mỹ được di tản khỏi chiến trường, nằm trên nóc những chiếc xe chở quân, rất nhiều người đã chết hoặc đang hấp hối, nó làm tôi nhớ đến những người bạn của mình ở trường cao đẳng, những thanh niên mười tám đôi mươi có thể đã bị bắt quân dịch và bị đưa sang Việt Nam. Đó là lý do tại sao tôi cầu nguyện cuộc chiến này sẽ không kéo dài.”

Cuộc sống hai mặt của Phạm Xuân Ẩn chứa đầy những mâu thuẫn và bi kịch, nhưng về phía ông không có gì là cảm xúc giả tạo. Ông đã có sự lựa chọn, và ông đã lựa chọn. Tôi cho rằng một phần

của điều này xuất phát từ việc ông là một nhà báo. Ông đối mặt với thực tại và giải quyết nó. Có một cuộc chiến tranh đang diễn ra. Ông là một người lính trong cuộc chiến đó. Ông thực hiện bổn phận của mình. “Tất cả là thế,” ông thường nói. “Đơn giản lắm,” đó là một trong những câu nói ưa thích của ông. Tất nhiên là không hề đơn giản. Nó phức tạp đến thất tim, và tình trạng khó xử về đạo đức đó thật không thể giải quyết triệt để. Một người khác kém vững vàng hơn về ý chí và tinh thần hẳn đã bị đánh quỵ hoặc tự để lộ thân phận của mình. Phạm Xuân Ẩn làm tôi nhớ đến một tay cờ bạc vĩ đại, một trong những tay đố bác chuyên nghiệp ở Las Vegas đã học được cách che giấu thứ được gọi là “mánh” - những dấu hiệu không chủ tâm để lộ bài của bạn, dù là tốt hay xấu. Phạm Xuân Ẩn, người kể chuyện tiểu lâm, người chơi khăm, người giao thiệp rộng và thích nuôi chó, đã dồn tất cả những cảm xúc vào những lời giễu cợt và thói quen cá nhân của mình mà nếu không làm thế sẽ khiến để lộ ra trên mặt những gì ông cảm thấy bên trong. *Tất cả là thế. Đơn giản lắm.*

“Ở New York, Quỹ Á châu bố trí cho tôi ở với một trong những người của họ sống ở khu Bronx. Anh ta đưa tôi đi đây đó và chỉ cho tôi thấy Central Park (Công viên Trung tâm thành phố), nơi tôi chứng kiến rất nhiều người điên điên thuyết. Tôi đi tham quan một vòng quanh New York. Tôi đi phà ra bến cảng để chiêm ngưỡng Nữ thần Tự do. Tôi tới tham quan các văn phòng của tạp chí *Time*. Họ nói: ‘Có thể trong tương lai anh sẽ làm việc cho *Time*’. Tôi bảo được thôi, tôi rất sẵn lòng. Nhưng lúc này, tôi chỉ muốn trở về nước và làm việc cho Việt Tấn Xã. Trước đó Quỹ Á châu đã nói với tôi rằng, khi quay về Việt Nam, tôi nên làm việc cho Việt Tấn Xã, để giúp đỡ họ.”

Sự mập mờ trong lời kể của Phạm Xuân Ẩn về sau mới khiến tôi để ý, và tôi không có cơ hội nào để hỏi ông về điều đó. Tại sao Quỹ Á châu lại khuyên ông làm việc cho Việt Tấn Xã? Phạm Xuân Ẩn sẽ giúp cho sự nghiệp báo chí của Việt Nam hay cho CIA?

“Tôi đã chỉ dẫn cho các sĩ quan Việt Nam trước khi gửi họ qua Mỹ, giới thiệu với họ những bức ảnh về đời sống tại Mỹ, nhưng tôi vẫn sững sờ khi được tận mắt chứng kiến điều đó. Cách duy nhất để Việt Nam có thể tiến hành một cuộc chiến chống lại Hoa Kỳ là đấu tranh **hy vọng một ngày nào đó họ sẽ rút đi**. Việt Nam là một nước nhỏ, bị cô lập. Chúng tôi hầu như không có quan hệ với bất kỳ ai khác bên ngoài biên giới của mình, **bên trong thì chúng tôi đấu đá lẫn nhau suốt ngày đêm**. Chúng tôi bắt đầu từ con số không. Chúng tôi phải hy sinh cho đến khi chỉ còn là con số không. Bất kể có lâu đến đâu chẳng nữa, chúng tôi cũng phải tiếp tục. Chúng tôi đã đấu tranh hàng trăm năm chống lại quân Pháp và hàng nghìn năm chống lại quân phương Bắc. Chẳng có lý do gì để chúng tôi dừng lại lúc này.”

Gần tròn hai năm sau cái ngày ông rời khỏi Việt Nam, Phạm Xuân Ẩn bán chiếc xe của mình và bay từ New York về San Francisco. Đây là cơ hội cuối cùng của ông để đổi ý. Ông đã được mời giảng dạy ngôn ngữ tại Monterey với mức lương 350 đô la một tháng, một khoản tiền hậu hĩnh thời đó. Lee Meyer đã gửi cho ông một tấm bưu thiếp từ San Francisco, chụp cảnh vịnh và hòn đảo nhà tù Alcatraz nổi tiếng. “Tôi sẽ gặp bạn trước khi bạn về nước,” bà viết.

“Khi máy bay hạ cánh xuống San Francisco, tôi tới cầu Cổng Vàng để nhìn qua vịnh về phía đảo Alcatraz. Nó nằm kia, nổi trên mặt nước, giống hệt như trong bức bưu thiếp Lee Meyer đã gửi cho tôi. Tôi đứng trên cầu nghĩ về cô ấy, và suýt chút nữa thì tôi đã đổi ý. Tôi tự nhủ, đây sẽ là kết cục dành cho mình nếu quay về Việt Nam: ở trong tù, nhưng là một nhà tù không được đẹp đẽ như Alcatraz. Đối với mình, đó sẽ là Côn Đảo và một cái chuồng cọp. Cả hai đều là những hòn đảo, nhưng Côn Đảo còn tồi tệ hơn nhiều so với Alcatraz.”

Đó là tháng 10 năm 1959, với cái se lạnh của mùa thu len lỏi trong không khí. Trong túi áo của Phạm Xuân Ẩn là một chiếc vé máy bay

về Sài Gòn, do Quỹ Á châu mua cho ông. Vươn cao trong bến tàu phía dưới ông là cái ống khói đơn độc và những bức tường bạc phếch của Alcatraz. Ông có thể ở lại Mỹ và theo học tiếp một khóa báo chí để hoàn thành nốt bằng cử nhân của mình tại Berkeley. Ông có thể kết hôn với một cô gái Mỹ và quên đi cuộc chiến tranh dai dẳng mà tổ quốc của mình đang phải trải qua. Cuối cùng, Phạm Xuân Ẩn, người yêu nước, người cả gia tài có bốn bộ com lê thuộc về Đảng Cộng sản Việt Nam và danh chính ngôn thuận là nên được trả lại cho nhân dân, đã lên máy bay và bay về Sài Gòn. Thế là kết thúc chuyến đi đầu tiên và cũng là duy nhất của ông tới Mỹ.

“Tôi có hai tình yêu, giống như Josephine Baker^[17],” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi yêu tổ quốc mình, và tôi yêu nước Mỹ. Khi chiến tranh kết thúc, tôi muốn hai nước quay lại với nhau.”

Trò lợi dụng lòng tin

Về đến Sài Gòn, Phạm Xuân Ẩn lo sợ về việc bị lộ vai trò điệp viên đến nỗi ông nấu mình trong nhà suốt một tháng trước khi đưa ra một kế hoạch hành động: thay vì chờ đợi cảnh sát đến nhà bắt mình, ông sẽ tới chỗ cảnh sát và tìm hiểu xem họ đã biết gì về ông. Sử dụng những mối quan hệ cá nhân, ông liên lạc với Trần Kim Tuyến, tay cựa bác sĩ quân y đang chỉ đạo mạng lưới tình báo tại Nam Việt Nam cho Tổng thống Ngô Đình Diệm và em trai ông ta là Ngô Đình Nhu. Mạng lưới rộng khắp các gián điệp và lực lượng quân sự bí mật được CIA hậu thuẫn này hoạt động từ Phủ Tổng thống dưới cái tên vô thưởng vô phạt là Sở Nghiên cứu Chính trị, Văn hóa và Xã hội. Nếu ông Tuyến thuê ông, Phạm Xuân Ẩn có thể yên tâm không sợ bị bắt, ít nhất là trước mắt.

Rất chóng vánh, Phạm Xuân Ẩn trở thành phụ tá của ông Tuyến, trợ thủ đắc lực và bạn tâm giao của ông ta. Nhiều lúc, có cảm giác như thể Phạm Xuân Ẩn là người duy nhất mà Trần Kim Tuyến tin cậy ở Sài Gòn. Phạm Xuân Ẩn giải quyết công việc của Trần Kim Tuyến và thậm chí rửa tiền cho ông ta. “Ông Tuyến kiểm soát việc vận chuyển thuốc phiện từ cao nguyên xuống Sài Gòn,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Thực ra, chính chủ của nhà hàng Nổi Sài Gòn mới là người làm việc này, nhưng ông ta trả cho ông Tuyến tiền bảo kê để công việc được trôi chảy.”

Một số xưởng cưa tại Chợ Lớn hoạt động như là bình phong cho các cơ sở tinh chế thuốc phiện của Sài Gòn. “Họ đồn gỗ ở vùng núi sát biên giới với Lào rồi khoét rỗng thân cây. Những thân cây khoét rỗng này được nhét đầy thuốc phiện rồi chở xuống các ‘xưởng cưa xẻ’ ở Chợ Lớn. Ông Tuyến biết chuyện này. Người của ông ấy nhận hối lộ, và bản thân ông ấy cũng có những khoản quỹ được gửi trong các tài khoản ở nước ngoài. Nhưng ông ấy là một người khiêm tốn,”

Phạm Xuân Ẩn cam đoan với tôi. “Ông ấy không bao giờ ăn tiền một cách trắng trợn, đó là kiêu của lũ biển lận ngày nay.”

Trần Kim Tuyến sử dụng Phạm Xuân Ẩn làm phiên dịch cho các giao dịch tài chính với nước ngoài, và ông ta giao phó cho ông Ẩn những nhiệm vụ nhạy cảm khác, ví dụ như tiếp các vị khách Mỹ đến thăm. Trong một nhiệm vụ như vậy, Phạm Xuân Ẩn đã gặp Gerald Hickey, chuyên gia về văn hóa truyền thống Việt Nam, người làm việc cho chính phủ Mỹ trong các vấn đề nhân loại học (và sau đó bị giới học giả tẩy chay). Phạm Xuân Ẩn kể việc ông đi cùng Hickey như thế nào khi ông ta đi thực tế để kiểm tra các khu trù mật của Việt Nam - chiến lược đầu tiên của Diệm để chống lại những người cộng sản.

Nếu như những người cộng sản bơi như cá trong biển đời nông thôn, thì cách để giết họ là làm cho biển cạn. Đầu tiên, anh xua những người nông dân rời khỏi làng và tái định cư họ vào những khu tập trung kiên cố được gọi là khu trù mật. Những người duy nhất còn lại ở vùng nông thôn, theo định nghĩa, sẽ là những người cách mạng, những người có thể bị tiêu diệt bằng bom hoặc khí độc. Trong thực tế, khu trù mật của Diệm là những trại lao động cưỡng bức nhét đầy những nông dân căm phẫn. Ban ngày họ treo cờ Cộng hòa rồi đến đêm lại che chở những người cách mạng. Diệm buộc phải từ bỏ thí nghiệm đầu tiên này trong chiến lược chống chiến tranh du kích sau một năm, nhưng ông ta và các cố vấn người Mỹ của mình lại một lần nữa trực vót kế hoạch này lên trong những năm 1960, khi khu trù mật được đổi tên thành “ấp chiến lược”.

“Tôi thích Gerald Hickey,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ấy rất thông minh và lúc nào cũng vui vẻ. Ông ấy muốn tìm kiếm một giải pháp chính trị cho cuộc chiến.”

Đáng tiếc là người ta không nghe lời ông ấy.” Hickey áp ủ một niềm tin mạnh mẽ rằng các bên tham chiến tại Việt Nam nên đàm phán cho một giải pháp của riêng họ.

Khi Hickey và những người Mỹ khác tới thăm Phủ Tổng thống, Phạm Xuân

Ấn được giao nhiệm vụ đưa họ đi tham quan khu trù mật. “Tôi đưa họ qua sông Mê Công sang tỉnh Kiến Hòa (nay là Bến Tre). Họ đang bình định khu vực đó. Sau

Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, nơi này đầy rẫy Việt Minh. Bắt đầu được một năm thì chương trình thất bại. Bác sĩ Tuyền giao cho tôi một chiếc xe rồi bảo tôi đến thăm các khu trù mật và báo cáo cho ông ấy những gì tôi thấy. Ông ấy biết mọi người, những tay quận trưởng và tỉnh trưởng, đang nói dối mình. Ông ấy cần một người có thể tin cậy, người có thể ra tận thực địa và cung cấp cho ông ấy một bản báo cáo bí mật về những gì đang thực sự xảy ra. Tôi lái xe một mạch xuống Rạch Giá, trên bờ vịnh Thái Lan ở Nam Bộ. Rồi từ đây tôi lái xe qua miền Trung ra tới Huế ở phía Bắc. Tôi quay về và báo cáo với bác sĩ Tuyền: ‘Chương trình khu trù mật đi tong rồi. Hãy quên nó đi. Ông phải làm cái gì đó mới thôi.’ Đó là lý do tại sao ông ấy từ bỏ khu trù mật và chuyển sang xây dựng ấp chiến lược, với sự hậu thuẫn của người Mỹ.”

Cách Phạm Xuân Ấn xử lý nhiệm vụ này cho thấy làm thế nào ông trở thành một cố vấn tin cậy của nhiều quan chức Mỹ và chính quyền miền Nam Việt Nam. Khi được yêu cầu nghiên cứu một vấn đề quân sự nhạy cảm, ông luôn tự mình xem xét vấn đề, như một nhà báo điều tra, và quay về với một báo cáo thẳng thừng: “Chiến lược của các ông không hiệu quả. Hãy tìm một chiến lược mới đi”. Thế là cuối cùng ông giống như một người trung thực ở Việt Nam, người cần tham vấn cho những đánh giá tuyệt mật về những gì đang thực sự diễn ra. Ông nói sự thật với bác sĩ Tuyền. Ông nói sự thật với những cấp trên cộng sản của mình. Vẫn là cùng một sự thật đó nhưng lại mang những ý nghĩa khác nhau, tùy thuộc vào việc người nghe là ai. Ông Tuyền đối mặt với một điểm yếu chiến lược cần khắc phục. Những người cộng sản nắm được một điểm yếu chiến lược cần khai thác.

Phạm Xuân Ân bảo vệ vỏ bọc của mình bằng cách nói với các sếp phương Tây chính sự thật mà ông báo cáo với những người đồng chí cộng sản của mình. Nhưng điều gì xảy ra khi “sự thật” này được biến thành một quân cờ và đem ra triển khai trên bàn cờ, đi trước từ năm đến sáu nước? Điều đó có ý nghĩa gì khi một điệp viên cộng sản lại đi khuyên chính phủ Nam Việt Nam cách làm thế nào để xây dựng thêm những chiến lũy hiệu quả hơn ở vùng nông thôn? Rốt cuộc, chuyển đổi từ khu trù mật sang áp chiến lược dẫn đến gia tăng sự hiện diện quân sự, tăng cường vũ trang, cũng như có thêm những hành động áp bức tàn bạo nhằm vào người nông dân Việt Nam. Liệu lời khuyên của Phạm Xuân Ân có phải là một ví dụ về sự chia ô rạch ròi? Liệu có phải ban ngày ông suy nghĩ như một người phương Tây và đêm đến thì suy nghĩ như một người cộng sản? Hay có gì đó sâu xa hơn đang diễn ra? Chẳng phải nếu anh đày đọa người dân, xua đuổi và đàn áp họ dã man thì họ sẽ càng trở nên hăng hái hơn trong việc ủng hộ những người cộng sản? Phạm Xuân Ân đang cung cấp “thông tin” hay “phản thông tin” hay một thứ “sự thật” thuộc nhóm thứ ba? Dù thế nào đi nữa, giờ đây ông đã đặt mình vào một sự nghiệp biến ông vừa trở thành người cố vấn được tin cậy nhất vừa là điệp viên hiệu quả nhất trong lịch sử Việt Nam thế kỷ 20.

Khi chúng tôi ngồi nói chuyện trong phòng khách của ông, Phạm Xuân Ân luôn ngồi ngay bên cạnh điện thoại và một tập giấy, và lúc nào cũng có một cây bút cài trên túi áo ngực của ông. Những đồng nghiệp cũ gọi điện rủ ông đi uống cà phê. Khách nước ngoài đề nghị được gặp. Có tin bạn bè cũ vừa qua đời. Phạm Xuân Ân kết thúc những cuộc trò chuyện này rất ngắn gọn. Chúng tôi luôn quay lại chỗ vừa dừng lại. Trong trường hợp này, tôi hỏi ông có ý gì khi ông báo cáo về một khu vực đầy rẫy Việt Minh cần được bình định hóa.

“Tôi sử dụng ngôn ngữ này vì tôi phải suy nghĩ như một người Mỹ,” ông nói.

“Tôi phải suy nghĩ như một người theo chủ nghĩa quốc gia. Nếu hỏi đó tôi suy nghĩ như một người cộng sản, có lẽ tôi đã đi tong rồi, tong hẳn rồi.”

Khi làm việc cho bác sĩ Tuyến, có lần Phạm Xuân Ẩn được yêu cầu làm phiên dịch cho một giáo sư người Mỹ nổi tiếng. Ông Tuyến từng bị cộng sản bắt giam ở miền Bắc hồi năm 1945 trước khi trốn thoát vào miền Nam, nên ông ta chống cộng rất dữ dội và vô cùng nghi kỵ bất kỳ ai có cảm tình với cộng sản.

Sau ba giờ phỏng vấn, vị giáo sư người Mỹ mời Phạm Xuân Ẩn đi ăn trưa. Phạm Xuân Ẩn rất ngạc nhiên khi vị giáo sư tuyên bố rằng ông Tuyến không là một người cộng sản Việt Nam thì cũng là một thành viên của KGB^[18]. “Cách ông ta tư duy, giải thích vấn đề và đi đến kết luận - tất cả đều là cộng sản,” vị giáo sư nói. “Hôm nay, ông ta kể hết chuyện này đến chuyện khác, tất cả đều được trình bày với kiểu tư duy cộng sản.”

“Tôi không thực sự hiểu cách tư duy của những người cộng sản,” Phạm Xuân Ẩn nói, “nhưng người Việt Nam thích cách lập luận logic của bác sĩ Tuyến. Họ đánh giá ông ấy là người tài giỏi. Ông ấy xem xét mọi chuyện từ A đến Z trước khi đưa ra những kết luận xác đáng. Chúng tôi cho rằng ông ấy là một nhà phân tích xuất sắc, và giờ thì ông nói rằng kiểu lý giải vấn đề như thế là ‘cộng sản’. Tôi thấy sốc khi nghĩ rằng những điều ông nói có thể là đúng.”

“Tôi chỉ nói để anh biết là anh phải hết sức cảnh giác với người đàn ông này. Tôi không muốn sau này anh phải hối hận,” vị giáo sư nói.

“Tôi có thể cho ông ta biết quan điểm của ông được không?”

“Tùy anh thôi. Nếu anh cho ông ta biết tôi nghĩ gì, rằng ông ta làm việc cho cộng sản, thì ông ta sẽ càng thận trọng hơn và anh sẽ càng phải cảnh giác với ông ta hơn.”

Phạm Xuân Ẩn kể câu chuyện này như thể ông đang dẫn dắt dần đến điểm nút của một câu chuyện đùa tuyệt cú mèo. Một nụ cười

phảng phất quanh khóe miệng của ông. Ông huơ huơ tay trong không trung và ngồi thẳng dậy trên ghế của mình.

“Sau bữa trưa, tôi đi từ dưới bến sông lên văn phòng của bác sĩ Tuyền. ‘Bác sĩ Tuyền này,’ tôi nói khi thấy ông ấy ngồi ở bàn. ‘Ông có biết tay giáo sư Mỹ nói gì về ông không? Ông ta bảo ông là một người cộng...n...g sản! Không phải ông đang làm việc cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Ông đang làm việc cho KGB!’

“‘Àn, anh đang đùa đấy à?’ ông Tuyền hỏi.

“Ông ấy biết lúc nào tôi cũng thích nói đùa. Đó là kiểu nói chuyện của tôi, như thể tôi đang đùa, nhưng thật ra tôi nói nghiêm túc,” Phạm Xuân Ẩn nói.

“Tôi không bao giờ nói dối,” Phạm Xuân Ẩn bảo ông Tuyền, trước khi giải thích lập luận của vị giáo sư. Ông Tuyền tỏ vẻ ngạc nhiên. Sau đó ông ta nói: “Tay giáo sư nói đúng”.

“Có nghĩa rằng ông là một người cộng sản?” Phạm Xuân Ẩn hỏi.

“Không! Tôi không phải là người cộng sản,” ông Tuyền trấn an. “Nhưng phân tích của tay giáo sư rất chính xác. Kiểu tư duy của cộng sản rất logic, rất thuyết phục, rất khúc chiết. Tôi mất đến ba năm mới học được cách bắt chước kiểu suy nghĩ của họ. Giờ thì tôi nói chuyện theo cách đó một cách hoàn toàn tự nhiên. Tôi không nhận ra là đến một ngày một tay giáo sư người Mỹ sẽ đoán ra những gì tôi đang làm, có thể thậm chí tôi còn không nhận ra mình đang làm gì nữa, nhưng đây là một sai lầm lớn,” Trần Kim Tuyền thừa nhận.

“Bài học nhớ đời nhé! Ông sẽ phải sửa cách nói chuyện của mình thôi,” Phạm Xuân Ẩn lên lớp ông ta bằng cái giọng cợt nhả của một cậu học sinh đang trêu chọc bạn cùng lớp của mình.

...“Bản thân tôi cũng phải nhớ lấy bài học này cho mình,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi phải học cách làm thế nào để nói như một người Mỹ, suy nghĩ như một người Mỹ. Thực sự là việc học cách viết những bài báo cân bằng, như một nhà báo Mỹ, giúp tôi rất nhiều

trên cương vị một sĩ quan tình báo chiến lược. Nó khiến ta trở nên khách quan hơn.”

Khi được hỏi là ông có sử dụng thứ ngôn ngữ “khách quan” đó trong việc viết các báo cáo gửi cấp trên không, Phạm Xuân Ẩn trả lời là có. “Tôi thường nói chuyện về việc bình định những khu vực đầy rẫy lực lượng khủng bố Việt Cộng. Họ hiểu ý tôi nói gì. Đó là lý do tại sao chính phủ cử tôi đi học trong hai năm 1978 và 1979. Sau khi Nam Việt Nam sụp đổ, họ phát hiện ra là tôi sử dụng rất nhiều từ nước ngoài. Tôi cố gắng sử dụng những từ cộng sản mới, nhưng tôi không hiểu chúng. Tôi nói một thứ tiếng Việt cổ xưa. Tôi đã học những từ mới, nhưng đến giờ thì tôi lại quên hầu hết chúng rồi.” Phạm Xuân Ẩn lại bật cười, một tiếng cười sâu sắc trước những điều phi lý của cuộc sống.

Cuối cùng Phạm Xuân Ẩn cũng được điều chuyển vào công việc mà trước đó ông đã được Ủy Á châu chuẩn bị sẵn, khi Trần Kim Tuyến cử ông tới làm việc cho Việt Tấn Xã (VTX), cơ quan thông tấn chính thức của chính quyền, có quan hệ mật thiết với Reuters. Trước khi Phạm Xuân Ẩn chính thức cắt đứt những mối quan hệ của mình với tư cách một đặc vụ tình báo của chính quyền miền Nam Việt Nam, ông được Trần Kim Tuyến, VTX và Reuters đồng thời trả lương. Tại VTX, Phạm Xuân Ẩn được giao phụ trách các phóng viên nước ngoài thường trú ở Sài Gòn. Rất nhiều người trong số họ, không được đào tạo nghiệp vụ báo chí, chưa bao giờ gửi về bài viết nào. Phạm Xuân Ẩn ra lệnh cho họ phải gửi về ít nhất một bài mỗi tuần. Những người này kêu ca với Tuyến, viện cớ rằng công việc làm báo sẽ ngáng trở công việc tình báo - đây mới là công việc thực sự của họ. Ủng hộ Phạm Xuân Ẩn, Trần Kim Tuyến chỉ thị cho các điệp viên nước ngoài của ông ta phải “nghiêm túc trong công việc” và bắt đầu gửi bài giống như Phạm Xuân Ẩn, “dân báo chí chuyên nghiệp”.

Tuyến là người đỡ đầu cho Phạm Xuân Ẩn trong ba năm, cho đến khi ông ta mất sạch quyền lực sau một vụ đảo chính bất thành tháng

12 năm 1962. “Cứ khi nào âm mưu một chuyện gì đó là ông ấy lại bàn bạc với tôi,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Khi ông ấy lên kế hoạch tiến hành một vụ đảo chính, ông ấy đề nghị tôi tới văn phòng của mình và giúp ông ấy.” Sau âm mưu đảo chính bất thành, Trần Kim Tuyến trải qua 13 năm tiếp theo trong tình trạng bị giam lỏng tại nhà, suốt ngày ấp ủ ý định hạ bệ hết chính phủ này đến chính phủ khác. Sự ràng buộc bằng tình bạn và nghĩa vụ giữa Phạm Xuân Ẩn và Trần Kim Tuyến vẫn bền chặt cho đến tận ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh, khi Phạm Xuân Ẩn giúp bạn mình trốn thoát khỏi tay các lực lượng cộng sản đang tiến vào Sài Gòn. “Tôi giúp bác sĩ Tuyến rời khỏi đây, tôi biết mình sẽ gặp rắc rối. Đây là một trùm tình báo, một nhân vật quan trọng cần bắt giữ, nhưng ông ta là bạn tôi. Tôi nợ ông ta. Ông ta đã rất tốt đối với tôi. Ông ta giúp đỡ tôi trong mọi việc.”

Phương pháp làm việc của Phạm Xuân Ẩn tiếp tục không hề thay đổi khi ông chuyển từ văn phòng của bác sĩ Tuyến sang VTX và tiếp tục từ đây chuyển sang một vị trí chính thức tại Reuters. Được công nhận là một trong những nhà báo hoạt động năng nổ nhất trong thành phố, luôn sẵn sàng giúp các đồng nghiệp của mình với những quan điểm đầy hiểu biết hoặc những mẩu tin đắt giá, Phạm Xuân Ẩn đã cho người khác thông tin với mục đích để nhận được những thông tin khác. “Thức ăn của họ là thông tin, tài liệu,” Phạm Xuân Ẩn nói về sự tương đồng giữa các nhà báo và các điệp viên. “Cũng giống như lũ chim, người nuôi phải liên tục cho chúng ăn thì chúng mới chịu hót.”

“Từ các nguồn quân đội, tình báo, mật vụ, tôi có đủ các loại tin,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Chỉ huy các quân binh chủng trong quân đội, sĩ quan của các lực lượng đặc biệt, hải quân, không quân - tất cả họ đều giúp tôi.” Đối lại nguồn thông tin dồi dào này, Phạm Xuân Ẩn trao cho những người cung cấp tin ở Nam Việt Nam của ông cũng chính những gì ông gửi cho cấp trên cộng sản của mình. “Chúng tôi thảo luận các tài liệu này. Khi những người Nam Việt Nam cố tìm hiểu ý nghĩa của những tài liệu đó, họ gặp một vấn đề. Họ sẽ phải

giải quyết với người Mỹ như thế nào đây?" Khi đó Phạm Xuân Ẩn sẽ quay sang bên kia và cố vấn cho người Mỹ về cách thức làm việc với những người Việt Nam. Đó là một trò chơi lợi dụng lòng tin cấp độ cao, với cái chết lơ lửng trên đầu ông trong trường hợp ông bị phát hiện đang chụp ảnh các kế hoạch chiến lược cùng các báo cáo tình báo được nhét cho ông bởi các nguồn tin Nam Việt Nam.

Phạm Xuân Ẩn vừa nắm chắc tin tức và có các mối quan hệ tốt lại vừa sắc sảo trong việc diễn giải tình hình quân sự chính trị của Việt Nam với những vị khách phương Tây đến nổi mà Peter Smark, trưởng đại diện văn phòng Reuters tại châu Á, đã thuê ông làm việc năm 1960 trên cương vị phóng viên thường trú tại Việt Nam cho hãng tin này. Được một nhân viên ngân hàng Đức tên là Israel Beer Josaphat thành lập năm 1849, ban đầu Reuters sử dụng chim bồ câu đưa thư để chuyển các báo cáo về chứng khoán. Một thời gian ngắn sau đó lũ chim bồ câu chuyên chở đủ các loại tin tức, và sau khi Josaphat chuyển tới Anh - nơi ông ta tự đổi tên mình thành Nam tước Paul Julius von Reuter - thì Công ty Điện tín Reuter bắt đầu xây dựng một mạng lưới các văn phòng tin tức trên khắp thế giới. Được biết đến nhờ sự nhanh chóng và súc tích, Reuters tuân thủ một phong cách Anh rạch ròi không cảm xúc. Đưa tin sốt dẻo và phản ánh sự việc là hai tôn chỉ song hành của hãng này. Công việc của Phạm Xuân Ẩn là áp tai xuống mặt đất và khai thác những kênh hậu trường bên trong dinh tổng thống để đưa ra cảnh báo sớm về những vụ đảo chính và chống đảo chính, những âm mưu trong dinh tổng thống, các chiến dịch quân sự, các trận oanh kích, triển khai quân đội, thất bại trên chiến trường, và tất cả những thứ khác được đưa tin từ một vùng chiến sự.

Khi làm việc cho Reuters trong những năm 1960, Phạm Xuân Ẩn trở thành nhân vật không ai có thể chế ngự được trong thành phố, người biết tất cả mọi điều về tất cả mọi người và được nhìn thấy ở tất cả mọi nơi, trong tất cả các nhà hàng và quán cà phê sang trọng nhất của thành phố, tán gẫu và đùa cợt với tất cả mọi người từ các

tướng lĩnh và những viên đại sứ xuống đến những người đạp xích lô quanh vùng hay những cô gái nhảy. Phạm Xuân Ẩn tự biến mình trở thành nhân vật cần tìm đến đối với những người Mỹ mới đến cần nắm qua tình hình và cả với những người kỳ cựu cần được mách nước. Lúc nào ông cũng hào phóng với những lời khuyên và câu chuyện của mình, lúc nào cũng là một nguồn tin tốt mang màu sắc địa phương. Những báo cáo tin tức phát ra khỏi Việt Nam bắt đầu với một thông tin do Phạm Xuân Ẩn cung cấp phải lên đến con số hàng nghìn.

Ngày 25 tháng 1 năm 1962, Phạm Xuân Ẩn kết hôn với Hoàng Thị Thu Nhận, một thiếu nữ bán đồ thêu và những hộp sơn mài trong một cửa hàng trên đường Catinat. Trẻ hơn chồng mười tuổi, bà Thu Nhận không phải là một trong những *déesse* của Phạm Xuân Ẩn, những người phụ nữ bảo vệ cho ông thoát khỏi nguy hiểm suốt cả đời, bà cũng không phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Phải đến một tháng sau khi lấy nhau Phạm Xuân Ẩn mới kể cho vợ mình vài điều về cuộc sống bí mật của mình. Bà Thu Nhận không phải là một điệp viên được bố trí với nhiệm vụ thủ tiêu những dấu vết của Phạm Xuân Ẩn trong trường hợp ông bị bắt. Vai trò này được dành cho hai nữ điệp viên khác là Tám Thảo^[19] và em gái của bà là Chín Chi^[20], người trước đó đã từ chối lời cầu hôn của Phạm Xuân Ẩn. Ông Lê Đức Thọ, một trong những cán bộ cốt cán của Đảng Cộng sản Đông Dương và nhà tư vấn hôn nhân của Phạm Xuân Ẩn, đóng một vai trò không được biết đến trong đời sống gia đình của Phạm Xuân Ẩn, nhưng chắc chắn một điều là đám cưới này đã được Đảng Cộng sản bàn bạc ở những cấp cao nhất. “Bà vợ tôi cũng biết sơ sơ đôi chút, nhưng bà nghĩ tôi làm việc cho cách mạng. Bà chẳng biết gì về tình báo cả.” Phạm Xuân Ẩn trả lời một người phỏng vấn ông năm 2004. Theo lời Phạm Xuân Ẩn, mọi người trong gia đình ông đều có cảm tình với sự nghiệp cách mạng, nhưng vì những lý do an ninh họ đều không được biết về công việc của ông. Em trai kế tiếp ông, Phạm Xuân Hòa, trẻ hơn Phạm Xuân Ẩn

bốn tuổi, đã được đào tạo tại Pháp để trở thành thợ sửa chữa máy bay trực thăng. Ông này đang bay trên chiếc máy bay trực thăng của Tổng thống Ngô Đình Diệm trong một chuyến bay giữa đêm mưa bão năm 1962 thì chiếc máy bay đâm vào dãy núi phía Bắc Sài Gòn và tất cả 13 người trên máy bay đều thiệt mạng. Ngô Đình Diệm không có mặt trong chuyến bay. Em trai út của Phạm Xuân Ẩn là Phạm Xuân Đính, được đào tạo trở thành một luật sư, gặp rắc rối khi bảo vệ cho các tù nhân chính trị và bản thân ông này cũng bị giam cầm một thời gian. Ông này phải đi quân dịch làm lính khuân vác, chuyên chở đạn tại chiến trường cho đến khi Phạm Xuân Ẩn sử dụng những mối quan hệ của gia đình để chuyển người em về làm nhân viên dưới quyền Diệm. “Mọi người trong gia đình đều biết tôi làm việc cho những người cộng sản,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Em trai tôi là Đính cũng muốn tham gia, nhưng tôi nói không.”

Tám Thảo, Chín Chi và Phạm Xuân Ẩn ở cùng một cụm chính trị. Ông dạy tiếng Anh cho các cô gái và đến chơi nhà họ để theo đuổi cô tiểu thư Chín Chi xinh đẹp. Họ đã vẫy tay tạm biệt tại sân bay khi ông lên đường sang Mỹ, và họ chào đón ông tại Sài Gòn khi ông quay trở về. Sau khi Phạm Xuân Ẩn đã nằm im mấy tháng trời, Tám Thảo đưa ông tới khu địa đạo ở Tây Bắc Sài Gòn và giới thiệu ông hoạt động trở lại trong mạng lưới tình báo, vốn đã được xây dựng lại sau khi Mười Hương bị bắt. Bà là người giao liên ban đầu của Phạm Xuân Ẩn. Trong căn hộ của bà có một bức tường giả được xây để lẩn tránh cảnh sát, và chỗ ẩn náu này được người đứng đầu cụm tình báo của họ sử dụng trong những lần ông đến Sài Gòn. Bản thân Tám Thảo cũng là một điệp viên, làm thư ký và bạn tâm tình của một số sĩ quan quân đội Mỹ. Chín Chi cũng làm công việc tương tự cho đến khi bà được gọi vào chiến khu năm 1965. Bốn năm sau Tám Thảo cũng được chuyển vào chiến khu, ở đó bà tìm được một người chồng với sự ủng hộ của Đảng và được phép kết hôn.

Khi tôi biết được rằng Tám Thảo và Chín Chi, giờ là hai bà góa, đang sống tại Sài Gòn, tôi bèn sắp xếp đến gặp và uống trà cùng với

họ. Tôi nhìn thấy hai bà ngồi trên sàn tầng trệt của một ngôi nhà ba tầng ở một con phố yên tĩnh tại một trong những khu dân cư dễ coi của Sài Gòn. Sau khi luồn lách đi qua những chiếc xe máy đỗ trong sân và cởi giày, tôi bước vào phòng khách ở tầng dưới, nơi được bài trí trang trọng với một chiếc ghế xô pha lớn bọc màu đỏ và những chiếc ghế phụ được phủ lớp lót đăng ten. Trên một chiếc tủ cổ bằng gỗ gụ là bàn thờ gia tiên. Bên trong chiếc tủ, ngoài những đồ lưu niệm khác, là một bức tượng Nữ thần Tự do nhỏ mà Tám Thảo cho tôi biết là bà vừa mới mua trong một chuyến đi sang Mỹ. Cả hai người phụ nữ đều mảnh dẻ và trang nhã, với mái tóc được búi cẩn thận. Là một phụ nữ cao ráo với khuôn mặt thanh tú, cân đối, Chín Chi mặc một bộ quần áo lụa trắng dập nổi hình những bông hoa và được tô điểm thêm với những nút áo bằng xương và viền quần áo màu đen. Tôi có thể thấy rằng bà đã từng có thời là một người đẹp lộng lẫy, với cặp môi đầy đặn, gò cảm, gò má cao, và đôi mắt màu nâu mở to. Còn bây giờ bà có mái tóc bạc như sương và dáng vẻ nhũn nhặn của một cô thiếu nữ luôn để người lớn hơn nói thay cho mình. Bà và Tám Thảo là mẫu những bà mệnh phụ chừ chu lễ ra có thể đang tán gẫu với tôi về câu lạc bộ chơi bài của mình, nhưng thay vào đó họ lại đang kể lại về cuộc đời làm điệp viên và chiến sĩ trong chiến khu của mình.

Sinh cách nhau một năm, hai cô gái đang là những thiếu nữ học tiếng Anh và tiếng Pháp tại trường *lycée* Gia Long ở Sài Gòn khi họ gặp Phạm Xuân Ẩn, người lớn hơn Tám Thảo bốn tuổi. Ông dạy kèm tiếng Anh cả hai chị em và phải lòng cô em Chín Chi. Sau khi các cô gái tham gia phong trào đấu tranh sinh viên Trần Văn Ôn năm 1951, Chín Chi vào chiến khu một năm để được huấn luyện cách mạng. Khi quay trở lại để học nốt trung học, bà được thuê làm phiên dịch cho phái bộ tác chiến

Mỹ, cơ quan chỉ đạo chương trình ấp chiến lược của Nam Việt Nam. Bà đi khắp nơi bằng trực thăng, đi cùng các bác sĩ và y tá ra

chiến trường. “Tôi trao đổi với Phạm Xuân Ẩn và kể cho ông nghe tất cả những gì tôi nhìn thấy,” bà nói. “Tôi là một điệp viên.”

Sau khi từ chối lời tỏ tình của Phạm Xuân Ẩn, Chín Chi hoạt động tình báo cho đến khi bà trốn khỏi thành phố năm 1965 để theo đuổi cuộc sống của một chiến sĩ trong chiến khu. Bà sống độc thân cho đến năm 1968 mới kết hôn với một đại tá người miền Bắc và sinh được một người con gái. Khi tôi hỏi Chín Chi là Phạm Xuân Ẩn có bao giờ phải lòng bà và muốn kết hôn với bà không, thì Tám Thảo cười tủm tỉm và Chín Chi cũng mỉm cười.

“Ông muốn cưới tôi sau khi ông ở Mỹ về,” bà nói. “Hồi đó là năm 1959. Gia đình tôi đồng ý, nhưng tôi nói không. Tôi từ chối ông. Tôi muốn đi ra nước ngoài.

Tôi muốn sang Anh học, nhưng ông Mười Hương, chỉ huy của chúng tôi, không ủng hộ việc tôi đi ra nước ngoài. Thế là tôi vào chiến khu.

“Vợ ông sẽ không muốn nghe tôi nói chuyện này,” bà nói thêm. “Đó là một câu chuyện tình lâu rồi. Ông Mười Hương cũng ủng hộ cuộc hôn nhân, nhưng tôi còn quá trẻ. Đạo đó tôi không hề nghĩ gì đến tình yêu cả.”

Về sau trong buổi chiều, sau khi thêm rất nhiều tách trà nữa, Chín Chi mới đưa ra một lời giải thích khác về việc tại sao bà từ chối lời cầu hôn của Phạm Xuân Ẩn. “Hồi đó có lệnh giới nghiêm, và mọi người đều phải về nhà trừ Phạm Xuân Ẩn, vì ông có thẻ báo chí và có thể đến rồi đi bất kỳ lúc nào ông muốn. Thế là ông ở lại rất khuya, nói chuyện mãi. Không có cách nào để ông ngừng nói.”

“Bảy tháng sau khi tôi từ chối ông, ông cưới bà Thu Nhận,” bà nói. “Một điệp viên phải có cái tựa như là một cuộc sống gia đình hạnh phúc bình thường và một người vợ để lo vun vén gia đình, trong trường hợp anh ta bị bắt. Mặc dù vậy có một vấn đề, vì Thu Nhận không phải là người của tổ chức. Nếu như Phạm Xuân Ẩn bị

bắt, những tài liệu mật trong nhà ông phải được chuyển cho Tám Thảo. Chị ấy là người biết chúng được giấu ở đâu.”

Đến cuối buổi chiều, Tám Thảo lấy cuốn sổ ghi chép của tôi và vẽ một sơ đồ khu vực họ sống trong thời gian chiến tranh, với những chỉ dẫn về cách làm thế nào để tìm được ngôi nhà cũ của ông Ân. Đưa ra cả tên phố cũ và mới, bà cho tôi biết là ngôi nhà của ông Ân ở cuối một con hẻm trên phố Ngô Tùng Châu, giờ được gọi là phố Lê Thị Riêng. Cha mẹ ông sở hữu ngôi nhà bên cạnh, nơi mẹ ông sống đến khi bà qua đời. Phạm Xuân Ân sống cùng vợ và bốn người con trong hai căn phòng, như Tám Thảo giải thích, “ông đang để dành tiền phòng khi ông bị bắt”.

Chỉ đến gần đây chúng ta mới được biết danh tính của người đàn ông đã chỉ đạo các hoạt động tình báo của Phạm Xuân Ân sau khi ông từ Mỹ trở về. Vào cái ngày ông và Tám Thảo đi ra địa đạo Củ Chi, họ đến gặp Cao Đăng Chiếm, một nhân vật bí mật từ lâu đã nắm giữ vị trí chóp bu trong các cơ quan tình báo của Việt Nam. Sống tại một khu vực an toàn bên ngoài thành phố, đến năm 1947 ông Chiếm đã trở thành người đứng đầu lực lượng công an Sài Gòn. Trước đó ông đã vô tình đóng một vai trò trong quyết định của Mỹ tham dự chiến tranh tại Đông Dương khi mà vào tháng 9 năm 1945 trung tá A. Peter Dewey trở thành người Mỹ đầu tiên bị giết tại Việt Nam. Cái chết của ông ta là một sai lầm mà người Việt Nam đã xin lỗi, nhưng nó châm ngòi cho 30 năm chiến tranh sau đó tại Đông Nam Á.

Trung tá Dewey chỉ huy nhóm tình báo của Cục Tình báo chiến lược Mỹ (OSS) có mặt tại Sài Gòn vào ngày 4 tháng 9 năm 1945. Được trao nhiệm vụ tiếp nhận 214 người Mỹ bị quân Nhật bắt làm tù binh, Dewey gặp hai thành viên Bộ tư lệnh cấp cao của Nhật Bản và cùng với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, người đang phụ trách đối ngoại trong Ủy ban nhân dân Nam Bộ của Việt Minh, đồng thời là bộ trưởng Y tế trong chính phủ Việt Minh. Dewey, người đã học về lịch sử Pháp tại Yale và luật tại Đại học Virginia, là con trai của một

ngệ sĩ Mỹ có tên tuổi và, ở tuổi 28, là một thành viên kỳ cựu, xuất sắc trong các hoạt động của OSS tại châu Âu. Ông ta cùng nhóm bảy người của mình là những người phương Tây duy nhất tại Sài Gòn, cho đến khi một sư đoàn lính Nepal của Anh từ Rangoon và một số lính dù Pháp từ Calcutta đến Sài Gòn ngày 12 tháng 9.

Mười ngày sau, vào ngày 23 tháng 9, sau khi tướng Anh Douglas Gracey đã ra lệnh trả tự do cho những người Pháp bị giam cầm và tái vũ trang cho lực lượng này, quân Pháp điên cuồng khủng bố khắp thành phố, giết hàng trăm người Việt Nam và một lần nữa tuyên bố Sài Gòn là lãnh thổ Pháp. Dewey đề nghị Gracey can thiệp. Như ông ta viết trong một bản báo cáo có tính tiên tri cho các đồng nghiệp của mình tại Hà Nội. “Nam Kỳ đang cháy rục, người Pháp và người Anh đã xong việc ở đây, và chúng ta nên cuốn gói khỏi Đông Nam Á.” Gracey tuyên bố Dewey là *persona non grata*^[21] và ra lệnh cho ông ta phải rời khỏi Sài Gòn. Trong một hành động định mệnh, viên tướng còn cấm ông ta cấm cò Mỹ trên chiếc xe jeep của mình. Ngày 26 tháng 9, Dewey rời khỏi khách sạn Continental và lái chiếc xe jeep của mình ra sân bay. Bị nhầm là một sĩ quan Pháp, ông ta bị giết trong một trận phục kích của Việt Minh: thương vong đầu tiên của Mỹ trong cái về sau sẽ trở thành chiến tranh Việt Nam và, vì thi thể của anh ta không bao giờ được tìm thấy, trở thành trường hợp mất tích trong chiến tranh (MIA) đầu tiên. **Kinh hoàng trước lỗi lầm này, Hồ Chí Minh** đã gửi lời xin lỗi và một lá thư chia buồn tới Tổng thống Truman.

Vào ngày Dewey bị giết, Cao Đăng Chiếm đang chỉ huy một nhóm binh sĩ canh gác chiếc cầu tới Dakao, nơi sau này Alden Pyle cũng tới ngày tận số. Tất cả những gì chúng ta biết về sự liên quan của ông Chiếm trong cái chết của Dewey là ở chỗ ông là một trong vài người ở Việt Nam biết nơi cái xác được chôn. Ông Chiếm thăng tiến nhanh chóng qua các chức vụ để trở thành một nhà chỉ huy tình báo xuất sắc của Việt Nam. Sau khi làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh cho các lãnh đạo Đảng Cộng sản ở miền Nam, ông tiếp tục lãnh đạo

cơ quan quyền lực nhất trong ba cơ quan tình báo của Việt Nam - Nha Tình báo Chiến lược^[22], được lãnh đạo từ bên trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (Hai cơ quan còn lại là tình báo do lực lượng công an đảm nhiệm, và Tình báo quân sự thuộc quân đội).

Phạm Xuân Ẩn một mực khẳng định rằng ông hoạt động trong phạm vi “tình báo chiến lược”. Đối với các vị khách phương Tây của ông, điều này nghe như thể một hoạt động trí óc tách rời hẳn khỏi công việc **bản thủ** của tình báo chiến thuật. Điều Phạm Xuân Ẩn nói là sự thật theo đúng nghĩa đen, nhưng tác động từ sự dính dáng của ông chỉ hiện lên rõ nhất khi chúng ta hiểu được mối liên hệ trực tiếp giữa Nha Tình báo Chiến lược và Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 5 năm 1962, khi nhà báo người New Zealand Nick Turner thay thế Peter Smark làm trưởng đại diện của hãng Reuters tại Sài Gòn, ông đến và gặp một Phạm Xuân Ẩn nói năng liến thoắng đang tổ chức “thiết triều” tại văn phòng Reuters, vốn được đặt trong góc của một ngôi biệt thự cổ kiểu Pháp gần Dinh Độc Lập. Reuters chia sẻ không gian làm việc này với đồng minh trên danh nghĩa của mình là Việt Tấn Xã (VTX). Một năm sau, khi cuộc khủng hoảng Phật giáo nổ ra, Reuters bị tống ra khỏi ngôi biệt thự và cắt đứt các mối liên hệ với VTX. Khi đó Reuters đã đăng tải những bài báo chỉ trích “sự ngạo mạn và bất tài của chế độ Công giáo Ngô Đình Diệm trong việc xử sự với những tín đồ Phật giáo”, ông Turner nói, khiến cho mối quan hệ với “cơ quan tuyên truyền do chính phủ kiểm soát kia” trở nên nguy hiểm. Reuters chuyển văn phòng vào khu trung tâm tới một căn lầu hai trên đường Catinat, đây là điều rất thuận lợi cho Phạm Xuân Ẩn, vì giờ đây ông chỉ còn cách quán cà phê Givral, khu sân thượng của khách sạn Continental vốn được gọi là “Thềm”^[23], chỉ có mấy bước cũng như những quán “ruột” khác của ông ở Sài Gòn.

Mặc dù họ làm việc cùng nhau rất hiệu quả trong văn phòng và đi cùng nhau ngoài thực địa, khoa khoáng được nhiều tin sốt dẻo hơn mức bình thường, Turner là một trong số ít người mà Phạm Xuân Ẩn không nhớ đến với nhiều cảm tình cho lắm. Phạm Xuân Ẩn cũng kể với tôi là ông đã khuyên Turner lược bỏ cảm xúc ra khỏi những bài viết của mình, để biến nó trở nên khách quan và bớt cảm tình hơn với những người cộng sản.

Năm 1962, các chiến sĩ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phát động một cuộc tấn công vào một chốt quân sự ở làng An Lạc, cách Sài Gòn 30 cây số trên đường số 4. Khi Turner và Phạm Xuân Ẩn có mặt tại hiện trường, họ nhận thấy là những thành viên đội dân vệ ngụy quân địa phương đã bị giết cùng người thân trong gia đình họ, gồm cả phụ nữ và trẻ em. Turner tưởng rằng những người dân địa phương sẽ lấy làm căm phẫn vì “những hành động dã man” này. Thế nhưng họ lại tỏ ra hả hê với kết cục khủng khiếp này. “Chúng tôi căm thù những người này,” họ nói với Phạm Xuân Ẩn. “Những tên lính này và vợ con chúng đã hà hiếp chúng tôi. Chúng ra chợ và ăn cướp thức ăn không chịu trả tiền. Nếu không chịu hối lộ cho chúng là chúng nổ súng và giết mình ngay.”

Phạm Xuân Ẩn cũng biết rằng những tên dân vệ đóng trong làng là dân Bắc di cư. Chốt của chúng đã bị tấn công từ những cánh đồng lúa nằm bao quanh. Du kích đã bò qua ruộng lúa, nấu mình dưới nước để tránh ánh đèn pha canh gác lia qua khu vực này. Đó là hướng tiếp cận khả dĩ duy nhất của họ, và khu gia đình của các binh sĩ ngụy quân tình cờ nằm trên đường vào. Phụ nữ và trẻ em đã vô tình thiệt mạng trong làn đạn giao tranh.

“Nick Turner muốn phản ánh những chi tiết này. Tôi khuyên ông ta nên giảm bớt giọng điệu của bài viết. ‘Nếu anh viết thế này, Reuters sẽ gặp rắc rối với chính phủ.’ Một nhà báo luôn phải đối mặt với kiểu tình huống này. Anh ta không dám viết câu chuyện đúng như cách nó đã xảy ra.

“Điều tương tự cũng đúng với những tội ác dã man do lính Nam Hàn gây ra tại Việt Nam. Trong một chiến dịch, lính Nam Hàn lừa phụ nữ và trẻ em trong làng lại rồi ném họ xuống một cái giếng cạn để giết. Bất kỳ ai tìm cách cứu họ cũng đều bị bắn. May mắn là một người lính Mỹ đã phát hiện ra và can thiệp. Khi đó tôi đang làm việc cho một nhà báo Mỹ. Bà ta muốn viết câu chuyện này. Tôi nói: ‘Xin đừng, điều này quá khủng khiếp. Người Nam Hàn dựa vào người Mỹ, mà chị cũng là một người Mỹ. Nhớ xem, một người Mỹ đã cứu dân làng, và không ai bị giết cả.’ Người phóng viên kia đã không viết nữa.”

Đây là một trong rất nhiều vụ việc mà Phạm Xuân Ẩn đã ngăn các nhà báo đồng nghiệp của mình viết những bài báo về tội ác dã man do phe Cộng hòa gây ra trong cuộc chiến - những bài báo sẽ làm cho phía cộng sản trở nên tốt đẹp hơn khi so sánh. Để duy trì vỏ bọc của mình, Phạm Xuân Ẩn tránh đưa những tin mang màu sắc chống Mỹ. Lời cáo buộc cho rằng ông cài cắm nội dung tuyên truyền ủng hộ cộng sản trong các ấn phẩm là hoàn toàn không có cơ sở. Phạm Xuân Ẩn không tung tin đánh lạc hướng. Nhiều khi thậm chí ông còn phản đối việc cài cắm thông tin. Ông muốn tránh việc bị để ý đến như một người phản đối cuộc chiến của Mỹ. “Tôi ở trong một vị thế rất tồi tệ,” ông nói. “Ở phía bên này, tôi có rất nhiều bạn người Mỹ. Ở phía bên kia - phía của tôi - là những người cộng sản. Đây cũng là điều thường xảy ra đối với con người. Họ nhận ra mình đang ở trong những tình huống rất trở trêu. Tôi phải giải quyết vấn đề đó theo cách con người nhất có thể được. Tôi không muốn gây ra thêm thù hằn giữa người Mỹ, người Việt Nam và người Hàn Quốc, và tôi không muốn thấy những người vô tội bị giết hại.” Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn biết đâu việc đăng bài viết về những người lính Nam Hàn kia có thể đã ngăn được những tội ác tương tự sẽ xảy ra trong tương lai thì sao. “Ta không thể nào ngăn cho chúng khỏi xảy ra,” ông nói, trước khi lặp lại, “Không thể.”

Những cuộc trò chuyện hàng ngày của tôi với Phạm Xuân Ẩn dần trở thành lệ. Tôi đến trước cổng nhà ông vào buổi sáng và kéo chuông. Phạm Xuân Ẩn lạch xạch bước ra trên lối đi và bắt tay tôi bằng những ngón tay xương xẩu của mình. Chúng tôi tản bộ qua khu vườn, ngắm nhìn những con gà và lũ chim của ông, chào những con chó nhỏ mà ông buộc xích gần cửa trước, trước khi ngồi hàng giờ liền trong *salle de séjour* (phòng khách) nhà ông. Giọng ông trầm trầm, hầu như chỉ là tiếng thì thầm lẫn trong tiếng giao thông ầm ào bên ngoài cổng. Khi thời gian cứ thế trôi qua, tôi chuyển từ chiếc ghế xô pha sang một chiếc ghế bên cạnh ông. Làm ra vẻ đang chỉnh lại chiếc micrô cài dưới cổ ông, tôi nghiêng tai mình về phía môi ông. Giống như một Jean-Paul Sartre^[24] của Việt Nam, người thích tiến hành những trận đánh chính trị của mình bên một tách cà phê tại quán Café de Flore, Phạm Xuân Ẩn hiếm khi thừa nhận mình đã làm bất kỳ điều gì trong cuộc chiến ngoài việc quan sát và phân tích các sự kiện. Nhưng chúng ta biết về một số trường hợp ông vượt ra phía sau bức rèm để điều chỉnh bối cảnh. Một trong số đó là trận Ấp Bắc năm 1963, sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong quá trình mở rộng cuộc chiến của Mỹ. Lần đầu tiên Việt Cộng chiến đấu ở quy mô tiểu đoàn và giành thắng lợi quyết định trước các đơn vị quân đội của Việt Nam Cộng hòa được sự yểm trợ của máy bay trực thăng, xe thiết giáp và pháo binh Mỹ. Hai chiến sĩ Việt Cộng nhận được Huân chương Quân công của miền Bắc Việt Nam vì góp phần mang lại chiến thắng cho trận đánh này.

Một người là chỉ huy lực lượng cộng sản. Người kia là Phạm Xuân Ẩn, người vạch ra chiến lược giành thắng lợi.

Làm thế nào mà một phóng viên của Reuters lại giành được một tấm huân chương chiến đấu? Khi được hỏi, Phạm Xuân Ẩn luôn lấp liếm đằng sau lời giải thích mọi khi của mình: ông làm công việc phân tích chiến lược và cung cấp thông tin tình hình cho các chỉ huy và chiến sĩ có liên quan. Nhưng ông còn làm nhiều hơn thế. Ông có liên quan mật thiết với việc huấn luyện các chiến sĩ Việt Cộng tham

gia trận đánh, tư vấn cho họ về cách làm thế nào để chế ngự những ổ súng máy trên trục thẳng, xe thiết giáp chở quân, và các loại vũ khí mới đang được đưa vào Việt Nam. Ông vạch ra chiến lược trên chiến trường và giúp giăng chiếc bẫy mang lại chiến thắng cho cộng sản, sau đó ông đi ra viết bài phản ánh sự kiện.

Trận đánh diễn ra bên ngoài Ấp Bắc, cách Sài Gòn 40 dặm về phía Tây Nam, vào tháng 1 năm 1963. “Cho đến trước đó các hoạt động của Việt Cộng vẫn chỉ bao gồm những cuộc tấn công đánh-rồi-rút, tránh những trận đánh quy mô lớn,” Nick Turner viết trong một bài báo nhan đề “Truyền thông và Chiến tranh: Những hồi tưởng về Việt Nam”, được đăng năm 2003. “Người Mỹ cho rằng nếu buộc được phe cộng sản trụ lại giao chiến thì họ sẽ phải chảy máu mũi ngay. Ấp Bắc là trận đánh quy mô lớn đầu tiên giữa lực lượng đáng kể của Việt Cộng và lực lượng chính quyền, và chiến thắng thuộc về phe Việt Cộng. Đó là điều không thể che giấu vì vào cái đêm diễn ra trận đánh, tôi lái xe tới hiện trường, đưa cả Neil Sheehan của UPI đi cùng, và đến rạng sáng chúng tôi xem xét kỹ chiến trường và có được bức tranh rõ ràng về những gì đã xảy ra.”

Khi tôi hỏi Turner làm thế nào ông ta lại biết để mà đi đến Ấp Bắc, ông ta chỉ ra Phạm Xuân Ẩn. “Phạm Xuân Ẩn là phóng viên đầu tiên đưa cái tin này. Anh ta cung cấp cho tôi thông tin ban đầu và những chi tiết để tôi có thể viết bài. Anh ta cho tôi biết là một số máy bay trực thăng Mỹ đã bị bắn hạ và rằng tôi nên tới Ấp Bắc. Vào thời điểm này Mỹ chưa trực tiếp can dự vào cuộc chiến; nên việc máy bay trực thăng Mỹ bị bắn hạ là một tin rất nóng. Đó là trận đánh lớn đầu tiên của cuộc chiến. Cộng sản đã trụ lại và chiến đấu. Họ gây ra những tổn thất nặng nề cho đối phương, bắn hạ những chiếc trực thăng chở quân, rồi sau đó biến mất vào vùng nông thôn. Câu chuyện được tung ra trên báo chí phương Tây và được viết chính xác như những gì phe cộng sản muốn nó được viết ra.”

Trong trận đánh này Việt Cộng tung ra 350 lính đối đầu với các lực lượng của Sư đoàn 7 bộ binh của Nam Việt Nam, đơn vị đang

được trung tá John Paul Vann cố vấn. Trong tay phe Cộng hòa có 10 chiếc trực thăng Shawnee, 5 chiếc trực thăng “súng săn bay” Huey, 13 chiếc xe bọc thép chở quân “rồng xanh” M-113, và 1.400 lính, được sự yểm trợ của pháo binh tầm xa, 13 chiếc máy bay tiêm kích ném-bom, và tất cả số bom napalm theo nhu cầu. Chỉ trong vòng vài phút tấn công vào Ấp Bắc, 14 trong tổng số 15 chiếc trực thăng đã trúng đạn. Bốn chiếc bị bắn rơi và ba người

Mỹ thiệt mạng, thêm tám người khác bị thương. Chiếc trực thăng thứ năm cũng bị bắn rơi trong một nỗ lực giải cứu. Đến cuối trận đánh, lực lượng cộng sản rút lui với 39 người bị thương và 18 người chết. Lực lượng Sài Gòn mất 80 người bị giết và 100 người bị thương, chưa kể những người Mỹ.

“Thi đua học tập Ấp Bắc” trở thành khẩu hiệu cũng như phương pháp của cộng sản. Sơ đồ và miêu tả trận đánh được gửi tới tất cả các lực lượng cộng sản ở miền Nam. Trận đọ sức này được xem như là một hình mẫu kinh điển về cách Việt Cộng nên chiến đấu như thế nào trước một đối phương được trang bị kỹ hơn. Đơn giản như việc huấn luyện cho các tay xạ thủ bắn trực thăng rụng như vẹt cũng mang đến kết cục là 5.000 chiếc máy đất đỏ này bị phá hủy trong toàn bộ cuộc chiến tranh.

Turner phỏng đoán rằng có thể Phạm Xuân Ẩn đã đóng một vai trò khác trong trận đánh. “Chắc hẳn anh ta đã có đủ kiến thức về chiến thuật trên chiến trường, quy tắc tham chiến, hậu cần và mức độ sẵn sàng chiến đấu của cả phía Việt Nam Cộng hòa và Mỹ trong khu vực đó vào thời điểm đó để có thể cung cấp những lời khuyên rất hữu ích về cách giăng bẫy chờ sẵn. Rõ ràng là Ấp Bắc mang những dấu ấn của một cái bẫy. Đặc biệt là phía Mỹ (những người vào thời điểm đó vẫn đang đóng vai trò ‘cố vấn’ nhưng đồng thời cũng đảm bảo yểm trợ bằng trực thăng và không quân cho Quân lực Việt Nam Cộng hòa) đã luôn nói rằng họ nóng lòng chờ đợi cơ hội được đối đầu với một lực lượng các binh sĩ chính quy tinh nhuệ của Việt Cộng, những người sẵn sàng trụ lại và chiến đấu thay vì tan

biến đi. Tâm quan trọng của Ấp Bắc nằm ở chỗ: đó chính xác là những gì Việt Cộng đã làm, lần đầu tiên. Nhưng họ làm điều đó theo kế hoạch được xây dựng rất công phu của riêng mình, chứ không phải là bị dồn vào thế đường cùng và buộc phải tự vệ.”

Tiếp sau Ấp Bắc, Phạm Xuân Ẩn bận rộn với việc theo dõi các sự kiện lớn khác của năm 1963, gồm cả cuộc đấu tranh phản đối của Phật tử chống lại chính phủ ngày càng tàn bạo của Ngô Đình Diệm. Các nhà sư bắt đầu ngồi với tư thế tòa sen trên những đường phố Sài Gòn, tự tưới xăng lên người, rồi tự thiêu đến chết. Để khuếch trương phong trào phản đối của mình, họ cần một nhà báo, người có thể đưa tin về những vụ tự thiêu sắp xảy ra mà không báo trước cho cảnh sát. “Trước khi tự thiêu, các nhà sư thường gọi điện và cho tôi biết trước câu chuyện,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi biết là có người sắp chết. Nếu tôi báo với cảnh sát, một mạng sống sẽ được cứu, nhưng điều đó đi ngược lại quy tắc. Nguồn tin đã cung cấp tin cho tôi với điều kiện tôi không được tiết lộ nó trước khi sự việc xảy ra. Đó là quy tắc đạo đức của nghề báo. Anh phải tuân thủ chúng, cho dù có khó khăn đến đâu chăng nữa.” Đó cũng là quy tắc của một người tình báo, người biết rõ giá trị tuyên truyền của những nhà sư tự thiêu.

Ngày 1 tháng 11, chính quyền của Ngô Đình Diệm bị lật đổ trong một vụ đảo chính được Mỹ hậu thuẫn. Ngô Đình Diệm và hai người em trai bị giết. Viên sĩ quan CIA theo dõi vụ việc này, với một đường dây điện thoại mở tới Đại sứ quán Mỹ và 42.000 đô la đổi sang tiền miền Nam Việt Nam nhét trong túi áo là Lou “Luigi Đen” Conein, bạn của Phạm Xuân Ẩn. Ba tuần sau, Tổng thống John F. Kennedy bị ám sát tại Dallas, bang Texas.

“Nói cho đúng, thì có lẽ tôi mới là người đã sa thải anh ta,” Turner nói, cách lựa chọn ngôn từ của ông ta cho thấy đây là một chủ đề phức tạp. “Phạm Xuân Ẩn là nhà báo người Việt Nam xuất sắc nhất thành phố. Anh ta có đầu óc rất tinh vi. Anh ta có những mối quan hệ tốt nhất trong giới quân sự và tình báo. Người Mỹ tin

tưởng anh ta. Anh ta có thể tiếp cận giới của đại tá Lansdale. Anh ta là sĩ quan tình báo của tôi. Hồi đó ở Sài Gòn mọi thứ đều cực kỳ tráo trở. Chúng tôi nghi ngờ rằng tất cả mọi người đều là gián điệp cho ai đó và tất cả những gì chúng tôi nói đều được báo cáo đến đâu đó. Người ta làm việc như những điệp viên hai mang hay ba mang.

Đây có thể là công việc làm ăn béo bở, nhưng đó cũng có thể là một đòi hỏi về mặt chính trị để giữ được mạng sống.”

Phạm Xuân Ẩn thường cho Turner biết những gì cộng sản sắp làm, và “lần nào cũng vậy, đó đúng là những gì họ làm. Trực giác của anh ta về các sự kiện luôn nhanh nhạy đến phi thường”, Turner nói. Điều trớ trêu là Reuters chẳng sử dụng được những thông tin này vào việc gì. Hãng thông tấn này tránh những bài báo phân tích và mang tính tư duy, mà trung thành với những tin tức rõ ràng, ngắn gọn và súc tích, để giảm chi phí điện tín.

Theo như suy nghĩ của Turner, Phạm Xuân Ẩn vừa có thể là một người cộng sản vừa là một phóng viên giỏi với điều kiện ông hoàn thành công việc mà mình được nhận lương, nhưng ông chủ tư bản của Phạm Xuân Ẩn chỉ nhận được những thứ vụn vặt so với những cấp trên cộng sản của ông. “Có lúc Phạm Xuân Ẩn lại biến mất khỏi văn phòng mấy ngày liền. Anh ta không nói cho tôi biết mình sắp đi đâu, và khi trở về anh ta cũng không cho tôi biết mình đã ở đâu và đã làm gì. Anh ta cứ thế là lặn mất tăm. Mọi người đoán mò là anh ta có bồ, nhưng tôi không tin chuyện đó. Tôi biết là anh ta rất yêu vợ mình, và tôi không nghĩ là anh ta có đi lại với bất kỳ ai khác. Tôi đoán chừng anh ta đi ra để bàn bạc với Việt Cộng.”

““Nghe này, anh Ẩn,’ tôi bảo anh ta, ‘theo như tất cả những gì tôi biết, có thể anh đang làm việc cho Việt Cộng đấy. Điều đó cũng tốt thôi, chừng nào anh vẫn hoàn thành công việc cho tôi.’” Mặc dù vậy, điều đó chẳng hề tốt chút nào, vì những nguồn tin của Turner, nhất là những nguồn tin trong giới tình báo, hẳn sẽ lặn mất giả sử mà họ biết rằng ông ta có một người có cảm tình với cộng sản trong văn phòng của mình. “Khi tôi đi tiếp cận với những nguồn tin tình báo

của mình, tôi thường kể lại cho Phạm Xuân Ẩn nghe,” Turner nói. “Sau đó tôi thôi không làm như vậy nữa. Anh ta cảm thấy tôi đang che giấu thông tin đối với anh ta. Vì các nguồn tin của anh ta rơi rụng dần, điều đó khiến anh ta trở nên không còn có ích cho cộng sản như trước nữa. Anh ta bắt đầu lùng kiếm các lựa chọn cho mình.”

Phóng viên Ray Herndon của hãng United Press International (UPI), từng sống ở Việt Nam từ năm 1962 đến năm 1967, cũng nghi ngờ rằng Phạm Xuân Ẩn có những lòng trung thành đối nghịch nhau. Khi ông ta đi cùng Phạm Xuân Ẩn tới chợ chim ở đường Nguyễn Huệ, Phạm Xuân Ẩn thường dò hỏi một cách tò mò về những chuyến đi của Herndon ra chiến trường. Ông đặc biệt quan tâm đến miêu tả về các đơn vị quân sự, sức mạnh và nhược điểm của các đơn vị này.

“Tôi có một chiếc xe và cả tài xế ở Việt Nam, mà tôi cho văn phòng của Reuters thuê lại với giá 250 đô la mỗi tháng,” Herndon nói. “Thỉnh thoảng tay lái xe lại biến mất cùng chiếc xe của tôi mấy ngày liền. ‘Tôi vừa đi săn về,’ anh ta thường nói thế mỗi khi quay về Sài Gòn. Sau đó anh ta lại biếu vợ chồng tôi một cái đùi nai hoặc một miếng thịt lợn rừng. Có thể là tôi cũng chột nghĩ hay là anh ta là một giao liên, chuyên cung cấp thuốc kháng sinh và các nhu yếu phẩm khác ra ngoài cho Việt

Cộng. Vợ tôi, một người lai Á-Âu, cũng nghi ngờ Phạm Xuân Ẩn. Dường như anh ta xuất hiện tại quá nhiều nơi cùng một lúc và quá chú ý quan sát những gì đang diễn ra. Tất nhiên, phe bên chúng tôi cũng do thám chúng tôi nữa. CIA cử một điệp viên tên là Don Larrimore theo dõi các nhân viên của chúng tôi. Một lần tôi bắt gặp anh ta đang lục lọi sổ ghi số điện thoại trong căn hộ của tôi. Vì thế chúng tôi nghi ngờ tất cả mọi người, trong đó có Phạm Xuân Ẩn.”

Đã từ lâu tôi băn khoăn tại sao Phạm Xuân Ẩn lại được gọi về vùng nông thôn. Tại sao phải bắt ông vượt qua phòng tuyến của kẻ thù và trình diện tại Củ Chi, một khu vực chiến sự giao tranh ác liệt

phía Tây Bắc Sài Gòn? Nhiều lần ông mắc kẹt giữa hai làn đạn, và có lần ông phải mất cả đêm ẩn náu dưới một con mương. “Phạm Xuân Ẩn được triệu tập về Củ Chi cũng giống hết như cách chúng ta triệu tập cơ sở của mình về Sài Gòn,” đó là lời của Frank Snepp, cựu chuyên gia phân tích và thẩm vấn của CIA, người hiện đang là một nhà sản xuất truyền hình tại Los Angeles. “Trong nghề này người ta phải làm như vậy. Ta phải gọi người của mình về để chất vấn. Đó là một cách để kiểm soát anh ta. Ta muốn bảo đảm rằng anh ta chưa quay lưng lại. Ta giám sát anh ta. Ta thấy là liệu anh ta còn đứng cùng phe với mình nữa hay không. Công việc này rất nguy hiểm, nhưng đó là điều phải làm.”

Phạm Xuân Ẩn kể rằng lần cuối cùng ông tới địa đạo Củ Chi là vào năm 1966. Sau này, với việc Sư đoàn 25 bộ binh trấn giữ tại đây, mọi việc trở nên quá nguy hiểm. Họ đã vật trụi cả khu rừng bằng thuốc diệt cỏ và san bằng cây cối bằng máy ủi. “Trước năm 1966, tôi rất hay ra ngoài đó,” ông nói. “Sau này, chúng tôi dựa vào các giao liên.”

Tôi hỏi ông tại sao ông lại cần gặp các sĩ quan chỉ huy của mình trong rừng. “Khi đó tôi tin rằng tôi biết rõ hơn họ những gì đang diễn ra,” ông cho tôi biết. “Họ biết cách chiến đấu, nhưng tất cả chỉ có thể thôi. Nên những mệnh lệnh của họ không có nhiều ý nghĩa đối với tôi cho lắm. Nhiều khi họ cần có tôi phân tích cùng với họ. Vì thế tôi giúp họ.”

Với việc Reuters đang cạn dần đi với tư cách là một nguồn tin tức, Phạm Xuân Ẩn không chỉ biến mất khỏi văn phòng mà còn làm tự do cho các nhà báo khác. Thậm chí cả khi có mặt ở văn phòng ông cũng bị xao nhãng bởi những vị khách. “Một xâu những phóng viên lũ lượt thành hàng kéo tới cửa của chúng tôi để khai thác trí thông minh của Phạm Xuân Ẩn,” Turner nói. Đoàn người này bao gồm cả những phóng viên như David Halberstam của tờ *New York Times*, điều này còn có thể được thể tất, vì tờ báo của ông ta là một khách hàng của Reuters. Nhưng tình hình trở nên nguy hiểm hơn

khi Phạm Xuân Ẩn dành thời gian tán chuyện với các đối thủ cạnh tranh của Reuters. “Ẩn là kho khổng lồ những thông tin có tính tế vi, mà phần lớn trong số này hầu như không có ích lợi gì cho lắm đối với Reuters, nhưng sẽ lại là rất tuyệt vời cho những bài sâu sắc trên các tờ báo như *Herald Tribune* và *Christian Science Monitor*.” Như sau này Turner nhận ra, đây chính là nơi những ý tưởng của Phạm Xuân Ẩn đang xuất hiện.

Turner và Phạm Xuân Ẩn đạt đến điểm đổ vỡ trong mối quan hệ của họ khi Turner phát hiện ra rằng Phạm Xuân Ẩn, người đã vắng mặt khỏi văn phòng mấy ngày liền, đang giúp đỡ một cộng tác viên cho tạp chí *Newsweek* tên là Beverly Ann Deepe viết một trong những bài về tình hình chung mà Deepe hy vọng sẽ đưa mình trở thành một nhà báo thực sự. Cuối cùng Phạm Xuân Ẩn làm việc cho Deepe với tư cách là người đi nhật tin cho cô trước khi chuyển sang vị trí nhân viên chính thức tại tạp chí *Time*. Deepe là một trong những *déesse* của ông, những nữ thần hộ mệnh dù vô tình hay cố ý đã che chở cho ông khi ông thực hiện công việc thực sự của mình là một điệp viên.

Khi biết những gì Phạm Xuân Ẩn đang làm, Turner nổi đóa lên. “Thế này thì không được rồi,” ông ta gầm lên. “Tôi rất tiếc. Nếu anh đang làm việc cho người khác, thì anh không thể làm việc cho Reuters được.” Thực ra cũng không sao khi làm việc cho cộng sản, nhưng cho *Newsweek* thì không. Một đảng là kẻ thù. Đảng kia là đối thủ cạnh tranh.

So với lượng tin tức ít ỏi trong phạm vi hoạt động của Reuters, *Time* là cả một mỏ vàng cho Phạm Xuân Ẩn và cộng sản. “Họ có rất nhiều nguồn tin từ bên trong,” Turner nói. “Họ viết những phóng sự dài, dẫn tên nguồn tin. Ẩn sẽ có lượng thông tin có chiều sâu không thể nào tin nổi chỉ cần đọc những phóng sự này. Họ có đầy những tin tức từ các nhà báo ở vùng nông thôn, những cuộc phỏng vấn với các nhà sư và các nhân vật chống đối khác, các cuộc đối thoại với những quan chức chính phủ cấp cao. Có lẽ họ cung cấp cái

nhìn tổng quan rõ ràng nhất mà ta có thể nắm được về tình hình tại Việt Nam. Đó là những hồ sơ tốt nhất ở đất nước này. Chúng có giá trị không thể tưởng tượng được.”

“Tôi vẫn luôn cho rằng CIA đang đọc những bài vở gửi đi của *Time* và đánh giá cao chất lượng tin bài của họ,” Turner nói, về sau Turner cũng làm phóng viên tự do cho *Time*. “Nhiều lúc tôi tự hỏi không biết có phải CIA mới là độc giả thực sự những phóng sự này không nữa. Ý tôi là ở New York hình như chẳng có ai đọc chúng cả. Các phóng viên thường trú tại địa bàn thường gửi về những bài viết dài đến 15.000 từ, những bài viết này được cắt gọt lại thành một bài báo dài 750 từ với nội dung ngược lại hoàn toàn những gì được phản ánh từ địa bàn. Tôi có cảm giác là CIA là độc giả duy nhất có thể đánh giá cao giá trị của những gì *Time* đang truyền về qua đường điện tín của mình. Tôi luôn cho rằng CIA có một thỏa thuận ngầm với *Time*. Đó là lý do tại sao người ta phải liều mạng lũng kiếm những thông tin tốt để rồi sau đó bị xếp xó.”

Khi tôi hỏi Turner là có bao giờ ông ta tiến hành một cuộc kiểm tra an ninh đối với Phạm Xuân Ẩn hoặc đề cập những mối nghi ngờ của mình với các nhân viên tình báo hay không, thì Turner thừa nhận: “Dường như không một ai có thể tin rằng Phạm Xuân Ẩn là một mối đe dọa an ninh, và tôi sẽ không đời nào đề cập chuyện đó với tình báo Anh hay tình báo Mỹ. Tôi sợ là họ sẽ co vòi lại và không nói chuyện với tôi nữa.” Bản thân Turner cũng đã là một nhân vật bị đặt ra ngoài lề ở Sài Gòn. “Họ cho rằng tôi đại diện cho một cơ quan tình báo Anh, và tôi không được đối xử tử tế như khi tôi làm việc cho báo chí Mỹ.” Để lo giữ trong sạch cho chính mình, Turner kiểm chế những mối nghi ngờ đó. Chính người có khả năng lột trần vỏ bọc của Phạm Xuân Ẩn lại cố hết sức để giữ nguyên không bóc nó ra.

“Ẩn phải tự trách mình thôi,” Turner nói về việc Phạm Xuân Ẩn rời khỏi

Reuters. “Anh ta rèn luyện cho tôi cách làm thế nào để đọc được suy nghĩ của người Việt Nam. ‘Đừng có tin những gì họ nói với anh. Lúc nào cũng có một sự thật khác nằm dưới những gì tưởng chừng như hiển nhiên.’ Như chúng tôi thường nói khi ở Việt Nam, nếu anh nghĩ anh biết chuyện gì đang diễn ra, tức là anh không hiểu gì hết. Anh càng biết nhiều, mọi chuyện càng trở nên phức tạp. Ấn cho tôi một sự giáo dục tốt về cách hiểu người Việt Nam. Sau đó tôi áp dụng nó với chính anh ta.”

Những nguồn tin đáng tin cậy

Khi rời khỏi Reuters năm 1964, Phạm Xuân Ẩn thất nghiệp nhưng không thiếu việc làm. Sự hiện diện của Mỹ tại Việt Nam đang tăng lên. Từ 17.000 “cố vấn”, nước Mỹ đang chuẩn bị đưa tới đây nửa triệu lính chiến đấu. Trong đồng hành lý cho sự tăng cường này có cơ man nào những phóng viên (con số ghi nhận đến năm 1966 là hơn 500 người, tất cả đều cần phiên dịch và phóng viên bản địa). Như bạn của Phạm Xuân Ẩn là Frances “Frankie” FitzGerald nhận xét: “Đội quân báo chí bao gồm những biên tập viên tên tuổi đến từ New York, cho đến các phóng viên tập tọng của những tờ báo tinh lẻ, dân tốt nghiệp **Ivy League**^[25], phóng viên hình sự với những kho từ vựng hai âm tiết, những phóng viên ảnh trẻ măng đầu óc như phê thuốc, cựu chiến binh chiến tranh Triều Tiên và Chiến tranh thế giới thứ hai - thực tế là đủ mọi hạng người, chỉ trừ loại người kiên quyết phản đối chiến tranh.”

Phạm Xuân Ẩn làm phóng viên tự do cho cánh phóng viên Mỹ tạp nham này, hai khách hàng chính của ông là Robert Shaplen, phóng viên thường trú kỳ cựu tại châu Á cho tờ *The New Yorker*, và Beverly Ann Deepe, một phóng viên 27 tuổi, mặt non choẹt với những lọn tóc cắt ngang trán và kiểu đầu tổ ong cũng đang làm tự do cho tạp chí *Newsweek*, tờ *International Herald Tribune*, và tờ *Christian Science Monitor*. Deepe trở thành *déesse* của ông, còn Shaplen là một trong những nguồn tin tốt nhất.

“Tóc đen, dịu dàng và không có vẻ gì là hấp dẫn,” Deepe là những gì mà cựu phóng viên thường trú của tờ *Washington Post* William Prochnau gọi là một hình mẫu hoàn hảo của “thế giới cô gái chân chất nhà bên của thập kỷ 1950 đang lụi tàn.” Deepe dẫn thân vào sự nghiệp này khi cô viết rằng một nữ phóng viên đang tham gia cuộc chiến nên là một “biểu tượng sống của người mẹ, người tình, và thế giới thanh bình ở hậu phương”. Deepe lớn lên tại một

trang trại ở bang Nebraska. Cô học chuyên ngành báo chí và chính trị học tại Đại học Nebraska, tốt nghiệp năm 1957, sau đó lấy bằng thạc sĩ tại Trường Báo chí Columbia. Cô đến Nga và Trung Á theo một chương trình trao đổi sinh viên. Say mê du lịch, cô dành dụm tiền khi còn làm việc với tư cách một người thăm dò ý kiến chính trị trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 1960 và sau đó hạ trại tại Việt Nam năm 1962. Ban đầu chỉ định ở lại trong hai tuần, cuối cùng cô đã ở lại đến bảy năm và trở thành một trong những phóng viên phương Tây đưa tin về cuộc chiến lâu nhất.

Phạm Xuân Ân cảm thấy chịu ơn Beverly Deepe, Laura Palmer, và những nữ phóng viên thường trú khác, những người đã uốn nắn cho ông về những phép xã giao của báo chí Mỹ. Họ dạy ông cách làm nổi bật những câu chủ đạo. Họ chỉ cho ông cách làm thế nào để trở nên khách quan (vị thần vĩ đại của nghề báo Mỹ). Họ giúp ông biết chuyển từ viết những mẫu văn ngắt quãng giật cục kiểu điện tín sang chấp bút cho những bài trình bày quan điểm và xã luận dài hơn. Vô hình trung, Beverly Deepe phục vụ cả những mục đích khác cho Phạm Xuân Ân. Cô đi lại rất nhiều nơi trong nước và được chào đón niềm nở bởi cánh lính tráng, những người thích được tỏ ra ga lăng với một nữ phóng viên. Deepe cần Phạm Xuân Ân làm phiên dịch; còn ông cần cô để có thể tiếp cận việc tiến hành phóng sự điều tra tại thực địa của mình.

Deepe có xu hướng phản ánh về những hoạt động của Mỹ tại Việt Nam với sự hăng hái rất ngây thơ. Cô khiến các đồng nghiệp của mình gợi nhớ đến Alden Pyle, người Mỹ “trầm lặng” đã coi Việt Nam như một bài học giáo dục công dân về “những vấn đề của tự do”. Những nhận xét mang tính chỉ trích ít ỏi mà cô trình bày về hoạt động của Mỹ tại Việt Nam cũng là nhằm mục đích cải thiện chiến lược của Mỹ, hay nói cách khác, để “chiến thắng” trong cuộc chiến này. Deepe là người can đảm và táo bạo, nhưng cô chưa bao giờ động chạm gì đến việc đối mặt với những câu hỏi lớn mà bảy năm trong một vùng chiến sự lẽ ra đã có thể gợi lên ở một bộ óc tò

mò hơn. Phóng sự của cô về trận Khe Sanh mang lại cho cô một đề cử giải thưởng Pulitzer. Đến cuối nhiệm kỳ phục vụ dài đằng đẵng của mình, Deepe đã kiếm được một ông chồng quân nhân, đại tá Charles “Chuck^[26]” Keever, người điều hành trung tâm báo chí tại Đà Nẵng, và tích được 29 tập thư từ cùng bài vở, những thứ hiện đang được lưu trữ trong văn phòng của cô tại Đại học Hawaii-Manoa, nơi cô dạy môn báo chí.

Thay vì nhận xét về sự ngây thơ của cô, Phạm Xuân Ẩn khai thác Deepe làm vỏ bọc hoàn hảo cho hoạt động riêng của mình. Deepe sống trong một căn hộ ở tầng bốn, phía trên một garage giữa trung tâm Sài Gòn. Căn hộ gồm một phòng lớn có bếp và tủ lạnh được làm mát bằng một khối đá, trông ra khách sạn Rex, nơi các quan chức dân sự và quân sự tiến hành những cuộc giao ban báo chí hằng ngày. Phạm Xuân Ẩn giải thích mối quan hệ hai bên cùng có lợi mà ông xây dựng với Deepe: “Tôi thường ghé qua gặp viên đại tá chỉ huy Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Việt Nam (CIO). Ông ta là bạn của tôi. Hàng ngày tôi lấy các thông tin tình báo rồi chuyển cho Beverly Ann Deepe để viết bài cho tờ *New York Herald Tribune*. Chúng tôi rất hài lòng. Chúng tôi có tất cả những thông tin mình cần. Chúng tôi chỉ việc ‘chế biến’ câu chuyện từ tất cả những nguyên liệu chúng tôi được cung cấp. Vô cùng đơn giản.”

Ngày 5 tháng 7 năm 1965, phóng viên đặc biệt Phạm Xuân Ẩn đăng bài báo của chính mình trên tờ *New York Herald Tribune*, với nhan đề “Chương trình đỏ cho Nam Việt Nam: mỗi lần một miếng”. Khi tôi mang một bản sao của bài báo này đến cho Phạm Xuân Ẩn trong một lần tôi đến thăm ông, ông giải thích cặn kẽ về nguồn gốc bài báo. “Bài báo giải thích chiến lược của cộng sản, tức chương trình đỏ. Trước khi người Mỹ đưa binh sĩ chiến đấu vào, họ nên biết cộng sản sẽ phản ứng như thế nào. Đó là lý do tại sao tôi viết bài báo này.”

Bài báo viết rằng tại thời điểm đó của cuộc chiến, cộng sản có 65.000 quân chủ lực ở miền Nam, được hỗ trợ bởi 100.000 dân quân

tự vệ cấp địa phương và của làng xã. “Những con số này là chính xác,” Phạm Xuân Ân nói. “Người Mỹ và chính phủ Việt Nam Cộng hòa thu giữ được rất nhiều tài liệu của đối phương. Họ chuyển chúng cho Cục Điều tra Hình sự (CID) để dịch. Tôi dựa vào Phủ Đặc ủy Trung ương

Tình báo Việt Nam và vào tình báo quân đội Nam Việt Nam, an ninh quân đội Nam Việt Nam, và mật vụ Sài Gòn để được xem những tài liệu này, thứ mà tôi đọc rồi phân tích hàng ngày.” Phạm Xuân Ân che giấu dấu vết của mình bằng cách chỉ cho đăng những thông tin đã được biết từ trước ở miền Nam, chứ không bao giờ là những thông tin ông nhận được từ cấp trên cộng sản của mình. “Đó là con đường một chiều,” ông nói. “Như thế là vì lý do an ninh.”

“Tôi không thể nói rằng mình đang sử dụng những tài liệu từ CIO, tôi phải nói rằng tôi đang trích dẫn những ‘nguồn đáng tin cậy’. Những tài liệu của cộng sản là quá đủ tin cậy rồi,” Phạm Xuân Ân vừa nói vừa bật cười, thích thú với ý nghĩ về “sự đáng tin cậy” trong cuộc chiến không có gì là chắc vào hạng nhất này. Những bài xã luận của Phạm Xuân Ân cũng có tác dụng cảnh báo cho cộng sản biết rằng đối phương ở miền Nam đã biết những gì về họ. “Họ nên biết rằng bất kỳ điều gì tôi viết về cộng sản cũng dựa vào những tài liệu thu giữ được. Họ cần phải cảnh giác. Ví dụ như tất cả những nghị quyết của cộng sản, tôi đều biết rõ qua tiếng Anh hơn là tiếng Việt. Đây đúng là điều rầy rà đối với tôi,” Phạm Xuân Ân mỉm cười nói.

Phạm Xuân Ân còn có một nguồn thông tin khác thậm chí quan trọng hơn cả những tài liệu thu giữ được của cộng sản. Ngày nào cũng vậy, ông tận mắt nhìn thấy những dữ liệu tình báo còn thô qua các cuộc thẩm vấn quân sự, gồm cả thẩm vấn những đảng viên cộng sản chiêu hồi. Những dữ liệu này có thể không hữu ích cho công việc báo chí hàng ngày của ông, nhưng lại là vô giá đối với công việc điệp viên. Phạm Xuân Ân thông báo kịp thời cho tình báo miền Bắc Việt Nam về bất kỳ sơ hở nào trong các hoạt động của họ. Ông là

chiếc chuông treo trên cổ con mèo Mỹ khiến nó, hết lần này đến lần khác, khi nhảy vào chiếc tổ của cộng sản thì đã thấy ở đó rỗng không. Ngay sau Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, một cán bộ của miền Bắc Việt Nam tên là Trần Văn Đắc, hay còn gọi là Tám Hà, đã đào ngũ sang phe đối phương. Đây là một thiệt hại ghê gớm đối với cộng sản. Tay này là một sĩ quan cấp cao và là chính ủy nên biết khá nhiều về chiến lược của họ, đặc biệt là những kế hoạch cho giai đoạn thứ hai của Tổng tấn công Tết Mậu Thân vào tháng 5 năm 1968, cuộc tấn công này sẽ trở thành một thất bại quân sự nếu mất đi yếu tố bất ngờ.

Tư Cang, người khi đó là **chỉ huy** của lực lượng tình báo cộng sản ở miền Nam, khẩn cấp vào Sài Gòn để đánh giá tổn thất. Trên đường vào thành phố, ông dừng lại để mua một tờ báo. Chình ình ngay trang đầu là một dòng tít về sự chiêu hồi của thượng tá Tám Hà và bức ảnh to đùng chụp ông ta đứng giữa một viên tướng Việt Nam Cộng hòa và William Westmoreland, tư lệnh lực lượng Mỹ tại Việt Nam. Ngay khi Tư Cang vào đến thành phố, Phạm Xuân Ẩn đưa ông vào trong xe của mình. Họ lái xe đến một căn cứ quân sự ở vùng bao quanh Sài Gòn thuộc tỉnh Gia Định kế bên. Trong vòng 15 phút, khi Tư Cang đợi trong xe, Phạm Xuân Ẩn đã vào trong sở chỉ huy, mượn tài liệu và đi ra mang theo bản sao nội dung thẩm vấn Tám Hà.

“Khi đọc lời khai của Tám Hà, tôi vô cùng cảm phần tên phản bội này,” đây là trích lời của Tư Cang nói trong cuốn *Pham Xuan An: A General of the Secret Service* (2003)^[27], một trong ba cuốn tiểu sử được viết bằng tiếng Việt về Phạm Xuân Ẩn. “Hắn khai tất tần tật, kế hoạch tác chiến của chúng tôi, chiến thuật, vũ khí, cách che giấu lực lượng, pháo binh, đạn dược, và thậm chí là vị trí của sở chỉ huy khu vực. Trước tình hình này, cấp trên của chúng tôi đã thay đổi toàn bộ kế hoạch tác chiến trong việc tiến hành giai đoạn hai của cuộc tấn công, giảm thương vong xuống mức thấp nhất. Kết quả của cuộc tấn công này cuối cùng đã buộc đối phương phải xuống thang

chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán.” Câu chuyện này rất phi thường vì một số lý do, trong đó có cả việc Phạm Xuân Ẩn lái xe tới một căn cứ quân sự cùng chỉ huy tình báo cộng sản ngồi trên ghế trước trong xe của mình. “Khi đó chúng tôi đang vội,” Phạm Xuân Ẩn giải thích.

Bên cạnh việc chia sẻ một số nguồn tin của mình, Phạm Xuân Ẩn còn đi cùng Beverly Deepe ra thực địa. Một hôm họ lái xe đến thăm John Paul Vann, người mới giải ngũ nhưng quay trở lại Việt Nam để điều hành chương trình bình định của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại tỉnh Hậu Nghĩa, gần biên giới với Campuchia. Vann là một nhân vật màu mè tạo cho cánh nhà báo một chủ đề hay để viết. Là một người phê phán chiến lược của Mỹ tại Việt Nam, ông ta muốn một cuộc chiến tranh hiệu quả hơn, khôn ngoan hơn với sự can dự chặt chẽ hơn ở dưới mặt đất và giảm phụ thuộc vào trò ném bom từ trên cao hay pháo kích tầm xa. Vann được đánh giá là một chuyên gia tầm cỡ thế giới về chiến lược chống du kích cho đến khi Neil Sheehan làm cho ông ta bị lu mờ. Như Sheehan tiết lộ trong *Sự lừa dối hào nhoáng: John Paul Vann và nước Mỹ tại Việt Nam*, trong khi Vann khiến mọi người tưởng rằng ông ta bị buộc phải ra khỏi quân đội vì công khai phê phán chính sách của Mỹ, thì thực ra ông ta bị tước quân tịch vì tội giao cấu với trẻ em.

Một buổi sáng Phạm Xuân Ẩn và Deepe lên đường trong chiếc Renault 4CV nhỏ màu xanh của ông và lái 50 cây số về phía Tây Bắc Sài Gòn tới văn phòng ở tỉnh Hậu Nghĩa của Vann. “Trước đó tôi không hề thông báo với bất kỳ ai,” Phạm Xuân Ẩn nói về chuyến đi vào tháng 1 năm 1966 này. “Nếu họ mà biết chúng tôi sắp đến, có lẽ họ sẽ không cho phép chúng tôi. Chúng tôi lái xe hướng Tây Ninh rồi rẽ trái vào tỉnh Hậu Nghĩa. Khi chúng tôi đi vào thị xã, viên tướng người Việt bảo vệ trụ sở của Vann rất bất ngờ khi nhìn thấy chúng tôi. ‘Mẹ kiếp,’ ông ta la rầm lên. ‘Tôi không muốn nhà báo các người tới đây.’ Ông ta rửa sả tôi thậm tệ. ‘Anh là người Việt Nam. Anh mà chết tôi cũng đếch thèm quan tâm. Nhưng có một phụ nữ

Mỹ đi cùng anh, mà nếu cô ta bị giết, tôi sẽ gặp cơ man nào là rắc rối. Con đường anh vừa đi qua ngày nào chẳng bị cộng sản tấn công. Lần nào có đoàn xe đi là chúng tôi lại phải rà mìn. Liên tục có người bị phục kích và giết chết.”

Vì Vann đi vắng, nên Phạm Xuân Ẩn và Deepe gặp Doug Ramsey, viên phó của ông ta. Họ ăn trưa sớm để quay về Sài Gòn trước khi trời tối. Viên trưởng cử một trung đội đi rà phá mìn và hộ tống họ ra đường 1. Tuần sau đó, Ramsey bị cộng sản bắt giữ, họ giam giữ anh ta suốt bảy năm liền.

“Khi họ bắt giữ ai đó, họ sẽ cho tôi biết,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi nói với họ: ‘Anh ta là một người tốt. Các anh nên trả tự do cho anh ta.’ ‘Nhưng anh ta nói tiếng Việt,’ họ nói. ‘Chúng ta phải cảnh giác với những tên biết nói tiếng Việt.’ Mãi đến khi ký kết Hiệp định Paris, sau khi đã sống sót qua những đợt không kích B-52, đói ăn, bệnh scobút, tê phù, và 136 cơn sốt rét ác tính, Ramsey mới được trả tự do năm

1973.”

Mùa thu năm 2007, tôi biết được phần còn lại của câu chuyện về Ramsey qua một cựu quan chức Bộ Ngoại giao Mỹ yêu cầu được giấu tên. Phạm Xuân Ẩn không chỉ cứu mạng Ramsey, ông còn thuyết phục những người cộng sản đồng ý trao đổi

Ramsey lấy một sĩ quan cộng sản đang nằm trong tay phương Tây. Không may cho Ramsey, vụ trao đổi bị CIA ngăn trở, vì cơ quan này còn đang bận thăm vấn người tù binh kia. Lời khai của một sĩ quan cấp cao Việt Cộng có thể mở rộng quan lộ cho nhiều tay CIA. Ramsey cứ việc chờ.

Phạm Xuân Ẩn còn những lý do hay ho khác để làm việc cho Beverly Deepe. “Những nhà báo nữ người Mỹ có lợi thế so với đàn ông,” ông nói. “Những người mà họ phỏng vấn cứ chắc mẫm có thể đánh lừa được phụ nữ. Họ tưởng họ có thể lừa cho các nhà báo nữ nhắc lại như vệt những ý tưởng và định kiến của mình. Trong các

cuộc phỏng vấn, những nhà báo nữ có thể làm ra vẻ đồng tình với anh, nhưng sau đó, khi họ bắt tay vào viết bài thì lại khác hoàn toàn. Họ có suy nghĩ của riêng họ, và cánh đàn ông mà họ phỏng vấn, hết lần này đến lần khác, đều nhằm to. Những nhà báo nữ này nhìn thì rất ngọt ngào, nhưng thực ra họ rất khó xoi.”

“Tôi coi cô ấy như là chị của mình,” Phạm Xuân Ẩn nói về Deepe. “Tôi được che chở bởi những nữ thần hộ mệnh của mình. Tôi đã hy vọng rằng một trong số họ chứ không phải một người đàn ông sẽ có dịp viết về tôi. Tiếc là mong ước của tôi không thành hiện thực.”

Phạm Xuân Ẩn và Deepe rơi vào hoàn cảnh bỏ lỡ cả một sự kiện lớn mà cô không đưa tin được *chỉ vì* cô là một phụ nữ. Tháng 8 năm 1965, họ bay ra Đà Nẵng ở phía Bắc và đăng ký vào trung tâm báo chí, một nhà thổ cũ được chuyển thành khách sạn do thủy quân lục chiến quản lý. Tại đây họ chạm mặt phóng viên Morley Safer của đài CBS cùng người quay phim và phụ trách âm thanh của anh ta, những người cũng đang đến thành phố tìm kiếm chút màu sắc địa phương. “Cả ngày hôm đó tôi cùng với Beverly Ann Deepe ra thực địa cùng một đại đội thủy quân lục chiến,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Họ là những người lính rất dễ mến. Họ đang thực hiện các công tác quần chúng, quan hệ công chúng, gặp gỡ người dân, phát quà, cung cấp cho người dân những loại thuốc có mùi vị như kẹo. Họ giúp đỡ những trẻ em bụng ỏng vì giun. Họ cho chúng những miếng băng keo y tế Band-Aid sặc sỡ. Những đứa trẻ nào trông có vẻ đói khát thì được phát thêm những khẩu phần ăn đóng hộp của lính Mỹ. Chúng tôi nghĩ họ là những người tử tế. Họ nói rất nhiều điều tử tế khi họ giúp đỡ người dân.

“Đến ba hay bốn giờ chiều, chúng tôi rời khỏi nơi dã ngoại và cùng với những người thủy quân lục chiến quay về căn cứ của họ. Họ đã lắp đặt một bể chứa nước bằng thép không gỉ. Họ mời chúng tôi tắm qua và phục vụ chúng tôi bữa ăn nóng sốt. Chúng tôi đã trở thành bạn bè thân thiết khi chúng tôi chia tay tối hôm đó để quay lại trung tâm báo chí. Đêm hôm đó, đúng ra là đến rạng sáng hôm sau,

những người lính bắt đầu chiến dịch Cẩm Nê. Chúng tôi không đi theo họ. Lúc đó là ban đêm rồi. Beverly khi ấy là một cô gái trẻ. Ban đêm cô ấy không đi ra ngoài.

“Trước đó không ai nói gì với Deepe về việc những người thủy quân lục chiến sắp thực hiện một chiến dịch quân sự. Morley Safer và ê kíp quay phim của anh ta đã vào thế chỗ của họ. Điều này cho phép họ ghi lại được một trong những thời khắc quyết định nhất của cuộc chiến, khi một ngôi làng với hơn 300 mái tranh bị thiêu rụi bởi những binh lính điên cuồng tay cầm bật lửa Zippo. Cẩm Nê là trường hợp lần đầu tiên thủy quân lục chiến Mỹ thiêu rụi toàn bộ một ngôi làng. Safer đưa được tin sốt dẻo,” Phạm Xuân Ẩn nói với vẻ khâm phục. Ông tiếp tục miêu tả việc thủy quân lục chiến Mỹ đã phạm sai lầm như thế nào. “Họ tưởng ngôi làng thuộc về các du kích cộng sản. Thực ra nó thuộc về chính phủ. Viên trưởng muốn ngôi làng bị trừng phạt vì không đóng ‘thuế’, tức là tiền hối lộ. Ba binh sĩ bị thương trong vụ này đều bị đạn của đồng đội bắn phải từ phía sau.”

Sau khi chứng kiến một khoảnh khắc đáng hổ thẹn vô cùng của một dân tộc, Safer có đủ dũng cảm để phản ánh nó (vì điều đó mà Tổng thống Johnson tìm cách khiến anh bị sa thải). Safer đã đưa tin về cuộc chiến tranh chống khủng bố của Pháp tại Algeria, trong đó cũng có chuyện áp bức dân thường, nhưng điều khiến anh phẫn nộ trong sự kiện Cẩm Nê, như David Halberstam viết trong cuốn *Quyền lực* (*The Powers That Be*, 1979), “là sự vô nghĩa của toàn bộ chuyện này, vì thậm chí ngay cả khi người Pháp có dùng biện pháp tra tấn đi nữa thì họ cũng thường làm điều đó với một ý đồ cụ thể, họ biết chính xác mình muốn lần ra cái gì. Chưa kể những chuyện khác, chuyện này dường như vừa bừa phứa, lại vừa tùy tiện và câu thả, chứ không hề có chủ ý như hành động tàn bạo của người Pháp và có lẽ chính vì thế mà lại càng trở nên tồi tệ hơn.” Khi đoạn phim quay ở Cẩm Nê xuất hiện trước người dân Mỹ trong bản tin buổi

tôi, nó đã đánh “dấu chấm hết cho sự ngộ nhận rằng chúng ta khác họ, rằng chúng ta tốt đẹp hơn”, theo lời Halberstam.

Trong đánh giá của mình về sự kiện Cẩm Nê, đáng ngạc nhiên là Phạm Xuân

Ấn lại tỏ ra bao dung đến ngạc nhiên. “Từ trước đến giờ người Mỹ chưa bao giờ có thuộc địa,” ông nói. “Đối với họ, Việt Nam là bộ phận của một chiến lược toàn cầu.” Ông miêu tả những người lính thủy quân lục chiến Mỹ đã bối rối như thế nào về Việt Nam ngay từ lúc họ đặt chân đến. “Sau khi được huấn luyện ở Bắc Carolina, một khóa huấn luyện khắc nghiệt đến khó tin trong đó họ phải đứng dưới nước hàng giờ liên tục, họ bước ra khỏi tàu đổ bộ để bước lên bãi biển ở Đà Nẵng. Và họ thấy gì ở đó? Một lô những cô nàng xinh đẹp cổ quàng vòng hoa. Chẳng thấy tăm hơi kẻ thù ở đâu cả. Họ trở nên chung hứng. Họ không biết phải làm gì. Ban ngày thì những người lính thủy quân lục chiến cũng tử tế, nhưng đêm đến thì họ cư xử hoàn toàn khác. Một ai đó tràn ngập lòng thù hận bất ngờ ra lệnh thiêu rụi một ngôi làng.”

Cẩm Nê là một “sự kiện đau thương” đối với Phạm Xuân Ấn, một bước ngoặt trong cuộc chiến của cá nhân ông. “Cũng giống như những tòa tháp Trung tâm Thương mại Thế giới bị tấn công khủng bố và rất nhiều người vô tội thiệt mạng. Có thể những người lính đó đã ấp ủ nọc độc của sự thù hận. Đó là điều không tránh khỏi trong chiến tranh. Cũng giống như những gì đã xảy ra trong vụ thảm sát Mỹ Lai. Con người luôn có hai phần, phần con và phần người. Đôi lúc phần bản năng con vật trở nên mạnh đến nỗi con người đánh mất lý trí của mình. Người Việt Nam cũng làm điều đó với người Việt Nam. Họ không còn biết mình là anh em hay kẻ thù.

Ngay cả Chúa Trời cũng không thể giải thích được.”

Chúng tôi quay lại với chủ đề này khi tôi đến thăm nhà của Phạm Xuân Ấn vào buổi sáng ngày 20 tháng 5 năm 2004. Cả hai chúng tôi đều đã thức khuya xem CNN tường thuật trực tiếp phiên điều trần

của Quốc hội Mỹ về tình trạng tra tấn những tù nhân Iraq ở Abu Ghraib, một khoảnh khắc bước ngoặt khác trong những cuộc chiến tranh xa xôi của nước Mỹ. Những bức ảnh được chụp bằng điện thoại di động và trôi nổi trên Internet cho thấy các tù nhân trần truồng bị buộc dây dắt đi rồi đến những tù nhân bị trùm kín đầu hai tay dang rộng còn chỗ kín thì nổi vào điện cực. “Một trong những viên tướng tại phiên điều trần nói rằng tình hình tại Iraq là những gì mà nước Mỹ chưa hề phải đối mặt trong suốt 50 năm qua,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ta đang muốn nói đến Việt Nam. Ông ta nói nhầm về mốc thời gian. Lẽ ra ông ta phải nói là 30 năm.”

Phạm Xuân Ẩn hỏi tôi có nhớ tướng Nguyễn Ngọc Loan, viên trùm cảnh sát Sài Gòn xuất hiện trong bức ảnh nổi tiếng của Eddie Adams khi đang bắn một tù binh Việt Cộng ở tầm ngay gần, viên đạn bay ra sau gáy của người đàn ông. Được chụp trong đợt Tổng Tấn công Tết Mậu Thân 1968, bức ảnh đoạt giải Pulitzer này trở thành một hình ảnh quan trọng khác về sự tàn bạo khủng khiếp của cuộc chiến. “Thực ra tướng Loan vốn là một người **rất** tử tế,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Cha ông ta cũng **là một người cộng sản** tham gia Việt Minh **trong cuộc Chiến tranh chống Pháp ở Đông Dương**. Loan bị bắt đăng lính khi tướng de Lattre de Tassigny xây dựng các lực lượng vũ trang của Việt Nam. Để tránh phải phục vụ trong bộ binh, ông ta tham gia kỳ thi đào tạo thành một phi công Pháp. Con người ta phải mua thời gian. Họ hy vọng là chiến tranh sẽ kết thúc trước khi mình phạm tội ác giết hại chính đồng bào mình. Loan được cử đi đào tạo tại Pháp. Họ biến ông ta trở thành sĩ quan cao cấp nhất trong không quân Việt Nam.

“Lẽ ra Loan phải ném bom xuống những người cách mạng Việt Minh. Nhưng vì người Pháp không có hệ thống để ghi lại kết quả, nên ông ta thả bom vào rừng và đầm lầy. Ông ta bảo đảm là mình bay đủ thấp để có thể quan sát phía dưới và thấy là không có ai bị giết.”

Nhưng sau khi trở thành giám đốc Nha cảnh sát Sài Gòn, “Loan biến thành một con hổ, đầu tiên là một con hổ nhép rồi trở thành một con hổ thực sự”, Phạm Xuân

Ẩn nói. “Ông ta trở nên cực kỳ tàn bạo. Một người chỉ huy phải biết cách làm thế nào chế ngự được phần con trong bản chất của con người. Nếu anh không kiểm soát được điều này ở cấp dưới của mình, nếu anh để cho họ tự tung tự tác, thì coi như anh xong rồi. Đó là những gì đã xảy ra ở Cẩm Nê. Những người lính thủy quân lục chiến trẻ măng dễ mển này là những người tốt. Họ yêu mển phụ nữ, họ yêu trẻ con, và rồi bỗng nhiên có người ra lệnh cho họ thiêu rụi một ngôi làng. Lỗi nên thuộc về kẻ đã ra lệnh cho họ. Điều tương tự cũng đúng đối với bất kỳ phe nào. **Điều này cũng đúng đối với phe Cộng sản, vì những hành động tàn ác mà phía chúng tôi đã làm**”.

Nếu Deepe chỉ là một võ sĩ hạng bán trung hăng máu, thì Robert Shaplen lại là một nhà báo tầm cỡ thế giới, liên tục cho ra đời những bài báo và cuốn sách về châu Á trong suốt 50 năm. Shaplen là trưởng đoàn báo chí Mỹ tại Việt Nam, một người đàn ông to lớn, thô ráp, giọng ồm ồm, chuyên hút xì gà, giữ cương vị phóng viên thường trú tại vùng Viễn Đông của tờ *The New Yorker*. Ông sống trong một căn phòng khách sạn trông ra vịnh Hồng Kông, trừ những khi ở Sài Gòn, nơi ông sống trong phòng 47 tại khách sạn Continental Palace. Shaplen viết bốn bài báo cho tờ *The New*

Yorker mỗi năm, những bài đánh giá dài, chi tiết, và đầy thâm thúy về chính phủ và chính sách quân sự, với thông tin từ những nguồn ở cấp cao nhất. “Ông ấy là một trong những nhà báo con cưng của chúng tôi,” cựu sĩ quan CIA Frank Snapp nói. “Chúng tôi có lệnh từ cấp cao nhất cho phép ông ta tiếp cận một cách không thể tin nổi với đại sứ quán và tình báo cấp cao.”

Cựu trưởng đại diện của *Newsweek* Kevin Buckley, người cũng sống và làm việc tại Continental, kể về việc Shaplen, người chiếm dụng căn phòng trung tâm đối diện với cửa chính của khách sạn, chiều nào cũng mở cửa phòng mình tổ chức tiệc cocktail thu hút

những nhà báo có nhiều ảnh hưởng nhất trong thành phố, trong đó có Phạm Xuân Ẩn. “Sau buổi giao ban quân sự hàng ngày lúc 4:45 phút chiều, chúng tôi lại ghé vào quán cà phê Givral hoặc phòng Shaplen hoặc cả hai,” Buckley nói. “Lúc nào ông ta cũng có một chai Scotch, và kiểu gì cũng có phục vụ bàn lẳng xẳng chạy ra chạy vào với xô đá, ly, và soda. Ông ấy là một vị chủ nhà tuyệt vời.”

“Shaplen đồ rằng phòng của ông ấy còn có thiết bị thu âm tốt hơn cả một phòng thu,” Buckley nói. “Sống cạnh ông ấy là các nhà ngoại giao Canada, Ba Lan và Ấn Độ thuộc Ủy ban Giám sát Quốc tế. Ủy ban này được thành lập để giám sát cuộc tổng tuyển cử năm 1956 với mục đích thống nhất Việt Nam. Khi cuộc tổng tuyển cử bị hủy bỏ, những người này chẳng còn việc gì khác hay ho hơn để làm trong 20 năm tiếp theo ngoài việc nghe lén những cuộc điện thoại của Shaplen gọi cho CIA. Cứ khi nào xuất hiện một câu hỏi cần được trả lời, Shaplen lại nhắc điện thoại và gọi xuống sảnh. “A lô, Bob Shaplen đây, nối cho tôi số 4...” Buckley hạ thấp giọng và bắt đầu gặm gù kiểu thì thầm rõ mồn một mà Shaplen vẫn dùng khi nói chuyện với bạn bè mình ở đại sứ quán.

Bất kể ông có làm việc cho CIA hay không, người ta vẫn biết rằng Shaplen đã dành sự phục vụ của mình cho chính phủ Mỹ ít nhất một lần, khi ông làm nhiệm vụ chuyển tải những thông tin liên lạc bí mật giữa Washington và Hà Nội cho Bộ Ngoại giao Mỹ. Đến giữa năm 1966, chính phủ Mỹ bắt đầu lo sợ về số phận những phi công Mỹ và những tù binh khác bị giam giữ tại Hà Nội. Bị bắt giữ trong một cuộc chiến tranh không tuyên bố chính thức, những người này bị coi là tội phạm chiến tranh - mà như bây giờ được gọi là “binh sĩ thù địch”. Lo lắng muốn đảm bảo những người này được các Công ước Geneva bảo vệ và không bị tra tấn với mục đích “nhận tội” hoặc bị đưa ra xét xử và hành hình, đại sứ lưu động của Mỹ Averell Harriman đề nghị Shaplen liên lạc với Bắc Việt Nam.

Shaplen được phái từ New York đi Phnom Penh, tại đây ông được hướng dẫn tìm gặp người quen cũ của mình là Wilfred

Burchett. Là một người có cảm tình với cộng sản đồng thời là một nhà báo với nhiều bài viết từ những “vùng giải phóng” của Việt Nam, Burchett được xem như con đường nhanh nhất để tới Hà Nội. Shaplen viết một bức thư trình bày chi tiết những mối lo ngại của Mỹ và đề nghị một thỏa thuận, hoặc là hàng y tế hoặc trao đổi tù binh, cho việc trả tự do cho các phi công Mỹ. Hai ngày sau khi Burchett chuyển bức thư của Shaplen cho đại diện của Mặt trận Dân tộc Giải phóng ở Phnom Penh, ông nhận được thư trả lời. Gọi các tù binh Mỹ là “những kiều dân tội phạm” (“criminal nationals”), bức thư tuyên bố, không đề cập thời gian cụ thể, rằng các “tù binh [sẽ] được trả về với gia đình mình.” (Phải bảy năm nữa trôi qua điều này mới xảy ra.) Shaplen xin phép Harriman để viết một bức thư khác cảm ơn những người cộng sản đã “thông cảm với khía cạnh nhân đạo của vấn đề”. Ông cũng muốn nói rõ rằng lá thư đầu tiên của mình, mặc dù được gửi đi từ một “cá nhân riêng lẻ”, được viết theo sự ủy quyền của chính phủ Mỹ.

“Chúng tôi cung cấp cho ông ấy những buổi giao ban thông báo chiến lược rất tốt,” Frank Snepp nói về mức độ tiếp cận thông tin mà Shaplen có được tại Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn. “Liệu một số thông tin tình báo đó có tìm đường đến với Phạm Xuân Ẩn không? Chắc chắn rồi. Phạm Xuân Ẩn có thể tiếp cận thông tin tình báo chiến lược. Hiển nhiên là thế. Chắc chắn đây là những thông tin sống còn để gửi ra Bắc. Phạm Xuân Ẩn có tầm quan trọng đặc biệt đối với những người cộng sản trong việc khẳng định lại những thông tin mà họ cũng nhận được từ các nguồn khác. Anh ta cũng thu lượm thông tin từ mạng lưới các điệp viên hoạt động tại những trung tâm thẩm vấn. Anh ta biết những cán bộ cộng sản mà chúng ta bắt được và họ đã khai những gì. Người này có giá trị phải ngang với số vàng đúng bằng trọng lượng của anh ta.”

Shaplen và Phạm Xuân Ẩn dành nhiều giờ ngồi rịt cùng nhau trong phòng khách sạn của Shaplen trao đổi về tình hình chính trị

Việt Nam và diễn biến cuộc chiến, rồi Shaplen thậm chí còn viết về Phạm Xuân Ẩn trong một bài báo trên tờ *The*

New Yorker với nhan đề “Chúng tôi vẫn luôn sống sót”, đăng năm 1972. Phạm Xuân Ẩn “có lẽ là nhà báo Việt Nam làm việc chăm chỉ và được kính trọng nhất trong thành phố”, Shaplen viết, ông bắt đầu bài báo của mình với một đoạn dài tả quán cà phê Givral. “Mọi người đều đến Givral không chỉ để trao đổi thông tin mà còn để chơi trò đối thoại khôn ngoan mà người Việt Nam vốn chơi giỏi hơn người Mỹ rất nhiều - thử thách lẫn nhau, nắn gân lẫn nhau, cố gắng trêu đùa người này để gièm pha người khác. Các thành viên nội các thỉnh thoảng lại ghé qua, cũng như những quan chức quân sự và dân sự cao cấp; Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trước kia cũng thường đến, hồi ông ta còn là một sĩ quan quân đội.” Shaplen miêu tả sự trao đổi thông tin ở Givral được thực hiện theo một nghi lễ trang trọng như thế nào. “Tại Givral có ba ‘lần phát sóng’ hàng ngày - một lần vào khoảng mười giờ sáng, một lần vào giữa trưa, và một lần trong khoảng giữa năm giờ đến bảy giờ, sau những buổi giao ban báo chí hàng ngày diễn ra tại Trung tâm Dân vụ, phía bên kia đường. Chương trình buổi sáng chủ yếu xoay quanh những tin đồn và báo cáo làm ăn, còn hai phiên buổi chiều là về những vấn đề quân sự và chính trị.”

Mặc dù Phạm Xuân Ẩn thường xuyên ghé vào “đài phát thanh Givral”, như tên gọi của quán cà phê, suốt ngày, ông cũng khai thác một mạng lưới rộng lớn những mối quan hệ trải rộng khắp những khu vực khác của thành phố. “Nếu đài phát thanh Catinat là nơi trung tâm và công khai nhất cho việc tán phát thông tin, cả đúng lẫn sai, thì có những nơi khác, cách không xa, cũng quan trọng, mỗi nơi một kiểu,” Shaplen viết. Đầu tiên Phạm Xuân Ẩn cũng đưa Shaplen tới chợ chim thú Hàm Nghi gần Đại sứ quán Mỹ cũ. “Cái chợ này trải rộng khoảng một nửa khu phố, bán khí, cây, báo gấm, thỏ, chuột lang, đủ các loại chó, mèo, cá và chim - trong các loại chim có cả chim cu cu châu Phi, bồ câu Pháp và Mozambique, cú, yểng, vẹt,

chiên chiên, chim trĩ, và hoàng yến. Với những người thích các phương thuốc dân gian cổ xưa, thì hẳn có doi; một phương thức rất được ưa chuộng để chữa lao là cắt cổ một con doi và uống tiết của nó hòa lẫn với rượu đế.”

Những tin tức tình báo quân sự sẵn có tại chợ chim đến từ việc nghiên cứu nguồn cung cấp đế. Như Phạm Xuân Ẩn giải thích với một phóng viên của tờ *Le Monde*: “Nếu ở chợ không có con đế nào thì tức là khu vực cung cấp chúng đã bị Việt Cộng chiếm mất, và nếu đế xuất hiện trở lại trong chợ thì là bởi vì quân chính phủ (ngụy) đã chiếm lại được những khu vực này. Điều tương tự cũng đúng với các loại chim hiếm.”

Shaplen tiếp tục đi theo Phạm Xuân Ẩn với những thói quen hằng ngày của ông. “Bên cạnh đường Hàm Nghi là một con đường có tên là Nguyễn Công Trứ, nơi mỗi buổi sáng vào khoảng mười giờ các thương nhân Hoa kiều hoặc đại lý người Việt Nam của họ lại tụ tập trong hai ba quán cà phê để cùng xác định xem tỷ giá hối đoái chợ đen của đồng tiền Nam Việt Nam sẽ là bao nhiêu và cũng để ấn định giá gạo, thịt lợn, và các hàng nhu yếu phẩm khác. Trong nửa giờ sau khi quyết định của họ được đưa ra, tin tức đã đến hai chợ hàng hóa chính tại Sài Gòn và Chợ Lớn và tới thị trường đô la chợ đen. Cung cách làm ăn do Hoa kiều chi phối này có từ thời Pháp thuộc, người Pháp cũng hoạt động ở những chỗ đó thông qua các nhà tư sản mại bản của mình.”

Sau việc ấn định giá cả hằng ngày là một chuyến tham quan thị trường chợ đen của Sài Gòn. Tại đây Phạm Xuân Ẩn ghi chép bất kỳ sự thay đổi nào trong mớ hồ lớn đồ ăn cấp hoặc để ý đến giá cả hàng hóa. “Ở cùng khu phố, và trải dài dọc theo một phần phố Hàm Nghi, là trung tâm của hoạt động giao thương chợ đen vỉa hè các loại hàng hóa Mỹ,” Shaplen viết. “Tại đây, dù thỉnh thoảng vẫn bị cảnh sát truy quét, người ta có thể mua bất kỳ thứ gì sẵn có tại trạm bán hàng của quân đội Mỹ và cơ man các sản phẩm khác của nước ngoài, gồm cả máy ảnh và những bộ dàn hi-fi của

Nhật Bản. Vì những cuộc bố ráp của cảnh sát đã trở nên thường xuyên hơn trong năm ngoái hoặc áng chừng thế, những mặt hàng đắt tiền hơn đã không còn được trưng ra, nhưng có thể mua được chúng theo kiểu nhận hàng mới trả tiền; tức là, một phụ nữ Việt Nam đứng quầy sẽ hỏi khách xem anh ta có muốn một chiếc máy ảnh như thế này như thế kia không, và nếu quan tâm anh ta sẽ đưa cho bà ta địa chỉ của mình và sáng hôm sau bà ta sẽ đến, tay cầm máy ảnh và ra giá. Hầu như tất cả các hàng hóa đều là hàng xịn hoàn toàn - chỉ trừ có rượu whiskey, thứ thường xuyên bị pha lẫn với rượu đế. Sự tăng giá đối với các hàng hóa thị trường chợ đen dao động trong khoảng từ 40-500%, nhưng một số thứ vẫn rẻ hơn theo tỷ giá đô la thị trường chợ đen (vào khoảng 450 đồng ăn một đô la) hơn là mua tại trạm bán hàng quân đội. Tất cả phụ thuộc vào quy luật cung cầu, và vào khả năng mặc cả của từng người. Một số những thứ được bán đã bị xoáy khỏi nơi bốc hàng trên đường tới trạm bán hàng quân đội, và bình thường thì như thế giá cả sẽ ở mức thấp, nhưng thông thường thì những thứ như một két bia, có giá bán khoảng ba đô la tại trạm bán hàng quân đội, sẽ có giá từ sáu đến tám đô la trên thị trường chợ đen. Một cây thuốc lá Mỹ, có giá 1,7 đô la tại trạm bán hàng quân đội, sẽ có giá là bốn đô la trên thị trường chợ đen.”

Đến lúc này đã thấy đôi đôi, Phạm Xuân Ân và Shaplen nghỉ ăn trưa. “Cũng quanh khu này có một số nhà hàng, mỗi nơi phục vụ một đối tượng khách hàng khác nhau, và Phạm Xuân Ân đưa tôi tới những nơi này trong hành trình đi tìm kiếm những mẫu thông tin của anh ta. The Victory, một nhà hàng rộng thênh thang trên đường Hàm Nghi chuyên về đồ ăn Trung Hoa, có không khí buổi sáng giống như không khí buổi chiều ở Givral, nhưng không đông đúc bằng. Các chính trị gia, nhà báo, và các thương nhân quan trọng trao đổi thông tin tại đó vào mỗi buổi sáng bên tách trà hoặc bát cháo bát mì Trung Hoa. Nhà hàng Đô Thành gần đó giống một nơi trung lưu hơn, dành cho những quan chức cấp dưới một chút, những sĩ quan

cấp tác chiến, và đội ngũ ngoại giao hạng hai. Phạm Xuân Ẩn, vốn là một ký giả làm việc cho Mỹ nhưng cũng được người Việt Nam tin cậy, có thói quen ghé thăm ít nhất là năm chỗ như vậy mỗi buổi sáng trước khi ông đến Givral, rồi sau đó, sau bữa trưa, ông tới các buổi giao ban chính thức của Mỹ và Việt Nam rồi lại quay về Givral. 'Phải mất nhiều thời gian mới xây dựng được các nguồn tin của mình,' anh ta nói. 'Anh phải tỏ ra thẳng thắn và chân thành, và anh phải bảo vệ nguồn tin của mình. Anh cũng phải làm giúp việc này việc kia cho họ - cho họ biết những gì họ muốn biết, mời họ ăn trưa ăn tối, biếu họ quà Tết. Sài Gòn vận hành theo cung cách của những giới xã hội này. Nếu anh không đủ tư cách đối với một giới nào đó, anh sẽ không được chấp nhận trong nhà hàng của giới đó. Người ta cứ thế phớt lờ anh. Nhà báo - những người giỏi - là những người thông tin hiệu quả nhất, vì họ ở vị trí có thể nghe thấy nhiều điều từ rất nhiều nguồn khác nhau. Toàn bộ điều đó giống như một trường học. Anh có thể tốt nghiệp từ giới này sang giới kia, cũng như anh chuyển từ lớp này lên lớp khác, một khi anh vượt qua những kỳ thi của mình.'"

Trong cuốn sách *Chiến thắng cay đắng (Bitter Victory)* của mình, mà ông viết sau khi đi xuyên Việt Nam và Campuchia năm 1984, Shaplen gọi Phạm Xuân Ẩn "chắc chắn là một trong những người thạo tin nhất trong thành phố... Trong những lần trò chuyện của chúng tôi qua nhiều năm, thường kéo dài đến hàng giờ, tôi phát hiện ra rằng những sự thật và quan điểm mà anh ta ấp ủ liên quan đến cộng sản, chính phủ, và rất nhiều cá nhân cũng như các nhóm đang tranh giành nhau - gồm cả những tín đồ Phật giáo và Công giáo phản đối cả hai phe trong cuộc chiến - luôn chính xác hơn bất kỳ thứ gì tôi có thể thu thập được từ những nguồn khác, thậm chí cả từ Đại sứ quán Mỹ, nơi biết ít đến ngỡ ngàng những gì đang diễn ra giữa những người Việt Nam vốn không theo một khuôn phép nào cả".

“Phạm Xuân Ân là một trong những điệp viên hai mang vĩ đại của thế kỷ 20, có thể là của mọi thời đại,” theo lời của Peter Shaplen, con trai của Robert, người trở thành nhà báo và nhà sản xuất cho ABC News. “Ông được tiếp cận tất cả các nguồn tin cao cấp ở Việt Nam. Đất nước này được cấu thành từ vô số những mối quan hệ kỳ lạ, mờ mịt, và Phạm Xuân Ân ở chính giữa tất cả những điều đó.”

Peter giải thích cho tôi về việc cha của ông, giống như Phạm Xuân Ân, có nhiều quan hệ như thế nào. “Khi tới Washington, ông sẽ gặp bạn bè ở CIA. Những bạn bè khác ở Hồng Kông cũng là người của Cục^[28]. Mọi người nói: ‘Ồ, thế thì chắc chắn ông ấy làm việc cho họ rồi,’ nhưng tôi không nghĩ là như vậy. Ông có trao đổi thông tin, ông thở bằng nó, ông sống bằng nó. Chắc chắn Cục sẽ cực kỳ quan tâm đến ông, nhưng liệu ông có phải là một điệp viên không? Tôi không nghĩ vậy. Vì một lý do, ông không bao giờ giàu có cả. Những khoản tiền mà ông có đều từ tờ *The*

New Yorker.”

Peter Shaplen còn một lý do khác để nghi ngờ việc cha mình là một điệp viên. “Bob không giữ nổi một bí mật. “Nói với Western Union^[29] thì cũng như nói với Shaplen,” một trong những bà vợ cũ của ông nói. Ông sống rất phóng khoáng và rộng rãi. Ông là một người to lớn, cao 1,9 mét, nặng hơn 90 kilôgam. Ông là một người đẹp trai với mái tóc đen, thường ngồi xuống với chiếc máy chữ của mình lúc 7 giờ sáng, và làm việc qua bữa trưa trước khi ra ngoài vào buổi chiều để chơi một séc tennis. Ông có một giọng nam trung oang oang, oai vệ, trở nên khàn khàn vì hút xì gà nhỏ vào ban ngày và xì gà lớn vào buổi tối. Ông thích những ly rượu Scotch, xì gà và những người đàn bà của mình. Ông yêu cuộc sống của một phóng viên thường trú nước ngoài. Ông thích thú được người ta chú ý và thích được là trung tâm của mọi việc. Chúng ta là những kẻ ngồi lê đôi mách,” Peter Shaplen nói. “Nhà báo chúng ta là vậy, những kẻ ngồi lê đôi mách.”

Đầu những năm 1970, khi Peter đang bắt đầu sự nghiệp báo chí của mình, ông đăng ký phòng ở khách sạn Continental, nơi ông được giới thiệu căn phòng cũ của cha ông. Ngay sau đó ông ngỡ ngàng trước một dòng ùn ùn những người gõ cửa phòng mình - người cầu cạnh, kẻ rửa tiền, nhà báo, những cô nàng bướm đêm, và những kẻ buôn chuyện tầm phào khác mà cha ông thích bán. Tin đã lan ra là “Shapah-lain” đã quay lại thành phố, và mọi người cứ đinh ninh Bob đã quay lại. Trước khi Robert Shaplen bị ốm trong một chuyến đến Sài Gòn năm 1988 và được đưa về New York, nơi ông qua đời vì ung thư tuyến giáp, ông đang viết câu chuyện cuối cùng từ Việt Nam: một bài báo về Phạm Xuân Ẩn.

Theo con trai ông, Shaplen cảm thấy “tan nát” và “bị hắt hủi” khi ông đến thăm Việt Nam đầu những năm 1980 và được thông báo là Phạm Xuân Ẩn không muốn gặp mình. (Phạm Xuân Ẩn kể với tôi là ông cũng cảm thấy tan nát khi biết rằng **chính phủ**, không hề thông báo gì với ông, đã ngăn chặn cuộc gặp giữa hai người.

Ông vội vàng sang Phnom Penh để đuổi theo Shaplen trước khi ông này rời Đông Nam Á nhưng đã đến quá muộn). Trong một bức thư gửi Edward Lansdale viết năm 1982, Shaplen có đề cập việc cựu phóng viên tạp chí *Time* Stanley Karnow khẳng định rằng Phạm Xuân Ẩn là một điệp viên cộng sản. Lansdale trả lời, với lời khuyên rằng bất kể điều gì Karnow phản ánh về Việt Nam, cũng nên “được chấm thêm với một hạt muối”. Đến tận khi qua đời năm 1987, Lansdale vẫn nhất định cho rằng Phạm Xuân Ẩn có chăng cũng chỉ là một nghệ sĩ nhanh nhạy đã kịp ngả sang hàng ngũ của phe chiến thắng vào phút cuối cùng. Cuối cùng, chỉ đến khi được phép gặp Phạm Xuân Ẩn năm 1988, Shaplen mới được trực tiếp đọc những gì viết về sự nghiệp điệp viên lâu dài của Phạm Xuân Ẩn. Đó không phải là một cuộc đoàn viên hạnh phúc, ít nhất là đối với Shaplen, người cảm thấy đau khổ và bị phản bội. “Cha tôi đã khóc khi ông kể lại với tôi câu chuyện này,” Peter nói.

Bản chất mối quan hệ ban đầu giữa Shaplen và Phạm Xuân Ẩn được ghi lại trong một bức ảnh do Richard Avedon chụp năm 1971 và được in trong cuốn sách *Những năm sáu mươi* của ông. Vốn được biết tới trên cương vị một nhiếp ảnh gia thời trang hơn là một phóng viên chiến tranh, Avedon bay tới Việt Nam bằng tiền túi của mình vào tháng 4 năm 1971. Tháng trước đó, trung úy William Calley đã bị buộc tội giết 22 dân thường ở Mỹ Lai và lĩnh án tù chung thân. (Tổng cộng có hơn 500 dân thường bị giết tại Mỹ Lai. Calley được trả tự do và tha tội sau ba năm giam giữ, chủ yếu là giam giữ tại nhà). Khi tới Sài Gòn, Avedon dựng một studio trong khách sạn Continental và bắt đầu đăng ký đợt chụp ảnh kéo dài mười ngày với các nạn nhân bom napalm, tướng lĩnh Mỹ, gái bar, và binh lính.

Shaplen đến studio tạm bợ của Avedon cùng với bốn đồng nghiệp người Việt Nam. Trong bức ảnh được Avedon xuất bản, cánh nhà báo diện kiểu trang phục quen thuộc của mình gồm áo trắng và quần đen. Bút và kính được gài trong túi áo. Ở giữa bức ảnh, một Shaplen đang thích thú ghé người sát lại, bàn tay phải của ông khum lại đưa lên tai, một nụ cười phảng phất trên môi, trong khi Phạm Xuân Ẩn vừa cười vừa thì thầm gì đó vào tai ông. Đứng bên cạnh Phạm Xuân Ẩn là Cao Giao, trông rất đạo mạo với một bộ râu chòm kiểu Trung Quốc và kính gọng bạc. Nguyễn

Đình Tú, phóng viên tờ *Chính Luận* của Sài Gòn, cầm tẩu trên tay, và Nguyễn Hưng Vương, trợ lý của Shaplen, mỉm cười nham nhở từ bộ mặt búng beo của một con nghiện thuốc phiện.

Trong một trong những chuyến đi đến Việt Nam tôi tặng Phạm Xuân Ẩn một cuốn sách của Avedon. Chúng tôi cùng xem bức ảnh chụp ông và Shaplen, và sau đó Phạm Xuân Ẩn đứng lên tìm kiếm trong một ngăn tủ, rồi lấy ra một bức ảnh đen trắng nhỏ, một bức ảnh khác trong buổi chụp ngày hôm đó, do Avedon tặng cho ông. Khi tôi đề nghị Phạm Xuân Ẩn kể cho tôi về bức ảnh được xuất bản, ông miêu tả 27 đảng viên Đảng Cộng sản trong gia đình của Cao Giao và chuyện Nguyễn Hưng Vương làm việc cho CIA, với kết cục

là ông ta bị bắt năm 1978 và bị tù đầy hơn bốn năm trong nhà tù Chí Hòa của Sài Gòn. “Shaplen lấy tất cả thông tin của ông ấy từ Ba chàng ngự lâm pháo thủ,” Phạm Xuân Ẩn nói, đề cập đến chính mình, Cao Giao và Vương. “Ông ấy sử dụng tất cả ba người chúng tôi vì chúng tôi bao quát mọi khía cạnh sẵn có. Thông tin đổ dồn về đài phát thanh Catinat và sau đó được chuyển tới Bob cho những bài báo của ông ấy trên tờ *The New Yorker*.”

Sự thật trong lời kể của Phạm Xuân Ẩn hiện ra khi người ta nghiên cứu những cuốn sổ ghi chép của Shaplen. Chúng cho thấy hết trang này đến trang khác những lần trò chuyện với Phạm Xuân Ẩn được Shaplen ghi chép lại tỉ mỉ, biên tập lại rồi đăng trên *The New Yorker* như là một phần những phân tích của Shaplen về những gì đang diễn ra tại Việt Nam. Như thế không có gì là bất bình thường cả. Shaplen có một nguồn tin tốt, và ông khai thác nó.

Sau chiến tranh, Frank Snepp lan truyền một lời cáo buộc rằng những bài báo của Shaplen bị CIA “sắp đặt” hoặc giật dây. Ông ta khẳng định rằng Shaplen là một trong những nhà báo “được ưu ái” của Cục. “Chúng tôi sẽ để lộ tin ra với họ trên cơ sở chọn lọc, giành lấy sự tin tưởng và tín nhiệm của họ, và sau đó chúng tôi sắp đặt những bài báo của họ thông qua những thông tin rò rỉ tiếp theo bởi vì khi đó họ đã tin tưởng chúng tôi rồi.”

Trong một tuyên bố được đưa ra với tờ *New York Times* tại Hồng Kông, Shaplen gọi lời buộc tội của Snepp là bậy bạ. “Tôi không bao giờ khờ khạo tin ngay vào những gì mà bất kỳ ai trong Cục, kể cả Snepp, kể với tôi. Khi tôi sử dụng những thông tin của Cục - mà tôi lược bỏ hoặc cắt bớt phần lớn - bao giờ tôi cũng kiểm tra lại những gì tôi có được bằng các nguồn trong và ngoài nước khác.” Bức ảnh của Avedon chụp Shaplen đang nghiêng tai về nguồn tin tốt nhất trong số những nguồn tin đó.

Tội ác hoàn hảo

Năm 1963 Henry Luce, người sở hữu và là chủ bút tạp chí *Time*, gọi điện cho Frank McCulloch, khi đó là biên tập viên điều hành của tờ *Los Angeles Times*, và đề nghị ông ta tới Việt Nam “giải quyết mớ hỗn độn mà chúng ta đang mắc kẹt bên đó”. McCulloch tưởng Luce đang nói về cuộc chiến tranh, nhưng thật ra ông ta đang nói về văn phòng Time-Life, nơi tinh thần làm việc đã rớt xuống thảm hại sau khi trưởng đại diện từ chức để phản đối. McCulloch gặp Phạm Xuân Ẩn, khi đó là một cộng tác viên bán thời gian, trong chuyến thăm đầu tiên của ông tới văn phòng của

Time tại Sài Gòn vào tháng 2 năm 1964. Một năm sau ông thuê Phạm Xuân Ẩn với mức lương 75 đô la một tuần để làm việc chính thức trên cương vị phóng viên thường trú bản địa. “Có hai điều gây ấn tượng đối với tôi về Phạm Xuân Ẩn,” McCulloch nói với nhà làm phim tài liệu David Felsen trong một cuộc phỏng vấn năm 2006. “Anh ta hiểu báo chí Mỹ, và anh ta vô cùng thông minh. Vì có rất nhiều mối quan hệ nên anh ta hiểu rất rõ đời sống chính trị Việt Nam, và vào năm 1964 khi lần đầu tiên tôi đến Việt Nam thì không may chính trị lại là chủ đề đáng chú ý hơn cả bản thân cuộc chiến tranh. Những vụ đảo chính diễn ra rồi kết thúc nhanh đến nỗi nếu muốn đưa tin về Việt Nam anh phải có hiểu biết về người Việt Nam, và đó là những gì Phạm Xuân Ẩn mang đến.”

Khi McCulloch, một cựu trung sĩ thủy quân lục chiến 43 tuổi, đến Sài Gòn lần đầu tiên, văn phòng đại diện của Time-Life mới có hai nhân viên mất tinh thần vẫn còn bức xúc về việc Charley Mohr, trưởng đại diện, bị buộc phải từ chức trong một vụ bất đồng với các biên tập viên ở New York. Đến khi McCulloch rời Việt Nam bốn năm sau đó, văn phòng Sài Gòn có đến 25 nhân viên, bao gồm một số phóng viên sừng sỏ nhất của cuộc chiến. Họ gửi về 50.000 từ mỗi tháng qua một đường dây telex trực tiếp tới New York, và họ thu thập cơ man nào là những thông tin về mọi khía cạnh của cuộc xung đột. “Phạm Xuân Ẩn dành rất nhiều thời gian trong văn phòng, và tất cả những gì anh ta phải làm là lắng nghe,” McCulloch nói. “Anh

ta được phép tiếp cận tất cả những gì văn phòng đại diện gửi về làm nguồn tin, và tôi có thể nghĩ ra rất nhiều ví dụ về những thông tin chính xác, cụ thể mà Phạm Xuân

Ấn đã có thể khai thác rồi báo cáo cho cấp trên của mình.”

McCulloch dẫn ra một ví dụ là việc ông là nhà báo đầu tiên biết được rằng nước Mỹ sẽ đưa các lực lượng bộ binh tới Việt Nam, ba tháng trước khi sự việc xảy ra. Một người bạn trong quân đội đã cung cấp cho ông thông tin này và thậm chí còn cả con số cụ thể, tiết lộ rằng nước Mỹ có kế hoạch triển khai 545.000 binh sĩ tại Nam Việt Nam trong vòng một năm rưỡi sau đó. “Tôi tin chắc đây là những con số vô cùng giá trị mà cộng sản có được,” McCulloch nói.

“Tôi sẽ không bao giờ làm như vậy,” Tổng thống Lyndon Johnson nói dối với biên tập viên của tạp chí *Time*, khi được yêu cầu xác nhận thông tin của McCulloch; sau đó tờ tạp chí đã bỏ bài viết này. Đây không phải lần duy nhất Phạm Xuân Ấn vớ được tin sốt dẻo từ *Time* rất lâu trước những độc giả của tạp chí này tại Mỹ.

McCulloch là một phóng viên cứng cỏi, ông tin rằng nhiệm vụ của một nhà báo là “làm cho kẻ sung sướng phải khổ sở và kẻ khổ sở được sung sướng”. Là con trai một chủ trang trại gia súc tại bang Nevada, ông từng có vài năm cố trở thành một cầu thủ bóng chày chuyên nghiệp trước khi ông bắt đầu phụ trách các tin tức hình sự cho tờ *Reno Evening Gazette*. Khi ông tung ra những bài viết quan trọng về việc bọn maphia kiểm soát ngành cờ bạc tại Nevada như thế nào, chúng đã đe dọa sẽ giết ông. McCulloch coi đây là lời thúc giục ông đánh máy nhanh hơn. Ông tung ra những bài viết quan trọng khác về tình trạng phân biệt chủng tộc của người da trắng ở miền

Nam, tham nhũng trong Teamster's Union (Công đoàn của những người lái xe tải), và chủ nghĩa bè phái của Đảng Cộng hòa ở Los Angeles. Câu chuyện về chủ nghĩa bè phái thực sự là một bài phóng sự vô cùng dũng cảm, nếu biết rằng McCulloch là biên tập

viên điều hành của tờ *Los Angeles Times*. Tờ báo này là cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng hòa, và phóng viên chuyên trách về tòa thị chính của tờ này là một chuyên gia vận động hành lang có tên tuổi của Đảng Cộng hòa. McCulloch tiếp tục biên tập những tờ báo khác, trong đó có tờ *Sacramento Bee* của gia đình McClatchy. Tại mỗi tờ báo số trang dành cho những phóng sự điều tra đều tăng lên, và bài viết trở nên cứng rắn hơn.

McCulloch đầu hói được những người Việt Nam gọi là “ông Phật” khi ông đi về những vùng nông thôn. “Ông ấy là một người rất đáng sợ, phiên bản báo chí của một trung sĩ huấn luyện trong thủy quân lục chiến,” Morley Safer nói, trong một bài phỏng vấn đăng trên tờ *American Journalism Review*. “Nhiều lúc ông ấy có thể khiến các cộng sự sợ phát khiếp với cái đầu hình viên đạn của mình. Ông ấy đòi hỏi họ phải viết tuyệt đối chính xác, nhưng đồng thời ông ấy lại đặc biệt thông cảm với những vấn đề mà phóng viên của mình phải đối mặt. Bằng cái kiểu cộc cằn của mình, ông ấy là người rất tình cảm. Ông ấy là người rất dễ mềm lòng.”

Một hôm, khi họ đang định đi ra ngoài ăn trưa cùng nhau, McCulloch nhận thấy Phạm Xuân Ẩn đang ngồi bên máy chữ cố gõ cho xong một bài đến hạn nộp. “Về cái gì vậy?” McCulloch hỏi. Phạm Xuân Ẩn nói với ông ta. “Xin lỗi nhé,”

McCulloch nói và kéo ghế lại bên bàn của Phạm Xuân Ẩn. “Tôi sẽ lo từ chỗ này.”

“Ông ấy bắt đầu đánh máy với tốc độ một dặm một phút,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ấy cứ thế đánh *ratatatatat*, như một khẩu súng máy vậy, và rồi ông ấy kéo xoẹt tờ giấy ra khỏi máy chữ và đưa nó cho nhân viên điện tín. ‘Xong rồi đây,’ ông ấy nói và đứng lên khỏi bàn của tôi. ‘Giờ thì chúng ta đi ăn trưa.’”

Trong bốn năm ở Việt Nam, McCulloch biến phòng 6 trong khách sạn Continental thành một văn phòng đại diện chính lúc nào cũng nhộn nhịp phóng viên, nhiếp ảnh gia, các nhân viên hợp đồng, thư

ký, nhân viên điện tín, tài xế, phiên dịch, và những biên tập viên đi công tác từ New York sang, những người muốn được thấy tình hình thực tế trước khi ăn nhậu trong những nhà hàng sang trọng nhất Sài Gòn. McCulloch chuyển văn phòng đại diện tới một biệt thự ở số 7 đường Hàn Thuyên, đối diện với công viên phía trước Dinh Độc Lập. Đi bộ một đoạn ngắn xuống cuối phố là Đại sứ quán Mỹ.

Dưới thời McCulloch, văn phòng đại diện hình thành một nhịp điệu đặc biệt. Cán phóng viên tụ tập từ sáng sớm thứ Hai để trình bày những ý tưởng định viết và tranh luận về những gì cần được đề cập trong số tạp chí của tuần sau đó. Phân công công việc được chuyển lại từ các biên tập viên ở New York vào thứ Ba, và mọi người tản ra thực địa. Đến cuối ngày thứ Năm hoặc sáng thứ Sáu họ lại tập trung trong văn phòng, trao đổi những ghi chép và hoàn thành bài viết của mình để đánh điện về New York, nơi tờ tạp chí hoàn thành và đưa ra phát hành vào Chủ nhật. “Tất cả chúng tôi đều tập trung viết bài vào thứ Sáu, thứ Bảy và sang cả Chủ nhật,” McCulloch nói. Tiếp sau những buổi làm việc vào cuối tuần này là màn uống bia thả phanh và ăn những bữa tối ngon lành kiểu Pháp.”

“Phạm Xuân Ân không phải là một phần của cánh bù khú trong văn phòng đại diện,” McCulloch nói với David Felsen. “Anh ấy khép mình hơn, hơi tách biệt. Nhưng cả ngày lúc nào anh ấy cũng ở đó. Khi một phóng viên đang viết bài chính trị nào đó, một vụ đảo chính hay đại loại như vậy, điều đầu tiên phóng viên ấy làm là hỏi Phạm Xuân Ân bối cảnh của sự kiện là như thế nào, những gì đã xảy ra.”

“Phạm Xuân Ân đóng vai trò như một nguồn tin cho các phóng viên khác hơn là vai trò chính mình là một phóng viên,” McCulloch nói. “Nhưng có một quãng thời gian, trong năm 1965 và đầu năm 1966, khi những vụ đảo chính xảy ra - có tất cả 12 vụ đảo chính - thì anh sẽ tìm thấy rất nhiều bài viết của anh ấy trong các hồ sơ lưu trữ của Time Inc.” Phạm Xuân Ân cố hết sức không để tên mình xuất hiện trong các hồ sơ này. Một lần, khi anh ấy tỏ ra quá chính xác khi

dự báo một vụ đảo chính sắp xảy ra, cảnh sát đã gọi anh ấy lên thẩm vấn. Sau lần đó, anh ấy cố tìm cách ẩn ra phía sau. Anh ấy là nhà phân tích chính trị và chuyên gia văn hóa Việt Nam của *Time*, nhưng hiếm khi anh ấy bộc lộ mình như một người viết và đăng bài viết của chính mình. Anh ấy nói chuyện. Anh ấy tư vấn. Anh ấy đi khắp nơi trên cương vị phóng viên của *Time*, nhưng anh ấy để cho các đồng nghiệp của mình viết những bức điện có thể khiến anh ấy gặp rắc rối nếu bị rò rỉ vào tay các cơ quan tình báo của Việt Nam Cộng hòa.

“Một giá trị khác mà Phạm Xuân Ẩn có trên cương vị phóng viên là sự am hiểu sâu sắc về chính quyền Nam Việt Nam, đặc biệt là tình trạng tham nhũng trong đó,” McCulloch nói. “Anh ấy biết những viên tướng nào thích kiểu gì. Vợ của một viên tướng điều hành một mạng lưới mại dâm trải rộng khắp năm sáu tỉnh. Đó chắc chắn là một cách kiếm tiền cực kỳ béo bở.” Phạm Xuân Ẩn “am hiểu ngôn ngữ” những vụ bê bối này, vốn là nét đặc trưng của những quan chức cầm quyền tại Nam Việt Nam cho đến khi người cuối cùng trong số họ, tướng Nguyễn Văn Thiệu, bỏ trốn khỏi đất nước với nhiều va li chất đầy những thỏi vàng. *Time* cũng không bao giờ đăng những vấn đề này.

Đến thời điểm này trong sự nghiệp của mình, Phạm Xuân Ẩn đã quá am hiểu những quy tắc của nghề báo chí Mỹ, cách đặt bản thân mình ra ngoài câu chuyện và viết kiểu văn trung dung vốn được cho là khách quan. “Điều đó khiến anh ấy trở thành một nhân viên cực kỳ có giá trị,” McCulloch nói. “Trong việc đánh giá Phạm Xuân Ẩn là ai và anh ấy đã làm những gì, người ta phải biết rằng anh ấy là một nhà báo hoàn toàn trung thực. Anh ấy không để những nội dung tuyên truyền và quan điểm của cộng sản xâm phạm vào những gì mình phản ánh. Tôi dám chắc rằng trên cương vị một điệp viên anh ấy đã lấy những thông tin giá trị từ văn phòng đại diện, nhưng đây là hai việc hoàn toàn khác nhau. Hầu hết mọi người đều

vội vàng kết luận rằng nếu như Phạm Xuân Ẩn không làm việc ở đó, chắc hẳn *Time* vẫn sẽ tiếp tục

ủng hộ cuộc chiến tranh cho đến khi nó kết thúc. Không hẳn như vậy.”

“Anh ấy đọc cực kỳ nhiều,” McCulloch nói. “Anh ấy hiểu rõ báo chí Mỹ là như thế nào. Anh ấy là một người vô cùng thông minh, một công dân Việt Nam nồng nhiệt”, những phẩm chất khiến ông trở thành “một niềm vui cho những người tiếp xúc với ông.” McCulloch nhớ lại một vài lần ông đến thăm Phạm Xuân Ẩn và gia đình tại nhà của họ gần chợ trung tâm Sài Gòn. “Họ là những con người tuyệt vời, vợ và những cậu con trai của anh ấy.” McCulloch còn nhớ một điều khác nữa trong những chuyến thăm này. “Phạm Xuân Ẩn nuôi hai con chó rất to. Tôi quên mất chúng là giống chó gì rồi, nhưng chúng to lắm. Chúng không dữ lắm, nhưng chúng cũng chẳng sợ gì hết. Rõ ràng là Phạm Xuân Ẩn rất yêu quý cả hai con chó.

Khi tôi ở đó với gia đình anh ấy, lũ chó lúc nào cũng quanh quẩn ở gần, và Phạm Xuân Ẩn muốn chúng như vậy, đó là một lý do nữa giải thích vì sao anh ấy có vẻ Mỹ đến thế.

“Phạm Xuân Ẩn xuất thân từ một gia đình địa chủ giàu có ở vùng châu thổ. Chúng tôi được biết là anh ấy đã mất đất đai vào tay Việt Cộng, và điều đó tạo cho Phạm Xuân Ẩn một vỏ bọc hoàn hảo. Anh ấy có thể và thực sự tỏ ra chống cộng”.

“Anh ta kể cho ông nghe câu chuyện đó à?” David Felsen hỏi McCulloch trong bài phỏng vấn được ghi âm của họ.

“Tôi rất xấu hổ phải nói rằng tôi không nhớ là anh ấy kể với chúng tôi câu chuyện đó hay nó đến từ nơi nào đó khác,” McCulloch nói.

Một lý do khiến Phạm Xuân Ẩn tránh tham gia cái mà McCulloch gọi là “hội bia bọt” gồm các phóng viên Mỹ thường trú tại Sài Gòn là vì ông có hai công việc - công việc ban ngày ở *Time* và một công

việc ban đêm liên quan đến việc chụp ảnh các tài liệu và viết báo cáo tin. Sau khi các con đi ngủ, Phạm Xuân Ẩn biến ngôi nhà hai phòng và buồng tối từ phòng tắm của mình thành một văn phòng đại diện riêng. Trong khi lủ chó gác cửa, ông dùng máy ảnh và bóng đèn được Đảng Cộng sản mua cho mình để làm việc suốt đêm chụp ảnh những tài liệu được những bạn bè trong các cơ quan tình báo và cảnh sát của Việt Nam Cộng hòa nhét cho. Sáng ra, ông ngụy trang những cuộn phim của mình trông giống như những cái *nem Ninh Hòa*, được làm từ thịt lợn nướng bọc trong bánh trắng, hoặc ông giấu chúng trong bụng những con cá bắt đầu ươn. Cá và nem sẽ được chắt vào những cái giỏ trông như đồ đi thắp hương tại một đám tang Phật tử. Khi Phạm Xuân Ẩn rời khỏi nhà và lái xe tới trường đua ngựa, nơi ông đi dạo với con béc giê Đức của mình mỗi buổi sáng, ông sẽ đặt những cuộn nem vào một cái tổ chim bỏ không trên cây cao. Với những món hàng lớn hơn, ông giấu những cuộn phim dưới tấm bia của nơi mà ông giả vờ là mộ của gia tộc. Thịnh thoảng vợ của Phạm Xuân Ẩn lại bám theo ông từ phía xa. Nếu ông bị bắt bà sẽ báo động cho các giao liên của ông.

Trong suốt sự nghiệp của mình, Phạm Xuân Ẩn làm việc với Nguyễn Thị Ba, một nữ giao liên có mái tóc búi lại sau gáy. Từ năm 1961 đến năm 1975, bà nhận những báo cáo mật và những cuộn phim của ông. Kiếm sống bằng nghề bán rong đồ chơi và đồ lặt vặt, bà sống xa con cái và thường xuyên bị ốm vì những cơn sốt rét. “Cả ông Ẩn cũng hay bị bệnh... Tôi thương ông vô cùng,” bà Ba kể với nhà văn Tấn Tú, người là đồng tác giả một trong ba cuốn tiểu sử của Việt Nam viết về Phạm Xuân Ẩn. Trong nhiều năm liền, bà Ba và Phạm Xuân Ẩn là những người duy nhất trong mạng lưới thực sự biết về nhau.

Sử dụng những hộp thư sống, hộp thư chết, giao liên và truyền phát điện đài giấu trong rừng là cách kết nối ông qua Trung ương Cục miền Nam tới tổng hành dinh quân đội ở miền Bắc. Phạm Xuân Ẩn được hỗ trợ bởi hàng chục điệp viên tình báo được chỉ định làm

việc thay cho ông. Trong số 45 giao liên chuyên việc nhận những báo cáo của ông từ bà Ba và chuyển chúng ra khỏi Sài Gòn, có đến 27 người đã bị bắt và giết hại. “Có những lần trước khi lên đường làm nhiệm vụ tôi và vợ tôi đã thỏa thuận rằng, trong trường hợp tôi bị bắt, cách tốt nhất là tôi sẽ chết,” Phạm Xuân Ẩn nói với nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Hải. “Sẽ còn kinh khủng hơn nếu chúng tra tấn tôi để moi những thông tin có thể gây nguy hiểm cho tính mạng của người khác. Nhiều lần còn nguy hiểm đến nỗi, mặc dù tay tôi vẫn vững vàng, nhưng chân tôi run không thể nào kìm nổi. Dù cố giữ bình tĩnh đến mấy, phản xạ tự động của cơ thể vẫn khiến tôi run lên vì sợ.”

Vào một ngày âm uớt của tháng 1 năm 2006, người phiên dịch và tôi đi xe máy ra ngoại thành về phía sân bay phòng vấn Nguyễn Văn Thương, một trong những giao liên trước kia của Phạm Xuân Ẩn. Trong vùng đất đầy bụi rậm bao quanh đường dẫn ra đường lộ chính, chúng tôi tìm thấy một khu dân cư mới xây dựng đầy những ngôi nhà gạch ba tầng trát vữa. Với không biết bao nhiêu tiền của kiếm được từ sự bùng nổ xây dựng ở Sài Gòn, vẫn chẳng có ai thèm bận tâm đến việc lát đường phố. Một chiếc máy bay phản lực gầm rú phía trên đầu với những ánh đèn hạ cánh đang nhấp nháy. Chúng tôi dừng lại bên chiếc cổng sắt lớn ngay trước nhà ông Thương và nhìn vào bên trong khoảnh sân có hoa sen và một ao cá chép. Sau khi vợ ông Thương đón chúng tôi vào nhà, bà cẩn thận khóa cổng lại sau lưng chúng tôi. Chúng tôi bước lên những bậc tam cấp bằng đá cẩm thạch màu hồng vào một hàng hiên trưng đầy những cây hoa lan nhựa.

Chúng tôi vào phòng khách với sàn gỗ bóng loáng, những chiếc ghế xô pha lớn bọc nỉ, và một chiếc ti vi màn hình lớn, thì thấy ông Thương đang ngồi trên ghế. Ông là một người vạm vỡ, với khuôn mặt vuông vức và lồng ngực lực lưỡng. Nhưng ông chỉ có nửa thân người - nửa phía dưới của ông đã bị cắt bỏ. Kẻ địch bắt đầu cưa bàn chân phải của ông rồi chuyển sang những lần cưa cắt liên tiếp sau

đó từ dưới lên. Chân trái của ông Thương đã bị cắt bỏ hoàn toàn. Chân phải bị cắt thành một cục bườu kết thúc ở đầu gối. Sau mỗi lần cắt, ông lại được cho cơ hội để đầu hàng, nhưng cuối cùng ông vẫn khẳng khái rằng mình là một anh nông dân mù chữ đi lang thang khắp vùng nông thôn để trốn quân dịch. Ông Thương ngời thẳng người lên khi ông kể lại việc ông đã trở thành một Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân như thế nào.

Ông sinh năm 1938 tại vùng châu thổ sông Mê Công gần biên giới Campuchia. Mẹ ông bị Pháp bắt năm 1947 và qua đời ở Côn Đảo. Cha ông, giao liên của Việt Minh, bị bắt và hy sinh trong tù dưới chế độ của Ngô Đình Diệm. Tiếp nối công việc của cha mình, Nguyễn Văn Thương gia nhập ngành tình báo và bắt đầu chuyển tin tức cho nhiều mạng lưới tình báo khác nhau, gồm cả mạng lưới của Vũ Ngọc Nhạ và Ba Quốc - hai điệp viên cấp cao trong chính phủ miền Nam Việt Nam - và Phạm Xuân Ẩn.

Nguyễn Văn Thương hoạt động ở khâu trung gian giữa những giao liên dân sự đưa tin tức từ Sài Gòn ra vùng ngoại ô và những giao liên vũ trang đưa thông tin vào trong rừng và qua biên giới Campuchia. Đó là một nhiệm vụ nguy hiểm, đòi hỏi ông hết lần mình vào những đám đông trong thành phố lại phải bò vào trong bóng tối qua địa đạo Củ Chi. "Tôi là người giỏi nhất," ông Thương khẳng định một cách điềm nhiên. "Họ giao cho tôi nhiệm vụ chuyển tất cả những tin tức quan trọng từ thành phố ra nông thôn."

Tháng 11 năm 1962, ông được giao nhiệm vụ chuyển tin tức của Phạm Xuân Ẩn. Vì những lý do an ninh, ông chỉ biết rất hạn chế về việc mình đang làm cho ai, và ông vẫn nhắc tới Phạm Xuân Ẩn bằng *nom de guerre* (bí danh trong chiến đấu) Hai Trung. Thực ra ông đã gặp Phạm Xuân Ẩn một năm trước đó, khi Phạm Xuân Ẩn được gọi vào trong cứ để giao nhiệm vụ. "Năm 1961, ông Ẩn được gọi vào cứ hai tuần để học," ông Thương nói. "Tôi nấu ăn cho ông và thu xếp mọi việc khi ông ở đó."

“Hồi đó ông ấy học cái gì?” tôi hỏi. “Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương,” ông Thương nói. “Đó là điều mà đảng viên nào cũng phải học.”

Nguyễn Văn Thương đứng đầu một mạng lưới đủ cả nam lẫn nữ, họ gặp nhau ba lần một tuần trong vườn hoa phía trước nhà thờ Công giáo bên cạnh tượng Đức Bà. Sau khi lấy những tin tức được giấu dưới một ghế đá, ông đi theo hướng phía Bắc ra đường 13 vào trong rừng. Ông mang theo một loạt giấy tờ tùy thân. Một cái thì ghi ông là đại úy trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Một cái khác thì ghi ông là nông dân. Trong những trường hợp đặc biệt, là kế sách cuối cùng, ông chìa ra một tấm chứng minh thư xác định ông là một sĩ quan cảnh sát mật. “Thỉnh thoảng tôi mang tin của ông Ân trực tiếp từ Sài Gòn ra Củ Chi. Những lần khác, chúng được chuyển qua rất nhiều tay,” ông nói với tôi.

Ông Thương thò tay vào một chiếc hộp thiếc, một chiếc hộp trà Lipton cũ, và chìa cho tôi xem một bức ảnh của mình. Trong ảnh là một thanh niên đẹp trai mặc áo len trùm bên ngoài áo sơ mi trắng và quần đen. Đôi mắt giấu sau cặp kính râm, trông ông giống như một trí thức trẻ đang trên đường đi làm. Năm 1969, sau 15 năm hoạt động, ông bị một điệp viên cộng sản đã rời bỏ hàng ngũ sang phía bên kia chỉ điểm. “Nhiều năm sau, sau khi tôi đã ra tù, có người cho tôi biết là những tài liệu tôi mang theo khi đó liên quan đến kế hoạch tấn công Campuchia. Còn một tài liệu khác mang tên của 36 gián điệp đã cài cắm vào bộ máy của đảng mình.”

Một ống của chiếc quần pyjama kẻ sọc nâu mà ông Thương mặc quét lủng lảng xuống sàn nhà. Ống quần kia được nhét dưới người ông, nhưng lớp vải mỏng đến nỗi tôi có thể nhìn thấy phần thịt cụt từng là chân ông trước kia chuyển động phía dưới. Tôi cố tập trung nhìn vào mắt ông Thương trong khi một chiếc quạt lửa không khí nóng nực vào người chúng tôi và ông kể tiếp câu chuyện của mình. Ông Thương đang đi xe máy trên đường xuống Củ Chi thì một chiếc trực thăng lượn vè vè trên đầu. Tên chỉ điểm “hồi chánh” đang ở

trên máy bay, chỉ tay vào ông. Một giọng nói oang oang cất lên qua loa, gọi ông bằng bí danh, trong khi tụi lính dùng thang dây tụt xuống đất. Nguyễn Văn Thương bắn cháy cánh quạt bằng khẩu súng ngắn của mình. Chiếc trực thăng đâm sầm xuống một cánh đồng và nổ tung. Thương giấu tài liệu của mình cùng một nghìn đô la tiền mặt trong một con mương rồi bắt đầu chạy băng qua cánh đồng lúa.

Một tiểu đoàn lính dù săn lùng ông. Ông bị bao vây bởi 400 lính Mỹ và 300 lính Nam Việt Nam. Với 21 viên đạn còn lại, ông tiêu diệt 21 lính địch. Ông nhảy vào một công sự để trốn nhưng rồi lại bị lừa ra bằng khí ngạt và bị bắt sống rồi cho lên trực thăng đưa về một căn cứ quân sự của Mỹ. Tại đây ông phải đối mặt với cám dỗ. “Một đứa con gái đẹp đến phục vụ tôi. Nó mời tôi tham gia chương trình ‘chiêu hồi’. Thêm những đứa con gái xinh đẹp khác đến, thủ thi, cố tìm cách thuyết phục tôi khai nhận tên tuổi của mình. Một tên đại tá Mỹ bắt đầu tra khảo tôi bằng tiếng Việt. Tôi khai với hắn tôi là một nông dân, nhưng chúng kiểm tra bàn chân để xem tôi có đi dép cao su không. Chúng thấy là tôi toàn đi giày. Chúng kiểm tra cả tay tôi. Tay tôi không có vết chai của một người làm ruộng.”

Viên đại tá hứa hẹn cho Nguyễn Văn Thương một trăm nghìn đô la và một biệt thự lộng lẫy nếu ông chịu khai ra đồng đội mình và đứng về phía Mỹ. Họ sẽ phong cho ông quân hàm trung tá. Họ sẽ cho ông một chiếc Mercedes và rất nhiều gái. Trong khi ông Thương kể lại những gì xảy ra tiếp theo, ngôi nhà ngập tràn mùi thức ăn của bữa trưa từ trong bếp. Bầu không khí vốn đã ẩm ướt đặc quánh lại với mùi hành tỏi. Bà vợ ông Thương ra mở rồi lại đóng cổng trước trong khi các thành viên trong gia đình lũ lượt đi qua phòng khách. Đó là con trai ông Thương đi làm về và hai đứa cháu trai ông cùng một cô cháu gái, cô bé mặc một chiếc áo đồng phục học sinh màu xanh với chiếc khăn quàng đỏ trên cổ.

“Tôi có thể cứu được mình, nhưng tôi chọn cách cứu mạng lưới của tôi,” ông Thương nói. “Thực ra tôi biết tên của nhiều người liên

quan trong một số mạng lưới. Điều này trái với những quy định chung của chúng tôi, tức là tôi chỉ được phép biết về một mạng lưới mà thôi, nhưng tôi lại biết nhiều mạng trong số đó. Tôi có thể chỉ cho chúng lần đến tận cùng, cho chúng biết tên của những điệp viên quan trọng nhất làm việc cho cách mạng. Chúng biết tôi là chìa khóa để triệt phá những mạng lưới tình báo của chúng tôi ở miền Nam.”

Thùy Dương, cô gái xinh đẹp nhất trong số những kẻ đến quyền rũ, đến thăm ông một lần cuối cùng, van xin ông đứng về phía Mỹ. Sau khi cự tuyệt, ông bị đẩy sang một căn phòng khác, nơi màn đánh đập bắt đầu. Cuối cùng những kẻ giam giữ đập nát hai bàn chân của ông và bắt đầu cưa chân. Đến đây câu chuyện trở nên hơi mơ hồ, vì những lý do có thể hiểu được, nhưng tôi ngờ rằng nó cũng phải khoác thêm bất kỳ màu sắc nào khác tùy thuộc vào đối tượng thính giả của ông Thương. Trong một số phiên bản, một bác sĩ người Nam Hàn đã cắt chân của ông. Trong những câu chuyện khác, một bác sĩ Nam Việt Nam và trong phiên bản khác nữa thì lại là một bác sĩ người Mỹ. Khi tôi gắng hỏi các chi tiết, ông nói với tôi rằng các bác sĩ Nam Hàn và Mỹ thay phiên nhau cắt chân ông.

“Chúng cắt cụt bàn chân phải của tôi. Tôi ngất đi. Chúng cắt nốt bàn chân trái của tôi. Hai tháng sau chúng lại cắt tiếp. Cứ hai tháng một lần chúng lại cắt thêm một phần cơ thể tôi. Tổng cộng chúng đưa tôi lên bàn và cưa chân tôi sáu lần.” Tên đại tá người Mỹ bảo chúng: ‘Các anh cứ cắt bỏ hết cả người nó đi. Chỉ cần để lại cái lưỡi trong miệng nó là được.’”

Tôi cảm thấy chệnh choáng khi chiếc quạt tiếp tục lùa hơi nóng vào mặt tôi còn ngửi nhà thơm phức mùi cơm và thịt rán. Nguyễn Văn Thương được đưa tới một nhà tù nơi Ba Quốc làm việc. Đây là bí danh của Đặng Trần Đức, một điệp viên tình báo cộng sản cũng làm việc cho bác sĩ Trần Kim Tuyền và mật vụ. Hai người nhận ra nhau nhưng cả hai đều không để lộ danh tính của người kia. Cuối cùng ông Thương bị đày ra Phú Quốc, một trại tù trên đảo giống

như Côn Đảo. Năm 1973, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, sau “bốn năm và bốn ngày trong tay kẻ thù”, ông được trả tự do.

“Nhiều năm sau tôi gặp Phạm Xuân Ẩn, và ông cảm ơn tôi,” ông Thương nói. ‘Chắc chắn là anh đã cứu mạng tôi khi giấu những tài liệu đó,’ ông nói.” Ông Thương lục lọi trong chiếc hộp thiếc của mình rồi lấy ra một bức ảnh khác tại một buổi lễ đón tiếp chính thức của chính phủ. Trong ảnh, ông đang ngồi trên xe lăn tay ôm một bó hoa. Đứng cạnh ông, diện bộ vest màu nâu như boi quanh bộ khung xương xẩu, là một Phạm Xuân Ẩn đang mỉm cười.

Phạm Xuân Ẩn kể cho tôi cách ông chuyển tin tức của mình cho “phía bên kia”, theo cách gọi của ông. “Tôi viết báo cáo tin và những phân tích của mình bằng mực vô hình,” ông nói. “Cho một ít gạo vào xoong, rồi đặt lên trên ngọn lửa. Sau một lúc, chất gluten và tinh bột chảy ra. Rồi lấy một cái bút sạch. Tôi dùng thứ mà người Pháp gọi là một cái bút lông chim, bút lông, được làm từ lông ngỗng, mà tôi tĩa tốt bằng kéo. Tôi nhúng ngòi bút đã tĩa nhọn vào tinh bột gạo và dùng nó để viết lên thứ mà chúng tôi gọi là giấy xi măng, bởi vì nó có màu nâu vàng đúng như loại giấy dùng để bọc ngoài những bao xi măng. Tôi viết những báo cáo tin của mình trên loại giấy xi măng này, đây là công việc rất khó khăn, vì anh phải viết thật nhanh trước khi mực khô hết. Ngay khi mực khô hết anh không còn nhìn thấy là mình đang viết gì nữa. Anh bị lạc lối ngay giữa bản báo cáo của mình. Đó là lý do tại sao anh phải viết vào ban đêm, dưới một ánh đèn sáng. Anh không thể nào làm công việc này vào ban ngày, khi mọi người đi lại xung quanh. Vì thế tối nào tôi cũng đợi đến lúc nửa đêm, sau khi mọi người đã đi ngủ, mới bắt đầu viết những báo cáo tin của mình.”

“Anh phải đặt ngọn đèn rất sát vào tờ giấy khi viết. Mực bằng tinh bột gạo, khi còn ướt, rất bóng và phản chiếu ánh sáng, nhưng khi nó đã khô đi thì anh không thể nhìn thấy được gì nữa. Nên anh sẽ phải viết rất nhanh, đó là lý do tại sao anh nên học thuộc lòng báo cáo của mình. Anh phải viết liền một mạch, không ngừng lại trong

khi đang viết. Khi anh đã viết xong và mực đã khô, kết quả mà anh có là một mẫu giấy trông có vẻ bình thường. Anh dùng nó gói thứ gì đó, mấy cái chả giò hoặc cơm, rồi chuyển nó cho người giao liên của mình để mang vào trong cứ. Cơ sở của chúng tôi ở Phú Hòa Đông cũng không xa lắm.

“Khi báo cáo được chuyển đến, anh chỉ cần pha một loại dung dịch gồm nước, i ốt và cồn 100%. Anh dùng một miếng bông để phết dung dịch đó lên tài liệu. Dung dịch phải thật loãng với một chút i ốt thôi, không được quá đặc. Một chai i ốt nhỏ và một lượng nhỏ cồn cũng đủ dùng trong một thời gian dài. Anh có thể mua chúng ở bất kỳ hiệu thuốc nào với vài đồng bạc. Anh thấm ướt miếng bông rồi phết nó lên tờ giấy. I ốt làm biến màu tinh bột gạo, và đột nhiên những dòng chữ hiện lên. Anh đọc báo cáo rồi đốt tờ giấy đi.”

Phần còn lại trong công tác tình báo của cộng sản cũng sơ khai không kém. Khi Phạm Xuân Ẩn đến địa đạo Củ Chi đầu những năm 1960, thiết bị duy nhất để truyền những tin tức khẩn cấp về tổng hành dinh là một đường radio tín hiệu Morse tới Campuchia. “Sau đó những tin tức này được chuyển ra Bắc, lên Bộ Chính trị và tới ông Phạm Văn Đồng, người phụ trách mảng tình báo chiến lược,” Phạm Xuân Ẩn nói. Ông Phạm Văn Đồng là thành viên thứ ba trong ban lãnh đạo ba người tại miền Bắc, cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ông đã giành được uy tín cách mạng bằng cách trải qua sáu năm trong những chuồng cọp ở Côn Đảo. Là con trai nhà quan và từng là bạn học với Ngô Đình Diệm, ông Phạm Văn Đồng, thay vì làm việc cho Pháp, đã góp phần thành lập nên Việt Minh. Sau khi lãnh đạo cộng sản tiếp quản miền Nam Việt Nam năm 1975, **trong đó có cả việc đưa bốn trăm nghìn người đi “cải tạo” trong các nhà tù và trại tập trung lao động cưỡng bức**, ông Phạm Văn Đồng đảm nhiệm vai trò một thủ tướng theo đường lối cứng rắn của Việt Nam trong một thập kỷ.

Với mật độ tăng dần khi Tết đến, chuông công nhà Phạm Xuân Ân thường xuyên rung lên khi họ hàng và bạn bè đến thăm ông. Lũ chó nhà ông sủa nặng lên khi những vị khách ghé qua suốt cả ngày để biếu những cành hoa mai và những món quà khác vẫn được tặng qua lại trong dịp lễ. Bà Thu Nhận nhận quà và nói chuyện qua quýt với các vị khách ở một bên của căn phòng khách trong khi Phạm Xuân Ân và tôi nói chuyện ở phía bên này. Phạm Xuân Ân không bao giờ tự đưa ra lời khẳng định nào về tầm quan trọng trong những tin tình báo của mình. Ông hạ thấp đóng góp của mình trong cuộc chiến xuống mức chẳng qua là “công tác chiến lược dài hơi”. Chỉ sau khi gặp gỡ các đồng đội của ông trong ngành tình báo tôi mới bắt đầu nhận ra một bức tranh khác. Phạm Xuân Ân cung cấp tin tình báo chiến lược và chiến thuật cho miền Bắc, loại tin tình báo cần thiết để giành chiến thắng trong những trận đánh và tiến tới đánh bại đối phương. Trong bài báo trên tờ *The New Yorker*, tôi đã viết rằng Phạm Xuân Ân được tặng thưởng bốn Huân chương Quân công. Ông cũng không hề sửa lại cho tôi, và chỉ mãi sau khi Phạm Xuân Ân qua đời, khi những tấm huân chương của ông được gắn lên một tấm nhung đen phủ kính bên ngoài, tôi mới nhận ra rằng ông đã được tặng thưởng 16 huân huy chương, 14 tấm trong số này gắn với những chiến dịch quân sự cụ thể. Những tấm huân chương ghi nhận công lao của Phạm Xuân Ân trong việc chiến thắng hoặc giúp chiến thắng rất nhiều trận đánh **mà lẽ ra đã thất bại**.

Phạm Xuân Ân miêu tả cho tôi những chuyến đi mà ông thực hiện để đến địa đạo Củ Chi. “Tôi thường ở lại vài ngày để viết báo cáo và thông báo tình hình cho họ,” ông nói. “Khi sử dụng mực vô hình trên giấy, anh không thể viết được nhiều. Một cách khác để làm việc đó là tới Củ Chi và đánh máy những bản báo cáo dài hơn.”

Ông cũng đánh máy những báo cáo tin tại nhà, dùng một chiếc máy chữ Hermes cỡ nhỏ được Đảng Cộng sản mua cho. “Để ngăn địch có thể lần ra tôi từ những báo cáo này, chiếc máy chữ chỉ được dùng riêng vào việc soạn những báo cáo tin tình báo,” Phạm Xuân

Ẩn nói. “Trong khoảng từ 30 đến 100 trang, căn cứ vào hoàn cảnh, những báo cáo dài hơi này phản ánh triển vọng diễn biến của chiến tranh và tình hình chính trị trong thời gian vài tháng sắp tới. Sau khi chiến tranh kết thúc, tôi ném chiếc máy chữ này xuống sông.”

Những người cộng sản cũng mua cho Phạm Xuân Ẩn một chiếc máy ảnh Canon Reflex mà ông sử dụng để chụp những báo cáo của mình từng trang một. Ông để nguyên phim không tráng, cẩn thận để đoạn đầu phim thò ra khỏi cuộn bằng cách không tua hết lại cuộn phim. “Bằng cách này, nếu chẳng may người giao liên bị bắt, anh ta có thể rút phim ra và để nó bị lộ sáng. Có thể anh ta sẽ bị giết, nhưng không ai có thể đọc những gì tôi đã viết.”

Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn là ông đã bao giờ chụp ảnh những tài liệu mật chưa.

“Có chứ, thỉnh thoảng tôi cũng làm như vậy, nhưng như thế rất nguy hiểm,” ông nói. “Những tài liệu này thường được đóng dấu mật, chỉ được xem, tuyệt mật. Anh phải hết sức cẩn thận khi xử lý loại tài liệu như thế này. Có thể địch đang giăng bẫy anh. Ai đó chìa cho anh tài liệu, anh mang nó về nhà rồi chụp ảnh lại. Bất thành lính cảnh sát phá cửa xông vào và tóm anh. Đó là lý do tại sao tôi hình thành nên thói quen đọc những tài liệu này rồi trả lại chúng ngay lập tức. Như thế là đủ cho những gì tôi cần. Nhớ là tôi làm việc trong lĩnh vực tình báo chiến lược. Tôi không phải là một gián điệp. Gián điệp lại là một chuyện khác. Anh phải đánh cắp các tài liệu. Anh chụp ảnh tài liệu. Những tài liệu anh gửi về được chuyển đi nguyên văn. Tôi không bị yêu cầu làm những việc loại này, chỉ trừ trường hợp họ buộc tôi phải làm như thế. Điều này chỉ xảy ra khi họ không tin tưởng cách tôi phân tích sự việc. Họ sẽ yêu cầu bằng chứng, và tôi sẽ đưa cho họ một số tài liệu để chứng minh cho phân tích của mình. ‘Không có tài liệu, chúng tôi không thể hiểu nổi những gì anh nói,’ họ sẽ bảo tôi như vậy.”

Khi cuộc chiến tranh tiếp diễn và Phạm Xuân Ẩn ngày càng trở nên quan trọng và tình hình của ông mỗi lúc một nguy hiểm hơn,

thì ông trở nên ít tuân lệnh cấp trên của mình hơn. Ông được tiếp cận những tài liệu mật và được tham gia mọi khía cạnh liên quan đến kế hoạch tác chiến cũng như tin tình báo của đối phương. Những cấp trên cộng sản của ông - giống như các chỉ huy tình báo ở bất kỳ đâu - rất khát khao những tài liệu này. Khi họ gây sức ép buộc Phạm Xuân Ẩn phải đánh cắp và chụp ảnh chúng, ông đã từ chối. Ông sẽ không đòi nào chịu chết vì lấy cắp những mẫu giấy đóng dấu tuyệt mật này. Thay vào đó, ông sẽ diễn giải lại những gì ông đã đọc và thuật lại các số liệu trong những báo cáo gửi tới cho Chủ tịch Hồ Chí Minh và tướng Võ Nguyên Giáp. Họ phải tin ông, bởi vì những lời của Phạm Xuân Ẩn là vàng.

“Nếu họ không tin thì tôi cũng không quan tâm,” ông nói. “Đối với tôi điều đó rất đơn giản. Tôi làm việc cho họ. Tôi làm việc vì chính nghĩa, vì nhân dân Việt Nam. Tôi không làm việc cho bất kỳ cá nhân nào. Nếu họ không tin tôi, tôi chỉ việc phui tay bỏ đi là xong. Thỉnh thoảng họ nói: ‘Chúng tôi tin anh, nhưng chúng tôi cần có thêm chi tiết để hiểu những gì anh nói’. Trong trường hợp đó, có thể tôi sẽ gửi cho họ ảnh chụp tài liệu. Nhưng việc đó rất nguy hiểm, chụp ảnh những tài liệu mà theo quy định là không bao giờ được mang ra khỏi phòng của ai đó.”

Theo Phạm Xuân Ẩn, “một điệp viên phải đối mặt với ba thách thức. Thứ nhất là những lời nói dối. Anh ta sẽ gặp nguy hiểm nếu những điều hư cấu và hoang đường mà anh ta tán phát bị phát giác. Thứ hai là những sai lầm. Nếu chẳng may anh bị bắt giữ, không ai có thể cứu anh. Còn một loại sai lầm nữa xuất phát từ việc chứng kiến câu chuyện nhưng lại không báo cáo nó. Ví dụ, tôi đang ăn tối và nói chuyện với một người kể cho tôi biết rằng Norodom Sihanouk sắp bị lật đổ trong một vụ đảo chính. Đây là sự khởi đầu cho sự xâm lược của Mỹ vào Campuchia tháng 4 năm 1970, khi họ tấn công Đường mòn Sihanouk. Đây là thông tin quan trọng, nhưng tôi không báo cáo lại cho những người cộng sản. Lẽ ra tôi phải báo

cáo, và giá kể tôi làm như vậy, tôi đã cứu được rất nhiều mạng sống.”

“Tại sao ông không báo cáo tin đó?” tôi hỏi.

“Vì lúc ấy tôi quá bận,” ông nói. “Tôi còn cả trăm thứ khác để báo cáo. Những người bạn cho tôi biết chi tiết của vụ đảo chính, nhưng tôi không chuyển chúng đi. Đây là một sai lầm lớn. Tôi bị trách cũng đáng. Lẽ ra tôi phải báo cáo cho cấp trên của mình. Sau đó tôi nói với họ rằng tôi đã phạm sai lầm.” Đây có thể coi như một trong những lời xin lỗi hiếm hoi của Phạm Xuân Ẩn với những cấp trên của mình. Nhìn chung thì với họ ông có thái độ khá phớt lờ. Ông nắm chắc tình hình hơn và cũng khôn ngoan hơn họ. **Họ là những người miền Bắc mặc quần áo rách rưới, đi dép cao su, mẫu người khác khổ, đa nghi, nếu so với những người miền Nam vui tính và khá giả hơn**. “Thỉnh thoảng họ cật vấn tôi,” ông nói. “Họ nghi ngờ thông tin của tôi. Cứ khi nào họ hỏi tôi về tin của những nguồn tin, thì tôi lại nói:

‘Tôi là nguồn tin. Nếu các anh không tin tôi, hãy quên nó đi.’”

Phạm Xuân Ẩn luôn lảng tránh sang chuyện khác mỗi khi tôi hỏi ông về các chi tiết liên quan đến những tài liệu mật mà ông xử lý, nhưng rõ ràng là chúng được ấn vào tay ông bởi tất cả mọi người ở tất cả các bên. Phạm Xuân Ẩn đã từng là một trong những thành viên sáng lập của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Việt Nam và là phụ tá tin cần của Trần Kim Tuyến, giám đốc đầu tiên của tổ chức này. Ông được cho là làm việc cho CIA, và ông được tùy nghi xem xét những hồ sơ tư liệu của *Time*. Các sĩ quan trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa coi Phạm Xuân Ẩn như một nhà khí tượng chính trị địa phương. Ông là người dự báo mà bạn muốn hỏi ý kiến trước khi tiến hành một vụ đảo chính hoặc một chiến dịch hay những thay đổi lớn khác trong đời sống chính trị. Phạm Xuân Ẩn có thể giúp chỉ ra cách làm thế nào để vừa lòng những quan thầy Mỹ, trong khi vẫn đồng thời bảo vệ được người bản địa và tranh thủ kiếm thêm chút đỉnh. Phạm Xuân Ẩn không bao giờ tỏ ra phán xét hay chỉ trích.

Ông không thả mình vào bất kỳ thứ gì trong vô số những cảm dỗ của thành phố, nhưng luôn sẵn lòng đi cùng bạn bè bất kỳ lúc nào họ tạt vào những vũ trường hoặc tiệm thuốc phiện. Người Mỹ đang rút những khoản tiền khổng lồ vào Việt Nam. Các tướng lĩnh miền Nam Việt Nam đang chóng vánh ăn cắp số tiền đó bằng mọi cách nhưng họ vẫn phải giả đò là đang đại diện cho quyền lợi của Mỹ. Họ muốn chỉ huy binh sĩ của mình đi “tác chiến” nhưng lại tránh chạm trán đối phương. Phạm Xuân Ẩn tạt qua khắp những quán cà phê và nhà hàng của thành phố như một bác sĩ đi khám tại các gia đình. Ông khuyên mọi người làm thế nào để phân biệt những lỗi nhỏ có thể được nhắm mắt làm ngơ với những sai lầm nghiêm trọng có thể khiến anh bị sa thải hoặc mất mạng.

“Tôi có hàng trăm người bạn, ở khắp mọi nơi,” ông nói. “Chúng tôi thường tụ tập bàn bạc với nhau. Tôi thường giúp họ nghiên cứu những tài liệu đóng dấu tối mật hoặc chỉ được đọc tại chỗ. Họ thường để tôi đọc, rồi sau đó chúng tôi sẽ trao đổi về ý nghĩa của những tài liệu này. Hoặc là họ sẽ đề nghị tôi giúp họ sửa chữa những báo cáo mà họ đang chuẩn bị gửi cho người Mỹ.”

Những tài liệu này ở đâu ra? “Tài liệu đến từ bên quân đội, tình báo, mật vụ, từ đủ các loại nguồn,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Chỉ huy của các đơn vị quân đội, sĩ quan của những lực lượng đặc biệt, hải quân, không lực - tất cả họ đều giúp tôi, và thỉnh thoảng họ lại cần sự giúp đỡ của tôi. Tôi phải đáp lại thịnh tình của họ. Họ gặp một vấn đề. Họ phải giải quyết với người Mỹ như thế nào? Ví dụ như khi người Mỹ đổ quân vào Việt Nam năm 1965, các tướng lĩnh Việt Nam (Cộng hòa) biết rằng họ sẽ mất quyền chỉ huy vào tay người Mỹ. Trước kia họ được độc lập, được tự mình đưa ra quyết định, trừ việc phải đối phó với các cố vấn Mỹ, nhưng giờ thì tình hình đã thay đổi.” Phạm Xuân Ẩn miêu tả một đất nước đầy rẫy những viên tướng lo lắng, những người được chỉ thị không được để xảy ra thương vong trên chiến trường, những chính trị gia hoang mang trước cung cách lạ lùng của những cuộc bầu cử gian lận và gọi đó là

“dân chủ”, và những điệp viên lo âu về việc các cơ quan tình báo cạnh tranh đang phá hoại hoạt động buôn ma túy và những mối làm ăn béo bở khác. Là bậc thầy về nghệ thuật quanh co và lòng vòng, người Việt Nam đã học được cách đối phó với sự hiện diện ít ỏi của người Mỹ, nhưng lực lượng chiếm đóng mới lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Trong cơ chế trao đổi giữa những người cần lời khuyên của Phạm Xuân Ẩn và ông thì cần thông tin của họ, tài liệu được trao tay, dù chỉ là trong một thời gian ngắn.

Tình hình chính trị tại Việt Nam thay đổi rất nhanh chóng khi đợt đầu tiên của lực lượng về sau lên đến nửa triệu binh lính đặt chân đến đất nước này. “Khi Mỹ đưa quân vào năm 1965, điều này tạo ra những vấn đề cho những người Việt Nam đang cai trị ở miền Nam,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi khuyên họ nên tập trung lại và thảo luận với nhau về cách đối phó với người Mỹ như thế nào. ‘Đến thời điểm này các anh vẫn luôn độc lập. Nhưng hiện tại câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào các anh có thể duy trì được quyền chỉ huy của mình? Nếu không hài lòng với các cố vấn Mỹ, các anh có thể tống cổ họ đi.’”

Đây là lời khuyên hữu ích mà một điệp viên cộng sản có thể nói với các tướng lĩnh đang chỉ huy quân đội kẻ thù của anh ta. Khi tôi nghe Phạm Xuân Ẩn kể câu chuyện này, tôi thích thú cảm nhận sự châm biếm của nó. Rất nhiều nhận xét tương chừng như ngây thơ của Phạm Xuân Ẩn lại ẩn chứa những điều mang hai ba tầng nghĩa. Chúng giống như những hòn sỏi lăn lông lốc xuống triền núi. Chúng bắn tung tóe qua bãi đá vụn của những giả định hàng ngày và tích tụ lại thành những tảng đá mang đầy ý nghĩa trước khi chạm đến đáy với những hậu quả đủ lớn để san bằng cả một đất nước. Phạm Xuân Ẩn giúp quân đội Việt Nam Cộng hòa hình thành nên phản ứng của mình trước sự có mặt của binh lính Mỹ và đồng thời cung cấp thông tin này cho các đồng đội Bắc Việt Nam của mình. Ông là một cố vấn được tin cậy ở miền Nam và là một nguồn tin giá trị đối với miền Bắc. “Đây đúng là lời khuyên giá trị,” người ta có thể hình dung cánh tướng lĩnh miền Nam Việt Nam đang thốt lên.

“Hãy tổng cổ bọn Mỹ đi và tự mình đương đầu với cộng sản!” Suy nghĩ lại thì có lẽ đây cũng không phải là ý tưởng hay cho lắm, tất nhiên là trừ phi người ta quan tâm đến việc để thua cuộc chiến này.

Phạm Xuân Ân là một nhà môi giới thông tin trung thực hay là bậc thầy của nghi binh, nơi mà chính sự thật là yếu tố gây bất ổn định? Lời cáo buộc rằng Phạm Xuân Ân cài cắm thông tin giả trong những trang viết của *Time* thật là không có giá trị. Đây hẳn sẽ là một sứ mệnh sai lầm dành cho một con người quá xuất sắc trong việc phát tán thông tin chính xác. Phạm Xuân Ân không việc gì phải nói dối bất kỳ ai. Lời khuyên của ông là tiêu chuẩn vàng về sự chính xác. Phạm Xuân Ân có thể nói cùng một sự thật đó với bất kỳ ai ở bất kỳ đâu vì ông cho rằng sớm muộn sự thật đó cũng tự bộc lộ. Kết thúc hợp logic cho cuộc chiến đẫm máu này là một chiến thắng cách mạng cho một nước Việt Nam độc lập. Đó là sự thật mà Phạm Xuân Ân tin tưởng một cách mãnh liệt, cho dù đó không phải lúc nào cũng là sự thật mà ông bộc lộ.

Khi Phạm Xuân Ân đến làm việc cho Time Inc. năm 1964, cứ năm người Mỹ thì lại có một người đọc ấn phẩm của Luce, là *Time*, tờ tuần san tin tức đầu tiên của cả nước, hoặc những người chị em của nó là *Life* và *Fortune*. Được sáng lập năm 1923 bởi Henry Luce và người bạn cùng lớp ở trường dự bị đại học Hotchkiss của ông là Briton Haddon (người qua đời vì nhiễm liên cầu khuẩn năm 1929), *Time* là một phần của một thế lực xuất bản không gì cản được. Với tổng doanh số phát hành mỗi tuần lên đến 50.000.000 bản, Luce khi ở đỉnh cao quyền lực của mình là bộ trưởng thông tin không chính thức của nước Mỹ. Ông ta có ảnh hưởng cực kỳ to lớn trong việc định hướng dư luận Mỹ và hình thành chính sách công, và việc làm tại một trong những tạp chí của Luce chỉ dành cho những phóng viên cùng các nhiếp ảnh gia có tay nghề ở đỉnh cao nhất.

Với biệt hiệu “Chink^[30]” vì ông được sinh ra ở Trung Quốc năm 1898 trong một gia đình có cha là mục sư Giáo hội Trưởng lão Scotland, Luce phát triển một văn phong đặc trưng dùng để viết tin,

thông tuệ, hoạt bát và cực kỳ tự tin. Thế giới được phân chia một cách rạch ròi kiểu giáo lý Mani thành những vùng “tự do” và “không tự do”, chủ yếu là vùng theo cộng sản, và sứ mệnh của nước Mỹ là lãnh đạo cuộc đấu tranh chống lại lực lượng vô thần này. Luce trình bày quan điểm của mình một cách vang lừng nhất trong bài xã luận được viết năm 1941 cho tờ *Life* có nhan đề “Thế kỷ của nước Mỹ”. Theo Luce, những quyền lợi chính trị của nước Mỹ và giá trị cũng như niềm tin của nó sẽ định hình nên thế kỷ 20, và bất kỳ ai chống lại nước Mỹ sẽ phải lãnh chịu hậu quả. Có một thái độ hăng máu, một tình yêu thể thao và chiến tranh, trong những tạp chí của Luce và bất kỳ khi nào nước Mỹ tham dự một cuộc chiến tranh, thì bao giờ nó cũng nghiêm nhiên là một cuộc chiến đấu chính nghĩa.

Cho đến tận khi qua đời năm 1967, Luce thích lượn vòng quanh thế giới, kinh lý qua những vùng biên viễn thuộc đế chế của mình, ăn tối với các vị đại sứ và tổng thống. Khi ghé qua Sài Gòn, đôi lần ông ta bắt tay Phạm Xuân Ẩn và những nhân viên khác của mình. Cao 1,83 mét, hút thuốc như ống khói với đôi mắt xanh nhạt và một vẻ chăm chú dữ dội đến cau mày lại, Luce luôn oang oang nói ra quan điểm của mình với quyền lực tuyệt đối. Như lời Luce nói về chiến tranh Việt Nam trong một chuyến thăm của ông ta đến văn phòng đại diện tại Sài Gòn: “Đó là cuộc chiến đúng đắn ở đúng nơi, đúng lúc. Tất cả những gì chúng ta phải làm là dọn dẹp sạch sẽ tình hình chết tiệt này rồi thiết lập một chế độ nhiếp chính của người Mỹ; sau đó mọi chuyện sẽ chấm dứt.”

McCulloch kể một câu chuyện về Henry Luce, hay “Harry”, như ông ta vẫn thích được gọi, đến thăm McCulloch ở “ngay tại trận”. Như lời thuật lại trong buổi phỏng vấn với David Felsen, McCulloch bố trí một bữa dạ tiệc tại Sài Gòn cho Luce, đại sứ Australia, trưởng đại diện CIA và các quan chức khác. Đánh giá tiêu cực của họ về triển vọng của cuộc chiến tranh làm Luce bức bối. “Luce càng lúc càng tức giận hơn cho đến khi ông ta đập bàn cái rầm và nói: ‘Tôi biết giải pháp là gì. Chúng ta đặt một quan tổng trấn vào đây và dọn

đẹp nó đi rồi rút ra'." Sự im lặng bao trùm quanh bàn ăn, con tức giận của Luce đã chấm dứt buổi dạ tiệc.

Thực hiện cái mà ông ta gọi là "làm báo theo nhóm", Luce nhất quyết đòi các ấn phẩm của ông ta phải nói cùng một giọng thống nhất, thông tuệ và tập thể. Để đạt mục tiêu này, ông ta huy động một đội ngũ nhân viên khổng lồ được trả lương hậu hĩnh. Các phóng viên của ông ta tạo thành một trong những tổ chức thu thập tin tức tinh nhuệ nhất thế giới, và trong số các biên tập viên của ông ta có một số nhà văn danh tiếng nhất nước Mỹ. Cùng hợp sức, họ tạo ra một giọng văn xuôi không tên tuổi, thuần nhất, được thể hiện trong những bài báo không đề tên người viết cực kỳ không đáng tin cậy. Kiểu sản phẩm tập thể này tạo ra vỏ bọc hoàn hảo cho một điệp viên. Phạm Xuân Ẩn tham gia vào bài viết của tất cả mọi người, đưa ra lời khuyên đối với phần lớn những nội dung điện được đưa ra khỏi Sài Gòn, trong khi hầu như không để lại dấu vết nào về bản thân trong đồng tư liệu của tờ tạp chí.

Các phóng viên thường trú của Luce thường chết đuối người khi tờ tạp chí in ra hoàn toàn ngược lại những gì họ đã phản ánh. Cứ như thể làm việc ở New York toàn là những nhà lôgic điên rồ. Các phóng viên thường trú viết những bài báo ngon ngon và thu thập cả đồng những miêu tả sống động. Họ phỏng vấn tất cả các quan chức hàng đầu và thu thập tất cả những tài liệu tốt nhất. Dữ liệu thô của họ là vàng. Tờ tạp chí xuất bản ra là chì. Phạm Xuân Ẩn hài lòng khi giữ cho mình đứng ngoài được những cuộc chiến về quyền hạn biên tập ở New York và sung sướng vì tên của ông ít khi xuất hiện trên tờ tạp chí, chỉ trừ trên mục danh sách phóng viên và biên tập viên. Không ai có thể lần ra ông từ các bài viết. Không ai có thể bóc lột ra ông biết gì và biết lúc nào. Vị trí của ông trong tờ tạp chí càng cao bao nhiêu thì ông càng viết ít bấy nhiêu. Ông là nguồn tin nền, nhà cố vấn, người rò rỉ tin, kẻ mách nước, người săn lùng tin, và phiên dịch - nhưng không phải là tác giả - của những bài viết của *Time* chuyển ra khỏi Việt Nam. Phạm Xuân Ẩn là người tâm phúc trong

sự tin tưởng của tất cả mọi người. Ông đang thực hiện **một tội ác** hoàn hảo, hoàn toàn không có dấu vết lúc phá cửa và đột nhập vào trong, không dấu vân tay tại hiện trường. Chỉ có Phạm Xuân Ẩn, mỉm cười và đùa bỡn như mọi khi, trong khi vẫn nhòm ra từ phía sau chõng giấy chất đống trên bàn làm việc của mình.

Chắc hẳn rằng một nhà báo nổi tiếng thì kiểu gì cũng phải có ít nhất một bài báo đáng giá, nhiều người khẳng định rằng Phạm Xuân Ẩn viết bài báo tin Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần năm 1969, nhưng Phạm Xuân Ẩn phủ nhận mình là tác giả.

“Với một sự kiện lớn như vậy, các phóng viên thường trú từ khắp nơi trên thế giới đều đóng góp, cùng với các phóng viên tự do và những người khác. Sau đó những người viết lại ở New York sẽ đảm nhiệm phần việc rất lớn trên nguồn tư liệu này.

Họ sẽ sàng lọc qua và cho ra một bài báo theo đúng hẹn.”

Những bài báo của *Time* thường vô danh, không có hàng đề tên người viết, và phải mãi đến năm 1970 thì Murray Gatt, người phụ trách các phóng viên thường trú, mới đưa tên của Phạm Xuân Ẩn vào danh sách phóng viên, biên tập viên. Trưởng đại diện tại văn phòng Sài Gòn khi đó là Jonathan Larsen, con trai của một trong những biên tập viên sáng lập ra tờ tạp chí. Phạm Xuân Ẩn liệt kê danh sách tám trưởng văn phòng đại diện mà ông phục vụ dưới quyền - Frank McCulloch, Simmons Fentress, William Rademaekers, Marsh Clark, Jonathan Larsen, Stanley Cloud, Gavin Scott, Peter Ross Range - ông đọc tên của họ với vẻ trịnh trọng cứng nhắc như thể đang liệt kê các triều đại Việt Nam.

Phạm Xuân Ẩn cũng hình thành mối quan hệ thân thiết đùa bỡn với một vài người trong số này kiểu như mối quan hệ giữa ông với Edward Lansdale trước kia. Bằng cách biến những tập tục kỳ lạ của phương Đông thành những lời khuyên cá nhân, ông trở thành Abby Thân mến^[31] về rối loạn chức năng sinh lý, tăng khoái cảm, trường thọ, và các phương thuốc khác của y học cổ truyền phương Đông,

cung cấp đủ các loại thuốc tán và thang thuốc cho những người bạn cần dùng. “Tôi cho Jonathan Larsen một số loại thuốc bắc để có con. ‘Đây là loại thuốc rất đắt tiền, rất giàu vitamin E,’ tôi bảo anh ta. ‘Hãy dùng thuốc hằng ngày và, trong thời gian đó, anh chỉ nên quan hệ tình dục với vợ mình thôi. Đừng có đi lăng nhăng vãi giống khắp mọi nơi.’ Tôi không biết anh ta có nghe lời tôi không, nhưng anh ta có nhận thuốc tôi đưa.”

Bất chấp những lời buộc tội của các biên tập viên tạp chí *Time* tại New York rằng đội ngũ báo chí Sài Gòn là một lũ những kẻ than khóc yếu bóng vía đưa tin về chiến tranh từ quán bar trên sân thượng của khách sạn Caravelle (lời buộc tội này, được đăng trên mục “Báo chí” của tờ tạp chí, đã dẫn đến việc Charley Mohr từ chức), công tác tại Đông Nam Á trong thời chiến tranh là một nhiệm vụ nặng nề, nguy hiểm và nhiều khi chết người. Ba phóng viên của Time-Life đã thiệt mạng trong cuộc chiến, và rất nhiều người bị thương. Tổn thất đầu tiên là phóng viên ảnh Robert Capa của *Life*, người bị giết khi đang thực hiện nhiệm vụ tại Đông Dương năm 1954. Tổn thất cuối cùng cũng lại là một phóng viên ảnh Larry Burrows, người suốt chín năm liền làm công việc phóng viên chiến trường, phóng sự ảnh, và 22 trang bìa cho tạp chí *Life* trước khi chiếc máy bay trực thăng của miền Nam Việt Nam chở anh ta bị bắn rơi tại Lào năm 1971.

Trong một cuộc chiến dai dẳng với những ranh giới luôn dịch chuyển và những lòng trung thành ẩn trong bóng tối, bị bắt là một nguy cơ nghiêm trọng. Phạm Xuân Ẩn nhận được thông báo về những đảng viên cộng sản bị bắt giữ và nơi họ đang bị giam. Trong rất nhiều trường hợp ông đã đứng ra bảo đảm cho những phóng viên đồng nghiệp ngoại quốc của mình và làm việc thông qua những kênh bí mật để họ được trả tự do. Trước mặt mọi người, ông làm ra vẻ hoàn toàn bất lực. Trong khi hỗ trợ đồng nghiệp của mình là phóng viên Robert Sam Anson của tạp chí *Time*, suýt chút nữa thì

Phạm Xuân Ân bị lộ. Một cố gắng khác để trả tự do cho phóng viên ảnh Sean Flynn của *Time* mang lại kết cục là thất bại.

Flynn, con trai của nữ diễn viên Pháp Lili Damita và diễn viên người Mỹ sinh tại Tasmania^[32] Errol Flynn, người đóng vai chính trong phim *Captain Blood* (Thuyền trưởng Blood) và những bộ phim đấu kiếm khác, đã rời bỏ trường đại học và lang bạt khắp thế giới, luân phiên giữa những trường quay cho đến các vùng chiến sự, thế rồi anh ta đến Việt Nam năm 1965. Flynn coi Audie Murphy, người hùng chiến tranh đóng vai người Mỹ trầm lặng trong bộ phim đầu tiên được chuyển thể từ tiểu thuyết của Greene, như thần tượng. Flynn thuê nơi mà anh ta tưởng là căn hộ của Murphy trên đại lộ Catinat. Đáng tiếc là anh ta đã mắc sai lầm. Nơi anh ta thuê hóa ra lại là căn hộ của Michael Redgrave, người đóng vai nhà báo Anh vốn là thần tượng phật Audie Murphy. Chính từ ban công của căn hộ này mà Redgrave đã ra hiệu để Murphy bị khử.

Tháng 4 năm 1970, chàng thanh niên Flynn 29 tuổi và nhiếp ảnh gia đồng nghiệp Dana Stone rời Phnom Penh trên những chiếc xe máy đi thuê để tìm kiếm mặt trận giao tranh tại Campuchia. (Campuchia đã trở thành một điểm nóng khác tại châu Á sau khi ông hoàng Norodom Sihanouk bị phế truất và quân đội Mỹ xâm lược nước này). Bị Khmer Đỏ bắt giữ ở miền Đông Campuchia, Flynn và Stone bị giết vào năm sau. “Họ bị bắt ở Chi Pou, cách Phnom Penh không xa,” Phạm Xuân Ân kể với tôi. “Họ bị Khmer Đỏ giết **ngay lập tức**, nhưng khi đó chúng tôi không biết chuyện này. Tất cả những gì chúng tôi biết lúc đó chỉ là họ đã bị bắt.”

Ngay khi tin tức về vụ bắt giữ hai phóng viên ảnh về đến Sài Gòn, *Time* đã phát động một chiến dịch giải cứu. Được sự hỗ trợ của các văn phòng đại diện khác từng có phóng viên bị mất tích, họ phái đi phóng viên tự do Zalin Grant, người đã từng làm việc trong ngành phản gián quân đội trước khi viết cho *Time*. “Ông ta cần hai người đi cùng với mình để phỏng vấn những người tị nạn vượt biên từ

Campuchia sang,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Vượng và tôi đi cùng ông ta đến Trảng Bàng, nơi rất nhiều người tị nạn đang từ Campuchia ùn ùn đổ sang. Chúng tôi hỏi xem họ có nhìn thấy hai phóng viên ảnh Sean Flynn và Dana Stone không.” Nỗ lực giải cứu được tiếp tục thêm vài năm sau đó bởi phóng viên ảnh người Anh Tim Page, người đã bị thương rất nặng trên biên giới Campuchia khi làm việc cho *Time*. Phạm Xuân Ẩn còn được cử đi trong một sứ mệnh khác liên quan đến Flynn. Ông được cử đi dọn sạch căn hộ của anh này, nơi chứa đầy cần sa và một bộ sưu tập không lồ các loại súng được nhặt về làm kỷ vật chiến tranh. “Cũng may là chúng tôi đến đó trước cảnh sát,” Phạm Xuân Ẩn nói.

Phạm Xuân Ẩn còn nỗ lực để cứu mạng những tù binh khác, gồm cả một “chủ trang trại nuôi bò sữa”, mà thực ra là một đại tá trong không quân Australia. Trong những lần khác ông cố ngăn lực lượng cộng sản tấn công những ấp chiến lược do các nông dân bị bắt làm lính bảo vệ. “Năm 1967, Rufus Phillips và tôi biết tin về một số hoạt động giao tranh bên ngoài Sài Gòn khoảng 15 kilômét. Anh ta túm lấy tôi và nói: ‘Ẩn này, tại sao chúng ta không đến đó xem thử coi?’ Chúng tôi đến đó trên chiếc xe bé tí của tôi. Rufe^[33] là một người to lớn. Anh ta khó khăn lắm mới ngồi lọt vào trong xe tôi. Bob Shaplen có thể đi cùng xe với tôi, nhưng như thế cũng là giới hạn rồi. Tôi không thể nhét ai to hơn thế vào nữa.”

“Chúng tôi nhận thấy là rất nhiều nông dân nghèo đã bị giết. Họ đã bị cưỡng bức phải làm việc cho phe chính phủ, như là một bộ phận của lực lượng dân vệ. Đây là điều anh phải làm nếu không muốn bị bắt đi quân dịch. Họ bị giết trong cuộc tấn công vào ngôi làng. Đây là những nông dân sống trong các túp lều tranh. Con cái họ quần áo rách rưới đang vạ vật quanh làng. Giờ đây những người lính đã chết, gia đình họ thậm chí còn không có đủ tiền mua quan tài cho họ.”

“Tôi đã phản ánh với những người hoạch định chính sách,” Phạm Xuân Ẩn nói. Ông muốn Việt Cộng ngừng tấn công những ấp chiến

lược của Phillips, nhưng tôi có thể nhận ra từ cái nhún vai của Phạm Xuân Ân rằng sự can thiệp của ông đã thất bại. “Tôi cảm thấy xót xa khi nhìn thấy những người bị giết, cả người Mỹ nữa,” ông nói. “Họ đều rất trẻ và vô tội. Số phận con người thật nghiệt ngã. Chúng ta không biết chúng ta là anh em hay kẻ thù nữa. Chỉ có Chúa mới có thể trả lời câu hỏi này, nhưng từ trước đến giờ Người vẫn từ chối trả lời. Vấn đề là thế đấy.”

Khi từ vùng nông thôn trở về, Phạm Xuân Ân thấy đứa con trai bốn tuổi của ông đang khóc òa và hờn dỗi. “Tôi cho ngay nó một cái tát vào mặt. Lúc đó tôi nghĩ đến những con người tội nghiệp đã chết và lũ trẻ trong cái làng đó còn không đủ ăn. Chúng thậm chí còn không có lấy một cái bát sành. Chúng ăn bằng những cái bát vỏ dừa, còn con trai tôi đang ở đây, ở trong một ngôi nhà tiện nghi, với một chiếc giường ấm áp sạch sẽ, vậy mà nó vẫn còn khóc lóc. Tôi chỉ muốn lần sau đưa nó đi cùng mình ra chiến trường, cho nó thấy cảnh giết chóc cùng với máu đỏ và những người nông dân nghèo bị giết. Vợ tôi sợ như thế nó sẽ không chịu được. ‘Cho nó xem đám tang thôi,’ bà nói, ‘đừng để nó thấy máu.’”

Bốn tháng sau khi Sean Flynn mất tích, Phạm Xuân Ân tham gia nỗ lực giải cứu đồng nghiệp của mình là Robert Sam Anson, người bị bắt ở Campuchia tháng 8 năm 1970. Anson là một nhà báo 25 tuổi đã đến Sài Gòn từ năm trước. Anh đã để lại người vợ và hai đứa con nhỏ ở Singapore để nhập hội cùng năm phóng viên khác của *Time* tại Sài Gòn nhằm phản ánh cái mà anh gọi là “câu chuyện nguy hiểm, thú vị, hấp dẫn và lớn nhất trong tất cả”. Một thời gian ngắn sau khi đến nơi, Anson kết luận rằng “cuộc chiến tranh tại Việt Nam thật tàn bạo và vô đạo đức”. Đó là một cuộc “chiến tranh xâm lược tội lỗi kiểu thực dân mới”. Chẳng có lợi lộc gì lại đi đăng những quan điểm như vậy, nên *Time* trục xuất Anson khỏi văn phòng Sài Gòn và tổng anh sang phụ trách mảng Campuchia - một vị trí khó khăn, một nhánh nhỏ nguy hiểm của cuộc xung đột chính. Anson lại

nhanh chóng phản đối một cuộc chiến khác mà anh thấy là còn tàn bạo và vô nghĩa hơn cả cuộc chiến tại Việt Nam.

Trong một hành động can đảm phi thường, Anson cố ngăn chặn một vụ thảm sát ở một làng thuộc tỉnh Takeo của Campuchia. Hai trăm dân thường Việt Nam đã bị người Campuchia dồn lại và tống vào một trại cải tạo, nơi họ sẽ bị giết. Hàng ngày Anson đều lái xe ra để kiểm tra tình hình các tù nhân Việt Nam. Anh ngăn chặn được vụ thảm sát trong vài ngày, nhưng một buổi sáng anh đến nơi thì đã nhìn thấy một đống những xác chết đẫm máu, trong đó vẫn còn vài đứa trẻ thoi thóp thở. Khi Anson bị bắt sau đó, chính những lời kể của Phạm Xuân Ẩn về hành động tốt đẹp của anh ở Takeo đã thuyết phục được những người cộng sản trả tự do cho anh.

Sau ba tuần bị bắt giữ, Anson được tặng một đôi dép Bác Hồ như một món quà chia tay và trả tự do. Anh tìm đường quay trở lại Sài Gòn và lao sầm vào văn phòng *Time* để ôm chặt lấy Phạm Xuân Ẩn thay lời cảm ơn. Phải đến 18 năm sau Anson mới biết chắc chắn rằng chính Phạm Xuân Ẩn đã cứu mạng mình, nhưng vợ của Anson đã cầu xin Phạm Xuân Ẩn giúp đỡ, và ông đã hứa làm những gì có thể - một lời hứa nguy hiểm, mang hàm ý ông có thể làm điều gì đó. “Tôi rất mềm lòng khi thấy phụ nữ và trẻ em đang khóc lóc,” Phạm Xuân Ẩn thừa nhận. Năm 1988, khi Anson đến thăm Phạm Xuân Ẩn tại Việt Nam, anh đã hỏi: “Tại sao anh lại cứu tôi, nếu như anh đúng là kẻ thù của đất nước tôi?” Phạm Xuân Ẩn trả lời: “Đúng, tôi là kẻ thù của đất nước anh, nhưng anh là bạn tôi.” Đến tận ngày hôm nay, Anson vẫn làm việc với một bức ảnh của Phạm Xuân Ẩn trên bàn mình.

Zalin Grant, cộng tác viên của *Time* từng làm trong tình báo quân sự, khẳng định rằng Phạm Xuân Ẩn là “trường hợp được biết đến đầu tiên về một điệp viên cộng sản xuất hiện trên danh sách nhân viên của một ấn phẩm lớn tại Mỹ với tư cách phóng viên”. Điều này có thể là đúng, nhưng từ lâu nay *Time* vẫn là một ngôi nhà ấm cúng cho các điệp viên, và trong danh sách phóng viên, biên tập viên mà

Time Inc. đã liệt kê có nhiều điệp viên tình báo. Ví dụ như có lần tờ tạp chí đã cử một viên trưởng đại diện kỳ cựu của mình đi giúp CIA tiến hành một vụ đảo chính quân sự. Ngay từ khi mới hình thành, *Time* đã ấp ủ một lập trường ủng hộ nước Mỹ để từ đó biến tờ tạp chí này thành một người cố sù cho những cuộc phiêu lưu quân sự trên khắp thế giới. Điều này thỉnh thoảng lại dẫn đến những hình thức hỗ trợ cụ thể hơn, tiêu biểu như việc tờ tạp chí cung cấp vỏ bọc cho các điệp viên CIA và trực tiếp tham gia nhiều chiến dịch bí mật. *Time* thường xuyên đăng tải những gì mà tờ tạp chí này biết là thông tin và luận điệu tuyên truyền đánh lạc hướng, bất kỳ khi nào những thứ này phục vụ cho cái mà tờ tạp chí xem là lợi ích của nước Mỹ.

“Chiến tranh thế giới thứ ba đã bắt đầu,” Henry Luce tuyên bố tháng 3 năm 1947. “Nó đã ở trong giai đoạn đùng độ khai mào.” Ông ta kêu gọi thiết lập một đế chế Mỹ sẽ “thống trị thế giới về quyền lực chính trị, được dựng lên một phần thông qua ép buộc (có thể là bao gồm cả chiến tranh, nhưng chắc chắn nhất vẫn là đe dọa sử dụng chiến tranh) và trong đó một nhóm người... sẽ nắm giữ nhiều quyền lực hơn bình thường”. Hỗ trợ Luce trong cuộc thập tự chinh này là cánh tay phải của ông ta, Charles “C.D.” Jackson. Luce tán tụng Jackson là “một trong những chuyên gia quan trọng nhất về chiến tranh tâm lý”. Được thuê làm trợ lý riêng của Luce năm 1931, Jackson từng làm việc cho OSS trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Ông là chuyên gia về chiến tranh tâm lý của Eisenhower tại châu Âu, và đã giúp dẫn dắt cho sự ra đời của CIA. Khi quay trở lại làm việc cho Luce, Jackson được bổ nhiệm làm giám đốc điều hành của Time-Life International, với đội ngũ nhân viên 900 người ở 16 nước trên khắp thế giới, và xuất bản cả *Fortune* lẫn *Life*.

Các nhân viên tình báo khác từng làm việc cho Time Inc. bao gồm Dick

Billings, một nhà văn trong biên chế của *Life*, người đã có thời gian ở Cuba tìm cách lật đổ Fidel Castro, và William McHale, cựu trưởng văn phòng đại diện của *Time* tại Beirut và Rome, người giúp

tiến hành vụ đảo chính quân sự tại Iraq năm 1963 dẫn đến kết cục là đưa Saddam Hussein lên nắm quyền. McHale được cho là đã đóng góp một danh sách những cái tên, bao gồm các giáo sư, bác sĩ, và những thành viên tầng lớp trung lưu khác tại Iraq, những người bị tra tấn và thủ tiêu sau vụ đảo chính của các thành viên đảng Bath. *Time* cung cấp vỏ bọc cho trưởng văn phòng địa bàn đầu tiên của CIA tại Paris, Philip Horton, và trưởng văn phòng đại diện tại Paris (của *Time*) Enno Hobbing cũng làm việc cho CIA. Cục tình báo Mỹ đã chuyển Hobbing tới Guatemala năm 1954 để chỉ huy một vụ đảo chính chống lại Jacobo Arbenz, vị tổng thống được bầu lên của Guatemala. Hobbing tiếp tục phục vụ một nhiệm kỳ nữa trên cương vị phóng viên tại văn phòng Washington của *Life*.

Henry Luce nhiệt thành ủng hộ sáng kiến được CIA triển khai năm 1948 được gọi một cách không chính thức là Chiến dịch Chim nhại, với nhiệm vụ tập trung luận điểm tuyên truyền của chính phủ vào những tờ báo, tạp chí, sách và truyền hình trong nước. Được miêu tả bởi người sáng lập Frank Wisner như một “cây đàn Wurlitzer^[34] hùng mạnh” - một cây đại phong cầm tuyên truyền khổng lồ - chiến dịch này có những xúc tu vươn ra khắp thế giới. Hugh Wilford, tác giả cuốn *Cây đàn Wurlitzer hùng mạnh: CIA thao túng nước Mỹ như thế nào (The Mighty Wurlitzer: How the CIA Played America)*, viết rằng mối quan hệ giữa *Time* và CIA khăng khít đến nỗi “khó có thể nói rạch rời đến đâu thì kết thúc tình báo hải ngoại của đế chế Luce và bắt đầu mạng lưới của CIA”.

Những hoạt động của Wisner lần đầu tiên được đưa ra ánh sáng trong các cuộc điều trần tại Quốc hội Mỹ năm 1975 dưới sự chủ trì của Thượng nghị sĩ Frank Church. Những cuộc điều trần này cũng làm sáng tỏ những âm mưu của Lansdale nhằm ám sát Fidel Castro và các chiến dịch đen tối khác của CIA. Những kết luận của Ủy ban Church, đăng tải trong một báo cáo đồ sộ năm 1976, tiết lộ rằng một phần ngân sách của CIA dành cho các chiến dịch bí mật được dùng vào hoạt động tuyên truyền toàn cầu. Khoảng 3.000 nhân viên được

trả lương và nhân viên hợp đồng của CIA tham gia hoạt động này, vào thời điểm đó tiêu tốn 265 triệu đô la một năm, khiến cho “ngân sách tuyên truyền của CIA lớn bằng ngân sách của Reuters, United Press International, và Associated Press cộng lại”.

Trong những năm 1950, CIA thực hiện một chương trình chính thức nhằm biến điệp viên thành những nhà báo. Các điệp viên được “dạy cách gây tiếng vang giống như các phóng viên”, một quan chức giải thích, trước khi được tung vào một loạt các phương tiện truyền thông. Carl Bernstein, nổi tiếng với vụ Watergate, viết năm 1977 rằng “hơn 400 nhà báo Mỹ... trong vòng 25 năm qua đã bí mật thực hiện các điệp vụ cho Cục Tình báo Trung ương.” Tờ *The New Yorker* tiếp nối bài báo của Bernstein bằng một phóng sự điều tra của riêng mình, trong đó nhân đôi số lượng phóng viên-điệp viên lên thành 800 người, gồm cả phóng viên James Reston của *Time* và người phụ trách chuyên mục chung Joseph Alsop, những bài viết của nhà báo này được đăng trên 300 tờ báo. CIA cũng tài trợ cho khoảng một nghìn cuốn sách được xuất bản mỗi năm.

Những đầu mối truyền thông chứa chấp các điệp viên kiêm phóng viên này bao gồm cả những tờ báo và mạng lưới truyền hình quan trọng nhất nước Mỹ. CIA nhận được sự hỗ trợ từ William Paley ở CBS (chủ tịch phụ trách tin tức của hãng này có đường dây điện thoại nối trực tiếp tới CIA) và Arthur Hays Sulzberger ở tờ *New York Times* (người đã ký một thỏa thuận bí mật với Cục và cung cấp vỏ bọc cho ít nhất mười sĩ quan CIA). Bernstein viết rằng giám đốc CIA Allen Dulles “thường nhờ vả người bạn thân của mình, Henry Luce quá cố, người sáng lập hai tạp chí *Time* và *Life*, người luôn sẵn sàng cho phép một số nhân viên của mình làm việc cho Cục và đồng ý tạo công ăn việc làm cũng như vỏ bọc cho các điệp viên CIA khác còn thiếu kinh nghiệm báo chí”.

“Các phóng viên có thể phục vụ trong đủ các loại hoạt động bí mật,” Bernstein nói, “từ việc thu thập tin tình báo thông thường cho đến đóng vai trò trung gian với điệp viên tại các nước cộng sản. Các

phóng viên chia sẻ những ghi chép của họ với CIA. Các biên tập viên thì chia sẻ nhân viên của mình. Một số phóng viên này là những người giành giải Pulitzer... Hầu hết còn lại thì không được vẻ vang bằng: những phóng viên thường trú nước ngoài nhận thấy rằng mối liên hệ với CIA sẽ có ích cho công việc của mình; những cộng tác viên và phóng viên tự do quan tâm đến sự mạo hiểm của nghề tình báo như trong việc săn tin bài, và, loại nhỏ nhất, là những nhân viên CIA thực thụ đóng giả làm nhà báo ở nước ngoài." Ít nhất là 22 tổ chức tin tức của Mỹ có thuê các nhà báo CIA, và hơn một chục nhà xuất bản của Mỹ in những cuốn sách được Cục tình báo Trung ương trợ cấp. Khi được hỏi trong một cuộc phỏng vấn năm 1976 là ông ta đã bao giờ chỉ đạo cho các phóng viên phải viết gì chưa, giám đốc CIA William Colby trả lời: "Ồ, có chứ, lúc nào chẳng thế".

Tết

Một điều lạ lùng xảy ra khi tôi gọi điện cho các nhà báo đồng nghiệp của Phạm Xuân Ẩn để nói chuyện về ông. Họ nhớ về ông một cách đầy quý mến và coi ông là một trong những người bạn Việt Nam tốt nhất của họ, chỉ có điều họ không nhất trí về việc con người ông là như thế nào. Một người nhớ rằng ông ăn mặc tồi tàn và hơi nhếch nhác, với kiểu ho khan và không có sự phong nhã trong giao tiếp xã hội. Những người khác lại nhớ đến ông là một người lịch lãm tinh tế, dễ dàng đánh lừa họ với câu chuyện về việc mình là con trai của một **điền chủ** giàu có ở châu thổ sông Mê Công. Kẻ bảo ông cao ráo. Người nói ông thấp bé. Ông là một người vạm vỡ, khỏe mạnh hoặc là một bóng ma mắc bệnh lao. Như nhân vật *Zelig* của Woody Allen, Phạm Xuân Ẩn len vào bức tranh tại mọi thời điểm quan trọng trong lịch sử Việt Nam suốt 60 năm qua. Ông có mặt ở đó trong trận Ấp Bắc, cuộc khủng hoảng Phật tử, vụ ám sát Ngô Đình Diệm, sự sụp đổ của Sài Gòn. Ông chứng kiến những sự kiện lịch sử này từ một khoảng cách, đứng tách ra khỏi trung tâm. Ông lớn vồn ở rìa khung, bình luận về khung cảnh, với một nụ cười châm biếm hiện trên khóe miệng. Nhưng chính xác thì Phạm Xuân Ẩn làm gì trong chiến tranh?

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Phạm Xuân Ẩn lại trở thành tâm điểm trong cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân, một cuộc tấn công đồng loạt vào hơn một trăm thành phố và đô thị của miền Nam Việt Nam cùng những mục tiêu khác trong thời gian ngừng bắn mừng năm mới vào tháng 1 năm 1968. Kế hoạch của cuộc tấn công đã bắt đầu từ hai năm trước đó, khi người chỉ huy mạng lưới tình báo của Phạm Xuân Ẩn, một thiếu tá 41 tuổi chỉ được biết đến qua bí danh là Tư Cang, đã đi từ ngoài cứ vào Sài Gòn. Tư Cang là một lãng tử nổi tiếng, một người đàn ông sôi nổi, niềm nở, người luôn giắt theo một cặp súng ngắn K-54 và có thể bắn trúng một mục

tiêu cách 50 mét bằng cả tay trái lẫn tay phải. Vốn là một học sinh xuất sắc tại trường *lycée* của Pháp ở Sài Gòn, Tư Cang đã sống bí mật dưới các địa đạo Củ Chi nhiều năm đến nỗi khi quay trở lại Sài Gòn năm 1966 ông đã quên mất cả cách mở cửa xe ô tô. Phạm Xuân Ẩn thay đôi dép cao su đi rừng của Tư Cang bằng đôi giày mới và mua cho ông một bộ quần áo. Ngay sau đó hai người lái xe đi vòng quanh thành phố trong chiếc Renault 4CV bé tí của Phạm Xuân Ẩn như hai người bạn cũ.

Giả vờ như đang tán gẫu về chó và gà, kỳ thực là họ đang ngắm nghía các mục tiêu cho Tổng tấn công Tết Mậu Thân. Tư Cang đề xuất đánh kho bạc để kiếm ít tiền. “Ở đây họ chỉ phát lương thôi,” Phạm Xuân Ẩn bảo ông. Một mục tiêu tốt hơn sẽ là tòa án, nơi rất nhiều vàng đang được lưu giữ làm bằng chứng trong vụ xét xử những băng đảng buôn lậu và trộm cắp của miền Nam Việt Nam. Ông khuyên Tư Cang mang theo một chiếc đèn đốt bằng khí axetylen.

Tư Cang và Phạm Xuân Ẩn chọn ra 20 mục tiêu ở Sài Gòn, gồm cả Dinh Độc Lập và Đại sứ quán Mỹ. Bắt đầu lúc 2 giờ 48 phút sáng ngày thứ Tư, 31 tháng 1, đích thân Tư Cang chỉ huy cuộc tấn công vào Dinh, nơi 15 trong tổng số 17 thành viên trong đội của ông hy sinh ngay lập tức. Bản thân ông chỉ kịp thoát sang căn hộ gần đó của Tám Thảo, nơi ông nổ súng ra ngoài cửa sổ và sau đó ẩn nấp với hai khẩu súng ngắn gí sát đầu, quyết tâm tự sát trước khi bị địch bắt. Khi binh lính chạy rầm rầm vào căn hộ, Tám Thảo thuyết phục chúng rằng bà là một người trung thành với Nam Việt Nam và có lẽ thậm chí còn là nhân tình của viên sĩ quan Mỹ - sếp của bà - bức ảnh của người này được bà treo rất nổi bật. Cuối buổi sáng hôm đó, Tư Cang và Phạm Xuân Ẩn lái xe quanh thành phố, đếm thi hài những chiến sĩ Việt

Cộng đã hy sinh trong cuộc tấn công. (Để tuyên dương công trạng của hai người trong trận đánh, hai khẩu súng ngắn của Tư Cang và chiếc xe Renault của Phạm Xuân Ẩn hiện đang được trưng

bày trong bảo tàng tình báo quân sự Bộ Quốc phòng tại Hà Nội. Hiện vật trưng bày gồm cả chiếc máy ảnh Canon Reflex mà Phạm Xuân Ẩn đã dùng để chụp ảnh các báo cáo và tài liệu mật của mình. Cũng được trưng bày tại đây là một trong bốn bộ vest mà Đảng Cộng sản mua cho Phạm Xuân Ẩn khi ông sang Mỹ).

Cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, dưới sự chỉ huy của tướng Trần Văn Trà – **người chỉ huy ở miền Nam đã lên kế hoạch phục kích giết chết ông thầy Pháp văn của Phạm Xuân Ẩn** – là một đòn tấn công đồng loạt của 80.000 chiến sĩ cộng sản vào các mục tiêu trải khắp miền Nam Việt Nam. Ngoài việc chiếm giữ kinh thành Huế trong ba tuần, cuộc tổng tấn công nhanh chóng bị dập tắt, và không bao giờ dấy lên được cuộc tổng nổi dậy mà nó định tạo ra theo kế hoạch ban đầu. **Cuộc tấn công là một thảm họa về mặt quân sự, với việc Cộng sản thiệt hại hơn một nửa lực lượng trung thành ở miền Nam và có lẽ là một phần tư lực lượng chủ lực của Quân đội Nhân dân Việt Nam ở miền Bắc. “Cuộc tấn công đã triệt tiêu Việt Cộng như một lực lượng chiến đấu”, Phạm Xuân Ẩn nói.** “Sau đó Mỹ triển khai Chương trình Phượng hoàng, tỏ ra cực kỳ hữu hiệu trong việc thủ tiêu hàng nghìn đảng viên cộng sản Việt Nam và vô hiệu hóa phong trào đối lập ở miền Nam.” Khi cuộc chiến kéo dài thêm bảy năm sau đó, sức chiến đấu chủ yếu trong các trận đánh sẽ ngày càng dồn nhiều vào lực lượng chủ lực từ miền Bắc.

Bất chấp những thất bại của nó, Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 vẫn là một chiến công chói lọi. Cuộc tấn công đã làm rung động dư luận Mỹ và giáng một đòn tâm lý nặng nề vào quân đội Mỹ. Tháng 3 năm 1968, Lyndon Johnson từ bỏ cuộc đua vào chiếc ghế tổng thống và ngừng một phần việc ném bom miền Bắc Việt Nam. Đến tháng 5, các cuộc đàm phán hòa bình Paris diễn ra, bắt đầu các phiên đàm phán kéo dài và kết thúc bảy năm sau đó với việc Mỹ bỏ chạy hỗn loạn khỏi Việt Nam. Chỉ khi các bức điện được công bố sau chiến tranh, chúng ta mới biết được rằng các tư lệnh Mỹ đã cân nhắc phương án sử dụng vũ khí hạt nhân và chiến tranh hóa

học để phản công. Tướng Earle “Bus” Wheeler, cựu giảng viên toán tại West Point, khi đó là chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân, đã đánh điện cho tướng William Westmoreland, cựu hiệu trưởng West Point và là tư lệnh lực lượng Mỹ tại Việt Nam, hỏi xem có nên “sử dụng vũ khí hạt nhân chiến thuật không”. Ông ta yêu cầu Westmoreland liệt kê một danh sách các mục tiêu “có thể tấn công bằng vũ khí hạt nhân”. Westmoreland tham mưu là không nên dùng bom nguyên tử, ít nhất là trong thời điểm hiện tại, mặc dù ông ta bảo đảm với cấp trên rằng mình sẽ ghi nhớ ý tưởng đó trong đầu. “Tôi hình dung rằng hoặc vũ khí hạt nhân chiến thuật hoặc các chất độc hóa học sẽ là những phương án dự bị để triển khai,” Westmoreland điện cho Wheeler.

Bất chấp những lời bảo đảm diềm đạm mà Westmoreland công khai đưa ra tại thời điểm đó, ông ta thực sự bị rúng động bởi Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968. “Xét từ một quan điểm thực tế, chúng ta phải chấp nhận sự thật rằng đối phương đã giáng cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa một đòn nặng nề,” ông ta đánh điện cho Wheeler. “Họ đã đưa chiến tranh đến các thị xã và thành phố, đồng thời gây ra thiệt hại và thương vong cho dân chúng. Nhà cửa đã bị phá hủy, việc phân phối hàng hóa nhu yếu phẩm bị cắt đứt. Các tuyến thông tin liên lạc bị hư hại và nền kinh tế bị tàn phá. Tình trạng thiết quân luật đã được áp dụng kèm giới nghiêm chặt chẽ tại các thành phố. Người dân đã cảm nhận trực tiếp tác động của chiến tranh.” Trong một bức điện khác gửi Wheeler, Westmoreland thú nhận rằng Tổng tấn công Tết Mậu Thân đã giúp cộng sản giáng “một đòn tâm lý, có lẽ vào Washington còn nặng nề hơn vào Nam Việt Nam”.

“Kế hoạch ban đầu là giải phóng toàn bộ miền Nam chỉ trong một đợt,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Tôi nghi ngờ việc có thể đạt được mục tiêu đó chỉ trong một đợt tấn công, nhưng tôi ủng hộ Tổng tấn công Tết Mậu Thân. Sau khi Mỹ bắt đầu đưa quân vào Việt Nam, tôi thúc giục Việt Cộng tổ chức một đợt phản công. Đến năm 1966 tôi

tin rằng họ cần phải làm như vậy để nâng cao thanh thế. Đó là lý do tại sao Tư Cang phải vào Sài Gòn từ trước cuộc tấn công đến hai năm. Ông ấy phải bắt đầu lên kế hoạch. Chúng tôi phải làm việc đó.”

Ba tháng trước cuộc tấn công, Phạm Xuân Ẩn được chỉ đạo ở lại Sài Gòn, nơi ông sẽ thăm dò các mục tiêu và phát triển chiến lược của cộng sản để tiếp quản thành phố. **Những người cộng sản muốn mọi người phải chọn phe,” ông nói. “Hoặc là đi theo Cộng sản... Ý tôi muốn nói là theo cách mạng, hoặc là theo chính quyền ngụy. Họ gọi chính quyền Sài Gòn là chính quyền ngụy. Phía bên kia thì họ gọi là chính phủ cách mạng.”**

Để che giấu sự thật rằng mình là thế lực thực sự lãnh đạo chiến tranh tại miền Nam Việt Nam, Đảng Cộng sản tỏ ra chiều theo Mặt trận Dân tộc Giải phóng, một lực lượng cách mạng nhưng không nhất thiết phải là cộng sản. Đó là lý do tại sao Phạm Xuân Ẩn lờ lờ, khi nói đến từ cộng sản, rồi sửa lại là cách mạng trong lời kể của mình. Phải mãi đến sau năm 1975 mọi chuyện mới được thông báo công khai rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng thực ra là một mặt trận của Cộng sản. Sự thừa nhận này đã làm cho một số thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng bị ngỗ ngữ, những người đã bị gạt qua một bên sau khi

Sài Gòn sụp đổ. Mặt trận bị giải thể và nhiều người vỡ mộng trong số họ đã hòa cùng dòng thuyền nhân, chạy trốn khỏi Việt Nam.

Như kế hoạch do tướng Trần Văn Trà tổ chức, Tổng tấn công Tết Mậu Thân sẽ được tiếp nối bằng đợt tấn công thứ hai trong tháng 5 năm 1968. Khởi đầu cho cái được gọi là Tổng tấn công Tết Mậu Thân đợt hai (cỡ nhỏ), lực lượng cộng sản bắt đầu nã rốc két 12 mm của Nga không phân biệt mục tiêu vào Sài Gòn, làm nổ tung nhiều tòa nhà và làm nhiều người chết. “Tôi gửi tin cho các chỉ huy ở chiến trường và đề nghị họ ngừng bắn vào thành phố,” Phạm Xuân Ẩn

nói. “Tôi yêu cầu họ ngừng oanh tạc. Nó chẳng mang lại kết quả quân sự nào mà chỉ càng khiến mất lòng dân.”

“Chuyện gì xảy ra sau đó?” tôi hỏi.

“Màn pháo kích đã chấm dứt. Có thể là do đề nghị của tôi. Có thể là tự ý họ làm vậy. Họ là cấp trên của tôi. Họ không bao giờ cho tôi biết tại sao họ lại làm những gì họ đã làm. Một linh mục Công giáo sau đó đã giải thích cho tôi hiểu tại sao việc bắn rốc két vào Sài Gòn và gây chết người lại là một chiến lược hiệu quả. ‘Đơn giản lắm,’ ông nói. ‘Người Sài Gòn đang sống nhờ nhờ bằng tiền kiếm được từ người Mỹ. Họ không quan tâm đến việc bên nào thắng, chừng nào họ còn bán được hàng và cho thuê nhà với giá cao. Những người cộng sản muốn họ phải chọn phe.’ **Hoặc là anh đi theo Cộng sản... Ý tôi là theo cách mạng, hoặc là anh theo ngụy.’ Tôi nhận ra một lần nữa Phạm Xuân Ẩn lại lỡ lời, và sửa lại từ cộng sản bằng cách mạng theo phản xạ.**

Ông thừa nhận rằng vị linh mục nói cũng có lý và lập luận của ông ta rất thuyết phục, “nhưng tôi quá mẫn cảm với những chuyện như thế này”, Phạm Xuân Ẩn nói. “Đó là vấn đề của tôi. Tôi không muốn phải chứng kiến người dân vô tội bị giết.”

Khi tôi hỏi ông là có khi nào ông hối tiếc vì vai trò tình báo của mình trong cái chết của những người dân vô tội, Phạm Xuân Ẩn không hề do dự.

“Không,” ông trả lời. “Tôi đang thực hiện nhiệm vụ của mình. Tôi phải làm như vậy. Tôi buộc phải làm điều đó. Tôi là một người có kỷ luật.”

“Vậy là ông không hề hối tiếc gì?”

“Không.”

Là tác giả của bảy cuốn sách đã xuất bản về chiến tranh Việt Nam, Tư Cang là một người đàn ông vạm vỡ, đẹp trai với vẻ tự tin của một người đã nhiều lần giỡn mặt tử thần. “Trước kia tôi khỏe lắm,” ông nói, trước khi liệt kê một danh sách những vết thương

chiến tranh khiến ông bị “thương tật 61%”. Ông kéo tất xuống để cho tôi thấy chỗ một viên đạn đã xuyên qua mắt cá chân ông. Một mét ruột của ông đã bị cắt bỏ vì một vết thương ở bụng. Ông còn sẹo trên đầu từ những trận B-52 ném bom và cả những vết sẹo tinh thần. “Tôi thường xuyên gặp ác mộng là mình đang bị một tên nhân viên tình báo đối phương bóp cổ,” ông nói. “Một đêm, cứ tưởng mình đang đánh kẻ tấn công, tôi vô tình đánh trúng vợ tôi và làm bả gãy mất hai cái răng cửa. Từ đó đến giờ tụi tôi toàn ngủ riêng giường.”

Nguyễn Văn Tào, tên mà cha mẹ đặt cho ông, đang là một sinh viên 17 tuổi được học bổng của trường Lycée Pétrus Ký thì rời trường tham gia cách mạng năm 1945. Một năm sau đó ông lên quay lại thành phố để cưới người yêu thời trung học của mình. Khi ông quay trở về cứ, bà đang có mang. Hai mươi bảy năm sau ông quay lại Sài Gòn để gặp con gái mình lần đầu tiên. Tư Cang dành cả thời trưởng thành của mình chiến đấu trong hai cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất và thứ hai trước khi lên đường sang Campuchia năm 1978 để chiến đấu chống bè lũ Khmer Đỏ. Tư Cang giỏi võ cổ truyền, trong khi Phạm Xuân Ẩn giỏi quyền Anh, nhưng cả hai đều là những vận động viên bẩm sinh, những người yêu động vật và có tài kể chuyện có duyên. Trong thời gian liên tục thay đổi giữa cuộc sống bí mật dưới địa đạo Củ Chi và công tác tình báo ở Sài Gòn, Tư Cang là chỉ huy trực tiếp của Phạm Xuân Ẩn trong ngành tình báo cộng sản từ năm 1962 đến năm 1970.

“Lính Mỹ bom khí độc xuống địa đạo và quét sạch cây cối cũng như động vật bằng chất độc da cam,” Tư Cang nói. “Chúng tôi cứ tưởng là trời mưa khi họ xả hóa chất xuống đầu chúng tôi từ trên máy bay. Chúng tôi cận kề với cái chết không biết bao nhiêu lần.” Ông huơ hai tay trên đầu để diễn tả cho tôi cảnh lính dù Mỹ được thả từ trên trời xuống như những con chồn trên không để săn lùng ông dưới lòng đất. Ngoài việc chỉ huy mạng lưới tình báo tại Sài Gòn, Tư Cang còn chỉ huy các chiến dịch đánh bom và ám sát của

biệt động thành phố. “Chúng tôi được chia thành các chiến sĩ ngoài mặt trận và các chiến sĩ biệt động thành,” ông kể với tôi. “Những chiến sĩ biệt động thành khai thác điểm yếu của kẻ thù, tấn công vào những nhà hàng và quán bar. Chúng tôi hoạt động thành từng nhóm gồm sáu hoặc bảy *sapeurs dans les villes*, những chiến sĩ biệt động thành.”

Năm 2004, trong lần đầu tiên đến thăm nhà Tư Cang, tôi lái xe xuôi một con đường đất tới một khu đất có tường bao quanh từng là trang trại trước khi thành phố mọc lên quanh nó. Sau khi đi thăm khu vườn trồng đầy phong lan rất đẹp, người phiên dịch và tôi cởi giày ra rồi vào trong phòng khách, một căn phòng thoáng đãng lát gạch men đỏ. Ở cuối phòng mắc một chiếc võng thừng nơi Tư Cang ngả lưng buổi trưa. Là một người đàn ông to lớn với nụ cười rất dễ gây cảm tình, ông có vàng trán rộng phủ phía trên là mái tóc màu đen đang mỏng dần. Để chân đất, ông ngồi với hai đầu gối dựng lên sát ngực. Một con chó lông màu nâu pha trắng nằm dưới chân ông. Vợ ông, một người phụ nữ ánh mắt sắc sảo, mái tóc màu muối tiêu buộc lại thành một búi, tất bật quanh chúng tôi, rót trà và dọn dẹp nhà cửa. Có lúc bà ngừng tay lau dọn và lật lên một cuốn sách tôi đang cầm, một trong ba cuốn tiểu sử bằng tiếng Việt về Phạm Xuân Ẩn. Bà giở qua cuốn sách, cẩn thận xem xét những đoạn được gạch dưới và ghi chú bên lề. Tư Cang cho chúng tôi biết rằng vợ ông là một trung sĩ trong quân đội, một liên lạc viên với 4 tấm Huân chương Quân công. Bản thân ông có 13 tấm huân chương và mới đây được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Nói chuyện với tôi bằng thứ tiếng Pháp học sinh mà ông học cách đây 60 năm, trước khi nói sang tiếng Việt, Tư Cang giải thích vì sao mà ông lại làm việc cho quân đội Bắc Việt Nam, thay vì lực lượng miền Nam vốn được cho là chịu sự lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. “Mặt trận Dân tộc Giải phóng được thành lập vì mục đích ngoại giao,” ông nói. “Nó tập hợp những người ở miền Nam

không phải là cộng sản. Nhưng nó vẫn nằm dưới sự lãnh đạo của Đảng.”

“Những người miền Nam có biết điều này không?”

“Không,” ông nói. “Không phải ai cũng biết Mặt trận Dân tộc Giải phóng chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.”

Khi tôi hỏi liệu tôi có thể xem hai khẩu súng K-54 bán tự động nổi tiếng do

Trung Quốc sản xuất của ông được không, Tư Cang cho biết là hai khẩu súng của ông, cùng với chiếc xe Renault 4CV của Phạm Xuân Ẩn, đã được đưa ra Hà Nội trưng bày trong bảo tàng tình báo quân sự ở phố Lê Trọng Tấn. Đáng tiếc là bảo tàng chỉ mở cửa cho các cán bộ nhân viên ngành tình báo Việt Nam. Ngoài chiếc xe của Phạm Xuân Ẩn, đang được trưng bày trên bục, bảo tàng còn chứa đầy những kính viễn vọng, máy điện đài, máy giải mã, và chiếc máy ảnh Phạm Xuân Ẩn dùng để chụp tài liệu mật.

“Có chiếc ô đầu tâm thuốc độc nào không?” “Chúng tôi không giống như người Nga,” ông nói.

Tôi hỏi về hai huấn luyện viên của ông Phạm Xuân Ẩn trong ngành tình báo quân sự, một người được Trung Quốc đào tạo, một người do người Nga đào tạo. “Tôi chẳng biết gì về chuyện người Nga hay người Trung Quốc nào cả,” ông nói. “Chỉ có người Mỹ huấn luyện cho ông Ẩn. Ông cũng giống tôi. Tôi chưa bao giờ học về tình báo. Tôi cứ thế làm thôi. Con người ta tự biết cách giữ bí mật. Đó là chìa khóa cho thành công của chúng tôi. Tổ chức của chúng tôi rất đơn giản. Chẳng có gì là bí hiểm cả.”

Khi tôi hỏi Tư Cang là ông có bao giờ phạm sai lầm không, kiểu như gây nguy hiểm cho toàn bộ mạng lưới bằng cách nổ súng vào lính Mỹ, ông cúi người xuống để gãi chân. Sau đó ông khoát tay về phía chân trời bên ngoài cánh cửa để mở. “Sai lầm thì sao tránh được,” ông nói.

Tôi hỏi ông liệu việc Tư Cang và Phạm Xuân Ẩn lái xe quanh Sài Gòn cùng nhau có phải là một ý hay không, khi họ đang lên kế hoạch cho Tổng tấn công Tết Mậu Thân. Ông bật cười khoái trá. “Đây có vẻ là một điểm yếu trong kế hoạch của chúng tôi, nhưng lúc đó tôi nghĩ chúng tôi có thể thực hiện được. Tôi tin tưởng ở vỏ bọc của mình. Tôi nghĩ là nó rất chắc chắn. Thậm chí tôi còn đến cả văn phòng tạp chí *Time* cùng với ông Ẩn.”

Tư Cang giả vờ là một bạn học cũ của Phạm Xuân Ẩn, người chia sẻ thú quan tâm của ông đối với các loài chim và chó. “Chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp vì con chó của ông Ẩn được huấn luyện bằng tiếng Pháp. Nó là một con béc giê Đức từng thuộc về Nguyễn Cao Kỳ. Không ai nghĩ các điệp viên cộng sản lại có thể đi dạo quanh thành phố với một con chó danh giá như thế cả. Tôi ăn mặc giống hệt như ông Ẩn, áo sơ mi và quần Âu. Khi tôi mới về thành phố lần đầu tiên năm 1966, ông ấy nhìn tôi và nói: ‘Cha này mới ở ngoài rừng vô. Đôi dép của anh khiến anh trông như một thằng móc túi vậy. Tôi phải đưa anh đến cửa hàng giày và kiếm cho anh một đôi.’ Ông ấy cũng mua cho tôi quần áo mới mà ông ấy phải vờ nhàu đi để trông cho đỡ mới.”

Sau màn trang phục, Tư Cang và Phạm Xuân Ẩn trông “giống như những người bạn trong thành phố”, ông nói. “Chúng tôi tổ chức những buổi sinh hoạt Đảng và thảo luận công việc trong những nhà hàng sang trọng nơi những chiếc bàn được kê cách xa nhau, và không ai có thể nghe lỏm câu chuyện chúng tôi đang nói. Ông Ẩn bao giờ cũng dắt theo con chó của mình đi cùng. Nó là một con chó rất thông minh hiểu được tiếng nước ngoài, mọi người ai cũng sợ nó.”

Tư Cang đóng giả là chủ một đồn điền cao su ở Dầu Tiếng, ngay cạnh đồn điền Michelin nổi tiếng. Ông biết rõ khu vực này vì những lái xe tải chở cao su là một phần trong mạng lưới của ông, và ông thường đi xe cùng với họ ra vào thành phố. Ở Sài Gòn, Tư Cang đóng vai một người ham vui lúc nào cũng dành thì giờ cho việc tán

gấu với ông bạn Phạm Xuân Ẩn của mình khi họ gặp nhau trên sân thượng khách sạn Continental hoặc tản bộ sang bên cạnh uống một tách cà phê ở quán Givral.

Khi chúng tôi trao đổi về lần ông lên kế hoạch cho Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, Tư Cang thỉnh thoảng lại giật lấy sổ ghi chép của tôi và phác thảo những bản đồ chiến trường cùng những sơ đồ khác cho chiến dịch. “Những cuộc tấn công của chúng tôi vào Đại sứ quán Mỹ và Dinh Độc Lập chỉ là nghi binh,” ông nói. “Mỹ có lính bao quanh Sài Gòn. Chúng tôi muốn thu hút chúng vào trong thành phố. Bản thân chúng tôi có những sư đoàn ở ven đô, đang chờ cơ hội đột phá.”

“Những thông tin ông ấy cung cấp cho chúng tôi rất quan trọng,” Tư Cang nói về Phạm Xuân Ẩn, điệp viên nổi bật nhất trong mạng lưới của ông tại Sài Gòn. “Ông ấy biết trước Mỹ sẽ đưa lực lượng của họ tới đâu. Ông ấy đánh động cho chúng tôi về những cuộc tấn công và không kích sắp xảy ra. Ví dụ như năm 1967, ông ấy cho chúng tôi biết thời điểm máy bay B-52 sẽ ném bom sở chỉ huy của chúng tôi. Điều đó cho phép chúng tôi sơ tán. Ông ấy cứu được mạng sống của rất nhiều người. Chúng tôi cũng biết được qua Phạm Xuân Ẩn là người Mỹ đã biết gì về chúng tôi. Điều này cũng quan trọng không kém.” Sau đó Tư Cang kể cho tôi nghe về 25 nhân viên trong đơn vị của ông đã hy sinh khi chuyển tin tình báo của Phạm Xuân Ẩn ra khỏi thành phố.

Vai trò của Phạm Xuân Ẩn trong Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 đánh dấu điều mà người Việt Nam coi là đỉnh cao trong sự nghiệp tình báo của ông. “Sau giai đoạn đầu tiên của tổng tấn công, tôi gửi về một báo cáo từ thành phố cho lãnh đạo cấp cao, trong đó nói rằng tình hình có xu hướng không thuận lợi,” theo lời Tư Cang trong cuốn *Tướng tình báo chiến lược*. Trong buổi sáng sau khi cuộc tổng tấn công được phát động, trong khi lái xe quanh thành phố cùng Phạm Xuân Ẩn, ông đã choáng váng và đau đớn khi thấy đường phố đầy thi thể những đồng chí đã ngã xuống của mình.

Nhưng sau khi nghe Phạm Xuân Ẩn phỏng vấn những quan chức Mỹ và Việt Nam, Tư Cang đi đến kết luận hoàn toàn khác. “Tôi thay đổi quan điểm,” ông nói. “Một viên đại tá nói với tôi rằng cuộc tổng tấn công đã giáng một đòn nặng nề vào quân đội Việt Nam Cộng hòa, và các quan chức Mỹ cho chúng tôi biết rằng phong trào chống chiến tranh đang lên cao ở Mỹ và uy tín của nước Mỹ đã xuống dốc thảm hại. Sau đó, tôi thay đổi quan điểm của mình và báo cáo rằng cuộc tổng tấn công tuy không mang lại kết quả như ý về mặt quân sự, nhưng tác động chính trị và tâm lý đối với đối phương thì vô cùng lớn. Lãnh đạo cấp trên cho rằng báo cáo này đưa ra được những đánh giá chính xác. Báo cáo trước đó bị phê bình.”

Chính Phạm Xuân Ẩn là người thuyết phục Tư Cang và các nhà lãnh đạo cộng sản tin rằng Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 là một thắng lợi chính trị. Ông hiểu được giá trị tâm lý của chiến dịch. Đó là một đòn tuyên truyền, một cú đánh bậc thầy của nghề PR kiểu Lansdale, với những hậu quả gây rúng động ở Việt Nam và Mỹ. “Tất cả người Việt Nam đều ủng hộ chiến dịch này,” Phạm Xuân Ẩn nói về Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968. “Họ biết nó sẽ buộc Mỹ phải đàm phán và nó đã thành công. Nó đã buộc được Mỹ phải đàm phán.”

Không phải tất cả các đồng đội của Phạm Xuân Ẩn đều ủng hộ cuộc tổng tấn công. Nó không giống như trận đánh anh hùng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở Điện Biên Phủ. Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 là một nước cờ hiện đại, một vở ba lê chiến tranh tâm lý, vốn chỉ có thể thành công nếu có bước xoay chính xác. Nhiều mục tiêu tấn công chỉ bị chiếm giữ trong một thời gian ngắn, có khi chỉ vừa kịp đủ thời gian cần thiết để chụp vội một bức ảnh Đại sứ quán Mỹ hoặc một căn cứ không quân của Mỹ bị tấn công. Ngay cả Tư Cang, trong báo cáo đầu tiên của ông gửi về Trung ương Cục miền Nam, cũng hiểu sai vấn đề. Ông rất đau đớn vì thi thể những đồng chí ngã xuống của mình, với việc cộng sản thiệt hại mất 45.000 chiến sĩ, gấp mười lần phía bên kia. Sau đó Phạm Xuân Ẩn, với ánh

mắt dõi theo đường tin điện của *Time* và tin tức từ khắp nơi trên thế giới đổ dồn về, đã giải thích một bức tranh lớn hơn. Người Mỹ bị choáng váng và mất hết tinh thần khi thấy không có gì ở Việt Nam, thậm chí ngay cả Đại sứ quán Mỹ, có thể an toàn thoát khỏi bị tấn công. Chính quyền Nam Việt Nam không có khả năng tự bảo vệ, và chính phủ Mỹ cũng rúng động đến tận chân móng. Cuộc tấn công sẽ đẩy cả Tổng thống Lyndon Johnson ra khỏi Nhà Trắng và tướng Westmoreland ra khỏi sở chỉ huy. Nó mở ra khoảng cách về độ tin cậy - sự chênh lệch giữa nội dung tuyên truyền chính thức và những báo cáo trực tiếp gửi về từ mặt trận - và tại nước Mỹ nó sinh ra mối nghi ngờ căn bản đối với chính phủ Mỹ dai dẳng đến tận ngày nay.

Phạm Xuân Ẩn chính là người ở vị trí có một không hai để có thể giải thích với

Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Bộ Chính trị về dư âm của Tổng tấn công Tết Mậu Thân trên khắp thế giới. Ông diễn giải tác động tâm lý của nó cho các đồng đội của mình và thuyết phục họ về tầm quan trọng của nó. Một khi đã lôi kéo được Tư Cang theo quan điểm của mình, cả hai người cùng miệt mài làm việc để thuyết phục những người còn lại trong đội ngũ chỉ huy cộng sản chấp nhận cách diễn giải của mình về các sự kiện, và rõ ràng là họ đã thành công, như được thể hiện trong cuốn tiểu sử chính thức của Phạm Xuân Ẩn, trong đó nói rằng chỉ cần riêng những gì ông làm trong Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 cũng đã đủ để ông được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân - phần thưởng cao quý nhất của quân đội Việt Nam. “Tuy nhiên, vì ông đang hoạt động trong hàng ngũ địch, nên việc khen thưởng phải hoãn lại để bảo đảm bí mật tuyệt đối.”

Đến nơi lúc 7 giờ sáng để đón ông Tư Cang cho hành trình của một ngày tới địa đạo Củ Chi, chúng tôi thấy người chiến binh già đang đứng bên ngoài cổng mặc chiếc quần bộ đội màu xanh lá cây và chiếc áo sơ mi trắng ngắn tay. Ông mang theo mấy quyển sách định dùng làm quà tặng cho những người lính vẫn đang đóng quân

tại Củ Chi. Đi cùng chúng tôi ngày hôm đó là Thủy Nach, người vợ Việt Nam của một nhà ngoại giao Mỹ đã nghỉ hưu. Thủy, một người phụ nữ nhỏ nhắn mắt đen có trí tuệ như bách khoa toàn thư, đã giúp tôi với tư cách là phiên dịch. Bà cùng ông Tư Cang trao đổi với nhau về việc họ từng đứng trong số những học sinh xuất sắc nhất hồi còn ở trường trung học thời thuộc địa như thế nào. Tạm quên đi việc họ đã chọn những phe đối đầu nhau trong chiến tranh, họ nhanh chóng phát hiện ra là họ có thể cùng ngâm thơ Việt Nam và cùng hát những bài hát yêu nước thời xưa.

Tiến vào vùng quê phía Tây Nam thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đi qua những dòng xe cộ và khu buôn bán đông đúc. Đèn của thợ hàn sáng lóa bên vệ đường với bên cạnh là những người bán rong băng cassette, phong lan và thuốc lá. Quanh chúng tôi là những dòng nườm nượp xe máy khi chúng tôi đi qua một hàng dài những chiếc xe tải xả khói dầu diesel và những chiếc xe lôi chất đầy lợn gà trong những chiếc lồng tre. Một dân tộc gồm những dòng họ gia đình gắn kết chặt chẽ xoay quanh thờ cúng tổ tiên và buôn bán thương mại, người Việt Nam ít giống những người cộng sản nhất trên thế giới. Lòng trung thành chủ yếu của họ trước hết gắn với gia đình. Trong một thời gian ngắn chủ trương chống thực dân của Đảng Cộng sản đã đồng nhất với những khát vọng dân tộc của Việt Nam, nhưng hiện tại thì những người dân làm ăn xung quanh chúng tôi trông giống như những học trò của Adam Smith^[35] hơn là của Karl Marx.

Tư Cang cầm cuốn sổ ghi chép của tôi và vẽ một sơ đồ của đồn điền cao su mà ngày trước ông làm ra về do mình sở hữu cách thành phố 60 kilômét về phía Bắc và tất cả những cột mốc mà ông đi qua trên đường 13 khi ông vào thành phố để gặp Phạm Xuân Ẩn. Với các giao liên và địa điểm liên lạc bí mật rải dọc hai bên, Tư Cang biết rõ từng xentimét vuông của con đường mà chúng tôi đang đi qua.

Suốt mười dặm đường ị ạch, chúng tôi vừa bóp còi vừa luồn lách qua những đợt sóng triều dày đặc xe Honda, xe Vespa, xe bò, rồi

xích lô, cho đến khi chúng tôi băng qua một con kênh đổ ra sông Sài Gòn. Tại đây vùng nông thôn trải rộng ra thành những ruộng lúa xanh ngát màu ngọc bích và ao cá, viền quanh là cộ và đừa.

Tùng đàn cò trắng lượn qua trên cánh đồng, rải rác trên đó là những con trâu đen bóng và những người phụ nữ đội nón lá. Các em học sinh bước dọc theo quốc lộ, mặc áo sơ mi trắng bỏ trong quần ngay ngắn và khăn đỏ quàng trên cổ. Tư Cang lại vẽ một sơ đồ khác cho tôi thấy kế hoạch tác chiến của Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, bao gồm cả đòn nghi binh vào Đại sứ quán Mỹ và Dinh Độc Lập với mục đích là để thu hút lính Mỹ vào trong thành phố và khiến cho vành đai bao quanh Sài Gòn không được bảo vệ trong một khoảng thời gian. “Tại đây chúng tôi có hai sư đoàn, ẩn mình trong những ruộng lúa,” ông nói và chỉ tay ra ngoài cửa sổ. “Có cả thảy mười nghìn chiến sĩ trên con đường này, nhưng họ đã không tới được thành phố.

Ngụy trang của chúng tôi bị lộ. Sư đoàn 25 bộ binh đã tấn công và giết hại rất nhiều chiến sĩ của chúng tôi trên những cánh đồng này.”

Tư Cang vỗ vào vai tôi và chỉ tay qua một dải đất đầy cỏ dại về phía một dãy những tòa nhà xây thấp. “Đây trước kia là căn cứ của quân Mỹ, Sư đoàn 25 bộ binh Tia chớp Nhiệt đới,” ông nói với tôi. Tất cả những xăng ròi bom phá hầm, máy ủi và thuốc diệt cỏ suốt bao năm liên tục tập trung vào việc tiêu diệt ông đều từ đây mà ra. Chúng tôi đi xe qua vùng quê phủ đầy những bụi cây mọc lúp xúp. “Chúng tôi đã không thành công,” Tư Cang nói về Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968. “Chúng tôi gây được tiếng vang. Đó là một thành công về mặt tâm lý, nhưng không phải là một thắng lợi về mặt quân sự.” Ông nói với tôi rằng chiến lược trong cuộc tổng tấn công này được kế thừa từ người anh hùng Tây Sơn Nguyễn Huệ, người đã đánh bại quân Thanh năm 1789 bằng cách khiến chúng bất ngờ trong dịp Tết. “Tổng tấn công Tết Mậu Thân có ba mục tiêu: chiếm Sài Gòn, tiêu diệt lực lượng ngụy, và gây tiếng vang lớn. Mục

tiêu thứ nhất, chúng tôi đã thất bại. Mục tiêu thứ hai, chúng tôi đã thất bại. Chỉ với mục tiêu thứ ba chúng tôi mới thành công.”

Sau khi đi qua một trạm kiểm soát của cảnh sát trước kia, Tư Cang bảo người lái xe dừng lại. Chúng tôi dừng lại trước một ngôi nhà nhỏ quét vôi trắng với hàng hiên lát gạch. Khoảng sân trước phủ kín những khung tre phơi bánh tráng làm từ bột gạo vẫn được dùng để làm chả giò. Một người phụ nữ tóc bạc mặc bộ quần áo lụa in hoa ra chào chúng tôi. Bà mỉm cười với Tư Cang khi ông khoác tay quanh người bà. Đó là cái khoác tay của những người đồng đội cũ, gắn bó với nhau qua ký ức về cái chết và ngỡ ngàng nhận ra mình vẫn còn sống. Bà Nguyễn Thị Sê là một trong những giao liên của Phạm Xuân Ẩn. Bà đã giấu Tư Cang trong nhà mình và cho ông ăn. Sau khi bị bắt quả tang đang mang điện đài đến cho ông, bà bị tống giam và tra tấn ba năm trời.

Khi chúng tôi đi ra phía sau nhà bà vào trong khu vườn, không gian nồng nàn hương hoa sứ. Chúng tôi tản bộ giữa những cây cọ và mít với những quả màu xanh lửng lẳng treo sát mặt đất. Khu vườn được chăm sóc và tưới tắm rất chu đáo. Nó có cả một khóm chuối, một gian chuồng đầy những chú lợn ụt ịt hài lòng, và mấy đồng rơm vun hình chóp nón được dùng để đun nấu và làm thức ăn cho con trâu của bà Sê. Ở cuối góc vườn là chiếc ghe tam bản buộc vào một gốc cây trên bờ sông Sài Gòn. Nhảy xuống chiếc ghe nhỏ, đáy bằng, Tư Cang chỉ cho chúng tôi thấy cách ông vẫn thường trốn quân Mỹ như thế nào khi quân Mỹ đến lưng sục ngôi nhà. Dòng sông ở đây mở rộng và nâu sậm với lớp đất bề mặt bị cuốn từ trên núi xuống. “Trước kia nước trong lắm và có thể uống được,” ông nói, “nhưng giờ thì ô nhiễm lắm rồi làm cá chết ráo cả.”

Băng qua một con mương và đi vào khu rừng tre mập mạp, Tư Cang chỉ nơi ông giấu máy phát sóng điện đài và một đội thông tin liên lạc dọc bờ sông. “Chỗ này hoạt động rất thuận lợi,” ông nói. “Từ đây chúng tôi có thể dễ dàng lẩn vào trong rừng. Chúng tôi sử dụng mã Morse và một máy radio, một bộ PRC-25 thu được của

quân Mỹ, để liên lạc với sở chỉ huy của mình bên kia biên giới Campuchia. Một lần, quân Mỹ bắt được tín hiệu của chúng tôi. Chúng bắn hơn hai trăm viên đạn vào ngôi nhà. Trước kia chúng thường xuyên ném bom khu vườn. Chúng tôi nhảy xuống mương ẩn náu đến khi qua đợt ném bom.”

Tư Cang cầm cuốn sổ của tôi và vẽ một sơ đồ khác. Nó cho thấy ngôi nhà này, nằm xuôi về phía con đường cách chỉ có vài trăm mét từ sở chỉ huy Sư đoàn 25 bộ binh, đánh dấu đầu phía Nam của địa đạo Củ Chi như thế nào. Mạng lưới địa đạo trải rộng về phía Bắc từ đây dọc theo dòng sông, cho phép tẩu thoát nhanh chóng và tạo ra một rào cản tự nhiên chống lại những chiếc xe tăng Mỹ.

Đứng trong khu vườn nơi ông đã sống suốt một thập kỷ như một con chuột chũi chui ra rồi lại thụt vào trong các địa đạo để tránh bom và đạn pháo, Tư Cang ngừng lại, quệt bàn tay ngang mắt rồi ngược nhìn lên mấy con chim đang bay lượn qua những cành cây. “Tất cả những đồng đội ngày xưa của tôi đều không còn nữa,” ông nói, bằng thứ tiếng Pháp ông học từ thời còn là học sinh trong những năm 1940. “Tôi nhớ họ mỗi lần tôi đứng đây và ngắm nhìn khu vườn nơi này, nơi trước kia tôi từng sống.”

Tư Cang bắt đầu hát một bài hát cách mạng ngày xưa về những thiếu niên Việt Nam đánh Pháp bằng gậy tầm vông vót nhọn. Thủy Nach hòa nhịp cùng giọng nam cao ngọt ngào của ông. Bà cũng thuộc lời của tất cả những bài hát mà bà đã học khi còn là một cô bé sống ở vùng Việt Minh ngoài miền Bắc. Họ cùng đứng bên nhau trong vườn hát bài “Chiến thắng mùa thu 1945”.

Anh em ta nhi đông cầm súng gỗ

Tuy em bé này nhưng thề quyết chống xâm lăng

Nào mau ra đây ta giết quân thù chung

Sạc đạn lên ta bóp cò đánh âm

Anh em ta phang quân giặc bằng cái báng Ta phang vỡ đầu vỡ đầu cái giống xâm lăng.

“Hầu hết những chiến sĩ của tôi là những phụ nữ như bà ấy,” Tư Cang nói, ánh mắt rạng rỡ nhìn xuống bà Thủy nhỏ bé. Ông rất hài lòng khi thấy bà nhớ những bài hát cũ. Điều đó có nghĩa là trong sâu thẳm bà vẫn là một người Việt Nam, ngay cả sau khi đã sang Mỹ và kết hôn với một nhà ngoại giao Mỹ.

Đi xuôi xuống con đường cách nhà bà Nguyễn Thị Sê khoảng một dặm, chúng tôi dừng lại ở di tích lịch sử Củ Chi, nơi một đoạn địa đạo được mở ra đón du khách. Sau một bộ phim giới thiệu, một người hướng dẫn viên tay cầm một cái que được làm từ một chiếc ăng ten ô tô cũ bắt đầu chỉ lên sa bàn trông giống như một tổ kiến dưới lòng đất, được chiếu bằng những bóng đèn Giáng Sinh nhấp nháy. Hai trăm năm mươi kilômét địa đạo được xây dựng với những chòm bẫy làm từ chông tre, hầm ếch để chống những cuộc tấn công bằng khí ngạt, và các khe hẹp dùng để bắt những tên Mỹ to xác. Hàng nghìn nam giới và phụ nữ đã hy sinh trong những đường hầm tăm tối trải dài hai mươi dặm về phía Tây sang cả Campuchia, nhưng bất chấp tất cả sức mạnh quân sự được dốc ra để phá hủy chúng, những địa đạo vẫn trụ vững suốt ba mươi năm để che giấu cả vạn chiến sĩ ngay cách Sài Gòn không bao xa.

Chúng tôi dành cả buổi sáng đi tham quan các điểm trưng bày đặt đầy những hình nhân có kích cỡ như thật miêu tả cảnh các chiến sĩ Việt Cộng chế tạo mìn và thủ pháo như thế nào. Có cả một trường bắn nơi với một đô la một viên đạn tôi có thể bắn một khẩu AK-47 tự động vào những mục tiêu mang hình dáng những con voi, hổ, và lạc đà. Cả buổi sáng chúng tôi đã nghe thấy tiếng súng nổ đánh giòn qua khu rừng nhỏ thứ sinh mới mọc lên ở Củ Chi. Thỉnh thoảng tôi lại quay sang phía Tư Cang và nhìn thấy ông khom lưng xuống rồi liếc quanh tìm nơi ẩn náu. “Cứ nghe thấy tiếng súng nổ là tôi lại thấy giật mình,” ông giải thích.

Điểm dừng chân cuối cùng của chúng tôi là một dãy những chiếc bàn gỗ được dựng lên trong khu rừng nơi những cô gái mặc quần áo bà ba màu đen của các chiến sĩ Việt Cộng phục vụ trà nóng và

sản chấm vừng, đường và muối. “Hồi tôi sống ở đây, đó là tất cả những gì chúng tôi có để ăn,” Tư Cang nói và ngồi xuống bên một trong những chiếc bàn. “Tôi sống bằng món ăn này suốt nhiều năm trời. Ngán lắm.” Ông nhớ lại những trận ném bom B-52 rải thảm làm ông bật cả máu tai và chứng suy dinh dưỡng khiến người ông nổi ban đỏ. Chỉ trong chốc lát, các hướng dẫn viên đã tập trung lại quanh Tư Cang nghe ông kể chuyện. Khi ông hỏi là họ có biết những bài hát mà các chiến sĩ vẫn thường hát khi ngồi đây ăn món sản này không, các cô gái đều lắc đầu. Tư Cang bắt đầu hát. Ông được Thủy hát phụ họa sau đó những cô gái cũng hòa nhịp theo. Âm thanh *tằng tầng tầng* của những khẩu AK-47 dội lại qua khu rừng khi cả Củ Chi lại ngập tràn trong tiếng hát kêu gọi Việt Nam nhuộm đỏ đất của mình bằng máu quân thù.

Ngoài Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, câu chuyện quan trọng khác của năm 1968 - mặc dù phải mãi một năm sau đó mới được tiết lộ - là vụ thảm sát ở Mỹ Lai.

Ngày 16 tháng 3 năm 1968, một đại đội lính mới đến Việt Nam được ba tháng và đã thiệt hại mất 10% quân số vì những tay bắn tỉa và bom đạn, đi vào một ngôi làng để trả thù. Không tìm thấy binh sĩ đối phương nào trong cái ấp được gọi là Mỹ Lai 4, họ bắt đầu hãm hiếp và bắn giết hơn 500 phụ nữ, trẻ em và người già. Phải mất một ngày trời họ mới giết được hết tất cả mọi người, và họ dừng lại giữa chừng để ăn trưa. Trong số 13 người sau này bị buộc tội phạm tội ác chiến tranh, chỉ có một người, trung úy William Calley, bị tòa án binh buộc tội giết người và kết án chung thân khổ sai. Bản án được giảm xuống còn mười năm, và sau đó Calley, vì khoảng thời gian đã bị giam giữ tại nơi ở, được trả tự do sau khi chỉ phải ngồi có sáu tháng trong nhà tù liên bang. Như lời người mẹ của một trong những người lính ở Mỹ Lai kể cho Seymour Hersh trước khi ông phanh phui câu chuyện: “Tôi trao cho họ một thanh niên ngoan ngoãn, và họ trả cho tôi một kẻ giết người”.

Sau cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân trong tháng 1 và đợt hai của nó vào tháng 5, làm dấy lên trong nước Mỹ xu hướng rút lui khỏi cuộc chiến, *Time* chuyển văn phòng của mình quay trở lại khách sạn Continental, nơi tờ tạp chí này thuê hai phòng trông ra quán cà phê Givral trên đại lộ Catinat cũ (lúc bấy giờ được gọi là đường Tự Do). Phạm Xuân Ẩn như cá gặp nước, không bao giờ phải đi bộ quá hai bước từ Givral tới sân thượng của Continental và La Dolce Vita, tên gọi nhà hàng của khách sạn nghe đầy vẻ mỉa mai^[36]. Phạm Xuân Ẩn cầm trịch ở đài phát thanh Catinat, thông tấn xã vỉa hè. Ông tham dự những buổi giao ban quân sự được gọi là Trò rờ dại lúc năm giờ, và khi Bob Shaplen có mặt ở thành phố, ông lại tụ tập uống cocktail trong phòng của Shaplen tại Continental, trong đó có một chiếc bàn đồ sộ bằng gỗ tếch và một tấm bảng bằng gỗ xếp để Shaplen ghim những tấm bản đồ của mình. Khi Phạm Xuân Ẩn và Shaplen muốn nói chuyện riêng với nhau, họ sẽ bước ra ngoài ban công và chăm chú nhìn qua những hàng me được trồng dọc bên phố trước cửa khách sạn. Giờ uống cocktail kéo dài đến khi tất cả mọi người đi ăn tối ở nhà hàng Augustin hoặc Brodard, hay một trong những nhà hàng Pháp dễ chịu khác của Sài Gòn. Buổi tối kết thúc với một chén cà phê đêm ở Givral hoặc một màn nhậu trên mái khách sạn Caravelle.

Trong khi sống cuộc sống công khai của một *boulevardier* (thị dân phong lưu), thì cuộc sống riêng tư của Phạm Xuân Ẩn lại đậm bạc hơn rất nhiều. Tư Cang kể lại rằng ngôi nhà của Phạm Xuân Ẩn rất bé, tất cả chỉ có 200 mét vuông. Sống giản dị hết mức có thể, Phạm Xuân Ẩn cho biết ông đang dành dụm tiền cho cái ngày ông bị phát hiện, để lại người vợ và bốn đứa con của mình tự xoay xở lấy. “Tôi chấp nhận thực tế rằng sớm muộn gì tôi cũng sẽ bị bắt, giống như một con cá trong ao. Một con cá nhỏ có thể lọt được qua lưới, nhưng một con cá to thì không. Tôi đã chuẩn bị cho việc bị tra tấn và bị giết. Đó là số phận của tôi.”

Chín Chi và Tám Thảo, những điệp viên đồng chí của Phạm Xuân Ẩn, đã vẽ cho tôi sơ đồ nơi ông từng sống giữa một khu dân cư chật cứng những nhà là nhà nằm giữa chợ trung tâm của Sài Gòn và khu Chợ Lớn, khu Hoa kiều của thành phố.

Phạm Xuân Ẩn đã thêm vào đó địa chỉ của ông, 121/55 Lê Thị Riêng. Một địa chỉ có dấu gạch chéo ở giữa thế này có nghĩa là ông không sống ở ngay mặt phố chính mà là trong một con hẻm phía sau nó. “Cứ để ý tìm cái tháp nước,” Tám Thảo nói.

“Khi nào thấy, ông sẽ biết ngay là ông đến gần nhà ông Ẩn rồi.”

Cái ngày lên đường đi tìm ngôi nhà nơi Phạm Xuân Ẩn sống khi viết báo cáo bằng mực vô hình và chụp ảnh tài liệu mật, tôi bắt đầu với việc tham quan một vòng qua những chốn cũ ông thường lui tới ở trung tâm Sài Gòn. Từ ban công phòng mình tại khách sạn Continental, tôi trông xuống đại lộ Catinat cũ về phía sông Sài Gòn. Đúng theo phong cách tinh tế của Pháp, những thân cây đã được tỉa tót ngay ngắn với những gốc cây sơn trắng, và nằm phía dưới là một di sản thuộc địa khác, nhà hát thành phố vốn trong suốt hai thập kỷ đã được sử dụng làm tòa nhà Quốc hội của Nam Việt Nam.

Bên kia quảng trường phía trước nhà hát là khách sạn Caravelle cũ, lép vế bên tòa nhà mới xây thêm đồ bóng cao ngất phía trên. Cán phóng viên từng có thời tụ tập ở quầy bar trên sân thượng của khách sạn Caravelle để ngắm nhìn những viên đạn vạch đường và rốc két chiếu sáng rực cả bầu trời đêm trên vùng ven đô Sài Gòn.

Phía bên phải mình, tôi nhìn ngang qua đại lộ Catinat, bây giờ mang tên đường Đồng Khởi, về phía thương xá Eden, một tòa nhà đồ sộ màu nâu xám chiếm trọn cả khu phố nằm giữa khách sạn Continental và khách sạn Rex. Một thời từng là trụ sở văn phòng đại diện của Associated Press và các cơ quan báo chí khác, thương xá Eden bây giờ chỉ còn là một đồng hoang tàn đổ nát mọc meo dùm làm nơi sinh sống cho các gia đình trong những căn phòng xiêu vẹo. Những ban công bị bằm nát bởi nhà tắm ngoài trời và chuồng gà.

Hoa và dây leo mọc um tùm trên mặt tiền đồ nát, và ngay khi những cư dân ở đây có thể bị trục xuất đi nơi khác, chắc chắn thương xá Eden sẽ trở thành một chiếc răng hàm nữa bị nhổ ra khỏi cái miệng vốn đã thừa thớt răng của Sài Gòn.

Ngược lên hai khu phố, về phía tòa thánh đường xây bằng gạch đỏ của Sài Gòn, tôi để ý đến tòa cư xá ở số 22 đường Gia Long^[37] từng có thời được dùng làm địa điểm bí mật của CIA. Trên nóc của tòa nhà là gian buồng thang máy mái bằng vốn được sử dụng làm bãi đỗ trực thăng khẩn cấp trong ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Đây chính là nơi hàng đoàn người tị nạn đã bu lấy một chiếc thang gỗ ọp ẹp dẫn lên chiếc trực thăng được điều đến cứu họ - một hình ảnh được Hubert Van Es ghi lại trong tấm ảnh rất ấn tượng của ông về chuyến bay cuối cùng rời khỏi Sài Gòn, cất cánh từ nóc tòa Đại sứ Mỹ. Trong thực tế thì nó không phải chuyến bay cuối cùng mà cũng chẳng phải là nóc tòa Đại sứ Mỹ, nhưng đó là một bức ảnh cực kỳ sống động khi diễn tả được sự nhục nhã trong chuyến rút chạy tán loạn của Mỹ khỏi Việt

Nam đến nỗi người ta vẫn gọi nó như vậy.

Ngay phía dưới khách sạn Continental, ở dưới chân thương xá Eden, là quán cà phê Givral. Được xây với những ô cửa sổ uốn cong trông thẳng ra hai con phố tấp nập nhất thành phố, cái nhà hàng trông như bể cá vàng này là vọng gác hoàn hảo để theo dõi Sài Gòn thời chiến. Phía bên kia đường là khoảng sân thượng ngoài trời và quầy bar của khách sạn Continental. Ở mỗi bên của quán cà phê trải dài những cửa hàng chiếm trọn sàn tầng trệt của Eden Building. Người Mỹ thường ngồi trong những ô bàn kê sát cửa sổ của Givral, trong khi người Việt Nam ngồi bên trong gần với phía quầy bar, vừa kín đáo trò chuyện vừa nhấm nháp ly cà phê đá quấy với sữa đặc quánh.

Khoảng sân bên trong của khách sạn Continental, với khu vườn nổi tiếng của nó, vẫn nguyên vẹn không thay đổi kể từ những ngày

Phạm Xuân Ân và Tư Cang ngồi đây lên kế hoạch cho Tổng tấn công Tết Mậu Thân. Trong không gian tách biệt này với dãy bàn được kê dưới những cây sứ đang trở hoa, tôi ngồi cạnh những loại cây leo giàn trồng trong bình gốm Trung Quốc, một cây cọ có thân được trang trí bằng giấy bóng kính đỏ, một hồ cá thả đầy cá vàng, và một cột đèn mang phong cách “belle époque”^[38] có lẽ được chính Gustave Eiffel thiết kế cũng nên. Ngay phía trên bàn tôi là một cây hoa sứ với những cánh tay vẫy gọi thoải mái vươn ra đến gần chục mét lên không trung, trước khi đến một viền là những chiếc lá thon dài hình thìa và những bông hoa trắng với mùi hương nhiệt đới nồng nàn.

Ngày hôm đó đã bắt đầu trở nên oi bức, ánh nắng mặt trời rọi xuống qua một làn khói diesel và bụi bặm, khi Việt, người lái xe ô-m, và tôi hướng về phía chợ Bến Thành. Nhìn thấy tòa tháp nước, cột mốc mà Tám Thảo đã kê làm vật chuẩn, chúng tôi rẽ vào một con hẻm không rộng hơn sải tay tôi, trước khi đường đi đột ngột dừng lại ở một ngôi chùa với những người bán hàng cá và hoa quả ngồi tùm tùm phía trước. Khi hỏi thăm đường tới nhà Phạm Xuân Ân, chúng tôi được khuyên gõ cửa nhà một bà già đã sống ở đây nhiều năm nay. Chúng tôi thấy bà lão đang ngồi nhai trầu, và, vâng, bà có nhớ ra ông nhà báo chuyên đậu chiếc xe của mình ngoài đường lớn và, vì có thẻ báo chí, là người duy nhất trong cả khu này có thể đi về bất kỳ giờ nào cả ngày lẫn đêm.

Bà lão bảo cháu gái dẫn đường cho chúng tôi qua một mê cung những góc ngách phía sau ngôi chùa. Chúng tôi đi theo cô bé vào một ngách nhỏ bên cạnh ngôi chùa mà trước đó tôi không nhận ra. Chúng tôi cuốc bộ bên phải, bên trái, rồi lại bên phải. Con hẻm cứ hẹp dần sau mỗi khúc ngoặt, hai khuỷu tay tôi quệt vào tường nếu tôi khuỳnh tay ra. Một đám đông hiếu kỳ tụ tập lại khi mọi người đổ từ trong nhà ra chăm chú nhìn cả đoàn, và chỉ một lát sau cả khu dân cư đã tham dự vào việc quyết định xem chính xác thì ngôi nhà

nào là nhà của Phạm Xuân Ân và đâu là nhà của cha mẹ ông. Cuối cùng chúng tôi cũng nhất trí được rằng bản đồ của tôi chính xác.

Tôi nhấn chuông trước cửa số nhà 121/55. Một thanh niên ra mở cánh cổng trước tòa nhà mới xây ba tầng và xác nhận rằng đây chính là nơi nhà báo nổi tiếng đã từng sống, mặc dù ngôi nhà cũ của ông đã bị đập bỏ để nhường chỗ cho một công trình hiện đại hơn.

Một đất nước do Salvador Dali tạo ra

Phạm Xuân Ẩn lập thêm được nhiều kỳ công nữa trong những năm sau Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, một số kỳ công là trên cương vị điệp viên, một số khác trên cương vị nhà báo. Thỉnh thoảng, trong những cuộc trò chuyện của chúng tôi, tôi lại nhận ra đầu óc mình đang quay cuồng khi hình dung ra cảnh ông phải hoán đổi liên tục giữa các vai trò mà ông đảm nhiệm trong cuộc chiến tranh. Khi quân đội miền Nam Việt Nam sang xâm chiếm Lào năm 1971, Phạm Xuân Ẩn đã báo trước cho miền Bắc Việt Nam. Cảnh báo sớm của ông bao gồm cả kế hoạch tác chiến của cái gọi là Chiến dịch Lam Sơn 719, giúp cộng sản gây ra 8.000 thương vong cho đối phương. Bị bỏ lại trong rừng rậm tại Lào ở cuối cuộc xâm lược thảm họa này là 100 máy bay trực thăng, 150 xe tăng, và tất cả những hy vọng rằng quân đội miền Nam Việt Nam có đủ khả năng tự bảo vệ chống lại miền Bắc.

“Khi chúng tôi thua trận tại Nam Lào năm 1971, chúng tôi đang hy vọng có thể cắt đứt Đường mòn Hồ Chí Minh, sau một cuộc tấn công trước đó vào Campuchia để cắt đứt Đường mòn Sihanouk,” Phạm Xuân Ẩn nói.

“Ý ông là sao khi ông nói *chúng tôi* thua trận?” tôi hỏi.

“Tôi đang nói đến phe quốc gia. Tôi xin lỗi. Tôi nhầm lẫn,” Phạm Xuân Ẩn vừa nói vừa bật cười.

Đến lượt tôi bối rối khi ông tiếp tục nói về trận đánh từ quan điểm của phía miền Nam, có lẽ là để tránh sự chú ý vào những hậu quả chết người mà vai trò điệp viên của ông gây ra. Cùng với trận Ấp Bắc và Chiến dịch Hồ Chí Minh, Lam Sơn 719 là một trong những thắng lợi then chốt của cộng sản xuất phát từ, ít nhất là một phần, những tin tức tình báo của Phạm Xuân Ẩn. Lực lượng miền Nam Việt Nam đã chắc chắn rằng hỏa lực của họ cùng sự yểm trợ

bằng không quân của Mỹ có thể giành ưu thế, nhưng những yếu tố được cho là lợi thế này đã trở nên vô ích khi đương đầu với một đối phương vốn đã biết trước mọi hành động của họ. Những tin tình báo chiến thuật của Phạm Xuân Ẩn cho phép Quân đội Nhân dân Việt Nam nhắm trúng binh sĩ Nam Việt Nam bằng những đợt oanh tạc dữ dội gồm cối, những khẩu đội rốc két, và pháo binh, gồm cả những khẩu pháo 130 mm có thể bắn đến 8 phút một phút vào những mục tiêu cách xa 18 dặm^[39].

Đến tháng 1 năm 1973, Hiệp định Hòa bình Paris đã được ký kết, dẫn đến quá trình “Việt Nam hóa” chiến tranh, và đến tháng 3 thì hầu hết những lực lượng trên mặt đất của Mỹ đã rời khỏi Việt Nam. Trong suốt những cuộc đàm phán tại Paris, dựa vào những tin tức rò rỉ từ người đứng đầu Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Việt Nam, Phạm Xuân Ẩn đã cập nhật kịp thời cho cả *Time* và những người cộng sản về những trò nghi binh trong đàm phán của Henry Kissinger và việc Nam Việt Nam phản đối hiệp định này, mà Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu coi là hành động bán đứng sớm muộn sẽ dẫn đến ngày tàn cho miền Nam. Nhờ những thông tin của Phạm Xuân Ẩn, những người cộng sản đã xỏ mũi Kissinger ở Paris và *Time* xỏ mũi được *Newsweek* ở New York. “Chúng tôi hót tay trên của họ với câu chuyện hấp dẫn hơn. Đó là một ngày tươi đẹp đối với chúng tôi,” ông nói.

Một lần nữa Phạm Xuân Ẩn lại phân tích tình hình chính trị một cách vô cùng nhạy bén khi ông chứng kiến vụ bê bối Watergate và việc Tổng thống Richard Nixon từ chức tháng 8 năm 1974. Ông biết rằng Quốc hội Mỹ sẽ không bao giờ cho phép tổng thống đưa lực lượng mặt đất của Mỹ quay trở lại cuộc chiến. Với sức mạnh quân sự của Mỹ bị kiềm chế, Phạm Xuân Ẩn thúc giục những người cộng sản triển khai đòn tấn công cuối cùng. Họ còn rất e dè về mặt quân sự, cho đến khi Phạm Xuân Ẩn thuyết phục họ rằng cuối cùng thì cũng đã đến lúc chiếm lấy Sài Gòn. Tấm huân chương Quân công cuối cùng của Phạm Xuân Ẩn là để tặng thưởng cho vai trò ông đảm

nhiệm trong Chiến dịch Hồ Chí Minh - những trận đánh cuối cùng trong cuộc chiến tranh kết thúc với sự sụp đổ của Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975. Hành động cuối cùng của Phạm Xuân Ẩn trong cuộc chiến này là một hành động ân tình. Vài giờ trước khi thành phố sụp đổ, ông dàn xếp vụ tẩu thoát cho người bảo trợ cũ của mình, trùm mật vụ miền Nam Việt Nam Trần Kim Tuyến. Trong bức ảnh nổi tiếng của Hubert Van Es về chuyến bay cuối cùng rời khỏi Sài

Gòn, người cuối cùng đang trèo lên chiếc thang ọp ẹp tới chỗ chiếc trực thăng đang chờ đợi chính là Trần Kim Tuyến. Ngoài khung hình, phía dưới đường phố, người đang đứng vẫy tay trong nước mắt, là Phạm Xuân Ẩn.

“Trước đó Tuyến bất ngờ xuất hiện trong phòng làm việc của tôi,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ấy đã chờ đợi quá lâu để thoát ra ngoài, và giờ thì mắc kẹt lại. Có thể Chúa đã quyết định rằng tôi phải giúp người đàn ông này. Tôi nghĩ ông ấy xứng đáng được tôi đáp lại sự giúp đỡ mà ông ấy đã dành cho tôi. Và thế là ông ấy trở thành người cuối cùng bước lên chiếc trực thăng cuối cùng của CIA đi di tản. Tôi đã không lầm,” ông kết luận.

Mùa hè năm 2007, tôi ăn tối với một người Việt Nam di tản là Trần Tử Thanh tại một nhà hàng bên ngoài Washington, D.C. Ông Thanh đã làm việc cho tướng Nguyễn Ngọc Loan ở bộ phận tình báo. Ông ta đã thăm vấn những tù binh bị bắt giữ, và, với tư cách là một người bạn của Phạm Xuân Ẩn, ông ta đã vô tình cung cấp một số thông tin mà ông Ẩn gửi cho miền Bắc. Là con trai của một giáo sư toán học từng có thời làm phó thủ tướng Cộng hòa Việt Nam, Thanh bị bắt vào thời khắc cuối cùng của cuộc chiến. Ông ta bị giam giữ **và tra tấn** suốt 15 năm. **Trong bốn năm rưỡi của những năm tháng này, ông ta bị cùm chân và giam trong một cái thùng chỉ có kích thước như một chiếc quan tài.**

“Tại sao Phạm Xuân Ẩn lại phải dành cả ngày cuối cùng của cuộc chiến để vất vả đưa Trần Kim Tuyến thoát ra nước ngoài?” Thanh

hỏi, khi chúng tôi bắt đầu bữa tối của mình. Ông ta phỏng đoán rằng chắc Phạm Xuân Ẩn phải có một lý do thích đáng để đưa Trần Kim Tuyến thoát khỏi hoàn cảnh đó. Nếu như Trần Kim Tuyến bị bắt giữ và tra khảo, điều chắc chắn sẽ xảy ra, thì cái tên nào có thể sẽ buột ra khỏi miệng ông ta? Như thế hẳn sẽ vô cùng khó xử cho đồng nghiệp và phụ tá trung thành cũ của ông ta là Phạm Xuân Ẩn. Nếu tất cả những lời đồn đại về việc Phạm Xuân Ẩn là một điệp viên hai mang là chính xác, thì Trần Kim Tuyến sẽ là nguồn tin tốt nhất để chứng thực những tin đồn này.

Ngày 12 tháng 5 năm 1975, tờ thông tin nội bộ của công ty *Time*, *F.Y.I.*, đăng một bức ảnh của Phạm Xuân Ẩn trên trang nhất của mình. Bức ảnh được chụp ngay trước khi lực lượng cộng sản tiến vào Sài Gòn, trong đó Phạm Xuân Ẩn đang ngạo nghễ hút một điếu thuốc ngay trước tòa thị chính Sài Gòn. Mái tóc đen của ông được chải lật ra sau trán và ông nheo mắt nhìn về phía chân trời, như thể đang ngắm soi những máy xe tăng. “Phóng viên Phạm Xuân Ẩn cho vợ và bốn người con lên máy bay nhưng quyết định ở lại tổ quốc của mình,” bài báo viết. Lý do mà ông đưa ra cho việc ở lại đúng là cực kỳ bí hiểm. “Tôi là một người Việt Nam và là một phóng viên, còn di tản chỉ là một chương của câu chuyện.”

Trong những ngày trước khi chính phủ quốc gia sụp đổ, các biên tập viên của *Time* đã liên tục xúc tiến những nỗ lực di tản không thành. Đã hai lần họ điều những chiếc máy bay được thuê riêng tới Sài Gòn nhưng đều phải quay đầu tại sân bay. Không một khoản hối lộ nào như mọi khi có thể giúp xoay được visa xuất cảnh, và chính phủ Mỹ vẫn khẳng khái phủ nhận rằng đã đến ngày tàn của cuộc chiến tranh. Murray Gatt, người quản lý các phóng viên thường trú của *Time*, bay tới Hồng Kông và thuê một chiếc tàu có thể chở một trăm hành khách khởi hành tới Việt Nam, nhưng con tàu đã bị hải quân Nam Việt Nam giữ lại để làm phương tiện tẩu thoát cho chính mình. Gatt bay tới Washington và cắm trại bên ngoài văn phòng của Henry Kissinger. Đến cuối ngày, vị ngoại trưởng cuối cùng cũng

xuất hiện và hứa sẽ điện cho đại sứ tại Sài Gòn yêu cầu giúp đỡ. Trong vòng một tuần, mọi thành viên trong biên chế của *Time*, chỉ trừ Phạm Xuân Ẩn, đều được bốc ra khỏi Việt Nam.

“Năm cuộn phim của bà Ẩn đã gói đi chiều nay. Phim sẽ được xử lý tại phòng rửa ảnh ở Clark hay Guam,” đó là nội dung bức điện mật gửi về trụ sở của *Time*, thông báo rằng vợ của Phạm Xuân Ẩn và bốn người con đã được chở tới một căn cứ quân sự của Mỹ ở Thái Bình Dương. Sau khi trải qua “phòng rửa ảnh” Guam và trại Pendleton ở California, gia đình của Phạm Xuân Ẩn được bố trí ở Washington, nơi họ ở với *déesse* của Phạm Xuân Ẩn là Beverly Deepe. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, ngày Sài Gòn sụp đổ vào tay cộng sản, Phạm Xuân Ẩn đánh điện về trụ sở tòa soạn ở New York rằng “văn phòng của *Time* giờ do mình tôi Phạm Xuân Ẩn, điều hành”. Sau khi cung cấp một bài phản ánh những sự kiện của ngày hôm đó ở miền Nam, Phạm Xuân Ẩn gửi thêm ba phóng sự nữa trước khi đường truyền âm lặng hoàn toàn.

Khi những đồng nghiệp của ông biết được câu chuyện của Phạm Xuân Ẩn từ những lời đồn đại bắt đầu lan truyền trong những năm 1980, mỗi người mới chợt nhớ ra một điều gì đó đáng ngờ giờ đây bỗng nhiên lại được giải thích bởi cái thông tin kia. Nick Turner, sếp cũ của Phạm Xuân Ẩn tại Reuters, khẳng định những mối nghi ngờ của ông ta về những lần vắng mặt không thông báo của Phạm Xuân Ẩn khỏi văn phòng. H. D. S. Greenway, được bạn bè gọi là David, chợt hiểu tại sao người đồng nghiệp của ông tại *Time* lại biết nhiều hơn mình về Chiến dịch Lam Sơn 719.

“Tôi đã lên đến tận vùng biên giới gần Khe Sanh, chứng kiến những người lính bị nện toi bời rút lui khỏi Lào,” Greenway kể với tôi. “Tôi miêu tả họ là những người sống sót của thê đội đi đầu trong cuộc tấn công. ‘Không,’ Phạm Xuân Ẩn nói, không có một chút do dự. ‘Thê đội đầu tiên bị quét sạch rồi. Những gì anh thấy là những người sống sót sau nỗ lực giải cứu thê đội thứ nhất, mà nỗ lực này cũng thất bại nốt.’ Sau này, khi nghĩ lại tôi mới thấy là

dường như anh ta nắm thông tin rất chắc. Đó là kiểu hiểu biết mà anh chỉ có thể có được khi biết rõ cả hai bên trong cuộc chiến đang làm gì.”

Nayan Chanda, người hồi đó làm việc cho Reuters và *Far East Economic Review* (Tập chí kinh tế Viễn Đông), nhớ lại lần nhìn thấy Phạm Xuân Ẩn đứng trước cửa Dinh Độc Lập vào ngày cuối cùng của cuộc chiến khi chiếc xe tăng 843 của cộng sản húc đổ tung cánh cổng sắt. “Có một nụ cười rất lạ lùng, bí hiểm trên mặt anh ta. Đường như anh ta rất hài lòng và thoải mái với chính mình. Tôi thấy rất kỳ quặc,” Chanda nói. “Vợ và các con anh ta vừa mới được đưa ra khỏi Việt Nam, vậy mà đường như anh ta chẳng thêm bận tâm đến bất kỳ điều gì trên đời.” Sau này Chanda mới nhận ra là Phạm Xuân Ẩn đang **tận hưởng chiến thắng** của cộng sản mà chính ông đã ủng hộ suốt 30 năm.

Ngoài việc bị Chanda thoáng bắt gặp, Phạm Xuân Ẩn vẫn giữ vỏ bọc của mình nguyên vẹn sau năm 1975. “Đó là một thời khắc nguy hiểm đối với tôi,” ông nói. “Sẽ rất dễ xảy ra chuyện có người cho tôi một viên đạn xuyên qua sọ. Tôi sợ là họ sẽ giết tôi và **nướng sống** lõi chóc của tôi. Tất cả những gì tôi có thể làm là chờ đợi ai đó ở trong cứ ra và công nhận tôi.”

Phạm Xuân Ẩn và mẹ ông chuyển vào trong khách sạn Continental, nơi họ ở trong căn phòng cũ của Robert Shaplen. (Shaplen đã ấn chìa khóa vào tay Phạm Xuân Ẩn khi ông rời khỏi đất nước này). Cuối cùng Phạm Xuân Ẩn chuyển sang văn phòng gồm hai phòng của *Time*. Ông bị công an triệu lên thẩm vấn liên tục cho đến khi các quan chức tình báo can thiệp. Mọi người bắt đầu nghi ngờ ông là “một người cách mạng” khi họ thấy ông đạp xe đạp tới các điểm phân phát hàng quân sự và ra về với những túi gạo và thịt buộc ở ghi đông. Mặc dù vậy họ vẫn đoán ông là một người “cách mạng 30 tháng 4”, tức là người nhảy sang phe cộng sản chỉ sau khi

Sài Gòn đã sụp đổ.

Thậm chí cả những sĩ quan quân đội cao cấp như đại tá Bùi Tín cũng không biết câu chuyện về Phạm Xuân Ẩn. Trên cương vị Phó Tổng Biên tập tờ báo của quân đội miền Bắc Việt Nam, ông Bùi Tín đi trên một chiếc xe tăng đến Dinh Độc lập ngày 30 tháng Tư năm 1975. Sau khi chấp nhận sự đầu hàng của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, ông Bùi Tín ngồi xuống bên chiếc bàn Tổng thống để viết bài cho tờ báo của mình. Giống như hầu hết những nhà báo mới đến Sài Gòn, việc tiếp theo ông làm là đi tìm Phạm Xuân Ẩn. Như Bùi Tín nhớ lại: “Vào buổi sáng ngày mùng 1 tháng Năm, tôi đi tìm Phạm Xuân Ẩn ở văn phòng của ông ấy tại khách sạn Continental Palace. Lúc đó tôi hoàn toàn không biết ông ấy là một điệp viên. Tất cả những gì ông ấy kể với tôi là ông ấy làm phóng viên thường trú cho tờ *Time-Life*. Ông ấy giới thiệu tôi với tất cả phóng viên trong thành phố, và tôi giúp họ gửi bài viết của mình ra nước ngoài. Ba tháng sau khi chiến tranh kết thúc, tôi vẫn không biết rằng Phạm Xuân Ẩn là một điệp viên .

Lẽ ra Phạm Xuân Ẩn đã theo gia đình mình sang Washington và tiếp tục hoạt động tình báo, nhưng nhiệm vụ này đã bị dừng lại vào phút chót. **Những thông tin về sự tranh giành quyền lực đối với Phạm Xuân Ẩn – giữa những chỉ huy tình báo quân sự muốn phái ông sang Mỹ và những lãnh đạo kín đáo trong Bộ Chính trị – chỉ được tiết lộ với Bùi Tín khi chính phủ Việt Nam xúc tiến việc hồi hương cho vợ và các con của Phạm Xuân Ẩn.** Lẫn trong làn sóng những người di tản khỏi đất nước, gia đình của Phạm Xuân Ẩn phải mất cả năm trời cố tìm cách quay trở lại Việt Nam thông qua một tuyến đường lòng vòng đi qua Paris, Mátxcova, và Hà Nội. Bà Nguyễn Thị Bình, người bạn thời thơ ấu của Phạm Xuân Ẩn, cuối cùng cũng đưa được họ về nhà. Gia đình của Phạm Xuân Ẩn đã phải trú ngụ suốt bốn tháng liền ở hành lang Đại sứ quán Việt Nam tại Paris, bị đẩy qua đẩy lại giữa những cơ quan tình báo và an ninh **cạnh tranh nhau** của Việt Nam, cho đến một hôm bà Bình bắt gặp họ đang ngồi ở đó. Tại thời điểm đó Việt Nam có *hai* đại sứ quán,

một của những người cộng sản và một của Đại sứ Nguyễn Thị Bình, đại diện cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Sau công việc của mình trên cương vị người đàm phán của **Mặt trận Dân tộc Giải phóng** tại Hiệp định Paris, sứ mệnh ngoại giao cuối cùng của bà Nguyễn Thị Bình là bố trí đưa gia đình Phạm Xuân Ẩn trở về nước an toàn.

Với tư cách là người cuối cùng còn ở lại văn phòng của *Time* tại Sài Gòn, Phạm Xuân Ẩn nghiêm nhiên trở thành trưởng đại diện. Tên của ông vẫn xuất hiện trên *Time* cho đến ngày 3 tháng 5 năm 1976. Ông trả lời các yêu cầu và gửi phản ánh trong suốt một năm sau khi Sài Gòn sụp đổ, nhưng càng ngày ông càng viết ít hơn, **khí tắc lưới xám xịt của bộ máy an ninh Nhà nước chụp xuống thành phố. “Sau năm 1975, Sài Gòn biến thành HoChiMinhgrad,” ông nói. “Họ cắt bỏ máy điện tín và bắt buộc mọi bài viết phải chuyển qua bưu điện. Họ gạch bỏ chỗ này, gạch bỏ chỗ kia. Chế độ kiểm duyệt khắt khe đến nỗi chẳng khác nào cái thời của Graham Green. Tôi không gửi nhiều bài vì tôi không biết phải luôn lách kiểm duyệt như thế nào. Tất cả những gì họ muốn là tuyên truyền cho chế độ mới, thế là tôi suốt ngày đi xem chợ gà chợ cá.”**

Thông báo chính thức đầu tiên về lòng trung thành trong thời chiến tranh của

Phạm Xuân Ẩn được đưa ra tháng 12 năm 1976, khi ông bay ra Hà Nội với tư cách đại biểu quân đội tại Đại hội Đảng lần thứ 4. Những bạn bè thấy ông đi khắp Hà Nội trong bộ quân phục màu xanh thẫm mà ông mặc lần đầu tiên trong đời, đều sửng sò trước sự biến đổi của Phạm Xuân Ẩn từ một nhà báo thành một anh hùng ngực đầy huân chương. “Rất nhiều VC^[40] ở miền Nam ngạc nhiên khi họ thấy tôi,” Phạm Xuân

Ẩn nói. “Họ tưởng CIA đã bỏ tôi ở lại.”

Nguyễn Khải, nhà văn Việt Nam nổi tiếng, người về sau viết một cuốn tiểu thuyết về Phạm Xuân Ẩn, là một trong những người như

vậy. “Anh thuộc về cách mạng!” ông thốt lên. “Tôi thuộc về tất cả,” Phạm Xuân Ẩn trả lời. “Người Pháp, người Mỹ, và bây giờ là cả cách mạng nữa.”

Khi hàng trăm nghìn người Việt Nam biến vào trong các nhà tù và trại lao động, Phạm Xuân Ẩn cũng được cử tới nơi mà ông vẫn gọi đùa là “trại cải tạo”. Tháng 8 năm 1978, ông được cử tham gia khóa bồi dưỡng mười tháng ở Học viện Chính trị Nguyễn Ái Quốc tại Hà Nội. Đây là một khóa bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Marx cho những cán bộ cấp cao. “Tôi đã sống quá lâu trong lòng địch,” ông nói. “Họ cử tôi tới đó để tái chế.”

Luôn là một học viên kém, Phạm Xuân Ẩn hoàn thành khóa học ở vị trí gần bét lớp. “Họ không ưa kiểu nói đùa của tôi,” ông nói về những người miền Bắc khó dăm dăm đang cố dạy ông thứ tiếng Việt “mới” đầy những từ ngữ chính trị mượn của Trung Quốc. Phạm Xuân Ẩn trải qua những cơn mưa lạnh thấu xương của mùa đông Hà Nội, ngủ trên cái giường gỗ với một tấm chăn bông. “Tôi mặc một cái áo bông Trung Quốc khiến tôi nhìn cứ như xác ướp. Tôi hỏi xin một cái áo khoác Nga nhưng vẫn thấy rét như thường, thế là tôi quay lại và hỏi xin một chiếc áo khoác 111 độ. “Đó là cái gì? ”, ông giám đốc học viện hỏi. “Ba cô gái,” tôi nói, “một người ngủ bên phải tôi, một người ngủ bên trái, và một người ngủ bên trên.”

“Họ hoàn toàn không ưa tôi tí nào,” Phạm Xuân Ẩn nói về những giảng viên bồi dưỡng chính trị của mình. “Nhưng tôi chưa phạm sai lầm nào nghiêm trọng đến mức bị mang ra bắn cả.”

Phạm Xuân Ẩn bị đẩy vào tình trạng đóng băng về chính trị cả một thập kỷ. Ông bị hạn chế [cấm] gặp gỡ những đồng nghiệp người Mỹ trước đây đến thăm Việt Nam, và xuất hiện nhiều lời đồn đoán về việc tại sao ông bị an trí một nơi. Ông quá thân thiết với người Mỹ, quá hiểu biết, và quá rành chính trị phương Tây. Ông đã để cho trùm mật thám Trần Kim Tuyến trốn thoát. Ông từ chối vạch mặt những đồng nghiệp Việt Nam từng làm việc cho CIA. Có lẽ, như người ta nghe thấy Phạm Xuân Ẩn phàn nàn, cộng sản coi ông

như một *rentier* (chủ tô), người thu tiền của những nông dân sống trên đất của mình.

Trong thời gian đó, ông vẫn đang lặng lẽ chờ thời, chờ cho bầu không khí chống Mỹ thay đổi thì Việt Nam lại tiếp tục **những cuộc chiến khác, chống lại Khmer đỏ tại Campuchia và đồng minh Trung Quốc của nó**. Ngày 15 tháng 1 năm 1976, ông được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân - danh hiệu quân đội cao quý nhất của Việt Nam. Đến năm 1978 ông là trung tá, đến năm 1981 là thượng tá, và đến năm 1984 thì lên đại tá. Năm 1990, khi vẫn phục vụ trên cương vị một sĩ quan đang công tác, ông đã được thăng quân hàm cấp tướng.

Khi nhìn ra Sài Gòn qua cánh cổng ngôi biệt thự nơi ông ở, Phạm Xuân Ẩn vẫn chưa thấy dấu hiệu của thiên đường **cộng sản**. Thành phố đông chật những đảng viên cốt cán nghiêm nghị và dân đầu cơ hãnh tiến từ miền Bắc tràn vào. Giống như Voltaire, Phạm Xuân Ẩn dành hết tâm trí cho khu vườn của mình. Thực ra, vợ ông, bà Thu Nhận làm vườn, nhưng một phần của nó luôn được dành riêng cho những chiếc lồng nuôi lũ gà chọi và chim quý của Phạm Xuân Ẩn.

Vào những dịp khi Phạm Xuân Ẩn rời khỏi nhà và cố đóng góp cho việc xây dựng lại Việt Nam thời hậu chiến, thì chỉ nhận được sự thờ ơ đầy quan liêu. Ông đề xuất đổi tên công viên nhỏ trước nhà thờ Công giáo là Quảng trường Morrison, theo tên của tín đồ dòng Quaker người Mỹ Norman Morrison, người đã tẩm xăng lên mình và tự thiêu đến chết bên ngoài văn phòng của Robert McNamara tại Lầu Năm Góc. McNamara đã đứng ở cửa sổ văn phòng của mình và chứng kiến Morrison bốc cháy, và như sau này ông ta viết trong cuốn hồi ký năm 1995 của mình, *Nhìn lại (In Retrospect)*, “cái chết của Morrison là một bi kịch không chỉ đối với gia đình anh ấy mà đối với cả tôi và đất nước... Tôi phản ứng lại với nỗi kinh hoàng từ hành động của anh ấy bằng cách phong kín những cảm xúc của mình lại và tránh nói về những cảm xúc ấy với bất kỳ ai - ngay cả với gia đình mình. Marg [vợ của McNamara] và ba đứa con của chúng tôi

chia sẻ rất nhiều cảm xúc của Morrison về cuộc chiến tranh... và tôi tin rằng tôi hiểu và chia sẻ với một số suy nghĩ của anh ấy.” Được biết đến trong thời thuộc địa với tên gọi Place (Quảng trường) Pigneau de Béhaine, theo tên của nhà truyền giáo người Pháp thế kỷ 18, người đã mở cửa Việt Nam ra với ảnh hưởng của châu Âu, và trong thời chiến tranh Việt Nam thì được gọi là Quảng trường John F. Kennedy, cái công viên nhỏ trước cửa nhà thờ hiện được đặt tên là Công xã Paris.

Vào năm 1981, cựu phóng viên thường trú của *Newsweek* Arnaud de Borchgrave, trong phiên điều trần trước tiểu ban của Thượng viện Mỹ về an ninh và khủng bố, đã lên án Phạm Xuân Ẩn là một “điệp viên tung tin lung lạc”. Đây là lời buộc tội không có cơ sở mà đối thủ cạnh tranh cũ của Phạm Xuân Ẩn đang trả thù vì đã bị ông hót tay trên trong thời gian diễn ra vòng đàm phán hòa bình Paris. Cũng trong năm đó, Stanley Karnow, khi viết trên tờ *Wall Street Journal* (Nhật báo phố Wall), đã miêu tả Phạm Xuân Ẩn - người mà ông ta không được phép gặp trong một chuyến đi tới Sài Gòn - là “một quan chức cao cấp trong chính phủ Việt Nam”. Những báo cáo này càng khẳng định điều những người khác đã biết kể từ lần đầu tiên Phạm Xuân Ẩn mang trên người một bộ quân phục và bắt đầu đạp xe đạp tới các cuộc họp chi bộ hằng tháng năm 1976.

“Chúng tôi cho đây là một chuyện khôi hài,” David Greenway nói khi tôi hỏi ông ta về lời buộc tội rằng Phạm Xuân Ẩn là một “điệp viên ảnh hưởng” có nhiệm vụ thao túng thông tin và gài cắm tin tức trong *Time*. Greenway, người bị thương khi đưa tin về Tổng tấn công Tết Mậu Thân tại Huế, rời khỏi *Time* năm 1972 và về sau trở thành biên tập viên phụ trách trang xã luận của tờ *Boston Globe* (Địa cầu Boston). “Những biên tập viên tại *Time* đâu có chịu nghe chúng tôi. Không một phóng viên nào của *Time* có thể thao túng thông tin cả. Anh ta cũng không thể nào may mắn hơn những người còn lại trong chúng tôi được.”

Thay vì gài cạm tin thất thiệt, theo lời Richard Pyle, cựu trưởng đại diện văn phòng Sài Gòn của hãng Associated Press: “Phạm Xuân Ân đã cứu cho *Time* khỏi bẽ mặt khi đăng tải những câu chuyện không đúng sự thật. Đây là một thủ thuật rất cao tay của anh ta. Không để lộ ra là làm sao anh ta lại biết và biết những gì, anh ta sẽ để bạn biết là bạn có đang đi đúng hướng hay không.”

Sau khi biết được tin về cựu phóng viên thường trú phụ trách mảng chính trị tại Sài Gòn của mình, Murray Gatt, người quản lý các phóng viên thường trú của *Time* trong chiến tranh, được cho là đã nói: “Ân, đồ chó đẻ, tôi phải giết hẳn.” Peter Arnett cũng chỉ trích Phạm Xuân Ân không kém. Hai nhà báo này vẫn thường gặp nhau ở quán Givral để trao đổi tin tức. “Tôi vẫn còn cảm thấy đau lắm,” Arnett nói. “Mặc dù tôi hiểu anh ta trên cương vị một người Việt Nam yêu nước, tôi vẫn cảm thấy bị phản bội về phương diện báo chí. Trong suốt cuộc chiến đã có những lời cáo buộc rằng chúng tôi bị cộng sản thâm nhập. Những gì anh ta làm đã cho phép lực lượng cánh tả bước đến và thụi vào mắt chúng tôi. Khoảng một năm trời gì đó, tôi vẫn còn thấy uất hận lắm. Sau đó tôi tự nhủ đó là công việc của anh ta.”

Trừ một số ngoại lệ hiếm hoi - mà ngay cả Arnett cũng ca ngợi Phạm Xuân Ân là một “tay gan lì” - những đồng nghiệp của Phạm Xuân Ân đều thống nhất quan điểm ủng hộ ông. “Tôi có tức giận không khi tôi biết chuyện về Phạm Xuân Ân à?” Frank McCulloch nói, ông là người đầu tiên thuê Phạm Xuân Ân làm việc cho *Time*. “Hoàn toàn không. Đó là tổ quốc của anh ấy, tôi nghĩ. Nếu hoàn cảnh đảo ngược lại, tôi cũng sẽ làm hết như vậy thôi.”

McCulloch, hiện đang sống trong một khu dành cho người hưu trí ở California sau một sự nghiệp thành công trên cương vị biên tập viên điều hành của tờ *Los Angeles Times*, tờ *Sacramento Bee*, và những tờ báo khác, nhớ về Phạm Xuân Ân như “đồng nghiệp và phóng viên ngôi sao” của mình, “... Phạm Xuân Ân có sự am hiểu cực kỳ tinh tường về chính trị Việt Nam, và anh ta luôn vô cùng chính xác.”

McCulloch cười phá lên. “Tất nhiên là anh ta chính xác rồi, cứ xem những nguồn của anh ta thì biết!”

Nhớ đến Phạm Xuân Ẩn với cảm tình và lòng tôn trọng, McCulloch nói ông

“vô cùng sung sướng” được tổ chức một quỹ quyên góp năm 1990, gây được 32.000 đô la để đưa con trai trưởng của Phạm Xuân Ẩn, Phạm Xuân Hoàng Ẩn, tới trường báo chí ở Đại học Bắc Carolina. Danh sách những người đóng góp cho quỹ đọc lên nghe giống như một danh sách *Ai là Ai* (nhân vật nổi tiếng) về các phóng viên chiến tranh Việt Nam. (Hoàng Ẩn, vốn được bạn bè và gia đình gọi là “Ẩn con”, giành được một bằng luật tại Đại học Duke năm 2002. Làm việc cho Bộ Ngoại giao Việt Nam, anh đã tháp tùng chủ tịch nước Việt Nam tới Nhà Trắng trong chuyến thăm chính thức đầu tiên của chủ tịch đến Washington năm 2007).

“Cứ giả sử là nước Mỹ năm 1966 đã bị chiếm đóng bởi nửa triệu binh lính Việt Nam, những kẻ đến đây và bảo chúng ta phải điều hành đất nước của mình như thế nào,” McCulloch nói với David Felsen. “Giả sử như tôi có cơ hội đánh bại họ và đuổi họ về nước? Tôi sẽ làm chính xác những gì mà Phạm Xuân Ẩn đã làm.”

“Phạm Xuân Ẩn thể hiện cho ông như thế nào rằng ông ấy yêu đất nước của mình?” Felsen hỏi.

“Bằng cách không hề cố gắng chứng tỏ cho tôi thấy rằng anh ấy yêu đất nước mình đến nhường nào,” McCulloch trả lời. “Phạm Xuân Ẩn không hề thể hiện tình yêu sâu sắc đối với đất nước và nhân dân mình. Anh ấy thực hiện nó. Anh ấy tin tưởng vào nó, và anh ấy thực hiện nó. Tôi vẫn vô cùng tôn trọng anh ấy, như một con người, như một công dân và người yêu nước Việt Nam.”

McCulloch nhớ lại cái ngày mà ông biết được qua bài báo của Stanley Karnow rằng Phạm Xuân Ẩn là một điệp viên. “Nó khiến lòng tôi nặng trĩu, nó khiến tôi rất buồn, và tất nhiên là tôi ngỡ ngàng. Nhưng vẫn có rất nhiều nhà báo thủ cựu và người làm việc

cho chính phủ Mỹ đánh giá rất cao Phạm Xuân Ẩn. Mọi người hỏi tôi là cá nhân tôi có thấy bị phản bội không, thì câu trả lời là không, bởi vì trên cương vị một nhà báo anh ấy đã làm trọn vai trò của mình một cách hoàn toàn trung thực. Anh ấy tuân thủ và thực hiện triệt để những quy tắc của nghề báo. Còn về vai trò khác của anh ấy, anh ấy đã làm những gì anh ấy nghĩ là mình phải làm trên cương vị một công dân Việt Nam yêu nước.”

Người phỏng vấn đã gắng hỏi McCulloch: “Vậy là ông không bị phản bội trên cương vị một nhà báo, nhưng ông có bị phản bội trên cương vị một người Mỹ không? Chẳng lẽ trước tiên ông là một nhà báo rồi sau đó mới là một người Mỹ?”

“Không, tôi không cảm thấy như vậy,” McCulloch nói. “Tôi cho rằng một số tin tức tình báo mà Phạm Xuân Ẩn thu thập được từ văn phòng đại diện đã dẫn đến kết quả là những thiệt hại của Mỹ và cái chết của người Mỹ, tôi vô cùng lấy làm tiếc vì điều này và cảm thấy một phần trách nhiệm cá nhân trong đó. Nhưng tôi không thể chỉ trích hay lên án vai trò của Phạm Xuân Ẩn trên cương vị một công dân Việt

Nam. Đó là quyền của anh ấy.”

Khi chuyện của ông lộ ra, Phạm Xuân Ẩn đau đớn vì lời buộc tội rằng ông đã giết hại những người lính Mỹ và phải chịu trách nhiệm, ngay cả chỉ là vô tình, về cái chết của những nhà báo đồng nghiệp. “Tôi đã cứu mạng họ,” ông khẳng định một cách dứt khoát, và đó là sự thật. Ông đã cứu mạng Mills Brandes khi tay điệp viên CIA này và gia đình anh ta đang đi về vùng nông thôn thì rẽ nhầm đường, kết quả là họ bị cộng sản giam giữ trong một thời gian ngắn. Ông đã cứu mạng Doug Ramsey, Bob Anson, và Trần Kim Tuyến. Ông thường can thiệp để những người nông dân không bị binh sĩ Việt Nam Cộng hòa tra tấn hoặc bắn chết. Ông giúp các quan chức miền Nam Việt Nam thoát ra nước ngoài năm 1975 như những bại binh và, sau này, như những người tị nạn băng qua Biển Đông. Phạm Xuân Ẩn đã chơi trận đấu một cách công bằng, như một người quân

tử, nhưng tất cả những điều đó đều không phủ nhận một thực tế đáng tiếc là ông đã sống và làm việc giữa lòng một cuộc chiến tranh đẫm máu làm hàng triệu người thiệt mạng.

Khi tôi đến gặp ông, Phạm Xuân Ẩn thường nhấn mạnh rằng Việt Nam tham gia *ba* cuộc chiến tranh Đông Dương, thứ nhất là chống Pháp, thứ hai là chống Mỹ, và thứ ba là chống **Trung Quốc**. Tiếp sau một loạt những hành động khiêu khích, với việc lực lượng Campuchia vượt qua biên giới sát hại dân làng Việt Nam ở vùng châu thổ sông Mê Công, Việt Nam đã đưa quân sang Campuchia vào ngày 25 tháng 12 năm 1978. Phnom Penh bị chiếm vài ngày sau đó, và trong một thập kỷ tiếp theo Việt Nam bị sa lầy trong một cuộc chiến tranh du kích của Pol Pot và Khmer Đỏ, lực lượng do Trung Quốc vũ trang. Vốn chỉ biết cách tiến hành những cuộc chiến tranh du kích hơn là chống lại kiểu chiến tranh đó, Việt Nam mất hơn 50.000 binh lính trong cuộc xung đột Đông Dương lần thứ ba này, trước khi những phát súng cuối cùng được bắn vào tháng 3 năm 1990.

Năm 1990, đại tá Phạm Xuân Ẩn được phong quân hàm thiếu tướng. Vào thời điểm đó, Việt Nam bắt đầu *đổi mới*, tức áp dụng “chính sách đổi mới” mở cửa đất nước ra với phương Tây. Phạm Xuân Ẩn giải thích việc thăng cấp cho mình bằng một câu chuyện vui. Khi các nhà báo phương Tây bắt đầu quay trở lại Việt Nam, mọi người thường đề nghị được gặp “Tướng Givral”, và để tránh thất thố, chính phủ đã quyết định thăng cấp cho ông cho tương xứng với tên gọi.

Khi tôi gặp ông lần đầu tiên năm 1992, Phạm Xuân Ẩn là một vị chủ nhà hiếu khách với bất kỳ ai nhọc công đến kéo chuông cổng nhà ông. Ông đã quay trở lại vai trò người thông tin văn hóa và chuyên gia bình luận về tất cả những vấn đề Việt Nam. Phạm Xuân Ẩn là một thiên tài về nghệ thuật đối thoại, một người kể chuyện thông minh và là cây tiểu lâm, cũng như một chuyên gia phân tích sắc sảo. Trong khi nói chuyện rất thoải mái, tôi vẫn không khỏi có

cảm giác rằng ông đang theo dõi cuộc đối thoại của chúng tôi, ghi lại nó trong đầu một cách trung thành đến nỗi sau đó ông có thể tua lại từng từ một. Nhiều khi, vào ngày hôm sau, hoặc thậm chí là hai ba ngày sau, ông quay lại điều gì đó mà ông đã nói và giải thích hoặc đính chính lại nó. Thỉnh thoảng ông lại yêu cầu tôi không nhắc lại điều gì đó mà ông đã nói. Như Phạm Xuân Ẩn viết cho người bạn học cùng đại học với ông là Lee Meyer, sau khi bà liên lạc với ông và họ bắt đầu thư từ cho nhau năm 2000: “Tôi không hề viết được bất kỳ cái gì bổ công một chút trong suốt 25 năm vừa qua ngoài việc [dành thời gian của mình] tán hươu tán vượn với những đồng nghiệp nước ngoài cũ đã tình cờ đến đây thăm tôi.”

Năm 1997, hình như chính phủ Việt Nam đã không cho phép Phạm Xuân Ẩn sang Mỹ tham dự một hội thảo tại Quỹ Á châu ở New York, mà ông đã được mời với tư cách khách mời đặc biệt, và người ta bảo là phải mãi đến tháng 3 năm 2002 thì vị tướng 74 tuổi ốm yếu vì bệnh khí thũng mới được phép nghỉ hưu. (Ông lại “nghỉ hưu” lần nữa vào tháng 7 năm 2005, nhưng thực ra vẫn làm việc cho đến tận ngày qua đời.) **“Họ muốn kiểm soát tôi,” ông nói. “Đó là lý do tại sao họ giữ tôi trong quân đội lâu đến thế. Tôi ăn nói văng mạng. Họ muốn giữ cho cái miệng tôi ngậm lại.” Tất cả những gì chúng ta có thể nói chắc chắn là ít nhất ba mươi năm sau khi chiến tranh kết thúc, Phạm Xuân Ẩn vẫn là một thành viên tích cực của ngành tình báo Việt Nam.**

Thường có chút gì đó cay đắng trong giọng của Phạm Xuân Ẩn khi ông nói về cuộc sống của mình ở Việt Nam thời hậu chiến. Chính phủ có thể là ngu ngốc hoặc tham nhũng. Cơ hội để xây dựng một nước Việt Nam thống nhất, thịnh vượng đã bị bỏ phí vì những sai lầm về tư tưởng, giống như quyết định năm 1978 về việc quốc doanh hóa thị trường gạo và tịch thu của cải của tư thương thành thị, hậu quả là một làn sóng những thuyền nhân người Việt gốc Hoa rời bỏ đất nước. Nếu như Phạm Xuân Ẩn thỉnh thoảng có chỉ trích giới lãnh đạo Đảng ở Việt Nam, thì ông vẫn dành những nhận xét

dữ dội nhất của mình cho Trung Quốc, nước mà ông coi là kẻ thù thường trực của Việt Nam và là kẻ thực dân can thiệp tồi tệ nhất trong lịch sử Việt Nam. Chính Trung Quốc trong những năm 1950 đã ngăn cản Bắc Việt Nam phát động chiến tranh chống Ngô Đình Diệm và người Mỹ. Trong khi Phạm Xuân Ẩn chứng kiến những đồng chí cách mạng của mình ở miền Nam bị quét sạch, thì Đảng Cộng sản Việt

Nam đã thu mình lại, trước đòi hỏi kiên quyết của Trung Quốc. Chỉ mãi đến khi những người miền Nam bắt đầu tự đứng lên đánh Ngô Đình Diệm mà không cần sự thông qua của Hà Nội thì miền Bắc mới muợn màng nháy vào trận chiến. “Người Trung Quốc sợ bị giập mũi như ở Triều Tiên,” Phạm Xuân Ẩn nói. Chỉ đến khi Mỹ leo thang họ mới buộc phải ủng hộ chúng tôi. Ấy thế mà những người Việt Nam chúng tôi vẫn luôn ngậm miệng. Chúng tôi lúc nào chẳng sợ ông anh cả đến chết khiếp,” Phạm Xuân Ẩn nói, sử dụng cách gọi quen thuộc ở Việt Nam để chỉ người láng giềng khổng lồ phương Bắc của mình.

Đến năm 2002, năm mà Phạm Xuân Ẩn chính thức nghỉ hưu lần thứ nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam xem như ông đã đủ an toàn để có thể tiếp cận và viết một cuốn tiểu sử. *Phạm Xuân Ẩn: Tên người như cuộc đời*. Nhan đề của cuốn sách là một cách chơi chữ với từ *ẩn*, trong tiếng Việt có nghĩa là “ẩn giấu”. Phạm Xuân Ẩn lảng tránh hầu hết những câu hỏi được đặt ra đối với ông từ tác giả cuốn sách, Nguyễn Thị Ngọc Hải, về chuyện thực sự thì ông đã làm những gì trong chiến tranh, nhưng Ngọc Hải là một phóng viên đầy nhiệt huyết đã lần ra được những đồng đội cũ của Phạm Xuân Ẩn và thu thập những thông tin mà bản thân Phạm Xuân Ẩn không chịu chia sẻ. Cuốn sách của bà xuất hiện gần như đồng thời với một loạt bài dài 53 kỳ được đăng trên báo *Thanh Niên*, tờ báo chính thức của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Bản dịch tiếng Anh của một số trong những ấn phẩm này được xuất bản năm 2003 với tên gọi *Pham Xuan An: A General of the Secret Service*. Một cuốn tiểu sử thứ ba,

Người im lặng, được nhà văn Chu Lai viết cho Tổng cục II (TC2), cơ quan tình báo Việt Nam. Một loạt bài viết khác dài như cả một cuốn sách được đăng trên báo *Vietnam News* năm 2007, và đến năm 2008 thì báo *Thanh Niên* bắt đầu tung ra loạt bài thứ hai về Phạm Xuân Ẩn^[41]. Trong thời gian đó, hai cuốn tiểu sử đã được xuất bản ở phương Tây: *Un Vietnamien Bien Tranquille* (Một người Việt Nam thật trầm lặng)^[42], của cựu phóng viên tờ *Le Monde* Jean-Claude Pomonti, và *Perfect Spy* (Điệp viên hoàn hảo), của giáo sư chính trị học Larry Berman.

Sau khi ông nghỉ hưu, Phạm Xuân Ẩn cũng bắt đầu xuất hiện trên truyền hình và trong các bộ phim. Tiếp sau lần xuất hiện dài một tiếng đồng hồ trên một chương trình talk show của Việt Nam là một bộ phim tài liệu truyền hình dài bốn tiếng đồng hồ được phát sóng tháng 12 năm 2007. Nhà sản xuất truyền hình người Pháp Alain Taieb thực hiện bộ phim tài liệu về một cuộc hội ngộ ở khách sạn Continental giữa Phạm Xuân Ẩn và Philippe Franchini, người chủ cũ của khách sạn. Một trong những vai trò thú vị khác của Phạm Xuân Ẩn là phần mà ông đảm nhiệm trong bộ phim làm lại *Người Mỹ trầm lặng* của đạo diễn người Australia Philip Noyce. Thay vì chi tiết nhà báo người Anh Thomas Fowler có hai người làm việc cho mình, một trợ tá người Ấn Độ và một điệp viên cộng sản, Noyce kết hợp họ thành một người, ông Hinh. “Ông ta đã bảo tay diễn viên người Mỹ gốc Hoa sắp đảm nhiệm vai diễn đó đến gặp tôi,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ta biết tôi từng là du kích tại thời điểm hoạt động trong thành phố. Tôi cho ông ta biết về các hoạt động của cộng sản, về cách chúng tôi hành động như thế nào và chúng tôi đã làm gì.”

Noyce, trong phần thông cáo báo chí được tung ra cùng bộ phim, giải thích việc ông đã quyết định thay đổi tiểu thuyết của Greene như thế nào. “Sự thay đổi đó lấy cảm hứng từ một câu chuyện hấp dẫn mà tôi được nghe về một người Việt Nam yêu nước rất nổi tiếng, tướng Phạm Xuân Ẩn. Với tư cách là một đặc vụ, suốt 35 năm

trời ông đã làm kiểm duyệt viên cho người Pháp rồi làm cho người Mỹ trong lĩnh vực tình báo, và cuối cùng là làm việc cho Reuters và tạp chí *Time*, trong khi đồng thời ông lại làm việc cho nhân dân Việt Nam trên cương vị một điệp viên. Tôi nghĩ đây thực sự là một nhân vật tuyệt vời, một điệp viên ba mang, nên chúng tôi đã phát triển nhân vật ông Hình xoay quanh tướng Phạm Xuân Ẩn.” Đoạn thông cáo báo chí tiếp tục miêu tả Noyce và Tzi Ma, diễn viên đóng vai ông Hình, đã “dành nhiều ngày với tướng Phạm Xuân Ẩn trong quá trình làm phim để hiểu rõ câu chuyện của ông và phát triển sự phân tích nhân vật”. Một trong những hệ quả của việc đưa Phạm Xuân Ẩn vào kịch bản của *Người Mỹ trầm lặng* - của việc biến ông trở thành trợ tá của Fowler đồng thời là một điệp viên cộng sản - là ở chỗ Phạm Xuân Ẩn trở thành người đã thủ tiêu điệp viên CIA Alden Pyle. Có thể đây là một tai nạn xuất phát từ việc thay đổi cốt truyện. Cũng có thể không phải là một tai nạn.

Bất cứ khi nào ở Paris, tôi lại cố tìm gặp Philippe Franchini để làm một ly buổi chiều tại Bistro des Amis gần căn hộ của ông ở khu tả ngạn sông Seine. Người chủ quán người Việt Nam chào Philippe là *patron* (ông chủ), và có cái gì đó ở người đàn ông khiêm nhường này, thấp và mập mập, nhưng gần như uyển chuyển như mèo trong cách mà ông lượn người xuống phố, khiến cho việc gọi ông là “ông chủ” là không thể nào phù hợp hơn. Franchini là một họa sĩ với cặp mắt màu nâu hấp háy và một cái nhìn sắc bén dường như thu trọn cả thế giới xung quanh ông một cách tinh tường lập tức.

Là một người kể chuyện tuyệt vời, Franchini có thể ngồi thoải mái trong một *banquette* (ghế băng dài) và mân mê một ly rượu vang trong câu chuyện suốt cả buổi chiều. Phạm Xuân Ẩn cũng có năng khiếu đó, và đâu như cả Hồ Chí Minh cũng vậy. Trương Như Tảng^[43], một thành viên sáng lập của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, kể lại một buổi chiều ông ở cùng với Hồ Chí Minh khi còn là một sinh viên ở

Paris. “Buổi chiều hôm đó là một khóa học ngắn về lịch sử Việt Nam, được Bác Hồ giảng cho chúng tôi bên tách trà. Bác đã làm điều đó hoàn toàn theo cách Việt Nam truyền thống khiến chúng tôi cảm thấy rất thoải mái, với vẻ hài hước nhẹ nhàng, những truyền thuyết, giai thoại, và thông điệp đạo đức vừa vui vừa hữu ích.”

Hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà Phạm Xuân Ẩn và Philippe Franchini đã trở thành bạn. Họ cùng thích nói đùa và cười giễu những thói xấu của con người, kể cả của chính mình. Những đánh giá của họ rất sắc sảo, những bản năng của họ được mài giũa tinh tế. Người khác tìm đến họ như những nhà thông thái, nhưng hoàn toàn không có chút gì là giả tạo trong sự khôn ngoan của họ. Họ là những nhân vật khiêm nhường, cao quý, những người luôn cầm trịch tại mỗi *banquette* ở bất kỳ quán cà phê nào họ ngồi lại.

Alain Taieb trong bộ phim của mình về Franchini và Phạm Xuân Ẩn đã để họ cùng nhau trong khu vườn của khách sạn, có lẽ là để nhìn họ ôn lại những ngày xưa, khi Franchini sở hữu nơi này và Phạm Xuân Ẩn làm ở trên lầu hai trong văn phòng gồm hai buồng của *Time* trông ra quán cà phê Givral. Phạm Xuân Ẩn và Franchini bỏ qua phần ôn kỷ niệm và đi thẳng vào vấn đề chính. Phạm Xuân Ẩn muốn cả thế giới biết rằng Franchini là một con người đáng tôn trọng. Ông thừa kế từ cha mình một khách sạn lớn chìm đắm trong những khoản nợ khó đòi, và thay vì trốn tránh những khoản nợ này ông đã trả lần lượt từng khoản một trong suốt một thập kỷ. Franchini mất tất cả mọi thứ vào cuối cuộc chiến tranh khi khách sạn của ông bị cộng sản tịch thu, nhưng danh dự của gia đình ông được bảo toàn. Những lời của Phạm Xuân Ẩn làm Franchini trào nước mắt.

Franchini là một *métis*, một người lai Á-Âu giữa một người cha quê ở đảo Corsica và một người mẹ Việt Nam. “Ở Việt Nam, không ai tin *métis*,” ông nói. “Họ biết quá nhiều. Họ chẳng khác gì những người châu Âu trong khi lại quan sát thế giới qua đôi mắt của người châu Á. Họ là những điệp viên trong nhà của cha mẹ họ.”

Họ rất hữu ích nhưng cũng lại rất tráo trở.”

Phạm Xuân Ân tương tự như một *métis*, một dòng lai giữa Việt Nam và Mỹ. Ông cũng là một điệp viên trong nhà của cha mẹ mình, một con cá bơi giữa tất cả những vùng nước của thế giới. Nếu như lịch sử của Việt Nam là một câu chuyện dài về sự tráo trở và nước đôi, thì người *métis* đã cụ thể hóa lịch sử đó trên da thịt mình, trong đó Franchini và Phạm Xuân Ân là những mẫu vật A và B.

Hiện nay Franchini là một trong những *nègres* (gã da đen) bận bịu nhất nước Pháp, một nhà văn viết thuê chuyên chấp bút những cuốn sách về các chính trị gia và nhân vật truyền hình nổi tiếng. Khi Franchini kể một câu chuyện, bao giờ nó cũng được tĩa tót và thêm thắt phong phú đến nỗi tôi hình dung ra cảnh ông sẽ làm việc thật khuya tối hôm đó để phát triển nó thành một chương sách hoặc một kịch bản. “Tôi không bao giờ dám viết về Phạm Xuân Ân,” ông nói với tôi. “Anh ấy sống trong một thế giới chẳng có gì giống như vẻ ngoài của nó cả. Ta không thể chỉ viết về những sự kiện trong cuộc đời của anh ấy. Điều hấp dẫn là vấn đề tâm lý, và với người Việt Nam thì luôn có điều gì đó mập mờ, điều gì đó bí hiểm. Đó là một đất nước có lẽ là do Salvador Dali^[44] tạo ra. Ông có biết bức tranh siêu thực của ông ấy về *les montres molles* không, những chiếc đồng hồ mềm oặt ấy? Mọi thứ trong bức tranh này, có tên là *La persistencia de la memoria* (Sự dai dẳng của ký ức), đều méo mó, vặn vẹo, uốn éo. Thời gian và không gian tan chảy vào nhau, và bao trùm lên tất cả là một vẻ kỳ bí. Đó chính là Việt Nam. Đó là một thế giới mờ ảo, giống hệt như thế giới mà Salvador Dali hình dung ra.”

Đại tướng Mai Chí Thọ, người chỉ huy cũ của Phạm Xuân Ân, nổi lên sau chiến tranh như một trong những nhân vật quyền lực nhất của Việt Nam. Ông từng là bí thư xứ ủy Nam Kỳ, rồi làm bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tại biệt thự của ông Thọ ở trung tâm Sài Gòn - trước kia vốn là Đại sứ quán Thụy Sĩ - tôi được đưa vào một phòng khách sang trọng, đặt đầy những đồ nội thất bằng gỗ gụ và những tác phẩm điêu khắc từ các loại đá được sưu tập tại những di tích cách

mạng nổi tiếng của Việt Nam. Được đặt một cách trang trọng ở phía cuối phòng là bàn thờ đầy hoa quả. Phía trên bàn thờ là bốn bức ảnh được tô màu thủ công của cha mẹ ông Thọ, cùng hai người anh trai nổi tiếng của ông: Đinh Đức Thiện, vị thượng tướng đã có công xây dựng nên Đường mòn Hồ Chí Minh, và Lê Đức Thọ, người từng giành giải Nobel Hòa bình và đã xỏ mũi Henry Kissinger tại Hội nghị Paris.

Đứng bên bàn thờ, ông Mai Chí Thọ cầm một bó hương đã châm trên tay và vái lạy trước ảnh cha mình. Hôm nay là ngày giỗ người cha của ông, theo tập quán thì không phải là lúc thích hợp để tiếp người lạ, nhưng ông Thọ biết quãng thời gian của tôi ở Việt Nam không dài. Ông cắm bó hương lên bàn thờ rồi đến bắt tay tôi. Trong chiếc quần màu xám và áo sơ mi màu đỏ tía, ông là một người đàn ông tóc bạc trắng, oai vệ với ánh mắt nhìn xoáy thẳng. To lớn hơn hầu hết người Việt Nam, ông Thọ có cả một đường hầm kích thích ngoại cỡ được đào riêng cho mình trong thời gian mười năm ông sống dưới địa đạo Củ Chi.

Trải qua tất cả những nhà tù ghê gớm nhất ở Việt Nam, gồm cả nơi về sau này được gọi là Hilton Hà Nội, nơi John McCain đã bị giam năm năm, và Côn Đảo, đảo Quý, nơi hai phần ba số bạn tù của ông đã chết trước khi ông được thả năm 1945, Đại tướng Mai Chí Thọ là một đối thủ dạn dày trận mạc nhưng bây giờ thì là một vị chủ nhà xởi lởi, mời vị khách Mỹ của mình dùng trà và hoa quả. “Đó thực sự là công việc rất khó khăn, nhưng chúng tôi phải làm bằng được,” ông nói về cố gắng của mình trong việc gom đủ tiền đưa Phạm Xuân Ẩn sang Mỹ năm 1957. “Hồi đó Đảng có rất ít tiền, nhưng chúng tôi nghĩ công sức đó là hoàn toàn xứng đáng - Phạm Xuân Ẩn là người đầu tiên được chúng tôi cử sang Mỹ - để học về văn hóa của những kẻ đang thay thế Pháp trở thành kẻ thù của chúng tôi.”

“Phạm Xuân Ẩn là người hoàn hảo cho nhiệm vụ đó,” ông nói. “Đó là một kỳ công thực sự đối với chúng tôi.”

Khi tôi gắng hỏi ông Thọ về cơ hội bị bỏ lỡ trong việc đưa ông Phạm Xuân Ẩn sang Mỹ lần nữa năm 1975, ông chăm chú nhìn tôi qua cặp kính gọng thép. “Tôi không biết làm thế nào mà câu chuyện này lại bị lộ ra ngoài,” ông nói, rõ ràng là lấy làm tiếc vì tôi đã biết đủ để đưa ra câu hỏi đó. “Chắc chắn anh ấy sẽ làm rất tốt nếu chúng tôi cử được anh ấy sang Mỹ,” ông Thọ nói, cho thấy rằng việc giữ ông Phạm Xuân Ẩn ở lại không phải là quyết định của ông.

Tôi biết từ trước khi tôi hỏi là câu hỏi tiếp theo của mình sẽ không được trả lời.

“Chính xác thì Phạm Xuân Ẩn đã làm gì cho ông?”

Bộ trưởng Mai Chí Thọ mỉm cười và rót cho tôi một tách trà nữa. “Ông Ẩn có những nguồn tin tốt nhất và tiếp cận với những thông tin mật. Ông ấy có tai dưới đất không giống với bất kỳ ai khác ở Sài Gòn. Nếu ông muốn biết chuyện gì từng diễn ra, thì ông Ẩn chính là người để hỏi. Sau chiến tranh, chúng tôi phong tướng cho ông ấy cùng với danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Không cần phải nói rõ cho ông mọi chi tiết, chỉ ngần ấy cũng đã đủ cho ông thấy tầm quan trọng của những gì ông ấy đã làm cho tổ quốc của mình.”

Tại một cuộc gặp khác với Đại tướng Mai Chí Thọ vào năm sau, tôi đề nghị ông liệt kê những điệp viên hàng đầu của Việt Nam. (Đã có lúc, CIA ước tính có đến 15.000 điệp viên như vậy.) Đứng đầu danh sách của ông Mai Chí Thọ là Phạm Xuân Ẩn, tiếp theo là Đặng Trần Đức, cũng còn được biết đến với tên gọi Ba Quốc, người tiếp nối Phạm Xuân Ẩn làm việc cho tình báo Việt Nam Cộng hòa. Hai điệp viên hành động, Vũ Ngọc Nhạ và Phạm Ngọc Thảo, được xếp ở vị trí thứ ba và thứ tư.

Vũ Đình Long, vốn được biết đến nhiều hơn qua bí danh Vũ Ngọc Nhạ, sinh ra trong một gia đình Công giáo địa chủ ở Phát Diệm, ngôi làng ở miền Bắc Việt Nam được đề cập đến rất nổi bật trong *Người Mỹ trầm lặng*. Chính tại nơi đây, trong một trận đánh

đẫm máu giữa Việt Minh và những đối phương Công giáo của họ mà Alden Pyle và Thomas Fowler bắt đầu cuộc quyết đấu sinh tử giữa họ để tranh giành

Phượng, “cô gái xinh đẹp nhất Sài Gòn”. Và cũng trong trận đánh thực sự này mà Nhạ đã đặt cược số phận của mình về phía những người cộng sản. Theo lời thúc giục của Hồ Chí Minh, ông trở thành một điệp viên bí mật với vỏ bọc là một linh mục Công giáo.

Nhạ di cư khỏi miền Bắc cùng với một triệu người di cư Công giáo khác bỏ vào Nam năm 1954. Ông đi hái nho ở Pháp và làm cha xứ ở Sài Gòn cho đến khi gây được sự chú ý với gia đình ông Diệm và chuyển vào Dinh Độc Lập với tư cách là giáo sĩ xung tội và bạn tâm giao riêng của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Sau khi sống sót trong vụ đảo chính năm 1963 chống lại Diệm, ông Nhạ lại nổi lên như một cố vấn tin cậy của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, viên tướng đã cai trị miền Nam Việt Nam cho đến khi chính quyền này không còn tồn tại năm 1975. Ông Nhạ đã thành công trong việc tuyển mộ được một lô những điệp viên khác vào trong mạng lưới của mình, bao gồm cả những quan chức hàng đầu của Việt Nam Cộng hòa liên quan đến việc lên kế hoạch ấp chiến lược, các chương trình bình định, triển khai binh lính, và những động thái chiến thuật khác trong chiến tranh.

Năm 1968, trong Tổng tấn công Tết Mậu Thân - trong khi Tư Cang và các chiến sĩ biệt động của ông đang tấn công vào Dinh Độc Lập từ đường phố - thì Vũ Ngọc Nhạ lại chỉ huy các điệp viên bên trong với nhiệm vụ bắt và giết Nguyễn Văn

Thiệu. Rất may cho Thiệu là ông ta đang đi nghỉ Tết về quê thăm gia đình vợ khi

Dinh bị tấn công. Với hy vọng làm xao nhãng lực lượng gác Dinh, Nhạ đã mở toang cửa hầm rượu của tổng thống. Chẳng may, đám lính nhút nhát kia lại đâm ra chiến đấu hăng hái hơn khi say rượu. Khi trở về Sài Gòn và nhận thấy hầm rượu của mình là nơi bị hư hại

nặng nề nhất trong Dinh, Thiệu khen ngợi vị cố vấn linh mục của mình vì đã sử dụng một mưu mẹo khôn ngoan đến thế nhằm khích lệ tinh thần binh lính.

Khi vở bọc của ông bị lộ năm 1969, Nhạ bị bắt và bị tra tấn trước khi bị tống vào chuồng cọp ở Côn Đảo. Giáo hoàng Paul VI đã can thiệp cho ông, công nhận Nhạ là một “con chiên ngoan của Chúa”. Được trả tự do trong lần trao đổi tù binh diễn ra sau khi ký kết Hiệp định Paris năm 1973, Nhạ xuất hiện trở lại trên chính trường như một “giám mục giải phóng”, vẻ như đang hỗ trợ một lực lượng thứ ba điều hành Việt Nam, nhưng kỳ thực ra thì ông lại hoạt động điệp viên cho cộng sản. Khi Dương Văn Minh, tổng thống cuối cùng của Việt Nam, đầu hàng vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, đứng sau ông ta trên cương vị cố vấn tin cậy là một Vũ Ngọc Nhạ đang mỉm cười.

Điệp viên cộng sản táo bạo nhất ở Việt Nam là Albert Phạm Ngọc Thảo. Cũng là một thành viên thuộc tầng lớp trên Công giáo, Phạm Ngọc Thảo, dưới sự bảo trợ của bác sĩ Trần Kim Tuyến, thăng tiến rất nhanh qua các chức vụ để trở thành tỉnh trưởng tỉnh Kiến Hòa ở châu thổ phía Nam Sài Gòn^[45]. Ông cũng thành công trong việc xây dựng “ấp chiến lược” đến mức ông được giao nhiệm vụ điều hành chương trình này trên cả nước. Việc ông hăng hái ủng hộ ý tưởng của Ngô Đình Diệm xây dựng 16.000 trại lao động cưỡng bức là một đòn đánh lạc hướng bậc thầy. Một vùng nông thôn tro bụi đầy những nông dân bị cưỡng bức tập trung quá là thuận tiện cho cộng sản tuyển mộ. Trong khi lắp ghép các mảnh cần thiết cho một cuộc nổi dậy của nông dân, Thảo cũng kìm hãm các hoạt động cộng sản tại những khu vực dưới quyền kiểm soát của mình. Kiến Hòa, vốn từ lâu được biết đến là một căn cứ của

Việt Minh, trở thành nơi yên bình nhất trong các tỉnh thành của miền Nam Việt Nam.

“Thảo là một chuyên gia đảo chính,” Phạm Xuân Ẩn nói. Ông không ngừng ra sức lật đổ chính phủ và tránh cho Việt Nam thêm

một thập kỷ chiến tranh, nhưng vận may của ông đã hết vào năm 1965, khi ông bị bắt sau một cuộc đảo chính thất bại. Phạm Xuân Ẩn hạ thấp giọng khi ông nói về sự tra tấn mà Phạm Ngọc Thảo phải chịu đựng. Ông chìa tay ra và vận bàn tay nắm chặt theo chiều kim đồng hồ đánh khục một cái. “Chúng bóp nát tinh hoàn của ông ấy. Sau đó chúng siết cổ ông ấy. Công việc này được tướng Loan thực hiện.” Phạm Xuân Ẩn kề một ngón tay xương xẩu lên đầu mình, nhắc tôi nhớ rằng Loan chính là viên cảnh sát trưởng Sài Gòn được ghi lại trong bức ảnh nổi tiếng của Eddie Adams về một tù binh Việt Cộng bị sát hại với họng súng kề sát đầu.

Phạm Xuân Ẩn không bao giờ khoe khoang về những kỹ năng của mình trong vai trò một điệp viên, ông toàn quy cho may mắn những gì mà người khác hẳn sẽ khẳng định là sự cáo già. Phạm Xuân Ẩn coi công việc của mình về bản chất là mang tính phòng ngự hơn tấn công. Ông không phải là một nhà quý tộc giống như

Quý ông Anthony Blunt, người đã tư vấn cho nữ hoàng về bộ sưu tập nghệ thuật của bà khi làm gián điệp cho Liên Xô. Ông có nhiều nét tương đồng hơn với Richard Sorge, nhà báo người Đức đã kết bạn với những nhân vật chóp bu của Đức Quốc xã trong khi làm điệp viên cho Stalin. Sorge bị Nhật Bản treo cổ năm 1944. Cơ hội khả thi nhất mà Phạm Xuân Ẩn có để được hoạt động trên phạm vi thế giới là điệp vụ cử ông sang Mỹ bị hủy bỏ. Sau năm 1975, khi Việt Nam sa lầy vào những cuộc chiến tranh biên giới **chống Campuchia và Trung Quốc** và hủy hoại nền kinh tế của mình, hàng triệu người [ba triệu người] đã buộc phải rời bỏ đất nước như những người tị nạn. Phạm Xuân Ẩn tiếc nuối vì đã không thể đóng góp cho một chính phủ mà rõ ràng là rất cần ông. **“Không ai lắng nghe tôi cả,” ông trách móc những cán bộ cốt cán của Đảng lên nắm quyền sau năm 1975.**

Một buổi tối trước hôm tôi chuẩn bị đến thăm Ẩn, một cơn bão lớn đang ập đến từ phía Đông, và buổi sáng hôm sau, trời mưa tầm tã suốt ngày. Lúc này khi trời đã mưa, phòng của Phạm Xuân Ẩn

đặc sệt một mùi ẩm ướt của lũ chó và mùi phân chim, hai mắt cá chân tôi nổi đầy những vết mẩn đỏ và bắt đầu sưng lên vì rận cắn. Đến giữa buổi sáng, không khí đặc quánh lại với mùi các loại rau gia vị và sau đó tan đi trong khi Phạm Xuân Ẩn vẫn tiếp tục nói qua cả giờ ăn trưa và sang đến tận buổi chiều. Cũng may là tôi đã tỉnh táo kịp ăn một bữa sáng ra trò trước khi đến gặp ông.

Những vũng nước lớn đang đọng lại trong vườn và hơi ẩm phủ đầy trong không khí. Tôi lo lắng cho những cuốn sách đang úa vàng của Phạm Xuân Ẩn, vốn đã bắt đầu ố vì mốc và đang dần mủn ra thành thứ bột giấy nhão nhoét không thể nào đọc nổi. Thình thoảng Phạm Xuân Ẩn lại ngừng nói để đứng lên và đi tìm một lời trích dẫn hoặc ấn một tài liệu vào tay tôi để khẳng định những phân tích của ông. Rất nhiều cuốn sách của Phạm Xuân Ẩn có chữ ký, hoặc là của tác giả hoặc là của những người tặng chúng cho ông. Trong số hai cuốn *A Bright Shining Lie* (Sự lừa dối hào nhoáng) của Neil Sheehan mà ông có, một cuốn có chữ ký của Sheehan, cuốn còn lại có chữ ký của phóng viên đài CBS Morley Safer.

Bộ sưu tập của Phạm Xuân Ẩn gồm cả những tập sách bằng tiếng Pháp và tiếng Anh, nhưng có rất ít những cuốn bằng tiếng Việt. “Người dân ở đây không được viết tự do,” ông giải thích. “Đó là một lý do tôi sẽ không viết về cuộc đời mình. Tôi sẽ gặp rắc rối nếu tôi kể về cuộc đời mình hoặc những gì tôi biết.”

Đôi lúc tôi có cảm giác những cuốn sách mà Phạm Xuân Ẩn ấn vào tay tôi là những thông điệp được mã hóa, là những cách nói về các trải nghiệm vẫn còn quá nguy hiểm để có thể đối mặt trực tiếp. Với mỗi chuyến thăm hàng ngày, Phạm Xuân Ẩn dường như đã chọn ra một tài liệu hoặc một đoạn văn để xoay cuộc trò chuyện của chúng tôi quanh đó. Có hôm là tác phẩm của Dickens, “Đó là quãng thời gian tuyệt vời nhất, đó là quãng thời gian tồi tệ nhất”. Hôm khác, bài học lại được rút ra từ *Ngụ ngôn* của Jean de La Fontaine. Phạm Xuân Ẩn thích thú với những câu chuyện về các loài vật cư xử như con người còn con người cư xử như loài vật.

Tại một trong những cuộc gặp gỡ cuối cùng của chúng tôi, Phạm Xuân Ẩn cho tôi xem một cuốn sách của Gérard Tongas, một nhà giáo người Pháp đã đến Hà Nội để giúp cộng sản thành lập một trường trung học sau khi họ giành chiến thắng trước quân Pháp năm 1954. Theo Phạm Xuân Ẩn, Tongas, cũng giống như Edward Lansdale, có một con chó rất khôn có hôm đã cứu ông này thoát chết khỏi bị đầu độc.

Tôi đọc thấy qua lời ghi trên bìa lót là cuốn sách của Tongas được tặng cho Phạm Xuân Ẩn bởi người đứng đầu Quỹ Á châu, tổ chức bình phong của CIA đã tài trợ cho những chuyến đi của ông Ẩn tại nước Mỹ. Bản thân nhan đề cuốn sách cũng đã mang nặng hàm ý: *J'ai Vécu dans l'Enfer Communiste au Nord Viet Nam et J'ai Choisi la Liberté* (Tôi đã sống trong địa ngục cộng sản ở miền Bắc Việt Nam, và tôi đã chọn tự do).

“Đó là một cuốn sách rất quan trọng, một tác phẩm chân thực,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông phải đọc nó trước khi ông viết bất kỳ điều gì.”

Buổi chiều, khi những cơn mưa đã ngớt, Phạm Xuân Ẩn loẹt xoẹt bước qua gian bếp và đi qua cửa sau ra lối dẫn vào nhà, nơi bàn làm việc và những tập hồ sơ của ông đang được cất dưới một tấm vải nhựa. Mở ngăn kéo bàn để tìm mấy bức ảnh cũ, ông **hờ hững gạt qua một bên** những bức ảnh mới chụp mình trong bộ quân phục cấp tướng đứng cạnh thủ tướng và các nhân vật khác trong Bộ Chính trị Việt Nam. “Họ muốn biết trông tôi như thế nào,” ông nói. “Họ trải qua chiến tranh trong rừng và trước đó chưa bao giờ gặp tôi cả.”

Tôi vói tay vào trong ngăn kéo và lấy ra một tấm huân chương được gắn trên chiếc cuống màu đỏ. “Cái gì đây?” tôi hỏi.

“Mấy thứ này toàn người ta tặng cho tôi đấy mà,” ông nói. “Tôi cũng không nhớ hết là vì việc gì. Tôi đã hoạt động trong bóng tối. Tôi chết trong bóng tối,” ông vừa nói vừa đóng ngăn kéo lại.

Một thế giới tươi sáng hơn

Buổi sáng ngày Chủ nhật lễ Phục Sinh tôi thức dậy lúc 5 giờ sáng để bắt chuyến bay từ Sài Gòn ra Côn Đảo, gọi theo tên của hòn đảo đá hóa thành đen dưới sâu ở giữa quần đảo. Quần đảo nằm giữa Việt Nam và Malaysia này là luyện ngục đầy nắng được sử dụng làm nhà tù hải đảo khét tiếng nhất Việt Nam. Phạm Xuân Ẩn vẫn luôn đinh ninh rằng đây sẽ là nơi an nghỉ cuối cùng của mình.

Chiếc máy bay Antonov 30 chỗ của chúng tôi được điều khiển bởi hai phi công người Nga xa nhà đang nhớ vợ con ở Kamchatka. Chúng tôi hạ cánh êm ru xuống đường băng duy nhất của hòn đảo và lên một chiếc xe minivan về nhà nghỉ Công đoàn, nơi rẻ hơn trong số hai nơi ăn nghỉ tại Côn Đảo. Tôi đi cùng với Kyle Hurst, một cựu quan chức Liên hợp quốc làm việc về những vấn đề liên quan đến người tị nạn ở Washington, và Đinh Nguyệt Hà, một người phụ nữ thẳng thắn và dễ mến từng là cán bộ của Bộ Ngoại giao Việt Nam. Sau khi nhận phòng khách sạn, Kyle, người được đào tạo về địa chất, rút một tấm bản đồ địa hình từ trong ba lô ra và bắt đầu hỏi những cô gái nhân viên ở quầy lễ tân. Họ vừa miêu tả những địa điểm của hòn đảo vừa cười rúc rích trước sự kỳ quặc của một ông người Mỹ to lớn nói tiếng Việt ngay cạnh mình.

Từ ban công phía trước phòng mình chúng tôi nhìn qua một rặng xanh rì những hàng dương sang một con vịnh điểm xuyết những mỏm đá nhô lên cùng những đảo núi lửa nhỏ. Thả neo trong làn nước trong xanh là hàng chục chiếc thuyền đánh cá. Những con thuyền treo cờ đỏ trên mũi thuyền góc cao lên của mình và được bố trí những cabin thấp hình vuông ở phía đuôi. Bao quanh bề bơi trống trơn của khách sạn và chạy dọc theo bờ biển là cơ man nào những rặng hoa giấy đủ màu hồng tươi, trắng và đỏ đua nhau mọc, tôi được cho biết rằng chúng được trồng ở đây vì chúng độc hại đối với bướm đêm. Nhiệt độ bắt đầu tăng lên mức trên 32 độ, và không

khí ẩm ướt đến nỗi cuốn số tay của tôi mềm oặt cả đi vì hơi ẩm. Mồ hôi ròng ròng đổ trên mặt khi chúng tôi bắt đầu bước vào thị trấn. Ngoài lèo tèo mấy quán bar, một quán cà phê Internet, và ba nhà hàng, không kể một nhà hàng phục vụ món thịt chó, trò tiêu khiển duy nhất của Côn Đảo là một bảo tàng riêng về lịch sử của những trại tù và một điểm dịch vụ lặn biển. Bà vợ Phần Lan của người chủ điểm lặn biển này cho biết khu cảng này chật kín tàu thuyền đánh cá mỗi khi có bão. Những thủy thủ say rượu để nằm vật trên đường phố như những “con cá heo mắc cạn”. Khi cơn bão đi qua, họ rũ mình ra khỏi tình trạng choáng và lại giong buồm ra khơi.

Chúng tôi bước dọc theo bờ cảng tạo thành từ những cầu tàu và đê chắn sóng lớn bằng đá do tù khổ sai xây dựng trước khi tới ngôi nhà lớn bằng đá, giờ đổ nát chỉ còn là phế tích, nơi Camille Saint-Saëns^[46] đã hoàn tất những chương cuối vở nhạc kịch Brunehilda^[47]. Một tấm biển trên tường cho chúng tôi biết rằng vở opera của Saint-Saëns là “dấu ấn đẹp đẽ duy nhất mà người Pháp để lại trên hòn đảo này”.

Bảo tàng Côn Đảo, được đặt trong dinh thống đốc thời thuộc địa trông ra cảng, trưng bày đây những hình khắc, ký họa, mẫu báo cắt, và ảnh đen trắng về những nhà tù trên đảo. Một bức ảnh chụp một đồng thân người trần trụi nằm xếp chồng lên nhau trên sàn xà lim. Một bức ảnh khác chụp một người đầu bị bịt kín đang đứng với hai cánh tay dang rộng như hình một cây thánh giá. Rất nhiều bức ảnh là của các cố vấn Mỹ thường xuyên tới hòn đảo và giám sát hoạt động của nó sau khi quân Pháp thua trận tại Điện Biên Phủ. Cũng được trưng bày tại đây còn có ảnh của những người đã “tốt nghiệp” Côn Đảo - một bức tường tôn vinh hầu như tất cả những lãnh tụ cách mạng hàng đầu của Việt Nam trong thế kỷ 20.

Trên những chiếc xe máy thuê chúng tôi đi khoảng một cây số dọc theo con đường chính trên đảo tới nhà tù đầu tiên của Pháp tại Côn Đảo, được gọi là *bagne* (banh) hay trại số 1, xây dựng từ năm

1862. Đi qua dưới một tháp canh xây phía trên những bức tường cao bằng đá, chúng tôi bước vào khoảng sân được bài trí bằng một nhà thờ Công giáo nhỏ màu trắng và những lối đi trong bóng râm không hề có chút gì là dấu vết của những nỗi kinh hoàng được gợi lên khi chúng tôi bước vào khu xà lim số 6. Sau khi mắt của chúng tôi đã quen với bóng tối nhập nhoạng trong căn phòng sâu hun hút này, chúng tôi ngạc nhiên khi nhìn thấy 150 hình nhân có kích thước như người thật mô phỏng các tù nhân bị xích trên sàn. Hàng trăm tù nhân đã sống trong một căn phòng này, nơi rất nhiều người trong số họ chết đói hoặc chết vì nhiễm dịch tả hay đủ các loại bệnh khác. Như một cựu tù đã viết về Côn Đảo năm 1934: “Không khí nồng nặc mùi hôi thối của chất thải và mồ hôi của hàng chục cơ thể trần trụi.” Đồ ăn “thối rữa, bốc mùi, và đầy giòi”. Lính gác là những tên “súc vật hung tợn” có thể đánh chết tù nhân bằng tay không. Nhà tù này chỉ có thể được sánh với những “chuồng khỉ trong sở thú”.

Quanh khoảng sân là sáu xà lim giống hệt nhau, một số dành cho phụ nữ trong khi những gian khác dành cho tử tù. Trong một xà lim tối tăm và ngột ngạt được dùng làm nơi biệt giam, chúng tôi nhận ra một bàn thờ nhỏ xây trên một băng ghế xi măng. Vì không có hương, nên những người khách viếng thăm đã để lại những điều thuốc dụng ngược đốt lên để tưởng nhớ những linh hồn đã chết tại đây.

Đất nước Việt Nam hiện đại được sinh ra trên chính hòn đảo đá đen này. Mọi thế lực thực dân tìm cách thống trị Đông Dương đều bắt đầu bằng cách khẳng định chủ quyền đối với Côn Đảo. Marco Polo đã trôi giạt lên bờ biển này trong hành trình khám phá châu Á của ông trong thế kỷ 13. Người Bồ Đào Nha cũng đặt chân lên đây năm 1560. Người Anh đặt chân lên đây năm 1702. Trong thực tế, chính Công ty Đông Ấn của người Anh đã xây dựng những nhà tù đầu tiên trên hòn đảo - một thử nghiệm ngăn ngừa đã chấm dứt khi những lính đánh thuê người Sulawesi^[48] của công ty này nổi loạn và giết hại những ông chủ người Anh của mình. Quan trọng hơn cả,

Côn Đảo là điểm tựa đầu tiên cho phép người Pháp bắt đầu xây dựng đế chế của mình ở châu Á.

Trước khi trở thành hoàng đế của Việt Nam, Gia Long, khi đó còn được gọi là

Nguyễn Ánh, từng lánh nạn ở Côn Đảo năm 1783 trong thời kỳ Khởi nghĩa Tây Sơn. Khi người lính truyền đạo Pigneau de Béhaine^[49] giong thuyền ra tìm thấy ông ta, đây chính là nơi Nguyễn Ánh ký thỏa ước định hình nên lịch sử của Việt Nam trong 200 năm sau đó. Đổi lấy quyền sở hữu Côn Đảo và những nhượng bộ thương mại khác, Pierre Joseph Georges Pigneau, con trai một người thợ thuộc da tự xưng là giám mục xứ Adran, sẽ cung cấp cho hoàng đế súng, tàu chiến, và một đội quân đánh thuê.

Để bảo đảm làm tin, Nguyễn Ánh giao lại cho viên giám mục người con trai mới lên bảy tuổi của mình, và họ cùng giong buồm tới triều đình của Louis XVI dàn xếp những khoản tài chính cần thiết. Sau một năm trốn tránh ở Côn Đảo, Nguyễn Ánh quay trở lại đất liền và chiếm Sài Gòn. Tại đây ông gặp lại vị giám mục và đoàn tụ cùng con trai mình. Với sự giúp sức từ đoàn quân đánh thuê của Pigneau, Nguyễn Ánh tiến ra Bắc. Ông thu phục những vùng lãnh thổ rải rác của Việt Nam rồi thiết lập đế chế của mình tại kinh thành Huế, trung tâm lịch sử của chế độ chúa Nguyễn. Người Pháp đã khai thác điểm bám chân của Pigneau de Béhaine bằng cách tấn công Huế và Đà Nẵng năm 1858 rồi đến Sài Gòn vào năm sau đó. Đến năm 1861 triều Nguyễn chỉ còn cai trị miền Nam Việt Nam trên danh nghĩa.

Nguyễn Ánh tả thỏa ước của ông với người Pháp là “cắt sói canh cừ”. Phi Yến, một bà phi của ông, đã phản đối chiến lược này, và vì sự ương bướng ấy, bà đã bị đày ra một hòn đảo thậm chí còn hẻo lánh hơn trong quần đảo Côn Đảo, nơi này giờ đây cũng trở thành một điểm linh thiêng để khách thập phương đến thắp hương tưởng nhớ.

Trong ngày thứ hai ở Côn Đảo, sau bữa sáng với cháo mực và tôm, và uống một liều cà phê *phin* rất đặc, chúng tôi lên đường tới nghĩa trang Hàng Dương, nơi đặt hầu hết trong số hai vạn ngôi mộ trên hòn đảo. Giữa những ngôi mộ trắng là một chiếc quách lớn phủ kín hoa tươi, kẹp tóc, lược, gương, và những thứ đồ cúng khác. Đây là nơi an nghỉ của Võ Thị Sáu. Năm 16 tuổi, chị đã tìm cách trừ khử một số tên thực dân Pháp ác ôn đang ăn mừng ngày phá ngục Bastille^[50]. Năm 19 tuổi, chị bị đưa ra Côn Đảo và bị hành hình. Căn cứ vào tấm ảnh trên bia mộ, chị là một thiếu nữ xinh đẹp, và ngôi mộ của chị đã trở thành một điểm dừng chân của đảo nơi mọi người ghé đến thắp hương và cầu nguyện cho linh hồn người quá cố.

Đọc cuốn tiểu sử về Võ Thị Sáu khi chúng tôi đứng trước mộ chị, Kyle cho chúng tôi biết rằng Võ Thị Sáu là một trong năm mươi người Việt Nam bị hành hình để trả thù cho cái chết của con trai tướng de Lattre de Tassigny, một trung úy trong quân đội Pháp. Tháng 1 năm 1952, chị tới Côn Đảo với hai bàn tay bị trói chặt và chân bị xích vào sàn tàu. “Chuông nhà thờ rung lên khi chị đến. Nhưng gương mặt của Chúa đã trống rỗng vào thời khắc của cuộc hành hình,” Kyle đọc. Những lính gác người Senegal và lai Á-Âu đã bố trí cho chị ở dãy xà lim tử tù trong *bagne* số 1. Phụ trách hành hình chị là một người Pháp gốc Đức tên là Petervol, có vợ là một *me Tây* - chỉ người phụ nữ Việt Nam lấy chồng người Âu.

“Đêm trước cuộc hành hình, Võ Thị Sáu tắm gội và chải rất kỹ mái tóc dài đen nhánh của mình. Chị mặc một bộ quần áo bà ba bằng lụa đen, thêu những bông hoa màu tím. Chị được phép ra ngoài xà lim khoảng mười phút, để ngắm nhìn quê hương tươi đẹp của mình lần cuối. Chị bắt đầu hát những bài hát Việt Minh ngày trước về sự nghiệp giải phóng Việt Nam khỏi ách thực dân. Chị hát suốt đêm. Tất cả những tù nhân trên đảo, cất cao giọng từ trại này sang trại khác, bắt đầu hát cùng Võ Thị Sáu.

“Buổi sáng, cha tuyên úy nhà tù đến xà lim. ‘Bây giờ cha sẽ rửa tội và gột sạch mọi lỗi lầm của con.’

‘Tôi chẳng có lỗi lầm gì hết,’ chị nói. ‘Hãy rửa tội cho những kẻ sắp giết tôi ấy.’

‘Con còn gì nuối tiếc không?’ ông ta hỏi.

‘Tôi chỉ tiếc là mình chưa giết sạch hết lũ thực dân cướp nước và lũ tay sai bán nước. Tôi chỉ yêu cầu một điều thôi. Khi các người bắn tôi, đừng bịt mắt tôi lại. Tôi đủ can đảm để nhìn vào nòng súng của các người. Tôi muốn nhìn thấy tổ quốc yêu dấu của mình trong giây phút từ giã cõi đời.’”

Vẫn hát vang bài hát giờ đây đã trở thành quốc ca của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Võ Thị Sáu bị “đưa tới nghĩa trang, nơi vây quanh chị là mười nghìn thi hài, nằm sâu dưới lòng đất của hết lớp mộ này đến lớp mộ khác. Chị nhìn thẳng vào mặt bảy người đàn ông - những kẻ giết người - trong đội xử bắn mình. Chúng đang run rẩy. Chị hô vang: ‘Đả đảo thực dân Pháp. Việt Nam tự do muôn năm. Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm’. “Bảy phát đạn bắn ra từ bảy nòng súng đang run lẩy bẩy không trúng đích. Tiếng khóc vang lên từ phía những tù nhân ở cách xa một trăm mét trên bờ biển phía Nam. Đội hành hình bỏ chạy. Những người vợ *me Tây* của những tên lính gác đang đứng xem gần đó ngất xỉu. Khi khói từ những nòng súng trường tan đi, Võ Thị Sáu vẫn đang đứng. Hai vết máu cho thấy chị bị thương ở vai và tay.”

Khi người của hấn nhất quyết không chịu bắn thêm loạt nữa, viên chỉ huy rút súng ngắn ra. “Hàng nghìn tù nhân, cất cao giọng từ những *bagnes* xung quanh nghĩa trang, bắt đầu hô vang: ‘Đả đảo thực dân. Võ Thị Sáu muôn năm.’ Viên giám đốc nhà tù, một người Pháp tên là Passi, và viên giám thị trưởng, một người Pháp khác tên là Jarty, đã nhảy lên một chiếc xe Jeep và lái như điên quay trở về dinh thống đốc vì lo sợ một cuộc nổi dậy.” Viên chỉ huy đội hành

hình bước lại gần Võ Thị Sáu và kề họng súng dưới tai chị. Hắn bóp cò và bắn vào đầu chị.

Đi ngược chiều kim đồng hồ vòng quanh đảo, chúng tôi đến *bagne trois bis*^[51] (còn gọi là trại Bác Ái), xây năm 1940. Ở phía sau của khu này là cái mà người Pháp gọi là “solaria” (các phòng tắm nắng), tức là những xà lim trống hoác trên đầu nơi các tù nhân thường chết vì mất nước. Đằng sau dãy phòng tắm nắng là một gian nhà lớn xây bằng đá, gia cố bằng những cánh cửa thép đen sì. Mở một trong những cánh cửa này, chúng tôi nhìn vào trong một xà lim chật chội, sâu 4,5 mét, rộng 3 mét, trong đó có năm hình nhân phụ nữ bị xích vào một băng ghế bê tông. Những song sắt tạo thành mái nhà và phía trên còn một lớp mái khác bằng ngói. Ba mươi xà lim xếp thành hàng ở mỗi bên của gian nhà chết chóc này. Đây chính là những chuồng cọp khét tiếng, bị phanh phui ra năm 1970 và xuất hiện trên một bức ảnh đăng trên tạp chí *Life* đánh dấu một bước ngoặt khác trong sự võ mộng của nước Mỹ với cuộc chiến tranh tại Việt Nam.

Đi lên một cầu thang ở cuối tòa nhà, chúng tôi bước lên khu tường chắn cho phép lính gác nhìn qua lớp song sắt theo dõi những tù nhân bị xích phía dưới. Bố trí dọc tường chắn này là phiên bản của những chiếc thùng gỗ trước kia được dùng để đựng vôi bột khô nung từ san hô. Khi được rắc xuống tù nhân phía dưới, vôi bột sẽ khiến họ bị bỏng hoặc bị mù. Những bức tường của chuồng cọp được làm từ đá hộc dày tới nửa mét. Những cánh cửa thép, mỗi cánh nặng khoảng gần một tạ rưỡi, rất có thể đã được tái chế từ cửa ngục Bastille. Rõ ràng *Bagne trois bis* được xây dựng với mục đích đứng vững qua nhiều năm tháng sử dụng thường xuyên. Những dòng chữ trên các bức tường ghi lại tên của các tù nhân và trừ dần những ngày khi họ sẽ được thả ra ngoài hít khí trời, cứ sáu tháng một lần.

Phía sau những chuồng cọp là một trại khác, *bagne số 5*, được xây năm 1928. Trong tòa nhà đồ sộ bằng đá bao gồm một căn phòng lớn

với hai ô cửa sổ được khoét cao trên những bức tường sừng sững, chúng tôi tìm thấy cả những câu mới được viết gần đây trong những năm 1980, khi những thuyền nhân tìm cách vượt biển khỏi Việt Nam bị giam giữ ở đây. Kyle dịch một trong những dòng chữ: “Đêm buồn nhớ mẹ thương cha.”

Xây trong khoảnh sân của trại số 5 là một công trình bổ sung về sau này của Côn Đảo, một khu xà lim của Mỹ với những bức tường bê tông và trần làm bằng tôn nóng chảy người dưới cái nóng nhiệt đới. Những phòng giam xám xịt như thế này được dựng lên khắp miền Nam Việt Nam bởi RMK-BRJ, tổ hợp có trụ sở tại Texas gồm bốn công ty xây dựng lớn nhất nước Mỹ: Raymond International, MorrisonKnudsen, Brown & Root, và J. A. Jones. Sáp nhập thành một thế lực khổng lồ làm ăn phát đạt nhờ những hợp đồng không đấu thầu, RMK-BRJ xây dựng đường băng sân bay, cầu cảng, đường sá, và nhà tù, tất cả góp phần tạo nên đất nước được gọi là Nam Việt Nam. Công ty kế tục của RMK-BRJ là Halliburton, có CEO (Tổng giám đốc điều hành) là Dick Cheney trước khi ông ta trở thành phó tổng thống Hoa Kỳ. Halliburton làm ăn phát đạt nhờ những hợp đồng không đấu thầu của riêng mình về xây dựng nhà tù tại căn cứ không quân Bagram ở Afghanistan, Abu Ghraib ở Iraq, vịnh Guantánamo ở Cuba, và những điểm “đen” khác của CIA trên khắp thế giới.

Đi xa hơn khỏi thị trấn, chúng tôi đến *bagne* số 7, trại Phú Bình, nơi đặt những chuồng cạp của Mỹ được xây dựng năm 1971, sau khi vụ phanh phui của *Life* khiến những xà lim tra tấn ban đầu trên hòn đảo phải đóng cửa. Chúng tôi vào một lối đi hẹp cắt dọc theo chính giữa một khu doanh trại xám xịt và bắt đầu mở những cánh cửa sắt nằm ở mỗi bên. Chúng tôi nhòm vào trong những xà lim với song sắt trên trần, giống như chuồng cạp của Pháp, nhưng không có tường chắn trên đầu để canh chừng, chỉ có một khoảng hở hẹp để thông khí. Những xà lim này không có bục bê tông để ngồi, vì vậy tù nhân nằm ngủ ngay trên sàn. Với 384 xà lim, trại giam này từng

giám giữ hai nghìn người. Bên trong những chuồng cọp mái kim loại này nóng đến nỗi chỉ trong vòng vài phút chúng tôi buộc phải bỏ ra ngoài, thở hắt hên không ra hơi.

Đi xa hơn nữa trên hòn đảo, chúng tôi đi tìm các *bagne* số 8 và số 9, được cho là những công trình bổ sung mới nhất của Mỹ vào chế độ nhà tù Côn Đảo. Chúng tôi đi qua một khu rừng nhỏ và nhận ra những dấu vết còn lại của *bagne* số 8. Người dân địa phương đang lúi húi trồng rau trong một bãi đất trống. Tất cả những gì còn lại của nhà tù cũ là những tháp canh bằng sắt đã từng đứng ở bốn góc và giờ thì đang han gỉ trong quên lãng.

Sau khi đi vào một khu rừng khác và bước qua một bức tường đá thấp đánh dấu góc phía Đông Bắc của nghĩa trang Côn Đảo rộng mênh mông, chúng tôi tìm thấy *bagne* số 9, nhà tù xây dựng dở dang mà RMK-BRJ vẫn đang xây cho đến tận ngày cuối cùng của cuộc chiến. Những song sắt gia cố bằng thép và cột bê tông vươn cao trong rừng như một ngôi đền kỳ bí, một kiểu Angkor Wat của Mỹ, giờ chỉ toàn dây leo và hoa dại phủ kín. Bay lướt qua khu phế tích là hàng chục con cò ngàng, loài chim lớn màu trắng lặn lẽ lượn lờ qua những rặng cây xanh. Người dân đảo tin rằng những con chim này là linh hồn của người chết. Lũ chim rất bồn chồn, chim thường vẫn thế, và sự bứt rứt của chúng gợi cho tôi nhớ đến lịch sử không thể nào gạt bỏ được của hòn đảo nhiệt đới này.

Quay trở lại Sài Gòn, tôi đến thăm Phạm Xuân Ẩn. Ông đang tránh cái nóng buổi trưa bằng điều hòa không khí và ôxy. Vẫn mặc chiếc áo sơ mi ngắn tay trắng mọi khi và quần xám lật phật quanh hai mắt cá để trần, ông ra mở cổng và dẫn tôi đi qua vườn vào căn phòng dưới tầng một, nơi ông đặt những bể cá cùng sách vở và một chiếc ghế cứng đặt gần điện thoại, tại đó ông ngồi như một phóng viên tại tòa soạn đang nhận điện.

“Tôi chưa bao giờ đến Côn Đảo cả,” ông nói với tôi. “Nhưng hồi trước tôi vẫn nhận được những báo cáo về điều kiện ở đó. Tôi biết

mọi chuyện rất tồi tệ. Cũng giống như bây giờ, chúng ta biết cuộc sống của các tù nhân ở Abu Ghraib kinh khủng như thế nào.”

Ông kể cho tôi nghe về một lần suýt chút nữa thì ông cũng bị tống ra Côn Đảo. Sử dụng thông tin từ những đồng nghiệp của mình trong cơ quan tình báo miền Nam Việt Nam, năm 1965 ông đã viết một bài báo dự báo về vụ lật đổ thủ tướng Việt Nam Cộng hòa khi đó là Phan Huy Quát. “Ông ta là người đứng đầu chính phủ, nhưng tôi biết quyền lực thực sự nằm trong tay Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ. Những nguồn tin của tôi rất tốt, đó là lý do tại sao cảnh sát lại gọi tôi lên. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng mình không thể làm nghề báo chí đúng như những gì đã được dạy ở Mỹ. Sau đó, tôi thường gỡ những bài báo của mình để rồi lại xé chúng đi.”

Phạm Xuân Ân vói tay về phía chiếc lọ thuốc xịt vào đường thở của ông. Ông đang hỏn hển vì khó thở trong cái nóng cuối buổi chiều.

“Dung tích phổi của tôi chỉ còn bằng 35% mức bình thường,” ông nói. “Tôi bị suy phổi sau cái lần phải nhập viện năm 2003. Cuối tuần này chắc tôi lại phải vào viện lần nữa.”

Quay trở lại câu chuyện của chúng tôi về Côn Đảo, Phạm Xuân Ân nói: “Tôi sống sót nhờ may mắn và nhờ thiên thần hộ mệnh của mình. Tôi tin vào số mệnh. Tôi được sinh ra vào giờ may mắn”. Ông đứng lên và bước tới giá sách, rồi rút ra một quyển *Le Zodiaque* (Hoàng đạo) của nhà xuất bản Editions du Seuil. Ông chỉ cho tôi thấy là ông được sinh ra dưới cung Xử Nữ, nữ thần đã che chở cho ông suốt cả cuộc đời.

Rút ra một cuốn sách khác từ trên giá về những câu châm ngôn của Jean de La Bruyère, Phạm Xuân Ân nói với tôi: “Ông phải đọc những câu này khi ông có tâm trạng tồi tệ”. Ông đang chuẩn bị trích dẫn một trong những câu châm ngôn ưa thích của mình thì một cơn ho dữ dội buộc ông phải ngồi trở lại ghế.

“Tôi vẫn chưa sẵn sàng cho cái chết của mình,” ông nói với tôi. “Tôi muốn được hỏa táng. Tôi muốn tro của mình được rắc xuống sông Đồng Nai, gần nơi tôi sinh ra. **Nhưng kệ cho họ quyết định.**” **Họ ở đây là Đảng Cộng sản. Theo thói quen vòng vo của người châu Á hoặc cung cách của một điệp viên là không thích gọi thẳng tên người khác ra. Phạm Xuân Ẩn thường không thích nêu đích danh những cấp trên ngày trước của mình. “Tôi không muốn bất kỳ ai đến viếng mộ mình cả,” ông nói. “Người ta nên dành thời gian và công sức cho những thứ hữu ích hơn. Tôi cũng giống như Hồ Chí Minh; ông ấy cũng đâu muốn có một cái lăng.”**

Mặc dù đã dặn dò trước trong di chúc của mình, nhưng cuối cùng Hồ Chí Minh vẫn có một cái lăng. Cả Phạm Xuân Ẩn cũng sẽ có một lễ tang theo nghi thức nhà nước . Tôi hỏi ông về số phận những cuốn sách và giấy tờ của ông sau khi ông qua đời. “Con trai tôi sẽ quyết định phải làm gì với cái đồng ấy,” ông nói.

Cứ như được gọi tên, Phạm Xuân Hoàng Ân, hay Ân con, như mọi người vẫn gọi, đi làm về và bước vào phòng khách chào tôi. Anh là một thanh niên hòa nhã, một bản sao tròn trịa có da có thịt hơn, nhưng đồng thời cũng bồn chồn và dễ xúc động hơn cha mình. Ngoài 40 tuổi vẫn độc thân, Hoàng Ân sống ở nhà trong gian garage đã cải tạo phía sau nhà. “Cả đời nó lúc nào cũng là sinh viên, đầu tiên ở Nga, rồi sau ở Mỹ,” một hôm Phạm Xuân Ẩn kể với tôi về con trai ông. (Ân con học mất sáu năm ở Nga và thêm sáu năm nữa ở Mỹ, học về báo chí ở Đại học Bắc Carolina và luật ở Đại học Duke). “Nơi duy nhất nó chưa đến học là Trung Quốc,” Phạm

Xuân Ân nói. “Đó là cuộc đời mà bản thân tôi cũng muốn trải qua.”

Hai con trai thứ của Phạm Xuân Ẩn không được suôn sẻ như Ân con. Làm việc làng nhàng như những công chức bậc trung, họ cũng sống ở nhà cùng cha mẹ, nơi người con trai út giờ đây phụ trách việc huấn luyện lũ gà chọi của Phạm Xuân Ẩn. Con gái của Phạm Xuân Ẩn, một bác sĩ không còn hành nghề, đang sống ở California

cùng với gia đình mình. “Tôi đã làm việc rất vất vả,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Thực ra, lúc nào tôi cũng làm việc, chỉ trừ có kỳ trăng mật năm ngày hồi tôi lấy vợ.

Từ năm 1959, tôi mới chỉ nghỉ ốm có năm ngày, do ảnh hưởng của bệnh lao.”

Phạm Xuân Ẩn kể với tôi là Ẩn con, vì không phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã lên đến nấc thang cuối cùng trong sự nghiệp của mình. Anh kiếm được mức lương là 2.000.000 đồng, khoảng 160 đô la mỗi tháng. Khi tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn là tại sao con trai ông không phải là đảng viên, ông gạt câu hỏi qua một bên. “Con trai tôi đã quá lớn tuổi để vào Đảng,” ông nói với tôi. “Rất khó để có thể học chủ nghĩa Marx-Lenin. Anh phải bắt đầu từ khi anh còn trẻ cơ.”

Chẳng lẽ học chủ nghĩa Marx lại còn khó hơn cả việc lấy bằng luật ở Đại học Duke? Tôi đang băn khoăn không biết diễn giải suy nghĩ của mình như thế nào thì Phạm Xuân Ẩn nói với tôi rằng tôi đang đặt ra quá nhiều câu hỏi mà viết thì quá chậm chạp.

“Tôi cũng là một người viết chậm,” ông thừa nhận, “nhưng Bob Shaplen thì viết rất nhanh. Ông ấy chỉ cần lấy sổ ghi chép của mình và cứ thế viết liền một mạch, không vấn đề gì.”

Khi tôi đề cập đến những nhà văn viết chậm khác, Phạm Xuân Ẩn đồng ý rằng “viết chậm đã tạo ra cuốn sách hay nhất về chiến tranh Việt Nam. Đó là cuốn *Người Mỹ trầm lặng* của Graham Greene, một cuốn sách phơi bày tính cách Mỹ”.

Vậy tính cách đó là như thế nào? “Khi người Mỹ cho rằng điều gì đó là đúng, họ cứ thế cắm đầu cắm cổ làm thôi,” ông nói. “Họ thích vui vẻ. Họ thích giúp đỡ. Họ tử tế và họ chơi công bằng, nhưng anh phải bay dưới ra đũa của họ nếu anh muốn sống sót trước sự gây hấn của họ. Trong tất cả những đế chế trên thế giới, đế chế Mỹ là tốt nhất. Tốt hơn Pháp, tốt hơn Anh, nhưng dù gì thì cũng vẫn là một

để chế, và người Việt Nam thì bao giờ cũng muốn - thực tế là họ luôn chiến đấu đến cùng - để có để chế của riêng mình.”

Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn là liệu ông có vẫn ném mình vào cuộc chiến đấu này với tư cách là một người cách mạng không. “Tôi chưa bao giờ là một nhà cách mạng,” ông nói. “Tôi là một người lãng mạn, yêu tổ quốc của mình và sẵn sàng hy sinh để bảo vệ nó.” Phạm Xuân Ẩn viết vào sổ của tôi hai từ *lãng mạn*, và *cách mạng* bằng tiếng Việt. Ai đó về sau giải thích cho tôi rằng ông đã viết một kiểu chơi chữ, một câu nói đùa. Trong khi những người viết tiểu sử của Phạm Xuân Ẩn tranh cãi về di sản của ông, bất đồng về việc ông là một người lãng mạn hay một người cách mạng, một người yêu người Mỹ hay là một người cộng sản quyết tâm tiêu diệt họ, thì ông già này lại bày trò vui và cười chúng ta, đồng thời mang theo bí mật của mình xuống mồ.

Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn về một chủ đề nhạy cảm khác, vụ T4-Tổng cục 2. Đó là chuyện hai phe kình chống nhau trong Chính phủ Việt Nam. Phía những người Việt Nam yêu nước lớp trước, chẳng hạn như Tướng Giáp, người tuyên bố rằng sự đe dọa của Trung Quốc và nạn tham nhũng hối lộ đang biến Việt Nam thành một nước chư hầu, đã phát biểu chống lại các phần tử thân Trung Quốc ủng hộ việc khai thác những hầm mỏ còn đang tranh cãi. Khi tôi vừa nhắc đến vụ này, Phạm Xuân Ẩn bước tới cái tủ búp-phê dưới cửa sổ, mở một ngăn kéo, lấy ra bức thư mười bảy trang của Tướng Giáp. “Ông ấy đang than phiền về vụ T4-Tổng cục 2,” Phạm Xuân Ẩn nói về bức thư. “Tôi nghĩ rằng ông ấy đúng, mặc dầu tôi không đứng về phe nào. Tôi đã được huấn luyện để giữ sự khách quan. Tôi cần phải nói rằng ông ấy đúng khi trình bày phương diện của ông ấy.”

“Tôi thích chính trị. Tôi chỉ không ưa những chính trị gia,” ông nói thêm. “Nếu anh muốn giết con chó, hãy đổ cho là con chó bị bệnh dại. **Đó là chuyện người ta đã cố làm với Tướng Giáp**. Tiếng Anh người ta nói như thế nào nhỉ? ‘Character assassination’^[52] .”

Thật khó để biết người Trung Quốc có giờ ngón đòn hối lộ hay không. Cái vụ đó liên quan đến quá nhiều những thủ đoạn xảo trá. Giờ chúng tôi chỉ biết được rằng phía Việt Nam đã chôn chặt câu chuyện về cuộc chiến của chúng tôi chống Trung Quốc năm 1979. Chúng tôi đã tẩy rửa sạch sẽ trí nhớ của mình.

Phạm Xuân Ẩn kể với tôi rằng ba mươi tướng lĩnh đã ký đơn thỉnh nguyện ủng hộ Tướng Giáp. “Thật nguy hiểm để chọn đứng về một phía,” ông trầm ngâm, trước khi quay lại nhìn tôi. “Cái cách anh viết có thể làm anh đi tù như chơi,” ông nói. “Nguyên nhân chúng tôi không có sách lịch sử Việt Nam do người Việt Nam viết là vì anh không thể nói sự thật. Đó là lý do tại sao tất cả các sách trên giá của tôi đều do người nước ngoài viết.”

Tôi hỏi Phạm Xuân Ẩn về một chủ đề nhạy cảm khác. Việt Nam sẽ như thế nào giả sử ngày đó Mỹ giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh? Bùi Tín đã bảo tôi đưa ra câu hỏi này. Bùi Tín là nhà báo của Bắc Việt Nam đã có mặt khi chính phủ

Nam Việt Nam đầu hàng và thăng tiến cao trong hàng ngũ của Đảng trước khi bỏ trốn ở lại Pháp năm 1990 và trở thành một người cố sụy chống Đảng. Đã nhiều lần trong vài năm qua tôi đi tàu hỏa tới khu ngoại ô dành cho tầng lớp lao động ở phía Bắc thủ đô Paris nơi ông Tín sống trong một căn gác xép với “em gái” của mình, một phụ nữ trẻ cả ngày ngồi trong bếp may viền những chiếc khăn lụa cho **hãng** Hermès. Ông Tín đã trở thành người bạn đồng chí hướng lạ lẫm với những người xét lại tại Mỹ lập luận rằng giả sử như hồi đó nước Mỹ tung toàn bộ sức mạnh quân sự của mình tại Việt Nam - đánh ra miền Bắc và đẩy đối phương sâu hơn về phía Tây sang Lào, ném bom những con đê quanh Hà Nội, và sử dụng vũ khí hạt nhân - rất có thể Mỹ đã “thắng” cuộc chiến tranh. Trong trường hợp này, ông Tín cho rằng Việt Nam có thể sẽ giống như Triều Tiên. “Một nước Bắc Việt Nam nghèo đói sẽ trông sang bên kia biên giới mà nhìn một nước Nam Việt Nam thịnh vượng, sẽ đi đâu với tư cách là nước phát triển nhất trong số tất cả những con hổ châu Á.”

Phạm Xuân Ẩn nhận xét. “Đã hai lần Mỹ đến gần tới việc giành thắng lợi trong cuộc chiến,” ông nói. “Một lần vào cuối những năm 1950, khi tôi còn đang học ở Mỹ. Đó là lúc họ đã phá tới 80% bộ máy an ninh của Đảng ở miền Nam. Lần thứ hai là ngay sau Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, khi sức mạnh chiến đấu của Việt

Cộng đã bị tổn thất nặng nề. Khi đó Mỹ đưa ra Chương trình Phượng hoàng cực kỳ hiệu quả trong việc thủ tiêu hàng nghìn người Việt Nam và vô hiệu hóa lực lượng đối lập ở miền Nam.”

“Vậy Việt Nam sẽ như thế nào nếu giả sử Mỹ thắng trong cuộc chiến tranh?” “Việt Nam sẽ không giống như Triều Tiên,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Bắc Việt

Nam có thể sẽ dựa vào Trung Quốc.”

“Vậy còn Nam Việt Nam?”

“Người Nam Việt Nam không sắt đá như người Triều Tiên. Miền Nam chắc chắn qua cũng chỉ trở thành một nước nhược tiểu trong quỹ đạo của phương Tây.”

Phạm Xuân Ẩn ngồi gần máy điện thoại trong chiếc ghế làm việc cũ của mình có gắn bánh xe kim loại và mặt ghế nhựa màu xanh. Nhìn như thể ông đang trực, người ngồi thẳng, tay cầm bút, sẵn sàng báo cáo về một trận đánh lớn hoặc một vụ đảo chính sắp xảy ra. Điện thoại đổ chuông. Sau một mẩu trò chuyện ngắn gọn bằng tiếng Việt, ông lò dò đứng lên khỏi ghế và bắt đầu vội vàng rảo bước ra vườn. “Thằng út nhà tôi đi làm về muộn, mà đến giờ cho gà ăn rồi,” ông giải thích, trong khi tôi vội vàng đuổi theo ông.

Buổi tối thật ngọt ngào và êm dịu. Một làn gió mát vừa ủa tới xua đi mùi khói xăng và bụi bặm của Sài Gòn. Mặt trăng đã gần tròn, chỉ hơi khuyết một chút xíu trên gương mặt lẽ ra đã rất rực rỡ, những vì sao đã lặn hết. Những luống hoa của bà Thu Nhận trồng đây cây *Spathiphyllum*^[53]. Những bông hoa trắng và những nhụy hoa nhọn hoắt màu kem của chúng lộng lẫy trong ánh sáng buổi tối trên một thảm lá xanh thẫm. Ở cuối vườn hai con gà chọi chăm chăm nhìn

chúng tôi với những con mắt tròn xoe. Hai con được nhốt riêng lồng để ngăn không cho chúng đá nhau đến chết. Phạm Xuân Ẩn bắt đầu nói chuyện với chúng bằng giọng nhẹ nhàng, nựng nịu. Ông đổ đầy ngô vào một cái bát con và đặt nó trong chiếc lồng thứ nhất. Ông cũng làm y như vậy với con gà thứ hai. Những động tác của ông rất nhanh và dứt khoát. Tôi chợt nhớ đến sự so sánh mà ông đưa ra giữa những con chim và các phóng viên. Ông cũng thường bón cho các phóng viên với sự chăm chút và tỉ mỉ như thế, nhưng thức ăn mà ông bón cho họ là thông tin.

Mười tháng sau chuyến đi của mình tới Côn Đảo, tôi kéo chuông trên cánh cổng màu xanh nhà Phạm Xuân Ẩn cho chuyến thăm cuối cùng của chúng tôi. Tôi đến lúc sáu rưỡi tối, thời điểm mà ông Ẩn cho biết là ông thấy dễ thở hơn. Bà Thu Nhận ra mở cửa. Khuôn mặt tròn trịa, mọi khi vẫn bình thản như không của bà giờ đây nặng trĩu âu lo. “Rất vui được gặp bà,” tôi chào. “Bà có khỏe không?”

“Không khỏe lắm,” bà nói, trong cái tối ẩm ướt này của tháng 1. Bà tắt tả đi qua vườn và xin cáo lui sau khi đã dẫn tôi vào phòng khách. Căn phòng đã được kê dọn lại. Ở vị trí từng đặt chiếc bàn làm việc của Phạm Xuân Ẩn trước kia, dưới cửa sổ bên phải cánh cửa, là một chiếc giường bệnh viện và một chiếc xe đẩy. Phạm Xuân Ẩn đang nằm nghiêng người nghỉ ngơi trên giường, một chiếc quạt đang thổi vào ông. Da ông trong suốt đến nỗi tôi có thể nhìn thấy máu đang chảy qua những huyết quản của ông. Tai ông nhô hẳn ra khỏi hai bên hộp sọ. Yết hầu lên xuống khó nhọc khi ông há miệng gắng thở. Bộ pyjama trắng lụng thụng quanh người khi ông ngồi dậy và với tay lấy một tách trà sâm. Phạm Xuân Ẩn cho tôi biết là ông đang dùng sừng tê giác để chữa căn bệnh khí thũng của mình. Giờ ông không còn đùa bỡn về cái chết của mình nữa. Đôi mắt màu nâu của ông trong veo và mở to. Cố gắng lấy hơi thở, ông nhăn mặt lại vì đau đớn. Thu hết ý chí và năng lượng dự trữ vốn đã làm ông trở nên nổi tiếng, ông bắt đầu nói, và hai tiếng đồng hồ sau đó ông vẫn còn nói khi tôi nhất quyết xin phép ra về.

Phạm Xuân Ân nói với tôi rằng đây sẽ là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Ông đưa ra rất nhiều lý do, chẳng có lý do nào trong đó thực sự thuyết phục, và tôi cảm thấy quyết định chấm dứt những cuộc trò chuyện của chúng tôi đã được đưa ra ở đâu đó. Chúng tôi nói về bài báo trên tờ *The New Yorker* của tôi đăng trong tháng 5 năm 2005. Phạm Xuân Ân phàn nàn rằng nhiếp ảnh gia đã suýt giết chết ông trong buổi chụp kéo dài cả nửa ngày. Tiếp sau màn hành tội này, con chiền chiền cứng của ông rụng hết sạch cả lông và không hót suốt một tuần liền. Sau đó người kiểm tra dữ kiện của tờ tạp chí quấy rầy ông bằng những cuộc điện thoại, ấy thế mà cô ta vẫn xác định nhầm nơi sinh của cụ nội ông ở miền Bắc Việt Nam.

“Tôi biết chuyện gì đã xảy ra với anh rồi,” sau này một người bạn Việt Nam cho tôi biết. “Anh đã đăng tải những thông tin lẽ ra không được phép để lộ ra. Nó vi phạm quy định bảo vệ những bí mật quốc gia. Sau khi anh để lộ những thông tin đó ra, có người đã quyết định cấm cửa anh.” Tôi thấy thật buồn khi nghĩ rằng một ông già đang phải dùng súng tê giác và hỗn hển đứt hơi mà vẫn **bị coi là nguy hiểm cho an ninh quốc gia**. Tôi cũng **e ngại** khi nhận ra rằng Phạm Xuân Ân vẫn còn nhận lệnh từ cấp trên của mình. **Giống như những người bạn Mỹ khác của Phạm Xuân Ân, tôi tin rằng ông là con người độc lập, một linh hồn tự do ở Việt Nam, người có thể nói thẳng những suy nghĩ của mình và gương cao ngạo cờ Tự do**.

Phạm Xuân Ân quay lại với việc phàn nàn về bài báo trên tờ *The New Yorker* của tôi. “Rất nhiều người không nói chuyện với tôi nữa, và nhiều người khác đang gieo rắc những lời đồn đại và dối trá.” Ông nhắc đến những lời công kích nhằm vào gia đình mình nhưng không chịu đưa ra bất kỳ chi tiết nào.

“Ông chỉ làm nhiệm vụ của ông thôi mà. Ông là một người yêu nước,” tôi nói, cố làm cho ông dịu lại.

“Tất cả người Việt Nam đều là người yêu nước, cho dù họ có bất đồng với đảng cầm quyền,” ông nói. “Nhiều người khác còn can đảm hơn và làm được nhiều hơn những gì tôi đã làm. Họ hy sinh

cả gia đình họ. Họ hy sinh cuộc đời họ. Thế nhưng người ta chỉ biết đến tôi vì tôi có bạn Mỹ và vì tôi nói được tiếng Anh . Tôi đưa cho ông chồng sách và mấy quyển tạp chí tôi đã mang theo làm quà. Phạm Xuân Ẩn cầm lên số mới nhất của tờ *Foreign Affairs*, thích thú khi nhìn thấy bài viết trang bìa về “Việt Nam và Iraq” của cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Melvin Laird. “Ông ta rất uyên bác,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Ông ta chính là kiến trúc sư của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.”

“Nhưng Việt Nam hóa chiến tranh là một thất bại,” tôi nói.

“Không phải vì nó là một chính sách tồi,” Phạm Xuân Ẩn nói. “Nó thất bại vì sai lầm của những người Việt Nam (Cộng hòa).”

Trông chẳng khác gì một đồng xương được bọc bằng thứ giấy xi măng ông vẫn dùng để viết báo cáo mật trước kia, Phạm Xuân Ẩn cố gượng tất cả số hơi sức còn sót lại trong ông để dành cả buổi tối nói và pha trò về tổ quốc Việt Nam yêu dấu của ông. Ông đúng là một con chiên xưng tội hoàn hảo. Cứ thế tuôn trào ra cả một dòng thác thao thao bất tuyệt, thôi thì lẫn lộn đủ mọi thứ từ chiến lược quân sự cho tới những câu chuyện tiểu lâm tục tĩu. Làm sao Phạm Xuân Ẩn có thể che giấu được điều gì khi mà ông nói chuyện thoải mái như vậy về tất cả mọi thứ? Dường như ông là người thẳng thắn và chân thật nhất Việt Nam vậy. Ông diễn vai một nhà báo nói tiếng Anh, Tây hóa và thân Mỹ đạt đến nỗi không một ai có thể ngờ rằng lòng trung thành của ông lại được đặt ở nơi nào đó khác. Phạm Xuân Ẩn dành cả cuộc đời che giấu bằng ngôn từ nơi bản ngã thực sự của ông đang hoạt động, và đến lúc này thì phương pháp đó đã trở thành một thói quen hằn sâu vào tính cách của ông đến nỗi ông không thể nào kìm nổi việc dành cả buổi chỉ để nói và nói.

Mấy bức ảnh nằm trên chiếc bàn uống nước kê gần bàn Phạm Xuân Ẩn chụp ông trong bộ pyjama trắng vây xung quanh là những đồng đội còn sống trong mạng lưới của ông, bà Chín Chi và chị gái bà là bà Tám Thảo, cùng ông Mai Chí Thọ đang mỉm cười, người từng chỉ đạo lực lượng tình báo cộng sản ở miền Nam, bộ trưởng

Nội vụ Việt Nam, và thị trưởng Sài Gòn. Phạm Xuân Ẩn nói với tôi rằng cuộc tụ họp của họ là một màn diễn theo chỉ đạo, để quay loạt phim truyền hình mười hai tập **mà Đảng (Cộng sản) đang làm** về ông. **Người điệp viên già từ thời Chiến tranh Lạnh nay lại phải lo chống đỡ sự ôm ảp nồng nhiệt của nhà nước.** Trước khi tôi tạm biệt, Phạm Xuân Ẩn quay lại nói về cái chết của ông, và ông nói với tôi rằng ông muốn được hỏa táng rồi rắc tro xuống sông Đồng Nai gần Biên

Hòa, nơi ông sinh ra. Trong khi đó, quân đội lại khăng khăng đòi tổ chức cho ông một đám tang theo nghi lễ nhà nước.

Ngôi nhà thơm nức mùi com đang nấu trong bếp. Tôi nhìn qua phía đầu bên kia phòng khách và nhận thấy bàn trong phòng ăn đã được thay chức năng. Nó đang oằn xuống dưới những đồng sách và tạp chí khổng lồ đã mốc meo như thể những người bạn của Phạm Xuân Ẩn, vì sợ mất ông, đã xây cả một pháo đài giấy chống lại thần chết. Giờ ăn tối đến rồi lại qua, và Phạm Xuân Ẩn vẫn còn “nói nói nói”, cho đến khi ông nằm vật xuống giường, thở không ra hơi. Tôi nói lời tạm biệt và đứng lên bước qua vườn một mình, đi qua bức tượng con chó béc giê Đức yêu quý bằng sứ của Phạm Xuân Ẩn và những chiếc lồng nuôi gà chọi của ông. Tôi ra về với một trái tim nặng trĩu vì biết rằng đây là lần cuối cùng tôi còn được nói chuyện với Phạm Xuân Ẩn.

Phạm Xuân Ẩn không phải lúc nào cũng là một người kể chuyện đáng tin cậy; ông nhất định không chịu kể về một số phần trong cuộc đời mình. Có một câu chuyện ông kể về mình - về việc ông là điệp viên chiến lược thay vì chiến thuật - mà tôi thấy nghi ngờ. Nhưng gói gọn trong cuộc đời ông là những sự thật cơ bản về chiến tranh tại Việt Nam và những hậu quả của nó. Tôi nhất quyết cho rằng câu chuyện phi thường về người điệp viên Việt Nam này, người cũng tình cờ là một nhà báo, là chìa khóa để chúng ta hiểu thế giới đương đại của các phóng viên dấn thân. Xét cho cùng, có phóng viên nào là không dấn thân, không ở trong một đơn vị quân đội thì

cũng là một thị tộc hoặc một nền văn hóa, và liệu còn ai tốt hơn Phạm Xuân Ẩn để giúp chúng ta hiểu được những hiểm họa lương tâm và nỗi kinh hoàng thuần túy của việc phản ánh một thế giới đang chiến tranh?

Đường phố Sài Gòn đang tấp nập người mua quà cáp và chuẩn bị cho những ngày lễ mừng năm mới. Đây còn là mùa cưới, nên việc được mời dự đến hai đám cưới một ngày cũng không có gì là lạ. Những sự kiện xa hoa này trong các khách sạn của Sài Gòn có sự tham gia của hàng trăm khách, ban nhạc sống, những suối rượu sâm banh, và cả chủ hôn để mời mọc mọi người dốc cạn cơ man nào là bia và rượu. Sau khi được chụp ảnh nâng cốc chúc mừng hạnh phúc cặp trai gái, các vị khách lại đứng lên loạng choạng trèo lên xe máy trước khi hòa vào dòng giao thông đông đúc của Sài Gòn.

Trong khi Việt Nam chuyển mình từ chủ nghĩa cộng sản sang chủ nghĩa tiêu dùng, thì bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh trước nhà thờ xây bằng gạch đỏ của Sài Gòn tỏ biểu hiện bất bình. Bức tượng tô điểm cho một công viên nhỏ hình bầu dục trồng đầy hoa, một điểm yêu thích mà những cô dâu của thành phố tìm đến để chụp ảnh. Gần đây, công viên xinh xắn này còn thu hút một loại đám đông khác. Hàng trăm người đã bắt đầu đổ về đây để chứng kiến những sự kiện lạ lùng trong ngày. Đức Mẹ Đồng trinh Maria đang khóc. Người ta thấy những giọt nước mắt chảy ra trên má bức tượng. Nếu như bạn nghi ngờ, cánh săn ảnh của thành phố sẽ ấn vào tay bạn những bức ảnh chụp rất rõ ràng những giọt nước trào lên trong khóe mắt tượng và dấu vết lấp lánh khi chúng chảy trên mặt tượng. Xúm xít xung quanh là những cô dâu mặc váy dài trắng và đám đông tò mò, cánh thợ ảnh này đang làm ăn rất khấm khá.

Trước sự thúc giục của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, vị giám mục đã tuyên bố rằng nước mắt của Đức Mẹ Đồng trinh là một hiện tượng hoàn toàn tự nhiên xuất phát từ việc nước mưa đọng quá nhiều và những trận gió mùa dai dẳng mùa trước. Chẳng ai tin lời ông. Đức Mẹ Đồng trinh đang khóc vì bà buồn rầu. Bà cảm nhận được nỗi đau của người dân. Bà nhìn thấy sự chênh lệch

ngày càng gia tăng giữa người giàu và người nghèo ở Việt Nam, tham nhũng và hối lộ tăng lên. Bà thông cảm với những người nông dân bắt buộc phải giết gà nhà mình sau một đợt cúm gia cầm bùng phát. Bà ủng hộ những người lao động tại các nhà máy sản xuất giày Nike đang tổ chức đình công, đòi những ông chủ Hàn Quốc ngừng đánh đập và phải trả lương thỏa đáng. Bà ủng hộ những người công nhân may Việt Nam, vốn được trả mức lương còn bèo bọt hơn cả những công nhân giày của Nike – bốn mươi đô la một tháng ở thành phố và ở vùng nông thôn thì chỉ có ba mươi đô la một tháng – và cũng đang đình công. Bà biết nỗi đau của sự kiện ngày 11 tháng 9 và xót xa vì thế giới đang tự khủng bố mình bằng lòng hận thù giết chết chủ yếu phụ nữ và trẻ em. Vòng tay dịu dàng của Đức Mẹ Đồng trinh, sự bao dung và nhân từ của Người, không còn đủ để chữa lành thế giới này khỏi nỗi đau.

Đức Mẹ Đồng trinh trong công viên đã trở thành điểm hành hương cho những người Việt Nam ở xa tận ngoài Hà Nội. Vị giám mục cố tìm cách giải tán họ, nhưng ai cũng cho rằng những tuyên bố của ông là do Chính phủ viết thay. “Người Việt Nam có một cách giải thích sâu xa cho tất cả,” một người bạn giải thích. Có thể nói rằng họ là những người tán chuyện đại tài. Họ lấp đầy những quán cà phê và quán bia vỉa hè của thành phố với những tốp người sôi nổi chuyện trò luôn mồm. Trong một tràng rộn ràng những câu chuyện tiểu lâm, những câu cách ngôn, và cả chuyện tầm phào, họ mổ xẻ chính trị, phân tích tình hình thế giới, chia sẻ các công thức nấu ăn, hát hò, ngâm thơ. Lúc duy nhất tôi nghe thấy màn huyền thoại này lắng xuống là khi tôi đứng giữa đám đông đang chăm chú nhìn lên mặt Đức Mẹ Đồng trinh.

Một đêm, khi đang lững thững bước trở về Khách sạn Continental sau bữa tối, mấy người bạn và tôi nhận ra đám đông mọi khi đang đứng trước tượng Đức Mẹ. “Tôi tin chắc những gì họ thấy trên mặt bức tượng chỉ là phân chim bồ câu ấy mà,” Thắng nói. Ở Việt Nam vào mùa Thu thường có những cơn mưa dai dẳng, kéo dài cả ngày Giáng sinh. Trời cũng chợt lạnh bất thường, khiến khắp nơi trở nên ẩm ướt và u ám. Những cây mai, loại hoa

binh thường vẫn nở vào dịp Tết của người Việt Nam và tượng trưng cho sự thịnh vượng và hạnh phúc của đất nước, năm nay sẽ không nở. “Có thể là có chuyện gì đó thật,” anh thừa nhận. “Đầu tiên chúng tôi có một trận động đất ở Sài Gòn. Sau đó lại đến dịch cúm gia cầm. Giờ thì đến chuyện công nhân đình công và các quan chức chính phủ bị truy tố vì tham nhũng. Đây không phải là quãng thời gian dễ dàng gì.”

Mùa hè năm 2006, Phạm Xuân Ẩn phải hai lần vào Viện Quân y 175. Một người bạn vào thăm ông đã kể lại rằng Phạm Xuân Ẩn nói đùa về việc muốn tìm một nơi dưới địa ngục ở gần một người có duyên kể chuyện để ông còn có bạn mà trò chuyện. Đến lần vào thăm thứ hai, người bạn này nhìn thấy ông với một cái ống thông cắm thẳng vào khí quản của ông. **Tại ông không chịu thôi nói chuyện đấy mà, Ân ạ, ông bạn nói. Nên cuối cùng người ta phải làm cho ông ngậm miệng lại. Phạm Xuân Ẩn mỉm cười bằng cặp lông mày** . Đến lần thăm thứ ba, người bạn này thấy ông đã hôn mê. Vào thứ Tư, ngày 20 tháng 9, lúc 11 giờ 20 phút sáng, tức ngày 28 tháng 7 năm Bính Tuất, Phạm Xuân Ẩn qua đời ở tuổi 79. Ông được liệm vào quan tài rồi đưa về nhà để quàn trong ba ngày. Khách đến viếng chia buồn với gia đình mang theo hoa, quả, và hương. Họ đặt đồ viếng của mình lên bàn thờ. Sau đó họ chấp tay lại khấn và vái ba vái.

Đặt cạnh chiếc quan tài để mở, lồng trong khung kính và gài trên nền vải đen, là 16 tấm huân huy chương của Phạm Xuân Ẩn. Trước đó người ta cho rằng ông đã được thưởng 4 tấm huân chương Quân công, nhưng con số thực sự được tiết lộ lúc này là 14, không kể tấm huy chương ghi nhận ông là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Những tấm huân chương này được tặng thưởng cho những trận đánh và chiến dịch thắng lợi cụ thể, nhờ đóng góp về mặt chiến thuật của Phạm Xuân Ẩn. Thế giới đã biết về vai trò của Phạm Xuân Ẩn trong chiến thắng Ấp Bắc và Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, nhưng chưa biết về hai tấm huân

chương hạng Nhất khác. Một tấm được tặng thưởng năm 1970 vì đã cung cấp tin cảnh báo sớm cho cơ quan đầu não của cộng sản, giúp họ tránh bị ném bom hoặc bị bắt giữ trong vụ Richard Nixon xâm lược Campuchia. Một tấm huân chương khác xác nhận rằng Phạm Xuân Ẩn là nhân vật chủ chốt trong Chiến dịch Lam Sơn 719, khi quân lực Việt Nam Cộng hòa bị đập tan sau nỗ lực bất thành đầu tiên nhằm xâm nhập Lào và chia cắt Đường mòn Hồ Chí Minh năm 1971.

“Ngay khi nhìn thấy tất cả những tấm huân huy chương của Phạm Xuân Ẩn, chúng ta có thể biết ngay rằng ông ấy chịu trách nhiệm về một loạt những thất bại của Mỹ,” Kyle Hurst nói với tôi. “Có một sự tương ứng trực tiếp giữa những trận đánh cụ thể và mỗi tấm huân chương trong số này. Phạm Xuân Ẩn vẫn thường nói với tôi: ‘Nếu tôi kể câu chuyện của mình ra, mọi người sẽ thấy đau lòng’. Suốt một thời gian dài tôi băn khoăn. ‘Những người sẽ đau lòng là những ai?’ Sau đó tôi nhận ra, có lẽ chính là những người Mỹ đã tin tưởng ông suốt bao nhiêu năm trong khi ông lại chiến đấu chống lại họ. Đây không phải là công việc của một người đơn thuần làm công tác phân tích chiến lược. Nó là công việc của một nhà chiến thuật bậc thầy.”

Phạm Xuân Ẩn được mai táng với đầy đủ nghi thức quân đội vào ngày 23 tháng 9 năm 2006. Trong lễ tang có cả một người lính gác mặc lễ phục mang khung kính bày những tấm huân chương của ông. Theo truyền thống ở Việt Nam, một đám tang phải đi kèm với đám rước qua các đường phố, trong tiếng kèn và những phụ nữ có thai tranh nhau chạy đến sờ vào quan tài để lấy may. Phạm Xuân Ẩn hẳn sẽ thích tiếng kèn và những phụ nữ có thai, nhưng ông được đưa lên một chiếc xe tang quân sự và chở tới nhà tang lễ Bộ Quốc phòng ở Gò Vấp gần nghĩa trang Thủ Đức dành cho các anh hùng quân đội. Bức ảnh Phạm Xuân Ẩn mặc quân phục được đặt trước chiếc quan tài màu đỏ trang trí kỳ công của ông. Gia đình ông mặc áo sơ trắng đầu quấn rế. Những que hương, được chum lại thành

từng bó lớn và cắm trong những khay cát, tỏa khói nghi ngút. Tham dự lễ truy điệu có ông Võ Văn Kiệt, cựu thủ tướng Việt Nam, và một loạt tướng lĩnh, có cả Nguyễn Chí Vịnh, tổng cục trưởng Tổng cục 2 (Tinh báo Quốc phòng), người đọc bài diếu văn về tiểu sử cuộc đời Phạm Xuân Ẩn. Gọi ông là “mũi nhọn xung kích và lực lượng tấn công chủ chốt” trong tổ tình báo của mình - với mật danh là tổ H.63 - tướng Vịnh đã điểm lại những “chiến công phi thường” mà Phạm Xuân Ẩn đã lập được khi sống và hoạt động ngay giữa “lòng địch”.

Một người quan sát miêu tả khung cảnh này là “buổi họp mặt của các điệp viên quân đội. Phạm Xuân Ẩn đang được đón nhận vào ngôi đền huyền thoại của ngành tình báo quân sự”. Quá trình này đã bắt đầu từ vài tháng trước đó, khi một chiếc ti vi Sony 27 inch được chuyển tới nhà ông với một tấm biển ghi: “Những đồng đội ở Tổng cục 2 kính tặng”.

Sau lễ truy điệu tại Gò Vấp, trời bắt đầu mưa to khi Tư Cang cùng vợ và các con ông Ẩn bước theo quan tài ra khỏi nhà tang lễ. Họ bước qua một đoàn lính với lưỡi lê tuốt trần gắn trên nòng súng, và nhìn chiếc quan tài được cho vào cái lồng kính trên xe tải quân sự. Đám tang lễ lên đường tới nghĩa trang nằm dọc bên đường quốc lộ tới Biên Hòa, nơi Phạm Xuân Ẩn sẽ được mai táng bên cạnh Ba Quốc và những đồng đội khác trong ngành tình báo quốc phòng. Nơi an táng này, với khoảng 500 ngôi mộ, được bài trí như một công viên. Bên kia đường là một nghĩa trang dành riêng cho những binh sĩ Việt Nam Cộng hòa chiến đấu ở phía bên kia của cuộc chiến. Nghĩa trang của Việt Nam Cộng hòa um tùm cỏ dại, những bia mộ sứt sẹo và xiêu vẹo trên mặt đất.

Hàng chục bài báo ghi lại sự kiện Phạm Xuân Ẩn qua đời. Những người bạn của ông trong nghề báo đã không hề quên ông. Những bài viết về ông là cáo phó chính trên tờ *New York Times* và *Le Monde*, và thậm chí *Time* cũng phá vỡ nhiều năm im lặng bẽ bàng của mình để công nhận Phạm Xuân Ẩn là một phóng viên tầm cỡ. “Phạm Xuân Ẩn là một nhà báo hàng đầu... một phần là nhà nho, một phần

là tu sĩ thời Trung cổ”, như Stanley Cloud, cựu trưởng văn phòng đại diện Sài Gòn, đã viết. Cloud phủ nhận lời buộc tội rằng Phạm Xuân Ẩn đã gài thông tin sai sự thật, và khẳng định ông (Phạm Xuân Ẩn) đã “cứu chúng ta khỏi việc phản ánh những sự việc không chính xác”. Cloud viết tiếp rằng Phạm Xuân Ẩn là một người theo chủ nghĩa dân tộc, một người yêu nước, một người yêu tổ quốc và nền văn hóa của mình. Điều này không ngăn cản tình yêu ông dành cho nước Mỹ hoặc nước Pháp. Ông yêu văn học Pháp. Ông ngưỡng mộ nền văn hóa Mỹ. Nhưng trong người ông không có mâu thuẫn nào, và mối quan hệ duy nhất mà ông muốn có với bên ngoài là sự tôn trọng lẫn nhau. Đất nước Việt Nam đã đánh lui quân xâm lược suốt hàng nghìn năm qua, và trông đợi bất kỳ điều gì khác ở một người Việt Nam yêu nước thì đúng là tưởng tượng ra một con báo không có đốm^[54]. Người ta nhìn Phạm Xuân Ẩn và tưởng rằng ông không có đốm. Họ tưởng ông đứng về phe mình, và ông cũng không bao giờ nói với họ điều ngược lại, nhưng chắc chắn ông là một người Việt Nam chân chính nhất, người đặt tình yêu tổ quốc lên trên những lợi ích của bản thân. Như Cloud viết khi kết thúc bài báo của mình: “Trong chiến tranh, một đồng nghiệp của chúng tôi đã nói, ‘Tôi nghĩ Phạm Xuân Ẩn là ví dụ hoàn hảo cho những gì tốt đẹp nhất trong xã hội Việt Nam. Hồi đó tôi cũng cảm thấy như vậy. Bây giờ vẫn thế.’”

Trong một bài báo đưa tiền khác, sếp cũ của Phạm Xuân Ẩn tại *Time*, Frank McCulloch viết: “Không một lần nào trong gần ấy năm làm việc cho tôi tại văn phòng đại diện của *Time*, Phạm Xuân Ẩn lại đi xuyên tạc hoặc điều chỉnh những bài viết của mình theo hướng có lợi cho cộng sản. Điều nghịch lý là ông thực sự yêu nước Mỹ và nền dân chủ của nó, đồng thời ông cũng vô cùng ngưỡng mộ và trân trọng nền báo chí tốt đẹp trong bối cảnh nước Mỹ thời kỳ đó”. McCulloch kết thúc bài báo của mình bằng một lời nhắn gửi rằng “Tôi vẫn chào mừng anh, Ẩn ạ, như một người bạn, một nhà báo, một con người phức tạp và mâu thuẫn yêu chuộng dân chủ, một

người chồng và một người cha, và có lẽ, trên tất cả, như một người Việt Nam yêu nước, người có thể đã, hoặc có thể không, đặt cược tất cả vào nhằm con ngựa”.

Vào ngày thứ ba sau lễ mai táng của Phạm Xuân Ẩn, gia đình ông quay trở lại nghĩa trang để cúng lễ “mở cửa mả”. Mang theo hoa và đồ ăn, họ cầu nguyện cho linh hồn ông được siêu thoát. Họ còn mang theo một cái ô dựng lên để che cho ông khỏi bị nắng. Thứ cuối cùng mà họ mang theo là một chiếc thang hàng mã đặt dựa vào thành ngôi mộ để giúp linh hồn ông lên thiên đường. Tôi tưởng tượng ra Phạm Xuân Ẩn tận dụng chiếc thang này, trèo ra khỏi địa ngục càng nhanh càng tốt để tìm kiếm một thế giới tươi sáng hơn với những cuộc chuyện trò thú vị.

Ghi nhận

Vì đây là một cuốn sách về các điệp viên và nghề điệp viên, nên không phải tất cả những người đã giúp đỡ tôi đều có thể được cảm ơn một cách công khai. Các bạn có thể thử tìm cách gột lên trang sách bằng một dung dịch nước, i ốt và cồn để xem có cái tên nào hiện lên giữa những dòng chữ không. Dù có tên hay không có tên, món nợ của tôi với những người này vẫn là rất lớn.

Con mèo Cheshire^[55] nhăn nhó cười nhìn xuống cuốn sách này là Phạm Xuân Ẩn. Từ lần gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi năm 1992 ông vẫn luôn là một vị chủ nhà hào phóng, và ngay cả khi đã ra đi rồi ông vẫn có những bài học để dạy chúng ta. Tôi cũng xin tỏ lòng biết ơn tới gia đình ông, đặc biệt là vợ ông, bà Hoàng Thị Thu Nhận, và con trai trưởng của ông là Phạm Xuân Hoàng Ân, vì những khoảng thời gian tôi làm khách tại nhà ông bà và vì đã giúp đỡ tôi hoàn thành cuốn sách này.

Vì sự hỗ trợ của bà tại thành phố Hồ Chí Minh - và vì đã mời tôi tham dự rất nhiều đám cưới Việt Nam - tôi xin cảm ơn bà Dương Hạnh Dung. Ngoài ra phải kể đến sự giúp đỡ từ bà Đinh Nguyệt Hà, người đã đi cùng tôi tới đảo Côn Đảo và vẫn mỉm cười khi tôi bỏ bà ở lại vì không còn chỗ trên chuyến bay trở về.

Tôi muốn cảm ơn những thành viên trong tổ tình báo H.63 của Phạm Xuân Ẩn, những người đã chia sẻ cùng tôi những kỷ niệm hoạt động cùng nhau trong chiến tranh: các ông Mai Chí Thọ, Nguyễn Văn Tàu (tức Tư Cang), Nguyễn Xuân Mạnh (Mười Nho), các bà Nguyễn Thị Mỹ Nhung (Tám Thảo), Nguyễn Thị Mỹ Linh (Chín Chi), ông Nguyễn Văn Thương và bà Nguyễn Thị Sê.

Tôi rất cảm kích vì được mời tới Việt Nam hai lần với tư cách khách mời chính thức. Xin được cảm ơn ông Lê Thanh Hải, chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Thiện

Nhân, phó chủ tịch, vì đã mời tôi tham dự những sự kiện báo chí xoay quanh dịp kỷ niệm 30 năm kết thúc Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, và xin cảm ơn ông Bạch Ngọc Chiến cùng các đồng nghiệp của mình tại Đài Truyền hình Việt Nam đã tổ chức chuyến thăm của tôi tới Hà Nội năm 2008. Tôi cũng rất cảm kích vì sự hỗ trợ mà tôi đã nhận được trong những năm qua từ bộ phận báo chí và nhân viên lãnh sự của Đại sứ quán Việt Nam tại Washington.

Tôi mắc nợ những tác giả và nhà báo Việt Nam đã viết về Phạm Xuân Ẩn, một số người trong đó đã hào phóng chia sẻ với tôi những ghi chép của họ cùng những tư liệu khác. Trong đó phải kể đến các ông Hoàng Hải Vân và Tấn Tú; bà Nguyễn Thị Ngọc Hải; và các ông Trường Giang, Việt Hà, và Thế Vĩnh. Một đồng nghiệp khác mà tôi xin được cảm kích ghi nhận là đạo diễn phim Lê Phong Lan.

Xin gửi lời cảm ơn tới những người bạn đã đi cùng tôi suốt những năm qua, tôi luôn sung sướng được dành thời gian bên Phương Thảo và Ngọc Lễ, Trần Văn Hồng (Việt), Lê Lý Hayslip, Henry Nguyễn Bảo Hoàng, Thuyên Nguyễn, và Dư Thị Thanh Nga (Tiana). Tôi xin cảm ơn bằng mực vô hình một người bạn khác xin được giấu tên. “Chữ tài liền với chữ tai một vần.”

Tôi mắc nợ rất lớn với người phiên dịch đầy năng lực của mình là Thủy Dương Nach, người còn là một đầu bếp đại tài, và chồng bà là Jim Nach, người chia sẻ cùng tôi những kiến thức của ông về Việt Nam. Tôi rất biết ơn sự giúp đỡ của những học giả và chuyên gia khác, gồm có James Fisher, Christopher Goscha, François

Guillemot, Tom Heenan, Gerald Hickey, Joyce Hoffman, Hy Văn Lương, Maurice Isserman, Loch Johnson, Wayne Karlin, Stanley Kutler, Jack Langguth, Jonathan

Nashel, Ngô Vĩnh Long, John Prados, Andrew Rotter, Nicolas Roussellier, Keith Taylor, Tim Weiner, Hugh Wilford, và Peter Zinoman.

Những nhà báo và nhà văn đã chia sẻ cùng tôi những kỷ niệm làm việc tại Việt Nam trong chiến tranh gồm Peter Arnett, Robert Sam Anson, Kevin Buckley, Stanley Cloud, Robert Olen Butler, Nayan Chanda, Gloria Emerson, George Esper, Frances FitzGerald, Zalin Grant, David Greenway, David Halberstam, Barry Hillenbrand, Richard Hornik, Henry Kamm, Stanley Karnow, Jonathan Larsen, John Laurence, Don Luce, Frank McCulloch, Richard Pyle, Jon Randal, Peter Ross Range, Roy Rowan, Morley Safer, Peter Shaplen, Neil Sheehan, Frank Snepp, Germaine Loc Swanson, Dick Swanson, và Nick Turner.

Những đồng nghiệp khác cũng đã giúp đỡ tôi hoàn thành cuốn sách này gồm Daniel Ellsberg, Philippe Franchini, Earl Gustkey, Chris Hedges, Ellida Maki, Nguyễn Ngọc Bích, Rick Perlstein, Rufus Phillips, Doug Ramsey, Peter Scheid, Trần Tử Thanh, **Bùi Tín**, Seymour Topping, Tom Vallely, và Sesto Vecchi. Ba nhà làm phim đã hào phóng chia sẻ với tôi bản ghi nội dung phỏng vấn và các tư liệu khác: David Felsen ở NBC, Thomas Herman, nhà sản xuất bộ phim *Shoot the Messenger*, và Alain Taieb ở Paris.

Tôi rất biết ơn vì sự giúp đỡ của rất nhiều nhân viên lưu trữ và thư viện, gồm có Bill Hooper ở Time Inc., Evan Hocker ở Trung tâm Lịch sử Hoa Kỳ thuộc Đại học Texas ở Austin, Alan Messmer ở tờ *Christian Science Monitor*; Harry Miller và Heather Richmond ở Hội Sử học Wisconsin, Carl Morgan ở Đại học Orange Coast College, Stephen Plotkin tại Thư viện Tổng thống John F. Kennedy; Dan Reasor ở *International Herald Tribune*, và Margie D'Aprix, Glynis Asu, Rebecca Hewitt, Reid Larson, Lynn Mayo, Joan Wolek, Sharon Britton, và Kristin Strohmeyer tại Thư viện Burke thuộc Đại học Hamilton College.

Tôi xin cảm ơn Jeffrey Ward đã giúp tôi vẽ bản đồ; Jim Nachtwey và Quý Richard Avedon vì đã cho phép tôi sử dụng những bức ảnh của họ; Henri Bovet, giám đốc biên tập tại Editions Tallandier ở Paris; và những biên tập viên rất năng lực của tôi tại NXB Public

Affairs ở New York, Clive Priddle và Morgen Van Vorst. Hành trình từ bản thảo đến sách xuất bản được sự chỉ đạo tuyệt vời của Peter Garceau, Lindsay Goodman, Lisa Kaufman, Whitney Peeling, Melissa Raymond, Chirona Schmidt, Meredith Smith, và Susan Weinberg.

Tôi nợ một lời cảm ơn đặc biệt tới những độc giả đã đọc và nhận xét về những bản nháp đầu tiên của bản thảo: Frank Anechiarico, Tom Cohen, Alex Kodat, Mary Mackay, và Jim cùng Thủy Nach. Những biên tập viên đầy cảm hứng của tôi tại *The New Yorker*, John Bennet và David Remnick, đã cho đăng một phần phiên bản ban đầu của câu chuyện này tháng 5 năm 2005.

Tôi rất may mắn có hai người đại lý văn học thực sự có văn học: Michael Carlisle tại New York và Michelle Lapautre ở Paris. Tôi vô cùng biết ơn về sự hỗ trợ tài chính từ Quỹ Nghề Báo viết Điều tra, Quỹ Nghiên cứu thuộc Đại học tiểu bang New York, và Hiệu trưởng trường Nghệ thuật và Khoa học thuộc Đại học Albany.

Gia đình yêu thương của tôi đã luôn vô cùng kiên nhẫn và ủng hộ. Tôi được tiếp thêm sức mạnh từ nguồn cổ vũ và những ý tưởng tuyệt vời của họ. Bên cạnh việc cảm ơn vợ mình Bonnie và con gái Maude, tôi xin dành tặng cuốn sách này cho hai con trai tôi Tristan và Julian, những người đang lớn lên trong một thế giới cách xa nhưng có lẽ cũng không hề khác với thế giới được miêu tả trong cuốn sách này.

Chú thích

ĐÔI LỜI CẢNH BÁO VỀ ĐIỆP VIÊN Z.21

- Trang 17 - “498 báo cáo tin tình báo”: Số báo cáo tin tình báo của Phạm Xuân Ẩn được tiết lộ trong loạt bài báo nhiều kỳ của các tác giả Trường Giang, Việt Hà, và Thế Vĩnh, bắt đầu được đăng trên ViệtNamNet ngày 17 tháng 8 năm 2007.

- Trang 22 - “tiểu sử chính thức”: Xem Larry Berman, *Perfect Spy: The Incredible Double Life of Pham Xuan An, Time Magazine Reporter and Vietnamese Communist Agent* (Điệp viên hoàn hảo: Cuộc đời hai mặt không thể tưởng tượng nổi của Phạm Xuân Ẩn, phóng viên tạp chí *Time* và điệp viên cộng sản Việt Nam) (New York: Smithsonian Books, 2007).

- Trang 24 - “thất bại quân sự thê thảm của Quân lực Việt Nam Cộng hòa”: Như Kyle Hurst nhận xét trong bài tham luận tại Trung tâm Việt Nam (Vietnam Center)^[56], có một mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa ý nghĩa những chiến công của Phạm Xuân Ẩn và khoảng thời gian ông dành cho việc nói về chúng. “Điều Phạm Xuân Ẩn không nhắc đến trong hàng trăm tiếng đồng hồ thảo luận chi tiết với nhiều nhà văn viết tiểu sử phương Tây là hai tấm Huân chương Chiến công hạng Nhất mà ông giành được, đây là loại Huân chương Chiến công hạng cao nhất, chỉ dành cho những chiến công đặc biệt mang tầm quan trọng quốc gia. Không tấm huân chương nào được tặng thưởng cho công tác phân tích hoặc tình báo chiến lược, và chúng khẳng định rằng những đóng góp lớn nhất của Phạm Xuân Ẩn cho lý tưởng không phải là phân tích hoặc báo cáo mà những công trạng trên cương vị điệp viên tình báo chiến thuật, một người đã thu thập được những tin tức cụ thể về các chiến dịch quân sự sắp diễn ra, và theo lời ghi trong quyết định chính thức về việc phong tặng ông danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tháng 1

năm 1976, ‘vì đã cung cấp kịp thời’ nhiều thông tin ‘đặc biệt có giá trị.’” Kyle Hurst, “Imagining Vietnam: Misunderstanding Phạm Xuân Ẩn” (Hình dung Việt Nam: Ngộ nhận về Phạm Xuân Ẩn) (bài phát biểu trình bày tại Trung Tâm Việt Nam, Hội thảo Việt Nam ba năm một lần lần thứ 6, Lubbock, Texas, ngày 13 tháng 3 năm 2008).

CUỘC THỬ LỬA ĐẦU TIÊN

- Trang 48 - “tỷ lệ tử vong hằng năm cao hơn 20%”: Xem Ngô Vĩnh Long, *Before the Revolution: The Vietnamese Peasants Under the French* (Trước cách mạng: Nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc) (New York: Columbia University Press, 1991), trang 113.

- Trang 65 - “Cái mà ngày nay chúng ta gọi là Sài Gòn...”: Xem William L. Cassidy, *Southern Vietnam’s Criminal Traditions* (Truyền thống tội phạm ở miền

Nam Việt Nam) (Washington, D. C., International Association of Asian Crime Investigators, 1991), trang 8.

CÔNG VIỆC CỦA BẦY CHÓ SĂN

- Trang 84 - “Những trang nhật ký do Jack và Bobby Kennedy viết”: Xin cảm ơn Thư viện Kennedy tại Boston, Massachusetts, vì đã cho phép tiếp cận nhật ký và những giấy tờ cá nhân khác của John F. Kennedy và Robert F. Kennedy.

- Trang 118 - “Đông Dương trở thành một bàn cờ khổng lồ”: Xem Alfred W. McCoy, *The Politics of Heroin: CIA Complicity in the Global Drug Trade* (Nền chính trị bạch phiện: Sự đồng lõa của CIA trong hoạt động buôn bán ma túy toàn cầu) (Chicago: Chicago Review Press, 1991), trang 132.

- Trang 119 - “Lợi nhuận từ hoạt động này”: Kinh phí cho hoạt động cai trị thuộc địa của mình từ tiền bán thuốc phiện là việc bình thường ở Đông Dương. Đầu thế kỷ 20, 25% tổng ngân sách của thuộc địa đến từ tiền bán thuốc phiện. Ở đỉnh cao năm 1918, con số này lên đến 42%. Chantal Descours-Gatin, *Quand l’opium finançait la colonisation en Indochine* (Khi thuốc phiện là nguồn tiền cho việc

thuộc địa hóa ở Đông Dương) (Paris: l'Harmattan, 1992), các trang 222-225; Phillippe Le Failler, "Le mouvement international anti-opium et l'Indochine (Phong trào quốc tế chống thuốc phiện và Đông Dương) (1906-1940)," Luận văn tiến sĩ, Institut d'Histoire des Pays d'Outre-Mer, Université de Provence (Học viện lịch sử các xứ hải ngoại Pháp, Đại học Provence) - Aix-Marseille I, 1993; và Jean Michaud, "The Montagnards and the State in Northern Vietnam from 1802 to 1975: A Historical Overview" (Người miền núi và Nhà nước ở Bắc Việt Nam từ 1802 đến 1975: Tổng quan lịch sử). *Ethnohistory* 47, số 2 (2000): 345.

GHÉP NẪO

- Trang 124 - "Lansdale viết trong cuốn tự truyện của mình": Những công trình viết về hoạt động tình báo của Edward Lansdale rất không đáng tin cậy, trong đó không đáng tin cậy nhất chính là tự truyện của ông ta. Xem Edward Lansdale, *In the Midst of Wars: An American's Mission to Southeast Asia* (Giữa các cuộc chiến: Một phái bộ Mỹ tại Đông Nam Á) (1972, New York: Fordham University Press, 1991); và Cecil B. Currey, *Edward Lansdale: The Unquiet American* (Edward Lansdale: một người Mỹ không trầm lặng) (Boston: Houghton Mifflin, 1988). Đọc thêm Richard Drinnon, *Facing West: The Metaphysics of Indian-Hating and Empire*

Building (Đối mặt với miền Tây: chuyện siêu hình về nỗi hận thù thổ dân da đỏ và công cuộc kiến thiết đế chế) (Minneapolis: Minnesota University Press, 1980); và Jonathan Nashel, *Edward Lansdale's Cold War* (Chiến tranh lạnh của Edward Lansdale) (Amherst: University of Massachusetts Press, 2005).

- Trang 127 - "Daniel Ellsberg công bố Tài liệu Lầu Năm Góc": *The History of United States Decisionmaking on Vietnam* (Lịch sử quá trình ra quyết định của Mỹ về Việt Nam), một nghiên cứu 47 tập, 7.000 từ về sự dính dáng của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam từ 1945 đến 1968, chưa bao giờ được xuất bản trọn vẹn. Tờ *New York Times* đã gấp gáp đưa một số tài liệu chọn lọc vào xuất bản năm 1971. Tiếp

sau đó là ấn bản 5 tập của Thượng nghị sĩ Gravel và ấn bản 12 tập của Cục In ấn Chính phủ Mỹ, trong đó đã bị cắt bỏ rất nhiều.

Bốn tập cuối cùng của Tài liệu Lầu Năm Góc, thường gọi là những tập tài liệu ngoại giao, kể về những cuộc đàm phán của Mỹ nhằm kết thúc chiến tranh, được công bố một phần năm 1983 và sau đó công bố toàn bộ năm 2002 theo đòi hỏi của Đạo luật Tự do Thông tin (FOIA). Mặc dù hiện nay những tập tài liệu ngoại giao mật của Tài liệu Lầu Năm Góc đã được công bố công khai, bộ 43 tập ban đầu do Ellsberg đưa ra - chỉ tồn tại dưới dạng những phiên bản cắt gọt hoặc từng phần - chưa bao giờ được Chính phủ Mỹ công bố.

Xem Neil Sheehan, Hedrick Smith, E. W. Kenworthy và Fox Butterfield biên tập, *The Pentagon Papers* (Tài liệu Lầu Năm Góc) (New York: Quadrangle, 1971); *The Pentagon Papers: The Defense Department History of United States Decisionmaking on Vietnam* (Tài liệu Lầu Năm Góc: Lịch sử quá trình ra quyết định của Bộ Quốc phòng Mỹ về Việt Nam), bản của Thượng nghị sĩ Gravel, 5 tập. (Boston: Beacon, 1971); và *United States-Vietnam Relations, 1945-1967* (Quan hệ Mỹ-Việt Nam, 1945-1967), nghiên cứu của Bộ Quốc phòng Mỹ, 12 tập.

(Washington, D.C.: U.S. Government Printing Office, 1971). Để tham khảo các quan điểm về quyết định của Ellsberg trong việc công bố những Tài liệu Lầu Năm Góc và lịch sử phát hành của chúng, xem Daniel Ellsberg, *Secrets: A Memoir of Vietnam and the Pentagon Papers* (Những bí mật: Một hồi ức về Việt Nam và Tài liệu Lầu Năm Góc) (New York: Viking, 2002); và bản của John Prados và Margaret Pratt Porter, *Inside the Pentagon Papers* (Bên trong Tài liệu Lầu Năm Góc) (Lawrence: University Press of Kansas, 2004).

- Trang 130 - “Chắc chắn đối phương phải có người làm tay trong”: Xem Sedgwick Tourison, *Project Alpha: Washington's Secret Military Operations in North Vietnam* (Dự án Alpha: Những hoạt động quân sự bí mật của Washington tại miền Bắc Việt Nam) (New York: St. Martin's, 1997), trang 12.

- Trang 131 - “đặt Việt Nam lên bản đồ thế giới mới”: Xem James Fisher, *Dr. America: The Lives of Thomas A. Dooley, 1927-1961* (Bác sĩ Mỹ: Những cuộc đời của Thomas A. Dooley, 1927-1961) (Amherst: University of Massachusetts Press, 1997), trang 35.

- Trang 135 - “những trận đánh do Lansdale viết kịch bản”: Xem L. Fletcher Prouty, *The Secret Team: The CIA and Its Allies in Control of the United States and the World* (Đội bí mật: CIA và những đồng minh của nó trong việc kiểm soát nước Mỹ và thế giới) (Costa Mesa, CA: Institute for Historical Review, 1973), trang 12; và *JFK: The CIA, Vietnam, and the Plot to Assassinate John F. Kennedy* (JFK: CIA, Việt Nam, và âm mưu ám sát John F. Kennedy) (New York: Citadel, 1996), trang 65.

- Trang 142 - “ba Lansdale”: Xem Zalin Grant, *Facing the Phoenix* (Đối mặt với [chiến dịch] Phượng hoàng) (New York: Norton, 1991), trang 98.

- Trang 145 - “bằng siêu khủng bố”: Xem Prouty, *JFK*, trang 60. Xem thêm A. J. Langguth, *Our Vietnam: The War, 1954-1975* (Việt Nam của chúng ta: Chiến tranh, 1954-1975) (New York: Simon & Schuster, 2000), trang 93.

- Trang 146 - “không cho phép Mankiewicz làm phim tại Việt Nam”: Xem Fisher, *Dr. America*, trang 157-158.

- Trang 147 - “cuối cùng tiết lộ rằng hoàn toàn là do cộng sản gây ra”: Thư của Edward Lansdale gửi Joseph Mankiewicz, ngày 17 tháng 3 năm 1956, được chép lại trong *Người Mỹ trầm lặng* của Graham Greene, Viking Critical Edition, biên tập: John Clark Pratt (New York: Penguin, 1996), trang 301.

- Trang 149 - “Tôi sẽ không đời nào chọn đại tá Lansdale”: Xem Greene, *Người Mỹ trầm lặng*, trang 319.

- Trang 153 - “Chính phủ Nam Việt Nam chỉ tồn tại trên danh nghĩa”: Xem Christian Appy, *Patriots: The Vietnam War Remembered*

from All Sides (Những người yêu nước: Chiến tranh Việt Nam theo hồi tưởng từ tất cả các bên) (New York: Viking, 2002), trang 51.

[TRÒ] LỢI DỤNG LÒNG TIN

- Trang 216 - “bị ám sát tại Dallas, Texas”: Những người theo thuyết âm mưu thấy nghi ngờ về mối liên hệ giữa hai vụ ám sát Ngô Đình Diệm và John F. Kennedy nên tham khảo những tác phẩm của trợ lý cũ của Lansdale là L. Fletcher Prouty, nhất là cuốn sách *JFK: The CIA, Vietnam and the Plot to Assassinate John F. Kennedy*. Những mối liên hệ kỳ lạ khác giữa hai sự kiện cũng được đề cập trong *The Tears of Autumn* (Nước mắt mùa thu), một tiểu thuyết của cựu điệp viên về sau trở thành nhà văn, Charles McCarry.

NHỮNG NGUỒN TIN ĐÁNG TIN CẬY

- Trang 230 - “tôi vô cùng cảm phẫn tên phản bội này”: Xem Hoàng Hải Vân và Tấn Tú, *Pham Xuan An: A General of the Secret Service* (Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới, 2003), tiếng Anh, trang 97.

- Trang 240 - “Harriman đề nghị Shaplen liên lạc với Bắc Việt Nam”: Xem Tom Heenan, *From Traveller to Traitor: The Life of Wilfred Burchett* (Từ người lữ hành đến kẻ phản bội: Cuộc đời của Wilfred Burchett) (Melbourne: Melbourne University Press, 2006), trang 204.

- Trang 242 - “nhà báo Việt Nam làm việc chăm chỉ và được kính trọng nhất”: Xem Robert Shaplen, “Chúng tôi luôn sống sót,” báo *The New Yorker*, ngày 15 tháng 4 năm 1972. Được in lại trong *Reporting Vietnam* (Làm báo về Việt Nam), phần 2 (New York: Thư viện Mỹ, 1998), trang 281 đến 334.

- Trang 243 - “Phạm Xuân Ân giải thích với một phóng viên của tờ *Le Monde*”: Xem Jean-Claude Pomonti, *Un Vietnamien bien tranquille: L'extraordinaire histoire de l'espion qui défia l'Amérique* (Một người Việt Nam trầm lặng: Câu chuyện lạ kỳ về một điệp viên đã thách thức nước Mỹ) (Paris: Editions des Equateurs, 2006), trang 72.

- Trang 246 - “chắc chắn là một trong những người thạo tin nhất trong thành phố”: Xem Robert Shaplen, *Bitter Victory* (Chiến thắng

cay đắng) (New York: Harper & Row, 1986), trang 11.

TỘI ÁC HOÀN HẢO

- Trang 290 - “trường hợp được biết đến đầu tiên về một điệp viên cộng sản”: Xem Zalin Grant, *Facing the Phoenix: The CIA and the Political Defeat of the United States in Vietnam* (Đối mặt với [chiến dịch] Phượng hoàng: CIA và thất bại chính trị của Mỹ tại Việt Nam) (New York: Norton, 1991), trang 256.

- Trang 293 - “mối quan hệ giữa *Time* và CIA khăng khít đến nỗi”: Xem Hugh Wilford, *The Mighty Wurlitzer: How the CIA Played America* (Cây đàn Wurlitzer hùng mạnh: CIA thao túng nước Mỹ như thế nào) (Cambridge: Harvard University Press, 2008), trang 232.

- Trang 293 - “hơn 400 nhà báo Mỹ”: Xem Carl Bernstein, “The CIA and the Media” (“CIA và giới truyền thông”), *Rolling Stone*, ngày 20 tháng 10 năm 1977, trang 55-67.

- Trang 295 - “Ồ, có chứ, lúc nào chẳng thế”: Do Daniel Brandt trích dẫn trong “Journalism and the CIA: The Mighty Wurlitzer” (“Nghề báo và CIA: cây đàn Wurlitzer hùng mạnh”), NameBaseNewsLine, tháng 4 - tháng 6 năm 1997.

TẾT

- Trang 300 - “Westmoreland điện cho Wheeler”: Trích dẫn theo Larry Berman trong “Tổng tấn công Tết Mậu Thân”, trong Andrew J. Rotter, biên tập, *Light at the End of the Tunnel: A Vietnam War Anthology* (Ánh sáng cuối đường hầm: Hợp tuyển về chiến tranh Việt Nam), tái bản có sửa chữa. (Wilmington, DE: Scholarly Resources, 1999), trang 111. - Trang 305 - “được đưa ra Hà Nội trưng bày trong bảo tàng tình báo quân sự”: Báo cáo duy nhất của Phạm Xuân Ẩn được công bố là một bản thông báo ông gửi cho cấp trên miêu tả chiếc xe Renault 4CV của mình, trước khi nó được đưa lên một chiếc xe tải và chở ra Hà Nội để trưng bày tại bảo tàng tình báo quốc phòng. Sử dụng bí danh của mình là Hai Trung, Phạm Xuân

Ấn trình bày việc ông mua chiếc xe như thế nào vì trông nó giống loại taxi được lái khi đó tại Sài Gòn. Nó là chiếc xe rất tốt trong việc tránh sự chú ý quá mức từ “lực lượng an ninh đối phương,” ông viết.

MỘT ĐẤT NƯỚC DO SALVADOR DALI TẠO RA

- Trang 335 - “Phạm Xuân Ấn bị đẩy vào chế độ đóng băng về chính trị”: Năm 2008, tôi tới Việt Nam và Pháp, cố gắng tìm hiểu Phạm Xuân Ấn đã làm gì trên cương vị một sĩ quan quân đội tại ngũ và một cán bộ tình báo từ khi chiến tranh kết thúc năm 1975 cho đến khi ông qua đời năm 2006. Các ý kiến rất chia rẽ, giữa một quan điểm chính thống, được đưa ra tại Hà Nội, và một quan điểm ngờ vực hơn do những bạn bè của Phạm Xuân Ấn ở Sài Gòn và bên ngoài Việt Nam đưa ra.

Những quan chức ở Hà Nội nói với tôi rằng những nhà văn phương Tây hiểu nhầm về vị trí của Phạm Xuân Ấn. Ông đảm nhiệm những nhiệm vụ mới sau năm 1975 và phải tránh công khai lộ diện giống như tất cả các quan chức cấp cao khác của đất nước. Sự giám sát đối với ông là thủ tục hoạt động hoàn toàn bình thường đối với một sĩ quan tình báo với yêu cầu bảo đảm an ninh. Ngoài giai đoạn tại ngũ năm 1945, Phạm Xuân Ấn chưa bao giờ mặc quân phục hay chào các sĩ quan chỉ huy. Có thể ông đã lấy làm rầy rà khi phải bắt đầu lại việc này năm 1978, nhưng việc ông được cử đi học tại Học viện Chính trị Nguyễn Ái Quốc ở Hà Nội là một vinh dự sánh với việc nhập học một năm tại Đại học Chiến tranh của Lục quân Mỹ hoặc Saint-Cyr^[57]. Nó là dấu hiệu cho thấy Phạm Xuân Ấn đang được cất nhắc lên hàng ngũ sĩ quan cấp tướng.

Những người Việt Nam đưa ra lập luận này muốn nói rằng Phạm Xuân Ấn đã khoác vỏ bọc *thứ hai*, sau khi vỏ bọc của ông bị lộ năm 1975 - bộ mặt mà ông đưa ra với các vị khách phương Tây như một đảng viên cộng sản ngẫu nhiên, người vẫn trước sau như một dành trọn tình yêu cho phương Tây. Phạm Xuân Ấn quên không đề cập

với những vị khách này rằng ông vẫn là một cán bộ tình báo đang hoạt động và là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, và dường như không một ai trong những người bạn của ông gặng hỏi quá sâu về việc chính xác thì ông đang làm gì trong 30 năm cuối cùng của sự nghiệp tình báo của mình.

Quan điểm trái ngược được đưa một cách mạnh mẽ nhất từ người bạn và nhà báo đồng nghiệp của Phạm Xuân Ẩn là Bùi Tín. Bản thân ông cũng là một đại tá và quan chức cao cấp trong Đảng cho đến khi ông trốn sang Pháp năm 1990. Trong thời gian một năm Phạm Xuân Ẩn học tại Học viện Chính trị

Quốc gia Nguyễn Ái Quốc, những ngày Chủ nhật ông thường tới nhà Bùi Tín ở Hà Nội ăn trưa, chợp mắt, và phàn nàn về chương trình học cứng nhắc về mặt chính trị và nặng tính tuyên truyền cộng sản, theo lời kể của Bùi Tín.

Theo Bùi Tín, việc quân đội thăng quân hàm cho Phạm Xuân Ẩn vừa chậm vừa miễn cưỡng. (Ngay cả ngày thăng quân hàm cũng là một vấn đề tranh cãi.) Bùi Tín nói rằng, từ năm 1945 đến 1947, Phạm Xuân Ẩn đã chỉ huy một tiểu đoàn chiến đấu chống Pháp ở miền Nam. Đến năm 1955 ông giữ một chức vụ trong hàng ngũ cộng sản tương đương với một thiếu tá. Ông vẫn giữ nguyên cấp bậc này trong suốt hai mươi năm sau đó, trong khi hoạt động trên cương vị điệp viên xuất sắc nhất của Việt Nam. Theo Bùi Tín, Phạm Xuân

Ẩn được thăng quân hàm lên cấp trung tá năm 1976, cùng năm ông được phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân. “Đây là một sự xúc phạm lớn,” Bùi Tín nói. “Khi chiến tranh kết thúc rất nhiều người được thăng vài bậc, lên thẳng cấp cao. Lẽ ra họ phải phong ngay cho Phạm Xuân Ẩn quân hàm đại tá.”

“Những người cộng sản nghi ngờ ông ấy,” Bùi Tín nói. “Ông ấy nuôi chó – một thú chơi tư sản – và ông ấy có quá nhiều bạn bè phương Tây. Họ ngăn ông ấy ra nước ngoài và tiếp khách, rồi họ đặt ông ấy vào chế độ theo dõi nghiêm ngặt.” Ngay cả sau khi những biện pháp giám sát này được nói lỏng trong những năm 1990, Phạm Xuân Ẩn vẫn không thể tiếp khách mà không được phép, và ông phải viết báo cáo về những cuộc trò chuyện của mình. Năm 1980, tiếp sau cái năm ông được đi bồi dưỡng giác ngộ

chính trị, Phạm Xuân Ẩn được phong lên quân hàm thượng tá. Mãi đến năm 1982 ông mới lên quân hàm đại tá. Sau đó đến năm 1990, ở tuổi sáu mươi ba, ông được phong quân hàm thiếu tướng.

- Trang 338 - “tôi phải giết hẳn”: Xem Grant, *Facing the Phoenix*, trang 257.

- Trang 344 - “đủ an toàn để có thể tiếp cận và viết một cuốn tiểu sử”: Xem Nguyễn Thị Ngọc Hải, *Phạm Xuân Ẩn: Tên người như cuộc đời* (Hà Nội: Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2002).

- Trang 347 - “khóa học ngắn về lịch sử Việt Nam”: Xem Trương Như Tảng, *A Vietcong Memoir* (Hồi ức của một Việt Cộng), do David Chanoff và Đoàn Văn Toại dịch (New York: Harcourt Brace Jovanovich, 1985), trang 15.

MỘT THẾ GIỚI TƯƠI SÁNG HƠN

- Trang 382 - “16 tấm huân huy chương của Phạm Xuân Ẩn”: Phải mãi đến khi chúng được trưng bày bên chiếc quan tài để mở của Phạm Xuân Ẩn, người ta mới biết rằng Phạm Xuân Ẩn đã nhận được 16 tấm huân huy chương của quân đội, chứ không phải chỉ có 4, như những người viết tiểu sử của ông đưa ra trước đó. Trong đó có các Huân chương Quân công và Huân chương Chiến công. Mỗi loại huân chương lại được phong tặng ở cả ba hạng. Huân chương hạng Nhất ghi nhận những đóng góp to lớn đối với đất nước. Huân chương hạng Nhì được trao cho những đóng góp đối với một bộ hoặc cơ quan cụ thể. Trong trường hợp của Phạm Xuân Ẩn, đây có thể là đối với tình báo quốc phòng (Tổng cục II) hoặc Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Huân chương hạng Ba ghi nhận những công lao ở cấp độ địa phương, khen thưởng chung chung, hoặc có đóng góp với một đơn vị quân đội nhất định. Đối với Phạm Xuân Ẩn, đây có thể là đối với Trung ương Cục miền Nam, tổ tình báo quân sự H.63, hoặc một đơn vị quân đội nào đó.

Như chúng ta đã biết qua bài điều văn chính thức được đọc tại lễ truy điệu của ông, Phạm Xuân Ẩn được tặng thưởng hai Huân

chương Chiến công hạng Nhất.

Ông nhận được những tấm huân chương này vì đã cảnh báo trước cho Trung ương Cục miền Nam về cuộc xâm lược Campuchia của Richard Nixon năm 1970, nhờ đó giúp các chỉ huy quân sự của cộng sản không bị ném bom hoặc bắt giữ, và vì đã lấy được kế hoạch tác chiến của Chiến dịch Lam Sơn 719. Nỗ lực này của Quân lực Việt Nam Cộng hòa nhằm xâm nhập Lào và cắt đứt Đường mòn Hồ Chí Minh đã trở thành một thất bại quân sự nặng nề cho phe miền Nam năm 1971. Những tấm Huân chương Hạng nhất của Phạm Xuân Ẩn ghi nhận những thành tích quan trọng về tin tức tình báo chiến thuật. Chúng mâu thuẫn với câu chuyện của ông - vô bọc chính của ông - rằng ông chỉ làm tình báo chiến lược, những báo cáo tin tình báo sau hành động, và lên kế hoạch lâu dài.

Phạm Xuân Ẩn giành được tấm huân chương đầu tiên trong những năm 1950 vì tham gia chống Pháp sau khi ký Hiệp định Geneva. Tiếp sau thỏa thuận ngừng bắn năm 1954, đánh dấu sự kết thúc của Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, là những bước chuẩn bị cho Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai trong tương lai. Vào thời điểm đó, Phạm Xuân Ẩn đang làm việc cho Phòng Chiến tranh tâm lý của Bộ Tổng tham mưu quân đội miền Nam Việt Nam mới thành lập. Đây là một tấm Huân chương Chiến thắng hạng Ba [\[58\]](#).

Tấm huân chương thứ hai được tặng thưởng cho ông trong trận Ấp Bắc năm 1963. Việc lực lượng cộng sản có thể giăng bẫy và gây tổn thất nặng nề cho lực lượng của Việt Nam Cộng hòa vốn được trang bị tốt hơn đã giúp cho Phạm Xuân Ẩn nhận được một Huân chương Chiến công hạng Nhì.

Phạm Xuân Ẩn còn được tặng thưởng một tấm Huân chương Chiến công hạng

Nhì khác, vì thành tích tương tự trong năm 1966. Đó là cho thành tích lấy được kế hoạch tác chiến và những tin tình báo chiến thuật

khác cho trận Ia Đrăng. Trận giao chiến này trong tháng 11 năm 1965 đánh dấu trận đánh lớn đầu tiên trong giai đoạn Mỹ tham chiến. Ba trăm lính năm lính, chủ yếu thuộc Sư đoàn 7 kỵ binh của Mỹ - cũng chính là đơn vị đã bị thảm sát trong trận Little Big Horn^[59] - thiệt mạng sau bốn ngày giao tranh tại Tây Nguyên gần biên giới với Campuchia.

Phạm Xuân Ân còn được trao ba tấm Huân chương Chiến công hạng Ba khác, vì đã cảnh báo sớm về kế hoạch Mỹ tăng hiện diện quân sự trong năm 1965, vì có thành tích trong dịp Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968; và vì đã cung cấp những tài liệu mật chi tiết về kế hoạch sử dụng B-52 tấn công Hà Nội trong dịp Giáng Sinh năm 1972. Có nguồn cho rằng ba chiến công này là lý do chính kiến Phạm Xuân Ân được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1976. Danh hiệu này, danh hiệu cao quý nhất của Việt Nam, được dành cho “những đóng góp đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu.” Nó tương đương với Bắc đẩu Bội tinh của Pháp và Huân chương Danh dự (Medal of Honor) của Mỹ.

Vì những tin tức tình báo trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, trận đánh cuối cùng trong cuộc chiến, những báo cáo “hậu hành quân” cùng những thành tích không được công bố khác - có lẽ vẫn còn được tiếp tục cho đến khi ông qua đời năm 2006 - Phạm Xuân Ân lần lượt nhận được thêm sáu tấm huân huy chương khác trong những năm sau 1975. Số này gồm có một Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, và ba Huân chương Chiến sĩ Giải phóng, đủ cả ba hạng nhất, nhì, ba. Thứ cuối cùng được trưng bày tại đám tang của Phạm Xuân Ân là huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.

- Trang 385 - “Hàng chục bài báo ghi lại sự kiện Phạm Xuân Ân qua đời”: Sự kiện Phạm Xuân Ân qua đời cũng làm dấy lên sự phản bác đối với những sai lệch về ông và về tổ quốc của ông. Quá trình này đã bắt đầu từ trước khi ông qua đời. Hầu hết những tuyên bố

trên mạng Internet mà người ta trích dẫn Phạm Xuân Ẩn chỉ trích chính phủ cộng sản Việt Nam đều là giả. Ví dụ như khi lần theo những nguồn nguyên bản, bài phỏng vấn của Morley Safer với Phạm Xuân Ẩn, được đăng trên *Tạp chí New York Times* và sau đó trong cuốn sách *Flashbacks* của ông này, người ta phát hiện ra rằng những nhận xét của Safer đã bị quy nhằm cho Phạm Xuân Ẩn.

Abu Ghraib, nhà tù 237, 369, 371

Adams, Eddie 237, 355

Algeria 98, 114, 120

Anson, Robert Sam 285, 289, 290, 341, 390

Arnett, Peter 338

Associated Press 293, 321, 338

Avedon, Richard 249-250, 252, 393

Ẩn, Phạm Xuân. *Xem* Phạm Xuân Ẩn

Ấp Bắc, trận 212-215, 296, 326, 383, 406 ấp chiến lược 117, 151, 190-192, 203, 287 bạch phiến (heroin) 119-120. *Xem thêm* ma túy Ba Quốc (Đặng Trần Đức) 263, 268, 352, 385 Bảo Đại 86, 132-134, 136

Bảy Viễn (Lê Văn Viễn) 133-135, 180, 196

Béhaine, Pigneau de (Bá Đa Lộc) 336, 363, 364

Belleux, Maurice 118-120

Bến Tre, tỉnh 98, 190, 354 Biên Hòa 34, 49, 381, 385

Bình Xuyên, lực lượng 64, 66, 67, 119, 133-135, 138, 147

Boudarel, Georges 84

Bộ Quốc phòng Mỹ (DOD) 145, 389

Bộ Ngoại giao Mỹ 145, 232

Bộ Ngoại giao Việt Nam 339, 359

Brandes, Mills C. 96, 151-153, 165, 180, 341

Bùi Tín 375

Burchett, Wilfred 240
Burrows, Larry 284
Cách mạng Pháp 41, 61
Cách mạng Tháng Tám 70
Calley, William 250, 319. Xem thêm Vụ thảm sát Mỹ Lai
Campuchia 18, 24, 37, 49, 88, 89, 157, 231, 246, 263-265, 270, 274, 286, 287, 289, 302, 314, 316, 324, 342
Cao Đài, đạo 67, 74, 96, 131, 133, 138, 145, 146
Cao Đăng Chiếm 205-207
Cao Giao 6 (ảnh), 111-113, 174, 250, 251
Capa, Robert 284
Caravelle, khách sạn 284, 320, 321
Castro, Fidel 127, 174, 292
Catinat, đường (đường Đồng Khởi) 17, 80, 81, 94-96, 110, 200, 208, 243, 250, 286, 319, 321. Xem thêm Đài phát thanh Catinat
Cẩm Nê 234-236, 238
Cần Thơ 58-60, 68, 76, 77, 79, 105
Câu lạc bộ Marxist (Sài Gòn) 83
CBS (hãng) 233, 294, 357
Cheney, Dick 369
Chí Hòa, nhà tù 113, 251
Chiến dịch Hồ Chí Minh 77, 326, 327, 407 chiến tranh chống du kích 114, 144, 155
Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất 22, 81, 116, 129, 135, 190, 303, 406

Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai 104, 173, 389, 406. Xem thêm
Chiến tranh

Việt Nam chiến tranh hiện đại 116 chiến tranh hóa học 299 chiến
tranh nhân dân 103, 117

chiến tranh tâm lý 108, 109, 114, 116

Chiến tranh thế giới thứ ba 291

Chiến tranh thế giới thứ hai 59, 68, 70, 85, 93, 114, 115, 132, 133,
140, 163, 168,

171, 224, 291

Chiến tranh thế giới thứ nhất 72 chiến tranh tổng lực 103

Chiến tranh Triều Tiên 170, 224

Chiến tranh Việt Nam (chống Mỹ) 13, 15, 35, 48, 77, 104, 129, 144,
172, 207, 281,

302, 337, 339, 373, 397. Xem thêm Chiến tranh Đông Dương lần
thứ hai

Chín Chi (Nguyễn Thị Mỹ Linh) 200-204, 320, 380, 389

Chín Hàm, nhà tù 174

Christian Science Monitor 16, 220, 225, 391 chủ nghĩa cộng sản 52,
61, 69, 70, 84, 87 chủ nghĩa thực dân 100

chuồng cọp 44, 186, 270, 353 367-369. Xem thêm Côn Đảo

CIA. Xem Cục Tình báo Trung ương Mỹ

CID. Xem Cục Điều tra Hình sự CIO. Xem Phủ Đặc ủy Trung
ương Tình báo Việt Nam

Clausewitz, Karl von 103-104

Cloud, Stanley 283, 385, 386, 390

Colby, William 295

Conein, Lucien “Luigi Đen” 129, 131, 140, 152, 216

Continental Palace, khách sạn (Sài Gòn) 49, 134, 239, 250, 256, 307, 318, 321, 344

Côn Đảo 43, 44, 66, 67, 74, 102, 186, 263, 268, 270, 350, 353, 359, 360-365, 368371, 377, 388

Công ty Đông Ấn (của Anh) 363

Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) 231 Củ Chi 219, 265, 270, 272, 318. Xem thêm địa đạo Củ Chi

Cục Điều tra Hình sự (CID) Nam Việt Nam 228

Cục Tình báo chiến lược Mỹ (OSS) 122, 205

Cục Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) 216, 219, 221, 222, 233, 239, 240, 247, 251,

275, 281, 290-295, 322, 328, 334, 335, 341, 346, 352, 357, 369 Deepe, Beverly Ann 221, 225-227, 231-234, 238, 330 déesse (nữ thần hộ mệnh) 35, 170, 200, 221, 225, 330

Dewey, A. Peter 205-207

Dinh Độc Lập 164, 208, 257, 298, 308, 313, 331, 352, 353

Dooley, Tom 131, 132, 143

Dulles, Allen 154, 294

Dulles, John Foster 154 Đà Nẵng 131, 227, 233, 236, 364

đài phát thanh Catinat (lò tin đồn, thông tấn xã via hê) 17, 243, 251, 319

Đảng Cần Lao 153, 155

Đảng Cộng sản Việt Nam 19, 102, 187, 200, 207, 208, 343, 373, 404

Đảng Đại Việt 69

Đạo Cao Đài. Xem Cao Đài, đạo

Đạo Hòa Hảo. Xem Hòa Hảo, đạo Đặng Trần Đức. Xem Ba Quốc địa đạo Củ Chi 18, 205, 219, 264, 270, 272, 297, 303, 311, 315, 350

Điện Biên Phủ, trận 104, 115, 119, 120

Đoàn Cố vấn Viện trợ Quân sự (MAAG) 123, 152, 156

Đỗ Ngọc Thanh 83 đường Catinat. Xem Catinat, đường Đồng Khởi, đường. Xem Catinat, đường đường Đồng Khởi. Xem Catinat, đường

đường Gia Long (đường Lý Tự Trọng). Xem Gia Long, đường

Đường mòn Hồ Chí Minh 325, 350, 383, 405

Đường mòn Sihanouk 274, 325

Eiffel, Gustave 92, 323

Ellsberg, Daniel 127, 128, 142, 391

Fall, Bernard 115

FitzGerald, Frances 224

Flynn, Sean 285-288

Franchini, Mathieu 94, 134

Franchini, Philippe 135, 345-349, 391

G5 (phòng Chiến tranh tâm lý thuộc Bộ Tổng tham mưu Quân đội Quốc gia Việt Nam) 108, 110, 113, 114, 120, 125

Gart, Murray 283, 329, 230, 338

Gia Định 51, 57, 230

Gia Long (Nguyễn Ánh) 363

Gia Long, đường (đường Lý Tự Trọng) 322

Givral, quán cà phê 17, 95, 96, 141, 208, 239, 242, 245, 246, 307, 319, 320, 322, 338, 348

Greene, Graham 20, 32, 92-101, 118, 145-149, 152, 164, 285, 345, 374

Hai Trung 264, 402. Xem thêm Phạm Xuân Ân, Trần Văn Trung

Hải Phòng 41, 47, 70
Halberstam, David 20, 21, 26, 27, 117, 220, 235
Halliburton 369 heroin. Xem bạch phiến Hickey, Gerald 189, 190
Hiệp định Geneva (1954) 124, 129, 137, 406
Hiệp định Hòa bình Paris 326
Hilton Hà Nội 350
Hoa Kỳ (Mỹ) 21-29, 31, 32, 35, 37, 44, 52, 58-61, 63, 80, 82, 83, 85, 86, 88, 91, 94-96, 103, 104, 110, 112, 114-117, 122, 126, 129, 136, 138, 142, 153, 156, 161, 170, 172, 177-179, 181, 185, 224, 231, 237, 254, 279, 280, 309, 319, 340, 358, 367, 375, 386, 391
Hòa Hòa, đảo 67, 74, 133, 138
Hoàng Thị Thu Nhạn (vợ Phạm Xuân Ân) 32, 200, 204, 271, 336, 337, 377, 388
Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) 18, 19, 25, 36, 41, 44, 69, 70, 83, 85, 86, 101, 107, 132, 137, 162, 207, 270, 274, 283, 347, 352, 366
Huế 14, 36, 38, 39, 42, 50, 55, 66, 107, 191, 299, 337, 364
International Herald Tribune 225
Jackson, Charles "C.D." 291
Johnson, Lyndon B. 235, 255, 299, 310
Karnow, Stanley 249, 337, 340, 390
Kennedy, Robert F. "Bobby" 84
Kennedy, John F. "Jack" 84, 86, 87, 216, 337
Kennedy, Patricia 84
Kent, Sherman 108, 109
Khe Sanh, trận 226
Khmer Đỏ 286, 303, 342 Khrushchev, Nikita 181

khu trù mật 117, 189, 190-192. Xem thêm ấp chiến lược
Kissinger, Henry 14, 102, 176, 327, 330, 350
La Bruyère, Jean de 62, 372
La Fontaine, Jean de 62, 357
Lam Son 719, Chiến dịch 325, 326, 331, 383
Lansdale, Edward 32, 108, 122-157, 182, 216, 249
Larsen, Jonathan 283
Lattre de Tassigny, Jean de 82, 84, 86, 237, 365
Lê Đức Thọ 102, 104, 105, 200, 350
Lê Văn Viễn. Xem Bảy Viễn
Le Monde 243, 344, 385
Lịch sử quá trình ra quyết định của Mỹ về Việt Nam. Xem Tài liệu mật của Lầu
Năm Góc
Life, tạp chí 97-99, 279, 280, 285, 291, 292, 294, 367, 369
Los Angeles Times 253, 255, 339
Luce, Claire Booth 99
Luce, Henry 99, 253, 279, 280-282, 291-294
Lycée Pétrus Ký, trường 81, 303
MI6 (Tinh báo Anh) 93 ma túy 118, 120, 133, 134, 277
MAAG. Xem Đoàn Cố vấn Viện trợ Quân sự
Mai Chí Thọ 102, 162, 163, 349-352, 380, 389
Mankiewicz, Joseph 145-148
Mặt trận Dân tộc Giải phóng (miền Nam Việt Nam) 209, 241, 305, 333, 347
McCain, John 350
McClatchy, Eleanor 175, 176, 255

McCoy, Alfred 118, 119, 134, 135
McCulloch, Frank 253-260, 281, 283, 339, 340, 341, 386, 387
McNamara, Robert 336
Meyer, Lee 167, 172, 186, 343
Mohr, Charley 254
Morrison, Norman 336
Mũ nôi Xanh, Lực lượng 117 Mùi Hương (Trần Quốc Hương)
162, 163, 173-175, 201, 204
Murphy, Audie 148, 285, 286
Mỹ. Xem Hoa Kỳ
Mỹ Lai, vụ thảm sát 236
Mỹ Tho 71, 77, 80
Nam Hàn (Nam Triều Tiên) 201, 211, 267
Nam Việt Nam. Xem Việt Nam Cộng hòa
Newsweek 112, 172, 221, 225, 239, 327, 337
New York Herald Tribune 16, 227
New York Times 18, 127, 148, 220, 252, 294, 385, 397
Ngô Đình Cẩn 136, 163, 173, 174
Ngô Đình Diệm 112, 132, 135, 136, 138, 139, 143, 164, 188, 201, 208,
215, 216,
263, 270, 296, 297, 253, 254
Ngô Đình Luyện 137
Ngô Đình Nhu 137, 154, 188
Ngô Đình Thục 137
Nguyễn Cao Kỳ 306, 371
Nguyễn Hưng Vương 111, 113, 250, 251
Nguyễn Khải 27, 334

Nguyễn Ngọc Loan 237, 328
Nguyễn Thị Ba 106, 261
Nguyễn Thị Bình 43, 333
Nguyễn Thị Ngọc Hải 109, 262, 334 Nguyễn Thị Sê 314, 317
Nguyễn Văn Tàu. Xem Tư Cang
Nguyễn Văn Thiệu 242, 259, 327, 353, 371
Nguyễn Văn Thương 262-264, 266, 268
Người Mỹ trầm lặng (phim của Mankiewicz) 145, 166 Người Mỹ
trầm lặng (phim của Noyce) 345, 346.
Người Mỹ trầm lặng (của Greene) 78, 94-97, 100, 141, 145, 149,
153, 164, 352, 374
Người Mỹ xấu xí 145
Nixon, Richard 326, 382, 404 Noyce, Philip 345, 346 nữ thần hộ
mệnh (của Phạm Xuân Ẩn). Xem deesse
OCC. Xem Trường cao đẳng Orange Coast O'Daniel, John "Mike
Thép" 122
Page, Tim 287
Phái bộ liên lạc và huấn luyện (TRIM) 123
Phái bộ Quân sự Sài Gòn (SMM) 108, 128, 148
Phạm Ngọc Thạch 69, 83, 84, 90, 91, 205
Phạm Ngọc Thảo 352, 354, 355
Phạm Thị Cúc (em gái Phạm Xuân Ẩn) 89
Phạm Văn Đồng 270 Phạm Xuân Ẩn
cứu giúp các nhà báo bị bắt 285-287, 288-289
đi quân dịch và làm sĩ quan quân đội Nam Việt Nam 107, 108,
120, 149, 155-157 được huấn luyện làm tình báo 91, 108-109 gốc gác
gia đình 36-40, 46-49, 260

hoạt động tình báo 20, 22, 24, 90-91, 149, 155, 207, 212-213, 215-216, 218-220, 227, 229, 247, 260-262, 264, 269-270, 272-279, 287-288, 326-327, 351-352 hôn nhân 119-200, 204 kết nạp Đảng 101, 102, 104-105 khiếu nại hươc 23, 35-36, 142, 342 làm công chức 88, 92

làm báo 16, 20, 166-167, 171, 172, 175, 177, 220-221, 224, 227-229, 231, 233-234,

242, 247, 371

làm phiên dịch 149, 150, 189, 193, 224, 226, 243-246

làm phóng viên Time 16, 19, 221-222, 253-260, 279, 282-290, 319, 327, 330, 333 làm việc tại G5 108-110, 114, 120

làm việc tại Reuters 198, 199, 208-210, 212-214, 217-221 làm việc tại Việt Tấn Xã 196-198 lên phim 345, 347-348, 381 nghỉ hưu 343, 345

ở nước Mỹ 166-187

phụ tá cho Trần Kim Tuyến 188, 189, 190-191, 193-195 qua đời 23, 382

quan hệ với phụ nữ 105, 167, 170, 172, 201-204, 221, 225-227, 231, 233, 261 ra đời 35 tang lễ 384-387

tham gia cách mạng thời kỳ đầu 52, 68, 72-76, 79-83 tham gia chiến đấu 23, 75-76, 156-157 thăng thiếu tướng 335, 342 thời đi học 53-56, 57, 59-63

thú nuôi chim, thú và làm vườn 32, 33, 91-92, 336, 377, 381 thưởng huân huy chương 19, 21, 24, 271, 327, 382-383 thử lửa lần đầu (baptême de feu) 72, 75-78

Tổng tấn công Tết Mậu Thân (1968) 229, 297-302, 306-311 tuổi thơ 50-63

Phạm Xuân Ân: A General of the Secret Service (Tướng tình báo chiến lược) 230, 344

Phạm Xuân Ân: Tên Người Như Cuộc Đời 342

Phạm Xuân Dương (ông nội Phạm Xuân Ân) 36, 39 Phạm Xuân
Đính (em trai Phạm Xuân Ân) 173, 174, 201

Phạm Xuân Giai (anh họ Phạm Xuân Ân) 107, 108, 113, 155, 163
Phạm Xuân Hòa (em trai Phạm Xuân Ân) 201 Phạm Xuân Hoàng Ân
hay “Ân Con” (con trai Phạm Xuân Ân) 338, 372

Phạm Xuân Hùng (cụ nội Phạm Xuân Ân) 36, 39

Phạm Xuân Viễn (cha của Phạm Xuân Ân) 36-38, 46, 49, 59, 79

Phan Chu Trinh 43, 44

Phillips, Rufus 140, 151-154

Phnom Penh, Campuchia 18, 240, 241, 249, 286, 342

Phòng Nhì 93, 100, 107, 109, 110, 113, 119, 133, 135, 152, 155

Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Việt Nam (CIO) 228, 275, 326

Phượng hoàng, Chương trình 117, 299, 376

Prouty, L. Fletcher 135, 144, 145

Pyle, Alden 95, 97, 98, 141, 145, 149, 207, 226, 338, 346, 352. Xem
thêm Greene,

Graham; Người Mỹ trầm lặng

“Quân đội Mỹ và những bài học từ Việt Nam” (Petraeus) 12

Quỹ Á châu 162, 167, 175, 177, 181, 184-186, 196, 343, 357

Quốc dân Đảng Việt Nam 68, 74

Rạch Giá 46, 49, 60, 72-74, 79, 191

Ramsey, Doug 232, 233, 341, 391

Reuters 16, 93, 198, 199, 208, 210, 212, 217, 218, 220, 221, 222, 224,
293, 331, 346

Rhodes, Alexandre de 39

Sacramento Bee 166, 175, 176, 177, 255, 339

Safer, Morley 233-235, 256, 357

Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh) 16-18, 30, 37, 42-44, 51-59, 64-66, 70, 76, 77, 79, 80, 81, 83, 84, 88-90, 92, 94-99, 108, 113, 115, 119, 125-128, 133-135, 139-141, 145, 149, 164, 173, 174, 182, 186-189, 196, 197, 201-206, 208, 209, 213-216, 218, 219, 222, 227-232, 237-239, 241, 244, 246, 248, 250, 301, 303, 306-308, 312-315,

317, 320, 321, 327, 328, 351, 352-355, 359, 364, 370, 380, 385

Shaplen, Peter 247, 248

Shaplen, Robert 22, 25, 143, 152, 225, 238-246, 248, 249, 250-252, 287, 319, 332,

337

Sheehan, Neil 213, 231, 356

Sihanouk, Norodom 274, 286, 325

Smark, Peter 198, 208

SMM. Xem Phái bộ quân sự Sài Gòn

Snepp, Frank 219, 239, 241, 251, 252

Sorge, Richard 355

Sở Mật thám Pháp 42

Sở Nghiên cứu Chính trị, Văn hóa và Xã hội 188

Stone, Dana 286

Stone, Oliver 144

Tài liệu mật của Lầu Năm Góc (Lịch sử quá trình ra quyết định của Mỹ về Việt

Nam) 127, 128, 137

Taieb, Alain 345, 347, 390

Tám Hà (Trần Văn Đắc) 229, 230

Tám Thảo (Nguyễn Thị Mỹ Nhung, Yên Thảo) 201-205, 298, 320, 322

Tarzan 52, 56, 58 Tây Ninh 89, 232

“Thế kỷ của nước Mỹ” (Luce) 280 Thompson, Robert 114
Thu Nhận. Xem Hoàng Thị Thu Nhận
tình báo chiến lược 108, 122, 195, 205, 207, 208, 241, 270, 271, 273,
308, 394, 406 Time, tạp chí 16, 19, 48, 74, 221, 222, 249, 253, 255, 259,
260, 279, 282-285, 289,
290, 294, 306, 310, 318, 327, 328, 330, 331, 333, 335, 338, 348, 385
Tongas, Gérard 357
Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) 77, 229, 237, 297-
301, 306-311,
313, 314, 318, 319, 323, 325, 337, 353, 376
Trần Kim Tuyến 163, 188, 189, 195-197, 268, 275, 328, 329
Trần Lệ Xuân (bà Nhu) 137
Trần Tử Thanh 328, 391
Trần Văn Đắc. Xem Tám Hà
Trần Văn Ôn 81, 83, 203 Trần Văn Trà 77, 298, 301
Trần Văn Trung 18. Xem thêm Phạm Xuân Ẩn, Hai Trung
TRIM. Xem Phái bộ liên lạc và huấn luyện
Trịnh Minh Thế 95, 145-147
Trinquier, Roger 114-121
Trung Quốc 18, 38, 42, 47, 49, 66, 69, 91, 103, 104, 113, 115, 118,
181, 250, 280,
305, 306, 323, 334, 342, 372, 376
Trung ương Cục miền Nam Việt Nam 90, 262, 310
Truồi 55, 57
Trường Phân tích Tình báo Sherman Kent 158
Trương Vĩnh Khánh (thầy giáo của Phạm Xuân Ẩn) 60, 62, 76, 77
Turner, Nick 208-210, 213, 215-218, 220-223, 331, 390

Tư Cang (Nguyễn Văn Tào) 229, 230, 297, 298, 301-318, 323, 353, 385, 389

U Minh, rừng 37, 46, 49, 50, 60, 73, 102

United Press International (UPI) 218, 293

UPI. Xem United Press International

Vann, John Paul 214, 231, 232

Việt Cộng 10, 173, 195, 212-215, 217, 218, 233, 237, 243, 260, 288, 298, 301, 317, 318, 355, 376

Việt Minh 23, 40, 50, 75, 77, 78, 83, 85, 90, 100, 103, 115, 118, 119, 124, 133, 134, 137, 164, 173, 190, 193, 206, 237, 238, 263, 270, 316, 352, 354, 365

Việt Nam 13-15, 17-29, 31, 34, 36, 37, 38-45, 47-49, 52, 56-58, 60, 61, 63, 65, 67, 68, 70-72, 74, 79, 81, 82, 84-86, 88, 91-108, 110, 112-117, 120, 123-128, 131-133,

136-139, 141-147, 150-154, 156, 158, 159, 161-164, 166, 168, 170, 172, 173, 175-177, 182-187, 190-193, 200, 205-212, 216, 218, 221-226, 231, 232, 237-240, 244-250, 256-259, 271-279, 282-289, 296, 299, 308-318, 321-330, 331-335, 337-339,

340-350, 352-359, 361-368, 373-376, 380-390

Bắc Việt Nam (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) 16, 17, 36, 46, 74, 83, 88, 128-130, 139, 162, 164, 212, 229, 240, 278, 299, 305, 325, 341, 352, 358, 375, 376, 379 chữ viết 39

đấu tranh chống ngoại xâm 28, 40-42, 48-49, 52, 80-81, 85-87, 103-104, 334-335 đổi mới 30

lịch sử 64, 67-70, 361-364

Nam Việt Nam (Việt Nam Cộng hòa) 24, 27, 37, 43, 65, 82, 108, 122, 125, 131, 135-139, 143-145, 150-156, 162, 163, 173, 188, 191-196, 198, 203, 209, 214-216, 227-230, 244, 254, 258, 259, 263, 266, 267, 270, 275-278, 285, 297, 298, 300, 309,

310, 325-328, 330, 333, 341, 353, 354, 364, 368, 371, 375, 376, 380, 382, 385

Pháp cai trị 40-43, 48, 74 tín ngưỡng 44-46

Việt Nam hóa chiến tranh 379

Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDD) 68, 74

Việt Tấn Xã 196, 208

Võ Nguyên Giáp 18, 25, 100, 270, 274, 309, 310

Võ Thị Sáu 364-367

VTX. Xem Việt Tân Xã

Vũ Ngọc Nhạ (Vũ Đình Long) 262, 352-354

Vũng Tàu (Cap Saint Jacques) 119

Watergate, vụ 293, 327

Westmoreland, William 230, 299, 300, 310

Wheeler, Earle "Bus" 299, 300

Wisner, Frank 292, 293

THE SPY WHO LOVED US:

The Vietnam War and Pham Xuan An's Dangerous Game.

Copyright © 2009 by Thomas A. Bass

This is partial translation of THE SPY WHO LOVED US. Parts of the text have been omitted or altered.

Copyright arranged with: InkWell Management, LLC 521 Fifth Ave, 26th Floor, New York, NY.10175, USA.

through Tuttle-Mori Agency Co., Ltd

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh, The Spy Who Loved Us: The Vietnam War and Pham Xuan An's Dangerous Game của Thomas A. Bass. **Có lược bỏ hoặc sửa đổi một số đoạn trong nguyên bản**. NXB PublicAffairs.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam, 2014.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

Phần bổ sung và hiệu đính © 2014 Bùi Xuân Bách & pro&contra & Thomas A. Bass

Chú thích

[1] Ghi chú: Những đoạn bị kiểm duyệt cắt bỏ được bổ sung bằng chữ đỏ in đậm. Những đoạn bị kiểm duyệt sửa đổi được hiệu đính bằng chữ đỏ. Những đoạn dịch thiếu chính xác nhưng không nhất thiết do kiểm duyệt sửa đổi được hiệu đính bằng chữ xanh.

[2] Trong thần thoại Hy Lạp, Helen là con gái thần Zeus, vợ vua Menelaus. Việc nàng bị Paris bắt cóc đem về thành Troy là nguyên nhân nổ ra cuộc chiến tranh Troy. (Chú thích trong sách đều của người dịch và Ban biên tập tiếng Việt.) 3 Biệt danh của Tổng thống Mỹ Dwight David Eisenhower.

[3] Xem chi tiết hơn ở trang 334.

[4] Xem danh sách các huân chương, huy chương tặng thưởng cho Phạm Xuân Ân ở phần "Chú thích" cuối sách, trang 404-408.

[5] Tiếng Latin: *Terra incognita* nghĩa là mảnh đất chưa biết, *terra nova*: đất mới.

[6] Cái tổ (tiếng Nga).

[7] Đảo Quý: tên gọi hòn đảo chuyên giam tù (cho đến năm 1952) ở Guiana (Guyane) thuộc Pháp.

[8] *Baptême de feu* nghĩa đen là "rửa tội bằng lửa đạn", nghĩa bóng là "lên thử lửa đầu tiên".

[9] Trong ngành tình báo gọi là giao thông viên.

[10] Algiers là thủ đô của Algeria.

[11] Năm 27-28 tuổi (1928 hoặc 1929) Ngô Đình Diệm được thăng tuần vũ (trương đương tỉnh trưởng) tỉnh Bình Thuận. Những tư liệu khác nói rằng ông được thăng quan đạo Ninh Thuận năm 1926. Đây

là tính theo năm sinh chính thức (1901). Ngày sinh của ông cũng bị tranh cãi, có nguồn nói ông sinh năm 1987.

[12] Bảy Viễn không phải là đảng viên cộng sản mà chỉ theo Việt Minh một thời gian ngắn, từng lên đến chức Khu bộ phó Chiến khu 7 của Việt Minh.

[13] Câu nói nhắc lại nguyên văn nhan đề cuốn sách của Bernard Fall viết về Điện Biên Phủ (Hell in a very small place), được dịch sang tiếng Việt là *Điện Biên Phủ - một góc địa ngục*, NXB Công an Nhân dân, 2004.

[14] Hiện nay là Quỹ châu Á, một tổ chức phi chính phủ.

[15] Thang điểm ở Mỹ, gồm 5 bậc, từ A (cao nhất) đến E (hoặc F thay cho E) (thấp nhất), có thể thêm cộng (+) hoặc trừ (-).

[16] Trào lưu chống cộng do thượng nghị sĩ McCarthy (1908-1957) khởi xướng, kèm theo các cuộc điều tra lớn trong chính phủ Mỹ và những tổ chức khác vào những năm 50, sa thải hoặc bắt giữ những người bị tình nghi là cộng sản.

[17] Nữ ca sĩ Pháp gốc Hoa Kỳ.

[18] Tên gọi tắt của Ủy ban An ninh Quốc gia Liên Xô.

[19] Tên thật là Nguyễn Thị Mỹ Nhung, sau đổi là Yên Thảo.

[20] Tên thật là Nguyễn Thị Mỹ Linh.

[21] Nhân vật không được hoan nghênh (thuật ngữ ngoại giao).

[22] Tên gọi chính thức là Nha Liên lạc, thành lập ngày 15-7-1951.

[23] Continental có nghĩa là “lục địa”.

[24] Nhà văn và triết gia hiện sinh Pháp, người từ chối giải Nobel văn chương.

[25] Nhóm tám trường đại học có uy tín về mặt học thuật và xã hội ở miền Đông nước Mỹ: Harvard, Brown, Cornell, Yale, Princeton, Đại học tư Pennsylvania, Dartmouth (College) và Coulumbia.

[26] Chuck: Một cách gọi suồng sã, thân mật.

[27] Cuốn sách tiếng Anh do NXB Thế giới ấn hành, dịch từ loạt bài nhan đề “Tuồng tình báo chiến lược” đăng trên báo *Thanh Niên* (năm 2001) của Hoàng Hải Vân và Tấn Tú.

[28] Tức CIA.

[29] Hãng điện báo trước đây, nay chuyên về giao dịch tài chính điện tử.

[30] Lời nói khinh thường chỉ một người gốc gác Trung Hoa, đại loại như “Ba Tàu” trong tiếng Việt.

[31] Nhân vật phụ trách mục giải đáp tâm tình nổi tiếng trên báo chí.

[32] Hòn đảo ở Nam Australia.

[33] Tức Rufus.

[34] Wurlitzer: thương hiệu của một công ty Mỹ chuyên sản xuất nhạc cụ.

[35] Nhà kinh tế học người Anh, cố **xúy** cho nền kinh tế thị trường tự do.

[36] La Dolce Vita tiếng Ý nghĩa là “cuộc sống êm ái”.

[37] Nay là đường Lý Tự Trọng.

[38] “Thời kỳ tươi đẹp”: giai đoạn từ cuối thế kỷ 19 trước Chiến tranh thế giới thứ nhất ở Pháp, với sự phát triển văn hóa, kiến trúc rực rỡ.

[39] Khoảng 30 kilômét.

[40] Việt Cộng.

[41] Loạt bài này nhan đề “Giải mã Phạm Xuân Ẩn” của Hoàng Hải Vân.

[42] Cuốn này đã được dịch sang tiếng Việt với nhan đề *Câu chuyện khác thường về một điệp viên đã thách thức nước Mỹ*.

[43] Từng làm bộ trưởng Tư pháp trong Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, sau năm 1975 trốn ra nước ngoài.

[44] Họa sĩ siêu thực Tây Ban Nha (1904-1989).

[45] Tỉnh Kiến Hòa ngày nay là Bến Tre, ở phía Tây Nam Sài Gòn.

[46] Nhạc sĩ Pháp (1835-1921)

[47] Brunehilda là vở nhạc kịch do Guirand bắt đầu viết từ 1889, đến 1892 ông lâm bệnh qua đời, nên đã ủy thác cho Camille Saint-Saëns.

[48] Một đảo lớn của Indonesia.

[49] Phiên âm Hán Việt là Bá Đa Lộc.

[50] Tức ngày Quốc khánh Pháp.

[51] Bánh số 3B (tiếng Pháp).

[52] Phá hoại thanh danh bằng các thủ đoạn như vu khống, bôi nhọ.

[53] Giống cây cảnh có tác dụng lọc độc tố, thường gọi là cây huệ hòa bình (dịch từ tên gọi thông thường peace lily) hoặc lan Ý, nhưng thực ra không phải là lan mà thuộc họ Ráy (Araceae).

[54] Lấy ý câu thành ngữ “Một con báo không thể thay đổi được các vết đốm trên mình nó.”

[55] Chú mèo cười nổi tiếng trong tác phẩm *Alice ở xứ sở kỳ diệu* của Lewis Carrol.

[56] Đặt tại Đại học Công nghệ Texas, Lubbock, bang Texas, Hoa Kỳ.

[57] Học viện quân sự của Pháp.

[58] Huân chương Chiến thắng thưởng công cho những người tham gia kháng chiến chống Pháp và từ năm 2003 không còn nằm trong hệ thống khen thưởng.

[59] Trong trận lính Mỹ đánh nhau với thổ dân da đỏ năm 1876, Trung đoàn 7 kỵ binh Mỹ gồm hơn 700 quân bị mất 268 lính, kể cả trung đoàn trưởng là trung tá George A. Custer.

Mục lục

[Lời nói đầu](#)

[Đôi lời cảnh báo về điệp viên Z.21](#)

[Cuộc thử lửa đầu tiên](#)

[Công việc của bầy chó săn](#)

[Ghép nã](#)

[Những chuyến đi ở nước Mỹ](#)

[Trò lợi dụng lòng tin](#)

[Những nguồn tin đáng tin cậy](#)

[Tết](#)

[Một đất nước do Salvador Dali tạo ra](#)

[Một thế giới tươi sáng hơn](#)

[Ghi nhận](#)

[Chú thích](#)

[Chú thích](#)